BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG

CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HOÁ" TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC Ở VIỆT NAM

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN
Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
ThS. PHẠM THỊ THINH

Biên tập nội dung: TS. VÕ VĂN BÉ
TS. HOÀNG MẠNH THẮNG
TS. LÊ HỒNG SƠN
ThS. PHẠM NGỌC KHANG
ThS. NGUYỄN VIỆT HÀ
Trình bày bìa: ĐƯỜNG HỒNG MAI
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG
Đọc sách mẫu: ÁI MINH – HOÀNG MAI
BÍCH LIỄU

CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HOÁ" TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC Ở VIỆT NAM

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA

BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG

CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HOÁ" TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC Ở VIỆT NAM

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2017

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

PGS.TS. PHẠM MINH CHÍNH

TỔ CHỨC BẢN THẢO

PGS.TS. DƯƠNG MỘNG HUYỀN
PGS.TS. VŨ THANH SƠN
TS. TRẦN THỊ MINH
TS. NGUYỄN TRỌNG HÒA

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trải qua hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, tạo thế và lực để đất nước tiếp tục phát triển. Những thành tựu đó đã khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn đất nước và thời đại.

Tuy vậy, do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, bên cạnh những thành tựu đạt được, trong tiến trình đổi mới vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Hiện tượng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay diễn ra rất phức tạp, đặt ra những thách thức to lớn. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (1-2016), một lần nữa vấn đề đạo đức cán bộ, đảng viên được nhấn mạnh: "Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa bị đẩy lùi". Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII chỉ rõ: "Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước... Nhiều tổ chức đảng, đảng viên còn hạn chế trong nhận thức, lơ là, mất cảnh giác, lúng túng trong nhận diện và đấu tranh, ngăn chặn "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; việc đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, tổ chức phản động, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị còn bị động, thiếu sắc bén và hiệu quả chưa cao".

Chính vì vậy, công tác phòng, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên là vấn đề mang tính cấp bách và đòi hỏi phải tập trung nghiên cứu, giải quyết.

Nhằm cung cấp tài liệu về vấn đề trên cho các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách và bạn đọc, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Quốc gia: ***Cơ sở khoa học về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở Việt Nam*** do Ban Tổ chức Trung ương tổ chức thực hiện.

Nội dung cuốn sách gồm ba phần:

Phần thứ nhất làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở Việt Nam hiện nay.

Phần thứ hai làm rõ những nguyên nhân, yếu tố tác động và vấn đề đặt ra trong việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống gắn với phòng, chống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở nước ta.

Phần thứ ba là một số kinh nghiệm quốc tế trong việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái đạo đức, lối sống, tham nhũng và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức liêm chính.

Cuốn sách là tài liệu tham khảo quý nhằm góp phần triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về "tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ".

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 12 năm 2017

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" TRONG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC Ở VIỆT NAM
(Đề dẫn Hội thảo)

PGS.TS. PHẠM MINH CHÍNH*

Hội thảo khoa học: "*Cơ sở khoa học về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức ở Việt Nam*" là một trong những nhiệm vụ nghiên cứu của Đề tài quốc gia, mã số KX04.04/16-20 thuộc Chương trình Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2016-2020 (KX04/16-20) được tổ chức công phu với mục tiêu cung cấp những luận cứ khoa học nhằm lý giải những vấn đề lý luận cần thiết để ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Hội thảo hướng tới các tiếp cận khoa học trong và ngoài nước; khung phân tích lý luận dưới góc độ các môn khoa học xã hội và nhân văn; các lý thuyết liên quan tới suy thoái, tha hóa, "tự

---

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp quốc gia KX04.04/16-20.

diễn biến", "tự chuyển hóa". Hơn nữa, Hội thảo luận giải cách thức, công cụ, cơ chế để ngăn chặn, đẩy lùi hiệu quả việc suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở Việt Nam hiện nay và những vấn đề đặt ra cần giải quyết.

Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ là đòi hỏi cấp bách nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng và củng cố lòng tin của Nhân dân vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhận thức rõ điều này, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nối tiếp từ các đợt "chỉnh huấn", "chỉnh Đảng" mà Đảng và Bác Hồ đã tiến hành vào những năm 1950-1960. Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng trong những năm qua còn nhiều hạn chế, bất cập; nhiều yếu kém, khuyết điểm kéo dài không được khắc phục triệt để, không những không giảm mà còn có chiều hướng gia tăng, trở thành những vấn đề bức xúc trong xã hội, làm giảm sút năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, làm suy giảm lòng tin của Nhân dân đối với Đảng. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII nhấn mạnh: "Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước... Nhiều tổ chức đảng, đảng viên còn hạn chế trong nhận thức, lơ là, mất cảnh giác, lúng túng trong nhận diện và đấu tranh, ngăn chặn "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; việc đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế

lực thù địch, tổ chức phản động, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị còn bị động, thiếu sắc bén và hiệu quả chưa cao”[1].

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn lo ngại về những nguy cơ của một đảng cầm quyền đó là quá trình ngày càng gia tăng của sự thoái hóa, biến chất về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống... của đội ngũ cán bộ, đảng viên với những biểu hiện như hẹp hòi, tham danh vọng, địa vị, hủ hóa, kiêu ngạo, ba hoa, chủ quan. Nguyên nhân của bệnh chủ quan là: “Kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông”[2]. Đó là những lực cản của sự phát triển. Vì vậy, Người yêu cầu Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới; phải đẩy lùi mọi biểu hiện thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên trong điều kiện Đảng cầm quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”[3].

Tại Hội nghị triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và các chỉ thị, nghị quyết khóa XII ngày 27-5-2016, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ rằng trong khi ở nhiều nơi, đời sống nhân dân còn khó khăn, nhiều yêu cầu thiết yếu của quần chúng chưa được bảo đảm, thì có những cán bộ, đảng viên chỉ lo thu vén cá nhân, xoay xở làm giàu, ăn uống chè chén bê tha; thậm chí có người vô trách nhiệm với

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.22-23.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.273.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr. 672.

dân, vô cảm trước những khó khăn, đau khổ của quần chúng. Một số người còn lợi dụng chức quyền để đục khoét, vơ vét của cải của Nhà nước, của tập thể, trở thành những con sâu, mọt tệ hại của xã hội. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng đó là, sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện, giảm sút ý chí chiến đấu; sa vào chủ nghĩa cá nhân, quên trách nhiệm, bổn phận trước Đảng, trước dân; ngại khó, ngại khổ, ngại va chạm; bất chấp đạo lý, dư luận; kỷ luật, kỷ cương không nghiêm của một bộ phận cán bộ, đảng viên không gương mẫu, nói không đi đôi với làm, thiếu quyết tâm chỉ đạo còn diễn ra ở một số tổ chức đảng, cấp ủy viên. Từ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống tất yếu dẫn tới "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Quá trình này diễn ra nhanh chóng, chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hay câu kết với các thế lực thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Trong khuôn khổ Hội thảo, dưới nhiều góc độ và cách tiếp cận khoa học khác nhau, các tham luận đã đề cập tới nhiều vấn đề lý luận, cơ sở lý thuyết đa chiều, khá phong phú, giàu tính gợi mở để đề tài có thêm căn cứ khoa học giải quyết tốt các nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra. Chúng tôi có thể tổng hợp những kết quả thể hiện trong các tham luận như sau:

- Nhóm vấn đề thứ nhất về phương pháp luận, các khái niệm phạm trù cơ bản, công cụ ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái

Nhiều tham luận đã phân tích nhiều góc cạnh các phạm trù cơ bản về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Thuật ngữ "suy thoái về tư tưởng chính trị" lần đầu tiên được Đảng ta chính thức sử dụng trong văn kiện Hội nghị Trung

ương 6 (lần 2) khóa VIII (2-1999). Suy thoái về tư tưởng chính trị thực chất là sự biến đổi theo chiều hướng xấu dần về phẩm chất chính trị của một bộ phận cán bộ, đảng viên, dẫn tới sự xa rời những nguyên tắc, quan điểm chính trị. Sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên hiện nay là sự suy giảm đến mức báo động về đạo đức, lối sống theo chiều hướng tiêu cực, tệ nạn tham nhũng, "lợi ích nhóm", làm ảnh hưởng tới uy tín của Đảng, lòng tin của Nhân dân vào Đảng Cộng sản Việt Nam. "Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ được đề cập trong văn kiện Đảng, là sự diễn biến từ bên trong, tới mức nhất định, là hậu quả của sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; là quá trình tự biến đổi về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống theo chiều hướng tiêu cực, làm mất dần các giá trị chuẩn mực của người đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam dẫn đến suy giảm niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thiếu niềm tin và có thể từ bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn.

Trên cơ sở làm rõ nội hàm các khái niệm và phạm trù liên quan, các tham luận cũng nghiên cứu các tiêu chí nhằm ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Đây là công việc có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ về mặt phương pháp luận và nhận thức luận mà còn là tiền đề, điều kiện, là công cụ để xem xét, phân tích, lý giải những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra.

- Nhóm vấn đề thứ hai về căn nguyên, nhân tố tác động tới hiệu quả ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái

Nhiều tham luận tập trung lý giải nhiều chiều các nguyên nhân khiến cho việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về

tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức không hiệu quả, vướng nhiều hạn chế, yếu kém. Các phân tích đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém trong công tác ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái do nhiều nguyên nhân, bao gồm nguyên nhân khách quan (*xử lý chưa tốt các tác động tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa, cơ chế kinh tế thị trường; sự chống phá của các thế lực thù địch,...*), nguyên nhân chủ quan (*sự yếu kém trong nhận thức hoặc nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; hiệu lực, hiệu quả quản lý chưa cao, kỷ luật, kỷ cương không nghiêm; công tác kiểm tra, giám sát và xử lý kỷ luật đảng còn nhiều hạn chế; sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, đặc biệt thiếu gương mẫu của cán bộ chủ chốt đứng đầu...*). Trong đó, những nguyên nhân chủ quan đóng vai trò quyết định.

Đồng thời, một số tham luận đã phát hiện, dự báo và đánh giá ảnh hưởng của những yếu tố tác động tích cực, tiêu cực đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức ở Việt Nam.

- Nhóm vấn đề thứ ba về kinh nghiệm quốc tế liên quan tới việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái đạo đức, tham nhũng,...

Một số tham luận giới thiệu các nghiên cứu quốc tế về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức công vụ, tham nhũng, hối lộ, trục lợi cá nhân, "lợi ích nhóm", tha hóa quyền lực,... kinh nghiệm quốc tế về phát triển đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính, trách nhiệm, chuyên nghiệp; xây dựng bộ máy hiệu lực, hiệu quả, các

tham luận đã đưa ra các bài học và các hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

Từ các bài học kinh nghiệm của các quốc gia về phát triển đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính, trách nhiệm và chuyên nghiệp (Trung Quốc, Nhật Bản); xây dựng chính phủ liêm chính, minh bạch (Hàn Quốc); xây dựng chế tài xử phạt nghiêm minh đối với cán bộ, công chức suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức (Trung Quốc), kinh nghiệm chống tham nhũng thành công nhờ chuyên chế, làm cho quan chức không dám, không thể, không cần, không muốn tham nhũng (Xingapo); kinh nghiệm sử dụng giáo dục, đào tạo là công cụ cốt lõi trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức trong đội ngũ cán bộ, công chức (Hoa Kỳ)... Các tham luận đã đưa ra những gợi ý hết sức quý báu đối với nhiệm vụ ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức ở Việt Nam.

Như vậy, những kết quả nghiên cứu khoa học thể hiện trong các tham luận là thành quả của trí tuệ, nhiệt huyết và trách nhiệm của các nhà khoa học, các nhà lãnh đạo, quản lý, hoạt động thực tiễn, quan tâm tới công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Tất nhiên, đây mới là những khai phá bước đầu, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn. Hơn nữa, công tác ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, là nhiệm vụ hết sức quan trọng, nhưng vô cùng khó khăn, phức tạp.

Chính vì vậy, Ban Tổ chức Hội thảo đề nghị các quý vị tham gia Hội thảo tiếp tục thảo luận và làm sáng tỏ các vấn đề lý luận sau:

Thứ nhất, cần có tiếp cận đa ngành, đa lĩnh vực trong xây dựng khung khổ lý luận cho việc nhận thức vấn đề ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái. Những vấn đề nghiên cứu của đề tài cần xem xét dưới góc độ của môn khoa học xã hội và nhân văn như chính trị học, triết học đạo đức, kinh tế chính trị, xã hội học và tâm lý học. Không thể nghiên cứu tư tưởng chính trị, đạo đức ở bên ngoài chính trị học và triết học, bỏ qua mối quan hệ của hệ thống chính trị, tư tưởng chính trị, đạo đức với những phạm trù tồn tại, hoạt động, ý thức, quyền lực, đảng cầm quyền,...

Bản chất hiện tượng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" là những vấn đề xã hội, chịu sự chi phối của điều kiện vật chất, các thiết chế xã hội và tác động ngược lại tới các mối quan hệ xã hội. Vì vậy, việc nghiên cứu, thực hiện khảo sát, đánh giá tình hình phải theo các phương pháp xã hội học.

Biểu hiện, hành vi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong xã hội, đặc biệt trong cán bộ, đảng viên là phức tạp, rất nhạy cảm, liên quan tới nhân cách, tư tưởng, lối sống, đạo đức cá nhân mỗi con người. Do đó, việc sử dụng các phương pháp tâm lý học trong nghiên cứu sẽ mang lại những kết quả định tính có ý nghĩa cho đề tài. Việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái gắn chặt với việc điều chỉnh hành vi con người trong những điều kiện hoàn cảnh tổ chức xã hội ở các mức độ khác nhau.

Thứ hai, xây dựng các tiêu chí để đánh giá hiệu quả của việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức. Các tiêu chí đánh giá cần cụ thể, có thể định lượng ở mức có thể, bên cạnh các tiêu chí định tính.

Đây là yêu cầu rất quan trọng của đề tài. Tiêu chí đánh giá là công cụ hữu ích để phân tích so sánh thực trạng công

tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái hiện nay, cũng là căn cứ khoa học, rõ ràng để củng cố các giải pháp để các hoạt động ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái hiệu quả hơn.

Thứ ba, xây dựng, hoàn thiện các công cụ cần thiết, hiệu lực, hiệu quả để ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái; đánh giá khách quan, chính xác hiệu lực của các công cụ đã được Đảng và Nhà nước sử dụng trong thời gian qua. Cần chỉ rõ những vướng mắc về nhận thức, về cơ chế, cách tổ chức thực hiện cần tháo gỡ. Đặc biệt, khuyến khích các phát hiện chỉ ra những lực cản, những mâu thuẫn trong quá trình thực hiện.

Hệ thống các công cụ cần xây dựng, hoàn thiện bảo đảm hiệu lực thực thi cao, hướng tới trả lời các câu hỏi cơ bản là *làm gì, làm như thế nào* để suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" của cán bộ, công chức, viên chức được ngăn chặn, đẩy lùi trong thời gian tới.

Thứ tư, làm rõ các yếu tố tác động (tích cực, tiêu cực) đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Làm rõ các yếu tố tác động như chính trị, pháp lý, kinh tế, xã hội, văn hóa,... và cơ chế tác động của chúng tới hoạt động đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái.

Việc tìm ra yếu tố tác động tích cực và tiêu cực đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến" và "tự chuyển hoá" là nhiệm vụ nghiên cứu quan trọng, góp phần tìm các giải pháp căn cơ, tổng thể cho việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái.

Thứ năm, tiếp tục dự báo sự biến động của bối cảnh quốc tế và trong nước, những thách thức mới, những vấn đề đặt ra có tác động sâu sắc đối với cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi

sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở Việt Nam. Đây là nhiệm vụ quan trọng nhằm đề xuất những giải pháp hiệu quả và thiết thực.

Tham khảo các nghiên cứu quốc tế về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức công vụ, tham nhũng, hối lộ, trục lợi cá nhân, "lợi ích nhóm", tha hóa quyền lực, cơ chế kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị... Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính, trách nhiệm, chuyên nghiệp; xây dựng bộ máy hiệu lực, hiệu quả. Chắt lọc những cơ sở lý luận và thực tiễn hợp lý từ các nước tiên tiến để áp dụng sáng tạo vào điều kiện chính trị, pháp lý của Việt Nam.

Tóm lại, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức là vấn đề cấp bách và vô cùng khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sức mạnh của toàn thể nhân dân. Nghiên cứu cơ sở khoa học của vấn đề này là bước đi công phu, tinh tế đòi hỏi các luận cứ khoa học xác đáng, thuyết phục và tin cậy. Bước đi này cần được thực hiện một cách bài bản, nghiêm túc nhằm tạo sự chuyển biến rõ rệt, mạnh mẽ trong công tác xây dựng Đảng, bảo đảm Đảng Cộng sản Việt Nam ngang tầm với trọng trách lịch sử thời kỳ mới, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, trách nhiệm, năng lực và động cơ đúng đắn, thực sự tiên phong, gương mẫu, phục vụ Nhân dân theo mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Phần thứ nhất

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC Ở VIỆT NAM

TIẾP CẬN VÀ KHUNG PHÂN TÍCH VỀ NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA"

PGS.TS. VŨ THANH SƠN*

ĐỐI TƯỢNG VÀ MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

"Ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ ở nước ta hiện nay: thực trạng, vấn đề đặt ra và định hướng giải pháp" thuộc Chương trình quốc gia nghiên cứu lý luận chính trị, mã số KX04/16-20 giao cho Ban Tổ chức Trung ương thực hiện theo hình thức đấu thầu.

Đối tượng nghiên cứu là ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay. Trọng tâm nghiên cứu chính là *làm gì, làm như thế nào* để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

---

* Phó Vụ trưởng Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương, Phó Chủ nhiệm Đề tài KX04.04/16-20.

Các mục tiêu cơ bản nhất:

- Xác định rõ cơ sở khoa học cơ bản để xác định nội hàm tiêu chí, công cụ đánh giá việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trên cơ sở đó, xây dựng khung phân tích định tính và định lượng phù hợp.

- Phân tích rõ hiện trạng công tác ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; làm rõ những thành công và hạn chế trong công tác này thời gian qua, các căn nguyên, hệ quả suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", cơ chế xử lý; những vấn đề đặt ra cần giải quyết,...

- Đề xuất định hướng giải pháp phù hợp để ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Việt Nam trong thời gian tới.

- Tạo ra những tác động xã hội, ảnh hưởng lan tỏa củng cố uy tín của Đảng và lòng tin của Nhân dân vào Đảng trong công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; góp phần xây dựng xã hội Việt Nam liêm chính, dân chủ, văn minh và phồn thịnh. Nghiên cứu cũng đưa ra các đề xuất, kiến nghị nhằm điều chỉnh, bổ sung các đường lối, chính sách liên quan của Đảng và Nhà nước.

TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Cách tiếp cận

Ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"

bao hàm phạm vi rộng về lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội liên quan và phức tạp về đối tượng nghiên cứu, gồm cán bộ, đảng viên, công chức và các tầng lớp xã hội khác. Chính vì thế, để nghiên cứu phổ quát đề tài, cần phải tiếp cận nội dung từ nhiều môn khoa học, cụ thể như sau:

a) Tiếp cận hệ thống

Nhìn nhận mọi hiện tượng, sự vật trong chỉnh thể hệ thống có mối quan hệ cấu trúc, ràng buộc và quy định lẫn nhau. Dưới cách tiếp cận như vậy, các phạm trù tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống liên quan tới rất nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh tế, xã hội và nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt các khoa học về hành vi con người. Những phạm trù này liên quan chặt chẽ với nhau trong biểu hiện và thể hiện thông qua hành vi con người vận hành trong cùng hệ thống. Những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" thể hiện mức độ chuyển đổi trạng thái mà không nằm ngoài những tác động và dẫn dắt của suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Tiếp cận hệ thống cho phép chúng ta xem xét các phạm trù tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong quan hệ hữu cơ, tương tác lẫn nhau của các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị xã hội.

b) Tiếp cận lôgích và lịch sử, dưới góc độ học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Những hiện tượng, biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" và các biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi cần được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, dựa trên những cơ sở khách quan, tránh phiến diện, duy ý chí.

Sự kết hợp lôgích và lịch sử cho phép nhìn nhận bản chất hiện tượng nghiên cứu theo những cấu trúc hệ thống bền vững bên trong phù hợp với những điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội cụ thể, thích ứng với từng giai đoạn phát triển nhất định. Theo đó, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống diễn ra theo một quá trình, chịu tác động của nhiều yếu tố mang tính lịch sử. Cần xem xét vấn đề trong mối quan hệ biện chứng của chúng, đặt trong điều kiện lịch sử cụ thể.

Suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" gắn với những quá trình, giai đoạn lịch sử nhất định, bị chi phối của nhiều nhân tố khả biến trong xã hội, điều kiện kinh tế.

c) Tiếp cận liên ngành khoa học

Những vấn đề nghiên cứu của đề tài cần nghiên cứu dưới góc độ của môn khoa học xã hội và nhân văn như chính trị học, triết học đạo đức, kinh tế chính trị, xã hội học và tâm lý học. Không thể nghiên cứu tư tưởng chính trị, đạo đức ở bên ngoài chính trị học và triết học, bỏ qua mối quan hệ của hệ thống chính trị, tư tưởng chính trị, đạo đức với những phạm trù tồn tại, hoạt động, ý thức, quyền lực, đảng cầm quyền,...

Bản chất hiện tượng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" là những vấn đề xã hội, chịu sự chi phối của điều kiện vật chất, các thiết chế xã hội và tác động ngược lại tới các mối quan hệ xã hội. Vì vậy, việc nghiên cứu, thực hiện khảo sát, đánh giá tình hình phải theo các phương pháp xã hội học.

Biểu hiện, hành vi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong xã hội, đặc

biệt trong cán bộ, đảng viên là phức tạp, rất nhạy cảm, liên quan tới nhân cách, tư tưởng, lối sống, đạo đức cá nhân mỗi con người. Do đó, việc sử dụng các phương pháp tâm lý học trong nghiên cứu sẽ mang lại những kết quả định tính có ý nghĩa cho đề tài. Việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái gắn chặt với việc điều chỉnh hành vi con người trong những điều kiện hoàn cảnh tổ chức xã hội ở các mức độ khác nhau.

d) Tiếp cận liên tầng, liên cấp và liên lĩnh vực hoạt động

Những khía cạnh vấn đề nghiên cứu bao trùm tất cả đối tượng hoạt động trong các cấp quản lý từ trung ương tới cơ sở và trong toàn bộ lĩnh vực hoạt động của các tổ chức xã hội. Tiếp cận nghiên cứu nhiều đối tượng, tầng lớp xã hội để làm rõ hơn bản chất, căn nguyên của những vấn đề nảy sinh.

Bằng tiếp cận này, những vấn đề về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" được cắt nghĩa từ nhiều góc độ, phạm vi không gian và lĩnh vực hoạt động xã hội, chỉ ra những mối quan hệ qua lại giữa chúng theo chiều ngang và chiều dọc.

Hơn nữa, bằng tiếp cận này cho phép nhận diện những hiện tượng, biểu hiện về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" mang tính phổ biến chung và những hiện tượng, biểu hiện mang tính đặc thù riêng theo phạm vi, cấp độ, tầng lớp và lĩnh vực. Từ đó, định hướng giải pháp đề xuất sát thực tế và khả thi hơn.

2. Các phương pháp nghiên cứu

a) Phân tích - tổng hợp (analysis-synthesis)

Đây là các phương pháp được sử dụng phổ biến. Tổng hợp các nội dung lý luận để xây dựng cơ sở khoa học cho việc

phân tích thực trạng một cách bài bản, có căn cứ. Mặt khác, việc phân tích, đánh giá dưới thực tiễn kinh nghiệm, thực trạng vấn đề, giúp cho việc tổng hợp khái quát thành các luận đề khoa học.

Bằng cách này, nhiều hiện tượng, biểu hiện, số liệu về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" được tổng hợp thành những luận điểm cho giá trị khoa học, hàm ý cho phân tích, đánh giá bản chất. Vấn đề suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" được phân tích từ những góc độ riêng rẽ, ngược lại kết quả nghiên cứu riêng đó được tổng hợp thành những điểm khái quát chung cho cả quá trình vận động của hiện tượng, sự vật. Trên cơ sở đó, những giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" sẽ được luận giải một cách thuyết phục, chặt chẽ và khả thi.

b) Điều tra xã hội học (survey)

Tiến hành điều tra thực địa dựa trên nhiều công cụ điều tra như PRA để thu thập thông tin từ nhiều góc độ của vấn đề nghiên cứu và từ nhiều đối tượng thuộc phạm vi nghiên cứu.

Thực hiện điều tra bằng cách thiết kế bảng hỏi cấu trúc (questionnaire). Xác định tiêu chí điều tra, quy mô mẫu điều tra theo mục tiêu yêu cầu nghiên cứu. Tương ứng với mục tiêu đề ra của đề tài, dự kiến mẫu điều tra, bao hàm trên 31 chỉ tiêu khác nhau để bao quát đủ các tham số liên quan.

Đối tượng điều tra tập trung vào đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong hệ thống chính trị các cấp. Quy mô điều tra bao trùm các cấp hành chính trong cả nước, gồm các địa phương, bộ ngành, lĩnh vực.

c) Tọa đàm chuyên gia/thảo luận nhóm (expertise/group discussion)

Phương pháp này sử dụng nhằm lấy ý kiến khách quan từ nhiều quan điểm và góc nhìn khác nhau, nhằm làm sáng rõ vấn đề cần nghiên cứu. Những thông tin đầy đủ từ nhiều phía như chuyên gia, người trong cuộc, người ngoài cuộc, các nhóm hưởng lợi và bị tác động.

Phương pháp này được coi là một trong những phương pháp hữu ích để thu thập thông tin và trao đổi tri thức liên quan tới đối tượng nghiên cứu. Thông tin thực tiễn và lý luận từ nhiều phía thông qua tọa đàm bổ sung cơ sở dữ liệu (database) cho thông tin thu thập bằng phương pháp bán cấu trúc.

d) Nghiên cứu tình huống (case studies)

Lựa chọn các tình huống có vấn đề nghiên cứu, so sánh đối chứng với những lập luận hiện hữu. Tình huống lựa chọn nghiên cứu bao gồm tình huống trong nước và ngoài nước, chẳng hạn những địa phương làm tốt công tác ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành chuẩn mực đạo đức, phong cách làm việc văn minh,...

Trường hợp điển hình nước ngoài về đấu tranh phòng chống tham nhũng, vi phạm đạo đức công vụ,... chế tài xử lý các vi phạm.

đ) Thống kê mô tả (statistics)

Thống kê mô tả được sử dụng để mô tả những đặc tính cơ bản của dữ liệu thu thập được từ nghiên cứu thực nghiệm qua các cách thức khác nhau. Thống kê mô tả và thống kê suy luận cùng cung cấp những tóm tắt đơn giản về mẫu và các thước đo. Cùng với phân tích đồ họa đơn giản, chúng tạo

ra nền tảng của mọi phân tích định lượng về số liệu. Để hiểu được các hiện tượng và ra quyết định đúng đắn, cần nắm được các phương pháp cơ bản của mô tả dữ liệu. Có rất nhiều kỹ thuật hay được sử dụng. Có thể phân loại các kỹ thuật này như sau: 1- Biểu diễn dữ liệu bằng đồ họa trong đó các đồ thị mô tả dữ liệu hoặc giúp so sánh dữ liệu; 2- Biểu diễn dữ liệu thành các bảng số liệu tóm tắt về dữ liệu.

Phương pháp rất hữu ích cho nghiên cứu về suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Các số liệu thứ cấp và sơ cấp được xử lý cho các mục tiêu nghiên cứu và được diễn đạt thành những công cụ kỹ thuật thống kê cho phép đánh giá xu hướng, mức độ biến thiên của các đối tượng nghiên cứu.

3. Kỹ thuật xử lý số liệu

- Đối với số liệu sơ cấp, sử dụng các phần định lượng như SPSS (hoặc SAS) để xử lý số liệu thu thập được và phân tích các tương quan cần thiết nhằm làm rõ đối tượng nghiên cứu. Bằng những kỹ thuật hiện đại này, các mẫu số liệu điều tra sẽ được xử lý khoa học và chính xác. Trên cơ sở đó, kết quả điều tra sẽ được lượng hóa theo một hệ thống và cho phép sử dụng dữ liệu (database) cho nhiều phân tích khác nhau liên quan tới các khía cạnh của đối tượng nghiên cứu.

Ngoài ra, nhiều kỹ thuật trình diễn kết quả khác cũng được sử dụng tối đa, như các sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh...

- Tập hợp và phân tích số liệu thứ cấp, được sưu tầm từ các nguồn dữ liệu (database) trong và ngoài nước. Các công

trình nghiên cứu khoa học, sách, đề tài, đề án, văn bản pháp quy, quy định của Đảng,...

KHUNG PHÂN TÍCH VÀ ĐẦU RA NGHIÊN CỨU

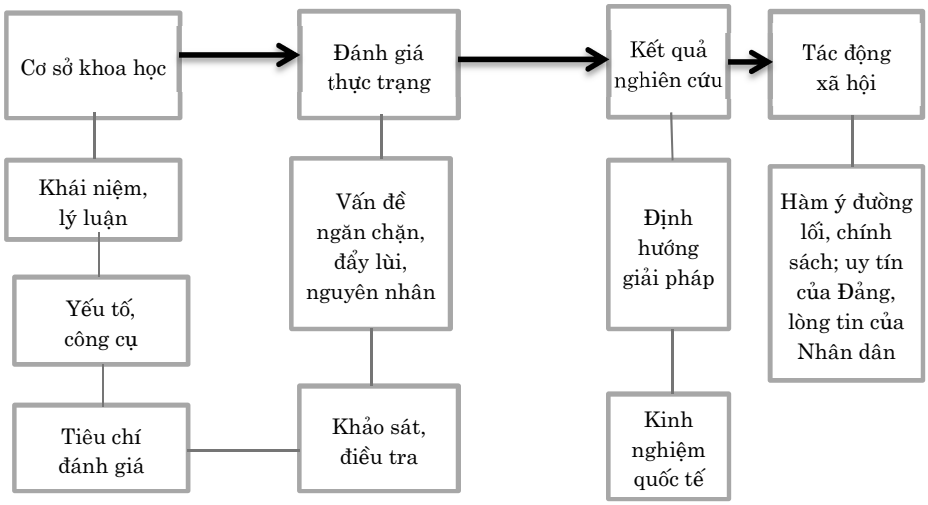

Dựa trên nền tảng khoa học, những vấn đề ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" được xem xét từ nhiều lát cắt nghiên cứu. Số liệu minh chứng từ nguồn thứ cấp thống kê, và nguồn sơ cấp từ khảo sát, điều tra bằng phiếu hỏi. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng, những vấn đề nghiên cứu được khám phá, chỉ rõ nguyên nhân của những vấn đề đặt ra cần giải quyết.

Một trong những đầu ra cơ bản của nghiên cứu là đề xuất các định hướng giải pháp để ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị Việt Nam.

Xây dựng các giải pháp nâng cao nhận thức và tầm quan trọng của việc ngăn ngừa, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Tạo ra sự đồng thuận xã hội cao, hướng tới xây dựng xã hội Việt Nam theo mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Đưa ra hệ thống các tiêu chí đánh giá ngăn chặn, đẩy lùi về suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tự soi mình nhằm khắc phục, sửa chữa và góp ý cho nhau, góp phần chỉnh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu các tổ chức đảng, củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Giá trị của kết quả nghiên cứu là tạo ra những tác động xã hội, ảnh hưởng lan tỏa củng cố uy tín của Đảng và lòng tin của Nhân dân trong công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

Giá trị kết quả nghiên cứu phục vụ tham mưu hoạch định đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước. Đây là cơ sở khoa học để các cơ quan chức năng triển khai các hoạt động nhằm đưa ra giải pháp phù hợp để ngăn ngừa, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong xã hội.

Thiết lập bộ tài liệu hữu ích cho việc giảng dạy và nghiên cứu chuyên sâu của một số bộ môn như Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Triết học, Lý luận chính trị,...

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA"

TS. LÊ QUANG HOAN*

I- NHỮNG TIỀN ĐỀ XUẤT PHÁT

1. Tiền đề lý luận thứ nhất: Tiếp cận từ hai phương diện của phép biện chứng

Trong lịch sử tư tưởng triết học, có hai kiểu của phép biện chứng:

- Phép biện chứng hướng ra thế giới khách quan: Đây là xu hướng chủ yếu của triết học phương Tây, mà triết học Mác là một biểu hiện. Nội dung căn bản của phép biện chứng này quan niệm biện chứng của tự nhiên (biện chứng khách quan) chi phối quyết định đến biện chứng của tư duy (biện chứng chủ quan). Đặc điểm là đề cao nhận thức lý tính, duy lý, chia cắt, hữu hạn, hữu hình, phân tích đối tượng để nghiên cứu, thành các hệ thống tư tưởng thay thế nhau. Theo nghĩa khác, hoàn cảnh khách quan quyết định bản chất của nhận thức, của tư duy con người. Bản chất con người mang tính xã hội -

---

* Phó Tổng biên tập Tạp chí Xây dựng Đảng.

lịch sử. Do đó, muốn cải tạo con người trước hết và giữ vai trò quyết định là phải cải tạo hoàn cảnh, cải tạo xã hội...

- Phép biện chứng hướng vào thế giới nội tâm (phép biện chứng hướng nội). Đây là xu hướng chủ yếu ở các nền văn hóa Ấn Độ, Trung Quốc cổ đại: Tập trung nghiên cứu lĩnh vực tinh thần, những đặc tính, tính chất, quá trình của nhận thức, tình cảm, ý chí con người trong sự (dường như) tách biệt hẳn với thế giới khách quan, bên ngoài. Nội dung căn bản của phép biện chứng này là tìm ra những nguyên tắc, quy luật của nhận thức, tình cảm như là "sự tái hiện", "tự nhận thức thế giới tinh thần", "chiêm nghiệm", "giải thoát", "trầm ngâm", "tập trung tư tưởng - yoga", "đề cao sức mạnh của tinh thần, ý chí, sự tu thân, tu dưỡng đạo đức, trình độ học vấn...". Đặc điểm là thường tư duy về cái vô hạn, siêu hình, chỉnh thể; trên cơ sở hệ thống tư tưởng cốt lõi ban đầu các hệ thống sau chỉ bổ sung, phát triển thêm, không thay thế nhau... Trường phái này cũng khó có thể xếp vào chủ nghĩa duy tâm khách quan như phương Tây, cũng khác với trường phái biện chứng duy tâm chủ quan. Nếu xét ở vấn đề cơ bản của triết học, thì "hơi ngả về duy tâm" - Và thực tiễn lịch sử cho thấy, khuynh hướng này có giá trị nhất định trong lịch sử triết học với ý nghĩa là khoa học về con người, về tư duy...

Vấn đề rút ra là từ hai cách tiếp cận trong lịch sử phép biện chứng, có thể tích hợp, kết hợp cả hai khuynh hướng này trong xây dựng cơ sở lý luận để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống hiện nay. Bởi vì, cần kết hợp giữa cải tạo hoàn cảnh, cải tạo xã hội để cải tạo con người với tự phê bình, tự cải tạo, tự tu dưỡng, tu

thân để cải tạo con người, tiến tới cải tạo xã hội. Không thể chỉ nhấn mạnh mặt này mà coi nhẹ mặt kia.

2. Tiền đề lý luận thứ hai: Quan niệm của C. Mác về sự tha hóa

Phạm trù "tha hóa" được C. Mác trình bày lần đầu tiên và khá tập trung trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*. Đây không phải là tác phẩm hoàn chỉnh, được thể hiện dưới dạng bản thảo có tên "Lao động bị tha hóa" dài khoảng 20 trang. Là một trong những tác phẩm điển hình cho giai đoạn hình thành và phát triển phép biện chứng duy vật mácxít. "Tha hóa" trong triết học tức là nó biến thành cái khác và phải là một cái gì xa lạ, đối lập với cái ban đầu, tức là nó tự đánh mất bản chất và biến thành một bản chất đối lập. Phạm trù "tha hóa" được C. Mác xem xét trong các mối quan hệ: giữa công nhân và tư sản; giữa người lao động với lĩnh vực lao động trong điều kiện của chế độ tư hữu và giữa người làm ra vật phẩm (hàng hóa) với sự thống trị của thế giới vật phẩm (hàng hóa). Theo C. Mác, tha hóa trong lao động với những biểu hiện của nó, chính là sự tha hóa bản chất của con người. Lao động thuộc lĩnh vực bản chất người, của con người, lao động này chỉ khi nào con người làm chủ được, là nhu cầu tự biểu hiện được, thì lao động ấy mới phản ánh bản chất người một cách thuận chiều, phù hợp. Còn lao động trong điều kiện chế độ tư hữu thì nó ở ngoài con người, đây chính là quá trình tha hóa của lao động. Nó đặt con người trong tình trạng nô dịch, xa lạ, đối địch. Sản phẩm làm ra bởi lao động của công nhân cuối cùng lại không nằm trong tay công nhân, nó là của người khác, nên nó vô hình trung quay lại thống trị người công nhân, cho nên sản phẩm

càng nhiều, anh ta càng ít đi chất người, sản phẩm càng đẹp thì anh ta càng trở nên thô lỗ, giá trị con người ngày càng giảm đi, cuối cùng con người bị "vật thể hóa". Về bản chất, "sự chiếm hữu xuất hiện ra là sự tha hóa, sự nhượng đi". Từ đó, C. Mác kết luận: "Xuất phát từ quan hệ của lao động bị tha hóa với sở hữu tư nhân, còn có thể có kết luận thêm rằng sự giải phóng xã hội khỏi sở hữu tư nhân, v.v., khỏi sự nô dịch, trở thành hình thức *chính trị* của *sự giải phóng công nhân*... bao hàm sự giải phóng toàn diện toàn thể người"[1].

Vấn đề rút ra là:

- Đây là những phác thảo đầu tiên trong giai đoạn đầu hình thành chủ nghĩa Mác, tuy còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng và cách diễn đạt Hêghen và Phoiơbắc, nhưng khác với "sự tha hóa của ý niệm tuyệt đối" của Hêghen và "sự tha hóa có tính tộc loại" của Phoiơbắc, C. Mác đi vào nghiên cứu thực tiễn đời sống xã hội, thực tiễn lao động sản xuất để tìm ra căn nguyên của sự tha hóa người lao động. Sau này, trong các tác phẩm *Gia đình thần thánh*, *Sự khốn cùng của triết học*, *Hệ tư tưởng Đức*, nhất là *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, vấn đề "tha hóa" được đề cập rõ ràng hơn về bản chất, căn nguyên, các biện pháp khắc phục. Điều đó khẳng định về phương pháp luận là, vấn đề suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa nằm ở trong đời sống hiện thực, chủ yếu ở lĩnh vực kinh tế, khi nước ta còn đang tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Cán bộ, đảng viên dù xuất thân từ thành phần nào, hoàn cảnh nào, nếu tự nguyện đi theo

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.42, tr.143.

Đảng thì phải gột rửa "những vết tích xấu xa của xã hội cũ"[1] như Hồ Chí Minh đã nói.

- Khẳng định chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất là nguồn gốc của sự suy thoái đạo đức xã hội, nhất định cần phải được thay thế bởi chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Đây là một tất yếu thép bảo đảm sự giải phóng con người triệt để, xây dựng con người phát triển toàn diện. Đây cũng là niềm tin khoa học, lý tưởng chính trị và đạo đức của chúng ta. Tuy rằng đó còn là một chặng đường dài phía trước của nhân loại.

3. Tiền đề lý luận thứ ba: Mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội

Tồn tại xã hội là sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội, bao gồm: Phương thức sản xuất (lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất); điều kiện tự nhiên - hoàn cảnh địa lý; dân số và mật độ dân số... trong đó, phương thức sản xuất vật chất là yếu tố cơ bản nhất. *Ý thức xã hội* là mặt tinh thần của đời sống xã hội, bao gồm: những tư tưởng, quan điểm cùng những tình cảm, tâm trạng, truyền thống... của cộng đồng xã hội, nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Cần phân biệt ý thức xã hội với ý thức cá nhân; ý thức xã hội thông thường và ý thức lý luận; tâm lý xã hội và hệ tư tưởng.

Điểm cần nhấn mạnh ở đây là: Ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội, do tồn tại xã hội quyết định. Nhưng ý thức xã

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.11, tr.602.

hội có tính độc lập tương đối trong quá trình hình thành và phát triển (tính lạc hậu, tính vượt trước, tính kế thừa, sự tác động qua lại giữa các hình thái ý thức xã hội), có tác động tích cực trở lại tồn tại xã hội.

Vấn đề rút ra là:

- Muốn ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống... phải dựa vào các điều kiện vật chất hiện thực ở nước ta như: đặc điểm, tính chất, trình độ phát triển của nền sản xuất; truyền thống văn hóa dân tộc. Ví dụ, đặc điểm nước ta "từ nền sản xuất nhỏ là phổ biến tiến lên chủ nghĩa xã hội", "trong điều kiện các yếu tố kinh tế thị trường chưa phát triển đầy đủ" hoặc "Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để tiếp tục làm rõ"[1]... chi phối rất lớn đến tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Nó cho thấy đây là cuộc đấu tranh lâu dài, thường xuyên, phức tạp, quyết liệt trên lĩnh vực tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống khi các điều kiện vật chất hiện thực chưa đầy đủ, chưa chín muồi.

- Tuy nhiên, vẫn có thể đưa công tác tư tưởng (để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức) lên hàng đầu; coi trọng giáo dục, tuyên truyền... trong khi các điều kiện vật chất chưa có, chưa đầy đủ, là do: tính tiên phong (vượt trước) của tư tưởng khoa học, sự tác động lẫn nhau, tính độc lập tương đối và sự tác động tích cực trở lại của tư tưởng chính trị, đạo đức để có niềm tin vào sự thắng lợi của cuộc đấu tranh này ở nước ta hiện nay.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.67.

- Hình thái ý thức chính trị rất phức tạp, xuất hiện trong xã hội có giai cấp và nhà nước, phản ánh những mối quan hệ chính trị, kinh tế, xã hội giữa các giai cấp, các dân tộc, các quốc gia, cũng như thái độ của các giai cấp đối với quyền lực nhà nước. Hệ tư tưởng chính trị của một giai cấp nhất định phản ánh trực tiếp, tập trung lợi ích giai cấp (biểu hiện tập trung là lợi ích kinh tế). Hệ tư tưởng chính trị được thể hiện trong đường lối, cương lĩnh chính trị, cũng như luật pháp, chính sách của nhà nước (công cụ của giai cấp thống trị). Hệ tư tưởng chính trị được hình thành một cách tự giác, gắn với các chính đảng, tổ chức chính trị, có tác động tích cực đến mức "có thể, trong những giới hạn nhất định, thay đổi cả cơ sở kinh tế" như V.I. Lênin đã chỉ ra. Nếu tích cực, khi hệ tư tưởng chính trị là của giai cấp tiến bộ, cách mạng và có tác động tiêu cực, phá hoại nếu đó là hệ tư tưởng chính trị của giai cấp lỗi thời, phản động.

- Hình thái đạo đức có tính khác biệt ở chỗ điều chỉnh nhận thức và hành vi con người từ rất sớm, khi xã hội chưa có giai cấp, chưa có những giá trị đạo đức mang tính toàn nhân loại. Đạo đức phát triển không tách rời sự phát triển xã hội, dưới dạng các nguyên tắc, quy tắc, điều chỉnh bằng dư luận xã hội. Tuy nhiên, khi xã hội có giai cấp, thì đạo đức mang tính giai cấp sâu sắc, luôn là đạo đức của một giai cấp. Nó biện hộ cho sự thống trị (hay bị trị) của giai cấp trong xã hội. Không thể là người theo đuổi mục tiêu, lý tưởng chính trị là chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản lại không có đạo đức cộng sản (đạo đức cách mạng) và ngược lại, không thể tự nhận mình là người có đạo đức cộng sản (đạo đức cách mạng) lại từ bỏ mục tiêu, lý tưởng cộng sản. Điều này cho thấy, khác với các hình thái ý thức pháp

quyền, tôn giáo, khoa học, giữa hình thái ý thức chính trị và đạo đức có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tuy nhiên, xét ở tính chất phản ánh tồn tại xã hội, nếu hình thái ý thức chính trị "là biểu hiện tập trung của kinh tế", phản ánh trực tiếp thực tại xã hội thì hình thái ý thức đạo đức lại phản ánh thực tại xã hội xa hơn, gián tiếp hơn và chịu sự tác động (thông qua) các hình thái ý thức khác (tôn giáo, khoa học, pháp quyền...). Vì vậy, tính độc lập tương đối của đạo đức khác biệt hơn thể hiện ở tính lạc hậu và bảo thủ mạnh hơn, do đó, cải tạo đạo đức cho tương thích với thực tại xã hội khó khăn và lâu dài hơn.

- Khái niệm "tư tưởng chính trị", "đạo đức", "lối sống" dùng trong văn kiện Đảng ta thực ra là những khái niệm không đồng loại (cùng cấp, bậc) xét về mặt học thuật. Hình thái ý thức chính trị bao gồm: Hệ tư tưởng chính trị và tâm lý, tình cảm chính trị. Tương tự, hình thái ý thức đạo đức bao gồm: Hệ tư tưởng đạo đức và tình cảm đạo đức. "Lối sống" là tổng hợp giữa tri thức, tình cảm và hành vi đạo đức; là hiện thực hóa về mặt nhân cách, trong đó nổi bật là phong cách, tác phong của một cá nhân, một cộng đồng trong sự chi phối về văn hóa, phong tục tập quán nhất định. Nghiên cứu khoa học là cách tiếp cận hệ thống và tổng thể, cần chú ý không chỉ mối quan hệ nhân quả giữa ba khái niệm này, mà còn chú ý mối quan hệ trong một hình thái ý thức: Giữa tình cảm (chính trị, đạo đức) với hệ tư tưởng (chính trị, đạo đức) với hành vi (chính trị, đạo đức, lối sống).

Tuy nhiên, việc Đảng ta nhấn mạnh các khái niệm này (tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống) là từ thực tiễn chính trị đòi hỏi. Trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng, vấn đề suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống là rất đáng lo ngại,

giữ vị trí nổi bật hiện nay. Nếu không đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng này thì sẽ làm suy thoái bản chất cách mạng của Đảng, vì đây là những thuộc tính cơ bản quy định bản chất của Đảng ta.

4. Tiền đề lý luận thứ tư: Mối quan hệ giữa "lượng" và "chất"

Nắm bắt và vận dụng quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại, cần hiểu một số vấn đề sau:

- "Chất" là phạm trù triết học chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng. Là sự tổng hợp những thuộc tính, đặc trưng... làm cho sự vật là nó chứ không phải là cái khác. "Lượng" là phạm trù triết học chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng, biểu thị ở con số các thuộc tính, tổng số các bộ phận, đại lượng, trình độ, quy mô, cấu trúc... của sự vận động, phát triển của nó:

+ Không có "chất" thuần túy, "chất" bao giờ cũng gắn với "lượng", là tổng hợp các thuộc tính. Sự phân biệt giữa "chất" và "lượng" chỉ là tương đối. "Chất" biểu hiện tính thống nhất, toàn vẹn, tình trạng tương đối ổn định của sự vật, hiện tượng.

+ "Lượng" cũng khách quan như "chất" vì nó gắn liền với "chất": "chất" bao giờ cũng có "lượng" của nó, thông qua "lượng" người ta biết được "chất". Vai trò của "lượng" trong quy định về "chất" không giống nhau: có "lượng" cơ bản, có "lượng" không cơ bản; có "lượng" cụ thể, có "lượng" trừu tượng; có "lượng" bên trong, có "lượng" bên ngoài... Sự phân biệt giữa "chất" và "lượng" chỉ là tương đối, tùy từng mối quan hệ, tránh siêu hình.

- Nội dung: Bất kỳ sự vật hiện tượng nào cũng là sự

thống nhất giữa "chất" và "lượng". Sự thay đổi dần dần về "lượng" vượt giới hạn của "độ" sẽ dẫn tới sự thay đổi về "chất" thông qua "bước nhảy". "Chất" mới ra đời sẽ tác động tới sự thay đổi của "lượng".

+ Sự thay đổi (quá trình vận động phát triển) của sự vật, hiện tượng bao giờ cũng đi từ (bắt đầu) sự thay đổi về "lượng" dẫn tới thay đổi về "chất". "Chất" mới ra đời có sự tác động tới sự thay đổi của "lượng".

+ Cần nắm chắc một số khái niệm:

"Độ" là phạm trù triết học chỉ khoảng giới hạn trong đó sự thay đổi về "lượng" chưa làm thay đổi căn bản về "chất".

"Điểm nút" là phạm trù triết học chỉ thời điểm mà tại đó, sự thay đổi về "lượng" đã đủ làm thay đổi về "chất" của sự vật, hiện tượng.

"Bước nhảy" là phạm trù triết học chỉ sự chuyển hóa về "chất" do sự thay đổi về "lượng" gây nên.

Vấn đề rút ra là:

- Trước hết phải minh định rõ nội hàm của "chất" và "lượng" trong "tư tưởng chính trị", "đạo đức" và "lối sống". Tức là những thuộc tính, đặc trưng, tiêu chuẩn... cấu thành nên chất của "tư tưởng chính trị", "đạo đức" và "lối sống". Trong đó, chú ý những thuộc tính, đặc trưng, tiêu chuẩn... (lượng) cơ bản, bên trong, vì khi thay đổi những lượng này sẽ đẩy nhanh sự thay đổi về "chất" của "tư tưởng chính trị", "đạo đức" và "lối sống". Hiện nay, có tình trạng xây dựng tiêu chuẩn cán bộ, tiêu chuẩn đảng viên còn quá chung chung: "có tinh thần yêu nước", "có bản lĩnh chính trị vững vàng..." và chung cho mọi đối tượng: *Chưa phân biệt giữa một bí thư cấp ủy với một đảng viên; giữa một cán bộ cấp cao với một công chức. Việc cụ thể hóa các tiêu chuẩn này, cũng như cụ thể*

hóa đối với từng loại cán bộ, đảng viên là mang tính cấp bách hiện nay.

- Hiểu "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" không phải là thuộc tính vốn có của sự vận động phát triển nói chung, mà theo nghĩa là sự vận động theo xu hướng thoái bộ, tiêu cực, phản phát triển. Chúng ta không thể loại bỏ sự vận động các "lực lượng bản chất của con người" cán bộ, đảng viên mà chúng ta quản lý được quá trình vận động đó, về lý luận, là bằng cách tìm ra mâu thuẫn của tự diễn biến (nguồn gốc, động lực), phương thức "tự diễn biến" (lượng đổi - chất đổi) và hình thức của "tự diễn biến" (qua các sự phủ định). Nói một cách cụ thể là, phải kiểm soát được những diễn biến về nhận thức, tư tưởng, hành vi của cán bộ, đảng viên thông qua hệ thống các quy định trong Điều lệ Đảng, pháp luật và những quy định về đạo đức cán bộ, đảng viên. Bên cạnh việc đề cao tinh thần tự giác, tự tu dưỡng, rèn luyện của mỗi cán bộ, đảng viên, thì việc định hướng, kiểm soát, quản lý "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" đặt ra vai trò đặc biệt quan trọng của tập thể lãnh đạo, cấp ủy và người đứng đầu hiện nay.

- Cần nhận thức đúng "độ" trong chuyển hóa giữa "lượng" và "chất". Có thể hiểu, những quy định của Đảng như: về công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên (Quy định số 55-QĐ/TW ngày 10-01-2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng); quy định về những điều đảng viên không được làm (Quy định số 47-QĐ/TW ngày 01-11-2011 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng); về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp (Quy định số 101-QĐ/TW ngày 7-6-2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng); về việc lấy phiếu

tín nhiệm hằng năm đối với thành viên lãnh đạo cấp ủy và cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Quy định số 101-QĐ/TW ngày 7-6-2012); Quy định số 165-QĐ/TW ngày 18-2-2013 của Bộ Chính trị); về trách nhiệm người đứng đầu; về nhiệm vụ của đảng viên... đã tạo thành một "độ" bảo đảm các điều kiện đánh giá mức độ "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" như thế nào, nếu vượt qua "độ" đó, là suy thoái.

5. Tiền đề thứ năm: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng

Trong số những lãnh tụ của giai cấp công nhân, của các chính đảng công nhân, Hồ Chí Minh là người đặc biệt quan tâm, đề cập và thực hành nhiều về đạo đức vô sản (đạo đức cách mạng). Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, định hướng xây dựng Đảng ta thật sự trở thành một đảng "cách mạng", "chân chính", "đạo đức, văn minh", làm cho Đảng vững mạnh, lãnh đạo cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, được Nhân dân tin yêu, trìu mến gọi là "Đảng ta". Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức là một hệ thống những quan điểm về nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực, phẩm chất đạo đức mới (đạo đức cách mạng) trên cơ sở kế thừa những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc và nhân loại tiến bộ. Có thể khái quát những nội dung, đặc điểm cơ bản sau:

- Kế thừa những giá trị đạo đức của dân tộc và nâng lên một tầm cao mới của chủ nghĩa Mác - Lênin về đạo đức cộng sản.

- Kế thừa những giá trị đạo đức phương Đông và phương Tây vận dụng vào điều kiện cụ thể nước ta.

- Định hình một hệ thống đạo đức cách mạng về các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức mới trong sự kết hợp chặt chẽ với chính trị, pháp quyền và văn hóa:

+ Đó là sự kết hợp giữa lý tưởng chính trị với lý tưởng đạo đức trong chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh "xây dựng một Chính phủ liêm khiết", "thực hành một chính trị nhân nghĩa";

+ Sự thống nhất giữa tư tưởng đạo đức, tình cảm đạo đức với thực hành đạo đức, nêu gương đạo đức, có tiêu chuẩn đạo đức cụ thể đối với từng loại cán bộ, đảng viên;

+ Sự thống nhất giữa pháp quyền với đạo đức, giữa đạo đức với văn hóa trong tư cách, tiêu chuẩn người cán bộ, đảng viên;

+ Giải quyết tốt mối quan hệ giữa "đức" và "tài", trong đó, "đức" làm gốc.

Vấn đề rút ra là:

- Có thể xây dựng được đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân đi trước một bước so với điều kiện kinh tế - xã hội. "Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải có con người xã hội chủ nghĩa"[1].

- Chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trước hết phải tập trung vào phòng, chống suy thoái về đạo đức cách mạng, vì "đức là gốc", là phẩm hạnh của con người, nó thẩm thấu, xuyên suốt, chi phối trong nhận thức và hành vi con người. Lý tưởng chính trị giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, bất công xã hội đồng nghĩa với sự phát triển hoàn bị chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo cộng sản. Những kẻ "giả

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.12, tr.11.

danh cộng sản" chính là những kẻ "đạo đức giả". Hồ Chí Minh đã cảnh báo: Đừng tưởng cứ viết lên trán hai chữ cộng sản mà được người dân yêu mến, tin tưởng.

- Phải coi trọng giáo dục đạo đức cách mạng đồng thời với kiên quyết đấu tranh chống lại mọi biểu hiện của đạo đức phong kiến, tiểu tư sản, tư sản, tập trung nhất ở chủ nghĩa cá nhân, "căn bệnh gốc", "nguồn gốc", "nguyên nhân" của mọi biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống hiện nay.

- Không phải nói đạo đức chung chung mà phải thể hiện qua các hành vi đạo đức thiết thực, cụ thể, bằng sự gương mẫu, noi gương của mỗi cán bộ, đảng viên trước Nhân dân. Đồng thời với tăng cường kỷ luật, kỷ cương; kết hợp tự phê bình và phê bình với nghiêm khắc xử phạt khi vi phạm pháp luật.

- Điểm đặc biệt, trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh có hai vấn đề mang tính phương pháp luận:

+ Hồ Chí Minh quan niệm: "Ngủ thì ai cũng như lương thiện/ Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền/Hiền, dữ đâu phải là tính sẵn/ Phần nhiều do giáo dục mà nên"[1]. Hồ Chí Minh quan niệm phân biệt đạo đức phải qua hoạt động thực tiễn mới biết thiện, ác; phải, trái... Đạo đức chủ yếu là do giáo dục. Như vậy, con người ta sinh ra "mang tính thiện: "nhân chi sơ tính bản thiện", sau đó xã hội làm cho tính thiện tha hóa mà thành ác (phái Khổng, Mạnh) hoặc con người sinh ra đã "mang tính ác" nên cần đề cao pháp luật (phái Pháp gia).

+ Hồ Chí Minh cho rằng đánh giá đạo đức thông qua các mối quan hệ cơ bản, cụ thể: đối với Đảng, đối với Nhân dân,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.3, tr.413.

đối với công việc, đối với đồng nghiệp, đối với người thân và đối với bản thân. Không chung chung, trừu tượng.

II- MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đổi mới, hoàn chỉnh các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật, cơ chế, chính sách

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, trong các giai đoạn suy tàn của các triều đại phong kiến, hình thành nên vấn đề có tính quy luật "Lễ không xuống đến thứ Dân, hình phạt không đến Quan", xử phạt kiểu "trên nhẹ, dưới nặng", trên thì sống hoang tàn, vô độ, dưới thì khổ ải, lầm than, nghiêm khắc. Vì vậy mới có thành ngữ: "Nhà dột từ nóc dột xuống"; "Thượng bất chính hạ tắc loạn".

Hiện nay, xét về hệ thống pháp luật, Điều lệ Đảng chưa phủ kín "khuôn khổ pháp lý" để phòng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", vẫn còn "khoảng trống". Trong Hiến pháp 2013, mục 2, Điều 4 ghi: "Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình"[1] và mục 3, Điều 4 ghi: "Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật"[2]. Nhưng hiện nay những điều này chưa được cụ thể hóa.

1, 2. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.9, 10.

Trong Điều lệ Đảng (thông qua tại Đại hội XI của Đảng ngày 19-1-2011), có 12 chương với 48 điều, chưa có điều nào nói về các quy định có tính chất chế tài đối với người đứng đầu cấp ủy các cấp, trong trường hợp vi phạm pháp luật, Điều lệ Đảng. Tại sao các bộ trưởng phải trả lời chất vấn trước Quốc hội công khai, nhưng Trưởng các Ban Đảng sao không trả lời chất vấn trong Đảng, ở đâu, khi nào, những vấn đề gì, mặc dù đã có Quy chế chất vấn trong Đảng theo Quyết định số 158-QĐ/TW ngày 12-5-2008 của Bộ Chính trị, nhưng chỉ áp dụng từ cấp tỉnh trở xuống? Hồ Chí Minh, người đứng đầu Đảng, Nhà nước đã công khai xin nhận lỗi lầm trong cải cách ruộng đất trước toàn Đảng, toàn dân giữa khi cuộc cách mạng nước ta ở thời điểm cam go nhất. Nếu Đảng ta không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của Nhân dân, dân tộc, gắn bó mật thiết với Nhân dân, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, thì về cơ bản các hoạt động của Đảng cần phát huy dân chủ, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trước Nhân dân. Điều này cũng cho thấy sự hợp lý và cần thiết phải sáp nhập các cơ quan đảng và nhà nước có chức năng, nhiệm vụ tương đồng: Tổng Bí thư với Chủ tịch nước, Ban Tổ chức với Bộ Nội vụ, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra với Thanh tra, Ban Tuyên giáo với Bộ Thông tin - Truyền thông... để thực hiện chất vấn trước Quốc hội - cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Coi trọng giáo dục chính trị, đạo đức, nâng cao nhận thức

Thời phong kiến, việc thi cử tuyển chọn quan lại chỉ tập

trung vào *Tứ thư* và *Ngũ kinh* tạo thành chín bộ kinh điển của nền học vấn phong kiến. Sự học của Nho giáo có nhiều ý tưởng cao siêu, nhưng quy tụ vào: Chú trọng ở luân thường đạo lý, chủ trương biến hóa tùy thời, sự vụ thực tế, nên không bàn đến những việc viển vông ngoài đời sống con người, như Khổng Tử viết: "Chuyện Người chưa biết làm sao bàn đến chuyện Trời". Hiện nay, cán bộ ta học quá nhiều nhưng không chú trọng cái cơ bản, cụ thể, thiết thực. Chẳng hạn, quan lại xưa học *Kinh Lễ* là một bắt buộc để biết cách ứng xử cho đúng, từ ăn mặc, đi đứng, ngồi, đều có phép tắc quy định. Hiện nay, giáo dục đạo đức trong hệ thống các trường phổ thông, đại học còn hạn chế; không có chương trình dạy học đạo đức cho cán bộ; các quy định đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ chưa được chú ý giám sát, thực hành và không đưa vào như một tiêu chí đánh giá cán bộ, đảng viên (trong khi phân loại đánh giá cán bộ, đảng viên lại theo mẫu khác). Vì vậy, cần có chương trình dạy học đạo đức đối với cán bộ, đảng viên từ chuyên viên đến cao cấp. Thực hiện có hiệu quả, thực chất Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI và XII) về xây dựng và chỉnh đốn Đảng gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

3. Tăng cường quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên về mọi mặt

Trong công tác quản lý cán bộ, đảng viên có nhiều nội dung để phòng chống suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Quan trọng nhất là quản lý phải trực tiếp, chặt chẽ, thường xuyên, "trị Đảng nghiêm minh"; xây dựng cơ chế

kiểm soát quyền lực một cách hiệu quả, theo nguyên tắc quyền hạn đến đâu trách nhiệm đến đó. Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa tập thể và cá nhân trong thực thi nhiệm vụ; có chế tài xử lý nghiêm minh các vi phạm. Xây dựng đồng bộ, cụ thể cơ sở pháp lý để "không dám tham nhũng", "không thể tham nhũng"; loại bỏ triệt để cơ chế xin - cho. Hoàn thiện các văn bản pháp lý về quản lý, điều hành bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình để góp phần hạn chế tham nhũng, lãng phí, lợi ích nhóm. Đặc biệt tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực: quản lý đất đai, công tác cán bộ, phân bổ ngân sách, đầu tư cơ bản... Thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản, thu nhập cá nhân; tăng cường sử dụng chi tiêu qua tài khoản, hạn chế tiền mặt. Thực hiện tốt cải cách hành chính, thủ tục hành chính; tăng cường chính quyền điện tử; khoán kinh phí hoạt động. Tổ chức thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý. Đặc biệt, quy định rõ chế độ sử dụng xe công, công tác phí, các hình thức giao lưu, lễ kỷ niệm, tham quan, việc tang, cưới hỏi, xóa bỏ các chế độ, phụ cấp có tính đặc quyền, đặc lợi, tiền tệ hóa bằng lương...

Tăng cường công tác quản lý đảng viên về tư tưởng chính trị nội bộ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, phong cách, lối sống, hoàn cảnh gia đình, điều kiện sinh hoạt. Duy trì nghiêm quy định đảng viên tham gia sinh hoạt chi bộ và tự kiểm điểm về ưu điểm, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Những đảng viên có vi phạm, có đơn, thư tố giác phải được nhắc nhở, phê bình, xử lý kịp thời. Tăng cường đối thoại với Nhân dân và duy trì nghiêm chế độ lấy phiếu tín nhiệm, chế độ chất vấn trong Đảng.

4. Sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế

Tập trung vào xây dựng tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá, vị trí việc làm, coi trọng sản phẩm đầu ra... Sao cho bộ máy thực sự hạn chế các tổ chức trung gian, không chồng lấn, chồng chéo, rõ trách nhiệm, kiểm soát lẫn nhau, hiệu lực, hiệu quả. Chuyển dần sang mô hình chức việc (vị trí việc làm), đề cao đội ngũ cán bộ tham mưu, chuyên gia, có tay nghề cao bằng chế độ, chính sách đãi ngộ tương xứng. Tăng cường tính chuyên nghiệp, giảm khâu phục vụ, hành chính trong bộ máy. Tập trung vào tham mưu chiến lược, quản lý nhà nước, chuyển các dịch vụ công sang tự hạch toán, tự chủ về biên chế, trang bị...

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Nên thực hiện đại hội Đảng bầu trực tiếp ủy ban kiểm tra các cấp. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất, theo chuyên đề. Coi trọng tự thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ để phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn từ xa, từ sớm. Phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Cụ thể hóa các hình thức nhân dân tham gia xây dựng Đảng, giám sát hoạt động của chính quyền, của cán bộ, đảng viên bằng dân chủ trực tiếp. Xây dựng và thực hiện các cơ chế khuyến khích, bảo vệ các tổ chức và cá nhân phát hiện, tố cáo tham nhũng, tiêu cực.

NHẬN THỨC VỀ BẢN CHẤT, HÌNH THỨC BIỂU HIỆN VÀ NGUYÊN NHÂN SUY THOÁI TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

PGS.TS. TRẦN QUỐC TOẢN*

Trong các văn kiện của Đảng đã khẳng định: Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên bị suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Việc nhận thức rõ bản chất, hình thức biểu hiện và nguyên nhân của sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, để trên cơ sở đó ban hành các chế định luật pháp, cơ chế, chính sách và giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục có hiệu quả là một yêu cầu bức thiết.

I- NHẬN THỨC VỀ BẢN CHẤT SỰ SUY THOÁI TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

Khái niệm "suy thoái"

Khái niệm "suy thoái" được hiểu là tình trạng suy giảm - thoái hóa - xuống cấp về chất (và có thể kèm theo cả về lượng) của một hiện tượng hay sự vật nào đó trong một quá trình vận động, làm cho hiện tượng hay sự vật đó không còn

---

* Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương.

giữ được bản chất và chức năng khách quan đã được xác định (hay được xã hội thừa nhận). Khi nói tới sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên thường nói tới sự suy thoái về phẩm chất đạo đức và năng lực của cá nhân cán bộ, đảng viên. Nhưng cần nhận thức rõ rằng cán bộ, đảng viên có hai tư cách: tư cách thứ nhất với ý nghĩa là một cá nhân con người - một công dân trong xã hội; tư cách thứ hai quan trọng hơn, đó là tư cách của một thành viên trong một tổ chức của đảng chính trị được xã hội trao cho trọng trách lãnh đạo nhà nước và xã hội (cầm quyền). Tư cách là một thành viên của tổ chức đảng cầm quyền thường có sự đòi hỏi phải cao hơn tư cách của một con người - công dân bình thường ở một số phương diện. Nhưng về nguyên tắc, bản chất tư cách của cán bộ, đảng viên và của người công dân bình thường phải có sự thống nhất về căn bản.

Vì thế, khi xem xét sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên không thể chỉ xem xét theo giác độ cá nhân của cán bộ, đảng viên, mà điều quan trọng là phải thấy rõ mối quan hệ sự suy thoái của cán bộ, đảng viên so với các giá trị, chuẩn mực của đảng cầm quyền đặt ra để lãnh đạo xã hội và đặt ra cho các thành viên của mình. Đồng thời, xem xét sự suy thoái còn phải đối sánh với các yêu cầu khách quan đặt ra trong quá trình phát triển của xã hội đối với đảng cầm quyền, bởi vì khi những giá trị và chuẩn mực mà đảng cầm quyền đặt ra không những không đáp ứng mà còn "lạc hậu" so với đòi hỏi khách quan của sự phát triển cũng có thể coi đó là một dạng suy thoái. Vì thế khi nói tới sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên cần phải xem xét không chỉ phương diện tư cách cá nhân con người đó, mà còn phải xem xét theo phương diện chức năng xã hội của tổ chức đảng

chính trị mà cán bộ, đảng viên đó là một thành viên đại diện; hơn nữa không thể chỉ xem xét tư cách cá nhân cán bộ, đảng viên đó mà phải xem xét trong tính hệ thống của một tổ chức đảng.

Tư cách của một cán bộ, đảng viên thường thể hiện ở hai mặt phẩm chất đạo đức và năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao. Khi nói về suy thoái phẩm chất và năng lực của cán bộ, đảng viên thì cần phải đối sánh phẩm chất - năng lực ấy với những giá trị và chuẩn mực nào (?). Có thể nêu ba cấp độ sau:

- Những giá trị và chuẩn mực chung về con người và công dân được quy định trong các văn bản pháp lý của Nhà nước và theo các chuẩn mực đạo đức xã hội.

- Những giá trị và chuẩn mực được quy định trong điều lệ và trong các chế định của Đảng về yêu cầu phẩm chất đạo đức và năng lực của người cán bộ, đảng viên (thường có những yêu cầu cao hơn so với giá trị và chuẩn mực chung của xã hội, như đức hy sinh vì sự nghiệp chung, tính tiền phong gương mẫu của người cán bộ, đảng viên...).

- Những giá trị và chuẩn mực mới do yêu cầu đặt ra trong quá trình phát triển của đất nước, của xã hội, đòi hỏi người cán bộ, đảng viên phải đổi mới, phải vượt lên chính mình, nếu không sẽ bị lạc hậu, trở thành lực cản đối với sự phát triển, vì những giá trị và chuẩn mực hiện tồn (dù là hợp pháp, đúng quy định, đúng chuẩn mực...) đã không còn thể hiện được tính tiền phong, tính "dẫn đường chỉ lối" của một đảng cầm quyền.

Như vậy, sự suy thoái về phẩm chất và năng lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên cần phải được xem xét trong tổng thể cả ở ba cấp độ đó, đặt trọng tâm vào hai cấp độ sau (không đáp ứng với những giá trị và chuẩn mực hiện hành,

và không có sự đổi mới và phát triển kịp thời những giá trị và chuẩn mực mới do yêu cầu thực tiễn đặt ra) trong đối sánh với việc thực hiện vai trò, chức năng xã hội của một đảng cầm quyền là lãnh đạo nhà nước và xã hội, nhất là trong bối cảnh đất nước đòi hỏi có sự phát triển mang tính đột biến, bước ngoặt, do điều kiện khách quan đặt ra.

Khái niệm "suy thoái" phẩm chất và năng lực của cán bộ, đảng viên còn cần phải xem xét trong sự khác biệt giữa đảng viên thường với đảng viên là cán bộ; giữa đảng viên là cán bộ cấp thấp, trách nhiệm thấp, quyền lực thấp với đảng viên là cán bộ giữ cương vị cao, trách nhiệm cao, quyền lực cao.

Bản chất của sự suy thoái phẩm chất - năng lực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên

Sự suy thoái về phẩm chất và năng lực của cán bộ, đảng viên về *thực chất là sự suy thoái về hệ giá trị và chuẩn mực trong mỗi cán bộ, đảng viên*. Nhưng do cán bộ, đảng viên là thành viên của đảng cầm quyền, có nghĩa là nắm quyền lực nhà nước (ở những cấp độ khác nhau), vì thế, sự suy thoái của cán bộ, đảng viên của đảng cầm quyền còn gắn liền với bản chất quyền lực nhà nước và sử dụng quyền lực nhà nước.

C. Mác, Ph.Ăngghen, V.I. Lênin, Hồ Chí Minh và các nhà lý luận chính trị trên thế giới về nhà nước, và thực tiễn phát triển của các mô hình thể chế nhà nước trên thế giới cho đến nay, cho thấy nhà nước đều chứa đựng trong mình nó bản chất quan liêu, thực thi quyền lực không phải khi nào cũng đúng với tuyên ngôn "nhà nước của dân, do dân, vì dân", quyền lực của nhà nước là quyền lực của nhân dân và được nhân dân ủy quyền (ở những mức độ khác nhau). Trong thể chế phong kiến, quyền lực của nhà nước là quyền

lực của vua, "cha truyền con nối", không phải là quyền lực ủy quyền của thần dân. Việc thực thi quyền lực trong nhà nước phong kiến dựa cơ bản vào mức độ "anh minh" của đấng tối cao là vua và thông qua bộ máy và đội ngũ quan lại phong kiến. Trong thể chế dân chủ cộng hòa đại nghị, quyền lực nhà nước, về danh nghĩa, là quyền lực ủy quyền của nhân dân thông qua bầu cử (trực tiếp hay đại diện). Nhưng về bản chất quyền lực nhà nước là quyền lực được nhân dân ủy quyền (theo nghĩa qua bầu cử) cho một đảng chính trị nào đó đứng ra lập chính phủ (nếu chiếm được đa số phiếu bầu theo một tỷ lệ nào đó), hoặc một liên minh chính trị giữa một số đảng để có được đa số cần thiết (nếu không có đảng nào chiếm được đa số phiếu theo quy định). Trên thực tế, bản chất quyền lực của nhà nước khi đó là đại diện quyền lợi cho đảng chính trị đó. Quyền lực nhà nước đó đại diện như thế nào (mức độ nào) cho ý chí và lợi ích của tuyệt đại đa số nhân dân và của cả dân tộc chính là sự phản ánh mức độ "của dân, do dân, vì dân" của nhà nước đó. Sai lệch giữa hệ giá trị và chuẩn mực phát triển mà nhà nước đó chế định và thực hiện thông qua đội ngũ cán bộ, công chức do đảng cầm quyền cử ra với những giá trị và chuẩn mực mà đông đảo nhân dân và xã hội kỳ vọng, với yêu cầu phát triển khách quan, đã nói lên sự "suy thoái" (hay bất cập) về quyền lực của đảng cầm quyền và đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng đó so với yêu cầu phát triển.

Cán bộ, đảng viên là người được đảng cầm quyền trao trực tiếp sử dụng quyền lực của nhà nước để quản lý xã hội cùng với "quyền lực mềm" về quyền lãnh đạo chính trị của đảng cầm quyền đối với nhà nước và xã hội. Vì vậy cán bộ, đảng viên có khuynh hướng thường tự coi mình trở thành

"hiện thân" của quyền lực. Do đó sự suy thoái của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong đảng cầm quyền không chỉ phản ánh sự suy thoái về phẩm chất và năng lực của các cá nhân cán bộ, đảng viên, mà còn phản ánh thực chất mức độ sự suy thoái quyền lực nhà nước mà đảng đó đang cầm quyền.

Quyền lực nhà nước được thực hiện thông qua hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, nền hành chính và bởi đội ngũ cán bộ, công chức của đảng cầm quyền làm việc trong hệ thống nhà nước với hệ thống giá trị và chuẩn mực xác định. Cho nên, khi đội ngũ cán bộ, công chức bị suy thoái, tức là hệ giá trị và chuẩn mực thực tế mà đội ngũ cán bộ, công chức "thể hiện" cho xã hội thấy (hay được che giấu) không còn phù hợp (đáp ứng) với đòi hỏi của thực tiễn, quyền lực của nhà nước bị biến dạng, hay nói đúng hơn quyền lực nhà nước bị tha hóa. Khi đó quyền lực Nhà nước với tuyên ngôn là của Nhân dân, thực hiện vì lợi ích của Nhân dân, trở thành quyền lực của bộ máy đứng trên Nhân dân, vì lợi ích của bộ máy, của đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng cầm quyền, lợi ích của đảng cầm quyền.

Quyền lực của nhà nước luôn gắn liền với quyền và lợi ích (theo nghĩa rộng cả về chính trị, kinh tế và xã hội...), do đó việc sử dụng và thực thi quyền lực nhà nước luôn gắn liền với quyền và lợi ích của từng đơn vị, từng cán bộ, đảng viên trong bộ máy nhà nước. Khi quyền lực nhà nước bị tha hóa, được thiết kế và bị sử dụng sai bản chất của nó sẽ là cội nguồn và gốc rễ dẫn đến sự tha hóa, suy thoái phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên; đồng thời ngược lại, khi đội ngũ cán bộ, đảng viên bị suy thoái, họ sẽ tìm mọi cách làm cho quyền lực nhà nước bị tha hóa, hướng vào bảo vệ quyền và lợi ích của bộ máy cầm quyền, của đội ngũ cán bộ,

đảng viên cầm quyền. Như vậy, có thể thấy rằng, sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng cầm quyền có bản chất sâu xa ở sự tha hóa quyền lực nhà nước, quyền lực nhà nước không được kiểm soát có hiệu quả, gắn liền với sự tha hóa năng lực lãnh đạo - cầm quyền của đảng cầm quyền và sự tha hóa phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Trên thực tế, tất cả các nhà nước, các đảng cầm quyền, các cán bộ, đảng viên của đảng đều hoạt động trong một môi trường kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa hiện thực, với một trình độ phát triển cụ thể; chịu sự tác động qua lại với xã hội (cả những tác động tích cực và những tác động tiêu cực). Mỗi chủ thể trong xã hội đều có xu hướng thiết lập các quan hệ với nhà nước, với cán bộ và đảng viên của đảng cầm quyền để bảo vệ hay mưu cầu lợi ích của mình (có thể là chính đáng, hợp pháp, hay không chính đáng và phi pháp, hợp đạo lý hay phi đạo lý...). Các mối quan hệ tích cực có thể góp phần làm cho quyền lực nhà nước hiệu quả hơn, trong sáng hơn, minh bạch hơn, thúc đẩy sự phát triển của xã hội; nhưng các mối quan hệ tiêu cực sẽ làm cho quyền lực nhà nước bị tha hóa hơn, thúc đẩy sự tha hóa của đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng cầm quyền, kích hoạt mở rộng các quan hệ tiêu cực, "mờ ám" giữa các cơ quan nhà nước với các chủ thể liên quan trong xã hội. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào trình độ phát triển, thể chế phát triển, thể chế nhà nước pháp quyền, trình độ dân trí và trình độ phát triển dân chủ của đất nước. Một biểu hiện rõ nhất của những tác động tiêu cực là hình thành mối quan hệ "chủ nghĩa tư bản thân hữu" giữa bộ máy nhà nước với các doanh nghiệp và với các "thế lực đen" ở không ít nước.

Bản chất của "chủ nghĩa tư bản thân hữu" là mối quan hệ giữa "quyền và tiền", dùng quyền để mưu cầu tiền và dùng tiền để "mua quyền", nó có thể làm biến dạng, biến chất quyền lực nhà nước từ tầng nền tảng cơ bản là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách (được xây dựng có sự "cài cắm" theo lợi ích nhóm, hợp pháp hóa lợi ích nhóm), đến tầng thực thi trong thực tế (như vô hiệu hóa hay làm giảm hiệu lực của các chế định đúng đắn, làm chậm quá trình đưa các chế định đúng đắn vào cuộc sống, thiết lập hệ thống cơ sở "sân sau"...), đến việc đề ra các quy định và thủ tục gây khó khăn, những nhiễu đòi hỏi phải "có đi, có lại" khi giải quyết công việc nhà nước... Sự "tương tác" mang tính "nhân - quả" giữa nhà nước, cán bộ - công chức nhà nước (đồng thời cũng là đảng viên của đảng cầm quyền) với các doanh nhân trong quan hệ "chủ nghĩa tư bản thân hữu" cùng với những tiêu cực khác trong thực thi quyền lực nhà nước trong xã hội đã cho thấy bản chất của nhà nước bị tha hóa ở mức độ nào. Sự tha hóa đó lại được "bảo lãnh" bởi những quy định pháp lý quan liêu, "đúng quy định, đúng quy trình, đúng quy hoạch, đúng sự chỉ đạo", được "tha bổng, dung dưỡng" bởi thể chế thiếu các thiết chế kiểm soát quyền lực có hiệu quả, bởi thực trạng xã hội khi mà nhiều người coi những tiêu cực là đương nhiên, là cần thiết nếu muốn "được việc" (làm khác đi sẽ bị gạt ra ngoài, bị coi là không thức thời, không năng động, là "đạo đức giả", các thang giá trị bị đảo lộn). Khi quyền lực của nhà nước bị tha hóa, cũng có nghĩa là hệ giá trị và các chuẩn mực làm nền tảng cho sự phát triển xã hội hiệu quả và lành mạnh bị biến dạng, một bộ phận đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng cầm quyền trong bộ máy nhà nước vừa là chủ thể vừa là nạn nhân của sự tha hóa đó (đương nhiên không phải là tất cả).

Quyền lực của nhà nước bị tha hóa, kém hiệu lực, hiệu quả luôn song hành với xã hội có nhiều tiêu cực, bất công.

Trong điều kiện hiện nay, sự suy thoái của một đảng cầm quyền (và do đó là của đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng nói chung và hoạt động trong bộ máy nhà nước nói riêng) còn thể hiện ở một bản chất khác: đó là *sự không đáp ứng về phẩm chất và năng lực đối với những đòi hỏi cao và thay đổi nhanh chóng, phức tạp, đa chiều, đầy mâu thuẫn, có tính đột biến - cách mạng của sự phát triển trong nước và quốc tế, cả về kinh tế, chính trị, xã hội, vấn đề dân tộc, vấn đề con người, vấn đề dân chủ, vấn đề hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa...* Điều này thể hiện chủ yếu ở các đảng, nhất là đảng cầm quyền không đưa ra được (hay đưa ra sai lệch) đường lối, cương lĩnh, chủ trương, chính sách phát triển, mục tiêu phát triển, các giá trị phát triển bảo đảm phản ánh được đầy đủ ý chí, nguyện vọng, lợi ích của đa số dân chúng, của quốc gia dân tộc, thể hiện được xu thế phát triển khách quan của thời đại. Các đảng cầm quyền rơi vào tình trạng như vậy (cùng với nhà nước mà đảng đó đang cầm quyền) thường đưa ra các chính sách bảo thủ, lạc hậu, không tạo được động lực phát triển mạnh mẽ, và đưa đất nước vào tình trạng trì trệ, thậm chí khủng hoảng kinh tế - xã hội. Các đảng cầm quyền như vậy dần mất uy tín lãnh đạo, và khi bầu cử tổng thống hay quốc hội (nghị viện) tất yếu sẽ thất bại và mất quyền lãnh đạo nhà nước và xã hội. Điều này đã được minh chứng rất rõ qua các cuộc bầu cử tổng thống và quốc hội ở nhiều nước trên thế giới trong những năm gần đây. Điển hình như cuộc bầu cử tổng thống và quốc hội ở Pháp năm 2017: cả Đảng Xã hội đã và đang cầm quyền nhiều năm, cả Đảng Cộng hòa đều đã thất bại. Đảng thắng lợi là Đảng Cộng hòa tiến bước, được

thành lập từ một phong trào mới có một tuổi đời, chưa hề có kinh nghiệm cầm quyền. Người lãnh đạo của đảng đó là ông Macron mới 40 tuổi, vốn là một bộ trưởng trong chính phủ của Đảng Xã hội cầm quyền mà ông Macron là một đảng viên của đảng này. Khi ra khỏi Đảng Xã hội, ông Macron đã lập Đảng Cộng hòa tiến bước và lãnh đạo đảng này tranh cử, giành được chiến thắng vang dội cả ở bầu tổng thống và bầu quốc hội chỉ sau một năm, trở thành đảng cầm quyền. Bí quyết nào ở đây? Chẳng có bí quyết nào cả, điều đơn giản và cũng là điều cốt lõi nhất là ông Macron và các đảng viên - cộng sự của ông đã đi sâu tìm hiểu và nắm được chính xác tâm tư, nguyện vọng, mong muốn của đại đa số dân chúng, nhận thức rõ những vấn đề đặt ra và những yêu cầu khách quan của sự phát triển đất nước trong bối cảnh mới, nhận thức rõ xu thế của thời đại... Từ đó ông và đảng của ông đã đưa ra được cương lĩnh tranh cử với những mục tiêu và giải pháp đúng đắn, đáp ứng được ý chí, nguyện vọng và lợi ích của đa số dân chúng; đồng thời đưa ra được những "gương mặt" tiêu biểu của đảng ra tranh cử, với những giá trị và chuẩn mực mà xã hội tin tưởng. Thắng lợi của Đảng Cộng hòa tiến bước và của cá nhân ông Macron và sự thất bại của Đảng Xã hội và các đảng khác, cho thấy, để trở thành đảng cầm quyền và cầm quyền lâu dài trong thể chế dân chủ, thì đảng đó và đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng đó không được để rơi vào tình trạng suy thoái - bất cập về phẩm chất và năng lực, thể hiện ở sự lạc hậu, bảo thủ trong đường lối, cương lĩnh, cơ chế, chính sách phát triển mà đảng đưa ra không đáp ứng với yêu cầu và xu thế khách quan của sự phát triển, không phản ánh được ý chí, nguyện vọng và lợi ích của đông đảo dân chúng, đưa ra những gương mặt đại diện cho

đảng để tranh cử không thể hiện được những phẩm chất và năng lực tiêu biểu được đông đảo quần chúng ủng hộ. Đây là bài học đắt giá cho bất cứ một đảng cầm quyền nào. Những đảng nào với đội ngũ cán bộ, đảng viên tự "ru mình" bằng những thắng lợi rực rỡ của ngày hôm qua, lấy đó làm giá trị và chuẩn mực cho ngày hôm nay, hoặc lấy thắng lợi hôm nay làm giá trị và chuẩn mực cho ngày mai thì sẽ phải nhận lấy những thất bại cay đắng. Sự suy thoái của một đảng nằm chính ngay trong sự suy yếu năng lực tự nhìn nhận về chính mình và nhìn nhận về yêu cầu và xu thế khách quan của sự phát triển. *Sự suy thoái về năng lực lãnh đạo - cầm quyền của một đảng là hệ quả trực tiếp của sự suy thoái phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên.*

Sự suy thoái của một đảng (hay một tổ chức đảng cụ thể) và đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa mang bản chất của sự tha hóa quyền lực (khi chế định quyền lực không đúng và không kiểm soát được quyền lực một cách hiệu quả), vừa mang bản chất sự suy thoái năng lực định hướng phát triển, "dẫn dắt" sự phát triển xã hội của một đảng chính trị, vừa mang bản chất xã hội khi cán bộ, đảng viên không những không tự "đề kháng" được trước những tiêu cực ngoài xã hội, mà ngược lại lại trở thành chủ thể bao che, "nuôi dưỡng" các tiêu cực xã hội.

II- NHỮNG BIỂU HIỆN CHỦ YẾU CỦA SỰ SUY THOÁI TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

Những biểu hiện của sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên của một đảng chính trị, nhất là đảng cầm quyền, có thể là biểu hiện chung sự suy thoái của đảng, cũng có thể là

biểu hiện sự suy thoái chủ yếu của một loại cán bộ, đảng viên nào đó, sự suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên nào đó. Những biểu hiện suy thoái có thể mang tính hệ thống, tính tập thể (nhóm), có thể mang tính cục bộ, cá biệt. Trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, đã nêu lên 27 biểu hiện suy thoái của cán bộ đảng viên từ thực tiễn của Đảng ta. Về phương diện lý luận chung, từ thực tiễn trên thế giới, xin nêu khái quát phân loại và cấp độ những biểu hiện suy thoái sau:

Những loại biểu hiện suy thoái

- Sự suy thoái năng lực định hướng phát triển của đảng, thể hiện ở việc đảng không có (hoặc yếu) khả năng nắm bắt kịp thời, đúng thực trạng, bản chất và khuynh hướng vận động và phát triển của hiện thực khách quan (trong nước và quốc tế), và do đó đã không đưa ra được (hoặc đưa ra không chính xác) đường lối, cương lĩnh, chủ trương, chính sách phù hợp, kịp thời đáp ứng với yêu cầu của sự phát triển, thể hiện được ý chí, nguyện vọng và lợi ích của đa số dân chúng; không kịp thời thay đổi, điều chỉnh đường lối, cương lĩnh, chủ trương, mục tiêu, chính sách khi tình hình thực tế đã thay đổi.

- Đảng cầm quyền thiếu năng lực xây dựng và lãnh đạo một thể chế nhà nước pháp quyền mạnh, dân chủ, sáng tạo để thể chế hóa đường lối, cương lĩnh, chủ trương, chính sách của đảng thành các chế định pháp lý của nhà nước, thể hiện được ý chí, nguyện vọng và lợi ích của đa số dân chúng, được đa số dân chúng ủng hộ.

- Đảng cầm quyền và nhà nước không xây dựng và chế định được hệ thống các thiết chế và giải pháp kiểm soát quyền lực có hiệu quả, hoặc thực thi các thiết chế, giải pháp

kiểm soát quyền lực không nghiêm. Quyền lực của nhà nước do dân ủy quyền bị biến thành quyền lực của bộ máy quan liêu, quyền lực của cá nhân cán bộ, công chức; không thực hiện tốt bản chất "công bộc" và trách nhiệm giải trình trước Nhân dân và xã hội.

- Tính thượng tôn pháp luật không nghiêm trong hệ thống đảng cầm quyền và nhà nước; tồn tại hiện tượng lạm quyền, coi thường kỷ cương phép nước. Nền hành chính có nhiều tiêu cực, hiệu lực và hiệu quả không cao. Tình trạng làm trái đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gây thiệt hại cho dân và cho đất nước.

- Tình trạng tham nhũng, nhũng nhiễu, sử dụng lãng phí và làm thất thoát của công không được ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả.

- Tình trạng mất dân chủ, quan liêu, độc đoán - chuyên quyền; bệnh thành tích, bệnh hình thức, báo cáo sai sự thật, che giấu khuyết điểm; tình trạng chạy chức, chạy quyền.

- Tình trạng suy thoái về chính trị - tư tưởng đi ngược với mục tiêu xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

- Tình trạng suy thoái phẩm chất, đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, công chức và đảng viên; suy thoái phẩm chất "công bộc", liêm chính, đức hy sinh, chí công vô tư; thái độ vô cảm, coi thường dân.

- Thiếu ý thức và tinh thần học tập vươn lên không ngừng; thiếu tinh thần đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm; trình độ chuyên môn không đáp ứng yêu cầu, năng lực thực thi nhiệm vụ hạn chế.

Cấp độ biểu hiện suy thoái

Về cấp độ biểu hiện suy thoái cũng cần được làm rõ để

thấy mức độ phổ biến, tính liên kết, tính lan tỏa của các hiện tượng suy thoái. Một cách khái quát có thể nêu lên các cấp độ biểu hiện suy thoái sau:

- Những suy thoái mang tính cá nhân, là biểu hiện của từng cá nhân. Đây là những suy thoái không mang tính liên kết nhiều người, nhiều cấp (ví dụ các tham nhũng được gọi là "tham nhũng vặt").

- Những biểu hiện suy thoái mang tính tập thể liên kết trong các lợi ích nhóm, có thể theo chiều ngang hay chiều dọc, và cũng có thể là hỗn hợp cả theo chiều ngang và chiều dọc.

- Những biểu hiện suy thoái mang tính xã hội dù trái với các quy định hiện hành, trái với "đạo lý" nhưng lại được xã hội "chấp nhận" công khai như một sự đương nhiên (như các hội nghị, hội thảo khoa học làm một buổi tính thành một ngày, làm một ngày tính thành hai ngày để có kinh phí trang trải; hiện tượng phải "bôi trơn", phong bao, phong bì trong nhiều quan hệ với cơ quan công quyền...).

- Những biểu hiện suy thoái mang tính thể chế, nghĩa là do sơ hở, bất cập của các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách hiện hành, mà các chủ thể trong xã hội ở mọi cấp có thể tìm cách mưu cầu lợi ích riêng cho mình gây tổn hại đối với lợi ích chung hoặc lợi ích của các chủ thể khác một cách hợp pháp (ví dụ những sơ hở, bất cập trong các quy định về đầu tư BOT, BT, trong cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, trong cấp đất, trong đầu tư xây dựng các công trình bằng ngân sách của Nhà nước...)[1].

---

1. Ví dụ phổ biến: Chuyện xà xẻo tiền dự án ở ta không lạ. Thậm chí, có ý kiến còn cho rằng nó như "tất yếu", dự án "to ăn to, nhỏ ăn nhỏ" mà biểu hiện rõ nhất, đó là công trình do Nhà nước đầu tư giá thành thường cao hơn thậm chí nhiều lần so với những công trình tương tự không nằm trong dự án do Nhà nước bỏ tiền (nhiều đại biểu Quốc hội nói tại diễn đàn thảo luận của Quốc hội).

- Những biểu hiện suy thoái mang tính quyền lực, tức là dùng quyền lực và trong quan hệ "quyền - tiền" để thực hiện các hành vi sai trái.

Mỗi cấp độ suy thoái đó có những "cơ chế vận hành" khác nhau và có thể liên kết với nhau, một mặt để "che chắn" trước các phản ứng của xã hội và sự phát hiện, xử lý của các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước, mặt khác "tạo nền móng" để bảo vệ các lợi ích bất chính của mình. Việc nhận rõ nguyên nhân và cơ chế vận hành của mỗi loại và cấp độ suy thoái, để từ đó đề ra được các giải pháp phòng - chống phù hợp và hiệu quả là một nhiệm vụ quan trọng.

III- NGUYÊN NHÂN CỦA SỰ SUY THOÁI TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

Sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên có những nguyên nhân rất phức tạp, cả về phương diện khách quan và chủ quan, bên trong và bên ngoài, cả về phương diện cá nhân, phương diện tổ chức cụ thể, và phương diện hệ thống. Xin nêu khái quát các nguyên nhân sau.

Các nguyên nhân khách quan

- Đất nước đi vào xây dựng chế độ mới từ một nước nông nghiệp, phong kiến nửa thuộc địa; trình độ phát triển của đất nước về nhiều mặt còn tương đối thấp; lại phải trải qua những năm dài chiến tranh..., những mặt hạn chế, tiêu cực phản ánh vào nhận thức, tư duy, lối sống, đạo đức của xã hội nói chung và của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Bản chất mô hình và thể chế phát triển "kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp" chứa đựng những giá trị và

thiết chế về bản chất cơ bản không thích ứng với thể chế kinh tế thị trường, nhất là không phù hợp với mô hình tăng trưởng - phát triển theo chiều sâu; không khuyến khích thúc đẩy phát triển mạnh năng lực - phẩm chất tư duy và hành động sáng tạo, trách nhiệm gắn với lợi ích của từng cá nhân trong xã hội, nhất là đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhưng vẫn còn ảnh hưởng không nhỏ trong giai đoạn hiện nay.

- Trong điều kiện mở cửa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, sự phát triển mạnh mẽ, đa dạng, đa khuynh hướng của thế giới về mọi mặt, tác động sâu sắc đến sự phát triển của đất nước (cả tích cực và tiêu cực) về nhận thức, tư tưởng, về các giá trị con người, giá trị văn hóa, giá trị xã hội, giá trị phát triển, về thể chế phát triển, cùng với đó là sự tác động của các thế lực thù địch... dẫn đến sự phân hóa trong nhận thức tư tưởng, trong định hướng giá trị và định hướng hành động của mọi thành viên trong xã hội, của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Nguyên nhân chủ quan

- Đảng ra đời, lãnh đạo Nhân dân làm cách mạng giành được chính quyền, đi vào xây dựng chế độ mới, nhưng đa số cán bộ, đảng viên xuất thân từ giai cấp nông dân với lòng yêu nước nồng nàn, nhưng chưa được trải qua thực tiễn của nền sản xuất hàng hóa lớn, nền kinh tế công nghiệp, xã hội công nghiệp, nên nhận thức, tư duy lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn còn nhiều bất cập, dễ rơi vào cả hai thái cực giáo điều, chủ quan, duy ý chí, hoặc bảo thủ trì trệ, ngại đổi mới sáng tạo.

- Khi giành được chính quyền và lãnh đạo xây dựng bộ máy nhà nước, việc chế định quyền lãnh đạo của Đảng và

quyền lực Nhà nước, việc thực thi quyền lực của Nhà nước còn có những vấn đề chưa phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn khách quan, dẫn đến tình trạng quyền lực bị tha hóa (lạm dụng quyền lực, "tư hữu hóa quyền lực", "nhóm hóa quyền lực", quan liêu, tham nhũng, kém hiệu lực, hiệu quả...). Đặc biệt là thiếu các thể chế và thiết chế kiểm soát quyền lực có hiệu quả trong bộ máy đảng và nhà nước, và từ ngoài xã hội để ngăn chặn có hiệu quả mối quan hệ "chủ nghĩa tư bản thân hữu", lợi ích nhóm.

- Thiếu các thể chế, thiết chế có hiệu quả để kiểm soát về mặt phẩm chất đạo đức, chủ nghĩa cá nhân của cán bộ, đảng viên (mà Chủ tịch Hồ Chí Minh coi là giặc nội xâm rất nguy hiểm); đạo đức công vụ, văn hóa công vụ, trách nhiệm công vụ, trách nhiệm giải trình chưa được đề cao và thực thi chặt chẽ; dân chủ và kỷ cương trong Đảng, trong bộ máy nhà nước và trong hệ thống chính trị còn những yếu kém và bất cập. Đấu tranh tự phê bình và phê bình còn nhiều yếu kém (hầu hết các vụ tham nhũng, tiêu cực không được chính các tổ chức cơ sở đảng phát hiện và ngăn chặn...).

- Công tác cán bộ, đảng viên còn nhiều yếu kém và bất cập; tiêu chuẩn, tiêu chí các loại cán bộ, đảng viên còn mang nặng tính hình thức, chưa thể hiện rõ và công khai, minh bạch về các tiêu chí phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và năng lực lãnh đạo quản lý. Đặc biệt là thiếu cơ chế đánh giá công khai và đúng về những tiêu chí đặt ra, nhất là từ phía Nhân dân và xã hội (ví dụ cơ chế nào để đánh giá sự tín nhiệm của Nhân dân, nếu không có sự công khai, minh bạch). Nội dung, cơ chế và quy trình quản lý cán bộ, đảng viên còn nhiều bất cập, "lỗ hổng", chưa thể hiện rõ "thực đức - thực tài"; tình trạng lợi ích nhóm, dòng họ, người thân "nhất

hậu duệ, nhì tiền tệ, ba đệ tử, bốn quan hệ, năm trí tuệ" trong công tác cán bộ không phải là cá biệt.

- Công tác nghiên cứu lý luận cũng như tổng kết thực tiễn còn nhiều bất cập, chưa luận giải có sức thuyết phục cao về bản chất và xu hướng vận động của không ít những vấn đề thực tiễn đặt ra; công tác giáo dục, đào tạo đội ngũ cán bộ, đảng viên còn nhiều yếu kém, nhiều khi xa rời thực tiễn, chưa sát và đáp ứng thiết thực các yêu cầu cuộc sống đặt ra, chạy theo bằng cấp. Đặc biệt, ngày càng thiếu vắng yêu cầu cao về "đức hy sinh", "công bộc" với dân và đất nước; sinh hoạt đảng ở không ít nơi mang tính hình thức, thiếu tính chiến đấu, thiếu tính tiền phong và chưa thể hiện rõ "là đạo đức, là văn minh" như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói.

- Trong điều kiện sự phát triển rất nhanh, đa dạng, phức tạp trên thế giới, sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhiều nước xã hội chủ nghĩa trước đây đã thay đổi chế độ và con đường phát triển, một số ít nước tiếp tục đi theo con đường phát triển xã hội chủ nghĩa nhưng cũng phải thay đổi thể chế phát triển - phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế sâu rộng; do đó cuộc đấu tranh về lý luận, tư tưởng và mô hình phát triển trên thế giới trở nên phức tạp hơn. Một bộ phận cán bộ, đảng viên suy giảm (thậm chí mất) lòng tin vào con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, cho rằng cần phải đi theo mô hình chủ nghĩa xã hội dân chủ hoặc một con đường khác nào đó.

- Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên ở mọi cấp thiếu ý thức học tập, rèn luyện, tu dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực lãnh đạo quản lý và phẩm chất đạo đức; có tư tưởng tự mãn, tự coi mình là "chân lý", không thấu hiểu sâu sắc được yêu cầu, bản chất và xu thế phát triển của

đất nước cũng như của thế giới. Do đó, các cơ chế, chính sách và giải pháp đưa ra có khi không phù hợp, lạc hậu, "chạy theo sau" sự phát triển, mang tính "chữa cháy", ngắn hạn, thiếu tầm nhìn định hướng trung và dài hạn.

- Chế độ và chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức chưa thể hiện rõ gắn cống hiến với hưởng thụ theo cơ chế thực tài, chưa thể hiện rõ yêu cầu "dưỡng liêm", thúc đẩy tinh thần dám chịu trách nhiệm, đổi mới - sáng tạo, ngược lại đang khuyến khích chạy theo chức quyền.

Việc nhận thức rõ các nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến tình trạng suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, để từ đó đề ra những giải pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn và khắc phục có hiệu quả tình trạng suy thoái là hết sức quan trọng.

NỘI HÀM KHÁI NIỆM "SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ", "SUY THOÁI VỀ ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG", BIỂU HIỆN "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CHÚNG

PGS. TS. NGUYỄN MINH TUẤN*

I- NỘI HÀM CỦA CÁC KHÁI NIỆM "SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ", "SUY THOÁI VỀ ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG", BIỂU HIỆN "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA"

1. Tư tưởng - tư tưởng chính trị và sự "suy thoái về tư tưởng chính trị"

Tư tưởng là sự phản ánh thế giới khách quan vào trí óc con người dưới dạng những khái niệm, phạm trù, những nguyên lý, quy luật... nhằm thỏa mãn các nhu cầu (nhận thức và hoạt động thực tiễn) của con người. Sự phản ánh thế giới khách quan đó rất đa dạng, trên nhiều lĩnh vực như: tư tưởng triết học, tư tưởng tôn giáo, tư tưởng thẩm mỹ hay tư tưởng chính trị...

---

* Viện trưởng Viện Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Tư tưởng chính trị là một hình thái ý thức xã hội, là sản phẩm của nhận thức và biểu hiện ở niềm tin vào mục tiêu lý tưởng, sự lãnh đạo của đảng chính trị và chế độ chính trị nhất định (đã từng có, đang có hoặc có thể có).

Hệ tư tưởng chính trị là hệ thống lý luận, quan điểm của một giai cấp, một chính đảng nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp đó, được biểu hiện thành các quan điểm chính trị, cụ thể hóa trong cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hệ tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay là: "lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động"[1].

Như vậy, "tư tưởng chính trị" mà Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đề cập đến chính là sự hiểu biết, niềm tin và quyết tâm chính trị của đội ngũ đảng viên và Nhân dân ta hiện nay về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chế độ chính trị duy nhất một Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Suy thoái về tư tưởng chính trị là sự giảm sút đến mức báo động về niềm tin của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và Nhân dân về con đường đi lên xã hội chủ nghĩa, nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chế độ chính trị duy nhất một Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị (theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Đảng):

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.88.

1- Phai nhạt lý tưởng cách mạng; dao động, giảm sút niềm tin vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hoài nghi, thiếu tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

2- Xa rời tôn chỉ, mục đích của Đảng; không kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; phụ họa theo những nhận thức lệch lạc, quan điểm sai trái.

3- Nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; lười học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4- Không chấp hành nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng; sa sút ý chí phấn đấu, không gương mẫu trong công tác; né tránh trách nhiệm, thiếu trách nhiệm, trung bình chủ nghĩa, làm việc qua loa, đại khái, kém hiệu quả; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao.

5- Trong tự phê bình còn giấu giếm, không dám nhận khuyết điểm; khi có khuyết điểm thì thiếu thành khẩn, không tự giác nhận kỷ luật. Trong phê bình thì nể nang, né tránh, ngại va chạm, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; lợi dụng phê bình để nịnh bợ, lấy lòng nhau hoặc vu khống, bôi nhọ, chỉ trích, phê phán người khác với động cơ cá nhân không trong sáng.

6- Nói và viết không đúng với quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nói không đi đôi với làm; hứa nhiều làm ít; nói một đằng, làm một nẻo; nói trong hội nghị khác, nói ngoài hội nghị khác; nói và làm không nhất quán giữa khi đương chức với lúc về nghỉ hưu.

7- Duy ý chí, áp đặt, bảo thủ, chỉ làm theo ý mình; không chịu học tập, lắng nghe, tiếp thu ý kiến hợp lý của người khác.

8- Tham vọng chức quyền, không chấp hành sự phân công của tổ chức; kén chọn chức danh, vị trí công tác; chọn nơi có nhiều lợi ích, chọn việc dễ, bỏ việc khó; không sẵn sàng nhận nhiệm vụ ở nơi xa, nơi có khó khăn. Thậm chí còn tìm mọi cách để vận động, tác động, tranh thủ phiếu bầu, phiếu tín nhiệm cho cá nhân một cách không lành mạnh.

9- Vướng vào "tư duy nhiệm kỳ", chỉ tập trung giải quyết những vấn đề ngắn hạn trước mắt, có lợi cho mình; tranh thủ bổ nhiệm người thân, người quen, người nhà dù không đủ tiêu chuẩn, điều kiện giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc bố trí, sắp xếp vào vị trí có nhiều lợi ích[1].

2. Đạo đức, lối sống và sự "suy thoái về đạo đức, lối sống"

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội thừa nhận, nhằm điều chỉnh và đánh giá hành vi ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội.

Đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên không chỉ thể hiện ở truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc mà còn thể hiện ở tinh thần hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của Nhân dân, tận trung với nước, tận hiếu với dân, hết lòng, hết sức phục vụ sự nghiệp của Đảng, của Tổ quốc và Nhân dân, đặt lợi ích của cách mạng, của đất nước và Nhân dân lên

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII,* Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.28-30.

trên lợi ích của cá nhân; thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư.

Lối sống là một trong những đặc trưng của văn hóa thông qua hoạt động sống của con người do cộng đồng người chấp nhận trong một khoảng thời gian tương đối ổn định và điều kiện sống nhất định.

Cũng như đạo đức, lối sống phụ thuộc vào thời đại con người đang sống, với các điều kiện vật chất, kinh tế, các quan hệ xã hội, các thói quen, tập quán, tục lệ của thời đại đó.

Sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên hiện nay là sự suy giảm đến mức báo động về đạo đức, lối sống theo chiều hướng tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và ngày càng xa lạ với truyền thống đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

Biểu hiện "suy thoái về đạo đức, lối sống" theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Đảng:

1- Cá nhân chủ nghĩa, sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi; chỉ lo thu vén cá nhân, không quan tâm đến lợi ích tập thể; ganh ghét, đố kỵ, so bì, tị nạnh, không muốn người khác hơn mình.

2- Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ; đoàn kết xuôi chiều, dân chủ hình thức; cục bộ, bè phái, kèn cựa địa vị, tranh chức, tranh quyền; độc đoán, gia trưởng, thiếu dân chủ trong chỉ đạo, điều hành.

3- Kê khai tài sản, thu nhập không trung thực.

4- Mắc bệnh "thành tích", háo danh, phô trương, che giấu khuyết điểm, thổi phồng thành tích, "đánh bóng" tên tuổi; thích được đề cao, ca ngợi; "chạy thành tích", "chạy khen thưởng", "chạy danh hiệu".

5- Quan liêu, xa rời quần chúng, không sâu sát cơ sở, thiếu kiểm tra, đôn đốc, không nắm chắc tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị mình; thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn, bức xúc và đòi hỏi chính đáng của Nhân dân.

6- Quyết định hoặc tổ chức thực hiện gây lãng phí, thất thoát tài chính, tài sản, ngân sách nhà nước, đất đai, tài nguyên...; đầu tư công tràn lan, hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả; mua sắm, sử dụng tài sản công vượt quy định; chi tiêu công quỹ tùy tiện, vô nguyên tắc. Sử dụng lãng phí nguồn nhân lực, phí phạm thời gian lao động.

7- Tham ô, tham nhũng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn cấu kết với doanh nghiệp, với đối tượng khác để trục lợi. Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực.

8- Thao túng trong công tác cán bộ; chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ, chạy luân chuyển, chạy bằng cấp, chạy tội... Sử dụng quyền lực được giao để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi.

9- Đánh bạc, rượu chè bê tha, mê tín dị đoan, ủng hộ hoặc tham gia các tổ chức tôn giáo bất hợp pháp. Sa vào các tệ nạn xã hội, vi phạm thuần phong, mỹ tục, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, chuẩn mực đạo đức gia đình và xã hội[1].

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd,* tr.30-32.

3. "Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ và những biểu hiện của "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" (theo nghĩa thông thường) là một quá trình sự vật tự thay đổi về chất.

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ mà Đảng đề cập trong Văn kiện Đảng (không theo nghĩa thông thường nêu trên), là hậu quả của sự "suy thoái tư tưởng chính trị", "đạo đức, lối sống" của cán bộ, đảng viên; là quá trình tự biến đổi về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống theo chiều hướng tiêu cực, làm mất dần các giá trị chuẩn mực của người đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam dẫn đến suy giảm niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thiếu niềm tin và có thể từ bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn.

Biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Đảng:

1- Phản bác, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; đòi thực hiện "đa nguyên, đa đảng".

2- Phản bác, phủ nhận nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đòi thực hiện thể chế "tam quyền phân lập", phát triển "xã hội dân sự". Phủ nhận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chế độ sở hữu toàn dân về đất đai.

3- Nói, viết, làm trái quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hạ thấp, phủ

nhận những thành quả cách mạng; thổi phồng khuyết điểm của Đảng, Nhà nước. Xuyên tạc lịch sử, bịa đặt, vu cáo các lãnh tụ tiền bối và lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

4- Kích động tư tưởng bất mãn, bất đồng chính kiến, chống đối trong nội bộ. Lợi dụng và sử dụng các phương tiện thông tin, truyền thông, mạng xã hội để nói xấu, bôi nhọ, hạ thấp uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng, gây chia rẽ nội bộ, nghi ngờ trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

5- Phủ nhận vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang; đòi "phi chính trị hoá" quân đội và công an; xuyên tạc đường lối quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; chia rẽ quân đội với công an; chia rẽ Nhân dân với quân đội và công an.

6- Móc nối, cấu kết với các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị để truyền bá tư tưởng, quan điểm đối lập; vận động, tổ chức, tập hợp lực lượng để chống phá Đảng và Nhà nước.

7- Đưa thông tin sai lệch, xuyên tạc đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước; thông tin phiến diện, một chiều về tình hình quốc tế, gây bất lợi trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước.

8- Phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với báo chí, văn học - nghệ thuật. Tác động, lôi kéo, lái dư luận xã hội không theo đường lối của Đảng; cổ súy cho quan điểm, tư tưởng dân chủ cực đoan; thổi phồng mặt trái của xã hội. Sáng tác, quảng bá những tác phẩm văn hóa, nghệ thuật lệch lạc, bóp méo lịch sử, hạ thấp uy tín của Đảng.

9- Có tư tưởng dân tộc hẹp hòi, tôn giáo cực đoan. Lợi dụng vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", dân tộc, tôn giáo để

gây chia rẽ nội bộ, gây chia rẽ giữa các dân tộc, giữa các tôn giáo, giữa dân tộc và tôn giáo, giữa các dân tộc, tôn giáo với Đảng và Nhà nước[1].

II- MỐI QUAN HỆ "SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ", "SUY THOÁI VỀ ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG", BIỂU HIỆN "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA"

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã khẳng định mối quan hệ đặc biệt - mối quan hệ nhân quả: sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Vì rằng:

Về khách quan, các thế lực thù địch thực hiện "diễn biến hoà bình" bằng cách thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ Đảng và nhân dân ta. Là một thủ đoạn, một mục tiêu của "diễn biến hòa bình" - không đánh mà thắng của các thế lực thù địch nhằm lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Về chủ quan, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ sẽ diễn ra ngày càng nhanh chóng khi đời sống khó khăn, phân cực giàu, nghèo quá lớn, quá nhanh, tình trạng mất dân chủ, tham nhũng phổ biến trong xã hội, Nhà nước không thể kiểm soát và giải quyết những vấn đề bức xúc trong xã

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd,* tr.32-34.

hội làm cho niềm tin của đảng viên và Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng giảm sút.

Do đó, việc phòng, chống sự suy thoái về "tư tưởng chính trị", "đạo đức, lối sống" sẽ phòng ngừa, ngăn chặn được sự "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Tích cực phòng, chống sự suy thoái về "tư tưởng chính trị", "đạo đức, lối sống" là cách tốt nhất trong cuộc đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Đồng thời, tăng cường đổi mới, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh lại là cách tốt nhất để phòng, chống suy thoái về "tư tưởng chính trị", "đạo đức, lối sống" trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Những kết quả thiết thực, rõ nét về đổi mới, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh lại là cách tốt nhất để thắt chặt mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân, làm vô hiệu hóa âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Sự suy thoái về tư tưởng chính trị cũng là nguồn gốc có thể dễ dẫn đến suy thoái về đạo đức cách mạng của đội ngũ đảng viên. Trái lại, không phải suy thoái về tư tưởng chính trị nào cũng dẫn đến sự suy thoái về đạo đức lối sống nói chung. Trong điều kiện nhất định, cho dù mất niềm tin đối với thể chế chính trị - tức là suy thoái về tư tưởng chính trị nhưng trong họ, những giá trị về đạo đức truyền thống dân tộc, thậm chí có những giá trị đạo đức nhân loại vẫn trường tồn như tính nhân đạo, đồng cảm, vị tha... Sự nguy hiểm về suy thoái tư tưởng chính trị vô cùng to lớn, nhất là đối với người giữ cương vị lãnh đạo càng cao, có thể phản bội đất nước, tiếp tay cho kẻ thù dân tộc.

Suy thoái về đạo đức, lối sống là một dạng của suy thoái về chính trị tư tưởng, nhất là trong điều kiện Đảng cầm

quyền nhưng suy thoái về tư tưởng chính trị có sự khác biệt nhất định với suy thoái về đạo đức, lối sống. Đạo đức yếu kém, suy đồi thường dẫn đến dao động, mất niềm tin vào chế độ chính trị, từ bỏ và vi phạm nguyên tắc hoạt động của Đảng nhưng trong nhiều trường hợp, suy thoái về tư tưởng thì chưa hẳn đã dẫn đến suy thoái về đạo đức. Trên thực tế, có những người có thể thiếu tin tưởng vào đường lối chính trị, không thừa nhận hệ tư tưởng của Đảng, thậm chí bất đồng chính kiến với Đảng, hoang mang, dao động, giảm sút niềm tin vào chủ nghĩa xã hội nhưng vẫn là người có đạo đức, giữ được phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh và được mọi người yêu mến.

Vì thế, không thể đồng nhất suy thoái về tư tưởng chính trị với suy thoái về đạo đức, lối sống (trừ đạo đức cách mạng của một bộ phận cán bộ, đảng viên - yêu cầu cao hơn về đạo đức lối sống của một cộng đồng nhân dân nói chung).

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Đó là hậu quả của quá trình suy thoái về chính trị tư tưởng từ bên trong đội ngũ đảng viên, quần chúng nhân dân - lực lượng chủ yếu của cuộc cách mạng có thể dẫn đến tự tan rã của Đảng và sinh mệnh chính trị của Đảng, của chế độ xã hội chủ nghĩa hiện nay nếu không được phát hiện và ngăn chặn kịp thời.

Hậu quả cuối cùng của "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ là chuyển hóa chính trị. Biểu hiện chuyển hóa chính trị ở Việt Nam có thể xuất hiện từ hai hướng: *Một là,* hoạt động tác động chuyển hóa chính trị của các thế lực thù địch; *Hai là,* sự "tự chuyển hóa" chính trị của nội bộ.

Tuy nhiên hai hướng này có quan hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau. Yếu tố bên ngoài thúc đẩy tạo điều kiện cho yếu tố bên trong; yếu tố bên trong tạo sự chú ý và điều kiện thuận lợi cho yếu tố bên ngoài. Trong đó, "tự chuyển hóa" bên trong sẽ quyết định sự thay đổi về chính trị nên hết sức nguy hiểm. Do vậy, phương châm, nguyên tắc đảm bảo an ninh nội bộ, phòng chống chuyển hóa chính trị là phải chủ động phòng ngừa, giữ vững bên trong là chính.

Như vậy, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, đảng viên là sự suy thoái từ bên trong, là quá trình tự biến đổi về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên theo chiều hướng tiêu cực. Chủ thể của "tự diễn biến" là cán bộ, đảng viên, bất kể ở vị trí nào. Vị trí của người cán bộ, đảng viên càng cao thì hậu quả tiêu cực của "tự diễn biến" càng lớn. Còn chủ thể của "tự chuyển hóa" vừa là cán bộ, đảng viên, vừa là tổ chức của chính những cán bộ, đảng viên đó. Tuy nhiên, sự xác định như vậy cũng chỉ mang tính tương đối. "Tự diễn biến" và "tự chuyển hóa" có quan hệ chặt chẽ với nhau giống như mối quan hệ không thể phân biệt giữa cá nhân trong tổ chức mà cá nhân đó là thành viên. "Tự diễn biến" là quá trình thẩm thấu từng ngày, từng hoạt động của các chủ thể, còn "tự chuyển hóa" là đích đến, là hệ quả của "tự diễn biến" của các cá nhân, tổ chức.

Cảnh báo được nguy cơ "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII đã bổ sung nhiệm vụ xây dựng Đảng về đạo đức. Các mặt xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức gắn bó chặt chẽ, tác động qua lại, là cơ sở, tiền đề và là hệ quả của nhau, thúc đẩy nhau, bảo đảm cho Đảng Cộng sản Việt Nam thực sự là đội tiên phong lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Từ đây, xây dựng Đảng về đạo đức trở thành một trong bốn "trụ cột" của công tác xây dựng Đảng, có mối quan hệ qua lại giữa các mặt trong nội dung xây dựng Đảng và là nhân tố quan trọng góp phần bảo đảm cho xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Xây dựng Đảng về đạo đức góp phần giữ vững bản lĩnh chính trị, đồng thời, đạo đức làm cho chính trị, nhất là quyền lực thấm nhuần tinh thần nhân văn, không bị tha hóa, mất phương hướng và sai lầm, nhất là trong điều kiện nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Xây dựng Đảng về đạo đức là sự kết hợp giữa giáo dục nhận thức với bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cách mạng, hình thành niềm tin khoa học và thực hành đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, trong từng tổ chức đảng và trong toàn Đảng. Chính vì thế mà khi nói về mối quan hệ giữa tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống Bác Hồ đã chỉ rõ: "Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được"[1].

Để phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15-5-2016, của Bộ Chính trị *Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*. Đây là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị, gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.668.

Mỗi đảng viên phải tự giác rèn luyện đạo đức cách mạng, coi đó là cách tốt nhất để xây dựng Đảng về đạo đức vì theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong"[1]. Sức mạnh của đạo đức trong Đảng là một trong những nhân tố quan trọng bảo đảm đủ sức chống lại âm mưu "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, ngăn chặn những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t.11, tr.612.

NHẬN THỨC CÁC PHẠM TRÙ CƠ BẢN VỀ NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG VÀ "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA"

ThS. LÊ THỊ PHƯỢNG*

Tư tưởng chính trị và suy thoái tư tưởng chính trị

Tư tưởng chính trị phản ánh những quan điểm, ý thức chính trị cơ bản dựa trên những lợi ích của giai cấp và tầng lớp trong xã hội, phản ánh quyền lợi của giai cấp, tầng lớp; tương quan lợi ích của giai cấp, tầng lớp này với các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội. Tư tưởng chính trị là một hình thái ý thức xã hội bên cạnh các hình thái tư tưởng triết học, pháp quyền, đạo đức, tôn giáo..., trong đó tư tưởng chính trị chi phối các hình thái tư tưởng khác.

Tư tưởng chính trị chiếm vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển chính trị - xã hội. Tư tưởng chính trị ảnh hưởng bao trùm mọi lĩnh vực của đời sống tinh thần xã hội, chi phối các lĩnh vực pháp lý, đạo đức, tôn giáo... Điều đặc biệt đáng lưu ý rằng tư tưởng chính trị của giai cấp cầm quyền có tác động trở lại cơ sở kinh tế và có thể làm thay đổi cơ sở kinh tế. Tác động tích cực hay tiêu cực của tư tưởng chính trị phụ

* Học viện Chính trị Khu vực I.

thuộc vào tính chất tiến bộ hoặc phản tiến bộ của giai cấp mang tư tưởng đó.

Tư tưởng chính trị tiến bộ, thường là của giai cấp đại diện cho lực lượng tiến bộ của thời đại, hội tụ được những lực lượng tinh tú, am hiểu thực tiễn chính trị - xã hội dựa trên nền tảng tri thức khoa học, quy luật khách quan. Những tư tưởng chính trị đó được ghi nhận, đồng tình trong xã hội và có triển vọng phát triển vững vàng. Ngược lại, tư tưởng chính trị của các giai cấp đã lạc hậu, lỗi thời so với sự phát triển của lịch sử, có mục tiêu bảo vệ lợi ích riêng của họ, là sự kìm hãm sự phát triển của xã hội.

Tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, lý luận khoa học về chủ nghĩa xã hội. Nó không chỉ là sự thể hiện lợi ích của giai cấp công nhân mà còn là khoa học về sự giải phóng con người, dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động đấu tranh xoá bỏ áp bức, bất công, xây dựng xã hội mới tốt đẹp, phù hợp với quy luật phát triển và tiến bộ xã hội. Vì vậy, chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ tư tưởng chính trị khoa học và tiến bộ. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động"[1].

Thuật ngữ "suy thoái về tư tưởng chính trị" lần đầu tiên được Đảng ta chính thức sử dụng trong Văn kiện Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII (2-1999). Suy thoái về tư tưởng chính trị thực chất là sự biến đổi theo chiều hướng xấu dần về phẩm chất chính trị của một bộ phận cán bộ,

---

1. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 4.

đảng viên, dẫn tới sự xa rời những nguyên tắc, quan điểm chính trị. "Sự phai nhạt lý tưởng, niềm tin vào mục tiêu, con đường mà Đảng ta đã lựa chọn; nghi ngờ vai trò cũng như năng lực lãnh đạo của Đảng trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước"[1].

Suy thoái về tư tưởng chính trị biểu hiện ra ở nhiều cấp độ: sự dao động về lập trường quan điểm, suy giảm tinh thần đấu tranh; sự hoài nghi về lý tưởng cộng sản, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, hoài nghi về các đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; biểu hiện của sự "sám hối" về lý tưởng, về con đường đã lựa chọn.

Biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị thể hiện ở chín nội dung sau:

"1) Phai nhạt lý tưởng cách mạng; dao động, giảm sút niềm tin vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hoài nghi, thiếu tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

2) Xa rời tôn chỉ, mục đích của Đảng; không kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; phụ họa theo những nhận thức lệch lạc, quan điểm sai trái.

3) Nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; lười học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

---

1. Nguyễn Đức Kha: "Nhận diện sự suy thoái về tư tưởng chính trị", Tạp chí *Cộng sản,* tháng 10-2012.

4) Không chấp hành nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng; sa sút ý chí phấn đấu, không gương mẫu trong công tác; né tránh trách nhiệm, thiếu trách nhiệm, trung bình chủ nghĩa, làm việc qua loa, đại khái, kém hiệu quả; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao.

5) Trong tự phê bình còn giấu giếm, không dám nhận khuyết điểm; khi có khuyết điểm thì thiếu thành khẩn, không tự giác nhận kỷ luật. Trong phê bình thì nể nang, né tránh, ngại va chạm, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; lợi dụng phê bình để nịnh bợ, lấy lòng nhau hoặc vu khống, bôi nhọ, chỉ trích, phê phán người khác với động cơ cá nhân không trong sáng.

6) Nói và viết không đúng với quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nói không đi đôi với làm; hứa nhiều làm ít; nói một đằng, làm một nẻo; nói trong hội nghị khác, nói ngoài hội nghị khác; nói và làm không nhất quán giữa khi đương chức với lúc về nghỉ hưu.

7) Duy ý chí, áp đặt, bảo thủ, chỉ làm theo ý mình; không chịu học tập, lắng nghe, tiếp thu ý kiến hợp lý của người khác.

8) Tham vọng chức quyền, không chấp hành sự phân công của tổ chức; kén chọn chức danh, vị trí công tác; chọn nơi có nhiều lợi ích, chọn việc dễ, bỏ việc khó; không sẵn sàng nhận nhiệm vụ ở nơi xa, nơi có khó khăn. Thậm chí còn tìm mọi cách để vận động, tác động, tranh thủ phiếu bầu, phiếu tín nhiệm cho cá nhân một cách không lành mạnh.

9) Vướng vào "tư duy nhiệm kỳ", chỉ tập trung giải quyết những vấn đề ngắn hạn trước mắt, có lợi cho mình; tranh thủ

bổ nhiệm người thân, người quen, người nhà dù không đủ tiêu chuẩn, điều kiện giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc bố trí, sắp xếp vào vị trí có nhiều lợi ích"[1].

Đạo đức, lối sống và suy thoái đạo đức, lối sống

Đạo đức "là hệ thống các quy tắc, chuẩn mực xã hội mà nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng, của xã hội"[2]. "Lối sống của con người là các chiều cạnh chủ quan của văn hóa, là quá trình hiện thực hóa các giá trị văn hóa thông qua hoạt động sống của con người. Lối sống bao gồm tất cả những hoạt động sống và phương thức tiến hành các hoạt động sống được một bộ phận lớn hoặc toàn thể nhóm hay cộng đồng người chấp nhận và thực hành trong một khoảng thời gian tương đối ổn định, đặt trong mối tương tác biện chứng của các điều kiện sống hiện hữu và trong các mối liên hệ lịch sử của chúng"[3]. "Lối sống mới là phương thức sống của con người thể hiện ở sự lựa chọn các hoạt động và cách thức thực hiện các hoạt động đó mang tính dân tộc, hiện đại, nhân văn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm thực hiện mục tiêu phát triển con người toàn diện trên các lĩnh vực đức, trí, thể, mỹ"[4].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd,* tr.28-30.

2. Mai Văn Bính (Chủ biên): *Giáo dục công dân 10*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2014.

3. Phạm Hồng Tung: "Nghiên cứu về lối sống: Một số vấn đề về khái niệm và cách tiếp cận", Tạp chí *Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội*, Khoa học Xã hội và Nhân văn, 23 (2007).

4. Nguyễn Thị Thanh Hà: "Giá trị đạo đức truyền thống dân tộc với việc xây dựng lối sống mới cho sinh viên Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay", Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2014.

Biểu hiện về suy thoái đạo đức, lối sống được khái quát thành chín nội dung lớn sau đây:

"1) Cá nhân chủ nghĩa, sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi; chỉ lo thu vén cá nhân, không quan tâm đến lợi ích tập thể; ganh ghét, đố kỵ, so bì, tị nạnh, không muốn người khác hơn mình.

2) Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ; đoàn kết xuôi chiều, dân chủ hình thức; cục bộ, bè phái, kèn cựa địa vị, tranh chức, tranh quyền; độc đoán, gia trưởng, thiếu dân chủ trong chỉ đạo, điều hành.

3) Kê khai tài sản, thu nhập không trung thực.

4) Mắc bệnh "thành tích", háo danh, phô trương, che giấu khuyết điểm, thổi phồng thành tích, "đánh bóng" tên tuổi; thích được đề cao, ca ngợi; "chạy thành tích", "chạy khen thưởng", "chạy danh hiệu".

5) Quan liêu, xa rời quần chúng, không sâu sát cơ sở, thiếu kiểm tra, đôn đốc, không nắm chắc tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị mình; thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn, bức xúc và đòi hỏi chính đáng của Nhân dân.

6) Quyết định hoặc tổ chức thực hiện gây lãng phí, thất thoát tài chính, tài sản, ngân sách nhà nước, đất đai, tài nguyên...; đầu tư công tràn lan, hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả; mua sắm, sử dụng tài sản công vượt quy định; chi tiêu công quỹ tùy tiện, vô nguyên tắc. Sử dụng lãng phí nguồn nhân lực, phí phạm thời gian lao động.

7) Tham ô, tham nhũng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn cấu kết với doanh nghiệp, với đối tượng khác để trục lợi. Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực.

8) Thao túng trong công tác cán bộ; chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ, chạy luân chuyển, chạy bằng cấp, chạy tội... Sử dụng quyền lực được giao để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi.

9) Đánh bạc, rượu chè bê tha, mê tín dị đoan, ủng hộ hoặc tham gia các tổ chức tôn giáo bất hợp pháp. Sa vào các tệ nạn xã hội, vi phạm thuần phong, mỹ tục, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, chuẩn mực đạo đức gia đình và xã hội"[1].

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa"

Theo *Từ điển tiếng Việt*, diễn biến là biến đổi theo chiều hướng nào đó, chuyển hóa là biến đổi từ dạng này, hình thái này sang dạng khác, hình thái khác.

Xét về mặt triết học, tự diễn biến, tự chuyển hóa nói chung là sự vận động thay đổi, biến đổi của sự vật, hiện tượng, của quá trình tự nhiên, xã hội và tư duy. Đó là quá trình vận động tất yếu của hiện tượng, sự vật trong tự nhiên và xã hội. Quá trình vận động này có tính hai chiều: vận động theo hướng tiến bộ gọi là phát triển, tích cực; vận động theo hướng phản tiến bộ gọi là suy thoái, tiêu cực. Trong bối cảnh hiện nay, chúng ta đang dùng ý nghĩa của sự vận động này theo hướng tiêu cực, nên để trong ngoặc kép "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". "Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" là quá trình tự phủ định mặt khẳng định, mặt tích cực.

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" là sự suy thoái, thay đổi quan điểm, lập trường tư tưởng chính trị ở một bộ phận cán

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd,* tr.30-32.

bộ, đảng viên theo hướng cực đoan. Có chín biểu hiện rõ nét về "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" bao gồm:

"1) Phản bác, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; đòi thực hiện "đa nguyên, đa đảng".

2) Phản bác, phủ nhận nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đòi thực hiện thể chế "tam quyền phân lập", phát triển "xã hội dân sự". Phủ nhận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chế độ sở hữu toàn dân về đất đai.

3) Nói, viết, làm trái quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hạ thấp, phủ nhận những thành quả cách mạng; thổi phồng khuyết điểm của Đảng, Nhà nước. Xuyên tạc lịch sử, bịa đặt, vu cáo các lãnh tụ tiền bối và lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

4) Kích động tư tưởng bất mãn, bất đồng chính kiến, chống đối trong nội bộ. Lợi dụng và sử dụng các phương tiện thông tin, truyền thông, mạng xã hội để nói xấu, bôi nhọ, hạ thấp uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng, gây chia rẽ nội bộ, nghi ngờ trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

5) Phủ nhận vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang; đòi "phi chính trị hoá" quân đội và công an; xuyên tạc đường lối quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; chia rẽ quân đội với công an; chia rẽ Nhân dân với quân đội và công an.

6) Móc nối, cấu kết với các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị để truyền bá tư tưởng, quan điểm đối lập; vận động, tổ chức, tập hợp lực lượng để chống phá Đảng và Nhà nước.

7) Đưa thông tin sai lệch, xuyên tạc đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước; thông tin phiến diện, một chiều về tình hình quốc tế, gây bất lợi trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước.

8) Phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với báo chí, văn học - nghệ thuật. Tác động, lôi kéo, lái dư luận xã hội không theo đường lối của Đảng; cổ súy cho quan điểm, tư tưởng dân chủ cực đoan; thổi phồng mặt trái của xã hội. Sáng tác, quảng bá những tác phẩm văn hóa, nghệ thuật lệch lạc, bóp méo lịch sử, hạ thấp uy tín của Đảng.

9) Có tư tưởng dân tộc hẹp hòi, tôn giáo cực đoan. Lợi dụng vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", dân tộc, tôn giáo để gây chia rẽ nội bộ, gây chia rẽ giữa các dân tộc, giữa các tôn giáo, giữa dân tộc và tôn giáo, giữa các dân tộc, tôn giáo với Đảng và Nhà nước"[1].

Mối quan hệ của các phạm trù

"Suy thoái về tư tưởng chính trị" gắn với "suy thoái về đạo đức, lối sống", có tác động qua lại lẫn nhau. Có thể xác định sự suy thoái tư tưởng chính trị qua đạo đức, lối sống và ngược lại, biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống để nhận biết suy thoái về chính trị tư tưởng trong mỗi cán bộ, đảng viên. Mức độ trầm trọng vừa suy thoái về tư tưởng chính trị vừa suy thoái về đạo đức, lối sống sẽ dẫn tới "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" thường gắn chặt với suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của con người.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd,* tr.32-34.

Thực tế cho thấy, mối quan hệ giữa "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" với suy thoái về tư tưởng chính trị và suy thoái về đạo đức, lối sống có quan hệ vừa trực tiếp vừa gián tiếp.

Theo nguyên lý triết học Mác - Lênin, mối tương quan này gắn với mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng với kiến trúc thượng tầng. Khi đã phai nhạt lý tưởng, sa vào tham nhũng, dùng tiền để chạy chức, chạy quyền, chạy tội,... hình thành các "nhóm lợi ích nhóm", lũng đoạn quyền lực, tha hóa quyền lực. Nhiều hệ quả có thể diễn ra như đảo lộn giá trị chân chính của xã hội, trắng đen lẫn lộn, lạc lối và nguy cơ lớn có thể xảy ra là thay đổi chế độ. Thay đổi nhận thức theo hướng không chỉ phủ nhận, không tin vào các nền tảng tư tưởng, lý luận, các quan điểm của Đảng, phủ định sạch trơn chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngăn chặn, đẩy lùi

Trong *Từ điển tiếng Việt*, nghĩa của từ "ngăn chặn" được hiểu một cách phổ biến nhất là dừng, ngừng, chặn lại không cho diễn tiếp hiện tượng, sự vật gây tác hại xấu. Từ "đẩy lùi" là làm cho phải lùi lại, không tiến lên, không phát triển được nữa.

Từ góc độ ngôn ngữ như vậy, hai từ "ngăn chặn" và "đẩy lùi" đặt trong luận đề "*Ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ ở nước ta hiện nay: thực trạng, vấn đề đặt ra và định hướng giải pháp"* có nghĩa là ngăn lại, dừng lại, chặn lại, kiềm chế sự suy thoái để tình trạng không thể diễn biến xấu hơn nữa, gây tác hại xấu cho Đảng và xã hội.

Những hành động để ngăn lại, dừng lại, chặn lại, kiềm chế sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" phải được tiến hành bằng hệ thống các công cụ, biện pháp, hình thức phù hợp. Chẳng hạn, có thể sử dụng các quy định của Đảng, Nhà nước, đoàn thể; biện pháp tổ chức, hành chính, nêu gương, cưỡng chế; chế tài xử lý nghiêm minh; thực hiện tuyên truyền, phản biện xã hội, phát huy dân chủ trong các tổ chức và xã hội, vai trò cá nhân và cộng đồng dân cư trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"...

"TỰ DIỄN BIẾN - TỰ CHUYỂN HÓA" - PHÁC THẢO MỘT LỘ TRÌNH KHÁI NIỆM TỪ LÝ THUYẾT KINH ĐIỂN ĐẾN THỰC TIỄN CHÍNH TRỊ HIỆN ĐẠI

TS. TRƯƠNG MINH HUY VŨ*

Bài viết này nhằm cung cấp một cách tiếp cận lý thuyết cho khái niệm "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong Đảng Cộng sản và hệ thống chính trị Việt Nam. Bằng việc thảo luận những nghiên cứu lý thuyết kinh điển của triết học, xã hội học, tâm lý học và kinh tế - chính trị trong thế kỷ vừa qua liên quan đến các khái niệm hay hình thái tương đồng, bài viết cung cấp một bức tranh đa dạng về mặt học thuật của hiện tượng này. Trong khi các khảo cứu đi trước chỉ ra rằng không có một cách tiếp cận duy nhất về mặt hiện tượng, cũng như có thể soi vấn đề ở nhiều lăng kính (cả trong bản thể luận, nhận thức luận, lẫn phương pháp luận), thì việc rút ra một số nguyên tắc chung, hay tương đồng về lôgíc là cần thiết. Với cuộc thảo luận "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" ở Việt Nam, những kết quả này có thể đóng góp thêm một số góc nhìn về mặt khái niệm, phân định các nguyên nhân và

---

* Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế (SCIS), Phó Trưởng khoa, kiêm Trưởng Bộ môn Chính trị quốc tế thuộc Khoa Quan hệ quốc tế, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

giúp định hình những cách tiếp cận khác nhau cả trong việc phân tích lẫn trong việc đưa ra những giải pháp xử lý.

Bài viết bắt đầu bằng việc thảo luận về một khung tiếp cận lý thuyết và những phạm trù cần chú ý của nó. Dựa trên ba phạm trù khung đó, các phân tích những khái niệm tương đồng như "tha hóa", "suy thoái đạo đức", "suy thoái chính trị", sẽ được lần lượt trình bày dưới các góc nhìn khác nhau, từ triết học, tâm lý - xã hội học và kinh tế chính trị học (cả trường phái cổ điển, lẫn hiện đại). Bài viết cố gắng gắn kết các khái niệm liên quan đến cuộc thảo luận "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong Đảng Cộng sản và hệ thống chính trị Việt Nam.

Có nhiều cách hiểu và định nghĩa thế nào là một lý thuyết hay khung tiếp cận lý thuyết. Hiểu một cách đơn giản, lý thuyết là một giả định hay một hệ thống những giả định về một hiện tượng nào đó. Tuy vậy, không phải giả định nào cũng có thể xem là một lý thuyết. Một giả định mang tính lý thuyết không phụ thuộc vào một sự vật, sự việc hay một cá nhân cụ thể. Nói cách khác nó phải đảm bảo tính khái quát hóa, và thể hiện dưới dạng quy luật. Có ba phạm trù chính khi chúng ta bàn về một khung tiếp cận lý thuyết. Một là bản thể luận (ontology), hai là nhận thức luận (epistemology) và ba là phương pháp luận (methodology). Trong khi bản thể luận bàn về những gì trong thế giới khách quan mà con người có thể nhận thức được (thế giới quan), nhận thức luận tập trung vào phương thức mà con người nhận thức thế giới, hay nói cách khác là phương thức mà qua đó tri thức được tạo ra. Còn phương pháp luận đề cập đến các phương thức tiến hành thực nghiệm để kiểm chứng độ đúng - sai của lý thuyết đó.

Chẳng hạn liên quan đến bản thể luận, cuộc tranh luận đầu tiên về "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" có thể xoay quanh câu hỏi bản chất con người và thế giới xung quanh đang tồn tại trong đó như thế nào. Như C. Mác nhìn thế giới quan lăng kính chủ nghĩa duy vật biện chứng. Ông thừa hưởng của những nhà triết học duy tâm đi trước, mà nổi tiếng nhất là Hêghen - cho rằng con người có được giải phóng ra khỏi những minh định tự nhiên của mình bằng quá trình "đối tượng hóa" (vergegenständlichung), và quá trình này diễn tiến thông qua lao động. Trong các tác phẩm đầu tiên, C. Mác nhấn mạnh lao động không chỉ có ý nghĩa trong việc giải quyết các vấn đề tự thân của xã hội, mà còn là yếu tố mang giá trị lịch sử, tạo động lực thúc đẩy các tiến bộ của con người. Lao động là quan trọng và cần thiết, nhưng nó và mối quan hệ giữa các chủ thể lao động chỉ bắt đầu có vấn đề khi được đặt trong hình thái của chủ nghĩa tư bản. Quá trình thực hiện lao động phụ thuộc vào công cụ sản xuất của tầng lớp thống trị (ở đây là các nhà tư bản), khiến cho những người lao động chỉ có thể bán sức của mình như một món hàng.

Trong hình thái hoạt động của nền kinh tế tư bản, bóc lột giá trị thặng dư của giới chủ tạo nên sự tha hóa (entfremdung) trong mối quan hệ sản xuất, cũng như trong các mối quan hệ xã hội[1]. Như vậy, "tha hóa" với C. Mác là một tiến trình "biến đổi" (werden) của hệ thống sản xuất tư bản. Tiến trình này bắt đầu từ sự bất cân xứng trong sở hữu các tư liệu sản xuất giữa các tầng lớp khác nhau trong xã hội, một mặt tạo ra động lực cho những nhà tư bản tiếp tục thúc đẩy việc gia

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.42, tr.126-146.

tăng giá trị thặng dư, mặt khác tạo nên sự bần cùng hóa những người lao động trong quan hệ sản xuất. Khi mối quan hệ giữa con người và con người trở thành mối quan hệ giữa "hàng hóa" - tiền bạc thì đi cùng với đó là quá trình đánh mất nhân tính của mỗi cá thể.

Cùng chia sẻ với C. Mác về bản thể luận, tuy vậy nhận thức luận của nhà xã hội học người Pháp Georges Friedmann lại có nhiều điểm khác biệt. Đồng ý phương thức sản xuất của chủ nghĩa tư bản đang ngự trị trong quan hệ sản xuất của xã hội, tuy vậy không phải phương thức này tạo nên sự "tha hóa" mà nguyên nhân nằm chính ở các công nghệ và các hình thức tổ chức lao động của nó. Friedmann phân biệt giữa chức năng lao động và chức năng sản xuất trong các quy trình sản xuất lắp ráp tại các nhà máy hiện đại. Ông đã chỉ ra trong các nghiên cứu của mình rằng sự tha hóa bắt đầu từ thời điểm có sự đột phá của công nghệ. Theo ông, công nghệ giúp hiện thực hóa quy trình sản xuất hiện đại (chuyên môn hóa, tập trung hóa) khiến người lao động mất dần các định hình khái quát về toàn bộ quá trình sản xuất. Quá trình tự động hóa trong các nhà máy làm tăng khoảng cách giữa người lao động và sản phẩm, của cải mà họ tạo ra một cách đáng kể[1]. "Tha hóa" trong góc nhìn của nhà nghiên cứu người Pháp là một quá trình đánh mất cảm xúc chủ quan của người lao động với các giá trị lao động vốn có của bản thân họ.

---

1. Xem Friedmann, G: *The Anatomy of Work: Labor, Leisure, and the Implications of Automation*, trans, Wyatt Watson (Glencoe, Ill: Free Press, 1961).

Tiếp cận cả bản thể luận lẫn nhận thức luận, học giả người Mỹ Melvin Seeman - bằng phương pháp tiếp cận tâm lý học và xã hội học - đã đưa ra một khung phân tích xác định năm tiêu chí của hiện tượng "tha hóa" trong xã hội[1]. Trong đó bao gồm: (i) Sự bất lực trong việc kiểm tra và kiểm soát các hành vi và điều kiện làm việc của mình trong tổng thể một quy trình lao động hay một hệ thống công việc; (ii) Sự mất dần ý nghĩa về các giá trị được theo đuổi trong việc thực hiện các sản phẩm trong một quá trình lao động hay một tổ chức nào đó; (iii) Sự mất dần gắn bó của người lao động với vị trí mà anh/chị ta có hay sự mất dần cảm giác thuộc về cộng đồng làm việc đang hiện hữu; (iv) Trong xã hội, ông lưu ý thêm còn có hiện tượng "tự tha hóa", đồng nghĩa với quá trình những kinh nghiệm hay những cảm giác mà người lao động theo đuổi các công việc đang diễn ra hằng ngày không gắn kết được với bản thể của họ hay với những nhận thức (xã hội) của bản thân được hình thành từ trước đó; (v) Cuối cùng là sự đánh mất ý nghĩa của tự thân của mỗi cá nhân với các giá trị truyền thống hay những chuẩn mực của xã hội hay của cộng đồng.

Đánh mất các giá trị hiện thân của xã hội là một yếu tố quan trọng nhất của quá trình "tha hóa" trong bối cảnh phát triển của kinh tế chính trị hiện đại. Đó là nhận định của hai học giả người Đức viết trong một tiểu luận nghiên cứu về sự tha hóa từ góc nhìn kinh tế chính trị[2]. "Tha hóa" - theo hai

---

1. Xem *Seeman, M.*: "*On the Meaning of Alienation*", Amer. sociol. Rev., 1959, 24, 783-91.

2. Xem Frank P., Andreas S.: "Entfremdung und Institutionen," Diskussionsbeiträge der wirtschaftswissenschaftlichen Fakultät Ingolstadt der Katholischen Universität Eichstätt (ISSN 0938-2712) Nr. 44 Januar 1994.

tác giả này - làm "xói mòn" các giá trị thể chế chính thức lẫn phi chính thức vốn đã bén rễ từ lâu trong lòng xã hội, hay một hệ thống chính trị. Với chiều dài phân tầng lịch sử, nhà chính trị học Samuel Huntington với những nghiên cứu về sự ảnh hưởng của trật tự chính trị tới sự thay đổi trong xã hội, đã cụ thể hơn thông qua thuật ngữ "suy thoái chính trị" (political decay) để giải thích sự bất ổn về chính trị ở nhiều nước mới được độc lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai[1]. Huntington lập luận rằng hiện đại hóa kinh tế - xã hội gây ra những vấn đề cho các trật tự chính trị truyền thống. Một số hình thái kinh tế hay tổ chức chính trị nhận ra các chính sách hiện tại không còn phù hợp với sự thay đổi này nữa, dẫn đến việc xuất hiện các nhóm xã hội mới[2].

Điểm quan trọng của hai luồng quan điểm giữa "tha hóa" và "thể chế" nhấn mạnh rằng sự "suy thoái chính trị" không chỉ mang bản chất cá nhân mà nó có tính "lan tỏa". Nó đặt các nhóm cộng đồng hay mỗi cá nhân trước những sự lựa chọn khác nhau. Có những nhóm mong muốn bám giữ thiết chế, mô hình cũ, cũng có những nhóm muốn sử dụng hiện tượng "suy thoái chính trị" này để thúc đẩy việc tiến (nhanh) tới các mô hình mới, hoặc nếu dùng theo từ của C. Mác là điều chỉnh lại mối "quan hệ sản xuất" giữa các thành phần khác nhau trong xã hội.

Giả định sự duy lý của mỗi cá nhân trong quá trình hành động giải thích các lựa chọn. Theo mô thức "duy lý cá nhân" chẳng hạn, mỗi người tham gia cuộc chơi sẽ cố gắng giành lợi ích tuyệt đối về bản thân mình, và hoàn toàn

---

1, 2. Xem Huntington, S: "Political Modernization: America vs. Europe", *World Politics* (April 1966).

không chú ý tới việc liệu có một giải pháp "tất cả cùng thắng" (win-win situation) cùng những người chơi khác hay không. Trong ý nghĩ đó, người chơi A sẽ làm mọi thứ để giành chiến thắng, hoặc ít nhất không để cho các người chơi B, C và D không giành được lợi ích[1]. Ngược lại, theo "chủ nghĩa duy lý tập thể", A cố gắng đạt lợi ích, nhưng cũng đồng thời suy nghĩ đến việc liệu có một đáp số cùng thắng cho cả B, C và D hay không. Theo đuổi một giải pháp đôi bên cùng có lợi không chỉ giúp A đảm bảo lợi ích, mà còn giảm thiểu khả năng giải pháp của A bị các đối tác khác phản đối. Loại hình duy lý tập thể được các học giả nghiên cứu kinh tế chính trị quan tâm trong việc tìm hiểu lý do tại sao các nhóm khác nhau cùng có thể hợp tác/hay bất hợp tác để giải quyết các vấn đề chính sách.

Việc giằng co giữa các nhóm khác nhau là cội nguồn của tiến bộ xã hội, nếu hai bên đồng thuận về một quá trình chuyển giao hòa bình, không vũ lực, nhưng nó cũng có thể rất hỗn loạn và khắc nghiệt, nếu sự đồng thuận đó không đạt được, và quá trình giằng co kéo dài. Trong những hoàn cảnh bình thường thì không có gì đảm bảo rằng các thể chế chính trị cũ sẽ thích nghi được với những điều kiện mới một cách liên tục và suôn sẻ. Theo Huntington, các thể chế "có tính ổn định, có giá trị, và có tính chất lặp lại", trong đó chức năng quan trọng nhất là tạo điều kiện cho hành động

---

1. Lôgíc này được thể hiện rõ nhất trong trò chơi "Thế lưỡng nan của tù nhân", một trò chơi được biết đến nhiều nhất trong việc áp dụng lý thuyết trò chơi trong chính trị học. Xem thêm: Nye, J.: *Understanding International Conflicts: An Introduction to Theory and History*, Longman, 7 edition (July 21, 2008).

tập thể[1]. Nếu không có một số quy tắc rõ ràng và tương đối ổn định, con người sẽ phải thương lượng lại các tương tác của họ tại mỗi thời điểm thay đổi. Quá trình vượt qua các "suy thoái chính trị" diễn ra khi mô hình mới cung cấp tính chính đáng cho các quyết sách và hợp thức hóa các lựa chọn qua mô thức tạo đồng thuận của số đông.

Các tranh luận về "tha hóa", "suy thoái chính trị" - xét về cả ba phạm trù bản thể luận, nhận thức luận và phương pháp luận - cũng đã được nhiều học giả áp dụng để nghiên cứu các hệ thống chính trị trên thế giới. Chẳng hạn như mô hình cải cách của Đảng Cộng sản và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sau năm 1979 và đặc biệt là sau sự kiện xảy ra ở Quảng trường Thiên An Môn năm 1989. Các nghiên cứu nói về sự tha hóa theo quan điểm của C. Mác gây được nhiều chú ý khi phân tích các khía cạnh khác nhau của hình thái chủ nghĩa tư bản thông qua quá trình "hiện đại hóa" kinh tế len lỏi vào hệ thống chính trị của Trung Quốc[2]. Hay những nỗ lực giải thích hiện tượng tham nhũng như một quá trình "mất niềm tin vào ý thức hệ" kể từ cuối thời kỳ Mao Trạch Đông, yếu tố làm suy yếu khả năng ở Đảng Cộng sản Trung Quốc trong việc khuyến khích sự trung thành và đảm bảo những thiết chế kỷ luật cho các thành viên của mình[3].

---

1. Xem Huntington, S.: "Political Modernization: America vs. Europe", *World Politics* (April 1966).

2. Xem Cheng Li: "The End of the CCP's Resilient Authoritarianism? A Tripartite Assessment of Shifting Power in China", *The China Quarterly*, Volume 211, September 2012 , p. 595-623.

3. Pei M.: "The Chinese Political Order: Resilience or Decay," *Modern China Studies*, http://www.modernchinastudies.org/us/issues/current-issue/1361-the-chinese-political-order-resilience-or-decay.html

Đối mặt với việc "xói mòn" các giá trị thể chế chính thức lẫn phi chính thức vốn đã bén rễ từ lâu trong bản chất hệ thống, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã phải dùng đến nhiều biện pháp ứng phó khác nhau, trong đó bao gồm cả sự khích lệ các cơ chế kinh tài và bảo trợ về mặt vật chất để duy trì tính ổn định của hệ thống. Điều này - song song với đó - kích thích các quan hệ trao đổi hàng hóa, cùng với đó là tệ nạn tham nhũng. Việc được hưởng lợi từ việc cung cấp các đặc quyền và lợi ích thúc đẩy nhanh quá trình suy thoái chính trị, và khiến khoảng cách giữa Đảng như một tổ chức tiền phong, chính trị, đấu tranh vì giai cấp công, nông và các thành viên của Đảng càng doãng ra[1].

Hiện tượng "suy thoái chính trị" cũng được đề cập trong nhiều nghiên cứu chuyên sâu về hệ thống chính trị Mỹ. Bắt đầu từ khởi điểm một xã hội "kỵ" với "chính quyền to", hay "một nhà nước lớn", các điều luật, thiết chế của hệ thống này được xây dựng nhằm đảm bảo được hệ thống luôn tạo sự "cân bằng và đối trọng". Tuy vậy, hiện tượng mà càng nhiều nhà nghiên cứu nói đến là xu hướng "quá nhiều dân chủ" trong quy trình hoạch định chính sách, tạo không gian to lớn cho các nhóm lợi ích khác nhau can thiệp. Hai chính đảng - cộng hòa, lẫn dân chủ - dù cho ở vị trí cầm quyền hay đối lập đều không có động cơ đủ mạnh để tự cắt đứt việc tiếp cận với tài chính của các nhóm lợi ích này. Và hoạt động theo bản chất của mình, các nhóm lợi ích cũng cố gắng ảnh hưởng để xây dựng một hệ thống luật pháp bảo đảm quyền "vận động hành lang" của họ càng nhiều càng tốt.

---

1. Xem Cheng Li: "The End of the CCP's Resilient Authoritarianism? A Tripartite Assessment of Shifting Power in China," *Sđd*, p.595-623.

Bên cạnh sự trỗi dậy của các nhóm lợi ích, sự gia tăng nhanh chóng của quá trình lập pháp hóa các chức năng trong các nền dân chủ phát triển. Quá trình này đã dẫn tới sự bùng nổ của kiện tụng tốn kém, làm chậm quy trình quyết định và thực thi luật pháp không phù hợp. Niềm tin vào tư pháp độc lập cũng nằm trong hệ thống tư tưởng "cân bằng và đối trọng" của những người thành lập ra nhà nước Mỹ. Thiết chế tòa án, tuy thế, thay vì trở thành phương tiện ràng buộc chính phủ, lại trở thành các công cụ thay thế cho sự mở rộng của chính quyền. Nước Mỹ - như ngôn từ của nhà chính trị học Francis Fukuyama - cố gắng thoát khỏi nỗi sợ lạm quyền bởi một "chính quyền to", bằng một việc trao quyền cho "cơ chế chính trị" rộng lớn và đa dạng hơn. Nhưng thực chất cơ chế này thiếu đi tính giải trình bởi vì quyền lực rơi vào tay của những chính thể tòa án hay các nhóm vận động hành lang hoàn toàn không phải do dân chúng bầu lên. Đó chính là căn nguyên của "sự suy thoái chính trị" của các thể chế quyền lực dân cử của Mỹ[1].

*

* *

Như vậy, một số khảo cứu ban đầu gợi ý một hướng thảo luận cho cách tiếp cận khái niệm "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong Đảng Cộng sản và hệ thống chính trị Việt Nam. *Thứ nhất*, trong khi các học giả theo trường phái triết học Mác nhấn mạnh hệ thống kinh tế tư bản là nguyên nhân cốt lõi dẫn đến sự tha hóa, thì các nhà nghiên cứu tiếp theo dựa

1. Xem Francis Fukuyama: *Political Order and Political Decay: From the Industrial Revolution to the Globalization of Democracy*, Farrar, Straus and Giroux; Reprint edition, October 13, 2015.

trên các tiếp cận tâm lý - xã hội học lại mổ xẻ thêm các khía cạnh khác nhau dẫn đến hiện tượng này. Từ sự phát triển của khoa học - kỹ thuật, đến việc sản xuất lớn, đến nhu cầu tổ chức lại quy trình lao động; những quá trình làm cho yếu tố con người trở nên nhỏ bé, và bóc tách con người ra khỏi những phạm trù nhân bản mà họ thuộc về. Khía cạnh tâm lý - xã hội học nhìn nhận sự xói mòn của các khía cạnh nhân bản diễn ra tỷ lệ thuận với quá trình hiện đại hóa của nền sản xuất và quan hệ lao động mà mỗi chúng ta đang có.

Như một bổ sung quan trọng trong cuộc thảo luận chung, khái niệm "suy thoái chính trị" khái quát hóa các làn sóng phát triển của lịch sử đặc biệt là thời điểm sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Các học giả theo đuổi trường phái này coi "suy thoái chính trị" như một tương tác giữa cái cũ và cái mới xung quanh câu hỏi về quá trình hình thành một mô hình hay hệ thống mới. Sự tương tác này diễn ra nhiều chiều kích với cả hệ quả tiêu cực, lẫn tích cực và dẫn đến những phân tầng tiếp cận chính sách khác nhau. Trong thời điểm diễn ra, sự va chạm tạo nên sự xung lực kích thích các nhóm xã hội khác nhau theo đuổi các mục tiêu của mình. Hệ quả của nó là những "giằng xé" giữa sự tiến bộ hay nỗ lực giữ gìn những giá trị lỗi thời. Cả hai xu hướng với các lập luận của học giả đi trước chỉ ra tương quan giữa các yếu tố thúc đẩy sự "tha hóa chính trị" diễn ra và quá trình chống chọi, thích ứng hay thỏa hiệp với các xu hướng đó.

Thứ hai, qua các thảo luận trên cho thấy niềm tin về một lý thuyết tổng quát dường như có vẻ không hợp thời. Sự đa dạng hóa về thực tiễn, lẫn lý thuyết tạo ra nhiều khái niệm (như tha hóa, suy thoái chính trị, tự chuyển biến, tự chuyển hóa) để bàn về một hiện tượng, cái không còn là một thuộc

tính của một quốc gia cụ thể, một hệ thống chính trị cụ thể, mà (với những nghiên cứu ban đầu) đã chỉ ra tính phổ quát ở nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, trong nhiều hoàn cảnh chính trị khác nhau và bao gồm nhiều khía cạnh, nhiều chủ thể khác nhau. Hiện tượng này có thể là ứng vào một cá nhân, một hành động, một trách nhiệm hoặc một mối quan hệ giữa các nhóm hoạt động khác nhau trong xã hội. Theo đó, khi một chủ thể bị đánh giá là đang trong giai đoạn tha hóa hay suy thoái, sẽ có nhiều biểu hiện nổi lên, xuất phát từ nhiều lý do khác nhau, và dẫn đến những hệ quả khác nhau. Trong bối cảnh đó khi bàn về định nghĩa, cách tiếp cận, các yếu tố ảnh hưởng và hướng giải quyết vấn đề, cần xác định rõ xu hướng tự chuyển biến, tự chuyển hóa sẽ mang nghĩa nào và được hiểu với ngôn từ gì.

Lẽ đó, điểm thứ ba đề xuất phân biệt "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" liên quan đến chính trị và "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" liên quan đến kinh tế. "Tự diễn biến", "tự chuyển hoá" về mặt chính trị liên quan trực tiếp đến sự phai nhạt hay trường phái xét lại, hoài nghi đặt lại vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị, khả năng lãnh đạo của Đảng liên quan đến việc giải quyết các vấn đề của đất nước. Ngược lại, phạm trù này được thể hiện qua hiện tượng các đảng viên cao cấp nghi ngờ, hoài nghi hay phủ định (từng phần, hay toàn bộ) vai trò lãnh đạo của Đảng cũng như các thiết chế, và nguyên tắc mang tính cốt lõi của Đảng. "Tự diễn biến", "tự chuyển hoá" về mặt chính trị có những nguyên nhân xuất phát từ kinh tế như sự hình thành, hay đa dạng hóa các luồng ý kiến khác nhau từ việc mở cửa kinh tế thị trường hội nhập kinh tế quốc tế hay sự tham gia của các nhóm dân sự, các tổ chức nước ngoài v.v.. Tuy vậy, bản chất của sự chuyển

biến này là vấn đề chính trị qua việc nhìn nhận vai trò của Đảng trong lĩnh vực cầm quyền và lãnh đạo đất nước.

"Tự diễn biến", "tự chuyển hoá" về mặt kinh tế liên quan trực tiếp đến việc những đảng viên cao cấp cũng như trung cấp xem Đảng là một kênh hay một tổ chức tạo ra lợi nhuận. Các nhóm đảng viên tha hóa này không còn coi việc phục vụ đất nước, phục vụ Đảng như một lý tưởng hay định hướng về lối sống. Mà việc vào Đảng hay sinh hoạt trong hệ thống chính trị của Đảng lãnh đạo là một cách thức để làm ăn, cũng như tạo ra các lợi ích khác nhau cho bản thân, và các nhóm thân hữu xung quanh. Những biểu hiện đã được nêu trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII với các tên gọi khác nhau[1]. Sự chuyển biến, chuyển hóa về mặt kinh tế này không thách thức trực tiếp vai trò của Đảng lãnh đạo trong hệ thống chính trị. Nhưng nguy hiểm ở chỗ, nó làm cho tính chính danh của Đảng với Nhân dân bị xói mòn, hiệu quả của hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo bị suy giảm và niềm tin cả từ quốc dân trong nước lẫn bạn bè quốc tế về Đảng cũng bị đặt dưới câu hỏi nghi ngờ. Nếu vào Đảng chỉ để làm ăn hay kiếm tiền thì ý nghĩa của một đảng tiền phong, lấy sự nghiệp cách mạng và đấu tranh giai cấp công - nông làm kim chỉ nam khi đó sẽ chỉ là khẩu hiệu, hay chiêu bài.

Hai phạm trù này cần được tách biệt vì nó khác nhau về bản chất, lý do và có khả năng dẫn đến những cách tiếp cận giải quyết vấn đề khác nhau. Từ đó, có thể đưa ra những cách tiếp cận và giải pháp sát và cụ thể. Chẳng hạn,

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd,* tr.28-34.

những vấn đề liên quan đến tự chuyển biến về mặt chính trị thì không có khả năng sử dụng các biện pháp về kinh tế để giải quyết. Còn những vấn đề liên quan đến kinh tế thì có thể đưa ra một khung tiếp cận đa dạng và mềm mại hơn. Trong đó, ngoài việc chế tài về kinh tế, còn có thể tạo những kích thích hay nâng cao các động lực khác nhau để điều chỉnh hành vi của các nhóm có liên quan.

"SUY THOÁI TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ", "TỰ DIỄN BIẾN": KHUÔN KHỔ NÀO CHO SỰ PHÂN TÍCH?

TS. NGÔ HUY ĐỨC*

Thuật ngữ "suy thoái tư tưởng chính trị" ít được dùng trong nghiên cứu chính trị vì một lý do đã được lịch sử chứng nghiệm: phong trào Phục hưng (Renaissance) vào khoảng thế kỷ XIV-XVII ở châu Âu chính là việc khôi phục lại các giá trị của những tư tưởng thời cổ Hy - La - những tư tưởng được coi là "lạc hậu", "suy thoái" qua hơn nghìn năm thời trung cổ, bỗng trở thành các tư tưởng tiên phong dẫn dắt thời đại.

Kết quả nổi bật nhất của phong trào này là sự khôi phục niềm tin vào con người, chứ không phải vào Chúa trời, vào các phương pháp và lý luận khởi phát từ niềm tin đó, tức cái mà chúng ta gọi là "Nhân luận" (Humanism[1]). Sự chuyển đổi tư tưởng quan trọng này có các hệ quả thực tiễn lớn lao, mà nổi bật nhất là bước chuyển từ thần quyền sang thế quyền, khi con người không cần phải viện dẫn đến đấng Chúa trời

---

* Viện trưởng Viện Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Thường được dịch là chủ nghĩa nhân văn, và có hàm ý là tốt đẹp. Thực ra thuật ngữ này có thể được hiểu là phương pháp luận lấy con người làm xuất phát, tức nhân luận. Cũng như mọi phương pháp luận, nó không hàm ý tốt, xấu.

để đảm bảo một trật tự trong đời sống xã hội. Trật tự đó sẽ được đảm bảo bởi khế ước giữa các con người của chính xã hội đó như Thomas Hobbes kết luận. Trong quá trình rời bỏ đó, sự chuyển hướng vào tự do và lý tính của con người là bước chuyển nổi bật, làm nền cho toàn bộ phong trào Khai sáng và các bước phát triển vượt bậc trong khoa học và tổ chức đời sống xã hội cho đến nay.

Có thể kể ra đây cả tư tưởng dân chủ và cộng hòa, vốn có nguồn gốc từ Hy Lạp và La Mã cũng đã từng bị gạt bỏ, rồi được xem xét lại và dần hợp nhất và trở thành trào lưu chủ đạo từ nửa cuối thế kỷ XIX trở lại đây.

Các dữ kiện này ít nhất cũng khiến chúng ta cần hết sức cẩn thận khi gán tính chất "suy thoái" cho bất cứ tư tưởng nào, đặc biệt trong các vấn đề về xã hội. Cần nhìn nhận chúng trong nhiều chiều cạnh và đặc biệt, trong chính các bối cảnh xã hội lịch sử cụ thể hơn là các lập luận trừu tượng cho dù chúng có chặt chẽ và lôgíc đến đâu.

Khác hoàn toàn với khoa học tự nhiên, khi các lý thuyết xuất hiện sau, với các phương pháp và bằng chứng xác đáng, thông thường sẽ hoặc bác bỏ dứt khoát các lý thuyết trước, hoặc biến các lý thuyết trước đó thành các trường hợp đặc biệt, tức là thành một bộ phận của lý thuyết mới. Và đương nhiên, việc quay trở lại với các lý thuyết "lạc hậu" có thể coi là sự suy thoái. Sự suy thoái trong nghiên cứu xã hội thông thường sẽ hàm ý tính chủ quan. Nói cách khác, với các hệ tư tưởng khác nhau, sự "suy thoái" sẽ được nhìn nhận khác nhau. Như C. Mác đã từng cảnh báo rằng đi trong đêm chỉ thấy toàn mèo xám, khi ông bình luận về các hệ tư tưởng đã chi phối cách nhìn nhận của các "nhà tư tưởng" như thế nào!

Một cách khái quát nhất, không xã hội nào có thể ổn định và phát triển nếu đa số các công dân không chia sẻ hình dung chung về một trật tự xã hội. Tính chất "chung" chứ đôi khi không phải tính chất "đúng - sai" mới làm nên sự ổn định và phát triển trong những khoảng thời gian nhất định vì nó quy định quan trọng tính chính đáng của quyền lực nhà nước, và thậm chí sâu xa hơn, của nhiều loại quyền lực xã hội. Như việc sử dụng "Quyền huynh, thế phụ" ở các nước Đông Á có thể là rất hiển nhiên và bình thường, nhưng ở các nước phương Tây khác có thể sẽ là phạm tội hình sự.

Bài viết này bàn về "suy thoái tư tưởng chính trị", mà "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" cũng chỉ là các biểu hiện, từ hai góc độ:

- Những tư tưởng chính trị nào được coi là *suy thoái* từ quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin và của Đảng ta?

- Các công cụ nào thích hợp trong thời đại ngày nay để chống "suy thoái tư tưởng chính trị"?

I- "SUY THOÁI TƯ TƯỞNG" TỪ QUAN ĐIỂM CỦA C. MÁC

Lý luận về sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đến nay vẫn dựa trên nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong đó có ba luận điểm nền tảng:

- Đảng là đảng *tiền phong*, lãnh đạo duy nhất của phong trào công nhân (và do vậy, từ khi giành chính quyền, là đảng duy nhất lãnh đạo);

- Nguyên tắc phân tích các *đòi hỏi khách quan* của thực tiễn; Và nếu chỉ có một "sự thực khách quan" duy nhất thì "đa nguyên" chỉ là *tạm thời*, mà khuynh hướng là nhất nguyên theo nghĩa cần *tuân thủ* sự thực (tức "quy luật")

khách quan đó một khi *nhận thức* được nó. Nói cách khác, đó là vấn đề về nhận thức, chứ không phải sự thực khách quan; và do vậy đa nguyên, đa đảng là *vô nghĩa* về thực chất, và về dài hạn. Nhận thức được chân lý và khai mở nhận thức đó mới là việc cốt yếu.

- Do vậy, Đảng còn có chức năng quan trọng hàng đầu, và rất khác biệt với các đảng tư sản, quân sự hay tôn giáo khác (vốn luôn có tính biện hộ), đó là chức năng giáo dục, thay đổi nhận thức. Chức năng này không chỉ đơn thuần tuyên truyền, mà quan trọng là tìm ra sự thực khách quan, và từ đó khai mở nhận thức xã hội. Tính tiền phong của Đảng cũng trước hết là tiền phong về trí tuệ - cơ sở cho mọi hành động cách mạng.

Khi nhìn nhận như vậy, vấn đề về thay đổi nhận thức là vô cùng quan trọng đối với các đảng cộng sản và thậm chí phải đặt vấn đề chính xác hơn trong chính quá trình của nó mà cụ thể là nhận thức luôn phải biến đổi cùng với sự biến đổi của thực tiễn.

Kết luận đầu tiên cho thấy các tư tưởng mới, khác với các tư tưởng cũ là đòi hỏi cốt yếu. Điều này cũng nhất quán với chính chủ nghĩa Mác vì với tư cách *triết học khoa học*, chủ nghĩa Mác đã phân tích các vấn đề của thời đại (của nó) trong hình thức các khái niệm, chỉ ra nguồn gốc lịch sử của chúng, các mối quan hệ giữa chúng. Từ đó chủ nghĩa Mác cũng chỉ ra rằng chính bản thân nó cũng là một hình thức tư duy không nằm ngoài lịch sử, không phải là chân lý tuyệt đối, mà bị ràng buộc bởi chính thời đại của nó.

Do vậy, điều đầu tiên và căn bản nhất là cần phân biệt sự suy thoái tư tưởng với sự sáng tạo. Và nếu nhất quán

với phương pháp luận của C. Mác thì sự suy thoái tư tưởng KHÔNG biểu hiện ở các kết quả, nhận định mà ở trong chính phương pháp luận (tức quá trình) được dùng khi đi tới các kết luận, nhận định đó. Tức các tư tưởng mà dựa trên cách thức tư duy nằm ngoài lịch sử, tách biệt khỏi các mối quan hệ, và không thèm để ý đến các dữ kiện lịch sử khách quan, thì ngay cả dù các tư tưởng, kết luận đó chẳng may có đúng cũng vẫn là "suy thoái tư tưởng"! Hệt như một "lang băm", dù chẳng may đoán đúng bệnh, chữa khỏi bệnh nhưng bản thân phương pháp chẩn đoán và chữa trị dựa vào lá số hay sự cúng bái sẽ vẫn phải được kết luận rằng người này vẫn chỉ là "lang băm"! Sự suy thoái nằm ở trong phương pháp nhận thức, chứ không nằm trong kết luận (vốn luôn có thể sai như mọi quá trình sáng tạo).

Có thể thấy nhiều biểu hiện về suy thoái tư tưởng được chỉ ra, thiên về "suy thoái về ý thức kỷ luật" và "suy thoái về phẩm chất". Đương nhiên, mọi suy thoái đều có nguồn gốc từ "nhận thức, tư tưởng" nên các biểu hiện này luôn có thể coi là các biểu hiện của suy thoái tư tưởng, nhưng nếu thế thì chưa giúp được chúng ta trong việc phòng, chống nó vì quá chung chung và gián tiếp, chưa kể là mọi biểu hiện mà ta không thích đều có thể bị quy là suy thoái theo một cách thức nào đó.

II- CHỐNG SUY THOÁI TƯ TƯỞNG

Mấu chốt của chống suy thoái tư tưởng là công tác tư tưởng phải hiệu quả, vì việc dùng các áp đặt và trừng phạt mang tính bạo lực không thể chạm đến thay đổi nhận thức,

cùng lắm chỉ thay đổi được sự biểu hiện bên ngoài, tức chỉ làm tăng sự gian dối, nói mà không tin và không làm.

Công tác tư tưởng là khái niệm rộng, và đối với đa số người dân, khái niệm này hoặc được hiểu khá mù mờ. Tuy vậy, có thể thấy bản chất của nó là hoạt động nhằm thay đổi nhận thức của đối tượng chịu tác động. Ở bài viết này, đối tượng đó là toàn xã hội, hoặc các nhóm lớn trong xã hội.

Như vậy, nền tảng khoa học sâu xa của công tác tư tưởng chính là các nghiên cứu về quá trình nhận thức, như nhận thức luận, và các lĩnh vực liên quan, như tâm lý học và xã hội học. Câu hỏi chính yếu của các nghiên cứu đó là "điều gì làm chúng ta tin tưởng vào kiến thức mới, và do vậy, thay đổi nhận thức?". Cũng hiển nhiên, điều chính yếu làm chúng ta tin tưởng là tính khoa học của kiến thức, trong đó nổi bật là tính khả kiểm của chúng. Tức sự sẵn sàng nhận rằng mình sai của một tư tưởng, một khi có bằng chứng và phương pháp luận xác đáng. Và đây là điều C. Mác đã từng viết về mình rằng, người ta có thể trách ông về các kết luận sai, chứ không ai có thể trách ông về sự trung thực và khách quan trong quá trình tìm tòi các kết luận đó.

Thế kỷ XX, cuộc cách mạng công nghệ thông tin (và từ đó lĩnh vực truyền thông đại chúng) sẽ không có tác dụng lớn như đã thấy, nếu không dựa vào các thành tựu của các nghiên cứu về triết học khoa học. Ở thế kỷ XX, trong bốn dòng nghiên cứu nổi bật của triết học thế giới thì đã có hai dòng là thuộc về triết học khoa học. Đặc biệt là các cuộc cách mạng trong phương pháp nghiên cứu của các khoa học xã hội đã đem lại những bước tiến lớn khiến người ta bớt "ngượng ngùng" khi gọi các khoa học xã hội là "khoa học", dù còn xa và rất khác tính chất so với các môn khoa học tự nhiên.

Như vậy, công tác tư tưởng ở mọi nước luôn phải thay đổi để thích ứng với trình độ nhận thức của dân chúng nước đó (trước hết là nhận thức về tính khoa học). Sự mở cửa, khả năng tiếp cận thông tin, trình độ giáo dục chung là các yếu tố ảnh hưởng đến trình độ nhận thức này. Vì vậy, ngay từ đây đã có thể tạm kết luận, *nếu công tác tư tưởng vẫn dùng các lý luận cũ (dù bằng các phương tiện mới và hiện đại như internet hay smart phone), sẽ khó có hiệu quả, thậm chí là tác động ngược, tức càng tuyên truyền càng làm giảm niềm tin*. Với các đe dọa của làn sóng "fake news" hiện tại điều này càng trở nên cấp bách, đặc biệt đối với đảng cộng sản do thiên chức "khai mở nhận thức" của mình.

Khi nghiên cứu bộ máy tuyên truyền của các nước phát triển, chúng ta đều thấy đó là bộ máy tinh vi và hiệu quả. Bộ máy đó thể hiện và thuyết phục được người dân rằng nó có tính trung lập (về lợi ích) và tính đáng tin cậy (về thông tin, kiến thức) trong khi bộ máy đó vẫn do một thiểu số rất nhỏ kiểm soát. Liệu chúng ta có học được gì từ điều đó không? Cũng như từ kinh nghiệm của các nước Bắc Âu, vốn có khuynh hướng xã hội hơn các nước Anh, Mỹ? Bài viết này không đi sâu vào các lý luận về tuyên truyền của các nhóm đại tư sản này (như Noam Chomsky đã tổng kết, là rất giỏi trong việc cho uống "thuốc giảm đau" nhưng không "điều trị" căn bệnh - mà đây là điều mà C. Mác và các người theo C. Mác muốn là *điều trị căn bệnh*: "bất công xã hội" dù có đau đớn đến đâu) mà chỉ tập trung vào hai vấn đề chính như các phần khái quát ở trên cho thấy:

1- Tính tin cậy, hay nền tảng lý luận của công tác tư tưởng;

2- Tính phổ biến (rộng rãi) của công tác tư tưởng.

Hai điều này cũng là hai điều mà trong điều kiện hiện nay sẽ cần có những thay đổi căn bản, trước hết trong quan điểm của Đảng ta, sau đó mới đến các cách thức triển khai cụ thể.

1. Tính tin cậy

Hiển nhiên yếu tố quan trọng hàng đầu là tính khoa học, hay "nền tảng lý luận" như chúng ta thường dùng. Sự yếu kém trong công tác lý luận (đặc biệt là lĩnh vực khoa học xã hội) đã được Trung ương Đảng tổng kết. Nhưng theo tôi đây chưa phải là nguyên nhân hàng đầu, cũng không phải là nguyên nhân trực tiếp của các yếu kém trong công tác tư tưởng. Nếu không nhìn nhận chính xác vấn đề thì dù có hô hào và đặt trọng tâm lên công tác lý luận vẫn không cải thiện được độ tin cậy của công tác tư tưởng.

Chúng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cơ sở lý luận và các nghiên cứu trong lĩnh vực này cũng đã được tiến hành từ lâu ở nước ta. Chúng ta lại được kế thừa các nghiên cứu của cả các nước xã hội chủ nghĩa trước đây như Liên Xô, Trung Quốc. Tại các nước tư bản chủ nghĩa như Anh, Mỹ, Canađa và đặc biệt là các nước Bắc Âu như Thụy Điển, chủ nghĩa Mác vẫn chiếm những vị trí xứng đáng trong nền khoa học của các nước này, thậm chí là nền tảng chủ đạo của nhiều trường phái. Chúng ta hoàn toàn có thể kế thừa những thành quả nghiên cứu đó như đã làm trong các lĩnh vực toán học, tin học hay kinh tế học. Như vậy, vấn đề không phải nằm trong bản thân "trình độ phát triển" và "chất lượng kiến thức" của các bộ môn lý luận, mà trước hết là lý luận chính trị mácxít.

Yếu tố lý luận (hay khoa học) này không phải là điều người dân (cũng như những người dù có là cán bộ lãnh đạo, hay có trình độ chuyên môn cao nhưng ngoài chuyên môn) quan tâm trực tiếp. Đơn giản vì số người được học lý luận đến mức đủ năng lực để đánh giá là rất ít. Vậy điều gì làm họ tin rằng một kết luận là có tính khoa học?

Tôi cho rằng có mấy yếu tố sau: *Một là,* yếu tố trực tiếp: Sự hợp lý và tính lôgíc mà mọi người đều có. Yếu tố này quan trọng đối với các nhóm có tri thức, nhưng không phải là yếu tố chính khi xem xét toàn bộ xã hội, hay các nhóm lớn; *Hai là,* khi không có đủ khả năng chuyên môn, người ta phải dựa vào các dấu hiệu gián tiếp: như quá trình nghiên cứu có cẩn thận không, người nghiên cứu có tư cách trung thực không, các kết quả có được phản biện một cách thích đáng không, các kết quả có bị kiểm duyệt và áp đặt không, v.v..

Đây là các dấu hiệu mà lý tính thông thường sẽ dùng để kết luận một cách gián tiếp, và chúng giữ vai trò quan trọng. Cũng như trong chính trị, người ta coi tính hợp pháp như một tiêu chuẩn quan trọng của tính hợp lý trong xã hội hiện đại, vì cuộc sống rất phức tạp, vượt quá tầm thẩm định của một cá nhân. Trong các dấu hiệu gián tiếp đó, như các nghiên cứu khoa học đã chỉ ra: sự phản biện/phê phán một cách nghiêm túc và độc lập là không thể thiếu trong quá trình đi tới chân lý. Hiển nhiên, đây cũng là kết quả và một bước tiến quan trọng trong triết học khoa học của thế kỷ XX: một lý thuyết sẽ càng mạnh khi nó chỉ ra được càng nhiều các sự kiện, dữ liệu có thể dùng để phản chứng, tức các bằng chứng cho thấy lý thuyết đó là sai. Nói cách khác, lý thuyết mạnh là lý thuyết sẵn sàng nhận rằng mình sai! Qua mỗi

lần sai đó mà lý thuyết sau sẽ bao hàm lý thuyết trước, tri thức càng ngày càng tăng trưởng và đáng tin cậy hơn. Công tác tư tưởng cũng phải có một hình thức tương tự, tức phải chỉ ra và sẵn sàng công nhận các dấu hiệu, bằng chứng rằng khi mình sai.

Và như vậy, bài viết này đi đến một kết luận căn cốt: tính tin cậy của lý luận đối với xã hội được đánh giá trước hết ở quá trình tổ chức nghiên cứu, và đặc biệt là sự tổ chức phản biện và phê phán độc lập. Bản thân điều này sẽ dẫn đến các sự thay đổi rất cần thiết như: mở rộng tự do tranh luận, sự thông báo minh bạch và rộng rãi về quá trình nghiên cứu, sự độc lập với quyền lực của đồng tiền cũng như mọi loại quyền lực khác, v.v. vốn đã được xác lập cả ở trên thế giới cũng như ở nước ta. Cần nói rõ rằng, đây là đòi hỏi nội tại và thường xuyên, chứ không phải do hội nhập, mở cửa hay mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thậm chí, chúng phải đi trước hội nhập, mở cửa, v.v.. Có nhìn nhận đúng tính chất nhu cầu nội tại như vậy mới xác định đúng những trọng tâm và bước đi chiến lược. Hơn nữa, trên nền lôgíc và nhu cầu nội tại đó mới có thể có các điều chỉnh cho thích hợp với nền văn hóa nước ta (như tính cộng đồng, và do vậy sự phê phán công khai có thể sẽ khó hơn là ở các nền văn hóa Âu - Mỹ vốn có tính cá nhân hơn).

Hiển nhiên đã gọi là sự điều chỉnh (cho tình huống cụ thể) thì không thể đi quá xa đến mức phủ nhận luôn cả nhu cầu nền tảng dù với bất cứ lý do gì.

2. Tính phổ biến

Có lý luận và sự hợp lý, tức "chân lý thuộc về ta", hiệu quả của công tác tuyên truyền có thể vẫn thấp vì không đến

được với đa số, và vì vậy cũng không tạo được sức ép cần thiết cho sự thay đổi/bảo vệ nhận thức đúng. Cho đến nay, chúng ta vẫn có cách nhìn nhận rằng tính phổ biến sẽ được thúc đẩy bởi các công nghệ hiện đại như phủ sóng tivi, phủ sóng phát thanh truyền hình, internet, số lượng báo chí, v.v.. Điều đó hoàn toàn đúng, nhưng chưa đủ và thậm chí sẽ có kết quả nghịch (tức càng phủ rộng thì càng không thuyết phục, hay càng bị lực lượng thù địch lợi dụng) nếu không nhìn nhận khía cạnh nuôi dưỡng và tích tụ văn hóa của xã hội. Phần này sẽ chỉ tập trung vào điểm này, vì đây là điểm mà các nghiên cứu của chúng ta hầu như không ai đề cập.

Phương diện này, hay đúng hơn là chức năng xây dựng giá trị chung của xã hội công dân được C. Mác nói rất ngắn (và có lẽ còn thiếu rất nhiều các phân tích cụ thể) khi đề cập đến vấn đề nhận thức giai cấp. Sau này, Gramsci, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Italia, đồng thời cũng là nhà lý luận mác xít nổi tiếng, đã phát triển kỹ hơn và thực sự đặt nền móng cho cả một trường phái nghiên cứu lớn trên thế giới về văn hóa.

Một cách ngắn gọn, Gramsci đặt vấn đề rằng: mọi giai cấp khi nắm giữ nhà nước (và vai trò lãnh đạo) đều phải xây dựng được tính tiền phong của hệ giá trị của mình. Tính tiền phong này sẽ thẩm thấu và được coi là giá trị tốt mặc định trong xã hội đó.

Bên cạnh đó, ông cũng nhìn nhận sự cần thiết của việc xây dựng tầng lớp trí thức hữu cơ (tức tầng lớp trí thức tinh hoa được đào tạo ngay từ trong giai cấp cầm quyền). Đây chính là các hạt nhân truyền bá trung gian, có tác động lớn và thường trực về mặt nhận thức đối với xã hội.

III- TÌNH HÌNH HIỆN NAY VÀ CÁC ĐỀ XUẤT

Trong đánh giá về tình hình hiện nay có khuynh hướng thiên về sự nguy hiểm của các thế lực phản động bên ngoài. Điều đó chỉ đúng một phần, và có thể chưa phải là phần cơ bản. Với nội lực đã được khẳng định của dân tộc ta không thể dễ dàng bị tác động đến thế. Và theo nghĩa này, đó là sự tự ti và hạ thấp chính bản thân chúng ta. Sâu xa hơn, đó còn là sự thách thức về nhìn nhận giá trị từ chính chúng ta, từ chính Đảng ta và từ chính trong mỗi bản thân chúng ta. Và đây mới là điều mà công tác tư tưởng cũng như mọi hình thức chống suy thoái tư tưởng khác phải đặt làm trọng tâm. Một nghìn năm đô hộ của phương Bắc với những âm mưu đốt sách, phá đền cũng không thể làm dân tộc tiêu vong, không thể xóa nhòa bản sắc Việt. Vậy thì có lẽ các "thế lực phản động nước ngoài và âm mưu diễn biến hòa bình" không nguy bằng chính sự không thuyết phục trong nội bộ và trong chính bản thân mỗi người Việt.

Ngoài các biện pháp đã được chúng ta tổng kết nhiều năm nay, cũng như các định hướng trong các nghị quyết gần đây của Hội nghị Trung ương 4 khóa XII, cần lưu ý các điểm sau:

- Đặt mạnh tầm quan trọng của nghiên cứu lý luận trong công tác tư tưởng, trong đó lấy các tiêu chí khoa học, khách quan làm trọng tâm. Hiển nhiên, việc này không thể chỉ hô hào và ra nghị quyết mà cần xây dựng cơ chế và quy định. Ngay trong việc xây dựng cơ chế này đã cần có sự cởi mở và tham gia rộng rãi của xã hội và tầng lớp trí thức trong và ngoài nước. Trước mắt cần xây dựng và tổ chức lại các cơ quan tham mưu có tính nghiên cứu, lấy chất lượng làm đầu.

Các cơ quan, thậm chí chỉ cần một cơ quan với chất lượng cao như vậy sẽ là nền móng xác định tiêu chuẩn và chất lượng của nghiên cứu, là đầu tàu hỗ trợ chuyên môn, là nơi khởi xướng các vấn đề nền tảng dài hạn, là nơi điều phối các chương trình lớn cần sự kết hợp của nhiều tổ chức, v.v..

- Trong các tiêu chí khoa học này, lấy sự công khai, minh bạch và phản biện độc lập là các tiêu chí tái cấu trúc hàng đầu. Đòi hỏi này tất yếu phải và kiểm soát tính xây dựng tức trách nhiệm xã hội trong tranh luận. Việc trước mắt hoàn toàn làm được là xây dựng một tạp chí khoa học như vậy với sự tham gia của các trí thức trong và ngoài nước, không có những hạn chế lớn về chủ đề tranh luận (ngoại trừ liên quan đến bí mật quốc gia), chỉ cần có quy định về tiêu chí khoa học (tức sự nghiên cứu nghiêm túc, thực chứng như Ph. Ăngghen đòi hỏi chứ không phải là sự phát biểu quan điểm, hay cổ vũ, suy xét tốt xấu của các giá trị theo cách cảm tính và thiếu căn cứ) của các bài báo và đặc biệt là quy định về thành phần ban biên tập và cung cách phản biện của các đồng nghiệp.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA"

TS. QUẢN MINH CƯỜNG*

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định: "Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ "*diễn biến hòa bình*" của thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "*tự diễn biến", "tự chuyển hóa"* trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; sự tồn tại và những diễn biến phức tạp của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí,..."[1]. Để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, thì một trong các vấn đề mấu chốt chúng ta cần phải nhận diện rõ là vấn đề "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; âm mưu, thủ đoạn, các hình thức, biện pháp của các thế lực thù địch đang tìm mọi cách thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" nội bộ ta ở mọi cấp, mọi ngành, mọi lĩnh vực; từ đó đề ra được các giải pháp phòng chống mang tính chủ động, tích cực, hiệu quả.

---

* Cục trưởng Cục Bảo vệ chính trị nội bộ, Ban Tổ chức Trung ương.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.428-429.

1. Nhận thức về "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"

a) Khái niệm "diễn biến" và "tự diễn biến"

Theo *Từ điển tiếng Việt*: "Diễn biến là biến đổi theo chiều hướng nào đó"[1]. "Tự diễn biến" là tự thân chủ thể (tổ chức, cá nhân) có hành vi hoặc việc làm, hoặc tự gây ra, chỉ bằng sức lực, khả năng của riêng tổ chức, cá nhân hoặc chịu sự chi phối của hành động, hoạt động do mình làm hoặc gây ra dẫn đến sự tự biến đổi về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống, diễn biến tâm lý hoặc về ý thức, trách nhiệm của mình.

Như vậy, "tự diễn biến" là tự chính bản thân cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, cá nhân cán bộ, đảng viên có hành vi, việc làm hoặc tự gây ra, chỉ bằng sức lực, khả năng của chính cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên, dẫn đến sự tự biến đổi về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống, diễn biến tâm lý hoặc về ý thức, trách nhiệm trong từng thời điểm, thời kỳ nhất định.

Nói một cách chung nhất, "tự diễn biến" là quá trình thay đổi bên trong mỗi con người, mỗi tổ chức. Về mặt biện chứng, "tự diễn biến" là sự chuyển đổi về chất. Theo đó, "tự diễn biến" có thể có hai kết quả, tích cực hoặc tiêu cực. Tuy nhiên, trong thực tế, ở góc độ chính trị - pháp lý, "tự diễn biến" là thuật ngữ ám chỉ sự thay đổi theo chiều hướng tiêu cực về tư tưởng chính trị của con người. Nếu coi lý tưởng chính trị xã hội chủ nghĩa, với các nguyên lý khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh mang màu "đỏ thắm", thì sự

---

1. Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, 2004, tr.1075.

chuyển hóa tiêu cực ở đây sẽ chuyển dần thành màu khác, thậm chí là màu đối lập.

b) Khái niệm "chuyển hóa" và "tự chuyển hóa"

Theo *Từ điển tiếng Việt*: "Chuyển hóa là biến đổi từ dạng này, hình thái này sang dạng khác, hình thái khác"[1].

Theo *Từ điển triết học*: "Chuyển hóa là những biến đổi về lượng thành những biến đổi về chất"[2].

"Tự chuyển hóa" là tự thân chủ thể (tổ chức, cá nhân) có hành vi hoặc việc làm, hoặc tự gây ra, chỉ bằng sức lực, khả năng của riêng tổ chức, cá nhân hoặc chịu sự chi phối của hành động, hoạt động do mình làm hoặc gây ra để biến đổi sang dạng hoặc hình thái khác về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống hoặc về ý thức, trách nhiệm của mình.

Như vậy, "tự chuyển hóa" của tổ chức đảng, tổ chức nhà nước hoặc cán bộ, đảng viên là tự tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, cá nhân cán bộ, đảng viên có hành vi hoặc việc làm, hoặc tự gây ra, chỉ bằng sức lực, khả năng của chính cấp ủy, tổ chức đảng, cá nhân cán bộ, đảng viên để tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống hoặc về ý thức, trách nhiệm biến đổi sang dạng hoặc hình thái khác.

c) "Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" là một quá trình

Khi nói quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" nghĩa là đã diễn ra trong một thời gian nhất định. Thời gian dài hay ngắn, bao lâu, phụ thuộc vào từng con người, từng tổ chức. Nói cụ thể, nó phụ thuộc vào độ vững vàng về chính trị của

---

1. Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển tiếng Việt, Sđd,* tr.188.

2. *Từ điển triết học*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1975, tr.95-96.

từng cán bộ, đảng viên và độ "liêm" về đạo đức, lối sống của họ. Đây cũng chính là sự nguy hiểm của vấn đề "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" thường bắt đầu từ việc tiếp nhận một cách tự phát các luận điệu tuyên truyền phản cách mạng của các thế lực thù địch thông qua các phương tiện thông tin khác nhau. Với những người có vướng mắc về tư tưởng, lệch lạc về nhận thức, tiếp nhận tự phát lâu ngày rồi cũng sẽ đến tiếp nhận tự giác. Trong điều kiện tác động từ các mặt trái của kinh tế thị trường và những sơ hở trong quản lý các hoạt động truyền thông đại chúng, nhất là mạng xã hội, các chủ thể "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" bắt đầu tự xác định cho mình những lý lẽ chủ quan để tiếp tục phát triển tư tưởng phản động đã tiếp nhận được. Kết quả là, kẻ đó sẽ đưa tư tưởng phản động của mình vào thực tế hành động của họ. Vì vậy, một cán bộ đã "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", nếu có quyền lực chính trị, tác hại của nó sẽ rất nguy hiểm. Nó sẽ làm thay đổi bản chất chính trị của tổ chức do người đó có vai trò chủ chốt sang một trạng thái khác, đó là chuyển hóa chính trị. Khi đó tính chất chính trị "màu đỏ" sẽ đổi màu hoặc "màu đỏ" chỉ còn là danh nghĩa.

Quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" có thể diễn ra với ba giai đoạn, ứng với ba mức độ. Ở giai đoạn đầu, đối tượng thể hiện sự hoang mang, dao động về tư tưởng chính trị, sự hoài nghi về sự lãnh đạo của Đảng, tính khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những biểu hiện này nếu không được kiểm soát bằng giáo dục, kiểm điểm, tự phê bình và phê bình thì sẽ sang giai đoạn thứ hai, mức độ thấp.

Giai đoạn thứ hai, mức độ thấp của "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", là đối tượng bắt đầu chủ động hơn trong tiếp nhận những thông tin trái chiều, những luận điệu chống đối hoặc lý luận phản động. Kết quả là một số đối tượng bắt đầu hoạt động câu kết với đối tượng bất mãn, thoái hóa, các phần tử thù địch bên ngoài để tiếp tay cho chúng. Biểu hiện rõ nhất là hoạt động thu thập, tổng hợp tin tức nội bộ, kể cả các thông tin công khai nhưng nhạy cảm để cung cấp cho các đối tượng phản động sử dụng hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước ta. Ở giai đoạn này, công tác đấu tranh chủ yếu là các biện pháp tổ chức và hành chính, với phương châm cảm hóa, thuyết phục và "kéo" là chính.

Giai đoạn ba, cũng là mức độ cao của "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", đối tượng hoàn toàn có tư tưởng phản động, chống đối. Nó sẽ chủ động tìm đến những phần tử đang "tự diễn biến" để tập hợp lực lượng, hình thành nhân lõi tổ chức ban đầu. Một số kẻ sẽ tự tìm đến các tổ chức phản động nước ngoài để câu kết. Ở giai đoạn này, đối tượng đã thể hiện rõ tư tưởng chính trị phản động, sẵn sàng đối đầu với hệ thống chính trị và pháp luật. Chúng không còn biết sợ hãi trước sức mạnh của pháp luật, thậm chí chúng sẵn sàng hành động để làm thay đổi hệ thống chính trị. Những đối tượng như Bùi Tín, Trần Anh Kim, Vi Đức Hồi... hoặc những đối tượng vốn là cán bộ, đảng viên phạm tội làm gián điệp hoặc tham gia tổ chức phản động "Việt tân" là dạng này.

Đối với loại đối tượng đã chuyển hóa đến mức độ chống đối rõ ràng, thậm chí công khai này, công tác đấu tranh cũng cần phải tương ứng. Trong đó, đấu tranh làm tan rã tổ chức, chuyển hóa tư tưởng phản động là nhiệm vụ quan trọng. Một số trường hợp phải kiên quyết trấn áp mạnh bằng pháp luật

để cảnh báo, ngăn chặn những tư tưởng đang "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

2. "Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ

Vấn đề "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ không phải bây giờ, cũng không phải chỉ có ở Việt Nam mà có từ trong phong trào cộng sản quốc tế và ở các nước xã hội chủ nghĩa khác. "Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong hệ thống chính trị cũng như trong xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa thường xuất hiện khi mà tình hình thế giới diễn biến phức tạp, tình hình trong nước có nhiều khó khăn, thách thức. Nói cách khác khi mà cách mạng thế giới, cách mạng trong nước có những "khúc quanh lịch sử" thì trong nội bộ Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội sẽ xuất hiện những đối tượng cơ hội chính trị và nảy sinh vấn đề "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

Ngay từ cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa cơ hội, đối tượng cơ hội chính trị đã xuất hiện trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế theo khuynh hướng tư tưởng đối lập nhau như: phái Látxan, phái Công liên, phái Blăngki, phái Prưđông, phái Bacunin... Những phần tử thuộc các trường phái đó không những không đi theo, không ủng hộ mà còn công khai, quyết liệt chống lại học thuyết Mác về chủ nghĩa xã hội khoa học. Đó là những người cộng sản đã bị biến chất, thoái hóa về tư tưởng chính trị, họ "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" và trở thành những "con chiên ngoan đạo" của "chủ nghĩa cơ hội tả khuynh" hay "chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh".

Vào đầu những năm 60, 70 của thế kỷ XX, ở Liên Xô xuất hiện "chủ nghĩa xét lại hiện đại", một trào lưu tư tưởng - chính trị đối lập, thù địch với chủ nghĩa Mác - Lênin. Những kẻ theo "chủ nghĩa xét lại", đứng đầu là Khơrútxốp, Tổng Bí thư

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, đã phê phán, đòi "xem lại", "xét lại" học thuyết Mác - Lênin. Trong thời kỳ đó, ở Việt Nam cũng đã xuất hiện những cán bộ, đảng viên, trí thức, văn nghệ sĩ, phóng viên báo chí, triết gia, sĩ quan quân đội...; trong đó có những người là cán bộ trung, cao cấp theo "chủ nghĩa xét lại". Sau đó, ở nước ta cũng đã xuất hiện những cán bộ, đảng viên "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" chống lại Đảng, Nhà nước ta.

Từ những năm 90 của thế kỷ XX đến nay, khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã, ở nước ta lại xuất hiện các đối tượng cơ hội chính trị. Thực chất đó là những cán bộ, đảng viên đã sa vào "vũng bùn", "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, từ góc độ chính trị của Việt Nam cho thấy nói tới "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ là nói tới sự suy thoái, thay đổi quan điểm, lập trường tư tưởng - chính trị ở một bộ phận cán bộ, đảng viên hay trong một tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội thuộc hệ thống chính trị của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam. "Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" thường do những nguyên nhân: Sự tác động từ hoạt động tuyên truyền thù địch, sự tác động tiêu cực của diễn biến tình hình thế giới (như sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, hay từ các cuộc "Cách mạng màu", "Mùa xuân Ảrập"...) và sự tác động bởi tình trạng mất dân chủ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng, phân hóa giàu nghèo gia tăng dẫn tới sự bất mãn, bất bình trong xã hội. Song, trước hết và chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan từ chính bản thân những cán bộ,

đảng viên lập trường tư tưởng - chính trị không vững vàng, do bất mãn hay do sự buông lỏng công tác quản lý, giáo dục của tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội...

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" diễn ra trên nhiều mặt như: nhận thức lệch lạc về tư tưởng, chính trị; sự sa đọa về đạo đức, lối sống... Các biểu hiện suy thoái trên có quan hệ tương tác với nhau; từ sự suy thoái về tư tưởng - chính trị có thể dẫn tới sự tha hóa về đạo đức, phẩm chất, lối sống và ngược lại, tha hóa về đạo đức, lối sống có thể dẫn đến sự thoái hóa về tư tưởng - chính trị.

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" có thể diễn ra trong nội bộ Đảng, chính quyền nhà nước và trong xã hội. Nguy hiểm nhất là "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ lãnh đạo đảng và chính quyền nhà nước xã hội chủ nghĩa. Thực tế cho thấy, một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự đổ vỡ ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu trước đây bắt nguồn từ sự "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ngay trong nội bộ Ban lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô cũng như Ban lãnh đạo đảng và nhà nước ở một số nước Đông Âu. Sau một thời gian dài cầm quyền, Đảng Cộng sản Liên Xô đã dần dần thoát ly quần chúng nghiêm trọng, không chú ý tới việc cải thiện đời sống cho nhân dân. Trong Đảng đã hình thành một tầng lớp đặc quyền, chỉ chăm lo vơ vét lợi ích cá nhân, không hề nghĩ tới lợi ích chính đáng của đại đa số dân chúng. Chính vì vậy mà nhân dân đã từ chỗ tin yêu Đảng, chuyển sang chán ghét Đảng, không còn lòng tin với Đảng nữa.

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" có thể nảy sinh ở những cán bộ, đảng viên, quần chúng đến những cán bộ, đảng viên có chức, có quyền ở các cấp. Đáng chú ý hơn là những cán bộ cấp cao, cán bộ có nhiệm vụ hoạch định chính sách đối nội,

đối ngoại của Đảng và Nhà nước, đặc biệt nguy hiểm là "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở những cán bộ cấp cao giữ vai trò "cầm lái con thuyền đất nước". Sự tan rã của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết gắn liền với tên tuổi của Gorbachev, nguyên Tổng Bí thư Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Tổng thống Liên bang Xôviết, hay Boris Yeltsin, nguyên Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Bí thư Thành ủy Mátxcơva và một số ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, đứng đầu cơ quan Đảng Cộng sản, chính quyền ở các nước Cộng hòa thuộc Liên Xô hoặc giữ chức bộ trưởng, thứ trưởng trong Chính phủ Liên Xô. Có thể nói, đó là những đảng viên cộng sản cấp cao "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" và trở thành kẻ phản bội lại Đảng Cộng sản Liên Xô, chế độ Xôviết và phong trào cộng sản trên toàn thế giới.

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" về nhận thức sớm muộn cũng sẽ dẫn đến sự thay đổi hành vi, hành động chống đối về chính trị của một cá nhân hay một tổ chức. Phản bác, phủ định chủ nghĩa xã hội có thể dẫn tới có âm mưu, hoạt động chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa dưới hình thức này hay hình thức khác. Ca ngợi chủ nghĩa tư bản rồi cũng đến lúc tin theo chế độ tư bản chủ nghĩa. Đó là vấn đề có tính quy luật. Do vậy, cần phải hết sức cảnh giác và không thể coi thường, hơn thế nữa phải thấy được tính chất nguy hại của vấn đề "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ là hậu quả của suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, do tác động từ hoạt động tuyên truyền, phá hoại của các thế lực thù địch, sự tác động của tình trạng

mất dân chủ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, phân hóa giàu nghèo gia tăng... Song trước hết và chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan từ chính bản thân những cán bộ, đảng viên lập trường tư tưởng chính trị không vững vàng, do bất mãn hay do sự buông lỏng công tác quản lý, giáo dục của tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội.

3. Những biểu hiện của "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" có cả nguyên nhân bên trong và nguyên nhân bên ngoài, nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, song quá trình và mức độ "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" chủ yếu do nguyên nhân bên trong, nguyên nhân chủ quan; tức là, do chính chúng ta quyết định. Điều này đã được V.I. Lênin cảnh báo: "Không ai có thể tiêu diệt được chúng ta, ngoài những sai lầm của bản thân chúng ta... Nếu chúng ta do sai lầm mà gây ra sự chia rẽ thì tất cả sẽ sụp đổ"[1]. Vì vậy, để làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, đòi hỏi chúng ta phải kịp thời phát hiện và phá vỡ các mầm mống, khả năng gây ra "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" về tư tưởng chính trị: Thực tế cho thấy, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở mỗi con người, mỗi tổ chức trước hết và chủ yếu là về tư tưởng chính trị. Lĩnh vực này diễn ra rất phức tạp, đa dạng, nhiều cấp độ, dần dần, nhỏ nhặt, trong đó biểu hiện cao nhất là sự suy thoái về tư tưởng chính trị trên các vấn đề như: Phủ nhận

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.42, tr.311.

nền tảng tư tưởng của Đảng ta là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đòi Đảng phải từ bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ và thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập; phê phán lịch sử cách mạng thiếu khách quan, toàn diện; đòi xét lại con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, kêu gọi thay bằng chế độ tư bản chủ nghĩa; xuyên tạc, bôi đen hình ảnh lãnh tụ Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, quân đội, công an...

Nếu tư tưởng chính trị chệch định hướng rất dễ dẫn đến trong đội ngũ cán bộ, đảng viên giảm sút niềm tin, dao động lập trường tư tưởng, hoài nghi; hệ thống chính trị bị chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ, suy giảm hiệu lực quản lý, lãnh đạo... Vì thế, các thế lực thù địch luôn đặt trọng tâm thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" nhằm vào các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, là nơi hoạch định ra đường lối, chủ trương, chính sách của đất nước. Tùy theo từng đối tượng và phạm vi tác động mà chúng sử dụng các thủ đoạn, nội dung, hình thức, phương pháp thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" về tư tưởng chính trị khác nhau.

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trên lĩnh vực kinh tế: Biểu hiện ở việc phủ nhận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; hạ thấp, đi đến làm mất vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa; đòi tư nhân hóa nền kinh tế, xóa bỏ chế độ công hữu tư liệu sản xuất chủ yếu để thay thế bằng chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa...

Quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trên lĩnh vực kinh tế càng trở nên nguy hiểm trong điều kiện các thế lực thù địch có tiềm lực kinh tế rất mạnh. Chúng tìm mọi cách

lợi dụng những kẽ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, khoét sâu vào hạn chế, khuyết điểm của ta để cổ súy, thúc đẩy tư nhân hóa nền kinh tế, nhằm đến một lúc nhất định, khi sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đã giữ vai trò chi phối kết cấu hạ tầng kinh tế, thực chất là chuyển hóa thành kinh tế tư bản chủ nghĩa, thì kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa và "đổi màu". Khi đó, chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa được thay thế bằng chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa.

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trên lĩnh vực văn hóa, xã hội, đạo đức, lối sống: Biểu hiện ở việc sùng bái, chạy theo văn hóa, lối sống tư sản; từ bỏ các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống dân tộc, các giá trị xã hội chủ nghĩa; xuyên tạc trắng trợn lịch sử, phủ nhận nền văn hóa cách mạng; thương mại hóa các hoạt động văn hóa một cách thái quá, đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc; đề cao chủ nghĩa cá nhân, thói đạo đức giả, vị kỷ, xa hoa, trụy lạc...

Những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên không thể xem thường. Bởi vì, nhiều khi sự "lệch chuẩn giá trị sống" lại khởi đầu cho "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" về chính trị, tư tưởng. Điều rất nguy hại là có một số cán bộ, đảng viên có chức, có quyền vi phạm phẩm chất về đạo đức, lối sống, nếu không có biện pháp hữu hiệu ngăn chặn, xử lý, sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với sự nghiệp cách mạng, thậm chí đối với cả vận mệnh của Đảng Cộng sản và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII *về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng;*

ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ đã chỉ ra những biểu hiện để nhận diện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ là:

"1) Phản bác, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; đòi thực hiện "đa nguyên, đa đảng".

2) Phản bác, phủ nhận nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đòi thực hiện thể chế "tam quyền phân lập", phát triển "xã hội dân sự". Phủ nhận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chế độ sở hữu toàn dân về đất đai.

3) Nói, viết, làm trái quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hạ thấp, phủ nhận những thành quả cách mạng; thổi phồng khuyết điểm của Đảng, Nhà nước. Xuyên tạc lịch sử, bịa đặt, vu cáo các lãnh tụ tiền bối và lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

4) Kích động tư tưởng bất mãn, bất đồng chính kiến, chống đối trong nội bộ. Lợi dụng và sử dụng các phương tiện thông tin, truyền thông, mạng xã hội để nói xấu, bôi nhọ, hạ thấp uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng, gây chia rẽ nội bộ, nghi ngờ trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

5) Phủ nhận vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang; đòi "phi chính trị hoá" quân đội và công an; xuyên tạc đường lối quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; chia rẽ quân đội với công an; chia rẽ Nhân dân với quân đội và công an.

6) Móc nối, cấu kết với các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị để truyền bá tư tưởng, quan điểm đối lập; vận động, tổ chức, tập hợp lực lượng để chống phá Đảng và Nhà nước.

7) Đưa thông tin sai lệch, xuyên tạc đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước; thông tin phiến diện, một chiều về tình hình quốc tế, gây bất lợi trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước.

8) Phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với báo chí, văn học - nghệ thuật. Tác động, lôi kéo, lái dư luận xã hội không theo đường lối của Đảng; cổ suý cho quan điểm, tư tưởng dân chủ cực đoan; thổi phồng mặt trái của xã hội. Sáng tác, quảng bá những tác phẩm văn hóa, nghệ thuật lệch lạc, bóp méo lịch sử, hạ thấp uy tín của Đảng.

9) Có tư tưởng dân tộc hẹp hòi, tôn giáo cực đoan. Lợi dụng vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", dân tộc, tôn giáo để gây chia rẽ nội bộ, gây chia rẽ giữa các dân tộc, giữa các tôn giáo, giữa dân tộc và tôn giáo, giữa các dân tộc, tôn giáo với Đảng và Nhà nước"[1].

Bên cạnh đó, biểu hiện về "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" diễn ra trong một quá trình và thường có những dấu hiệu sau:

- Lười nhác, không học tập, nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin và các môn lý luận chính trị; ngại tham gia các phong trào cách mạng; không thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, lối sống trong sáng, chính trực vì chân lý, vì người lao động;

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd,* tr.32-34.

- Sự phai nhạt về lý tưởng; hoài nghi chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn;

- Thể hiện thái độ hoang mang, dao động, phủ nhận mọi thành tựu mà Đảng đã lãnh đạo Nhân dân giành được trong cuộc đấu tranh cách mạng giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay;

- Xuyên tạc, bịa đặt, vu cáo, đả kích, bôi nhọ, phủ nhận công lao to lớn nhằm hạ uy tín lãnh đạo Đảng, Nhà nước, thậm chí cả Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam và của phong trào cộng sản, công nhân và nhân dân lao động trên thế giới;

- Nói nhiều, làm ít; nói không đi đôi với làm; nói và làm không nhất quán, không đúng với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; là đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý nhưng hành động không thực sự vì Nhân dân, vô cảm trước Nhân dân;

- Thiếu gương mẫu trong việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Tác phong quan liêu, gia trưởng độc đoán, thậm chí chèn ép, trù dập, ức hiếp... Nhân dân, làm tổn thương thanh danh, uy tín của Đảng, làm giảm sút niềm tin của Nhân dân đối với Đảng;

- Không tôn trọng chính kiến của nhân dân, nặng về biện pháp hành chính, mệnh lệnh. Sa sút phẩm chất, sống xa dân, vô trách nhiệm với Nhân dân. Cửa quyền, hách dịch, sách

nhiễu, gây phiền hà, khó khăn cho Nhân dân. Thiếu lễ độ với Nhân dân;

- Không có hoài bão, không còn ý thức vì nước, vì dân, không làm tròn bổn phận, chức trách được giao, không thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của Đảng; báo cáo không đúng sự thật, không trung thực, thẳng thắn trong tự phê bình và phê bình, thiếu dân chủ hoặc dân chủ hình thức; sa sút ý chí chiến đấu, ý chí đấu tranh tự phê bình và phê bình, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh;

- Dĩ hòa vi quý, nói dựa, lấy lòng nhau; tư duy nhiệm kỳ, bệnh thành tích; bè phái, cục bộ, lợi ích nhóm;

- Tham nhũng, lãng phí, bòn rút của công, quan liêu, chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ, chạy tuổi, chạy bằng cấp, chạy khen thưởng...;

- Chủ nghĩa cá nhân, lối sống ích kỷ, vụ lợi, buông thả, hưởng thụ, thiếu lý tưởng, thiếu ý chí phấn đấu; cơ hội, đua đòi, vì lợi ích cá nhân;

- Có hành vi vi phạm pháp luật; mê tín, dị đoan, vi phạm thuần phong mỹ tục của dân tộc; lối sống vô tổ chức, vô kỷ luật;

- Coi trọng các giá trị tư bản chủ nghĩa, ca ngợi quá mức thành tựu của chủ nghĩa tư bản mà không thấy mặt trái, nhược điểm và những yếu kém, khuyết tật của nó;

- Truyền bá học thuyết, văn hóa, lối sống tư sản cũng như các quan điểm tư tưởng phi mácxít, phi xã hội chủ nghĩa, đối lập thù địch với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Phá hoại nội bộ cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ qua các hành vi gây bè phái, chia rẽ làm mất đoàn kết nội bộ, kích động tư tưởng bất mãn, bất bình, chống đối

trong nội bộ các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội thuộc hệ thống chính trị của chế độ Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Bảo vệ quan điểm, tư tưởng, hành động sai trái của các phần tử chống đối ở trong nội bộ và ngoài xã hội nước ta, thậm chí ca ngợi chúng như những nhân vật "anh hùng" đấu tranh cho "dân chủ", "nhân quyền"...

*

* *

Nhận biết "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở một con người hay trong một tổ chức không đơn giản chỉ là căn cứ vào một vài biểu hiện bề ngoài. Bởi vì, hiện tượng bề ngoài không phải lúc nào cũng phản ánh bản chất bên trong. Thực tế có những trường hợp vì bức xúc, bất bình về vấn đề gì đó mà nhất thời có những lời nói, hành động thể hiện thái độ bất mãn thì cũng không nên vội vã cho là "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" mà cần làm rõ nguyên nhân, bản chất sự việc, hiện tượng.

Việc đánh giá, kết luận một trường hợp nào đó có vấn đề "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" cần phải hết sức thận trọng, khách quan, phải trên cơ sở phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa các dấu hiệu hành vi có liên quan diễn ra trong một quá trình, trong đó mấu chốt của vấn đề "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" là sự thay đổi quan điểm, lập trường tư tưởng - chính trị theo hướng đối lập, thù địch với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa xã hội.

NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" - TỪ GÓC ĐỘ "THA HÓA"

PGS. TS. NGUYỄN VĨNH THANH*
TS. VŨ VĂN HẬU**

1. Thống nhất nội hàm "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" từ góc độ "tha hóa"

Phạm trù "tha hoá" đã trở thành phạm trù triết học theo nghĩa đầy đủ, rõ ràng và điển hình nhất của nó ở triết học cổ điển Đức và có thể tìm thấy tính sâu sắc trong quan niệm của G.W.F. Hêghen. Đến C. Mác, khái niệm "tha hóa" dùng để chỉ sự tách rời của lực lượng đông đảo những người làm công ăn lương với các sản phẩm lao động của họ - tức là tha hóa về lao động. C. Mác diễn đạt ý niệm này lần đầu tiên trong *Bản thảo kinh tế - triết học* năm 1844: "Vật phẩm do lao động sản xuất ra, tức sản phẩm của lao động, đối lập với lao động như một *thực thể xa lạ,* như một *lực lượng không phụ thuộc* vào người sản xuất"[1]. C. Mác phân tích tha hóa lao động trên các mặt: 1- Tha hóa của người công nhân đối với

---

*, ** Học viện Chính trị khu vực I.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd,* t.42, tr.128.

sản phẩm lao động của mình; 2- Tha hóa của người công nhân trong hành vi lao động của mình; 3- Tha hóa của người công nhân khỏi tộc loại của mình. Điều đó có nghĩa, tha hóa là "sự chuyển hóa của những hiện tượng và quan hệ nào đó thành một cái gì khác với bản thân chúng"[1]. Tha hóa chính là quá trình biến thành (trở thành) cái khác, cái tha hóa chính là cái ban đầu được biểu hiện là cái khác. Nói một cách cụ thể, đó là hiện tượng làm biến tướng bản chất hoặc mục đích của sự vật, hiện tượng.

Xét ở góc độ tha hóa, khái niệm "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" là quá trình vận động, biến đổi dần, hướng dần tới mất bản chất, "thoát ly khỏi" bản chất ban đầu và xa lạ với bản chất ban đầu. Với nghĩa đó, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" của đội ngũ cán bộ, đảng viên là quá trình thay đổi theo chiều hướng tiêu cực về tư tưởng chính trị, về đạo đức, lối sống; là quá trình chuyển hóa về bản chất chính trị của cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng thành đối lập, thù địch với Đảng Cộng sản và chế độ xã hội chủ nghĩa.

2. Nhận diện diễn trình, cấp độ của "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"

Theo diễn trình của quá trình "tha hóa" là từ "cái ban đầu", "chuyển thành cái khác" và thành "cái đối lập" thì quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" cũng diễn ra như vậy. Cụ thể là, quá trình này được diễn ra với ba giai đoạn: 1- giai đoạn thứ nhất, đối tượng thể hiện sự hoang mang, dao động,

---

1. *Từ điển Triết học*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2002, tr.1056.

hoài nghi về tư tưởng, chính trị; 2- giai đoạn thứ hai, đối tượng bắt đầu chủ động hơn trong tiếp nhận những thông tin trái chiều, thu thập tổng hợp thông tin và phát tán những thông tin này với thái độ bất mãn, chán ghét, thù địch; 3- giai đoạn thứ ba, đối tượng có tư tưởng, hành động cực đoan, phản động, chống đối Đảng, Nhà nước. Khi đã đến giai đoạn thứ ba, đối tượng thể hiện rõ tư tưởng chính trị phản động, bất chấp mọi nguyên tắc hoạt động của tổ chức và pháp luật của Đảng, Nhà nước. Đi liền với diễn trình này biểu hiện ít nhất ở hai cấp độ:

- Cấp độ cá nhân: Đó là ở cả trong nhận thức chính trị, đạo đức, lối sống, tư tưởng, niềm tin và ý chí quyết tâm hành động với các biểu hiện cụ thể: Suy giảm về nhận thức, về tư tưởng chính trị, ngày càng xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, xa rời lý tưởng chiến đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xa rời đường lối của Đảng; suy giảm niềm tin vào thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; suy giảm niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước, phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt; suy giảm về phẩm chất đạo đức, lối sống, ngày càng xa rời những phẩm chất, chuẩn mực đạo đức, lối sống xã hội chủ nghĩa.

- Cấp độ tổ chức: Nếu nhìn ở góc độ tổ chức, hiện chưa có biểu hiện rõ nét về "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" về góc độ tổ chức. Thực tế, trong hệ thống chính trị nước ta hiện nay chưa tổ chức nào đưa ra quan điểm phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, song, nếu xét ở góc độ của nhóm lợi ích thì lại thấy

có sự thể hiện khá rõ. Biểu hiện là sự "kết bè" để bảo vệ nhóm lợi ích của mình, hoặc lợi dụng chính sách, hay sử dụng quyền lực để hình thành những chính sách bảo vệ lợi ích nhóm, cụ thể như: Hiện tượng tái cơ cấu, cổ phần hóa doanh nghiệp rơi vào tay một vài nhóm người, làm thất thoát tài sản của Nhà nước, dẫn tới thay đổi bản chất chế độ; tình trạng sở hữu chéo và nhóm lợi ích giữa các tổ chức tín dụng và các doanh nghiệp làm gia tăng xung đột lợi ích, ảnh hưởng xấu đến lợi ích quốc gia; hay những biểu hiện lợi ích nhóm trong việc ban hành chủ trương, chính sách về công tác cán bộ là một bộ phận cán bộ tham mưu, khi tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành chính sách có liên quan đến công tác cán bộ "dưới tiêu chuẩn, điều kiện cơ bản" để người thân của họ, hoặc cán bộ lãnh đạo có đủ điều kiện đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đó; ban hành chính sách, quyết định, nhiều khi mang tính "nội bộ", có tính chất đặc quyền, đặc lợi cho một số ít cán bộ, trái với quy định hoặc theo quy định của Nhà nước nhưng không minh bạch để trục lợi... Những biểu hiện trên là hiện trạng của "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" xét ở góc độ tổ chức.

3. Truy tìm nguyên nhân và đề xuất ngăn chặn, đẩy lùi "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" - nhìn từ góc độ "tha hóa"

Theo nguyên lý của chủ nghĩa duy vật lịch sử, mỗi một sự vật, hiện tượng trong xã hội đều có căn nguyên tồn tại của nó. Tiếp cận phương pháp nghiên cứu "tha hóa lao động" của C. Mác để truy tìm căn nguyên của "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong bối cảnh hiện nay có thể liệt kê một số nguyên nhân sau: Sự tác động của các thế lực thù địch trên các lĩnh

vực tư tưởng, kinh tế, chính trị, văn hóa...; sự tác động của các thế lực thù địch có nhiều phương thức, thủ đoạn thâm độc nhằm làm suy thoái, biến chất đội ngũ cán bộ, đảng viên cả về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới (sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu; các cuộc "Cách mạng màu", "Mùa xuân Ảrập"...); sự tác động từ mặt trái của cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế; sự khó khăn trong đời sống của Nhân dân nói chung và của phần lớn đội ngũ cán bộ, đảng viên; phương pháp lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước có nơi, có chỗ chưa khoa học; việc giáo dục đạo đức cách mạng bị buông lỏng, tình trạng tham ô, tham nhũng trong bộ máy chính quyền các cấp chưa ngăn chặn được mà có xu hướng gia tăng. Những nguyên nhân này dẫn đến sự dao động, hoài nghi, giảm niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng và con đường cách mạng Việt Nam đang đi.

Đặc biệt theo nhiều nghiên cứu cho rằng, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên có nguyên nhân quan trọng, trực tiếp từ chủ nghĩa cá nhân, đó là: 1- Từ lợi ích bất chính về kinh tế của các cá nhân. Vì lợi ích cá nhân bất chính mà con người có thể làm băng hoại các giá trị đạo đức truyền thống. Vị kỷ và thực dụng làm cho nhiều cán bộ, đảng viên tha hóa, mất kiểm soát, dần dần "chuyển hóa" lúc nào không hay, ngày càng xa rời lý tưởng cộng sản; 2- Từ lợi ích nhóm. Đó chính là một hình thức tham nhũng tập thể, được biểu hiện dưới các hình thức như báo cáo không trung thực, chạy dự án, chạy chức, chạy quyền, chạy chính sách... Lợi ích nhóm không những làm rối loạn, gây thất thoát nền kinh tế quốc gia, mà còn là nguy cơ thúc đẩy nhanh tiến trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; 3- Từ tư

duy mang tính nhiệm kỳ. Đây là lối suy nghĩ và cách thức hành xử công việc theo nhiệm kỳ bầu cử với mong muốn thu lợi cao nhất cho mình và nhóm lợi ích của mình trong thời gian tại vị; 4- Là sự lạc hậu, nghèo đói và những mặt trái của cơ chế thị trường; 5- Từ sự yếu kém trong quản lý nhà nước về kinh tế. Sự yếu kém này là lỗ hổng tạo điều kiện cho những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất lợi dụng, câu kết tham ô, bòn rút ngân sách của công làm của tư, v.v.. Các tác nhân này hằng ngày, hằng giờ đang là những nhân tố tác động dần làm mất bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Để ngăn chặn, đẩy lùi "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", chúng tôi xin đề xuất một số biện pháp sau:

Một là, giữ vững, tăng cường bản chất của Đảng.

Từ khi ra đời cho tới nay Đảng ta luôn xác định: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc"[1]. Sở dĩ có hiện tượng "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong thời gian vừa qua ở một số cán bộ, đảng viên là họ xa rời bản chất của Đảng, xa rời ý thức trách nhiệm của người đảng viên, người lãnh đạo, quản lý, xa rời ý thức mình là công bộc của Nhân dân, sa vào chủ nghĩa cá nhân. Tuy nhiên, để giữ vững, tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng thì không thể tách rời với toàn bộ yêu cầu tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Chỉ có xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng thì mới giữ vững, tăng cường được bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

---

1. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Sđd,* tr.4.

Hai là, kiên định lập trường, tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới; kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng - cơ sở lý luận để giữ vững, tăng cường bản chất của Đảng.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận khoa học và cách mạng, được tổng kết, đúc rút từ sự phân tích toàn bộ lịch sử nhân loại và thực tiễn xã hội thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản, kế thừa một cách có hệ thống những giá trị tư tưởng và thành tựu khoa học quan trọng nhất của loài người. Nó cung cấp cho chúng ta một thế giới quan khoa học và cách mạng, những quy luật phổ biến về sự vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy con người. Đặc biệt, về mặt xã hội, chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra quy luật vận động của lịch sử nhân loại và con đường tất yếu tới chủ nghĩa cộng sản - một hình thái phát triển cao của xã hội loài người, trong đó con người được tự do, hạnh phúc, có đủ các điều kiện để phát triển và hoàn thiện một cách toàn diện. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là di sản tư tưởng và lý luận vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta...

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi phải nghiên cứu sâu sắc, toàn diện và có hệ thống những di sản tư tưởng, lý luận của C. Mác,

Ph. Ăngghen, V.I. Lênin và Hồ Chí Minh; phải đổi mới tư duy để trở về với chính thực chất hệ thống luận điểm của các ông đã hình thành trong những điều kiện lịch sử cụ thể, trong đó cần hết sức chú ý đến những bổ sung, phát triển mà chính các ông phác họa trước những thay đổi của thực tiễn. Điều quan trọng là phải đặt những luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong cả hệ thống như một chỉnh thể, không được cắt xén. Chúng ta phải xác định rõ những luận điểm nào trước đây đúng, nay vẫn đúng và về sau vẫn đúng; những luận điểm nào không còn phù hợp do thực tiễn đã thay đổi; những luận điểm gì vốn đúng, nhưng bị nhận thức và vận dụng sai; những luận điểm mới gì cần được phát triển, cần nhận thức lại, bổ sung vào lý luận cách mạng...

Ba là, giữ vững và tăng cường bản chất của Đảng cần phải thực hành chống chủ nghĩa cá nhân trong Đảng và bộ máy nhà nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: "*Chủ nghĩa cá nhân* là việc gì cũng chỉ lo cho lợi ích riêng của mình, không quan tâm đến lợi ích chung của tập thể... Nó là mẹ đẻ ra tất cả mọi tính hư nết xấu như: lười biếng, suy bì, kiêu căng, kèn cựa, nhút nhát, lãng phí, tham ô, v.v."[1]; "Chủ nghĩa cá nhân, đặt lợi ích riêng của mình, của gia đình mình lên trên, lên trước lợi ích chung của dân tộc"[2]; chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù của cách mạng, nó là nguồn gốc của những "căn bệnh" làm hư hỏng đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm tha hóa Đảng; chủ nghĩa cá nhân là "địch nội xâm", một trong những nguy cơ đe dọa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.13, tr.90.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.8, tr.156.

sự tồn vong của Đảng. "Địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra"[1]. Do vậy, điều quan trọng là đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân. Để chống chủ nghĩa cá nhân theo Chủ tịch Hồ Chí Minh mỗi cán bộ, đảng viên phải:

- Luôn học tập để nâng cao và thấm nhuần đạo đức cách mạng, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới đặt ra và xem đây như là biện pháp để chống chủ nghĩa cá nhân.

- Phát huy và thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt Đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, thường xuyên đấu tranh tự phê bình và phê bình. Đây là vũ khí sắc bén và rất cần thiết để chống chủ nghĩa cá nhân trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra, giám sát cán bộ, đảng viên của các cơ quan nhà nước, thực hiện kỷ luật nghiêm minh của các tổ chức đảng. Nếu thiếu những điều đó thì con người dù làm bất cứ việc gì, ở bất cứ ngành nào cũng dễ sa vào chủ nghĩa cá nhân, bị suy thoái, hủ hóa.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.278.

THAM NHŨNG QUYỀN LỰC - NHÌN NHẬN TỪ GÓC ĐỘ TỔ CHỨC BỘ MÁY

TS. NGUYỄN TÀI ĐỨC*

Trong nhiều năm qua, tham nhũng quyền lực đang là vấn nạn, gây nhức nhối trong công tác cán bộ của Đảng, làm tổn hại đến sự phát triển chung của đất nước, suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã nêu rõ: "Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn"[1].

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tham nhũng quyền lực. Có nguyên nhân từ sự suy thoái về đạo đức, lối sống, tính tiền phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt đội ngũ cán bộ có chức quyền; có nguyên nhân do thể chế, chính sách (các văn bản quy phạm pháp luật, quy định, quy chế...) chưa phù hợp hay nguyên nhân từ cơ cấu tổ chức

---

* Nguyên Phó Vụ trưởng Vụ Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ Ban Tổ chức Trung ương.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.185.

bộ máy chưa chặt chẽ, thiếu tính khoa học... Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*" đã chỉ rõ "Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị chưa được coi trọng và chưa được tiến hành một cách căn cơ, bài bản, thiết thực".

Bài viết này tập trung xem xét nguyên nhân tham nhũng quyền lực xét từ góc độ cơ cấu tổ chức bộ máy. Đây được coi là nguyên nhân "gốc", nguyên nhân của mọi nguyên nhân sinh ra tham nhũng quyền lực.

Tổ chức do con người lập nên, vì thế chất lượng và hiệu quả của tổ chức phụ thuộc trước hết vào năng lực chuyên môn, năng lực sáng tạo và sự nắm bắt thực tiễn của con người. Song đến lượt nó, khi đã hình thành xong, tổ chức lại quy định những hoạt động của con người, giữ vai trò điều khiển con người, buộc con người phải hoạt động theo đúng phương thức hoạt động mà tổ chức đặt ra. Tổ chức là sản phẩm của con người, nhưng khi đã có được hình thái chính thức, nó lại đóng vai trò quyết định sự phát triển của tổ chức và mỗi cá nhân trong tổ chức. Tổ chức được thiết kế tốt sẽ tạo điều kiện để tổ chức phát triển mạnh mẽ, là cơ sở tạo nên sự phối hợp hoạt động nhịp nhàng giữa các bộ phận, giữa các cá nhân trong tổ chức, tạo điều kiện để mỗi cá nhân phát triển tối đa năng lực sở trường của mình, ngăn chặn suy thoái về đạo đức, lối sống của mỗi cá nhân, còn ngược lại, nếu tổ chức bộ máy được thiết kế thiếu chặt chẽ, không bảo đảm tính khoa học, người có chức quyền thiếu tu dưỡng, rèn luyện thường có xu hướng tận dụng những kẽ hở trong quá trình vận hành bộ máy để vun vén,

vụ lợi cho cá nhân. Như vậy, chính cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động của bộ máy có ảnh hưởng, chi phối tới sự suy thoái đạo đức, lối sống của cán bộ. Qua thời gian, bộ máy "hỏng" có thể làm biến chất cán bộ, người tốt ngồi vào "cái ghế" "hỏng" thì dần cũng trở thành người xấu, *sự tha hóa như vậy có từ trong bản chất tự nhiên của con người* (thực tế đã chứng minh, có người từng được Nhà nước phong anh hùng, sau trở thành tội phạm, sa vào vòng lao lý), nói cách khác, *chính bộ máy đã góp phần làm cho đội ngũ cán bộ bị tha hóa, biến một người tốt thành người xấu.*

Lòng tốt của con người có giới hạn nhất định, khi sự cám dỗ lợi ích đến một chừng mực nào đó, có thể làm cho lòng tốt ấy bị lung lay, biến đổi. Vì thế, ngăn chặn lạm dụng quyền lực không thể chỉ sử dụng biện pháp kêu gọi lòng tốt ở mỗi người, mà phải bằng cơ cấu tổ chức và cơ chế, chính sách cụ thể. Đặc biệt, khi tham nhũng quyền lực đã trở thành vấn nạn, thì việc nghiên cứu đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy càng trở nên cấp thiết.

Với ý nghĩa, tầm quan trọng của tổ chức bộ máy và cũng phù hợp với ý tưởng phải "nhốt quyền lực vào trong lồng cơ chế", bài viết này tập trung làm rõ một số vấn đề về vai trò của tổ chức bộ máy như một cái "lồng" trong việc ngăn chặn tham nhũng quyền lực.

Trước hết, hãy làm rõ quan niệm về quyền lực.

Quyền lực được phân tích và tranh luận rất sâu và rất rộng trong lĩnh vực khoa học chính trị và khoa học xã hội (đặc biệt trong khoa học tổ chức và khoa học quản lý). Chữ quyền lực/sức mạnh (power) bao hàm nhiều định nghĩa khác nhau, nhưng tựu trung nó đề cập đến ảnh hưởng (influence) và điều khiển (control).

Quyền lực có hai ý niệm chính: một, năng lực (capacity); hai, quyền (right). Liên quan đến điểm một, nó là khả năng hay năng lực để tác động, hay điều khiển, suy nghĩ và hành động của người khác, cho dù người đó không muốn. Liên quan đến điểm hai, nó là quyền tối cao của một cá nhân hay một tổ chức trong một vấn đề, lĩnh vực nào đó. Quyền lực có thể điều khiển, chi phối hay chỉ đạo nhân lực hay tài nguyên/lực của một nhóm người, cộng đồng, đất nước hay nhân loại về một vấn đề nào đó theo một xu hướng nhất định nào đó.

Quyền lực được phân loại tổng quát như quyền lực kinh tế, quyền lực chính trị, quyền lực kiến thức, quyền lực quân sự, quyền lực ý thức hệ... Một cách phân loại khác là quyền lực cứng (như kinh tế, quân sự...), quyền lực mềm (như văn hóa, chính trị...). Quyền lực thể hiện qua ba hình thức khác nhau: vũ lực (quân sự), ảnh hưởng (ý tưởng, kiến thức, chính nghĩa hay khả năng thuyết phục) và quyền năng (chức vụ hay quyền hạn đang nắm giữ).

Trong giới hạn phạm vi của bài viết chỉ xem xét quyền lực ở hình thức quyền năng (chức vụ, quyền hạn đang nắm giữ). Đây là một dạng quyền lực hợp pháp quy định trong tổ chức, được mọi người thừa nhận và tôn trọng tuân thủ trong quan hệ với nhau.

Tham nhũng quyền lực là nói tới việc sử dụng quyền lực (ở hình thức quyền năng) để vụ lợi cho cá nhân hay một tập thể, nhóm người (nhóm lợi ích).

Để thấy rõ mối quan hệ giữa tham nhũng quyền lực với cơ cấu tổ chức bộ máy, hãy phân tích tổ chức bộ máy theo các yếu tố cơ bản cấu thành, đó là các yếu tố cần thiết nhất,

không thể không có trong mỗi tổ chức, bảo đảm cho tổ chức tồn tại và phát triển.

Các yếu tố cơ bản cấu thành tổ chức[1] đó là:

- Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ.
- Thẩm quyền, trách nhiệm.
- Cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động.
- Nguồn nhân lực.
- Nguồn tài chính, các phương tiện vật chất, kỹ thuật.

Mục tiêu tổ chức giữ vai trò quan trọng nhất, nó quyết định quy mô, loại hình tổ chức, nhân sự, phương thức hoạt động và nguồn lực của tổ chức.

Trước hết, phải nhận diện cho đúng việc ra đời một tổ chức như một nhu cầu khách quan, chứ không phụ thuộc vào nhu cầu chủ quan của một tổ chức hay một cá nhân nào. Tổ chức ra đời nhằm thực hiện một mục tiêu xác định, nói cách khác *tổ chức là phương tiện để đạt được mục tiêu.* Mục tiêu của tổ chức không phải do con người tự đặt ra, mà nó xuất hiện nhằm giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra, tức là nó được hình thành từ nhu cầu của thực tiễn khách quan. Như thế, tổ chức ra đời mang tính khách quan, để thực hiện các mục tiêu nảy sinh từ thực tiễn. Do đó, việc ra đời, xóa bỏ hay tách, nhập các tổ chức không căn cứ trên cơ sở thực tiễn khách quan, mà dựa theo ý muốn chủ quan đều làm cho cái chủ quan trùm lên cái khách quan sẽ làm giảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức, đồng thời gây nhiều hệ lụy kèm theo như, thất thoát, lãng phí tốn kém tiền bạc để mua sắm,

---

1. Xem PGS.TS. Lê Minh Thông, TS. Nguyễn Tài Đức (chủ biên): *Một số vấn đề về cơ sở khoa học của công tác tổ chức trong hệ thống chính trị,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.14.

nhà cửa, phương tiện, bố trí nhân sự... Tình trạng "chạy", "xin cho" để cho ra đời hay xóa bỏ một tổ chức dựa trên ý chí chủ quan là một nguyên nhân dẫn đến tham nhũng quyền lực.

Mục tiêu chung của các tổ chức trong hệ thống chính trị là hướng tới phục vụ cho đường lối chính trị của Đảng, mà điểm quan trọng trong đường lối này đã được Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định: "Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*. Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*"[1]. Điều 2 Hiến pháp năm 2013 cũng khẳng định: "Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân", "Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình". Như vậy, mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị đều phải đặt mục tiêu hàng đầu là phục vụ Tổ quốc, phục vụ Nhân dân và *mục tiêu này phải được hiện thực hóa trong thiết kế mỗi tổ chức*, sao cho mỗi người ngồi trong guồng máy buộc phải hết sức, hết lòng phục vụ Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, còn nếu không, sẽ buộc phải rời khỏi guồng máy. Hiện nay, tại sao có hiện tượng công chức trong một số cơ quan hành chính có biểu hiện "cửa quyền", "hành dân", coi thường dân, đe nẹt dân; người dân lẽ ra phải là người chủ nhân của quyền lực, nhưng bị tước đoạt, trở thành đối tượng bị ức hiếp; người dân sau khi ủy quyền cho Nhà nước thì bị mất quyền... Tất cả những hiện tượng trên ngoài nguyên nhân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t.6, tr.232.

từ sự tha hóa đạo đức, lối sống của một số cán bộ, công chức, còn có nguyên nhân, có lẽ là quan trọng hơn, từ sự hạn chế trong thiết kế cơ cấu tổ chức bộ máy chưa đáp ứng mục tiêu tối thượng là "vì Nhân dân phục vụ", mà còn để nhiều kẽ hở cho công chức lợi dụng tham nhũng, thu vén lợi ích cá nhân, biến của chung thành của riêng, người dân trở thành đối tượng bị ức hiếp, tước đoạt.

Để đạt được mục tiêu, mỗi tổ chức cần xây dựng *chức năng, nhiệm vụ* của mình; nói cách khác, chức năng, nhiệm vụ là bước cụ thể hóa của mục tiêu. Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức phải thể hiện đầy đủ yêu cầu của mục tiêu, phải rõ ràng và *không trùng lặp* với bất cứ tổ chức nào khác. Sự chồng chéo, trùng lặp, không phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ giữa các tổ chức là nguyên nhân gây nên sự tranh giành, lấn quyền, vô hiệu hóa lẫn nhau hay bỏ sót nhiệm vụ, từ đó dẫn đến tham nhũng quyền lực, gây mất đoàn kết, làm suy giảm hiệu quả hoạt động của mỗi tổ chức. Thực tế cho thấy, một số cơ quan, đơn vị của bên Đảng và Nhà nước có chức năng, nhiệm vụ gần giống nhau, bị trùng lặp, chồng chéo ảnh hưởng tới sự lãnh đạo, chỉ đạo chung, gây khó khăn cho các cấp thực hiện. Hay sự tranh giành quyền lực, vô hiệu hóa lẫn nhau, từ đó gây mất đoàn kết nội bộ kéo dài ở một số tỉnh, thành có nguyên nhân từ sự trùng lặp, không phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các chức danh lãnh đạo, quản lý như chức danh bí thư tỉnh, thành ủy (huyện ủy) và chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh (huyện).

Trong tác phẩm *Thà ít mà tốt*, Lênin đã đặt vấn đề về đổi mới mối quan hệ tổ chức giữa bộ máy nhà nước với bộ máy các cơ quan đảng tương đương. Người đặt câu hỏi: "Làm thế nào

có thể kết hợp được một cơ quan đảng với một cơ quan chính quyền xôviết?"[1] và Người tự trả lời: "Thật vậy, tại sao lại không kết hợp hai cơ quan đó lại khi lợi ích của công việc đòi hỏi phải làm như thế?... Phải chăng sự kết hợp linh hoạt của yếu tố chính quyền với yếu tố đảng lại không phải là một nguồn sức mạnh phi thường trong chính sách của chúng ta?"[2].

Vì thế, để tránh lạm dụng quyền lực, cần tuân thủ nguyên tắc trong thiết kế tổ chức là mỗi tổ chức phải có chức năng, nhiệm vụ của riêng mình và không trùng lặp, chồng chéo với một tổ chức nào khác.

Thẩm quyền của tổ chức là tập hợp những quyền hạn được trao cho tổ chức nhằm bảo đảm cho tổ chức thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của mình và những quyền hạn này được chính thức hóa bằng văn bản có tính pháp lý. Thẩm quyền của tổ chức xác định rõ những quyền và phạm vi của những quyền đó được phân chia trong trật tự chung của hệ thống và mối quan hệ của nó với các quyền của các tổ chức khác trong cùng một hệ thống tổ chức. Nếu tổ chức không được giao đủ thẩm quyền hay vượt quá thẩm quyền, đều ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của tổ chức và tệ hại hơn, hệ quả của nó là việc tham nhũng quyền lực, "chạy" *mở rộng thẩm quyền* để có điều kiện vụ lợi, tham nhũng (tạo ra cơ chế xin - cho, duyệt cấp...).

Mức độ quyền hạn được phân bổ có thể thay đổi từ mức tập trung cao độ đến phân quyền cao độ tùy theo hoàn cảnh thực tế của từng tổ chức cụ thể. Đối với tổ chức này thì việc phân quyền đem lại hiệu quả cao cho tổ chức, vì nó cho phép

---

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd,* t.45, tr.452.

nâng cao tính tự chủ và chịu trách nhiệm cao hơn của từng bộ phận và cá nhân trong tổ chức. Nhưng đối với một tổ chức khác, người ta lại nhận thấy một số điểm yếu của phân quyền và cho rằng đối với tổ chức của mình, tập quyền mới đem lại hiệu quả cao cho tổ chức. Như thế, để thiết kế cấu trúc tổ chức có hiệu quả, phải tùy tính chất, phương thức hoạt động và các điều kiện cụ thể của tổ chức mà lựa chọn cách thức phân bổ quyền hạn tập trung hay phân quyền một cách tối ưu.

Theo kinh nghiệm phân quyền ở một số nước tiên tiến trên thế giới, sự phân cấp, phân quyền ở mức độ cao chỉ nên thực hiện đối với những tổ chức có trình độ nhận thức và văn hóa khá cao và đồng đều giữa các thành viên trong tổ chức. Còn trong trường hợp ngược lại, khi trình độ nhận thức và văn hóa của tổ chức còn thấp, thì việc phân quyền cao độ nhiều khi lại gây nên sự rối loạn, mỗi tổ chức tự đóng cửa, khoanh vùng hoạt động của mình, mà không có sự phối hợp hoạt động với các tổ chức khác, làm cho hệ thống mất đi tính chỉnh thể phối hợp hoạt động chung. Cũng như vậy khi nói đến sự phân cấp, phân quyền giữa Nhà nước Trung ương với địa phương (tỉnh, thành phố). Khi sự phân quyền ở mức độ cao, sẽ tăng quyền tự chủ, phát huy tính tích cực, sáng tạo cho địa phương, nhưng đồng thời đó cũng dễ là nguyên nhân gây nên tình trạng "địa phương chủ nghĩa", chỉ lo cho lợi ích của địa phương mình mà không quan tâm tới sự phát triển chung của cả đất nước. Do đó nhà nước trung ương phải xem xét kỹ lưỡng, cần phân quyền đến mức độ nào cho từng địa phương cụ thể (có thể không đồng đều như nhau) nhằm phát huy cao nhất mọi khả năng, tiềm lực của địa phương, đồng thời vẫn đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của nhà nước

trung ương trên những lĩnh vực quan trọng về chính trị, an ninh quốc phòng, kinh tế và xã hội.

Cùng với việc trao cho tổ chức những thẩm quyền là việc xác định những *trách nhiệm* mà tổ chức cần thực hiện để bảo đảm thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được trao. Khi đã được trao đủ quyền, mỗi tổ chức phải chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ và các quyền được trao. Quyền hạn trao cho tổ chức càng lớn thì trách nhiệm càng phải cao tương xứng. Tổ chức phải chịu trách nhiệm về bất cứ một vụ việc gì xảy ra trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình. Trong thực tế, vì không xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm, nên khi có những "sự cố" xảy ra, thường rất khó quy trách nhiệm cho tổ chức hay cá nhân nào. Tình trạng diễn ra khá phổ biến hiện nay ở nhiều tổ chức đó là sự lấn quyền, tranh quyền của nhau và trốn tránh trách nhiệm. Việc không quy định cụ thể trách nhiệm của tổ chức sẽ dẫn đến thói vô trách nhiệm, lạm dụng quyền lực, thiếu dân chủ và nhiều thói hư, tật xấu khác làm ảnh hưởng tới mọi mặt hoạt động của tổ chức, giảm lòng tin của quần chúng nhân dân.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mỗi tổ chức cần được công khai để mọi người có thể theo dõi, kiểm tra, giám sát.

Sau khi đã có mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ rõ ràng thì việc tìm ra một loại hình *cơ cấu tổ chức* thích hợp để hiện thực hóa mục tiêu ấy là nhiệm vụ hàng đầu của mỗi tổ chức. Tổ chức được coi là một hệ thống xã hội mở, sức mạnh của hệ thống là sức mạnh của sự phối hợp, liên kết hoạt động giữa các bộ phận trong tổ chức trật tự hay hỗn loạn, điều khiển hay không điều khiển được. Hệ thống là một tập hợp gồm các

bộ phận liên kết và phụ thuộc lẫn nhau, được sắp xếp trong một chỉnh thể thống nhất. Đặc điểm đáng chú ý của hệ thống thể hiện ở tính độc lập và thống nhất. Trong một hệ thống, mỗi bộ phận đều được phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của riêng mình, nhưng đồng thời phải bảo đảm sự thống nhất hoạt động chung của hệ thống. Sự thống nhất này đạt được nhờ vào sự cùng hướng tới mục tiêu chung, mức độ phối hợp, hệ thống phân cấp, các luật lệ, sự giám sát trực tiếp.

Cách tiếp cận hệ thống mở, cho phép quan niệm tổ chức như các phân hệ gắn liền nhau. Các hệ thống như con búp bê Nga (Matrioska), trong đó luôn luôn chứa đựng những tập hợp bên trong các tập hợp. Chẳng hạn, một tổ chức được coi là một hệ thống gồm các bộ phận hợp thành - tiểu hệ thống, nhưng trong một hệ thống lớn hơn thì tổ chức đó lại chỉ là một tiểu hệ thống, đó là quá trình mở rộng lẫn nhau trong một chỉnh thể thống nhất.

Trong các nguyên tắc xây dựng cơ cấu tổ chức, cần chú ý một số nguyên tắc sau để tránh tham nhũng quyền lực:

- *Nguyên tắc kết hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo tập trung thống nhất với sự phân cấp quản lý.* Trong bất kỳ cơ cấu tổ chức nào đều phải hình thành một bộ phận (hay cá nhân) thực hiện sự lãnh đạo thống nhất. Để bảo đảm lãnh đạo thống nhất, thì quyền lực phải được tập trung. Tập trung không có nghĩa là dồn hết quyền lãnh đạo vào một bộ phận hay một người mà nó phải tạo ra được cơ cấu tổ chức phân cấp, phân quyền hợp lý cho các bộ phận trong tổ chức. Chính sự phân cấp, phân quyền này sẽ tạo ra sức mạnh cho sự lãnh đạo tập trung thống nhất.

- *Nguyên tắc giảm tối đa các đầu mối, bộ phận.* Trong xây dựng cơ cấu tổ chức cần lấy việc đạt mục tiêu của tổ chức làm

tiêu chí hàng đầu để giảm tối đa các đầu mối, bộ phận trong tổ chức. Kiên quyết xóa bỏ hay sáp nhập những bộ phận không rõ chức năng, nhiệm vụ, hay chức năng, nhiệm vụ bị chồng chéo, trùng lặp. Xem xét nếu thấy bộ phận nào mà sự tồn tại hay không tồn tại của nó cũng không ảnh hưởng gì hay rất ít ảnh hưởng đến việc đạt mục tiêu của tổ chức thì kiên quyết xóa bỏ. Tinh giản tối đa bộ máy và nguồn nhân lực trong bộ máy là một nguyên tắc quan trọng nhằm nâng cao tính hiệu quả của tổ chức.

- *Nguyên tắc tự kiểm tra.* Nguyên tắc yêu cầu cơ cấu tổ chức phải bảo đảm khả năng tự kiểm tra công việc của các bộ phận và cá nhân trong suốt quá trình hoạt động của tổ chức. Mỗi bộ phận, mỗi cá nhân trong tổ chức đều phải hoạt động theo đúng những quy định của tổ chức, nếu làm sai, đi chệch ra ngoài những quy định đó, thì cơ cấu tự kiểm tra sẽ "tuýt còi" báo hiệu cho biết và yêu cầu bộ phận hay cá nhân vi phạm phải thực hiện theo đúng quy định. Cơ cấu tự kiểm tra không chỉ kiểm tra kết quả công việc, mà kiểm tra, giám sát cả quá trình thực hiện công việc của tổ chức và cá nhân. Ngoài ra, trong thiết kế tổ chức cũng cần đặt ra việc kiểm soát quyền lực, xung đột và lợi ích trong tổ chức. Cơ cấu tự kiểm tra là phương tiện hữu hiệu ngăn ngừa từ xa những sai phạm khi chúng mới nhen nhóm xuất hiện trong tổ chức.

Trong thiết kế tổ chức, các bộ phận đều có khả năng tự kiểm tra, kiềm chế, giám sát lẫn nhau, không có bộ phận nào đứng ngoài sự kiểm tra này và không có bộ phận nào được tập trung quá nhiều quyền lực. Thực tế lịch sử đã chứng minh, quyền lực mà không bị kiềm chế, ràng buộc sẽ là nguồn gốc chính làm nảy sinh những tệ nạn tham nhũng, cửa quyền, sách nhiễu, vòi vĩnh... Về kiểm tra cá nhân, trước

đây chúng ta thường chú trọng xây dựng quy chế giám sát của cấp trên đối với cấp dưới, mà bỏ qua sự giám sát từ cấp dưới lên trên, đặc biệt là thiếu hẳn cơ chế giám sát, theo dõi đối với bản thân người lãnh đạo. Vì vậy, sửa đổi quy chế kiểm tra, giám sát là để mọi cá nhân trong tổ chức có quyền kiểm tra, giám sát người lãnh đạo tổ chức mình, để không ai trong tổ chức được đứng ngoài sự kiểm tra, giám sát.

Khi xây dựng xong cơ cấu tổ chức thì bản thân cơ cấu đó cũng đã quy định luôn *phương thức hoạt động* của tổ chức. Như vậy, phương thức vận hành của tổ chức sẽ bị phụ thuộc vào cơ cấu tổ chức bộ máy; nói cách khác, cơ cấu tổ chức nào thì sẽ có phương thức vận hành của riêng nó phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, chức năng của tổ chức. Thực tế, có một số tổ chức trong hệ thống chính trị có chức năng, nhiệm vụ rất khác nhau, nhưng lại có cơ cấu, phương thức hoạt động gần giống nhau, làm cho các tổ chức đó hoạt động kém hiệu quả. Chẳng hạn, các cơ quan tham mưu của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có chức năng, nhiệm vụ khác với các cơ quan hành chính nhà nước, nhưng phương thức hoạt động lại rập khuôn các cơ quan hành chính. Điều này cho thấy phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị chưa được thiết kế khoa học phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. *Mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị phải trở thành chính mình*, đáp ứng cao nhất mục tiêu, nhiệm vụ của chính mình, chỉ khi đó mỗi tổ chức mới hoạt động hiệu quả và hệ thống chính trị mới thực sự vững mạnh.

Nguồn nhân lực giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong mọi mặt hoạt động của tổ chức, quyết định sự thành bại của tổ chức. Sau khi đã hình thành xong cơ cấu và phương thức vận hành tổ chức thì việc sắp xếp con người vào từng vị trí, từng

bộ phận trong tổ chức có ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Sắp xếp đúng người, đúng việc sẽ làm tăng sức mạnh lên gấp bội cho tổ chức và ngược lại sẽ làm suy giảm khả năng hoạt động của tổ chức. Vì thế, vấn đề tuyển chọn, sắp xếp, sử dụng con người luôn là vấn đề trọng tâm hàng đầu trong mọi tổ chức.

Nhằm ngăn chặn tình trạng tham nhũng quyền lực trong tuyển dụng, sử dụng nguồn nhân lực (chạy chức, chạy quyền, chạy vào biên chế nhà nước...) xét từ góc độ tổ chức bộ máy cần chú ý một số điểm sau:

- Nguyên tắc cơ bản nhất của việc dùng người trong tổ chức là tìm người cho việc chứ không phải vì người mà đặt việc. Phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của mỗi vị trí công việc trong tổ chức mà tìm người phù hợp, có đủ các tiêu chuẩn về năng lực và trình độ bảo đảm thực hiện tốt công việc. Việc sắp xếp người dựa trên tình cảm quan hệ thân quen, anh em họ hàng thân thích mà không chú ý xem người đó có đủ năng lực và trình độ phù hợp với công việc được giao hay không, sẽ làm cho tổ chức bị rối loạn, hoạt động kém hiệu quả.

Bằng việc xây dựng khung năng lực, tiêu chuẩn cho mỗi vị trí việc làm trong tổ chức và thực hiện công tác tổ chức thi tuyển nhân sự chặt chẽ, nghiêm túc theo vị trí việc làm sẽ bảo đảm chất lượng nhân sự trúng tuyển và ngăn chặn được tham nhũng quyền lực trong tuyển dụng.

- Công tác sắp xếp nhân sự trong tổ chức phải được bắt đầu từ việc tìm người đứng đầu cho tổ chức. Người đứng đầu giữ vai trò rất quan trọng, quyết định đến sự thành bại của tổ chức. Vì thế*, tìm người đứng đầu giỏi cho tổ chức phải là công việc cần được tiến hành nghiêm túc, thận trọng và có trách nhiệm cao.* Để có người đứng đầu giỏi, bảo đảm các tiêu

chuẩn của chức vụ, đồng thời ngăn chặn được nạn "chạy chức, chạy quyền", thì cùng với công tác thi tuyển chức vụ công khai, nghiêm túc, cần thiết có chế độ "thử giữ chức vụ" trong thời gian khoảng 1 năm. Trong suốt thời gian này cần có bộ phận (hoặc có thể là một cá nhân) giám sát chặt chẽ cán bộ, để khi hết thời gian thử giữ chức vụ có thể đánh giá đúng trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ. Chỉ khi cán bộ thể hiện được năng lực đáp ứng yêu cầu của chức vụ thì mới chính thức bổ nhiệm chức vụ.

Trong quy trình bổ nhiệm nhân sự, cần coi trọng ý kiến đề xuất bổ nhiệm của người đứng đầu đơn vị đối với các nhân sự dưới quyền. Trong cơ cấu tổ chức, có phân định rõ trách nhiệm của người đứng đầu về mọi mặt công tác của đơn vị. Nếu đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao, thì trách nhiệm đầu tiên thuộc về người đứng đầu, do vậy, phải cho người đứng đầu quyền được lựa chọn nhân sự dưới quyền, đặc biệt đối với cấp phó.

- Trong bố trí nhân sự trong tổ chức cần thiết có sự phân biệt nhân sự làm công tác lãnh đạo, quản lý với nhân sự làm công tác chuyên môn. Sự phân biệt này không chỉ về chức năng, nhiệm vụ, mà còn cả về sự thăng tiến và chế độ chính sách. Sau khi triển khai vị trí việc làm, đội ngũ công chức trong mỗi tổ chức sẽ được phân thành hai loại cơ bản: công chức lãnh đạo, quản lý và công chức chuyên môn. Cả hai loại công chức này đều có quy định "cứng" về số lượng; yêu cầu về trình độ, năng lực thực tế của mỗi cấp bậc và đều có sự thăng tiến theo ngạch, bậc của mình (chẳng hạn, ngạch lãnh đạo, quản lý sẽ là: phó, trưởng phòng; vụ trưởng, phó vụ trưởng... còn ngạch chuyên môn sẽ là: chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp...). Như vậy, cả 2 loại công chức này đều

được coi trọng như nhau và thăng tiến theo ngạch, bậc. Trong một số trường hợp, cán bộ chuyên môn giỏi có thể được hưởng các chính sách phụ cấp ưu đãi cao hơn cán bộ quản lý (cần xóa bỏ cách nghĩ và cách làm chỉ coi trọng cán bộ lãnh đạo, quản lý và chỉ tập trung hướng phấn đấu thăng tiến lên làm cán bộ lãnh đạo, quản lý như hiện nay).

- Xác định biên chế trong mỗi tổ chức phải căn cứ vào vị trí việc làm. Phải lựa chọn, tinh giản đến mức tối đa, sao cho chỉ vừa đủ số nhân sự theo vị trí việc làm trong tổ chức. Việc "phình" biên chế trong tổ chức vừa làm giảm sức mạnh của tổ chức do người làm nhiều mà công việc lại ít hơn nên dễ dẫn đến đùn đẩy, chồng chéo công việc và quan trọng hơn là số tiền trả công (lương) cho mỗi người sẽ bị giảm sút, không bảo đảm mức sinh hoạt trung bình, từ đó ảnh hưởng tới chất lượng công việc. Đây cũng là hệ quả từ sự tham nhũng quyền lực, "chạy tăng biên chế" để tạo ra nguồn thu từ những người "chạy để vào biên chế". Kiểm tra chặt chẽ biên chế của mỗi tổ chức dựa trên vị trí việc làm là một yêu cầu cấp bách phải đặt ra.

Bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao trong tổ chức luôn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để tổ chức phát triển vững mạnh. Muốn vậy, phải thường xuyên rà soát nhân sự trong tổ chức, bảo đảm nguyên tắc "có vào" và "có ra" tạo dòng chảy trong công tác nhân sự (những nhân sự không đủ năng lực phải được loại ra và bổ sung những nhân sự mới được tuyển chọn cẩn thận).

Các yếu tố cấu thành tổ chức có mối quan hệ chặt chẽ, chi phối ảnh hưởng lẫn nhau. Xử lý đúng đắn mối quan hệ này sẽ tạo nên một tổ chức vững mạnh, các bộ phận có sự phối hợp hoạt động nhịp nhàng trong một chỉnh thể thống nhất,

cùng hướng tới đạt mục tiêu của tổ chức, đồng thời ngăn chặn có hiệu quả tham nhũng quyền lực.

*

* *

Tham nhũng quyền lực có mối quan hệ chặt chẽ với tổ chức bộ máy. Do vậy, để ngăn chặn tham nhũng cần tập trung nghiên cứu đổi mới tổ chức bộ máy. Để tổ chức bộ máy trở thành thực tế khách quan khoa học, nó cần được thiết kế, xây dựng một cách khoa học. Một câu hỏi lớn đặt ra là làm thế nào để con người - với tính cách là nhân tố chủ quan tổ chức ra bộ máy của chính mình lại mang đầy đủ tính khách quan như người ta thiết kế nên cỗ máy trong sản xuất công nghiệp, khi mà "bộ máy con người" này phải xuyên qua vô vàn quan hệ lợi ích để tồn tại, khi mà trình độ nhận thức thường xuyên chi phối tư duy và hành động của họ. Như thế, quan hệ giữa cái khách quan và cái chủ quan trong thiết kế và điều hành bộ máy con người trở nên vô cùng phức tạp. Vấn đề đặt ra đối với công tác tổ chức là: cái khách quan quy định cái chủ quan và chủ quan phụ thuộc vào khách quan, nhưng chủ quan làm chủ khách quan. Song làm như thế nào để chủ quan không trùm, đè lên khách quan, bất cần khách quan, huy động "tài sản chủ quan" để "lái" bộ máy, lái công tác tổ chức theo ý muốn chủ quan của mình.

Tổ chức là sản phẩm của con người, mọi hoạt động trong tổ chức đều do con người xác lập nên. Nhưng tổ chức và các hoạt động của nó đều phải tuân theo tính khoa học và công tác tổ chức phải được đối xử như một khoa học.

Nhận thức rõ về vấn đề này, Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII

đã đề ra nhiệm vụ phải "Đầu tư thỏa đáng các nguồn lực cho công tác nghiên cứu khoa học về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ của hệ thống chính trị". Đây là nhiệm vụ rất cần thiết để xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị vững mạnh, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường, Nhà nước pháp quyền, hội nhập quốc tế và cũng nhằm ngăn chặn việc tham nhũng quyền lực hiện nay.

BẢN CHẤT SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI TRONG MỘT BỘ PHẬN KHÔNG NHỎ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN HIỆN NAY

PGS. TS. VŨ VĂN PHÚC*

I- BẢN CHẤT SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG TRONG MỘT BỘ PHẬN KHÔNG NHỎ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN HIỆN NAY

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã ý thức sâu sắc về vai trò đặc biệt quan trọng của tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đảng viên cũng như của toàn xã hội đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Vì vậy, Đảng luôn rất quan tâm đến công tác giáo dục, xây dựng tư tưởng chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống nhân văn cho cán bộ, đảng viên và toàn xã hội.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, trở thành đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã đặc biệt coi trọng việc giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên;

---

* Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương.

phòng, chống suy thoái trên các lĩnh vực này trong cán bộ, đảng viên.

Trong thời kỳ đổi mới, do tác động của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn biến phức tạp. Tại Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1-1994) Đảng đã chỉ ra những biểu hiện của thực trạng này và coi đó là một trong bốn nguy cơ cần quan tâm đấu tranh phòng, chống. Các đại hội VIII, IX, X và nhiều hội nghị Trung ương các khóa VIII, IX, X tiếp tục đánh giá thực trạng và diễn biến của suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên; xác định việc ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái này là nhiệm vụ vừa cơ bản, lâu dài, vừa có ý nghĩa cấp bách trước mắt.

Văn kiện Đại hội XI của Đảng, đặc biệt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI nhận định: "Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc..."[1]. Tình trạng này, "... làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ"[2]. Do vậy, Trung ương yêu cầu phải "... kiên quyết đấu tranh ngăn

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012, tr. 21, 22.

chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của Nhân dân đối với Đảng"[1].

Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã xác định sáu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ, trong đó nhiệm vụ đầu tiên là "Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ"[2]. Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII, Hội nghị Trung ương 4, khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30-10-2016 với tiêu đề như nhiệm vụ số 1 của Đại hội XII đề ra. Đây là Nghị quyết đặc biệt quan trọng để tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, để Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là lực lượng tiên phong lãnh đạo Nhà nước và xã hội, đáp ứng lòng mong đợi của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Vấn đề đặt ra là, vì sao tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống vẫn tiếp tục diễn biến nghiêm trọng, chưa được ngăn chặn, đẩy lùi? Phải chăng chúng ta chưa đánh giá chính xác mức độ, tính chất của tình hình, bản chất của sự suy thoái, chưa chỉ rõ nguyên nhân, chưa đề ra được hệ thống giải pháp đồng bộ và đủ mạnh, hay thiếu các điều kiện để thực hiện các giải pháp? v.v..

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*, *Sđd,* tr.26.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd,* tr.217.

1. Suy thoái tư tưởng chính trị và mối quan hệ với các biểu hiện thoái hóa khác

- Suy thoái tư tưởng chính trị

Khái niệm "suy thoái tư tưởng chính trị" được Đảng ta sử dụng chính thức lần đầu tại Văn kiện Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII (tháng 2-1999). Đây là khái niệm khái quát những hiện tượng, những biểu hiện tiêu cực, không bình thường đã và đang diễn ra trong tư tưởng một bộ phận cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng trong điều kiện đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường và mở cửa, hội nhập. Trước đó, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (tháng 1-1994), Đại hội VIII (tháng 6-1996), Hội nghị Trung ương 5 khoá VIII (tháng 7-1998) cũng đã đề cập đến tình trạng mơ hồ, mất cảnh giác trước âm mưu và hành động chống phá của kẻ thù hòng xoá bỏ Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa; về sự phai nhạt lý tưởng cách mạng, lười học tập, lười suy nghĩ, không thường xuyên tiếp xúc với thông tin mới; tha hóa về đạo đức, lối sống; giảm sút sức chiến đấu; hoài nghi về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng... xuất hiện trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Suy thoái là tình trạng suy giảm, sút kém dần về số lượng và chất lượng so với mức độ, trạng thái, chuẩn mực đã đạt được. Sự suy thoái thường diễn ra từ từ, thầm lặng, trong một quá trình dài, không đột ngột, không dễ nhận thấy. Sự suy thoái thường xảy ra bắt đầu từ một hoặc một vài bộ phận cấu thành nào đó; khi không bị ngăn chặn hoặc ngăn chặn không được sẽ loang dần ra, kéo theo bộ phận khác. Xét một cách tổng quát, suy thoái là quá trình biến đổi về lượng theo

chiều hướng xấu, dần dần dẫn đến sự biến đổi về chất, cuối cùng là sự biến mất, sự tan rã, sự chuyển hóa thành chất khác. *Suy thoái tư tưởng chính trị nói chung được hiểu là sự biến đổi về phẩm chất chính trị của mỗi người, mỗi tổ chức xã hội theo chiều hướng xấu, dẫn đến sự xa rời những nguyên tắc, quan điểm của đảng chính trị, có thể dẫn tới sự thay đổi hẳn bản chất của chúng.* Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã chỉ ra 9 biểu hiện cụ thể của suy thoái về tư tưởng chính trị trong cán bộ, đảng viên.

Tư tưởng chính trị là một bộ phận cấu thành trong tư tưởng của mỗi người, của hệ tư tưởng. Tư tưởng chính trị gắn bó mật thiết, nằm bên trong và chi phối các hình thái khác của tư tưởng: tư tưởng pháp luật, tư tưởng đạo đức, tư tưởng nhân văn, tư tưởng thẩm mỹ, tư tưởng dân tộc, tư tưởng tín ngưỡng, tôn giáo... Vì vậy, có thể nhận diện suy thoái tư tưởng chính trị ở nhận thức, thái độ, hành vi của các chủ thể chính trị là con người, đảng chính trị, giai cấp, xã hội...; qua các quan điểm chính thức có tính chất chính trị được công bố, qua lời nói, việc làm của các chủ thể trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Suy thoái tư tưởng chính trị gắn với suy thoái đạo đức, lối sống. Hai mặt này gắn bó với nhau, tác động qua lại với nhau, vì thế có thể xác định suy thoái tư tưởng chính trị qua đạo đức, lối sống của mỗi người và ngược lại. Trong các văn kiện của Đảng, hai sự suy thoái này được xem xét ngang nhau, gắn bó, tác động lẫn nhau trong nhận thức, động cơ, thái độ và hành vi của cá nhân, của các tổ chức đảng, trong những hậu quả chính trị, xã hội mà nó gây ra. Thông thường suy thoái về đạo đức và suy thoái về lối sống gắn với nhau, dễ nhận thấy và xuất hiện trước. Khi sự suy thoái đạo đức, lối

sống kéo dài sẽ xuất hiện suy thoái tư tưởng chính trị. Trong một số trường hợp, người thoái hóa về đạo đức và lối sống rất dễ bị tiêm nhiễm bởi những tư tưởng sai trái, phản động. Ngược lại, có nhiều trường hợp sự suy thoái về tư tưởng chính trị: sự vô tổ chức, vô kỷ luật, vi phạm các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng, thậm chí phản bội, phản động về tư tưởng xuất hiện trước, là nguyên nhân đưa đến suy thoái về đạo đức, lối sống. Tất nhiên, do tác động của nhận thức và niềm tin chính trị, đặc biệt là các quan niệm về lý tưởng, có người suy thoái về tư tưởng chính trị nhưng không có biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống cá nhân.

Suy thoái tư tưởng chính trị không chỉ xảy ra đối với cá nhân cán bộ, đảng viên mà còn xảy ra cả đối với các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước. Biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị của tổ chức đảng, cơ quan nhà nước ở các mức độ khác nhau, ở khía cạnh này hay khía cạnh khác. Một số tổ chức và cấp uỷ đảng, chính quyền chưa thông suốt, nhất trí cao với chủ trương của cấp trên, tự đề ra các chủ trương, việc làm trái với nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; mất đoàn kết nghiêm trọng kéo dài; không kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống...

Sự suy thoái tư tưởng chính trị của cá nhân cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng có quan hệ tác động lẫn nhau. Trong nội bộ tổ chức đảng, có những cá nhân cán bộ, đảng viên, đôi khi chỉ cần một vài người, nhất là người lãnh đạo chủ chốt suy thoái, có thể làm suy thoái cả tổ chức. Ngược lại, một tổ chức suy thoái là môi trường để sự suy thoái về tư tưởng chính trị của cá nhân cán bộ, đảng viên nảy nở, phát triển.

- Mối quan hệ giữa suy thoái tư tưởng chính trị với quan liêu, tham nhũng

+ Mối quan hệ giữa suy thoái tư tưởng chính trị với quan liêu

Quan liêu là khái niệm dùng để chỉ những tư tưởng, quan điểm, phong cách hoạt động của một cá nhân hay tổ chức chính trị, xã hội trong hệ thống chính trị, chủ yếu là bộ máy quản lý nhà nước, thể hiện sự xa dân, xa rời thực tiễn, dẫn đến giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội. Quan liêu được coi là căn bệnh của thể chế chính trị phản dân chủ, kìm hãm sự phát triển xã hội. Suy thoái tư tưởng chính trị là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tệ quan liêu; đồng thời quan liêu cũng là sự hiện thực hóa suy thoái về tư tưởng chính trị. Hai hiện tượng này tồn tại trong mối quan hệ nhân - quả của nhau.

Việc thiếu rèn luyện, tu dưỡng, học tập lý luận để giác ngộ về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước sẽ dẫn đến xác định sai vị trí, vai trò, trách nhiệm xã hội, nhất là trách nhiệm phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân... dẫn đến bệnh quan liêu. Người có chức, có quyền mắc bệnh quan liêu dễ dẫn đến tự phụ, tự kiêu, cá nhân chủ nghĩa, quan điểm chính trị không đúng, không vì lợi ích chân chính của Nhân dân, trong hoạt động không mang lại quyền lợi cho dân. Suy thoái tư tưởng chính trị sẽ làm cho bệnh quan liêu ngày càng trở nên trầm trọng hơn và quan liêu làm cho cán bộ, đảng viên xa rời Nhân dân, dần dần sai lầm trong mục tiêu, phương hướng hành động, dẫn đến suy thoái tư tưởng chính trị.

Thông thường, người ta cho rằng tệ quan liêu của cán bộ, đảng viên ít xấu xa, tội lỗi hơn các hiện tượng tiêu cực khác và chưa có quy định nào của pháp luật trừng trị bệnh quan liêu. V.I. Lênin đã chỉ rõ tác hại to lớn của bệnh quan liêu là: Toàn bộ công việc của tất cả các cơ quan kinh tế của chúng ta bị khốn khổ trước hết về tệ quan liêu. Nếu có cái gì sẽ làm tiêu vong chúng ta thì chính là cái đó. Trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay, tệ quan liêu có tác động xấu đến quá trình phát triển kinh tế, trực tiếp làm suy giảm vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; làm mất hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; cản trở sự nghiệp cách mạng của Nhân dân, làm suy giảm lòng tin của Nhân dân đối với Đảng và chế độ. Bệnh quan liêu cũng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến suy thoái tư tưởng chính trị. Vì thế, ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị phải đi liền với việc chống quan liêu trong Đảng và trong bộ máy nhà nước.

+ Mối quan hệ của suy thoái tư tưởng chính trị với tham nhũng

Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ và quyền hạn đó để thực hiện hành vi trái pháp luật nhằm vụ lợi. Cán bộ, đảng viên trong khi được giao và thực hiện các chức vụ và quyền hạn, do suy thoái tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, bị chủ nghĩa cá nhân chi phối, sẽ lợi dụng sự sơ hở của pháp luật, sự lỏng lẻo trong lãnh đạo, quản lý của các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước để mưu lợi bất chính, trở thành kẻ tham nhũng.

Trong đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay, tham nhũng và suy thoái tư tưởng chính trị có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Nhìn chung, suy thoái tư tưởng chính trị cùng với

quan liêu là nguyên nhân dẫn đến tham nhũng; tham nhũng tác động trở lại, làm suy thoái tư tưởng chính trị diễn ra nhanh hơn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Kinh nghiệm chứng tỏ rằng: Ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó chắc có tham ô, lãng phí; nơi nào bệnh quan liêu càng nặng thì nơi đó càng nhiều lãng phí, tham ô"[1]. Thuật ngữ "tham ô" được Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng có nội hàm tương tự như tham nhũng ngày nay. Người gọi đó là những kẻ ăn cắp, ăn trộm, đục khoét của Nhân dân, đã tự đánh mất mình, vi phạm tư cách của người cộng sản. Khi bị sự hấp dẫn của quyền lực và lợi ích vật chất lôi cuốn, người cán bộ, đảng viên không vượt qua được chủ nghĩa cá nhân tiềm ẩn trong mình. Chính suy thoái tư tưởng chính trị làm cho họ không còn ý thức rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống trung thực của người cộng sản, họ không còn lòng tự trọng, không còn biết xấu hổ khi làm những việc sai trái. Khi càng lún sâu vào tham nhũng, họ càng xa rời mục tiêu, lý tưởng của Đảng, thậm chí đi đến phản bội giai cấp, phản bội Đảng. Thông thường, tham nhũng tất yếu dẫn đến suy thoái tư tưởng chính trị, nhưng không phải tất cả những người suy thoái tư tưởng chính trị đều tham nhũng.

Như vậy, suy thoái tư tưởng chính trị trong cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức, có quyền, dễ sa vào chủ nghĩa cá nhân, coi thường kỷ luật đảng, kỷ cương, phép nước, dẫn đến tham nhũng. Ở họ, tham nhũng là sự hiện thực hóa mức cao nhất của sự suy thoái về chính trị. Vì vậy, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, tham nhũng là nguy cơ lớn nhất dẫn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t.13, tr.417.

đến chệch hướng xã hội chủ nghĩa, cần phải nhanh chóng đấu tranh, ngăn chặn.

2. Suy thoái đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên

Lịch sử hình thành và phát triển dân tộc Việt Nam cũng là lịch sử hình thành và phát triển đạo đức, lối sống người Việt Nam. Nó được vun đắp, được làm phong phú và đậm đà thông qua hoạt động lao động sản xuất, chiến đấu, học tập, giao tiếp xã hội trong nội bộ quốc gia và qua quá trình giao lưu văn hóa với các dân tộc khác. Trải qua quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa mà văn hóa Việt Nam nói chung, đạo đức, lối sống Việt Nam nói riêng được phát triển, ngày càng phong phú và đa dạng.

Hiện nay, trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những khó khăn, tiêu cực trong nước, đại bộ phận cán bộ, đảng viên thể hiện quan điểm vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nghiêm túc thực hiện Cương lĩnh, Điều lệ và nghị quyết của Đảng; nêu cao vai trò lãnh đạo quần chúng; giữ gìn đạo đức, phẩm chất cách mạng, sống mẫu mực, đoàn kết, thống nhất trên nguyên tắc chung, quan hệ mật thiết, gắn bó với quần chúng nhân dân. Sự nhất trí về chính trị, đồng thuận trong xã hội vẫn là cơ bản. Phần đông Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; phấn khởi trước những chuyển biến của đất nước; chủ động sáng tạo trong lao động, công tác, học tập; tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, hướng về cội nguồn, xây dựng quê hương... được giữ vững và phát huy.

Tuy nhiên, tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên còn diễn ra rất nghiêm trọng, làm

Nhân dân bất bình, lo lắng và giảm lòng tin đối với Đảng, Nhà nước, chế độ; là nhân tố tiêu cực lớn đang hạn chế, kìm hãm bước tiến của công cuộc đổi mới đất nước; và là nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của Đảng, Nhà nước, chế độ.

Sự suy thoái về đạo đức, lối sống biểu hiện tập trung ở chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, vụ lợi, vị kỷ; tệ tham nhũng, hối lộ, bòn rút, lãng phí của công; lối sống cơ hội, buông thả; tình trạng lời nói không đi đôi với việc làm; tệ quan liêu, xa dân, thích nghe thành tích, ngại nghe và nói sự thật... Đạo đức nghề nghiệp xuống cấp, kể cả những lĩnh vực vốn được xã hội rất đề cao, coi trọng về đạo đức như: giáo dục, y tế... Lối sống thực dụng, sự toan tính vụ lợi, ích kỷ phát triển, tác động trực tiếp đến quan hệ gia đình, đến nền nếp, gia phong của gia đình truyền thống. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã chỉ ra 9 biểu hiện cụ thể của sự suy thoái về đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên.

Trong những năm gần đây, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đã tác động rất lớn đến sự phát triển lối sống của xã hội Việt Nam. Bên cạnh những tác động tích cực, chúng đang đặt ra những thách thức lớn không dễ giải quyết. Do chứa đựng nhiều loại giá trị rất phức tạp nên toàn cầu hóa phá vỡ nhiều hình thức và nội dung trong lối sống truyền thống Việt Nam. Khi khuếch trương mặt tích cực của tiêu dùng, toàn cầu hóa đồng thời cũng phá vỡ, thậm chí hủy hoại phương thức tiêu dùng truyền thống, chuyển quan niệm tiêu dùng trở thành mục đích sống trong lối sống của không ít người.

Điều tai hại hơn, tâm lý tiêu dùng không chỉ nằm trong hoạt động bề ngoài mà còn trở thành ý thức, tư tưởng, thấm sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội: từ vật chất đến tinh thần, từ kinh tế đến văn hóa, thậm chí trong hoạt động trí

tuệ, tình cảm gia đình. Lối sống đề cao vật chất đã biến cả lĩnh vực văn học, nghệ thuật theo quan hệ kinh tế đơn thuần; biến giáo dục thành quan hệ đổi chác, mua bán; biến đời sống tâm linh, sự thờ cúng trở thành nơi thu lợi nhuận. Lối sống duy kinh tế, duy phương tiện, tuyệt đối hóa giá trị vật chất, qua toàn cầu hóa, đã góp phần khuếch trương mặt tiêu cực nêu trên trong xã hội ta hiện nay.

Chạy theo "mốt" cũng là sự lây nhiễm lối sống tiêu dùng phương Tây, bị cuốn vào vòng quay lợi nhuận của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Mốt là nghệ thuật kinh doanh, làm cho cái vừa ra đời phải trở thành cái không còn giá trị, buộc người ta phải chạy theo để mang lại siêu lợi nhuận cho người sản xuất. Từ lối sống tiêu thụ dẫn đến quan niệm giá trị theo tiêu thức đề cao tiện nghi, coi tiện nghi là sự biểu hiện giá trị con người; xuất hiện thói khoa trương, khinh miệt người nghèo...

Lối chơi thời thượng, sống trên tiền, tuyệt đối hóa đồng tiền, sùng bái hàng ngoại trở thành cách nghĩ, cách sống của một số nhà kinh doanh đang gặp thời, hãnh tiến, tạo lối sống xa lạ với truyền thống dân tộc. Nhu cầu hưởng thụ theo kiểu trên tiền đang chi phối lối sống của một số người, kể cả các loại dịch vụ không lành mạnh, phi pháp. Đây cũng là nguyên nhân dẫn tới những tệ nạn xã hội: buôn lậu, buôn bán trái phép ma tuý, mại dâm, ăn chơi trác táng... Lối sống đề cao cá nhân, quan hệ giữa con người với con người theo kiểu lạnh lùng, tiền trao cháo múc, tư tưởng xem thường thuần phong mỹ tục, thậm chí xem rẻ nhân phẩm con người, ăn chơi sa đọa, lười lao động, kiếm lời trên nỗi đau của người khác gây nên những vết thương nhức nhối ngày càng khó cắt bỏ. Sự thay đổi trong lối sống tạo nên sự biến đổi trong chiều sâu

tâm thức của một số người. Đó là sự biến đổi và sự phá vỡ các chuẩn mực đạo đức, thẩm mỹ xã hội, những sắc thái tâm linh truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đặc biệt là lẽ sống, lý tưởng sống mỗi cá nhân.

Một vấn đề bức xúc trong xã hội ta hiện nay là lối sống gấp ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và Nhân dân, đặc biệt là thanh niên. Trong đời sống với các tiện nghi ngày càng đầy đủ hiện nay, họ chỉ quan tâm tới lợi ích trước mắt, thoả mãn những dục vọng tầm thường. Đó là căn nguyên của bệnh buông thả cá nhân, đề cao hưởng thụ, mất đi những phẩm chất quý báu của chính mình, thậm chí bán rẻ phẩm giá cho những cuộc chơi thiếu văn hóa. Bệnh sống gấp cũng làm tăng thêm sự nhức nhối xã hội.

Suy thoái về đạo đức, lối sống đã gây ra hậu quả xấu trên nhiều mặt: thất thoát tài sản, tiền vốn của Nhà nước và Nhân dân; làm tha hóa cán bộ, đảng viên; ảnh hưởng đến vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước; làm giảm lòng tin của Nhân dân đối với Đảng và chế độ; làm ruỗng nát bộ máy đảng và nhà nước từ bên trong, gây ra "tự diễn biến" trong nội bộ; cản trở công cuộc đổi mới đất nước. Đây là nguy cơ đe dọa đến sự ổn định về chính trị và sự tồn tại của chế độ.

Nếu như mặt tích cực của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa là điều kiện và cơ hội tốt cho sự phát triển lối sống thì đồng thời, mặt trái của nó cũng là mối nguy hại, thách thức lớn đối với quá trình đó. Sự nghiệp xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc nói chung, xây dựng lối sống mới nói riêng chỉ có thể thành công khi giải quyết được về lý luận và thực tiễn những giải pháp hạn chế những tác động tiêu cực đến lối sống trong xã hội ta hiện nay.

3. Mối quan hệ giữa suy thoái tư tưởng chính trị và suy thoái đạo đức, lối sống trong điều kiện một đảng cầm quyền

Trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng và Nhân dân ta đã thu được những thắng lợi to lớn và có ý nghĩa lịch sử trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Nhờ vậy, đất nước ta đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, kinh tế phát triển cao, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện; vị thế quốc tế được nâng cao và hiện đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, với tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa trong điều kiện một đảng cầm quyền đang đặt chúng ta trước những khó khăn, thách thức không nhỏ, cả ở khía cạnh đạo đức xã hội lẫn khía cạnh kỷ cương phép nước; suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên có chiều hướng gia tăng. Việc một đảng cầm quyền, thực hiện kinh tế thị trường thành công, nhưng không tất yếu dẫn tới suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên đã được minh chứng bằng những ví dụ cụ thể trên thế giới, như ở Xingapo, Thụy Điển... Vấn đề cơ bản là nhận thấy tác động qua lại khách quan, những khả năng, nguy cơ để có giải pháp ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Ngay sau khi thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (tháng 9-1945), Đảng ta trở thành đảng cầm quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảnh báo nguy cơ quan liêu hóa của đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng. Khi Đảng cầm quyền, các đảng viên của Đảng được phân công giữ các

chức vụ trong bộ máy quản lý nhà nước, xã hội, các cơ sở kinh tế nhà nước... Nhiều đảng viên của Đảng trở thành cán bộ quản lý nhà nước có quyền hành, chi phối một lĩnh vực xã hội rộng lớn, quản lý một tài sản nhà nước khổng lồ, có quyền quyết định đến lợi ích của nhiều người... Trong thời kỳ quá độ, khi tư tưởng quan lại kiểu phong kiến, tư tưởng tư hữu của sản xuất nhỏ còn nặng nề thì khả năng những cán bộ, đảng viên có chức, có quyền lạm dụng quyền hạn, quan liêu, tham nhũng, dẫn đến suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trở thành các ông "quan cách mạng" là rất lớn. Từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra nguy cơ này. Để ngăn chặn nguy cơ thoái hóa, quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cán bộ, đảng viên khi Đảng cầm quyền, Người kêu gọi mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng rèn luyện về phẩm chất đạo đức, phải thực sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, thực sự là "đầy tớ trung thành của nhân dân". Về phía Đảng, phải quan tâm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức, lối sống và phong cách công tác; Đảng phải thực sự "là đạo đức, là văn minh"; Đảng phải thực hiện tôn chỉ, mục đích cao nhất là "Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc".

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, nội dung kỷ luật của Đảng bao gồm ba bộ phận: kỷ luật nội bộ Đảng; kỷ luật về mặt Nhà nước; kỷ luật của các đoàn thể chính trị - xã hội mà đảng viên là thành viên. Tất cả các quy định trên đòi hỏi tổ chức đảng và đảng viên phải tuân thủ để bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh. Khi tổ chức đảng và đảng viên vi phạm các quy định đó cũng là vi phạm kỷ luật của Đảng, đều phải được xem xét, kết luận và xử lý nghiêm minh.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, việc cấp ủy, tổ chức đảng, chi bộ chưa thực hiện nghiêm túc, có chất lượng các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chậm đổi mới hình thức, biện pháp thực hiện; một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên tự giác nghiên cứu nắm vững các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; người đứng đầu chưa nhận thức đầy đủ, thiếu gương mẫu trong chỉ đạo và thực hiện quy chế làm việc, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện chức trách, nhiệm vụ được phân công; cấp ủy, tổ chức đảng, chi bộ buông lỏng vai trò lãnh đạo, quản lý, giáo dục, rèn luyện, kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên, chưa coi trọng phê bình và tự phê bình... là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội.

Tình hình vi phạm kỷ luật đảng của tổ chức đảng và đảng viên vẫn còn xảy ra ở nhiều tổ chức đảng với mức độ, tính chất ngày càng phức tạp. Nổi lên là những biểu hiện mất dân chủ, cục bộ, "bằng mặt chưa bằng lòng" trong quan hệ của một số thường trực cấp ủy, thông qua việc bố trí, sắp xếp cán bộ, thực hiện các dự án đầu tư... Một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành còn thiếu gương mẫu trong việc giữ gìn phẩm chất, đạo đức lối sống của bản thân và gia đình.

Đó là sự coi thường pháp luật, những biểu hiện "lệch chuẩn", phản giá trị trong đời sống đạo đức của một bộ phận người trong xã hội, trong đó có cả một số cán bộ, đảng viên đã thoái hóa, biến chất. Trên thực tế, đã xuất hiện những hành vi biểu hiện sự suy đồi về mặt đạo đức, lối sống; tệ nạn tham nhũng và những vi phạm pháp luật nghiêm trọng khác. Rõ ràng đây là vấn đề không thể xem nhẹ và cần sớm được giải

quyết một cách tích cực, triệt để nhằm xây dựng nước ta thành một nước "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Về khách quan, trong điều kiện Đảng cầm quyền, kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, "diễn biến hòa bình" đang tác động rất mạnh đến tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Việc chưa giải quyết tốt về mặt lý luận và cụ thể hóa trong thực tiễn các vấn đề đảng cầm quyền, phương thức, phương pháp cầm quyền, thực hiện vai trò lãnh đạo nhà nước pháp quyền... là nhân tố khách quan tác động đến tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

II- TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, VỀ ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG TRONG CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã nêu ra 9 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị và 9 biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Vậy căn cứ vào những biểu hiện này xem mức độ suy giảm của những biểu hiện suy thoái này đến đâu thì đấy chính là mức độ ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái đến đó. Bởi vì mục tiêu của ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái là làm cho những biểu hiện này không còn tồn tại trong cán bộ, đảng viên nữa. Chừng nào mà trong cán bộ, đảng viên không còn những biểu hiện này nữa thì có nghĩa là không còn sự suy thoái nữa. *Như vậy bước đầu xác định tiêu chí đánh giá mức độ ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, về đạo đức lối sống trong cán bộ, đảng viên như sau:*

1. Tiêu chí đánh giá mức độ ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị trong cán bộ, đảng viên gồm 9 tiêu chí:

1- Không còn biểu hiện của sự phai nhạt, mà lý tưởng cách mạng luôn được đặt lên hàng đầu, luôn là lẽ sống của mỗi cán bộ, đảng viên; không còn biểu hiện dao động, giảm sút niềm tin, mà luôn tin tưởng tuyệt đối vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tin tưởng, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước ta trong từng giai đoạn cách mạng.

2- Không còn biểu hiện xa rời, mà luôn luôn nói và làm theo tôn chỉ, mục đích của Đảng, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; đấu tranh phản bác với những nhận thức lệch lạc, quan điểm sai trái, thù địch.

3- Nhận thức đúng hơn về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; ý thức hơn trong việc quán triệt, học tập nghiêm túc, thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4- Luôn chấp hành nghiêm túc hơn và thực hiện đúng hơn các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng; ý thức hơn trong việc thường xuyên nâng cao ý chí phấn đấu, gương mẫu trong công tác, hoàn thành tốt hơn chức trách, nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm và hiệu quả cao; luôn hết lòng hết sức vì nước vì dân.

5- Trong tự phê bình thì đã thực hiện tốt hơn sự trung thực, thật thà, dũng cảm trong việc nhận hạn chế, khuyết điểm, khi có khuyết điểm thì thành khẩn, tự giác hơn trong việc nhận kỷ luật... Trong phê bình thì không còn nể nang,

né tránh, ngại va chạm, đã thấy đúng thì bảo vệ, thấy sai thì đấu tranh; không còn biểu hiện lợi dụng phê bình để nịnh bợ, lấy lòng nhau hoặc vu khống, bôi nhọ, chỉ trích, phê phán người khác với động cơ cá nhân không trong sáng.

6- Đã ý thức hơn trong việc nói và viết đúng với quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đã ý thức hơn trong việc nói đi đôi với làm; đã hứa là làm, làm đến nơi đến chốn; không còn biểu hiện nói một đằng làm một nẻo; không còn biểu hiện nói trong hội nghị khác, nói ngoài hội nghị khác; nói và làm nhất quán giữa khi đương chức với lúc đã nghỉ hưu.

7- Không còn biểu hiện duy ý chí, áp đặt, bảo thủ. Đã chịu khó hơn trong học tập, đã có ý thức hơn trong việc lắng nghe, tiếp thu ý kiến hợp lý của người khác để có quyết định khách quan, chính xác, không còn biểu hiện làm theo ý muốn chủ quan của riêng mình.

8- Có ý thức hơn trong việc không tham vọng chức quyền, có ý thức hơn trong việc chấp hành mọi sự phân công của tổ chức; không còn biểu hiện kén chọn chức danh, vị trí công tác; không còn biểu hiện chọn nơi có nhiều lợi ích; không còn biểu hiện chọn việc dễ, bỏ việc khó; có ý thức hơn trong việc sẵn sàng nhận nhiệm vụ ở nơi xa, nơi có khó khăn. Không còn biểu hiện tìm mọi cách để vận động, tác động, tranh thủ phiếu bầu, phiếu tín nhiệm cho cá nhân một cách không lành mạnh.

9- Rèn luyện, học tập để có tầm nhìn chiến lược, dài hạn hơn; không còn biểu hiện vướng vào "tư duy nhiệm kỳ", chỉ tập trung giải quyết những vấn đề ngắn hạn trước mắt, có lợi cho mình; có ý thức hơn trong việc thực hiện đúng nguyên tắc trong công tác cán bộ, không còn biểu hiện tranh thủ bổ

nhiệm người thân, người quen, người nhà dù không đủ tiêu chuẩn, điều kiện giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc bố trí, sắp xếp vào vị trí có nhiều lợi ích.

2. Tiêu chí đánh giá mức độ ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên gồm 9 tiêu chí:

1- Không còn biểu hiện cá nhân chủ nghĩa, không còn lối sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi, chỉ lo thu vén cá nhân, mà phải quan tâm đến lợi ích tập thể, lợi ích xã hội; lợi ích quốc gia dân tộc; không còn hiện tượng ganh ghét, đố kỵ, so bì, tị nạnh, mà luôn tạo điều kiện cho người khác rèn luyện, phấn đấu, trưởng thành.

2- Luôn thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, luôn có ý thức xây dựng, bồi đắp sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ, nhưng không đoàn kết xuôi chiều, dân chủ hình thức; không cục bộ, bè phái, kèn cựa địa vị, không còn biểu hiện tranh chức, tranh quyền; không còn biểu hiện độc đoán, gia trưởng, mà có ý thức hơn trong việc thực hiện dân chủ trong chỉ đạo, điều hành.

3- Luôn có ý thức kê khai tài sản, thu nhập trung thực.

4- Không còn mắc bệnh "thành tích", háo danh, phô trương, hình thức, không còn biểu hiện che giấu khuyết điểm, thổi phồng thành tích, "đánh bóng" tên tuổi, thích được đề cao, ca ngợi; không còn biểu hiện "chạy thành tích", không còn hiện tượng "chạy khen thưởng", không còn biểu hiện "chạy danh hiệu"...

5- Không còn biểu hiện quan liêu, xa rời quần chúng, đã bắt đầu sâu sát cơ sở, thường xuyên hơn trong việc kiểm tra, đôn đốc, nắm chắc tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị

mình; không còn biểu hiện thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn, bức xúc và đòi hỏi chính đáng của nhân dân.

6- Không còn biểu hiện quyết định hoặc tổ chức thực hiện gây lãng phí, thất thoát tài chính, tài sản, ngân sách nhà nước, đất đai, tài nguyên...; không còn biểu hiện đầu tư công tràn lan, hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả; không còn biểu hiện mua sắm, sử dụng tài sản công vượt quy định; không còn biểu hiện chi tiêu công quỹ tùy tiện, vô nguyên tắc. Không còn biểu hiện sử dụng lãng phí nguồn nhân lực, phí phạm thời gian lao động.

7- Không còn hiện tượng tham ô, tham nhũng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn cấu kết với doanh nghiệp, với đối tượng khác để trục lợi. Không còn hiện tượng lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực.

8- Không còn hiện tượng thao túng trong công tác cán bộ; không còn hiện tượng chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ, chạy luân chuyển, chạy bằng cấp, chạy tội... Không còn biểu hiện sử dụng quyền lực được giao để phục vụ cho lợi ích cá nhân hoặc để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi.

9- Không còn hiện tượng đánh bạc, rượu chè bê tha; không còn hiện tượng mê tín dị đoan, ủng hộ hoặc tham gia các tổ chức tôn giáo bất hợp pháp. Không còn hiện tượng sa vào các tệ nạn xã hội, vi phạm thuần phong, mỹ tục, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, chuẩn mực đạo đức gia đình và xã hội.

MỘT SỐ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG VÀ BIỂU HIỆN "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA"

TS. TRẦN THỊ MINH*

Đề cập đến vấn đề suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, tại Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI) và Hội nghị cán bộ toàn quốc quán triệt, triển khai Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) đã nêu rõ: *về tính chất*: là nghiêm trọng, kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ, chậm được khắc phục; *về phạm vi*: là tương đối phổ biến, có ở các cấp, các ngành; *về xu hướng*: là diễn biến phức tạp, chưa ngăn chặn, đẩy lùi được; *về hậu quả*: làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, làm suy giảm vị trí, vai trò, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, làm tổn hại tới uy tín, thanh danh của Đảng, Nhà nước. Trong những năm qua, với nhận thức và quyết tâm chính trị cao của toàn Đảng, công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" đã đạt được một số kết quả nhất định, tuy nhiên vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, như Nghị quyết Trung ương 4

---

* Vụ Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương.

(khóa XII) đã chỉ rõ: "Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn..."[1]. Trong khi đó, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường. Ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" là cuộc đấu tranh làm trong sạch bộ máy rất cam go, quyết liệt, có ý nghĩa quyết định đối với sự tồn vong của Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Để cuộc đấu tranh này đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra, đáp ứng nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị và kiên quyết, kiên trì thực hiện đồng bộ các giải pháp. Tuy nhiên, để đề ra và thực hiện có hiệu quả các giải pháp, nhiệm vụ đầu tiên và quan trọng là phải xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả của việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian qua, bước đầu có thể xác định như sau:

1. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng

Để đánh giá một cách khách quan, chính xác công tác ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, *Sđd,* tr. 22.

cán bộ, công chức, viên chức đang ở thang bậc nào và hiệu quả thật sự ra sao, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp; trước tiên cần đánh giá hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng được phản ánh thông qua nhận thức, thái độ, quan điểm của cán bộ, công chức, viên chức đối với các hiện tượng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Đó là thái độ (đồng tình hay không đồng tình; ủng hộ hay không ủng hộ...), tâm trạng (phấn khởi, chán nản hay thờ ơ...), niềm tin (tin tưởng tuyệt đối hay hoài nghi...) đối với những chủ trương, chính sách mới ra của Đảng, Nhà nước và cấp uỷ, chính quyền các cấp ở cơ sở. Đây là tiêu chí quan trọng đầu tiên nhằm đánh giá sự tự tu dưỡng, rèn luyện, khả năng "miễn dịch", hay "sức đề kháng" của mỗi cán bộ, công chức, viên chức để ngăn chặn sự xâm nhập, lây lan của những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội. Tiêu chí thứ hai là thái độ của cán bộ, công chức, viên chức với những nhận thức lệch lạc, những hành vi, quan điểm sai trái, thù địch (không quan tâm, nể nang, né tránh hay bất bình, đấu tranh phản bác, dũng cảm phê phán...); việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống (thường xuyên hay không thường xuyên...), việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng (chấp hành nghiêm túc hay không nghiêm túc). Bên cạnh đó, cần có sự tổng kết, đánh giá hiệu quả đổi mới (hình thức, nội dung và phương pháp học tập) việc tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng đến đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đánh giá chất lượng học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị thông qua các khóa học (về mục tiêu, nhiệm vụ học tập, nội dung,

phương pháp...). Qua đó, có sự đánh giá khách quan về ý nghĩa và hiệu quả của việc củng cố kiến thức lý luận chính trị, cập nhật những vấn đề mới, giúp cho cán bộ, công chức, viên chức có vũ khí tư tưởng sắc bén để "miễn dịch" và đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Đồng thời, vấn đề đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ cũng cần được coi là một tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả của việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Bởi lẽ, nếu trong sinh hoạt chi bộ, nguyên tắc tập trung dân chủ luôn được thực hiện tốt và phát huy cao độ; người đứng đầu cấp ủy thực sự là "thủ lĩnh", gương mẫu trong mọi việc, nhất là đi đầu trong việc "tự soi, tự sửa"; một tập thể cấp ủy đoàn kết, thống nhất về tư tưởng và hành động; đội ngũ đảng viên luôn chân thành và cởi mở, sẵn sàng chia sẻ, quan tâm lẫn nhau trên tinh thần thương yêu đồng chí, thì mọi khuyết điểm, dù nhỏ nhất sẽ được mọi người chia sẻ để cùng nhau sửa chữa, khắc phục.

2. Công tác cán bộ

Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, để ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; phòng ngừa "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" phải bắt đầu từ con người, từ công tác cán bộ. Đại hội lần thứ XI của Đảng khẳng định: "Không bổ nhiệm cán bộ không đủ đức, đủ tài, cơ hội chủ nghĩa. Thực hiện nghiêm quy chế thôi chức, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý. Kịp thời thay thế cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ, uy tín giảm sút. Có chế tài xử lý nghiêm những

trường hợp chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ, chạy tuổi, chạy bằng cấp, chạy huân chương"[1].

Việc đánh giá hiệu quả công cuộc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thông qua công tác cán bộ, phải căn cứ vào nhiều tiêu chí. Trước tiên cần đánh giá việc triển khai các khâu trong công tác cán bộ (công tác tuyển chọn, đào tạo bồi dưỡng, bổ nhiệm, sắp xếp, sử dụng cán bộ đã đúng người, đúng việc, đúng tiêu chuẩn hay chưa). Đồng thời, những đổi mới và hiệu quả thực hiện công tác cán bộ (đánh giá, tuyển chọn, sử dụng, bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, chính sách, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, kiểm tra, giám sát...) cũng là tiêu chí quan trọng để xác định các địa phương, cơ quan, đơn vị đã góp phần ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực như thế nào. Có thể triển khai thực hiện và kết quả lấy phiếu tín nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp theo định kỳ hoặc đột xuất; thay thế, miễn nhiệm kịp thời cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu làm việc kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm đạo đức, lối sống. Bên cạnh đó, cần đánh giá tác động của việc xây dựng, hoàn thiện các quy định quản lý cán bộ, đảng viên tại các địa phương, cơ quan, đơn vị, đặc biệt là việc xây dựng quy định về trách nhiệm của người đứng đầu trong việc phát hiện và xử lý đối với các vi phạm đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" của cán bộ dưới quyền; trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Những chuyển biến trong

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.261-262.

thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp cao sẽ là minh chứng sống động nhất về hiệu quả của cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Để ngăn chặn, đẩy lùi hiệu quả suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", một mặt, phải xây dựng, hoàn thiện các văn bản, quy chế, quy định, mặt khác, các cấp ủy đảng cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Nội dung kiểm tra, giám sát phải toàn diện, cả về tư tưởng chính trị, động cơ, thái độ, năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, lối sống và thu nhập, tài sản của cá nhân, gia đình cán bộ, đảng viên. Khi phát hiện thấy cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái phải tiến hành kiểm tra, xác minh, làm rõ. Quá trình kiểm tra, giám sát phải phát huy sức mạnh tổng hợp của tổ chức đảng, các cơ quan chức năng và quần chúng nhân dân để có những thông tin đầy đủ, chính xác; kiên quyết khắc phục bệnh "hình thức", làm chiếu lệ. Đồng thời, phải rà soát, nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức đối thoại, lấy ý kiến đóng góp của các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với cán bộ, đảng viên, nhằm kịp thời phát hiện và ngăn chặn có hiệu quả các hiện tượng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Muốn đánh giá hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong việc ngăn chặn, đẩy lùi hiệu quả suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", cần căn cứ vào các tiêu chí sau:

Thứ nhất, cần đánh giá năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nhất là chi bộ, đảng bộ cơ sở, đặc biệt trong việc xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; kết quả công tác ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực, "lợi ích nhóm", "sân sau" tại các địa phương, cơ quan, đơn vị.

Thứ hai, đánh giá việc tổ chức thực hiện Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; Quy chế chất vấn trong Đảng; Quy định về những điều cán bộ, đảng viên, công chức không được làm; Quy định về công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị; Quy chế giám sát trong Đảng; Quy định về quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức; tình hình thực hiện Quy định số 76- QĐ/TW ngày 15-6-2000 của Bộ Chính trị về đảng viên đang công tác ở cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú, bảo đảm sự giám sát thường xuyên của tổ chức đảng và Nhân dân đối với cán bộ, đảng viên, công chức; Quyết định số 217-QĐ/TW về quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12-12-2013 của Bộ Chính trị quy định về việc Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền... Tình hình tổ chức thực hiện các quy định nêu trên là tiêu chí quan trọng đánh giá kết quả kiểm tra, giám sát, kiểm soát của cấp uỷ, tổ chức đảng, chi bộ đối với việc tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức; sự chuyển biến trong việc phát huy vai trò của người dân trong kiểm tra, giám sát cán bộ. Đồng thời, đánh giá việc xây dựng và thực

hiện cơ chế khuyến khích, bảo vệ người dân phản ánh, tố giác và tích cực đấu tranh phòng, chống suy thoái. Đánh giá kết quả cụ thể việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp (số vụ việc được phát giác, xử lý sau kiểm tra; số lượt cán bộ được giám sát,...), những chuyển biến trong phát hiện, xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật, bảo đảm tính nghiêm minh, "không có vùng cấm" tại địa phương, cơ quan, đơn vị đó.

4. Công tác định hướng dư luận xã hội

Lợi dụng chủ trương, chính sách tự do ngôn luận, tự do báo chí của Đảng và Nhà nước ta; những vấn đề nhạy cảm về nhân quyền, dân tộc, tôn giáo; những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng, những yếu kém, tiêu cực của một số cán bộ, công chức..., các thế lực thù địch thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình". Sự tấn công bằng "diễn biến hòa bình" làm gia tăng biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức thể hiện trước hết ở sự dao động về chính trị, mất định hướng, khủng hoảng niềm tin, phai nhạt lý tưởng. Hơn bao giờ hết, việc định hướng dư luận xã hội giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Để đánh giá hiệu quả của công tác định hướng dư luận xã hội, có thể căn cứ vào một số tiêu chí cơ bản sau:

Thứ nhất, đánh giá hiệu quả của công tác tuyên truyền, quản lý thông tin thông qua việc nắm bắt, cung cấp thông tin, định hướng dư luận, sự phối hợp lực lượng từ các cơ quan nghiên cứu, giáo dục lý luận, các cơ quan tuyên giáo đến các cơ quan quốc phòng, an ninh, đối ngoại, các cấp ủy, các cơ quan báo chí, truyền thông, xuất bản. *Thứ hai,* công tác đối

thoại trực tiếp giữa lãnh đạo với cán bộ, công chức, viên chức nhằm giải quyết những thắc mắc, kiến nghị, vấn đề bức xúc; qua đó tham mưu giải quyết kịp thời những vấn đề tư tưởng, dư luận xã hội nảy sinh ngay trong từng chủ trương, chính sách, dự án và ngay từ cơ sở, không để tâm trạng lo lắng, bức xúc kéo dài dẫn đến trở thành điểm nóng rất khó giải quyết. *Thứ ba,* có sự đánh giá tổng kết hiệu quả của các mô hình thí điểm nhằm định hướng dư luận xã hội như các câu lạc bộ, diễn đàn về nắm bắt dư luận xã hội với các đối tượng đặc thù; các diễn đàn đối thoại những vấn đề còn có nhận thức, quan điểm khác nhau (kể cả những ý kiến trái chiều). *Cuối cùng,* cần căn cứ vào công tác dự báo tại các địa phương, cơ quan, đơn vị để có những đánh giá tổng thể về hiệu quả của công tác định hướng dư luận xã hội trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Nhằm khắc phục những biểu hiện của suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII của Đảng đã đề ra 10 giải pháp cơ bản. Đây là cuộc đấu tranh lâu dài, phức tạp, cần tiến hành thường xuyên, thận trọng từng bước một, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị với quyết tâm chính trị cao. Nhìn nhận, đánh giá khách quan thực trạng của ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thông qua hệ thống các tiêu chí mang tính tổng thể và khoa học, là cơ sở để đề xuất các giải pháp khả thi và hiệu quả, đáp ứng những đòi hỏi hết sức cấp thiết mà công tác xây dựng Đảng đặt ra hiện nay.

Phần thứ hai

NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SỰ SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG GẮN VỚI PHÒNG, CHỐNG "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC Ở VIỆT NAM: CĂN NGUYÊN, YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ ĐẠO ĐỨC NHẰM PHÒNG, CHỐNG SỰ SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA", NÂNG CAO SỨC MẠNH, TRÁCH NHIỆM VÀ UY TÍN CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG HIỆN NAY

NGUYỄN THANH BÌNH*

Nghị quyết Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh, công tác xây dựng Đảng về đạo đức là một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm trong 5 năm 2016-2020: "Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ"[1]. Lý luận và thực tiễn đã chứng minh, xây dựng Đảng về đạo đức có mối liên hệ mật thiết với việc nâng cao sức mạnh, trách nhiệm và uy tín cầm quyền của Đảng hiện nay, có mối quan hệ biện chứng với việc ngăn

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban thường trực, Ban Tổ chức Trung ương.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.217.

chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong cán bộ, đảng viên.

1. Xây dựng Đảng về đạo đức ngang tầm trong tổng thể công tác xây dựng Đảng một cách toàn diện và thống nhất

Đạo đức là yếu tố quyết định làm nên sức mạnh chính trị của Đảng, tạo ra sự hấp dẫn của Đảng đối với nhân dân, bạn bè, đồng chí quốc tế và làm cho Đảng trở thành một đảng chân chính, vĩ đại. Đặc biệt, khi Đảng trở thành một đảng cầm quyền trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, thì làm thế nào để Đảng thật sự vững vàng, trong sáng về đạo đức là một vấn đề vừa mang tính cấp bách, vừa thường xuyên và lâu dài.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, trong thảo luận về công tác xây dựng Đảng, vấn đề đạo đức của Đảng là vấn đề bức xúc nhất, cấp thiết nhất, vừa là vấn đề hệ trọng lâu dài có quan hệ tới sinh mệnh của Đảng và sự tồn vong của chế độ. Tuy rằng vấn đề xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống trong xã hội, trước hết trong các tổ chức của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân được đề cập cách đây gần 20 năm tại Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (tháng 7-1998); và tinh thần này tiếp tục được thể hiện tại quyết sách của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (tháng 6-2014), với nội dung: Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế. Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các

cơ quan nhà nước và các đoàn thể[1], nhưng rõ ràng, chúng ta thường chỉ nhấn mạnh xây dựng Đảng trên ba mặt: chính trị, tư tưởng, tổ chức. Đó chỉ là những điều kiện cần chứ chưa đủ, và sẽ là khiếm khuyết, nếu không tính đến hoặc xem nhẹ vấn đề xây dựng Đảng về đạo đức. Một khi đạo đức trong Đảng yếu kém sẽ gây lệch lạc trong lãnh đạo chính trị, làm xáo trộn trong tư tưởng, phương hại tới lãnh đạo tổ chức của Đảng; và cũng dẫn đến nguy cơ làm phương hại đạo đức xã hội. Do đó, chủ trương: "Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức" là một quyết sách chính trị chín muồi. Xây dựng Đảng về đạo đức là một đòi hỏi tất yếu, khách quan của công tác xây dựng Đảng, là nhiệm vụ vừa trước mắt vừa lâu dài, xuyên suốt trong các nội dung xây dựng chính trị, tư tưởng, tổ chức.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII *về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ*[2] càng cho thấy, xây dựng Đảng về đạo đức cần thiết và cần kíp hơn bao giờ hết. Nếu xem nhẹ xây dựng Đảng về đạo đức hoặc đồng nhất một cách giản đơn xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng với đạo đức là chưa đủ tầm, thậm chí thiên lệch, sẽ dẫn đến những hệ lụy khó lường. Điều khó

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Sđd,* tr.53.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd,* tr.124.

lường đó chính là sự suy thoái về đạo đức, lối sống, phong cách... của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng.

Bên cạnh đó, nhìn lại chặng đường sau hơn 30 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Tuy nhiên, nhìn thẳng vào thực tế, càng thấy những yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng đang đặt ra rất nhiều vấn đề đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước. Khi yêu cầu phát triển đất nước mạnh mẽ và bền vững phải là lợi ích cốt lõi, lợi ích dân tộc phải trở thành tối cao; bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc phải là thiêng liêng, hệ trọng. Lúc này, yêu cầu phát triển về đạo đức, sự trưởng thành về chính trị, sự thống nhất về tư tưởng và sự tương dung về tổ chức của Đảng trong thực hiện sứ mệnh cầm quyền ngang tầm yêu cầu trọng trách lịch sử dân tộc giao phó trở thành nhiệm vụ vô cùng cấp thiết.

Để hoàn thành trọng trách và nhiệm vụ hết sức nặng nề nêu trên, vấn đề đặt ra và cũng chính là sự đòi hỏi cấp thiết là Đảng phải được xây dựng thực sự trong sạch về đạo đức, tầm nhìn xa rộng về chính trị, sâu sắc về trí tuệ, vững mạnh về tổ chức nhằm nâng cao không ngừng năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và bản lĩnh cầm quyền của Đảng. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh đòi hỏi phải được tiến hành toàn diện, đồng bộ, với nhiều chủ trương, giải pháp, trong đó xây dựng Đảng về đạo đức là một trong những nội dung đặc biệt quan trọng. Nếu chỉ dừng lại ở nhận thức, tri thức về đạo đức, tự thân nó không bao hàm đầy đủ các vấn đề đạo đức trong Đảng và trong xây dựng Đảng. Cái cần thiết và bảo đảm quan trọng thực thi mục tiêu chính trị không thể chỉ

dừng lại ở tình cảm đạo đức, đạo đức suông, mà quyết định ở đạo đức hành động và hành động đạo đức, phải trở thành lẽ sống và nếp sống hằng ngày. Xét về mặt thực tiễn, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp... do nhiều nguyên nhân gây ra, trong đó có nguyên nhân không chỉ là chưa nhận thức rõ, không thấy hết tầm quan trọng của ý thức đạo đức, tri thức đạo đức, tình cảm đạo đức mà còn chưa đặt vấn đề đạo đức hành động và quyết định là hành động đạo đức một cách xứng đáng và ngang tầm trong toàn bộ và chỉnh thể công tác xây dựng Đảng. Mỗi cán bộ, đảng viên phải là một tấm gương về đạo đức. Vì, kinh nghiệm lịch sử cho thấy, nền đạo đức mới chỉ trở thành nền tảng văn hóa của xã hội khi những phẩm chất đạo đức trở thành hành vi đạo đức phổ biến trong toàn xã hội, trong đó những tấm gương đạo đức có tác dụng thúc đẩy việc hình thành nền tảng văn hóa đạo đức đó.

2. Xây dựng đạo đức đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược nhằm nâng cao sức mạnh, trách nhiệm và uy tín cầm quyền của Đảng

Trải qua 87 năm kể từ khi thành lập Đảng đến nay cho thấy, lúc nào đội ngũ cán bộ, đảng viên giữ được phẩm chất đạo đức thì cách mạng vững mạnh, thu được nhiều thành tựu; ngược lại lúc nào đảng viên, cán bộ suy thoái thì cách mạng sẽ gặp khó khăn. Qua hơn 30 năm đổi mới và hội nhập quốc tế, bên cạnh những ưu điểm, Đảng ta đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, cảnh báo cấp bách sự xuống cấp về đạo đức trong xã hội, đặc biệt trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, nhất là những

đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý các cấp, kể cả một số cán bộ cao cấp. Những suy thoái về đạo đức ở một bộ phận cán bộ, đảng viên đó rất đáng lo ngại, làm xói mòn, giảm sút, thậm chí đang "đánh cắp", bôi nhọ lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ; xâm hại đạo đức xã hội.

Có thể nói, nền kinh tế thị trường đã tác động vào đời sống xã hội, vào đời sống của Đảng, của đội ngũ cán bộ đảng viên, theo cả chiều tích cực lẫn tiêu cực. Đảng ở trong lòng xã hội, là một cơ thể sống, như một lẽ tự nhiên, Đảng không thể không chịu ảnh hưởng từ những tác động đó. Tiền bạc, chức quyền, danh lợi cùng với chủ nghĩa cá nhân đã xâm nhập trong các quan hệ giữa con người với tổ chức. Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống đã bộc lộ một cách nghiêm trọng ở một bộ phận không nhỏ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, kể cả cấp cao đã cho thấy điều đó. Quan liêu, xa dân, vô trách nhiệm, thậm chí cả thói vô cảm đã ở mức độ nặng nề... là biểu hiện dễ nhận thấy nhất. Tham nhũng vừa là nguy cơ, vừa là quốc nạn, với những mức độ và hậu quả khác nhau. Đây là nguyên nhân chủ yếu làm xói mòn hình ảnh người đảng viên, làm giảm sút nghiêm trọng niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Thực trạng này đang đe dọa tới sinh mệnh của Đảng và sự tồn vong của chế độ.

Suy thoái đạo đức, lối sống tất yếu dẫn tới những biến dạng về thái độ chính trị, động cơ chính trị và hành động chính trị; dẫn tới suy thoái tư tưởng chính trị, sự yếu kém, rã rời về tổ chức. Thực tế và kinh nghiệm đã cho thấy, không một đảng cầm quyền nào có thể đứng vững được khi cơ sở xã hội - chính trị của đảng suy yếu, khi mất lòng dân, khi sự suy thoái về đạo đức, lối sống diễn ra trong đảng, nhất là ở

những cơ quan lãnh đạo và một số người lãnh đạo. Suy thoái về đạo đức, lối sống làm mất đi khả năng tự đề kháng trước những độc tố mà kẻ thù tìm cách tiêm nhiễm vào lĩnh vực tư tưởng, chính trị và tổ chức.

Qua thực tiễn, chúng ta đã nhận diện rõ hơn, cụ thể hơn những biểu hiện về suy thoái phẩm chất đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên ở từng cấp, từng lĩnh vực, qua đó xác lập hệ thống các giải pháp hành động trong xây dựng Đảng nói chung, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên nói riêng, về đạo đức. Những biểu hiện khác nhau về suy thoái phẩm chất, lối sống; tham ô, tham nhũng; cửa quyền; lợi ích nhóm tiêu cực... chính là sự suy thoái về đạo đức hành động chính trị. Khi một cán bộ lãnh đạo suy thoái về đạo đức thì làm tổn hại tới danh dự của Đảng. Khi một đảng viên có đạo đức kém thì rất khó có thể vượt qua được những cám dỗ tầm thường. Khi sự suy thoái về đạo đức vẫn còn tồn tại, gây nên tình trạng chạy tuổi, chạy chức, chạy quyền, bổ nhiệm không đúng điều kiện, tiêu chuẩn chức danh... thì tiêu chuẩn đạo đức được đặt lên hàng đầu, trước khi nói về trình độ chuyên môn hay năng lực chính trị. Vì, lúc này chính trị là đạo đức hơn lúc nào hết.

Sự lãnh đạo của Đảng, theo V.I.Lênin phải bằng đường lối chính trị, bộ máy tổ chức, bố trí cán bộ. Sự lãnh đạo đó thông qua những con người cụ thể, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo: "sự lãnh đạo chính trị sẽ là gì chứ? Ai lãnh đạo nếu không phải là những con người, lãnh đạo cách nào nếu không phải là phối hợp lực lượng?"[1]. Đảng cầm quyền có hai vấn đề hệ trọng, một là đường lối chính trị, hai là vấn đề cán bộ, trong đó, theo V.I.Lênin, mấu chốt là vấn đề con người, vấn

1. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.40, tr.306.

đề lựa chọn người. Bởi vì, mọi nghị quyết, đường lối, chủ trương đều do con người làm ra. Cán bộ giữ vai trò rường cột, nhưng phải là cán bộ đã được lựa chọn, đảm bảo phẩm chất, trình độ về nhiều mặt. Nếu không tìm thấy sự nâng cao, vượt trội về phẩm chất, năng lực ở những người cán bộ thì họ không xứng đáng là cán bộ, chưa nói đến người cộng sản, người lãnh đạo. Bởi vì nếu như vậy, họ cũng chỉ như bộ phận còn lại của giai cấp vô sản mà thôi.

Yêu cầu chung nhất đối với mỗi cán bộ là phải tự rèn luyện đầy đủ cả hai mặt năng lực là thực tiễn và tư duy lý luận. Xét đến cùng, đấy là mặt tri thức, năng lực. Chỉ có như vậy thì chưa đủ mà còn phải có đạo đức cách mạng. Có lúc V.I. Lênin khái quát thành điểm chung nhất là "phẩm chất cao quý" của người cán bộ, trong đó bao hàm cả năng lực và lòng trung thành với sự nghiệp, mà "lòng trung thành đối với cách mạng" là điều kiện, là tiêu chuẩn quan trọng đầu tiên đối với mỗi cán bộ, đảng viên. Phẩm chất, năng lực cần được hiểu với một nội dung rộng bao gồm cả lòng trung thực và tính kiên quyết, có bản lĩnh và nhiệt tình cách mạng, lòng kiên nghị và tính tự giác... Đặc biệt, đã là cán bộ thì nhất định không được có đặc quyền, đặc lợi, phải toàn tâm, toàn ý phục vụ Nhân dân. Nói như C. Mác, họ là những người "đầy tớ luôn luôn có thể bị bãi miễn..., luôn luôn hành động dưới sự kiểm soát của nhân dân..., không nấp sau một chế độ quan liêu giấy tờ, không ngại thừa nhận những sai lầm của mình bằng cách sửa chữa những sai lầm ấy". Bên cạnh đó, V.I. Lênin cũng khẳng định, không ngăn chặn, đẩy lùi được tình trạng thoái hóa, biến chất của đội ngũ cán bộ, đảng viên bằng giáo dục và pháp luật, kỷ cương và tổ chức thì cũng không thể có chủ nghĩa xã hội. Có thể nói, việc Đảng thường

xuyên làm trong sạch đội ngũ Đảng, đội ngũ cán bộ của cơ quan nhà nước là việc làm có tính quy luật của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, là điều kiện để nâng cao uy tín của Đảng trước quần chúng, làm cho dân tin, dân phục. V.I.Lênin cực kỳ nghiêm khắc với tệ tham ô, hủ hóa, hối lộ. Người coi việc xử nhẹ tội ăn hối lộ là một công việc xấu hổ cho những người cộng sản. V.I. Lênin viết: "không xử bắn bọn ăn hối lộ mà xử nhẹ như thế, là một việc xấu hổ cho những người cộng sản, những người cách mạng..."[1].

Theo đó, rõ ràng, suy cho cùng, vị thế chính trị của Đảng với tư cách là người lãnh đạo ở đây, tất cả đều phụ thuộc vào nhận thức đạo đức, tình cảm đạo đức và hành động đạo đức của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương các cấp. Xây dựng đạo đức trong Đảng, trước hết phải xây dựng đạo đức từ mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi tổ chức đảng. Đạo đức của Đảng chính là sự hiện diện bằng hành động đạo đức, nhân cách hành động của từng cán bộ, đảng viên, uy tín và hiệu quả hoạt động của từng tổ chức đảng ở tất cả các cấp.

Chính vì lẽ đó, không phải ngẫu nhiên Nguyễn Ái Quốc khi viết *Đường kách mệnh*, ngay trước lúc Đảng ra đời, đã dự cảm sâu xa rằng, đảng cách mạng, người cách mạng "phải giữ chủ nghĩa cho vững", lại phải "ít lòng ham muốn về vật chất". Không có những bảo đảm ấy, người cách mạng sẽ biến chất, hư hỏng và đảng cách mạng sẽ thoái hóa, thất bại, tan rã. Năm 1969, Người tiếp tục căn dặn: "Phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân và ra sức nâng cao đạo đức cách

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t.7, tr.288.

mạng"[1]. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"[2] để mãi xứng đáng là "đứa con nòi của giai cấp lao động Việt Nam".

Bài học về sự đổ vỡ xảy ra ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã chỉ ra, các đảng cộng sản ở đó mất vai trò cầm quyền, ngoài nguyên nhân sai lầm về đường lối và mất phương hướng chính trị, còn có nguyên nhân sâu xa bởi tự đánh mất lòng tin và sự ủng hộ của nhân dân - cơ sở xã hội - chính trị của Đảng, cội nguồn và nền tảng sức mạnh của Đảng, bởi sự suy thoái đạo đức, lối sống, nhân cách khi cầm quyền, ở những người cầm quyền. Do đó, hiện nay, xây dựng Đảng, nhất là trong điều kiện Đảng cầm quyền, chúng ta phải xây dựng Đảng về đạo đức, đặc biệt xây dựng đạo đức đối với đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược. Từ đó có thể khẳng định, việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở Việt Nam là một tất yếu khách quan và là đòi hỏi cấp bách của lịch sử.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t.15, tr.547, 622.

TIẾP THU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ GÓP PHẦN THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 4 KHÓA XII

ThS. MAI VĂN CHÍNH*

Trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã chỉ rõ một trong những yếu kém trong công tác quản lý cán bộ là đánh giá cán bộ, "đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ còn nể nang, cục bộ". Điều này có ảnh hưởng tới chất lượng đội ngũ cán bộ, làm mất động lực phấn đấu của những cán bộ có năng lực. Việc nghiên cứu tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* giúp chúng ta có thêm những bài học quý về công tác đánh giá cán bộ, góp phần thực hiện tốt tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

Sửa đổi lối làm việc thể hiện tư tưởng lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng đảng cầm quyền trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc. Phải sửa đổi trong tư tưởng, trong từng tổ chức và trong cách làm của từng cán bộ, đảng viên để thích ứng với tình hình thực tế lịch sử.

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương.

Sửa đổi lối làm việc tập trung vào 6 vấn đề lớn cơ bản: 1- Phê bình và sửa chữa; 2- Mấy điều kinh nghiệm; 3- Tư cách và đạo đức cách mạng; 4- Vấn đề cán bộ; 5- Cách lãnh đạo; 6- Chống thói ba hoa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra những căn bệnh, yếu kém của đội ngũ cán bộ, đảng viên và tác hại của nó đối với đảng cầm quyền; đặt ra nhiệm vụ sửa đổi lối làm việc để chỉnh đốn lại Đảng, làm cho Đảng "mạnh khỏe, chắc chắn", làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên xứng đáng với vai trò tiền phong và gắn bó mật thiết với nhân dân.

Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc,* Chủ tịch Hồ Chí Minh phê phán "chủ nghĩa cá nhân" vì đó là một thứ "vi trùng rất độc" nó sinh ra các "bệnh nan y"; những sai lầm, khuyết điểm, lệch lạc trong nhận thức, tư tưởng, trong phẩm chất đạo đức, lối sống và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên. Đồng thời, Hồ Chí Minh vạch ra nguyên nhân và phương hướng khắc phục.

Ý tưởng cốt lõi nhất trong tác phẩm này là công tác đánh giá, giáo dục, rèn luyện và xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ năng lực làm việc và có tư cách đạo đức tốt, thực sự là "công bộc" của nhân dân. *Sửa đổi lối làm việc* sẽ giúp giải quyết những yếu kém trong lãnh đạo và chỉ đạo thực tiễn của một đảng cầm quyền. Những nội dung này được thể hiện rõ trong các mục "Mấy điều kinh nghiệm", "Vấn đề cán bộ", "Cách lãnh đạo" và "Chống thói ba hoa", để đội ngũ cán bộ, đảng viên làm việc đúng hơn, khéo hơn, tốt hơn.

1. Những ý tưởng về công tác đánh giá cán bộ

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng công tác đánh giá cán bộ là việc khó, nhưng cần phải làm một cách công tâm,

khách quan, toàn diện, biện chứng lịch sử. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ có trường hợp trong kháng chiến thì chiến đấu anh dũng, nhưng khi sống trong cuộc sống thành thị thì lại mất lập trường và sa vào con đường tội lỗi. Việc đánh giá cán bộ, đảng viên của Đảng bao trùm những ưu điểm và thành tích, nhưng cũng thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm cần sửa chữa.

Để đánh giá đúng cán bộ thì đòi hỏi người đánh giá phải công tâm, vô tư, khách quan. Trước hết, người đánh giá cán bộ cần phải hiểu đúng cán bộ. Người nói: "*Hiểu biết cán bộ - Biết người, cố nhiên là khó. Tự biết mình, cũng không phải là dễ.* Đã không tự biết mình thì khó mà biết người, vì vậy muốn biết đúng sự phải trái ở người ta, thì trước phải biết đúng sự phải trái của mình. Nếu không biết sự phải trái ở mình, thì chắc không thể nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu"[1]. Bản thân người đánh giá cũng phải "tự sửa mình". "Muốn biết rõ cán bộ, muốn đối đãi một cách đúng đắn các hạng người, trước hết phải sửa những khuyết điểm của mình"[2]. "Nếu không biết sự phải trái ở mình, thì chắc không thể nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu"[3]. Đó là tinh thần tự phê bình của cá nhân người cán bộ; sau đó được tập thể, cấp ủy và đơn vị góp ý kiến xây dựng theo tiêu chuẩn của người cán bộ cách mạng. Đánh giá cán bộ phải dựa vào dân, lấy ý kiến của dân, đem ra tập thể bàn bạc và đi đến thống nhất.

Việc đánh giá cán bộ phải căn cứ hoàn cảnh lịch sử, quá trình hoạt động, bao trùm các mặt, tránh phiến diện, định kiến. Người nói: "Thả cho họ làm, thả cho họ phụ trách, dù sai lầm chút ít cũng không sợ. Nhưng phải luôn luôn tùy theo

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.317.

hoàn cảnh mà bày vẽ cho họ về phương hướng công tác, cách thức công tác, để cho họ phát triển năng lực và sáng kiến của họ, đúng với đường lối của Đảng"[1]. "Một người cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi. Cũng có cán bộ đến nay chưa bị sai lầm, nhưng chắc gì sau này không phạm sai lầm? Quá khứ, hiện tại và tương lai của mọi người không phải luôn giống nhau"[2]. Người nói: "Nhận xét cán bộ không nên chỉ xét ngoài mặt, chỉ xét một lúc, một việc mà phải xét kỹ cả toàn bộ công việc của cán bộ"[3].

Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy rằng việc đánh giá cán bộ phải dựa trên các tiêu chí cơ bản là đức và tài. "Đức" là đạo đức cách mạng, "Tài" là người có khả năng hành động, làm việc mang lại hiệu quả cao. Đức và tài phải thống nhất với nhau và trong đó đức là gốc, "*Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân*"[4].

Sửa đổi lối làm việc đã chỉ rõ nội dung về tư cách và đạo đức cách mạng như các tiêu chuẩn cho cán bộ, đảng viên, đồng thời là cơ sở để đánh giá cán bộ, đảng viên. Mỗi cán bộ, đảng viên phải trọng lợi ích của Đảng và có đạo đức cách mạng "mỗi người trong Đảng phải hiểu rằng: lợi ích của cá nhân nhất định phải phục tùng lợi ích của Đảng. Lợi ích của mỗi bộ phận nhất định phải phục tùng lợi ích của toàn thể. Lợi ích tạm thời nhất định phải phục tùng lợi ích lâu dài. Nghĩa là phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, lên trước hết. Vì lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc"[5].

1, 2, 3, 4, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.316; 317, 318; 318; 292; 290.

Người đảng viên, người cán bộ tốt muốn trở nên người cách mạng chân chính, cần hội tụ 5 phẩm chất: nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm.

"a) NHÂN là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân. Vì thế mà sẵn lòng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ. Vì thế mà không ham giàu sang, không e cực khổ, không sợ oai quyền.

Những người đã không ham, không e, không sợ gì thì việc gì là việc phải họ đều làm được.

b) NGHĨA là ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu Đảng. Ngoài lợi ích của Đảng, không có lợi ích riêng phải lo toan. Lúc Đảng giao cho việc, thì bất kỳ to nhỏ, đều ra sức làm cẩn thận. Thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói. Không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình người khác cũng luôn luôn đúng đắn.

c) TRÍ vì không có việc tư túi nó làm mù quáng, cho nên đầu óc trong sạch, sáng suốt. Dễ hiểu lý luận. Dễ tìm phương hướng. Biết xem người. Biết xét việc. Vì vậy, mà biết làm việc có lợi, tránh việc có hại cho Đảng, biết vì Đảng mà cất nhắc người tốt, đề phòng người gian.

d) DŨNG là dũng cảm, gan góc, gặp việc phải có gan làm. Thấy khuyết điểm có gan sửa chữa. Cực khổ khó khăn, có gan chịu đựng. Có gan chống lại những sự vinh hoa, phú quý, không chính đáng. Nếu cần, thì có gan hy sinh cả tính mệnh cho Đảng, cho Tổ quốc, không bao giờ rụt rè, nhút nhát.

đ) LIÊM là không tham địa vị. Không tham tiền tài.

Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hoá"[1].

Đối với mỗi đảng viên cần có bổn phận đối với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân: a- Suốt đời tranh đấu cho dân tộc, cho Tổ quốc; b- Đặt lợi ích của cách mạng lên trên hết, lên trước hết; c- Hết sức giữ kỷ luật và giữ bí mật của Đảng; d- Kiên quyết thi hành những nghị quyết của Đảng; đ- Cố gắng làm kiểu mẫu cho quần chúng trong mọi việc; e- Cố gắng học tập chính trị, quân sự, văn hóa. Phải gần gũi quần chúng, học hỏi quần chúng, cũng như phải lãnh đạo quần chúng.

Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, cần phải có tính đảng mới làm được việc: *Một là*, phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết; *hai là*, việc gì cũng phải điều tra rõ ràng, cẩn thận và phải làm đến nơi đến chốn; *ba là,* lý luận và thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau.

Đánh giá người cán bộ, đảng viên tốt cần phải căn cứ vào phẩm chất tốt đẹp CHÍ CÔNG VÔ TƯ. Người cho rằng trong Đảng ta còn có những người chưa học được, chưa làm được bốn chữ "chí công vô tư", cho nên mắc phải chứng chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân là như một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm, thí dụ những bệnh sau đây: Bệnh tham lam, lười biếng, kiêu ngạo, thiếu kỷ luật, óc hẹp hòi, óc địa phương, óc lãnh tụ, "hữu danh, vô thực", kéo bè kéo cánh, tị nạnh, xu nịnh, a dua,... Người dạy: "Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ, cần phải thật thà tự xét và xét đồng chí mình, ai có khuyết điểm nào, thì phải thật thà cố gắng tự sửa chữa và giúp sửa chữa lẫn nhau. Thang thuốc hay nhất là *thiết thực phê bình và tự phê bình*"[2].

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.291, 292; 302.

Phê bình và tự phê bình là thang thuốc hay để tự nhận ra mình, giúp cán bộ mình xem xét, đánh giá lẫn nhau, giúp nhau khắc phục khuyết điểm, phát huy ưu điểm, cùng nhau tiến bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu ý rằng trong phê bình và tự phê bình cán bộ, đảng viên của mình, chớ dùng những lời mỉa mai, chua cay, châm chọc. Phê bình việc làm, chứ không phải phê bình người.

Người nêu lên những căn bệnh mà người cán bộ thường mắc phải cần sửa chữa. Đó là bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi và bệnh ba hoa.

- Bệnh chủ quan là chứng bệnh nguy hiểm gây tác hại lớn cho cách mạng. Khi mắc bệnh này, cán bộ, đảng viên thường giải quyết công việc dựa vào ý chí chủ quan, mà không căn cứ vào điều kiện cụ thể và quy luật khách quan. Do không biết nhận rõ điều kiện, hoàn cảnh khách quan, khăng khăng làm theo ý mình, nên kết quả thường nhận lấy thất bại. Người chỉ rõ nguyên nhân của bệnh chủ quan là: "*Kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông*". Người cho rằng: "Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi"[1]. Người mắc bệnh chủ quan đều coi khinh lý luận, làm việc chỉ theo kinh nghiệm của bản thân, không biết khái quát thành lý luận chung, giải quyết công việc một cách sự vụ, vụn vặt. Đó là bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa. Có kinh nghiệm mà không có lý luận cũng như một mắt sáng, một mắt mờ. Hồ Chí Minh còn chỉ rõ bệnh lý luận suông là bệnh giáo điều chủ nghĩa. Đó là sự bắt chước kinh nghiệm của người khác một

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.273.

cách máy móc, mù quáng; xem thường kinh nghiệm của quần chúng, không năng đi xuống cơ sở để học tập và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn...

- Bệnh hẹp hòi là căn bệnh rất nguy hiểm, mà nhiều cán bộ và đảng viên còn mắc phải. "*Trong, thì bệnh này ngăn cản Đảng thống nhất và đoàn kết. Ngoài, thì nó phá hoại sự đoàn kết toàn dân*"[1]. Biểu hiện của bệnh này là chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa cá nhân, tham danh vọng, tham địa vị, dìm người giỏi, bệnh hủ hóa... Từ trước đến nay, vì bệnh hẹp hòi mà có những sự lủng củng giữa bộ phận và toàn cục, đảng viên với Đảng, cán bộ địa phương với cán bộ phái đến, cán bộ quân sự với cán bộ mặt trận, cán bộ mới và cán bộ cũ, cơ quan này và cơ quan khác. Bệnh hẹp hòi của cán bộ, đảng viên còn biểu hiện ở thói tự tôn tự đại, khinh rẻ người ta, không muốn biết, muốn học những ưu điểm của người khác. Những cán bộ, đảng viên mắc bệnh này quên rằng: chỉ đoàn kết trong Đảng, cách mạng cũng không thành công được, còn phải đoàn kết nhân dân cả nước. "Chúng ta phải kiên quyết chữa ngay bệnh ấy, mỗi một đảng viên, mỗi một bộ phận, mỗi một lời nói, việc làm, tuyệt đối phải nhằm vào lợi ích của toàn cuộc, lợi ích của toàn Đảng"[2].

- Bệnh ba hoa là nói và viết dài dòng, rỗng tuếch, dùng chữ cầu kỳ, khó hiểu, không nhằm đúng đối tượng, quần chúng không hiểu, cho nên không có tác dụng gì cả. Người nhắc nhở: Cán bộ tuyên truyền bao giờ cũng tự hỏi: Viết cho ai xem? Nói cho ai nghe? Nếu không vậy, thì cũng như có ý không muốn cho người ta nghe, không muốn cho người ta xem.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.274, 276.

2. Bài học về công tác đánh giá cán bộ gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII

Sửa đổi lối làm việc là tác phẩm có giá trị lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác xây dựng Đảng, trong đó có nhiều tư tưởng lớn về cán bộ và đánh giá cán bộ. Tác phẩm mang giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, bao quát những vấn đề rộng lớn trong toàn bộ các mối quan hệ và các nguyên tắc, phương pháp, phong cách làm việc của Đảng, phẩm chất quan trọng của cán bộ, đảng viên. Mọi việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. *Sửa đổi lối làm việc* chỉ ra những khuyết điểm, yếu kém và phương cách để khắc phục chúng.

Tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* ra đời cách đây 70 năm, những tư tưởng nêu trong tác phẩm vẫn còn nguyên giá trị đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam hiện nay, đặc biệt đối với quá trình xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm trong thời kỳ phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Qua nghiên cứu tác phẩm, có thể rút ra một số bài học về công tác đánh giá cán bộ, đáp ứng tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII như sau:

Thứ nhất, coi trọng cán bộ và công tác cán bộ phù hợp tình hình thực tế.

Hồ Chí Minh đã khẳng định cán bộ là cái "gốc" của mọi công việc. Công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Việc ra đời tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* là để xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong hoàn cảnh Đảng và Nhà nước đang lãnh đạo nhân dân thực hiện cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Khi đó, một bộ phận cán bộ,

đảng viên của Đảng có biểu hiện khuyết điểm, "bệnh nan y", *Sửa đổi lối làm việc* là một chỉ thị quan trọng của Đảng nhằm khắc phục những khuyết điểm đó, củng cố sự đoàn kết, sức mạnh và làm trong sạch Đảng.

Trong tình hình, có nhiều thay đổi hiện nay, một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn mắc phải những khuyết điểm, "bệnh nan y" giống như trong *Sửa đổi lối làm việc* đã chỉ ra; bên cạnh đó còn xuất hiện những khuyết điểm, "bệnh nan y" mới. Tư tưởng về xây dựng Đảng, công tác cán bộ của Người trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* vẫn còn nguyên giá trị, cần được vận dụng triệt để vào trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng hiện nay.

Công tác xây dựng Đảng đặt ra nhiệm vụ cấp bách để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, ngăn chặn đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII; tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh".

Qua đó, cần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu".

Thứ hai, cần hiểu biết đúng cán bộ để đánh giá đúng.

Người đánh giá cán bộ trước tiên phải là người mẫu mực, biết nêu gương, "tự sửa mình". Hơn nữa, người đánh giá cán bộ cần hiểu đúng cán bộ, đảng viên của mình thông qua quá

trình công tác, kết quả công việc, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của họ. Tinh thần phê bình và tự phê bình thẳng thắn, trung thực, mang tính xây dựng trong tập thể, cấp ủy và đơn vị là thang thuốc bổ để mỗi cán bộ, đảng viên hiểu nhau đầy đủ hơn, biết được những ưu điểm và nhược điểm để cùng nhau khắc phục nhược điểm, phát huy ưu điểm, cùng nhau đoàn kết và tiến bộ.

Đó là bài học quý rút ra từ tư tưởng trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* cần được vận dụng vào tình hình thực tiễn hiện nay trong công tác quản lý và đánh giá cán bộ, đảng viên.

Thứ ba, cần xây dựng các tiêu chuẩn, phẩm chất về cán bộ, đảng viên làm căn cứ đánh giá.

Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy rằng việc đánh giá cán bộ phải dựa trên các tiêu chí cơ bản là đủ đức và tài. "Đức" là đạo đức cách mạng, "Tài" là người có khả năng hành động, làm việc mang lại hiệu quả cao, biết kết hợp lý luận và thực hành. Đức và tài phải thống nhất với nhau và trong đó đức là gốc. Người đảng viên, người cán bộ tốt muốn trở nên người cách mạng chân chính, cần hội tụ 5 phẩm chất: nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm. Người cán bộ, đảng viên tốt phải là người chí công vô tư.

Mỗi cán bộ, đảng viên biết đặt lợi ích của cách mạng lên trên hết, lên trước hết, suốt đời tranh đấu cho dân tộc, cho Tổ quốc; cố gắng làm kiểu mẫu cho quần chúng trong mọi việc; gần gũi quần chúng, học hỏi quần chúng, cũng như phải lãnh đạo quần chúng.

Ban hành hệ thống các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá cán bộ, đảng viên. Trên cơ sở đó là căn cứ quan trọng để đánh giá năng lực, phẩm chất cán bộ, đảng viên một cách khách quan, chính xác. Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 89-QĐ/TW

của Bộ Chính trị ngày 4-8-2017 về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, Quy định số 90-QĐ/TW của Bộ Chính trị ngày 4-8-2017 về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII quy định "hằng năm, người đứng đầu và từng cán bộ, đảng viên có cam kết rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; các cấp ủy, tổ chức đảng kiểm tra, giám sát việc thực hiện cam kết của cán bộ, đảng viên ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình".

Bộ Chính trị đang chỉ đạo xây dựng Quy định về "Kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị" để từng bước nâng cao chất lượng công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân hằng năm một cách đồng bộ, thống nhất trong cả hệ thống chính trị, làm cơ sở để thực hiện tốt các khâu quan trọng khác của công tác cán bộ.

Thứ tư, việc đánh giá cán bộ phải thực sự khách quan, phương pháp đúng.

Bài học quan trọng qua nghiên cứu tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* nói riêng và tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung là hiểu đúng và đánh giá đúng cán bộ một cách công tâm, khách quan, tránh việc đánh giá phiến diện, căn cứ hoàn cảnh lịch sử. Việc đánh giá cán bộ, đảng viên của Đảng bao trùm những ưu điểm và thành tích, nhưng cũng thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm cần sửa chữa.

Nhận xét, đánh giá cán bộ phải tổng thể toàn bộ công việc, không nên chỉ xét tại thời điểm. Nhận xét, đánh giá cán

bộ phải xuất phát từ hiện thực khách quan, với quan điểm toàn diện, lịch sử cụ thể "nhận xét cán bộ không nên chỉ xét ngoài mặt, chỉ xét một lúc, một việc, mà phải xét kỹ cả toàn bộ công việc của cán bộ"[1].

Thứ năm, đánh giá cán bộ phải gắn kết chặt chẽ với các khâu khác trong công tác cán bộ.

Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc,* Hồ Chí Minh quan tâm tới các khâu của công tác cán bộ như "huấn luyện cán bộ", "cân nhắc cán bộ cho đúng", "khéo dùng cán bộ",... Đó là tư duy mang tính hệ thống của Người trong công tác cán bộ.

Việc đánh giá cán bộ là khâu cần thiết, gắn kết với tất cả các khâu khác liên quan có ý nghĩa to lớn của công tác cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Kết quả đánh giá cán bộ là căn cứ quan trọng để tiến hành các khâu khác như quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng,... Các khâu công tác cán bộ đều được thực hiện đúng sẽ bảo đảm cho việc phát triển đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất cách mạng, đủ tài và đức lãnh đạo thành công sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đề ra giải pháp "hoàn thiện quy chế đánh giá cán bộ một cách khoa học, phù hợp; quy định lấy phiếu tín nhiệm ở các cấp, các ngành định kỳ hoặc đột xuất".

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.318.

ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH GÓP PHẦN QUAN TRỌNG VÀO NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SỰ SUY THOÁI TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG VÀ CÁC BIỂU HIỆN "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" TRONG NỘI BỘ

PGS. TS. ĐOÀN MINH HUẤN*

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã chỉ ra bốn nhóm giải pháp nhằm tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" nội bộ. Mỗi nhóm giải pháp nêu trong Nghị quyết có vai trò, vị trí riêng, tạo tính liên thông cùng tương tác lẫn nhau, trong đó nhóm giải pháp về đổi mới cơ chế, chính sách tác động vào môi trường thể chế với cả ý nghĩa "phòng" và "chống", đặc biệt là phòng ngừa, ngăn chặn.

1. Sự bất cập của cơ chế, chính sách trong mối quan hệ với tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ

Cơ chế được hiểu là cách thức, phương pháp, công cụ được

---

* Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản.

sử dụng để tác động, điều khiển, kiểm soát đối tượng lãnh đạo - quản lý nhằm đạt được mục tiêu đã xác định. Còn chính sách là những chủ trương, biện pháp và hành động cụ thể được đảng cầm quyền hoặc nhà nước sử dụng trong thời gian nhất định để thực hiện đường lối, nhiệm vụ. Mối quan hệ giữa cơ chế với chính sách bắt nguồn từ tính "dây chuyền" của thể chế và nguyên lý "truyền lực" của bộ máy. Thể chế tạo khung khổ nguyên tắc để hình thành chính sách, còn chính sách giữ vai trò tác động trực tiếp cho sự vận hành của cơ chế thông qua các công cụ nhất định. Cơ chế, chính sách là sản phẩm sáng tạo của chủ thể lãnh đạo - quản lý; nếu phù hợp quy luật khách quan sẽ tạo động lực thúc đẩy tiến bộ xã hội, *tối đa hóa lợi ích công*; còn nếu không phù hợp sẽ là lực cản cho phát triển, thậm chí bị biến thành *công cụ hợp pháp của nhóm lợi ích nhất định* trong xã hội nhằm giành lấy các nguồn lực công cho riêng mình.

Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" của một bộ phận cán bộ, đảng viên thời gian qua có một nguyên nhân bắt nguồn từ sự bất cập của cơ chế, chính sách. Qua hơn 30 năm đổi mới, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mà mấu chốt chính là đổi mới cơ chế, chính sách. Tuy nhiên, việc ban hành và thực thi cơ chế, chính sách vẫn còn bất cập, tạo môi trường cho phát sinh tiêu cực và những diễn biến phức tạp trong đời sống xã hội.

Một là, tàn dư của cơ chế "bao cấp" và quan hệ "xin cho" vẫn tồn tại trong nhiều "ngõ ngách" của đời sống xã hội và được dịp hồi sinh dưới nhiều hình thức khác nhau khi có điều

kiện, nhất là khi nhịp độ đổi mới chùng xuống hoặc thiếu các công cụ kiểm soát quyền lực phù hợp, mặc dù Đảng và Nhà nước thường xuyên nêu quyết tâm phải xóa bỏ cơ chế "xin cho" - cơ chế tạo kẽ hở cho một bộ phận cán bộ, công chức được giao cho chức năng thay mặt Nhà nước quản lý đất đai, cấp phát ngân sách, cấp duyệt dự án đầu tư, khai thác tài nguyên, khoáng sản,... đã lợi dụng "biến công vi tư" để trục lợi. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã chỉ ra các biểu hiện của nó là "...đầu tư công tràn lan, hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả; mua sắm, sử dụng tài sản công vượt quy định; chi tiêu công quỹ tùy tiện, vô nguyên tắc"[1]. Cơ chế "xin cho" để lại lổ hổng lớn trong phân bổ nguồn lực công dễ bị lợi dụng để phục vụ cho lợi ích nhóm, gây nên tình trạng bất bình đẳng trong xã hội, đẩy thiệt hại về phía Nhà nước và người dân. Nó không ràng buộc trách nhiệm của người "cho", còn kẻ "xin" thì "mạnh ai nấy chạy", nên nguồn lực đầu tư không tính đến hiệu quả, dẫn tới đầu tư phân tán, lãng phí, thất thoát. Nó tạo môi trường cho những cán bộ, công chức kém phẩm chất tham nhũng, tư túng - những biểu hiện của suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Hiện nay, một trong những lĩnh vực được Nhà nước "ưu đãi", "bao cấp" là các đơn vị sự nghiệp công với số lượng lớn, tồn tại ở nhiều cấp độ và dưới các hình thức khác nhau. Đó là bao cấp về tiền lương, bao cấp về giá các loại dịch vụ, bao cấp về biên chế và nhân sự, bao cấp về đầu tư xây dựng cơ bản, bao cấp phương án tổ chức quản lý, bao cấp về điều kiện tổ chức cung ứng hàng hóa và dịch vụ... Sự *bao cấp nhiều mặt*

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII* (lưu hành nội bộ), *Sđd,* tr. 31.

nêu trên là bất cập nhất, chẳng những đẩy các đơn vị sự nghiệp công tiếp tục ỷ lại, thiếu động lực đổi mới và sáng tạo. Đây là một trong những môi trường nuôi dưỡng tiêu cực, lãng phí và các biểu hiện suy thoái khác. Mặt khác, do phải dồn nhiều khoản tài chính ngân sách để "bao cấp" cho các đơn vị sự nghiệp công nên đã góp phần làm Nhà nước thiếu điều kiện tập trung nguồn lực để đầu tư cho phát triển, làm hạn chế đến tốc độ tăng trưởng kinh tế và khả năng bảo đảm an sinh xã hội.

Hai là, cơ chế quản lý nhà nước chậm đổi mới, chức năng cung ứng dịch vụ công và chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh chưa tách bạch rõ ràng với chức năng quản lý nhà nước; Nhà nước vừa là cơ quan quản lý, đồng thời lại là chủ thể cung ứng dịch vụ công. Về nguyên tắc, vai trò chính của Nhà nước là hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, xây dựng cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý và kiểm tra, giám sát. Vì vừa thực hiện chức năng quản lý nhà nước, vừa thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ công nên các cơ quan quản lý nhà nước thường tập trung nhiều hơn cho cung ứng dịch vụ công mà thiếu tập trung cho chức năng quản lý nhà nước. Hiện nay, Nhà nước vừa là cơ quan hoạch định chính sách, vừa là cơ quan điều tiết, quản lý thị trường, vừa là chủ thể quyết định đầu tư, kinh doanh phần vốn Nhà nước đóng vai trò sở hữu. Do Nhà nước đồng thời đóng cả hai vai theo kiểu "2 trong 1" nên việc cân đối và đầu tư nguồn lực cho từng chức năng bị san sẻ. Sự mất cân đối, chồng chéo, "vừa đá bóng, vừa thổi còi" như vậy là lỗ hổng lớn, là môi trường thuận lợi làm nảy sinh những bất cập như tình trạng cửa quyền, thủ tục hành chính vòng vèo, rườm rà, gây mệt mỏi cho người dân và doanh nghiệp khi tiếp cận dịch vụ công.

Trong khi quản lý dịch vụ công và quản lý sản xuất, kinh doanh được quan tâm thì việc đầu tư cho chức năng quản lý nhà nước bị hạn chế, *thiếu những đột phá* cho sự phát triển. Do phải phân tán nguồn lực cho chức năng cung ứng dịch vụ công và quản lý sản xuất, kinh doanh nên việc triển khai *chức năng quản lý nhà nước* lại bị hạn chế, thậm chí bị buông lỏng, thực hiện không có hiệu quả - mặc dù đây là chức năng *quan trọng của Nhà nước.* Việc cung ứng dịch vụ công và quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh được thực hiện bởi chính cơ quan ban hành chính sách nên thiếu minh bạch và khó kiểm soát, gây bất lợi cho người dân và doanh nghiệp không có quan hệ thân quen với bộ máy công quyền. Đây là rào cản cho môi trường đầu tư kinh doanh, tạo thêm gánh nặng cho doanh nghiệp bởi phát sinh các "chi phí trung gian", từ đó ảnh hưởng đến sức cạnh tranh doanh nghiệp, gây tổn thương tình cảm và niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Một tỷ lệ lớn doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ, hoặc lãi thật lỗ giả, hoặc bị cá nhân "rút ruột" dưới nhiều hình thức tinh vi mà không có chủ thể chịu trách nhiệm rõ ràng, gây thất thoát tài sản nhà nước và bất bình trong Nhân dân.

Ba là, cơ chế kiểm soát thực thi quyền lực không rõ ràng, nhất là giữa thẩm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu; việc xác định trách nhiệm cá nhân rất khó khăn. Thực tế cho thấy, quyền mà Nhà nước giao cho một số cá nhân rất lớn nhưng chưa có các chế tài để kiểm soát, giám sát quyền lực một cách phù hợp; chưa có biện pháp để truy cứu trách nhiệm một cách tương ứng; chưa có "lồng cơ chế" để nhốt quyền lực. Trong khi đó trách nhiệm cá nhân lại rất mờ nhạt nếu gây ra hậu quả nghiêm trọng.

Quy chế kiểm soát quyền lực còn nhiều bất cập, chủ thể chịu trách nhiệm kiểm soát thực thi quyền lực chưa rõ ràng, còn chồng chéo giữa một số cơ quan chức năng; việc kiểm soát giữa tổ chức với cá nhân, giữa tổ chức này với tổ chức khác, giữa tự kiểm soát bên trong và kiểm soát từ bên ngoài, giữa kiểm soát trên xuống và kiểm soát từ dưới lên thiếu sự đồng bộ và chưa thật sự hiệu quả. Đùn đẩy trách nhiệm sai lầm về phía tập thể là hiện tượng khá phổ biến. Nhiều vụ việc làm thất thoát tài sản công, gây hậu quả nghiêm trọng nhưng khó truy cứu được trách nhiệm cá nhân.

Bốn là, hoạch định và tổ chức thực thi chính sách còn nhiều bất cập, tạo kẽ hở cho nảy sinh tiêu cực, tham nhũng, nhất là "lợi ích nhóm". Hoạch định chính sách chưa bám sát tình hình, chưa thật sự khoa học và chuyên nghiệp, chưa có sự tham gia tích cực của các chủ thể được điều chỉnh. Có không ít chính sách chưa sát với thực tế, không phù hợp, rất khó đi vào cuộc sống nên không tạo được động lực mới cho phát triển. Quy trình xây dựng chính sách, từ chuẩn bị các yếu tố "đầu vào" một cách chuẩn xác, cân bằng quyền lợi của các nhóm lợi ích trong xã hội, thảo luận dân chủ và phản biện xã hội đối với chính sách..., đến xác định "đầu ra" với địa chỉ rõ ràng và trách nhiệm cụ thể còn bất cập, thiếu chuyên nghiệp, có lúc, có nơi còn bị chi phối bởi "lợi ích nhóm".

"Lợi ích nhóm" trong hoạch định chính sách là một *biểu hiện rất đáng lo ngại, diễn ra tinh vi, khó nhận diện,* phải hết sức đề phòng, cảnh giác. Bản chất của nó là sự cấu kết giữa những người hoạch định chính sách với các nhóm thân hữu đang vận hành trên thị trường để mưu cầu lợi ích riêng. Đặc biệt là, chính sách thường bị "bẻ lái", "uốn cong" ở các khâu cụ thể hóa thành quy định cá biệt, hướng dẫn, giấy

phép con..., nhất là trong khâu huy động và phân bổ nguồn lực. Việc phản biện chính sách chưa chuyên nghiệp nên ít tranh thủ được ý kiến của các nhà khoa học, hiệp hội ngành nghề và nhân dân để tối đa hóa lợi ích công ở ngay từ khâu dự thảo chính sách.

Năm là, thiếu cơ chế để tạo sự cạnh tranh trong công tác cán bộ; chính sách tiền lương, nhà ở, khen thưởng,... chưa tạo được động lực để thu hút, trọng dụng người tài, người có tâm huyết và đào thải những người yếu kém về năng lực, phẩm chất, đạo đức. Công tác cán bộ nhiều năm qua vẫn còn những mặt hạn chế, yếu kém. Đội ngũ cán bộ trong các cơ quan Đảng và Nhà nước vừa thừa lại vừa thiếu; thừa những cán bộ không đủ trình độ, năng lực, uy tín giảm sút; thiếu những chuyên gia giỏi, những người có khả năng tham mưu, đề xuất và trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể. Tình trạng này là do thiếu các cơ chế để tạo động lực phấn đấu, thiếu sự cạnh tranh, thiếu các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá cán bộ phù hợp, thiếu sự luân chuyển và thải loại cán bộ hợp lý, chưa có chính sách trọng dụng nhân tài sát với thực tế, chế độ đãi ngộ còn mang tính "cào bằng" ...

Cải cách tiền lương còn lúng túng; tiền lương chưa thực sự trở thành thu nhập chính của cán bộ, công chức; đầu tư cho tiền lương chưa trở thành đầu tư cho phát triển; chưa gắn được trách nhiệm, tâm huyết, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức với công việc được giao. Chính sách nhà ở còn bất cập khiến cán bộ, công chức phải tìm mọi cách "cải thiện" thu nhập ngoài lương trong thực thi công vụ để có điều kiện chi trả cho các khoản phí thuê hoặc mua nhà theo giá thị trường đắt đỏ dẫn tới tiêu cực, sách nhiễu, tham nhũng.

Bất cập của cơ chế, chính sách vừa làm biến dạng bản chất của chính sách công, vừa làm méo mó quy luật kinh tế thị trường. Biến dạng của chính sách công thể hiện ở chính sách bị "uốn" cong, được "vận dụng", "linh hoạt" bằng những cơ chế tinh vi hướng vào các lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm, tạo nên tình trạng bất cân xứng giữa các nhóm xã hội khi tiếp cận nguồn lực công. Sự méo mó của quy luật kinh tế thị trường thể hiện ở nhiều loại phí dịch vụ chưa chuyển thành giá và tính đúng, tính đủ theo giá thị trường; định giá khi cổ phần hóa chưa theo quy luật thị trường, bị chi phối bởi lợi ích nhóm, từ đó một phần tài sản nhà nước chuyển vào tay tư nhân trong quá trình cổ phần hóa; hợp tác công tư chưa minh bạch; cơ chế cạnh tranh và chống độc quyền chưa hoàn thiện. Cơ chế ấy đã tạo ra một nhóm cán bộ, công chức không thật sự đứng về phía lợi ích nhà nước, lợi ích nhân dân để xử lý công việc mà vì lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm. Bất cập của cơ chế, chính sách là cơ hội cho tham nhũng, làm giàu bất chính, ức hiếp nhân dân, tạo nên tình trạng bất công ngay trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, xa hơn nữa là sự bất công trong xã hội, gây bất bình đối với nhân dân. Nó làm cho nguồn lực công bị phân tán, các công trình đầu tư công bị kéo dài, lãng phí, hiệu quả, hiệu suất đầu tư thấp, ảnh hưởng đến phát triển chung của đất nước. Có được nguồn tiền do tham nhũng, lợi dụng kẽ hở cơ chế mà không do lao động chân chính tạo ra, cũng dễ đẩy tới lối sống hưởng lạc, sa đọa, tạo nên kiểu "đẳng cấp đặc quyền" trong xã hội, đứng trên và cách biệt với đời sống nhân dân. Các hành vi ấy đều là biểu hiện của sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, nếu không bị ngăn chặn, tất yếu sẽ dẫn tới "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", đi ngược lại lợi ích của Đảng, của dân tộc, của nhân dân.

Khi đánh giá nguyên nhân về phương diện cơ chế, chính sách, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã chỉ rõ: "Việc nghiên cứu, sửa đổi, ban hành cơ chế, chính sách, luật pháp thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa kịp thời. Cơ chế kiểm soát quyền lực chậm được hoàn thiện, còn nhiều sơ hở. Thiếu cơ chế để xử lý, thay thế kịp thời những cán bộ lãnh đạo, quản lý yếu về năng lực, giảm sút uy tín, trì trệ trong công tác... Một số cơ chế, chính sách trong đề bạt, bổ nhiệm cán bộ chưa công bằng; chính sách tiền lương, nhà ở chưa tạo được động lực cống hiến cho cán bộ, công chức"[1]. Vì thế, việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách có vai trò rất quan trọng trong phòng ngừa, ngăn chặn sự suy thoái trên các mặt, ở các tầng lớp nhân dân, trong các ngành, các cấp và trong toàn xã hội.

Nói đến chống suy thoái là nói tới các biện pháp tác động đến cả tư duy, nhận thức và các hành vi cụ thể. Các biện pháp giáo dục chính trị tư tưởng, tự phê bình và phê bình có tác dụng trực tiếp trong nâng cao lập trường tư tưởng, đạo đức, lối sống. Mặt khác, một khi cơ chế, chính sách hoàn thiện; việc thực thi quyền lực của cán bộ, công chức được kiểm soát; thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân rõ ràng... sẽ giúp cho phê bình và tự phê bình có địa chỉ cụ thể; tạo cơ sở cho nhận diện các sai phạm để xử lý đúng người, đúng việc, đúng thẩm quyền và trách nhiệm. Cơ chế, chính sách rõ ràng, minh bạch cũng tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, giám sát và phản biện xã

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, *Sđd,* tr. 27.

hội, giúp ngăn ngừa suy thoái, biến chất cả về tư tưởng và hành vi.

2. Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách góp phần quan trọng vào xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" nội bộ

Xuất phát từ vai trò của cơ chế, chính sách tác động tới nhận thức và hành vi của tổ chức và cá nhân; từ sự bất cập của cơ chế, chính sách trong giai đoạn chuyển đổi mà tàn dư của cái cũ còn ảnh hưởng nặng nề và cái mới đang định hình chưa đầy đủ; từ mối quan hệ giữa đổi mới cơ chế, chính sách với thực hiện các giải pháp tổng thể; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã xác định đổi mới cơ chế, chính sách là một trong những nhóm giải pháp quan trọng nhằm tạo sự chuyển biến rõ rệt trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Thứ nhất, tập trung xây dựng "lồng cơ chế, pháp luật" để "nhốt quyền lực" một cách hiệu quả theo nguyên tắc: quyền hạn đến đâu trách nhiệm đến đó, phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm tập thể, cá nhân trong từng công đoạn giải quyết công việc và có chế tài xử lý nghiêm những hành vi vi phạm để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái và các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Trước mắt, rà soát hệ thống các văn bản luật liên quan đến thẩm quyền, trách nhiệm, chế tài xử lý vi phạm của các cơ quan nhà nước và người có chức, có quyền (cả đương chức và nghỉ hưu) để kiểm soát quyền lực. Xây dựng cơ chế theo hướng *tăng tính tự chủ, phân cấp, phân quyền*, làm rõ trách nhiệm Trung ương và địa phương, tập thể và cá nhân, quản lý ngành và lãnh thổ, quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh và cung

ứng dịch vụ công,... để góp phần xóa bỏ tiêu cực phát sinh từ cơ chế "xin - cho". Bảo đảm nguyên tắc có quyền thì phải có trách nhiệm, dùng quyền thì phải chịu trách nhiệm, lạm quyền thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm.

Việc phân cấp, phân quyền giúp tăng tính chủ động và nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu các cấp nhưng cũng đồng nghĩa với khả năng xảy ra lạm quyền, lộng quyền, vượt quyền. Vì thế, việc kiểm soát quyền lực phải được đẩy mạnh, làm thường xuyên ở các cấp, các ngành, cả ở Trung ương và địa phương với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, trong đó huy động sự tham gia tích cực của báo chí, công luận và người dân. Kiểm soát quyền lực giúp cho quyền lực công được thực thi một cách đầy đủ, minh bạch, đúng mục tiêu, tính chất và hiệu quả, ngăn ngừa các biểu hiện tha hóa quyền lực. Trao thẩm quyền cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc quyết định tạm đình chỉ công tác đối với những cán bộ thuộc quyền khi có dấu hiệu vi phạm hoặc trì trệ, không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

Không hệ thống quản lý nào không có nguy cơ mắc phải sai lầm, nhưng tính ưu việt của một hệ thống quản lý này so với hệ thống quản lý khác là ở chỗ khi sai lầm mới xuất hiện phải được kịp thời phát hiện, ngăn chặn, không để gây hậu quả. Kiểm soát quyền lực có vai trò phát hiện, ngăn chặn sai lầm khi còn mới ở dạng khả năng hoặc chớm nhen nhóm. Trong điều kiện hiện nay, cần giám sát, kiểm soát chặt chẽ các quy định về quyền, trách nhiệm thực thi quyền lực trên thực tế.

Việc hoàn thiện cơ chế *kiểm soát quyền lực* được thực hiện bằng: kiểm soát "dọc" và kiểm soát "ngang"; kiểm soát nội bộ và kiểm soát từ bên ngoài; kiểm soát của tổ chức đối

với tổ chức và kiểm soát của tập thể đối với cá nhân; tự kiểm soát của mỗi người (bằng rèn luyện đạo đức, tự phê bình và phê bình) kết hợp với kiểm soát của tổ chức. Cơ bản là đặt mọi hoạt động của tổ chức và cá nhân trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, "nhốt quyền lực" trong "lồng cơ chế, pháp luật"; thực hiện có nền nếp và nâng cao hiệu quả tự phê bình và phê bình; tăng cường vai trò và thẩm quyền của ủy ban kiểm tra các cấp trong kiểm tra, giám sát thực hiện Điều lệ Đảng và các quy chế, quy định của Đảng; nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, điều tra, xét xử, công tố của các cơ quan bảo vệ pháp luật; nâng cao chất lượng giám sát tối cao của Quốc hội và giám sát của hội đồng nhân dân các cấp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; coi trọng giám sát của dư luận và phê bình trực tiếp của nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Hội nghị Trung ương 4 khóa XII yêu cầu: Đối với các vụ vi phạm trong thực thi quyền lực gây bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, cần tập trung chỉ đạo xử lý dứt điểm. Đặc biệt sớm điều tra, truy tố, xét xử các vụ án được dư luận quan tâm nhằm củng cố niềm tin của Nhân dân và công lý, tạo ra khả năng răn đe, cảnh tỉnh đối với những người cố tình lợi dụng chức vụ để vi phạm pháp luật, tham nhũng. Để giải tỏa những bức xúc của dư luận xã hội và Nhân dân về việc bổ nhiệm, đề bạt cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng phải rà soát ngay công tác cán bộ, quy trình bổ nhiệm cán bộ, nhất là trường hợp người nhà, người thân của cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp có nhiều dư luận.

Thứ hai, rà soát, hoàn thiện các quy định, văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, điều hành bảo đảm công khai,

minh bạch, hạn chế môi trường cho tham nhũng, quan liêu, cửa quyền, lợi ích nhóm. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã chỉ rõ những lĩnh vực cần đặc biệt quan tâm và tập trung chỉ đạo quyết liệt để đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý, điều hành để ngăn chặn, đẩy lùi tiêu cực, tham nhũng là: phân bổ, cấp phát và sử dụng ngân sách, tài sản công, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; quản lý vốn đầu tư của Nhà nước; quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản; quản lý tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan; phân bổ, quản lý và sử dụng biên chế.

Để ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng, cần chuyển đổi các chính sách điều tiết, phân cấp và sử dụng ngân sách từ chỗ dựa trên chỉ tiêu biên chế, dân số, trình độ phát triển, đơn vị hành chính... như hiện nay sang dựa trên tiêu chí hiệu quả. Cấp phát ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công chuyển từ dựa trên chỉ tiêu biên chế sang dựa vào hiệu quả và sức cạnh tranh. Xây dựng cơ chế để chuyển một bộ phận đơn vị sự nghiệp công sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp công ích, chuyển phí thành giá dịch vụ, thực hiện cổ phần hóa. Định giá trong cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước dựa vào giá trị cổ phiếu niêm yết công khai trên thị trường chứng khoán. Thực hiện nghiêm túc Luật đầu tư công; tổ chức giám sát, kiểm tra nghiêm túc hoạt động đấu thầu; bảo đảm quyền bình đẳng giữa các chủ thể kinh tế khi tiếp cận các dự án sử dụng tài chính công.

Chính sách về quản lý tài chính, tài nguyên đổi mới theo hướng kiểm soát chặt chẽ, công khai, minh bạch, có sự giám sát của các cơ quan chức năng, doanh nghiệp và người dân. Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan... đi liền với chống tiêu cực, trốn thuế, gian lận thương

mại. Đổi mới, quản lý chặt chẽ lĩnh vực khai thác tài nguyên, khoáng sản, đất đai, đặc biệt là thực hiện nghiêm việc tối thiểu hóa khai thác tài nguyên thô, tạo cơ chế minh bạch cho mọi chủ thể tham gia trên thị trường vốn, lao động, dịch vụ thông qua cơ chế đấu thầu công khai, minh bạch, chịu sự giám sát của các cơ quan chức năng và dư luận xã hội.

Ủy quyền cho tư nhân hoặc mở rộng *hợp tác công tư* bằng nhiều hình thức đa dạng như: *đầu tư tư - sử dụng công, đầu tư công - quản lý tư, lãnh đạo công - quản trị tư, chi phí công - kiểm soát công - cung ứng tư...* Minh bạch hóa toàn bộ cách tính toán các hạng mục, chỉ tiêu, quá trình đàm phán hợp đồng đối tác công tư; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước và tư nhân; khắc phục tiêu cực trong xây dựng hợp đồng đối tác công tư nhằm tránh đẩy phần thua thiệt về phía Nhà nước để giành lấy lợi ích riêng.

Thứ ba, kiên quyết thực hiện đúng mục tiêu, có hiệu quả việc sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế gắn với cải cách chế độ công vụ, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đổi mới chính sách tiền lương, nhà ở. Sắp xếp, tinh giản bộ máy, biên chế theo hướng nhất thể hóa những đầu mối trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ được phân tán ở những cơ quan khác nhau của hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17-4-2015, của Ban Chấp hành Trung ương "Về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức". Triển khai việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế trước mắt tập trung vào một số "điểm nghẽn" lớn như giáo dục - đào tạo, y tế và chính quyền cấp xã (chi cho ba đối tượng này chiếm tới gần 70% chi tiêu thường xuyên hằng năm của quốc gia) và nghiên cứu, xem xét khả năng nhất thể hóa một số đầu mối song trùng về

chức năng, nhiệm vụ. Chỉ có giảm được biên chế và tinh gọn bộ máy thì mới có điều kiện mở rộng quy mô quỹ lương để phục vụ cho cải cách tiền lương. Tinh giản biên chế theo hướng gắn với xây dựng vị trí việc làm, khung năng lực, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức ... để làm căn cứ xác định số lượng biên chế, yêu cầu về chất lượng cán bộ, công chức, đồng thời đổi mới nội dung, phương pháp quản lý cán bộ, công chức. Trên cơ sở đó sàng lọc, có thể đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ kém năng lực và phẩm chất, thoái hóa, biến chất; tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, thay thế, cho từ chức đối với cán bộ làm việc kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, tín nhiệm thấp mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác. Điều đó sẽ góp phần khắc phục tình trạng có những cán bộ không đáp ứng được yêu cầu nhưng không tìm được biện pháp xử lý. Xây dựng quy định và tiến tới hình thành "văn hóa" từ chức trong cán bộ lãnh đạo, quản lý trước những sai phạm hoặc không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ. Xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, minh bạch, hiệu quả.

Chuyển mạnh sang tổ chức thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý một cách công khai, minh bạch để thật sự lựa chọn được người tài, xóa bỏ các lãnh địa cho "chạy chức", "chạy biên chế", "chạy việc", "chạy thi cử". Có giải pháp nhằm khỏa lấp những "lỗ hổng" trong công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ; đổi mới việc bố trí, sắp xếp những cán bộ phù hợp với năng lực, sở trường, yêu cầu, nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tế để khắc phục tình trạng kén chọn, so bì, không chấp hành sự phân công của tổ chức. Tăng cường hiệu quả công tác phòng, chống rửa tiền

thông qua kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc của tiền đầu tư cho các dự án, cho thực hiện hợp đồng đối tác công tư; chuyển mạnh từ thanh toán tiền mặt sang thanh toán không dùng tiền mặt để thuận lợi trong kiểm soát nguồn tiền, kiểm soát thu nhập cá nhân. Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý các dòng tài chính, các nguồn thu chi thông qua đầu tư hiện đại hóa hạ tầng thông tin, chính quyền điện tử, đô thị thông minh, công dân điện tử.

Chuyển từ chế độ biên chế hoặc hợp đồng dài hạn sang chế độ hợp đồng có thời hạn đối với đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công nhằm tăng tính cạnh tranh giữa người lao động với nhau và nâng cao trách nhiệm của người sử dụng lao động; thực hiện chủ trương đưa những người kém năng lực và phẩm hạnh ra khỏi bộ máy nhà nước đồng thời thu hút và trọng dụng nhân tài, khắc phục tình trạng "có vào không có ra".

Quan tâm xây dựng và thực hiện chính sách nhà ở nhằm tạo động lực cho cán bộ, công chức theo hướng nhiều chủ thể tham gia, hạn chế tối đa sử dụng ngân sách nhà nước. Lâu nay, nhà ở là vấn đề khó khăn nhất đối với cán bộ, công chức dưới góc độ tài chính, còn đối với nhà nước lại lúng túng về cơ chế, chính sách. Trước năm 1993, Nhà nước là chủ thể duy nhất "bao cấp" nhà ở cho cán bộ, công chức; còn sau đó xóa bao cấp bằng tính toán chế độ nhà ở trong tiền lương. Nhưng chính sách này luôn tụt hậu so với với diễn biến chóng mặt của giá cả thị trường bất động sản khi cải cách tiền lương chưa đạt được mục tiêu đề ra. Vì vậy, xây dựng chính sách nhà ở cho cán bộ, công chức với nhiều chủ thể tham gia là một bước tiến quan trọng để khắc phục các "điểm nghẽn" trong huy động và sử dụng nguồn lực đầu tư phát triển nhà ở

cho cán bộ, công chức, khắc phục cả hai khuynh hướng không phù hợp: chỉ trông chờ duy nhất vào nguồn lực của Nhà nước hoặc thả nổi vấn đề nhà ở của cán bộ, công chức và nhà ở xã hội cho thị trường. Chính sách nhà ở với nhiều chủ thể tham gia được thực hiện theo hướng: Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách; các cấp chính quyền địa phương quy hoạch đất đai, nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức; các địa phương, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tham gia định giá, phân loại, thực thi chính sách nhà ở công khai, minh bạch, công bằng; cán bộ, công chức, viên chức phải bỏ tiền ra mua hoặc thuê theo quy định của Nhà nước.

Thứ tư, đẩy mạnh xã hội hóa, tách hoạt động cung ứng dịch vụ công và hoạt động quản lý sản xuất, kinh doanh ra khỏi chức năng quản lý nhà nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, khắc phục tình trạng quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, tiêu cực của cán bộ, công chức. Xã hội hóa các dịch vụ công để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước một cách có hiệu quả. Đây là một giải pháp hữu hiệu để loại trừ tình trạng tham nhũng, tiêu cực, sách nhiễu đối với doanh nghiệp và người dân, đồng thời rút ngắn thời gian, tối ưu hóa quy trình giải quyết các thủ tục hành chính, tiết kiệm các nguồn lực của Nhà nước. Việc tách hoạt động đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước khỏi chức năng quản lý nhà nước của bộ chủ quản nhằm giúp các cơ quan quản lý nhà nước có điều kiện tập trung vào xây dựng quy hoạch, kế hoạch, hành lang pháp lý, hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật và kiểm tra thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, hạn chế tiêu cực phát sinh từ sự can thiệp của cơ quan hành chính nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tách hoạt động cung ứng dịch vụ hành chính công khỏi chức năng quản lý nhà nước bằng việc lập một đầu mối ở từng địa phương chịu trách nhiệm trước khách hàng về cung ứng các dịch vụ hành chính công, không chỉ tạo điều kiện nâng cao chất lượng dịch vụ, mà còn hạn chế cửa quyền, tham nhũng, có chủ thể chịu trách nhiệm rõ ràng đối với từng công đoạn lưu chuyển dịch vụ với quy trình kiểm soát chặt chẽ.

Hội nghị lần thứ tư Trung ương Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã yêu cầu: rà soát, phân loại những lĩnh vực không phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ để có lộ trình thoái vốn phù hợp. Việc thoái vốn, cổ phần hóa, chấn chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp quân đội và công an sản xuất kinh doanh thua lỗ, không phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phải bảo đảm tránh thiệt hại cho Nhà nước.

Thứ năm, đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng; rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các quy định nhằm tăng cường quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên. Cải cách hành chính trong Đảng tập trung vào việc cải cách thủ tục, cải cách quy trình xây dựng và ban hành các chỉ thị, nghị quyết, quy chế, chương trình, kế hoạch, đề án; kiện toàn tổ chức, sắp xếp các tổ chức đảng, hoàn thiện bộ máy các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; bổ sung, sửa đổi những quy định hành chính trong Đảng như quy trình công tác, lề lối làm việc,... cho phù hợp với tình hình hiện nay để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, tạo sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với Nhân dân.

Rà soát, bổ sung các quy định, quy chế nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng; khắc phục tình trạng không thống nhất giữa các quy định của Đảng và của Nhà nước, giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, khách quan, công khai, tổng thể, liên thông trong công tác cán bộ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thiện quy định quản lý cán bộ, đảng viên; chấm dứt tình trạng buông lỏng trong quản lý như hiện nay dẫn đến nhiều vụ việc tiêu cực, tham nhũng lớn của cán bộ, đảng viên nhưng các tổ chức đảng không phát hiện được; quản lý việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cán bộ, đảng viên thông qua đánh giá chất lượng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khi không hoàn thành nhiệm vụ phải xử lý kịp thời; tăng thẩm quyền và nâng cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu cấp ủy trong quản lý đảng viên; kết hợp quản lý của tổ chức đảng nơi công tác với quản lý đảng viên nơi cư trú...

Thứ sáu, hoàn thiện quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ; bảo đảm sự trong sạch về chính trị trong nội bộ, trước hết là cán bộ cấp chiến lược. Cùng với bảo vệ chính trị qua lý lịch đảng viên, cần phải chú trọng quản lý chính trị bản thân trong từng bước đi, trong suốt quá trình trưởng thành, trong từng giai đoạn và từng công việc cụ thể. Các tổ chức đảng phải nắm chắc diễn biến tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên và giải quyết tốt vấn đề chính trị hiện nay; chủ động phát hiện những dấu hiệu suy thoái để kịp thời có các biện pháp phù hợp, tránh để xảy ra tình trạng "chuyện đã rồi" vừa gây tổn hại đến tổ chức, vừa mất mát cán bộ.

Trong mối quan hệ giữa "phòng" và "chống" các biểu hiện suy thoái thì "phòng" phải được đặt lên hàng đầu trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ của các tổ chức đảng. Cần có các

biện pháp, phương thức phù hợp để ngăn chặn sự chuyển hóa từ trạng thái "suy thoái" sang trạng thái "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Công tác bảo vệ chính trị nội bộ phải hết sức chủ động, tiến hành từ xa, bảo vệ cả cán bộ, đảng viên ở trong nước cũng như số cán bộ, đảng viên đang công tác, học tập ở nước ngoài và ở các môi trường khác nhau. Trước mắt, rà soát, hoàn thiện quy định về quản lý số sinh viên, nghiên cứu sinh, lao động đang nghiên cứu, học tập và công tác ở nước ngoài để kịp thời phát hiện và chủ động có biện pháp ngăn chặn những trường hợp có khả năng bị lôi kéo, mua chuộc, bị tác động để "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; xử lý nghiêm các đối tượng chống đối, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị. Trong cuộc đấu tranh phòng, chống suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" cần phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, các phương tiện truyền thông và nhân dân, trong đó Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương đóng vai trò nòng cốt.

Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách phải được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với ba nhóm giải pháp còn lại được chỉ rõ trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, nhằm *tạo sự đột phá* trong ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" của một bộ phận cán bộ, đảng viên, xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, đủ năng lực lãnh đạo cách mạng và xứng đáng với mong đợi của các tầng lớp nhân dân.

TIÊU CHÍ VỀ ĐỔI MỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN, NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG VÀ "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC Ở VIỆT NAM

PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM*

1. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện cơ bản bảo đảm thành công sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Vì sao phải đổi mới sự lãnh đạo của Đảng?

Bất kỳ một thiết chế chính trị - pháp lý - xã hội nào muốn hoạt động có hiệu quả đều phải thường xuyên đổi mới để thích ứng hơn với điều kiện, hoàn cảnh xã hội. Đó là vấn đề mang tính quy luật.

Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, vấn đề đổi mới sự lãnh đạo, phương thức, nội dung lãnh đạo Nhà nước và xã hội lại càng có tầm quan trọng đặc biệt, có tính cấp thiết hơn bao giờ hết trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ

---

* Phó Giám đốc - Phó Tổng biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

nghĩa, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Vấn đề này xuất phát từ những đòi hỏi cấp bách, thường trực từ phía xã hội, Nhà nước, lợi ích Nhân dân, quốc gia, dân tộc và từ chính bản thân Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách là một đảng duy nhất cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng là yêu cầu cấp thiết đáp ứng nhiệm vụ xây dựng Chính phủ kiến tạo, vận hành tốt nền quản trị nhà nước ở nước ta hiện nay. Chính phủ kiến tạo phát triển là Chính phủ tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sự phát triển. Chính phủ kiến tạo phát triển không làm thay dân, mà tạo khuôn khổ thể chế và mọi điều kiện cần thiết khác để từng người dân có thể làm ăn dễ dàng, có thể vươn lên thực hiện các ước mơ, hoài bão của mình[1].

Trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ nhiệm kỳ 2016-2021[2], Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã định hướng phương thức chỉ đạo, điều hành của Chính phủ là "phải chuyển từ phương thức mệnh lệnh hành chính sang Chính phủ kiến tạo, phục vụ; quyết tâm xây dựng một Chính phủ liêm chính, minh bạch, hiệu quả; nói không với tham nhũng, tiêu cực, lãng phí".

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu khách quan đã được kiểm nghiệm trong quá trình cách mạng. Song, điều kiện xã hội đã thay đổi căn bản trên mọi

---

1. Chính phủ kiến tạo phát triển không làm thay dân, http://baobacgiang.com.vn/bg/chinh-tri/169416/chinh-phu-kien-tao-khong-lam-thay-dan-ma-giup-dan-muu-cau-hanh-phuc.html

2. Phiên họp thường kỳ tháng 4-2016, ngày 4 và 5-5-2016.

phương diện kinh tế, văn hóa, con người. Những cách thức quản lý của Nhà nước, xã hội trong thời chiến, thời bao cấp, những năm đầu đổi mới đã không còn phù hợp. Do vậy, yêu cầu đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội là một tất yếu khách quan nhằm bảo đảm thắng lợi công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trong thời đại mới.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: Đảng ta là đạo đức, là văn minh. Đó là lịch sử. Song, trong giai đoạn cách mạng mới, không chỉ sống bằng quá khứ của ngày hôm qua. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: "một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân"[1].

Đảng đã đề xướng đường lối đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng pháp luật, và đặc biệt là chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung, ban hành Hiến pháp năm 2013. Để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh hội nhập quốc tế vì sự phát triển đất nước, vì lợi ích nhân dân thì điều tất yếu khách quan có tính chất then chốt là phải đổi mới mạnh mẽ, toàn diện sự lãnh đạo của Đảng. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng còn là điều kiện đặc biệt quan trọng trong việc tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cũng đòi hỏi phải đổi mới hệ thống chính trị. Đổi mới hệ thống chính trị là yêu cầu cấp thiết đặt ra trong quá trình xây dựng

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t.15, tr. 672.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, như phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 6 khóa XII của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: "Ban Chấp hành Trung ương đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề này và yêu cầu trong thời gian tới, toàn hệ thống chính trị phải chủ động, tích cực vào cuộc, coi đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là một nhiệm vụ cơ bản và cấp bách, có ý nghĩa quan trọng hàng đầu, được đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới hệ thống chính trị đồng bộ với đổi mới kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"[1]. Trước hết, phải đổi mới tổ chức và hoạt động của Đảng, nâng cao vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Tổ chức chính trị - xã hội là nơi triển khai thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, cùng với sự đổi mới hệ thống tổ chức của Nhà nước ở Trung ương và chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội phải có những bước đổi mới về cơ cấu tổ chức, hình thức hoạt động để góp phần vào việc xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng có thể khẳng định là điều kiện tiên quyết, căn bản bảo đảm thành công của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.240-241.

Điều đó vừa khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, vừa khẳng định trách nhiệm của Đảng trong việc bảo đảm sự tuân thủ Hiến pháp, pháp luật. Đồng thời, khẳng định Đảng phải thực sự đổi mới phương thức, nội dung lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Trong đời sống thường nhật, sự can thiệp, bao biện, làm thay, áp đặt từ phía các tổ chức đảng, cá nhân đảng viên, sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sẽ làm tổn hại đến uy tín của Đảng, làm sa sút niềm tin, sự hài lòng của người dân đối với Đảng, Nhà nước và pháp luật. Cho nên, không thể một chiều nói đến việc giáo dục ý thức pháp luật cho người dân, xử lý nghiêm minh sự vi phạm pháp luật mà bỏ qua hay coi nhẹ công việc này đối với các cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên. Nói rộng ra, công cuộc cải cách pháp luật, cải cách tư pháp, cải cách hành chính chỉ có thể thực hiện tốt khi tiến hành song song với sự đổi mới mạnh mẽ nội dung lãnh đạo của Đảng so với trước đây.

Bối cảnh mới của đất nước, sự tác động mạnh mẽ của đời sống chính trị - pháp lý trên thế giới đã và đang đặt ra nhiều thách thức. Những yêu cầu mang tính nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã và đang đặt ra như là những thách thức đối với sự lãnh đạo, uy tín và cả sự tồn vong của Đảng với tư cách là một đảng duy nhất cầm quyền. Một vấn đề mang tính tất yếu khách quan giữa sự lãnh đạo của Đảng và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: Đó là "Sự lãnh đạo của Đảng phải tuân theo những quy luật hình thành, phát triển và hoàn thiện của Nhà nước pháp quyền. Bất cứ ở đâu, lúc nào nếu xa rời những yêu cầu khách

quan được đặt ra từ các quy luật này đều khó có thể đạt được mục tiêu đề ra”[1].

b) Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện cơ bản bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, thực hiện quyền lực nhân dân, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Sự lãnh đạo của Đảng đã được cả dân tộc thừa nhận, khẳng định trong quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng. Nhưng trong bối cảnh mới với muôn vàn thách thức, sự lãnh đạo của Đảng cả về nội dung và phương thức cần phải được đổi mới mạnh mẽ. Các tổ chức đảng cần phải làm đúng chức năng lãnh đạo của mình, chứ không bao biện, làm thay hay can thiệp, áp đặt đối với các cơ quan nhà nước. Các đảng viên của Đảng phải gương mẫu trong việc tôn trọng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật cả trong cuộc sống đời thường và cả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với các thiết chế nhà nước và xã hội.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng có tầm quan trọng đặc biệt trong việc phát huy vai trò, uy tín, củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, chính quyền và pháp luật. Thực tế cho thấy, sự vi phạm pháp luật từ phía cán bộ, đảng viên, sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất

---

1. Hà Hùng Cường: “Hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”, Báo điện tử *Thông tin pháp luật dân sự,* ngày 26-2-2009, http://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2009/02/26/2393/

là những người có chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước đã có ảnh hưởng tiêu cực đối với người dân.

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nói đến sự lãnh đạo của Đảng là phải nói đến cả vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng và các đảng viên. Trong nội dung tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, cần phải nhấn mạnh hơn đến phương diện tăng cường trách nhiệm của Đảng đối với mọi chủ trương, quyết sách mà Đảng ban hành đối với hoạt động của Nhà nước. Có như vậy, sự tín nhiệm của Nhân dân, dân tộc đối với Đảng mới được giữ gìn và phát huy trong bối cảnh mới.

c) Nhận thức và thực hành đúng đắn nguyên tắc thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật

Đây là một trong những nguyên tắc cốt lõi, nội dung cơ bản của đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, là điều kiện hàng đầu để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Đó cũng là một giải pháp quan trọng để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Nhận thức và thực hành đúng đắn nguyên tắc thượng tôn Hiến pháp, pháp luật của các tổ chức đảng, các đảng viên là một trong những điều kiện quan trọng bảo đảm việc tạo dựng, củng cố niềm tin của người dân vào sự lãnh đạo của Đảng, niềm tin vào Nhà nước và pháp luật, ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên

chức. Đảng lãnh đạo Nhà nước; Nhà nước xây dựng, ban hành pháp luật; pháp luật là một trong những công cụ kiểm soát Nhà nước; các tổ chức, đảng viên phải tôn trọng, tuân thủ pháp luật kể cả trong việc Đảng lãnh đạo, đề ra nghị quyết đối với Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Đây là điều rất khó, cần phải có quyết tâm chính trị cao, bởi lẽ, trong thực tiễn, nhiều tổ chức đảng khi thực hiện vai trò "lãnh đạo" của mình thường can thiệp, thậm chí áp đặt vào công việc thuộc thẩm quyền luật định đối với các cấp chính quyền. Hiện tượng này còn được thể hiện trong công tác lãnh đạo việc xử lý, xét xử người vi phạm pháp luật là các đảng viên. Nói cách khác, đây là một trong những biểu hiện của sự đồng nhất giữa vai trò lãnh đạo của Đảng và thẩm quyền quản lý bằng pháp luật của Nhà nước.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng lại càng trở nên cấp bách khi mà Hiến pháp năm 2013 đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 1-1-2014, trong đó hiến định sự lãnh đạo, trách nhiệm của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Điều 4 Hiến pháp mới đã quy định : "1. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. 2. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình. 3. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật".

2. Những tiêu chí cơ bản về đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Đổi mới là cần thiết, song cần phải được thực hiện trên cơ sở nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, nội dung của đổi mới sự lãnh đạo của Đảng nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Xuất phát từ đòi hỏi của tình hình mới và nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng cần được thực hiện, đánh giá theo các tiêu chí cơ bản dưới đây.

a) Tôn trọng, tuân thủ nguyên tắc thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp, pháp luật trong việc hoạch định đường lối và sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội

Từ tư duy, hành động Nhà nước đứng trên pháp luật, quản lý xã hội chủ yếu bằng chỉ thị, nghị quyết, mệnh lệnh kiểu thời chiến chuyển sang tư duy, nguyên tắc pháp quyền, thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, kiểm soát quyền lực nhà nước, bảo vệ, bảo đảm các quyền, lợi ích của con người là cả một thách thức, khó khăn. Các đảng viên trong tổ chức đảng, cán bộ, công chức, viên chức cũng là con người với tất cả những thuộc tính tự nhiên của con người, trong đó có sự chủ quan, tùy tiện, khi có điều kiện thuận lợi là dễ dàng lạm dụng chức vụ, quyền hạn, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Chính nguyên tắc của nhà nước pháp quyền "tính tối cao của luật, nguyên tắc thượng tôn pháp luật" đặt ra đối với sự lãnh đạo của Đảng, Đảng không thể ra mệnh lệnh áp đặt, trái pháp luật đối với Nhà nước. Mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội

không loại trừ một ai đều phải tuân thủ pháp luật và đặt mình dưới pháp luật.

Do vậy, tiêu chí, yêu cầu và cũng là điều kiện trước tiên đổi mới sự lãnh đạo của Đảng chính là ở tính đúng đắn, phù hợp tinh thần dân chủ, pháp quyền trong việc xây dựng đường lối, chính sách của Đảng, làm cơ sở cho tổ chức, hoạt động của Nhà nước và các tổ chức xã hội, đặc biệt là cơ sở cho việc Nhà nước xây dựng và thực thi pháp luật.

Ở đây có vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa pháp luật và chính trị. Theo đó, đã là Nhà nước pháp quyền thì Nhà nước và mọi chủ thể khác không có quyền đứng trên pháp luật. Pháp luật ở đây không còn là pháp luật được xây dựng, ban hành theo sự chủ quan của Nhà nước mà là bằng con đường dân chủ, bằng cơ chế dân chủ. Việc thực thi, áp dụng pháp luật do vậy cũng phải bảo đảm nguyên tắc này. Mọi sự vi phạm từ phía các tổ chức, cá nhân đảng viên phải được xem xét, xử lý theo quy trình, thủ tục và nội dung của pháp luật. Đó là điều không dễ dàng xét về mặt lịch sử truyền thống.

- Tính pháp quyền và quyền lực của pháp luật

Đây là một trong những nguyên tắc cốt lõi của Nhà nước pháp quyền, được biểu hiện ở sự tôn trọng, tuân thủ pháp luật của các tổ chức đảng trong công tác lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Tính pháp quyền *được biểu hiện ở quyền lực của pháp luật* được xác lập, tôn trọng và phục tùng. Đây cũng chính là yêu cầu thường trực: mọi chủ thể pháp luật, đặc biệt là chủ thể công quyền phải biết tự đặt mình dưới pháp luật. Pháp luật là cái "barie" ngăn chặn, hạn chế đến mức thấp nhất sự vi phạm các quy tắc pháp luật, các quyền, tự do của con người. Sự "chuyển giao" từ quyền lực của ý chí, của sức

mạnh độc đoán, chuyên quyền sang quyền lực của pháp luật là cả một cuộc cách mạng bởi nó gặp phải rất nhiều trở ngại, những mâu thuẫn "nhân thân" ngay trong chính Nhà nước, bởi họ là người có quyền đặt ra pháp luật, áp dụng pháp luật.

- *Tính pháp quyền trong hệ thống các tiêu chí xây dựng, đánh giá sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật*

Nhà nước pháp quyền là giá trị cơ bản của nhân loại cũng như dân chủ, nhân đạo, quyền con người, tự do, công bằng. Một hệ thống pháp luật đáp ứng các yêu cầu công bằng, nhân đạo, nhân văn, dân chủ, hài hòa các lợi ích, minh bạch, công khai, phù hợp đạo đức và tất cả vì con người. Pháp luật trong Nhà nước pháp quyền phải xác định cho các cá nhân, tổ chức một phạm vi tự do của hoạt động, phạm vi xác định không chỉ những hành vi cần thiết mà còn là những hành vi có thể. Một hệ thống pháp luật đúng, tốt sẽ là hệ thống pháp luật nêu được những phương án cho sự lựa chọn cách hành xử phù hợp quy luật, lợi ích cá nhân và trật tự xã hội. Để có thể thực hiện một cách tốt nhất mục tiêu cao cả đó, cần phải có một nhà nước có năng lực, hiệu quả và một xã hội dân chủ lành mạnh, phát triển[1].

Cần xây dựng, kiểm soát về *tính pháp quyền* trong mối quan hệ giữa Nhà nước và cá nhân, Nhân dân, giữa Nhà nước và Đảng Cộng sản là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt, là yêu cầu, là biểu hiện, hiện thân của Nhà nước pháp quyền mà chúng ta đang xây dựng. Đảng phải tự thường xuyên đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao trí tuệ, phẩm chất chính trị, đạo đức của cán bộ, đảng viên để xứng

---

1. Hoàng Thị Kim Quế: "Nhận diện Nhà nước pháp quyền", Tạp chí *Nghiên cứu lập pháp*, tháng 5-2004.

đáng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Lòng tin của Nhân dân đối với Đảng chính là thước đo uy tín và sức mạnh của Đảng. Sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam đòi hỏi sự đóng góp trí tuệ, công sức của toàn Đảng, toàn dân, toàn xã hội, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- *Tính minh bạch, công khai*

Nhà nước pháp quyền sẽ mất đi ý nghĩa của nó nếu thiếu sự minh bạch trong tổ chức, hoạt động của Nhà nước, trong xây dựng, thực hiện, áp dụng pháp luật. Điều đó đặt ra đối với các hoạt động lãnh đạo của Đảng (từ nghị quyết, chỉ thị, đến công tác cán bộ, bầu cử, khen thưởng, kiểm tra, xử lý kỷ luật cán bộ, v.v.) đều phải minh bạch, công khai, không áp đặt, bao biện, làm thay công việc quản lý của Nhà nước, bảo đảm tuân thủ pháp luật. Tính minh bạch cần phải được thể hiện trong chính sách, xây dựng, ban hành pháp luật và thực hiện pháp luật cũng như trong toàn bộ tổ chức, hoạt động của các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước. Đây là một trong những vấn đề khó khăn đối với các tổ chức đảng trong công việc lãnh đạo hoạt động nhà nước và khó khăn đối với chính bản thân các cơ quan nhà nước, cá nhân công quyền. Bởi một lôgíc là người đặt ra pháp luật, đặt ra chính sách thì thường có nguy cơ đặt mình ra ngoài pháp luật, nguy cơ lạm quyền.

- *Tính ổn định của quy trình đưa ra các quyết định chính trị và tính có thể quy trách nhiệm đối với các cá nhân công quyền* cũng là một đòi hỏi đặt ra đối với sự lãnh đạo của Đảng.

b) Sự lãnh đạo của Đảng phải đặt ra trong điều kiện thừa nhận, thực hành hai nguyên tắc pháp quyền: đối với cá nhân: "được làm tất cả những gì pháp luật không cấm"; đối với các cơ quan, công chức, viên chức nhà nước phải áp dụng nguyên tắc: "chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép"

Chế độ pháp quyền chỉ thực sự được thiết lập khi về cơ bản, hai nguyên tắc nêu trên được nhận thức, thực hành rộng rãi, tự nhiên trong đời sống xã hội. Chỉ khi nào Nhà nước, các thiết chế chính trị cầm quyền, mặc dù là người làm ra chính sách và pháp luật, nhưng không đứng trên pháp luật mà phải chịu ràng buộc bởi pháp luật, chịu trách nhiệm pháp lý trước Nhân dân, thì khi đó mới có chế độ pháp quyền[1].

Trong một chế độ pháp quyền, mọi tổ chức, cá nhân, trong đó có Đảng, Nhà nước, đều phải chịu sự ràng buộc của pháp luật, chịu trách nhiệm pháp lý về các quyết định và hành động của mình. Vì vậy, Điều 4 của Hiến pháp năm 2013 đã ghi rõ: "Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật".

Xây dựng Nhà nước pháp quyền không thể tách rời với đổi mới hệ thống chính trị. Đổi mới hệ thống chính trị là yêu cầu đặt ra trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trước hết, phải đổi mới tổ chức và hoạt động của Đảng, nâng cao vai trò, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

---

1. Xem Đào Trí Úc: *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

Nói đến sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội là nói đến một hệ thống các nguyên tắc, phương thức lãnh đạo của Đảng, trong đó chủ trương, đường lối của Đảng có tầm quan trọng số một, bởi trên cơ sở đó, Nhà nước thể chế hóa thành các quy định pháp luật, áp dụng vào cuộc sống. Một xã hội được tổ chức ở trình độ cao - xã hội pháp quyền, không thể thiếu được pháp luật và đạo đức. Do vậy, xây dựng cơ chế phản biện xã hội đối với các nghị quyết của các tổ chức đảng và các chính sách, pháp luật của Nhà nước sẽ là điều kiện thiết yếu bảo đảm cho sự lãnh đạo của một đảng duy nhất cầm quyền, bảo đảm cho đất nước phát triển bền vững.

Đó là tinh thần dân chủ, phù hợp với lý tưởng, trách nhiệm và năng lực thực tiễn của Đảng ta trong sự nghiệp lãnh đạo Nhà nước và xã hội, vì sự phồn vinh, hạnh phúc của Nhân dân và dân tộc. Vấn đề đặt ra là cần xem xét, chọn lọc, triển khai thực hiện cơ chế phản biện xã hội sao cho hợp lý, có hiệu quả.

Các quan điểm cơ bản về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được xác định trong đường lối của Đảng, từng bước được thể chế hóa, vận dụng trong công cuộc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước, hệ thống pháp luật; đổi mới hệ thống chính trị, thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội.

c) Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước phải thực hiện trên nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước có sự phân công rành mạch, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp

Đại hội XI của Đảng đã kế thừa quan điểm của Đại hội X và bổ sung, phát triển phù hợp với tình hình mới: "Nhà nước

ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp"[1]. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh: "Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị... Xây dựng Nhà nước pháp quyền phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp... Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa"[2].

d) Sự lãnh đạo của Đảng phải bảo đảm trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền, tự do của con người, công dân

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đã xác định: "Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013; gắn quyền với trách nhiệm, nghĩa vụ, đề cao đạo đức xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân"[3].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, *Sđd*, tr. 85.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr. 175, 169.

Chính yêu cầu này - trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền, tự do của con người đòi hỏi sự lãnh đạo của Đảng phải được đổi mới mạnh mẽ cả về nội dung và phương thức lãnh đạo. Ngay từ trong nghị quyết của các tổ chức đảng đã phải thể hiện sự quan tâm, trách nhiệm của Nhà nước về bảo vệ, bảo đảm, tôn trọng quyền con người vì sự tự do và phát triển của con người. Đó là nội dung cơ bản của sự đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, là điều kiện hàng đầu để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là một giải pháp quan trọng để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

đ) Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng phải đáp ứng tính đặc thù, khắc phục những nguy cơ sai lầm của một đảng duy nhất cầm quyền

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, Đảng có nhiều thuận lợi cơ bản, nhưng cũng có những nguy cơ tiềm ẩn, có thể làm mất vai trò lãnh đạo của Đảng bất cứ lúc nào. Sau khi trở thành đảng cầm quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm vạch rõ những suy thoái của một số cán bộ, đảng viên và cảnh báo hai nguy cơ đối với một đảng cầm quyền: *một là*, sai lầm về đường lối; *hai là*, sự suy thoái, biến chất của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội VII của Đảng thông qua (năm 1991), Đảng lại nhấn mạnh đến hai nguy cơ này và đến Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994), Đảng đã bổ sung và xác định 4 nguy cơ đối với cách mạng Việt Nam là:

+ Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, do điểm xuất phát thấp.

+ Nguy cơ sai lầm về đường lối, đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Nguy cơ về sự suy thoái, biến chất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và tệ nạn quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

+ Nguy cơ "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch.

Trong bốn nguy cơ đó, có hai nguy cơ bên trong rất nguy hại và nó chính là chỗ dựa để cho những nguy cơ từ bên ngoài tấn công vào Đảng. Cụ thể là:

Nguy cơ sai lầm về đường lối, đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa là nguy cơ có thể xảy ra bất cứ lúc nào, đặc biệt là khi có những biến động lớn ở trong nước cũng như trên thế giới và trong những bước ngoặt của cách mạng.

Nguy cơ về sự suy thoái, biến chất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và tệ nạn quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Đây là nguy cơ nguy hiểm nhất và có thể xảy ra bất cứ lúc nào, bởi vì, khi Đảng đã trở thành đảng cầm quyền, một bộ phận đáng kể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức sẽ trở thành những cán bộ có chức, có quyền trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở. Đây là điều kiện dễ làm cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thoái hóa, biến chất, chạy theo chức, quyền, danh, lợi, dẫn đến phai nhạt lý tưởng, tham nhũng, xa rời Nhân dân và dễ sa vào những tệ nạn mà khi Đảng chưa giành được chính quyền không có được.

Trong điều kiện mới, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, xa dân

diễn ra rất tinh vi, phức tạp và ngày càng trở nên nghiêm trọng. Sự suy thoái, biến chất không chỉ diễn ra riêng lẻ và đối với một số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, mà có nơi, có lúc đã trở thành số đông có tính chất tập thể, thậm chí có cả một tổ chức, một cấp uỷ và xảy ra đối với cả một số cán bộ có trình độ cao, có những người giữ chức vụ chủ chốt trong bộ máy của Đảng hoặc cơ quan quản lý của Nhà nước. Đây là nguy cơ "diễn biến bên trong" đặc biệt nguy hại không thể coi thường và đang là những thách thức lớn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của Nhân dân ta.

Vì vậy, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội XII của Đảng tiếp tục chỉ rõ những nguy cơ, thách thức đối với Đảng ta hiện nay là: "Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới, nguy cơ "diễn biến hòa bình" của thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí diễn biến phức tạp... làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng và Nhà nước"[1].

Có thể nói, hệ thống một Đảng Cộng sản lãnh đạo Nhà nước và xã hội ở nước ta hiện nay là điều kiện cơ bản "xây dựng đất nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh"[2]. Tuy nhiên, có những yếu tố khách

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr. 74.

2. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.4.

quan và chủ quan làm cho trong thực tiễn lãnh đạo của Đảng có lúc, có nơi không tránh khỏi những khuyết tật, hạn chế[1]. Những khuyết tật, hạn chế đó nhiều khi trở thành những vấn đề bức xúc, căng thẳng, hình thành các điểm nóng chính trị - xã hội ở một số nơi.

e) Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng phải khắc phục những hiện tượng và nguy cơ yếu kém, độc đoán, chuyên quyền

Đảng ta là đảng duy nhất cầm quyền, đó là tất yếu khách quan lịch sử, là sứ mệnh vẻ vang, trọng trách nặng nề của Đảng được Nhân dân giao phó. Điều đó thể hiện sức mạnh, uy tín của Đảng, tạo ra những điều kiện mới, những phương tiện mới, công cụ mới để Đảng thực hiện mục tiêu, lý tưởng. Nhưng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, ngày càng có nhiều thách thức mới, để giữ vững vị thế, uy tín trong lòng Nhân dân thì trách nhiệm đặt ra đối với Đảng lại càng nặng nề hơn bao giờ hết.

Với những thuận lợi và khó khăn đó, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, để trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền mà không trở thành chuyên quyền, độc đoán là vấn đề sống còn của Đảng, của chế độ ta. Là một đảng cầm quyền, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, Đảng phải lo từ việc lớn đến việc nhỏ, đến cả tương, cà, mắm, muối cho Nhân dân. Nếu dân đói, dân rét, dân dốt... thì không chỉ Chính phủ có lỗi mà Đảng cũng có lỗi. V.I.Lênin đòi hỏi Đảng phải "*liên hệ với quần chúng*. Sống trong *lòng* quần chúng. Biết *tâm trạng* quần chúng. Biết *tất cả*. Hiểu quần chúng.

---

1. Nguyễn Văn Huyên: *Đảng Cộng sản cầm quyền - Nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng*, *Sđd*, tr. 43.

Biết đến với quần chúng. Giành được lòng tin **tuyệt đối** của quần chúng"[1]. Nhưng trong bối cảnh hiện nay, Đảng không chỉ đơn thuần là chăm lo cuộc sống cho dân mà còn phải bảo vệ, bảo đảm và thúc đẩy quyền con người, quyền công dân, nội luật hóa các nguyên tắc, quy định của những công ước, điều ước quốc tế mà Nhà nước đã ký kết hay công nhận. Tất cả những yêu cầu mới này đặt ra đối với Nhà nước, do vậy, cũng đặt ra đối với sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới.

Mặt trái của tình trạng một đảng độc tôn lãnh đạo là dễ chủ quan, tự mãn, kiêu ngạo, đặc quyền, đặc lợi, quan liêu, xa rời Nhân dân... Với những thuận lợi và khó khăn đó, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, để trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền mà không trở thành chuyên quyền, độc đoán là vấn đề sống còn của Đảng, của chế độ ta. Trong tổ chức bộ máy nhà nước, Đảng lãnh đạo vấn đề của Nhà nước như thế nào? Phạm vi lãnh đạo đến đâu để không trái với quyền dân chủ của Nhân dân, không trái với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa?

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh: "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn chậm, nhất là việc cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011; phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có những nội dung còn lúng túng. Chưa xác định rõ nội dung và phương thức cầm quyền. Chưa thật sự phát huy vai trò

---

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.44, tr. 608.

của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu trước nhân dân. Chưa khắc phục được tình trạng ban hành nhiều nghị quyết; một số nghị quyết nội dung thiếu tính khả thi, chưa tính kỹ nguồn lực và điều kiện thực hiện... Còn có biểu hiện quan liêu, cửa quyền, chưa thực sự sâu sát thực tế, cơ sở. Tình trạng nói không đi với làm, nói nhiều làm ít chậm được khắc phục"[1].

Xét về công tác cán bộ, cũng có nhiều yếu kém, "việc đổi mới công tác cán bộ chưa có đột phá lớn. Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu nhất qua nhiều nhiệm kỳ nhưng chưa có những tiêu chí cụ thể và giải pháp khoa học để khắc phục. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy bằng cấp,... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Đội ngũ cán bộ cấp Trung ương, cấp chiến lược chưa được tập trung xây dựng. Chưa quan tâm đúng mức đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ tham mưu, tư vấn cấp chiến lược. Công tác quy hoạch ở một số nơi còn khép kín, chưa bảo đảm sự liên thông, gắn kết"[2].

Chưa có cơ chế, chính sách phù hợp để phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng, trọng dụng người có đức, có tài, thay thế kịp thời những người yếu kém về phẩm chất và năng lực. Trong điều kiện phát triển của khoa học, công nghệ, ứng dụng của Internet, xã hội thông tin nhưng cung cách làm việc của các cơ quan nhà nước, tổ chức đảng, tổ chức xã hội vẫn chưa được đổi mới mạnh mẽ, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động phục

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr. 197, 194.

vụ xã hội. Nhiều nơi, chưa thực sự coi trọng đổi mới phong cách, lề lối làm việc. Tình trạng họp hành nhiều, nói chưa đi đôi với làm, nói nhiều, làm ít, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, thiếu gương mẫu còn diễn ra ở nhiều nơi.

Tóm lại, đổi mới sự lãnh đạo là một yêu cầu cấp thiết và khách quan trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, là điều kiện tiên quyết để giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo đối với Nhà nước và xã hội, củng cố lòng tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng. Đây cũng là điều kiện cơ bản để tăng cường trách nhiệm của Đảng đối với Nhân dân, bảo đảm sự giám sát của Nhân dân đối với Đảng; là điều kiện bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội của Nhà nước, bảo vệ quyền, lợi ích của Nhân dân, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

NHẬN DIỆN, PHÒNG NGỪA, NGĂN CHẶN VÀ TẨY TRỪ SỰ SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG TRONG ĐẢNG

TS. NHỊ LÊ*

Kinh nghiệm lịch sử của Đảng cho thấy, khi có một đường lối đúng, một đội ngũ cán bộ, đảng viên ngang tầm trọng trách và được Nhân dân ủng hộ, không có lực lượng nào cản được thành công. Trước yêu cầu, nhiệm vụ mới hiện nay, trong điều kiện hội nhập quốc tế, một trong ba việc đó khiếm khuyết hoặc yếu kém, nhất định Đảng không đảm đương được nhiệm vụ, khó có thể đứng vững và chế độ bị đe dọa. Vì vậy, việc phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp... là việc rất cấp bách và rất quan trọng, liên quan tới sự tồn vong của Đảng, của Nhà nước, của chế độ ta và vị thế đất nước ta trên trường quốc tế.

1. Công việc trọng tâm và hết sức khó khăn

Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, không chỉ là mục tiêu lý tưởng

---

* Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản.

chính trị mà còn là nhu cầu phát triển của dân tộc và đất nước ta, là nguyện vọng của Nhân dân ta. Nói cụ thể, *độc lập dân tộc gắn chặt với chủ nghĩa xã hội là lý tưởng chính trị, là nguyên tắc chính trị, là cương lĩnh hành động chính trị* và là *đạo lý sống* của Đảng ta, Nhân dân ta, dân tộc ta và đất nước ta. Đó cũng là con đường chính trị, là đạo lý sống để phát triển mạnh mẽ và bền vững duy nhất đúng để đất nước ta tiến lên ngang tầm thời đại. Đó là một trong những vấn đề sinh tử quyết định sự thành bại của sự nghiệp cách mạng, sự tồn vong của Đảng, của Nhà nước và chế độ ta. Bị lôi kéo hay cố ý, trực tiếp hay gián tiếp, nếu suy nghĩ và hành động chệch, xa rời, trái hoặc cản trở những điều đó, dù xét dưới bất cứ góc độ nào, có thể nói đều gây tổn hại tới sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đó chính là những biểu hiện chính yếu của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống.

Thực tế đã và đang cho thấy, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống không chỉ tiềm tàng ở một nơi nào đó mà nó hiện diện tại không ít nơi, không chỉ ở một vài người hay nhóm người nào đó mà đáng lo ngại là, hiện diện khá rộng, sâu và phức tạp trong một bộ phận đáng kể đội ngũ cán bộ, đảng viên. Ngay từ năm 1999, Đảng ta chỉ rõ: "... Trước yêu cầu mới ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng, trong Đảng đang bộc lộ một số yếu kém: sự suy thoái về *tư tưởng chính trị* (T.G nhấn mạnh)... của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn"[1]. Tại Đại hội IX (2001), Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh:

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.24.

"Trong công tác xây dựng Đảng... chưa ngăn chặn và đẩy lùi được sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống"[1]; Đại hội X (2006) chỉ rõ: "Thoái hóa, biến chất về chính trị tư tưởng, về đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu dân trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng, kéo dài chưa được ngăn chặn, đẩy lùi... Đó là một nguy cơ lớn liên quan đến sự sống còn của Đảng, của chế độ"[2]. Tới Đại hội XI (2011), Đảng ta tiếp tục cảnh báo: "Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp... làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đe dọa sự ổn định, phát triển của đất nước"[3]. Năm năm sau, tại Đại hội XII, Đảng ta vẫn cảnh báo và đặt ra trọng trách: "Đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"[4]. Đây là một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm của Đảng, ít nhất trong tầm nhìn tới năm 2021.

Hiện nay vấn đề này là hết sức *quan trọng và cấp bách, mang ý nghĩa thành bại, sinh tử* đối với chúng ta.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.52.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.263-264.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.173.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.173.

2. Góp phần nhận diện và dự báo sự suy thoái mới và phức tạp về chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống trong cán bộ, đảng viên

Những biểu hiện suy thoái chính trị trong Đảng hết sức phức tạp, tinh vi, dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau. Song, có thể nói gọn lại, *suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức là sự tha hóa và thoái hóa về nhận thức chính trị và hành động chính trị của cán bộ, đảng viên trực tiếp gây tổn hại đến vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu và uy tín chính trị của Đảng, chức năng, vai trò và trọng trách quản lý, điều hành của Nhà nước và sức mạnh của hệ thống chính trị đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc ở nước ta.*

Trước hết, đó là *sự thờ ơ chính trị, thờ ơ lương tri hay lãnh đạm chính trị, lãnh đạm lương tri.* Sự bàng quan với thời cuộc và tình hình đất nước; sự "thúc thủ", "rũ áo xuôi tay", "lạnh tanh máu cá, nhiệt tình độ âm" trước vận mệnh của Đảng, của dân tộc, sự lẩn tránh trách nhiệm của chính mình... đã và đang trở thành phương châm hành xử của không ít người. Đó chính là hành động "trùm chăn", "án binh bất động"; là thái độ "sống chết mặc bay", "cháy nhà hàng xóm bình chân như vại"... Nói chính xác, sự thờ ơ chính trị là đồng nghĩa với sự tê liệt về ý chí cách mạng chiến đấu, thụ động, tự hạ vũ khí chiến đấu, tự tước bỏ vị thế của người chiến sĩ tiên phong, tự làm mờ nhạt, "tan rữa" mình và vô hình cổ vũ cho cái xấu, cái ác ngóc đầu dậy và hoành hành. Đó là một điều nguy hiểm. Ngạn ngữ từng có câu và thực tiễn lịch sử cũng chứng minh: *Không làm một điều gì có nghĩa là đã làm một điều xấu xa; và không có gì đáng hổ thẹn hơn về mặt đạo đức là sự thờ ơ với vận mệnh của Tổ quốc mình.*

Ở góc độ khác, suy thoái tư tưởng chính trị là sự *dao động chính trị, tha hóa đạo đức*. Đó là sự mất thế ổn định vững chắc về tư tưởng, tinh thần và sự nao núng, ngả nghiêng trong hành động trước sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đó là sự giảm sút niềm tin xã hội chủ nghĩa, là sự "nhạt Đảng", "nhạt lý tưởng xã hội chủ nghĩa"; nhận thức mơ hồ, lệch lạc về chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội, về đường lối, chủ trương của Đảng... Đặc biệt, trước những bước ngoặt của cách mạng, họ hồ nghi sự đúng đắn của mục tiêu chính trị và thậm chí ngả theo luận điệu cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời (!), họ "giữ thân", "sống chết mặc bay"... không dám công khai đấu tranh với các quan điểm, hành vi trái với quan điểm của Đảng, thậm chí a dua, cổ xúy cho những tư tưởng đó, v.v. rồi mất phương hướng tư tưởng, mất khả năng chủ động kiểm soát và điều chỉnh hành động của mình, từ đó rơi vào tình trạng hoặc tả khuynh hoặc hữu khuynh hoặc chiết trung chủ nghĩa, hoặc tự phát manh động, hoặc phiêu lưu chính trị... Đó là những *con lắc đơn* về tư tưởng chính trị, là tập hợp hỗn mang của thứ "*đạo đức tùy thời", "đạo đức con buôn"...*

Sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức cũng được biểu hiện thành thói *thực dụng chính trị, thực dụng đạo đức.* Đó là tình trạng phân liệt cực tả về tư tưởng, hành động và lối sống. Nghĩa là, họ chỉ nhằm vào những gì mang lại lợi ích cho mình (và phe nhóm mình) một cách nhất thời, trước mắt mà không quan tâm tới lợi ích chung của cách mạng, của Nhân dân, thậm chí chà đạp lên chúng, cốt mưu chiếm đoạt cho lợi ích riêng của mình, của phe nhóm mình. Từ đó tạo nên tình trạng cát cứ, phe nhóm, phường hội theo kiểu "trên có chính sách, dưới có đối sách", hành xử theo lối "đạo đức

cho người và đạo đức cho ta"... vô hình trung phá vỡ tính thống nhất và chỉnh thể của đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, "băm nhỏ" và "chia phần", xâm hại lợi ích chung bằng "nhát dao của tên đao phủ", như cách nói của H.Bandắc, hình thành và lũng đoạn xã hội bằng lợi ích nhóm và những nhóm lợi ích... làm phân liệt ý chí và rã rời sức mạnh của tổ chức, làm suy nhược sức mạnh đất nước. V.I. Lênin gọi đó là một sự "man rợ".

Ở mức độ trầm trọng và nguy hiểm là, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức được hiện diện bằng tình trạng *cơ hội chính trị, cơ hội về đạo đức*. Đó là thói tùy thời thỏa hiệp vô nguyên tắc, là hành động lợi dụng cơ hội nhằm chiếm đoạt lợi ích trước mắt và cục bộ, bất kể việc làm đó đúng hay sai, như kiểu "mượn gió bẻ măng", "đục nước béo cò", ngả nghiêng, xoay xở, "gió chiều nào che chiều ấy", tìm kiếm "ô, dù" trong các chuyến "buôn quyền lực", kèn cựa, gây bè kéo cánh, thậm chí vu cáo, bôi nhọ đồng chí, gây rối nội bộ... V.I. Lênin chỉ rõ: Họ xác định thái độ của mình tùy theo hoàn cảnh, thích ứng với những sự biến trước mắt, với những biến đổi của những sự kiện chính trị nhỏ nhặt, quên mất lợi ích sống còn của giai cấp vô sản..., hy sinh những lợi ích sống còn ấy vì những lợi ích thực tế hay những lợi ích giả định tạm thời - đó là chính sách của bọn xét lại. Và từ chính thực chất của chính sách ấy nảy sự thật hiển nhiên là: chính sách ấy có thể mang những hình thức hết sức muôn hình muôn vẻ và mỗi vấn đề hơi "mới" một chút, mỗi sự thay đổi hơi bất ngờ và đột ngột một chút của những sự biến - dù sự thay đổi ấy chỉ làm thay đổi đường lối căn bản của sự phát triển trong một mức độ rất nhỏ và trong một thời gian ngắn nhất chăng nữa - nhất định bao giờ cũng đẻ ra biến tướng này hay biến tướng khác của

chủ nghĩa xét lại. Đây là một căn bệnh cực kỳ nguy hiểm trong Đảng, đặc biệt là tình trạng "cơ hội giấu mặt". Bằng "vỏ bọc cộng sản", dưới danh nghĩa tiếp tục "đổi mới", họ đòi xét lại cơ sở, nền tảng lý luận và tư tưởng của Đảng, đường lối chính trị của Đảng trên những phương diện cốt tử nhất; cổ xúy cho tư tưởng và quan niệm đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập; gắn kết chủ nghĩa cơ hội với chủ nghĩa bè phái và cục bộ địa phương, hình thành các "ô, dù", cánh hẩu trong Đảng, phân hóa một bộ phận đội ngũ đảng viên của Đảng, làm biến chất, phân rã và tê liệt không ít tổ chức đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, v.v.. Ở họ chứa đựng thứ "đạo đức ba mặt": cao đạo trong cuộc họp, trí trá ngoài hành lang và nịnh bợ trước cấp trên - hành xử cốt sao có lợi cho họ, dù hại đồng chí mình và tổ chức. Họ sợ sự thật và tìm cách bóp nghẹt, thậm chí chà đạp những người trung trinh. Đó là những con "*kỳ nhông chính trị", "con trùng biến hình đạo đức"* trong Đảng. Một lần nữa, cần khắc sâu và cảnh báo: *Sự suy thoái về đạo đức là con đường ngắn nhất dẫn tới sự băng hoại về chính trị; đến lượt nó, sự băng hoại về chính trị dẫn tới "cái chết về đạo đức".*

Biểu hiện tập trung nhất, cao nhất và nguy hiểm nhất của suy thoái tư tưởng chính trị là *tham nhũng chính trị, phản bội chính trị, thối rữa tư tưởng và băng hoại đạo đức... tạo nên những "kẻ thù giấu mặt", những "liên minh tội phạm*". Họ cho mình cái quyền sở hữu quyền lực chính trị mà Nhân dân ủy thác cho họ thành "của riêng" để đổi chác, ban phát cho "nhóm", thành hàng hóa mưu toan định giá bán mua... Tất cả "gieo" mầm họa trong cán bộ: tệ "chạy" (chức quyền, tuổi tác, luân chuyển, bằng cấp...); tệ gian dối (trước cấp trên, cấp dưới và Nhân dân); tệ "đạo vị", nói như Chủ tịch

Hồ Chí Minh, tức là "ăn trộm chức quyền"; v.v.. Đó cũng là sự quay quắt về tư tưởng chính trị và giả trá về đạo đức, sự ngả hẳn hành động về phía kẻ thù chống lại cách mạng, phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của Đảng và Nhân dân ta, mà trước hết là, phá hoại một cách toàn diện công cuộc đổi mới, chống lại dân tộc và Nhân dân. Có người kêu gào đòi lập đảng đối lập với Đảng ta... Nếu sự phản bội chính trị, sự tan rã đạo đức nằm trong những cán bộ cốt cán của Đảng, ở những phương diện và bộ phận quan trọng của Đảng thì hậu quả càng lớn và khôn lường. Bài học về sự tan vỡ của một số đảng cộng sản gần đây đã cảnh báo điều đó. Đây là những *giặc nội xâm nguy hiểm nhất, những "cục bướu ác tính*" tích tụ và phát tác trong nội bộ làm Đảng rã rời, có nguy cơ đột quỵ, đội ngũ rối loạn, chế độ tan vỡ, hậu họa đối với dân tộc khôn lường.

3. Hậu họa cần lường trước và ngăn chặn; những nguyên nhân cần nắm bắt và chủ trị

Tất nhiên, những biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trên không diễn ra một cách độc lập, khép kín; trái lại, chúng vận động hết sức uyển chuyển, xuyên thấm vào nhau rất tinh vi và chuyển hóa rất phức tạp. Cái này là điều kiện, là tiền đề, là môi trường dung dưỡng của và cho cái kia và ngược lại. Tất cả tích tụ, và có thể biến thành một thế lực có sức phá hoại ghê gớm và khôn lường.

Kinh nghiệm lịch sử chỉ rõ, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đảng viên, nhất là đảng viên giữ chức vụ cao cấp trong bộ máy của Đảng và Nhà nước *là con đường ngắn nhất và trực tiếp hạ thấp, thậm chí thủ tiêu vai trò chính trị, thực lực chính trị và uy tín chính trị của*

Đảng và Nhà nước ở mức độ trầm trọng. Nghĩa là, từ sự suy thoái về đạo đức, lối sống, về tư tưởng chính trị trong Đảng, tới mức nào đó, dẫn tới nguy cơ chệch hướng về chính trị và đẻ ra một nền chính trị suy thoái, một nền móng đạo đức chính trị suy đồi... chỉ là một bước chuyển ngắn. Và từ đó có thể dẫn tới *nguy cơ về một nền chính trị, đạo đức suy thoái, dẫn tới chệch hướng xã hội chủ nghĩa, tới mức không thể kiểm soát.*

Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống đó trực tiếp làm cho Đảng đánh mất bản chất giai cấp công nhân, đánh mất vị trí và vai trò tiên phong của người lãnh đạo công cuộc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa; và tất nhiên sẽ không còn là đại biểu trung thành cho lợi ích của nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam. Đảng ta chỉ rõ: "... Khi nào xa rời bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng và niềm tin cộng sản thì khi đó mắc sai lầm, khuyết điểm, thậm chí dẫn đến sai lầm về đường lối"[1]. Và nếu không kịp thời sửa chữa, tới một mức nào đó, Đảng sẽ bị biến chất, chế độ xã hội chủ nghĩa bị thay đổi, Nhà nước không còn là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân nữa.

Các biểu hiện trên là con đẻ của chủ nghĩa cá nhân (dưới mọi hình thức), chủ nghĩa thực dụng và chủ nghĩa cơ hội với nhiều biến thể, nhất là trong điều kiện hiện nay. Đặc biệt, trước sự thoái trào tạm thời của phong trào xã hội chủ nghĩa, với âm mưu "diễn biến hòa bình" của kẻ thù, thậm chí "tự diễn biến" trong nội bộ càng làm cho tình hình phức tạp, nặng nề hơn. Nhưng điều cần nhấn mạnh là, các biểu hiện đó

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Sđd,* tr.52.

được dung dưỡng bởi cơ sở kinh tế - xã hội của nền sản xuất nhỏ, tâm lý tiểu tư sản, di họa tư tưởng đạo đức phong kiến và tư sản còn khá dai dẳng và thịnh hành ở một số nơi, một số người giữ trọng trách. Điều cảnh báo là, những biến tướng mới về *chủ nghĩa thực dụng, tham nhũng quyền lực, chủ nghĩa con buôn... đang lây lan.* Toàn bộ bối cảnh này diễn ra trong điều kiện nước ta từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế với muôn mặt phức tạp của nó, nên sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống càng có cơ hội lan rộng.

Nhưng, có thể nói thực trạng trên cơ bản và trước hết bắt nguồn từ chỗ, các cán bộ, đảng viên này kém rèn luyện, tu dưỡng bản thân; thiếu bản lĩnh chính trị, bản lĩnh sống lại bị chi phối bởi những tác động tiêu cực bởi mặt trái nền kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập... nên họ trượt dài vào con đường suy thoái, biến chất. Trực tiếp nhất là công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức ở nhiều lúc, nhiều nơi bị coi nhẹ, thậm chí bị thả nổi; kỷ cương, kỷ luật trong Đảng chưa nghiêm; chưa có một cơ chế kiểm tra, giám sát minh bạch, nghiêm ngặt và triệt để đảng viên; công tác phát triển Đảng ở nhiều nơi bị "khúc xạ" đã mở lối cho các phần tử cơ hội, thậm chí cả những kẻ phản động chui vào Đảng; các nguyên tắc sinh hoạt đảng bị buông lỏng; chưa có cơ chế kiểm tra, giám sát hữu hiệu nhất đối với cán bộ, đảng viên. Thực tiễn chứng minh, tất cả những hoạt động không có nguyên tắc đều dẫn tới sự đổ vỡ. Hơn nữa, trước sự tác động mặt trái của cơ chế thị trường, trở thành miếng đất dung dưỡng tư tưởng thực dụng, cơ hội giấu mặt, dối trên lừa dưới, lợi dụng chức quyền để mưu lợi cá nhân (và phường hội), "đầu cơ chính trị", kéo bè kết cánh, sa đọa đạo đức... đã làm cho một bộ phận

đảng viên sống "phân thân", xa rời lý tưởng xã hội chủ nghĩa, sa sút đạo đức cách mạng. Điều cần cảnh báo là, *sự suy thoái về đạo đức, nhân cách chắc chắn dẫn đến sự phai nhạt lý tưởng cách mạng, thậm chí phản bội mục tiêu phấn đấu và trách nhiệm của người cộng sản.*

Mặt khác, về phía Nhà nước, không ít trường hợp đã buông lỏng pháp luật, có trường hợp dung túng cho những việc làm sai trái của cán bộ, đảng viên, vô hình trung tiếp tay cho sự lộng hành cá nhân ngay trong bộ máy nhà nước, biến một số cơ quan nhà nước của Nhân dân thành "của riêng", thành "công cụ" của số ít người nào đó. Thực tiễn từ các nước xã hội chủ nghĩa bị sụp đổ cho thấy, bất cứ sự đặc quyền, đặc lợi nào trong đảng và nhà nước cũng xâm phạm và chà đạp lên sự tự do, dân chủ của nhân dân; và thất bại là tất yếu. Kinh nghiệm lịch sử xương máu đây là, *ở đâu không có sự thống nhất về lợi ích chung thì ở đó không có sự thống nhất về mục đích và càng không thể có sự thống nhất về hành động.* Đây là nguyên nhân của tệ *tha hóa quyền lực, suy thoái quyền lực chính trị* khi quyền lực nằm trong tay các đảng viên bắt đầu thoái hóa về lối sống, đồi bại về phẩm hạnh đạo đức... Và cố nhiên, ở những nơi đó vai trò lãnh đạo có tính nguyên tắc của Đảng đối với Nhà nước hoặc bị "khúc xạ" hoặc bị vô hiệu hóa, hoặc vai trò của Nhà nước bị biến thành "vật tượng trưng" phục vụ cho mưu toan biến quyền lực mà Nhân dân giao cho thành vật "sở hữu" của riêng họ, của riêng phe nhóm, thậm chí gia tộc họ.

Từ suy thoái dẫn tới "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" chỉ là một bước chuyển ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm tới mức khôn lường.

4. Tiếp tục phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống gắn với phòng, chống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên

Việc cấp bách phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là vấn đề mang tính quy luật xây dựng Đảng, Nhà nước nói riêng, toàn bộ hệ thống chính trị nói chung; vừa là nhu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc vừa là nguyện vọng của Nhân dân.

Nguyên tắc chỉ đạo hiện nay là, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mà then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng một cách toàn diện là phương sách tối ưu nhằm đề kháng, triệt tiêu cơ sở tồn tại của sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; đồng thời, đấu tranh liên tục, hiệu quả và triệt để với sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống là một bộ phận hợp thành toàn bộ công tác xây dựng Đảng, chính quyền nhà nước và làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

Phương châm quán xuyến lúc này là: Chủ động và liên tục; dân chủ và bình đẳng; phá bỏ mọi vùng cấm; cấp trên làm gương; công khai và minh bạch; quyết liệt và nghiêm khắc; trên dưới phối hợp, trong ngoài đồng bộ, lấy sức mạnh tổng thể làm căn bản.

Tinh thần chỉ đạo hiện nay: Chọn đúng đột phá, chuẩn bị đầy đủ thực lực, giải quyết triệt để; không "bắt cóc bỏ đĩa"; không "đánh trống bỏ dùi", không né tránh, đùn đẩy, nửa vời.

Trước mắt, tập trung thực thi tối thiểu bốn nhiệm vụ sau:

Trước hết, mỗi cán bộ, đảng viên gương mẫu tự giáo dục, tự chỉnh đốn mình. Đặc biệt là những người giữ trọng trách

và đứng đầu bộ máy đảng, nhà nước và các thành viên hệ thống chính trị khác, không ngừng tự rèn luyện, tự khép mình vào kỷ luật một cách toàn diện và triệt để, tự biết xấu hổ khi không chấp hành kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không hoàn thành nhiệm vụ, khi sống trái đạo lý làm người. Người xưa đã nói: Con người không biết xấu hổ thì không thành người được! Đó là liêm sỉ, và cũng là lẽ tối thiểu. Không như vậy không thể trở thành một cán bộ, đảng viên tốt và nhất định không lãnh đạo được ai; và, thượng sách là nên từ nhiệm, từ chức.

Nhưng trên thực tế, không ít người do cơ hội, chạy chọt, luồn lọt, nịnh bợ... đã "kiếm" được một chức vụ nào đó và lấy đó làm cái để huênh hoang, hợm hĩnh, dọa nạt cấp dưới và Nhân dân, gây nên bao nỗi oán thán, bất bình, làm tổn thương mối quan hệ máu thịt giữa Đảng - "đứa con nòi của giai cấp lao động" với Nhân dân. Thậm chí biến nó thành "vật sở hữu" để kéo bè cánh, phe nhóm, mặc sức trục lợi, gây sự phân liệt, rã rời... trong bộ máy đảng và nhà nước. Phải cắt bỏ ngay những "cục bướu ác tính" ấy, những "liên minh ma quỷ"... trong cơ thể Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị. V.I. Lênin từng cảnh báo: Không một kẻ thù nào, cho dù nó nham hiểm và hung hãn nhất, có thể tiêu diệt được Đảng cộng sản, ngoại trừ chính những người cộng sản tự tiêu diệt chính họ.

Mỗi cán bộ, đảng viên luôn thật xứng đáng với vị thế chính trị, nêu gương phát huy đạo lý dân tộc: nhân nghĩa, trung thành, dũng cảm, trí tuệ, liêm sỉ, thân dân!

Thứ hai, Đảng đi tiên phong trong hành động thật kiên quyết, triệt để. Thực tiễn xử lý những bệnh tật tiêu cực ở một số người và một số tổ chức mới đây và giải quyết những vấn đề cấp bách đặt ra trong công tác xây dựng Đảng, và

kinh nghiệm càng chỉ rõ, hơn lúc nào hết, lúc này một bước tiến trong hành động có giá trị hơn cả một tá lời hô hào sáo rỗng. Tiếp tục thực thi nghiêm các nguyên tắc tổ chức xây dựng Đảng, trước hết thực hành dân chủ rộng rãi, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình trong Đảng gắn với siết chặt kỷ luật tự giác của Đảng. Xây dựng và phát triển bầu không khí đạo đức chính trị lành mạnh trong Đảng, Nhà nước và xã hội.

Đội ngũ cán bộ, trước hết là *những người đứng đầu phải thực sự là tấm gương về chính trị, về đạo đức và về hành động,* theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Đại hội XII và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII của Đảng. Sự thành bại của Đảng một phần cơ bản nằm ở phương diện này. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên thoái hóa biến chất, nhất là về đạo đức, những phần tử cơ hội, bất mãn, những người gây mất đoàn kết nội bộ Đảng, cố ý bôi nhọ, phủ nhận (dưới mọi hình thức) Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, vi phạm các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng. Đặc biệt, thực hiện hiệu quả tự phê bình và phê bình, trước hết nhằm uốn nắn những lệch lạc về tư tưởng chính trị, nhất là những biểu hiện dao động dễ bị những phần tử xấu kích động, lôi kéo; phê phán, kỷ luật nghiêm khắc những đảng viên coi thường nghị quyết của Đảng, nói một đường làm một nẻo, coi thường Nhân dân; những người vi phạm về đạo đức, lối sống, tham nhũng, mất đoàn kết, cục bộ bản vị, cá nhân chủ nghĩa... *Sự suy thoái về đạo đức có nguy cơ dẫn tới sự thoái hóa về chính trị.* Hơn lúc nào hết, chúng ta phải xây dựng Đảng ngang tầm về mặt đạo đức. Đó chính là sự kết tinh phát triển trên bình diện chính trị. Vì Đảng ta "là đạo đức, là văn minh". Xử lý kịp thời, nghiêm khắc những người

giữ chức vụ trong Đảng vi phạm kỷ luật, pháp luật, theo phương châm "quốc pháp vô thân" để làm răn đối với các cán bộ, đảng viên.

Điều cần tiếp tục làm là, tiếp tục đổi mới, xây dựng và hoàn thiện *cơ chế hoạt động trong Đảng và hệ thống chính trị là gốc*. Đổi mới các nguyên tắc tổ chức, nguyên tắc hoạt động của Đảng, của Nhà nước; đổi mới cơ chế vận hành của mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và các thành viên của hệ thống chính trị theo mô hình vòng tròn đồng tâm, mà Đảng là trung tâm, một cách tập trung dân chủ, minh bạch hóa, theo vị thế, chức năng và nhiệm vụ của mỗi thành viên; trọng tâm là đổi mới phương thức cầm quyền dân chủ, tổ chức bộ máy nhất thể hóa liên thông, gọn và đội ngũ cán bộ tinh nhuệ. Đổi mới cơ chế phát triển quyền lực và giám sát quyền lực một cách dân chủ và minh bạch đối với tất cả các tổ chức, các chức danh trong hệ thống chính trị.

Ở đây, *trực tiếp là đổi mới cơ chế giám sát, kiểm tra* nghiêm ngặt định kỳ và bất thường trong toàn hệ thống chính trị nhằm quản lý chặt chẽ từng cán bộ, đảng viên ở nơi công tác, ở khu vực cư trú và nơi đảng viên đi công tác, nhất là đi công tác ngoài nước (thu nhập, tài khoản ngân hàng...). Chấn chỉnh, trao thêm trọng trách và trong sạch hóa các cơ quan và đội ngũ làm công tác kiểm tra, thanh tra. *Không thể lấy tiêu cực để chống tiêu cực*. Đổi mới cơ chế kiểm tra, kiểm soát: Không ai, không một tổ chức nào được nằm ngoài sự kiểm tra, giám sát, kỷ luật và pháp luật. *Kỷ luật phải là tối thượng, pháp luật phải được thượng tôn; cả hai phải được toàn dụng một cách công minh, bình đẳng, kịp thời và đúng đắn.* Công tác phát triển

Đảng tiếp tục được chỉnh đốn, nhằm thu hút tinh hoa xã hội, thải loại nghiêm khắc những phần tử thoái hóa, thanh lọc "cặn bã" trong bộ máy đảng, nhà nước và hệ thống chính trị. Siết chặt công tác bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng. Không "đầu voi đuôi chuột", không "mang thúng úp voi" hay "mùa vụ tùy hứng", "gặp chăng hay chớ"... làm nhờn kỷ luật, "giỡn mặt pháp luật".

Cố nhiên, chỉ có một thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng mới tạo nền tảng tư tưởng chính trị vững chắc cho cán bộ, đảng viên kiên định lý tưởng xã hội chủ nghĩa, tự giác phấn đấu vì mục tiêu xã hội chủ nghĩa theo đường lối cách mạng của Đảng. Do vậy, bằng mọi hình thức nâng cao trình độ lý luận, tu dưỡng và tự tu dưỡng phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên, nâng cao đạo đức cách mạng, năng lực hành động độc lập và tự giác trên những cương vị mà họ được giao phó theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị *Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.* Trước hết, mỗi cán bộ, đảng viên phải tự mình nêu gương là một công dân gương mẫu, sống trong Nhân dân, thu phục uy tín của Nhân dân... Mất niềm tin của Nhân dân là có nguy cơ tan rã và mất hết.

Thứ ba, phát huy vai trò của Nhà nước và sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội. Đảng ta là đảng cầm quyền. Đảng viên chiếm một bộ phận lớn và quan trọng trong bộ máy nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đội ngũ đảng viên là nguyên nhân căn bản và trực tiếp làm cho Nhà nước suy thoái, các đoàn thể chính trị - xã hội suy giảm sức mạnh.

Bởi vậy, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy, ban cán sự đảng (hoặc đảng đoàn) với ban lãnh đạo cơ quan chức năng trong việc phát huy dân chủ và công khai các vấn đề liên quan tới bộ máy, cán bộ và đảng viên, trong phạm vi cho phép và khả năng có thể; trước mắt, trên từng phương diện, đối với từng loại cán bộ, từng bước tổng kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc bổ nhiệm và hoạt động của cán bộ, đảng viên gắn chặt với hoạt động của bộ máy. Vừa qua, chúng ta đối mặt không ít hậu họa trên phương diện này. Những đảng viên là cán bộ lãnh đạo hư hỏng, thoái hóa, biến chất thì một mặt, phải bị khai trừ ra khỏi Đảng; mặt khác, nhất định phải bị sa thải ra khỏi bộ máy của Đảng, Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội, trừng trị nghiêm khắc theo kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. *Đạo lý chưa đủ thức tỉnh thì pháp lý phải được toàn dụng.* Phối hợp thống nhất và đồng bộ chống "diễn biến hòa bình" - giặc ngoại xâm với cô lập và tẩy trừ giặc nội xâm hoặc đồng lõa với giặc nội xâm - "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Các cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội có quyền chất vấn và khi cần thiết bảo lưu ý kiến và đề nghị lên cấp trên về các cán bộ, đảng viên khi được Đảng giới thiệu để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào các cơ quan này. Định kỳ bỏ phiếu tín nhiệm các chức danh do Nhân dân bầu cử. Các đảng viên vi phạm pháp luật phải bị xử lý nặng hơn những người không phải là đảng viên vi phạm pháp luật cùng mức độ. Trừng trị thật nghiêm khắc những phần tử chống đối và kêu gọi lật đổ chế độ, phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, các tổ chức chống đối Đảng, Nhà nước và chế độ. Các tổ chức đảng trong các cơ quan bộ máy nhà nước và các đoàn thể

chính trị - xã hội phải thực sự xứng đáng là người lãnh đạo trong sạch và gương mẫu, ngang tầm nhiệm vụ tại các cơ quan đó.

Thứ tư, bảo đảm sức mạnh của Nhân dân và công luận. Kinh nghiệm vừa qua càng cho thấy: Không có sự giám sát công khai và minh bạch của Nhân dân, sự ủng hộ và phản biện của công luận trên nền tảng sự giúp đỡ của Nhân dân sẽ không có dân chủ đầy đủ và càng không có sức mạnh tổng thể trong công việc mệnh hệ này. Đặc biệt, những năm gần đây, vai trò của công luận được thể hiện mạnh mẽ trong phát hiện cái xấu, vun đắp cái tốt... được Nhân dân ủng hộ... càng chứng tỏ điều đó. Các cấp ủy, chính quyền các cấp, các đoàn thể chính trị dựa vào Nhân dân, sống trong Nhân dân để thực thi trọng trách của mình; đồng thời, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để Nhân dân và báo chí tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và đoàn thể mình, trước hết trong việc giám sát đảng viên, cán bộ ở mọi lúc, mọi nơi. Xây dựng bầu không khí đạo đức xã hội, cộng đồng dân chủ, kỷ cương và nhân văn... để kiểm soát, cô lập những thói xấu, đẩy lùi tiêu cực; bảo vệ và nâng cao vai trò, sức mạnh của Nhân dân và công luận theo pháp luật.

Đổi mới cơ chế bảo vệ chặt chẽ những ý kiến của Nhân dân phát hiện, tố cáo cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật, đạo đức, lối sống trên tất cả các mặt, ở tất cả các nơi. Cổ vũ và bảo vệ đội ngũ báo chí tham gia kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên, nhằm xây dựng và bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền và đoàn thể trong hệ thống chính trị. *Buông lơi điều này, công việc rất khó thành công, nếu không nói là cầm chắc thất bại.* Nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng của toàn dân

trước âm mưu chống phá của những phần tử suy thoái, của các thế lực phản động và thù địch từ bên ngoài.

Một lần nữa, cần nhắc lại lời cảnh báo của V.I. Lênin, trong quá trình giải quyết công việc cấp bách này: "Không ai có thể tiêu diệt được chúng ta, ngoài những sai lầm của bản thân chúng ta. Toàn bộ vấn đề là ở chữ "nếu" này. Nếu chúng ta do sai lầm mà gây ra sự chia rẽ thì tất cả sẽ sụp đổ"[1].

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.42, tr.311.

NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM TRONG NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SỰ SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, BIỂU HIỆN "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" Ở VIỆT NAM

Trung tướng, GS. TS. NGUYỄN VĂN NGỌC*

1. Suy thoái là suy yếu và sút kém dần, có tính chất kéo dài[1]; tư tưởng là quan điểm và ý nghĩ chung của con người đối với thế giới tự nhiên và xã hội[2]. Suy thoái là sự yếu kém, hư hỏng, làm mất dần đi cái tốt, cái tiến bộ, làm tăng dần cái xấu, cái lạc hậu, làm chậm lại quá trình phát triển dẫn đến sự thoái hóa và biến chất của sự vật, hiện tượng, quá trình hay chính bản thân con người và tổ chức xã hội của con người.

Suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống là sự giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lý tưởng, dao động về chính trị, sa sút phẩm chất đạo đức, xuống cấp về lối sống. Suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống khác với những băn khoăn, lo lắng, bức xúc, có lúc thiếu lòng tin; khác với vi phạm một số khuyết điểm, chấp hành không nghiêm một số quy định của Hiến pháp, pháp luật. Cũng như phát

---

* Giám đốc Học viện An ninh nhân dân.

1, 2. Nguyễn Như Ý (Chủ biên): *Đại từ điển tiếng Việt,* Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr. 1404, 1704.

triển, suy thoái bao giờ cũng mang tính bản chất, tính tổng thể của sự vật, hiện tượng, của quá trình hay của con người và tổ chức của con người. Đối với suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, từ suy thoái về mặt này dẫn đến hay tất yếu sẽ kéo theo sự suy thoái mặt khác, làm hư hỏng, làm biến chất cán bộ, đảng viên và làm hỏng mọi việc của cá nhân và tổ chức của họ.

Diễn biến là biến đổi theo chiều hướng nào đó[1], sự biến đổi ở đây có thể theo chiều hướng tốt hoặc xấu tùy theo từng trường hợp cụ thể. Tự diễn biến là tự biến đổi theo chiều hướng tốt hoặc xấu.

Chuyển hóa là biến đổi từ dạng này, hình thái này sang dạng khác, hình thái khác[2]. Tự chuyển hóa là tự biến đổi từ dạng này, hình thái này sang dạng khác, hình thái khác.

Như vậy, tự diễn biến, tự chuyển hóa là một quá trình sự vật, hiện tượng, con người tự biến đổi từ dạng này, hình thái này, chiều hướng này sang dạng khác, hình thái khác, chiều hướng khác. Sự biến đổi ở đây có thể theo chiều hướng tốt lên hoặc xấu đi. Tuy nhiên, khái niệm "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong bài viết này được hiểu theo nội hàm của "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, đó là sự "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" theo chiều hướng tiêu cực, nghĩa là tự diễn biến, tự chuyển hóa từ tốt thành xấu, từ tích cực thành tiêu cực, từ đúng quy định của pháp luật thành không đúng quy định của pháp luật. "Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" của cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng nếu không được ngăn chặn sẽ dẫn đến sự "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" của cả tổ chức, của cả chế độ chính trị.

1, 2. Nguyễn Như Ý (Chủ biên): *Đại từ điển tiếng Việt, Sđd,* tr.419, 310.

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" chính là quá trình đấu tranh tư tưởng giữa một bên là lợi ích cá nhân, một bên là lợi ích tập thể, giữa một bên là theo chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, một bên là tự do theo quyết định cá nhân, một bên là tích cực, một bên là tiêu cực. Trong đó, tư tưởng, lập trường, quan điểm thiên về tư bản chủ nghĩa và lợi ích cá nhân tăng dần lên, còn tư tưởng, lập trường, quan điểm về chủ nghĩa xã hội, về lợi ích tập thể phai nhạt và bị xem nhẹ dần. Sự "tự diễn biến" đến một ngưỡng nào đó, khi đạt đến "độ" thì nó "tự chuyển hóa" thay đổi về chất. Trong thực tế cách mạng Việt Nam hiện nay, đó chính là sự thay đổi trong quan điểm, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Sự thay đổi này đưa tới những hành động đi ngược lại, thậm chí chống lại quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở Việt Nam hiện nay đang diễn ra hết sức phức tạp, với nhiều mức độ khác nhau trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây là nguy cơ đe dọa đến sự tồn vong của Đảng và của chế độ, là một loại kẻ thù giấu mặt, một thứ "giặc nội xâm" nguy hiểm rất khó nhận diện và đáng sợ nhất. Nếu hiện nay chúng ta xác định nền tảng tư tưởng chính trị xã hội chủ nghĩa mang màu đỏ thì suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" sẽ tác động dần dần làm cho nền tảng tư tưởng chính trị của chúng ta phai nhạt dần và chuyển sang màu đối lập.

Nguyên nhân của suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" đã

được Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đề cập cụ thể, trong đó đáng chú ý là việc một bộ phận cán bộ, đảng viên tự cho mình đứng ngoài sự quản lý, giám sát của tổ chức, coi thường kỷ luật, nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, cũng như quy định của cơ quan, đơn vị; không thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng, có tư tưởng bè phái, cục bộ, mất đoàn kết; coi thường nguyên tắc tập trung dân chủ. Từ đó, dẫn tới độc đoán, chuyên quyền, đặc quyền, đặc lợi, tham nhũng, coi thường tập thể, trở thành "quan cách mạng". Trong số đó, có người mất phương hướng chính trị, khi bị kiểm tra, giám sát, xử lý thì quay lại nói xấu Đảng, chống phá chế độ. Suy thoái về tư tưởng chính trị sẽ dẫn đến cơ hội về chính trị, làm phân hóa bộ phận lãnh đạo, làm tan rã Đảng, vô hiệu hóa sự quản lý của Nhà nước, làm chệch hướng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Muốn ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái này, cần phải nhận diện đúng sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên hiện nay để "kê đơn", bốc thuốc cho trúng nhằm "chữa khỏi bệnh cứu người". Sở dĩ trong thời gian qua, việc ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" kém hiệu quả là vì chúng ta chưa nhận diện rõ sự suy thoái đó như thế nào, chưa rõ nội hàm của ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; có lúc nhận định, đánh giá còn thiếu khách quan, chung chung, lờ mờ, thiếu địa chỉ cụ thể, chưa chỉ ra được ai suy thoái, bộ phận nào suy thoái, chưa vạch rõ tính chất và tác hại thực sự của sự suy thoái.

2. Để tìm ra nguyên nhân của những hạn chế trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống chúng ta cần làm rõ nội hàm, chủ thể của công tác này. Theo *Đại từ điển tiếng Việt* thì ngăn chặn là chặn lại, làm hạn chế khả năng gây tác hại[1]; đẩy lùi là làm cho không có khả năng phát triển, tồn tại[2]. Ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ là hoạt động của cán bộ, đảng viên và các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị nhằm hạn chế, tiến tới xóa bỏ các nguyên nhân, điều kiện phát sinh suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" là một cuộc đấu tranh tư tưởng trong chính cán bộ, đảng viên và trong chính các tổ chức đảng. Cuộc đấu tranh tư tưởng này diễn ra ngay trong nội bộ. Đấu tranh giữa một bên là lợi ích quốc gia, dân tộc với một bên là lợi ích nhóm, lợi ích cá nhân; đấu tranh giữa một bên là kỷ luật nghiêm minh với một bên là phá cách, vô pháp; đấu tranh giữa một bên là quyền lực tập thể với một bên là ý chí cá nhân; đấu tranh giữa một bên là những mặt tích cực và một bên là các mặt tiêu cực.

Chủ thể ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trước hết là cán bộ, đảng viên. Bản thân mỗi cán bộ, đảng viên phải tự học tập, rèn luyện, trui rèn bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, tự đấu tranh với những tư tưởng,

---

1, 2. Nguyễn Như Ý (Chủ biên): *Đại từ điển tiếng Việt, Sđd,* tr.1102, 501.

hành động tiêu cực của chính mình để "gạn đục, khơi trong" phát huy những giá trị tích cực, ngăn chặn, hạn chế, loại trừ những mặt tiêu cực góp phần làm cho cả bộ máy của Đảng tốt lên. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị là chủ thể của công tác ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Mỗi cơ quan, tổ chức đảng trong hệ thống chính trị phải xây dựng các quy định, tiêu chuẩn cán bộ, đảng viên, xây dựng cơ chế làm việc, cơ chế giám sát chặt chẽ nhằm kiểm soát quyền lực của cán bộ, đảng viên. Như vậy, chủ thể chính của công tác ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" chính là cán bộ, đảng viên và các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị. Trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thì cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ và cơ quan kiểm tra của Đảng là những chủ thể chính được giao nhiệm vụ thống nhất tổ chức và quản lý cán bộ, tổ chức công tác kiểm tra, giám sát nhằm chủ động phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn những dấu hiệu suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" của cán bộ, đảng viên. Cơ quan công an là chủ thể điều tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm móc nối, lôi kéo cán bộ, đảng viên.

3. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII cho rằng tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước. Tình hình mâu

thuẫn, mất đoàn kết nội bộ không chỉ ở cấp cơ sở mà ở cả một số cơ quan Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty. Nhiều tổ chức đảng, đảng viên còn hạn chế trong nhận thức, lơ là, mất cảnh giác, lúng túng trong nhận diện và đấu tranh, ngăn chặn "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; việc đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, tổ chức phản động, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị còn bị động, thiếu sắc bén và hiệu quả chưa cao.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, yếu kém trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", trong đó nổi bật là những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, đây là cuộc đấu tranh về tư tưởng ngay trong cán bộ, đảng viên, đấu tranh tư tưởng ngay trong nội bộ các cơ quan, tổ chức đảng giữa lợi ích của bản thân với lợi ích tập thể, giữa quyền lực cá nhân với quyền lực tập thể, giữa tự do vô nguyên tắc với ràng buộc trong khuôn khổ của pháp luật, giữa giá trị truyền thống với giá trị lai căng... Cuộc đấu tranh tư tưởng này diễn ra trong bối cảnh nhiều giá trị cơ bản của thế giới đổi thay trong đó đặc biệt là mặt trái của nền kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - kỹ thuật, công nghệ thông tin tác động làm cho bản thân mỗi cán bộ, đảng viên không vượt qua được sự cám dỗ, không thắng được chính mình, lo thu vén cá nhân, nghĩ cho mình trước khi nghĩ đến lợi ích của tập thể, lợi ích quốc gia, dân tộc. Nhiều người ở vị trí công tác của mình chỉ tìm cách thu lợi cá nhân nhiều hơn là tìm cách xây dựng cơ quan, đơn vị. Trong lúc đó, công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên còn những hạn chế nhất định. Công tác giảng dạy và học tập chính trị chưa được

coi trọng đúng mức, kém hiệu quả, nội dung và phương pháp giáo dục, truyền đạt chủ trương, đường lối của Đảng chậm đổi mới. Trong công tác phòng ngừa, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", chúng ta cũng chưa có cơ chế, chế tài cụ thể, thống nhất.

Thứ hai, đây là cuộc đấu tranh giữa ta với ta nên rất khó khăn, ý chí chủ quan của người lãnh đạo trong xử lý vi phạm và mối quan hệ xã hội, quan hệ công tác ngay trong nội bộ cơ quan, tổ chức làm hạn chế đến kết quả đấu tranh. Những người suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống thường sử dụng các quan hệ cá nhân để che khuất, lấp liếm những khiếm khuyết về năng lực. Những người này thường chú ý gây dựng, đầu tư cho những quan hệ xã hội với người có uy tín, ảnh hưởng để lợi dụng mưu cầu lợi ích cá nhân của mình. Khi họ vi phạm thì vì cả tin, vì quan hệ mà người có thẩm quyền xử lý dễ bỏ qua. Bên cạnh đó, do đặc điểm văn hóa của người Việt Nam thường cả nể, ngại đấu tranh hay né tránh, nương nhẹ việc xử lý cán bộ, đảng viên khi có sai phạm. Hơn nữa việc xử lý kỷ luật các trường hợp vi phạm trong nội bộ cơ quan, đơn vị cũng ảnh hưởng đến uy tín chính trị cũng như hình ảnh của cơ quan, đơn vị và trách nhiệm của người đứng đầu nên người thủ trưởng nhiều khi tha thứ vô nguyên tắc, xử lý nhẹ, "kín đáo", điều này làm giảm tính răn đe, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả của công tác phòng ngừa, ngăn chặn.

Thứ ba, do từ trước đến nay chưa có hệ thống các quy định của cơ quan, tổ chức cũng như các quy định của pháp luật điều chỉnh hành vi, biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ và các chế tài xử lý nên công tác

phòng ngừa, ngăn chặn cũng có những hạn chế nhất định. Bên cạnh đó công tác quản lý xã hội, quản lý nhà nước, cơ chế điều hành, lãnh đạo, chỉ huy trong các cơ quan nhà nước, hệ thống pháp luật còn những sơ hở, thiếu sót mà bản thân cán bộ, đảng viên vẫn có thể lợi dụng để tiến hành các hoạt động tham nhũng, tiêu cực hoặc "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" mà cơ quan, tổ chức không kiểm soát, không phát hiện được cũng là nguyên nhân hạn chế đến công tác phòng ngừa, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

Thứ tư, do âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch, phản động vẫn tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình", lợi dụng các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", dân tộc, tôn giáo, những yếu kém, sơ hở, mất cảnh giác trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước để xuyên tạc, vu cáo, bóp méo tình hình, cổ xúy cho lối sống hưởng thụ, thực dụng, ích kỷ cá nhân, tác động làm thay đổi nhận thức của cán bộ, đảng viên theo chiều hướng tiêu cực, khác với chủ trương, đường lối của Đảng. Các thế lực thù địch chưa từ bỏ âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình", xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nên chúng tìm cách làm suy thoái cán bộ, đảng viên, hạ uy tín của Đảng. Để thực hiện điều đó chúng tiến hành tuyên truyền, phá hoại tư tưởng, móc nối, lôi kéo cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật rồi tuyên truyền, xuyên tạc hạ uy tín của Đảng để làm thay đổi nhận thức của quần chúng nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ. Một số loại tội phạm tìm cách tiếp cận cán bộ, đảng viên có chức, có quyền để mua chuộc, chạy chức, chạy quyền, chạy dự án, chạy tội,... làm lũng đoạn nội bộ. Đây là nguyên nhân khá phổ biến làm suy thoái cán bộ, đảng viên trong hệ

thống chính trị. Điều này được các thế lực thù địch và các loại tội phạm tác động liên tục cùng với quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong bản thân mỗi cán bộ, đảng viên thúc đẩy họ chuyển hóa tư tưởng theo chiều hướng tiêu cực và có các hoạt động vi phạm pháp luật.

4. Để góp phần nâng cao hiệu quả công tác ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" theo chúng tôi cần thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Không ngăn chặn đẩy lùi được có nghĩa là chúng ta đầu hàng với cái tiêu cực, chúng ta sẽ thất bại trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm trong tự đấu tranh với chính mình và góp tiếng nói chung trong đấu tranh với suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong các cơ quan, tổ chức và trong đồng nghiệp, đồng chí của mình. Luôn luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, lấy đó làm kim chỉ nam cho mọi hành động. Mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn luôn cố gắng, nỗ lực học tập nâng cao trình độ, trui rèn bản lĩnh chính trị, chuyên môn nghề nghiệp để bổ sung cho những vấn đề còn khuyết thiếu của bản thân, đủ sức đề kháng nhằm ngăn chặn, đẩy lùi

suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Mỗi ngành, mỗi cơ quan cần xây dựng hệ thống các tiêu chí ứng xử, tiêu chí đạo đức công vụ để thông qua đó kiểm soát hành vi của cán bộ, đảng viên nhằm hạn chế tối đa các tiêu cực phát sinh.

Hai là, rà soát, phát hiện những sơ hở thiếu sót trong hệ thống pháp luật ở từng lĩnh vực khác nhau để bổ sung khắc phục kịp thời, không để những tiêu cực phát sinh từ sơ hở đó. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, hệ thống pháp luật để kiểm soát chéo lẫn nhau giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội, giữa những người có chức vụ, quyền hạn, giữa cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị để phòng ngừa, ngăn chặn những sai phạm. Xây dựng cơ chế để kiểm soát các hoạt động của cán bộ, đảng viên trên các lĩnh vực, đặc biệt là những lĩnh vực mà ở đó cán bộ, đảng viên dễ bị cám dỗ, mua chuộc, dễ bị tác động bởi những yếu tố môi trường công tác, dễ phát sinh tiêu cực,... Rà soát, hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi quyền lực của người đứng đầu theo hướng quyền hạn đến đâu trách nhiệm đến đó; phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm tập thể, cá nhân trong từng công đoạn giải quyết công việc và có chế tài xử lý nghiêm những hành vi vi phạm. Kiên quyết sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế, cho từ chức đối với cán bộ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", những cán bộ làm việc không hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, yếu về năng lực, kém về phẩm chất đạo đức, tín nhiệm thấp mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu. Các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo rà soát,

hoàn thiện các quy định, văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, điều hành bảo đảm công khai, minh bạch; ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực, "lợi ích nhóm", "sân sau", trục lợi trong quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, vốn đầu tư, đất đai, tài nguyên, khoáng sản, tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, phân bổ, quản lý và sử dụng biên chế...

Ba là, kiên quyết thực hiện đúng mục tiêu, có hiệu quả việc sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế gắn với cải cách chế độ công vụ, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đổi mới chính sách tiền lương theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII. Việc sắp xếp lại bộ máy nhà nước nhằm bảo đảm tinh giản, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao trách nhiệm của mỗi vị trí công tác, giảm quỹ lương cho ngân sách nhà nước đồng thời cũng là cách để nâng cao chính sách tiền lương, đáp ứng nhu cầu tối thiểu của cán bộ, công chức. Tinh giản bộ máy nhà nước cũng là cách để huy động nhân lực cho phát triển kinh tế, xã hội, xóa bỏ tư tưởng "ăn bám" vào ngân sách nhà nước của một bộ phận cán bộ thiếu năng lực. Cần đẩy mạnh xã hội hóa, tách cung ứng dịch vụ công và quản lý sản xuất kinh doanh ra khỏi chức năng quản lý nhà nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước; khắc phục tình trạng quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, tiêu cực của cán bộ, công chức. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng; rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các quy định nhằm tăng cường quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên; khắc phục những bất hợp lý trong công tác cán bộ, như: phân công, phân cấp, thẩm quyền quản lý, quy trình bổ nhiệm,... nhằm bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, tổng thể, liên thông giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị và chấn

chỉnh, khắc phục hiện tượng tiêu cực trong công tác bổ nhiệm, đề bạt cán bộ.

Bốn là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất đối với các tổ chức đảng trong hệ thống chính trị nhằm chủ động phát hiện dấu hiệu suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa để phòng ngừa, ngăn chặn. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng vừa là để chủ động phát hiện sai phạm của cán bộ, đảng viên để xử lý kịp thời vừa là biện pháp để cảnh báo, nhắc nhở cán bộ, đảng viên đang có ý định vi phạm phải dừng ngay ý nghĩ của mình, ngăn chặn, hạn chế những vụ việc vi phạm xảy ra. Công tác giám sát phải được thực hiện đối với tất cả các tổ chức đảng và đảng viên nhằm cảnh báo vi phạm, công tác kiểm tra cần được tiến hành có trọng tâm, trọng điểm đối với các tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm, đặc biệt là dấu hiệu suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Cần phát huy vai trò của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, điều tra và các cơ quan tư pháp để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, xử lý nghiêm minh đối với những cán bộ sai phạm theo quy định của pháp luật. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng; cán bộ, đảng viên vi phạm phải có hình thức xử lý kịp thời, chính xác, bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng.

Năm là, đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội phạm tuyên truyền phá hoại tư tưởng, móc nối, lôi kéo cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật. Đây là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong đó lực lượng Công an nhân dân đóng vai trò nòng cốt

và cần chủ động áp dụng các biện pháp đấu tranh, ngăn chặn. Trước hết cần tổ chức phối hợp với các cơ quan, ban, ngành trong hệ thống chính trị làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, chủ động phát hiện những sai phạm ngay từ khi mới bắt đầu để kịp thời ngăn chặn xử lý. Làm tốt công tác tham mưu, khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong nội bộ các cơ quan, ban, ngành mà các thế lực thù địch, các loại tội phạm có thể lợi dụng để móc nối, lôi kéo cán bộ, đảng viên, xâm hại an ninh nội bộ. Làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao ý thức cảnh giác cho cán bộ, đảng viên trước âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch.

Có thể nói suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ là một trong những nguy cơ đe dọa đến sự ổn định và phát triển của đất nước ta hiện nay. Nếu không kịp thời ngăn chặn, đẩy lùi sẽ tác động ảnh hưởng tới niềm tin của quần chúng nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, ảnh hưởng đến sự sống còn của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, thực hiện đồng bộ các giải pháp đã đề xuất trên đây sẽ góp phần quan trọng trong việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Đây cũng là trách nhiệm của mọi cán bộ, đảng viên, của mọi tổ chức đảng nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đủ uy tín, năng lực lãnh đạo đất nước trong mọi hoàn cảnh.

NGUYÊN NHÂN CỦA HẠN CHẾ, YẾU KÉM TRONG NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

GS. TS. TRẦN VĂN PHÒNG*

Những hạn chế, yếu kém trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở cán bộ nước ta có nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân khách quan và chủ quan chủ yếu sau:

Thứ nhất, những nguyên nhân khách quan:

Một là, tác động của mặt trái quá trình toàn cầu hóa, của kinh tế thị trường. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cùng với những mặt mạnh của nó cũng tạo ra những nguy cơ về lối sống thực dụng; văn hóa không lành mạnh; các lực lượng thù địch có cơ hội, điều kiện thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình"; một số tội phạm nước ngoài có điều kiện xâm nhập, v.v.. Tất cả những điều này cùng nhau tác động xấu tới đạo đức, lối sống, tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên làm cho việc ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện này thêm khó khăn,

---

* Viện trưởng Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

phức tạp, kém hiệu quả. Cùng với mặt trái của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế thì những hạn chế, yếu kém, khiếm khuyết của mặt trái kinh tế thị trường ở nước ta cũng tác động, ảnh hưởng tới việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở nước ta. Bởi lẽ, trong vòng xoáy của cơ chế thị trường, người ta bị lôi cuốn bởi sức hút của đồng tiền, tiền làm cho nhiều người bị mờ mắt, rơi vào tội lỗi, vi phạm pháp luật, vi phạm những chuẩn mực căn bản về đạo đức, lối sống, sẵn sàng bán rẻ tư tưởng chính trị và trượt dài sang "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Trong bộ *Tư bản* khi bàn về tích lũy tư bản, C. Mác đã so sánh: "Nếu tiền, theo lời của Ôgiê "ra đời với một vết máu ở bên má", thì tư bản mới ra đời lại có máu và bùn nhơ rỉ ra từ tất cả các lỗ chân lông, từ đầu đến chân"[1]. C. Mác còn trích dẫn tờ *Quarterly Reviewer*: "Tư bản tránh sự ồn ào và cãi cọ, và có bản tính rụt rè. Đó là sự thật, nhưng chưa phải là tất cả sự thật. Tư bản sợ tình trạng không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận quá ít, cũng như giới tự nhiên sợ chân không. Với một lợi nhuận thích đáng thì tư bản trở nên can đảm. Được bảo đảm 10 phần trăm lợi nhuận thì người ta có thể dùng tư bản vào đâu cũng được; được 20 phần trăm thì nó hoạt bát hẳn lên; được 50 phần trăm thì nó trở nên thật sự táo bạo; được 100 phần trăm thì nó chà đạp lên mọi luật lệ của loài người; được 300 phần trăm thì không còn tội ác nào là nó không dám phạm, dù có nguy cơ bị treo cổ. Nếu sự ồn ào và cãi cọ đem lại lợi nhuận thì tư bản khuyến khích cả hai. Chứng cớ là: buôn lậu và buôn nô lệ"[2]. Những nhận xét này của tờ

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr. 1056.

Quarterly Reviewer được C. Mác trích dẫn lại, kể từ khi tập I bộ *Tư bản* được xuất bản đã trên 170 năm nhưng vẫn giữ nguyên ý nghĩa. Nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay còn chưa phát triển đồng bộ, luật pháp chưa theo kịp và tương thích với thực tiễn phát triển kinh tế thị trường, quy luật cạnh tranh của thị trường như cá lớn nuốt cá bé cùng với những tác động mặt trái của nó đã khiến cho con người trở nên lạnh lùng, tàn nhẫn, vô cảm. Mặt trái của kinh tế thị trường tác động làm cho giáo dục đạo đức, lối sống; giáo dục lý luận chính trị; giáo dục tư tưởng bị coi nhẹ. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm hạn chế việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở cán bộ nước ta.

Hai là, sự chống phá của các thế lực thù địch. Các thế lực thù địch, phản động lợi dụng cơ hội, điều kiện của hội nhập quốc tế, cách mạng thông tin đẩy mạnh thực hiện "chiến lược diễn biến hòa bình"; lợi dụng các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", dân tộc, tôn giáo và những sơ hở, yếu kém của ta để xuyên tạc, bóp méo tình hình, cố tình tìm mọi cách cổ xúy cho lối sống thực dụng, ích kỷ, cá nhân. Chúng cấu kết với những phần tử bất mãn chính trị, phản động tăng cường chống phá ta[1] về tư tưởng chính trị; lôi kéo, dụ dỗ, mua chuộc cán bộ, làm cho một số cán bộ mắc bẫy rơi vào "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Đây là một nguyên nhân khách quan quan trọng làm hạn chế việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở cán bộ nước ta.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd,* tr.24.

Thứ hai, những nguyên nhân chủ quan:

Một là, sự yếu kém trong nhận thức hoặc nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng, vai trò, ý nghĩa của việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở cán bộ nước ta. Đây là một trong những nguyên nhân chủ quan trực tiếp làm hạn chế, yếu kém trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở cán bộ nước ta. Một mặt, chúng ta chưa nhận thức đầy đủ, chưa thực sự quan tâm đúng mức đến xây dựng đạo đức, lối sống, giáo dục chính trị tư tưởng; đến ngăn chặn "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Các chủ trương, chính sách đều có đề cập giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục chính trị tư tưởng; ngăn chặn "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ và trong xã hội, nhưng trên thực tế khi triển khai thực hiện thì chưa thật đầy đủ, chưa thật vững chắc, chưa thật toàn diện và chưa thật quyết liệt. Mặt khác, chúng ta nhận thức kém hoặc nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng, vai trò, ý nghĩa của việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở cán bộ nước ta. Chúng ta chưa nhận thức được rằng đây là vấn đề liên quan đến sự tồn vong của chế độ, nguyên nhân làm mất vai trò cầm quyền của Đảng, do vậy, chưa tập trung quyết liệt đấu tranh sống còn với những biểu hiện suy thoái này.

Điều này thể hiện ở chỗ, *trong giáo dục*, chúng ta chưa thực sự quan tâm đầy đủ tới nội dung, chương trình, đổi mới phương pháp, cách thức, thời gian dành cho giáo dục đạo đức, lối sống mới; cho giáo dục chính trị tư tưởng; giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Công tác giáo dục

chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giảng dạy và học tập nghị quyết của Đảng chưa được coi trọng đúng mức[1], v.v.. *Trong thông tin truyền thông*, chúng ta chưa chú ý đúng mức việc tuyên truyền, phổ biến những tấm gương đạo đức với lối sống cao đẹp dám hy sinh lợi ích cá nhân, xả thân vì cái chân - thiện - mỹ, lên án cái ác, cái xấu, cái vô đạo đức, cái vô cảm, lên án "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"... *Trong đời sống xã hội thường ngày*, chúng ta chưa chú ý đúng mức tới việc xây dựng đời sống đạo đức, lối sống mới từ trong gia đình cho đến nhà trường, xã hội. *Trong văn học, nghệ thuật* chưa nhiều tác phẩm lớn tiêu biểu ca ngợi, phổ biến, tuyên truyền cho đạo đức, lối sống mới với những chuẩn mực của cái đẹp, cái nhân văn, cái cao cả, cái chân - thiện - mỹ...

Hai là, hiệu lực, hiệu quả quản lý chưa cao, kỷ luật, kỷ cương không nghiêm. Đại hội XII của Đảng đã nhận định "Kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, thực thi công vụ còn nhiều yếu kém...; vẫn còn tình trạng những nhiễu, tiêu cực, oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Công tác phòng, chống tham nhũng chưa đạt yêu cầu đề ra; tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng"[2]. Chúng ta hội nhập kinh tế nhưng chậm xây dựng hàng rào kỹ thuật, hàng rào văn hóa, pháp lý, v.v.. để lọc mặt trái cũng như sự tác động của mặt trái.

Quản lý nền kinh tế thị trường của chúng ta còn nhiều yếu kém nên mặt trái của kinh tế thị trường có cơ hội tồn tại, lộng

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd,* tr.25.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd,* tr. 173-174.

hành, tác động tiêu cực tới đạo đức xã hội. Đối với giáo dục, đào tạo thì quản lý có mặt còn yếu kém. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu[1]. Đối với lĩnh vực văn hóa thì "Công tác quản lý nhà nước về văn hóa chậm được đổi mới, có lúc, có nơi bị xem nhẹ, thậm chí buông lỏng"[2]. Đối với lĩnh vực xã hội thì "Quản lý phát triển xã hội chưa xác định rõ định hướng và những nhiệm vụ mang tính tổng thể, đồng bộ, liên vùng, liên ngành, liên lĩnh vực, còn bị chia cắt theo địa giới hành chính, lĩnh vực quản lý. Hệ thống chính sách, pháp luật chưa đồng bộ"[3]. Công tác quản lý cán bộ, đảng viên cũng còn những bất cập, cho nên, mặc dù không phải là số đông nhưng vẫn còn có các cán bộ, đảng viên có nhiều biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống; tư tưởng chính trị; "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trở thành những tấm gương xấu cho quần chúng nhân dân, làm giảm lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Kỷ cương, kỷ luật không nghiêm, một mặt, làm cho cán bộ, đảng viên suy thoái này "nhờn thuốc" càng lún sâu vào suy thoái. Mặt khác, những cán bộ, đảng viên chân chính, Nhân dân mất niềm tin không quyết liệt đấu tranh với những biểu hiện suy thoái này. Đây là nguyên nhân quan trọng dẫn đến hạn chế, yếu kém trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở cán bộ, đảng viên nước ta.

Ba là, công tác kiểm tra, giám sát và xử lý kỷ luật đảng còn nhiều hạn chế. Đại hội XII của Đảng thẳng thắn đánh giá:

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr. 114.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr. 126,134.

"Chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý tổ chức đảng và đảng viên vi phạm chưa cao, chưa đủ sức góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nội bộ Đảng. Nhiều khuyết điểm, sai phạm của tổ chức đảng, đảng viên chậm được phát hiện, kiểm tra, xử lý, hoặc xử lý kéo dài nên kỷ cương, kỷ luật ở một số nơi chưa nghiêm; chưa phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và của nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát"[1]. Đã vậy, nhiều cấp ủy đảng, chính quyền các cấp chưa thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí cũng như công tác rèn luyện cán bộ. Do vậy, các hiện tượng vi phạm đạo đức, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" có biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, xảy ra trên nhiều lĩnh vực, ở nhiều cấp, nhiều ngành. Trong khi đó, "hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, nhiều nội dung chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, còn chồng chéo; tính công khai, minh bạch, khả thi, ổn định còn hạn chế"[2]. Sự thiếu đồng bộ, chưa hoàn thiện của hệ thống pháp luật là một trong những nguyên nhân dung dưỡng chủ nghĩa cá nhân, làm cho chủ nghĩa cá nhân tồn tại dai dẳng ở nước ta. Bởi lẽ, sự không đồng bộ của pháp luật đã làm cho việc quản lý xã hội, quản lý con người còn những kẽ hở, việc giải quyết mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, cộng đồng, xã hội cũng không được rõ ràng. Do vậy, những người cá nhân chủ nghĩa đã lợi dụng những kẽ hở này của pháp luật để trục lợi cá nhân, hy sinh lợi ích tập thể, cộng

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd,* tr. 195-196, 173.

đồng, xã hội. Hơn nữa, pháp luật không đồng bộ đã gây trở ngại cho việc xét xử những trường hợp tham ô, lãng phí, tham nhũng của công, bảo vệ "lợi ích nhóm xấu" bằng cách hy sinh lợi ích xã hội - những biểu hiện cụ thể khác nhau của chủ nghĩa cá nhân thời nay. Sự thiếu đồng bộ, chặt chẽ của pháp luật còn làm cho việc xét xử những tội danh tham ô, lãng phí, vi phạm đạo đức xã hội không nghiêm. Tất cả những điều này làm hạn chế, dẫn đến yếu kém trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở cán bộ nước ta.

Bốn là, sự thiếu tu dưỡng rèn luyện đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Chúng ta đều rõ, mỗi cá nhân nếu muốn có đạo đức trong sáng, không bị "tự diễn biến", 'tự chuyển hóa" thì phải tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cá nhân thường xuyên và liên tục. Nếu không được tu dưỡng, rèn luyện bền bỉ, thường xuyên, thì đạo đức có thể suy thoái, rơi vào "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Trên thực tế, mọi biểu hiện suy thoái trong đạo đức, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" đều bắt nguồn từ việc thiếu tu dưỡng, rèn luyện, không nghiêm khắc với bản thân, nhất là trong điều kiện khó khăn hoặc ở những môi trường nhiều cám dỗ dục vọng. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII cũng khẳng định nguyên nhân sâu xa của tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống, tư tưởng chính trị, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" là do những đảng viên đó thiếu tu dưỡng, rèn luyện; lập trường tư tưởng không vững vàng, bị cám dỗ bởi dục vọng, không làm tròn trách nhiệm[1].

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd*, tr.24-25.

Thực tế đã chứng minh, địa vị, chức quyền của người cán bộ tự nó không tạo nên quan liêu, tham nhũng, không làm nên sự suy đồi, suy thoái đạo đức, lối sống, không làm "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Chỉ có những cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện thường xuyên, liên tục mới dễ bị tiền tài, dục vọng cám dỗ; mới dễ dẫn đến lợi dụng, lạm dụng chức quyền để trục lợi, để phục vụ cho mục đích cá nhân; mới dễ bị tha hóa về đạo đức, mới "tự diễn biến", "'tự chuyển hóa". Thiếu tu dưỡng, rèn luyện là nguyên nhân chủ quan cơ bản dẫn đến sự tha hóa về đạo đức, suy thoái về tư tưởng chính trị; sa vào "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" của người cán bộ, đảng viên. Đây cũng là nguyên nhân chủ quan cơ bản dẫn tới hạn chế, yếu kém trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở cán bộ nước ta.

Cũng do thiếu ý thức rèn luyện, tu dưỡng nên việc triển khai thực hiện nội dung các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách của Đảng về rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, nâng cao năng lực, trình độ của cán bộ, đảng viên chưa thực sự tích cực, đồng bộ, thường xuyên, một số nơi thực hiện chưa nghiêm túc[1]. Do thiếu rèn luyện, tu dưỡng mà công tác tự phê bình và phê bình trong Đảng chỉ mang tính hình thức. Do vậy, tổ chức đảng không mạnh, kỷ luật đảng không nghiêm. Điều này cùng với một số nguyên nhân khác làm cho chủ nghĩa cá nhân có cơ hội nảy sinh, tồn tại, phát triển trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Do *cá nhân chủ nghĩa* mà ngại gian

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd,* tr. 193.

khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị, quyền hành. Họ tự cao, tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán, chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu mệnh lệnh. Họ không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập để tiến bộ. Cũng do cá nhân chủ nghĩa mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và của Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân"[1].

Nhưng, tác hại lớn nhất trong việc phát triển con người là chủ nghĩa cá nhân sẽ góp phần hình thành nên một lớp người có lối sống ích kỷ, chỉ biết chăm lo, vun vén cho cá nhân mình, không quan tâm đến người khác, đến tập thể, cộng đồng, xã hội. Những người cá nhân chủ nghĩa thường vô cảm, hờ hững trước nỗi đau, sự mất mát, sự khó khăn, thờ ơ trước số phận không may mắn của đồng loại. Nếu là cán bộ, họ hờ hững trước nỗi bất hạnh của người dân, không quan tâm tới Nhân dân, chỉ lo vun vén cho bản thân mình. Trong khi đó, "Việc đổi mới công tác cán bộ chưa có đột phá lớn. Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu nhất qua nhiều nhiệm kỳ nhưng chưa có những tiêu chí cụ thể và giải pháp khoa học để khắc phục. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy bằng cấp,... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi"[2]. Tình hình này làm cho những cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân chân chính nản lòng, buồn chán, giảm sút niềm tin, ngại đấu tranh với các hiện tượng sai

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr. 547.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr. 194.

trái, các biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", không muốn đấu tranh với những biểu hiện sai trái này. Điều này càng dẫn đến hạn chế, yếu kém trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở cán bộ nước ta.

Năm là, sự thiếu gương mẫu của một số cán bộ chủ chốt đứng đầu. Đa số cán bộ chủ chốt đứng đầu cơ quan, đơn vị ở nước ta là những tấm gương sáng về đạo đức, lối sống, tư tưởng chính trị, trí tuệ, chấp hành kỷ luật Đảng, v.v.. Tuy nhiên, thực tế cho thấy có một số người đứng đầu cơ quan, đơn vị thiếu gương mẫu, chưa đủ tầm, thiếu tâm, vi phạm nguyên tắc Đảng, v.v. sa vào bê tha, cá nhân chủ nghĩa. Điều này làm cho cán bộ dưới quyền không phục, cơ quan, đơn vị rơi vào mất đoàn kết, xuất hiện tình trạng "bằng mặt, không bằng lòng", nguyên tắc tập trung dân chủ bị vi phạm, kẻ xấu thì được cân nhắc, đề bạt, người tài giỏi, có đức bị cô lập, vô hiệu hóa, v.v.. Do vậy, những chủ trương, chính sách đúng của Đảng, Nhà nước về giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục chính trị tư tưởng; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái trong cán bộ, đảng viên được thực hiện một cách hình thức, không thực chất. Điều này dẫn tới hạn chế, yếu kém trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở cán bộ nước ta.

Trên đây là một số nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan dẫn đến những hạn chế, yếu kém trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở cán bộ nước ta. Trong đó, *những nguyên nhân chủ quan đóng vai trò quyết định.* Do vậy, cùng với ngăn ngừa, hạn chế tác động mặt trái của

hội nhập quốc tế, của kinh tế thị trường thì phải tập trung giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên; thực hiện nghiêm minh kỷ luật Đảng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống, tư tưởng chính trị, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN SUY THOÁI TRONG NỘI BỘ ĐẢNG

NGUYỄN ĐÌNH HƯƠNG*

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Ban Chấp hành Trung ương trình bày khá kỹ về tình hình, nguyên nhân và nêu ra 4 nhóm giải pháp để khắc phục và ngăn chặn tình hình suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

Nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và căn cứ vào tình hình của những biểu hiện tiêu cực đã và đang xảy ra, có một số vấn đề cần được làm rõ:

I- PHẢI TÌM RA NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN SỰ SUY THOÁI TRONG NỘI BỘ ĐẢNG

Nếu không tìm ra đúng nguyên nhân sẽ ví như người bác sĩ khám bệnh cho bệnh nhân mù nguyên nhân gây bệnh không rõ, thì cho thuốc điều trị sẽ không có hiệu quả. Theo tôi, có 5 nguyên nhân sau đây:

---

* Nguyên Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương.

a) Trong công tác lựa chọn, bố trí cán bộ, nhất là cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, có một số người không đủ tiêu chuẩn, không gương mẫu như lời dạy của Bác: "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư".

Người đứng đầu một tổ chức mà không trong sáng thì làm sao nói được cán bộ, đảng viên dưới quyền. Cha ông ta có câu "thượng bất chính thì hạ tắc loạn".

Từ Đại hội IX đến Đại hội XI, do bố trí một số cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược chưa chính xác, nên từ đó mới xảy ra quá nhiều vụ án lớn làm thất thoát hàng ngàn tỷ của đất nước.

Từ bố trí sai cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược dẫn đến việc bố trí dàn cán bộ, nhất là người đứng đầu một số ban, bộ, một số tỉnh, thành phố chưa chính xác; không những không có tác dụng cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng, mà ngược lại có trường hợp còn tiếp tay cho kẻ tham nhũng.

Chưa quy định cụ thể tiêu chí cán bộ cho từng chức danh, "định hướng không định lượng" nên mới xảy ra tình trạng chạy chức, chạy quyền, nhất là vào dịp chuẩn bị nhân sự Đại hội Đảng, nhân sự cấp ủy đông nhưng chất lượng thấp, không tránh khỏi để lọt cán bộ cơ hội, biến chất vào cấp ủy.

Nếu cứ để như hiện nay thì không những không khắc phục được tệ nạn tiêu cực, suy thoái trong cán bộ, đảng viên, mà còn phát sinh ra nhiều vấn đề phức tạp hơn.

b) Hệ thống tổ chức bộ máy từ Trung ương đến địa phương chưa phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước.

Đã xảy ra nhiều vụ làm thất thoát hàng ngàn tỷ của đất nước mà không ai chịu trách nhiệm, không ai xin từ chức vì không làm tròn nhiệm vụ. Một cơ cấu tổ chức chồng chéo,

một việc nhiều cơ quan cùng làm nhưng không ai chịu trách nhiệm khi để xảy ra thất thoát hàng ngàn tỷ của Nhân dân.

Một bộ máy tổ chức không còn phù hợp dẫn đến biên chế quá lớn, ngân sách nhà nước không thể chịu nổi.

c) Luật pháp Việt Nam chưa hoàn chỉnh, nhất là pháp luật chống tham nhũng, còn nhiều vấn đề cần phải bổ sung để trình ra Quốc hội.

Qua một số vụ án làm thất thoát hàng trăm, hàng ngàn tỷ, kẻ phạm pháp có cán bộ, đảng viên bị phạt tù hoặc kỷ luật cách hết các chức vụ, nhưng tài sản họ tham nhũng không được thu hồi.

Việc kê khai tài sản chưa nghiêm túc, chủ yếu để trấn an dư luận, còn kẻ tham nhũng đã tẩu tán cho người khác đứng tên, khó mà xử lý, không thể niêm phong, phong tỏa các tài sản của một cá nhân có dấu hiệu vi phạm tội tham nhũng. Tài sản của họ đã mang tên người khác.

d) Cơ chế giám sát quyền lực

Trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền luôn phải có biện pháp hạn chế và kiểm soát quyền lực. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất quan tâm vấn đề quyền lực nhà nước, Người đã quan sát và dự đoán được hậu quả của việc lạm dụng quyền lực.

- Trong thực tế chục năm lại đây, người làm quan đã lạm dụng quyền lực để cấp đất, cấp dự án và bố trí người thân vào các vị trí lãnh đạo và quản lý để mưu cầu lợi ích cho cá nhân và người thân.

- Tổ chức nào được quyền giám sát cơ quan lãnh đạo cấp

cao nhất của Đảng và Nhà nước? Khi tôi còn làm công tác tổ chức, có ba "vùng cấm": một là Bộ Chính trị, hai là Bộ Quốc phòng, ba là Bộ Công an.

- Mất dân chủ, chuyên quyền, độc đoán còn khá phổ biến ở một số cán bộ có chức, có quyền.

- Ủy ban Kiểm tra là do Ban Chấp hành Trung ương bầu, không phải do Đại hội bầu nên khi một Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư có dấu hiệu vi phạm thì phải được tập thể Bộ Chính trị cho phép mới được tiến hành kiểm tra. Đã từng có ý kiến đề nghị tổ chức ủy ban giám sát hoặc ủy ban kiểm tra do Đại hội Đảng bầu nhưng không được chấp nhận.

- Tổng Bí thư Lê Duẩn đã từng nêu quan điểm: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Tuy nhiên "dân làm chủ" mà dân lại không có quyền giám sát cán bộ lãnh đạo. Ngay ở nhiều đảng bộ, biết cán bộ cấp trên vi phạm nhưng cũng không dám nói, huống gì người dân bình thường.

- Trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII có nêu vấn đề giám sát, nhưng tổ chức nào có quyền giám sát cán bộ lãnh đạo cao nhất, khi họ có dấu hiệu vi phạm?

- Có cán bộ giúp Đảng và Nhà nước có quyền kiểm tra, thanh tra, điều tra cán bộ có dấu hiệu vi phạm, đã bị mua chuộc bằng vật chất nên trong khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra đã báo cáo sai sự thật.

đ) Nhóm lợi ích "tiêu cực" vừa là thủ phạm, vừa là nguyên nhân

Một nguyên nhân mà trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII ít nói đến là nhóm lợi ích "tiêu cực". Đây vừa là thủ

phạm, vừa là nguyên nhân. Nhóm lợi ích "tiêu cực" ngang nhiên lũng đoạn và thao túng một số cán bộ có chức, có quyền, làm lá chắn để đục khoét của cải của đất nước, mua chuộc bằng tiền, bằng vật chất. Đảng ta nói xây và chống nhưng chống còn yếu.

II- SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

Sau khi có Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Bộ Chính trị, nhất là Tổng Bí thư và cơ quan chức năng đã có biểu thị sự quyết tâm chống tham nhũng và suy thoái trong bộ máy đảng và cơ quan nhà nước. Một số vụ án lớn đã được điều tra và đưa ra xét xử, kỷ luật một số cán bộ cao cấp có liên quan, tạo niềm tin trong Đảng và trong Nhân dân. Song muốn ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái trong nội bộ Đảng không thể chờ vào sự tự giác và phê bình, tự phê bình, càng không thể dùng công tác tư tưởng để đẩy lùi sự suy thoái. Thực tế không có ai tự mình nhận có tham nhũng và nhận mình có tội phản bội lại đất nước. Chỉ có sự gương mẫu của cán bộ lãnh đạo, nhất là người đứng đầu một ngành, một địa phương, thậm chí một đảng, một chính phủ mới may ra có tác dụng răn đe cán bộ cấp dưới quyền.

- Phải trong sạch, trước hết là cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy, cấp nhà nước như: kiểm tra, thanh tra, công an, quân đội, tổ chức, cán bộ... phải trong sạch.

- Mọi cán bộ, đảng viên phải tuân thủ Điều lệ Đảng và pháp luật nhà nước. Nếu không quy định rõ ràng, cụ thể trong Điều lệ Đảng và trong Luật phòng, chống tham nhũng thì không thể chống tham nhũng có hiệu quả.

Tóm lại, cuộc đấu tranh chống tham nhũng và suy thoái về đạo đức, lối sống trong nội bộ Đảng là cuộc đấu tranh lâu dài, không thể chỉ có Bộ Chính trị, Ban Bí thư mà tất cả cấp ủy, ban cán sự các bộ, ngành phải vào cuộc thì cuộc chống suy thoái trong nội bộ Đảng mới thành công.

MỘT SỐ CĂN NGUYÊN CỦA HẠN CHẾ, YẾU KÉM TRONG NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, BIỂU HIỆN "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" TRONG CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN Ở NƯỚC TA

TS. PHẠM VĂN THUẦN*

Quán triệt và thực hiện các nghị quyết của Đảng, gần nhất là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, những năm qua đất nước ta đã đạt được những kết quả tích cực trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tuy nhiên, việc thực hiện các nghị quyết này vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. "Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn"[1]. Vì vậy, việc xây dựng Đảng vững mạnh, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"

---

* Ban Tổ chức Trung ương.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.185.

trong nội bộ đang tiếp tục là đòi hỏi khách quan, cấp thiết. Điều này chỉ có thể được thực hiện tốt bằng hệ thống giải pháp đồng bộ, có tính khả thi, được xây dựng trên cơ sở nhận thức đầy đủ, đúng đắn những căn nguyên của hạn chế, yếu kém trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên ở nước ta. Những căn nguyên này có cả khách quan và chủ quan, trong đó có một số căn nguyên chủ quan mang tính quyết định sau:

Một là, do công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa được coi trọng đúng mức và tiến hành thiếu nền nếp, chất lượng và hiệu quả thấp.

Giáo dục chính trị tư tưởng đóng vai trò quan trọng tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên. Thời gian qua, mặc dù Đảng, Nhà nước ta đã quan tâm đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, đặc biệt là thế hệ trẻ, nhưng nhìn chung hiệu quả còn thấp. Chương trình giáo dục chính trị tư tưởng lạc hậu, chậm đổi mới, nhiều nội dung chồng chéo, trùng lặp, nặng về lý luận, xa rời thực tế; hình thức tuyên truyền, giáo dục chưa phong phú, đa dạng. Hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng lý luận chưa tạo được sự đột phá trong trang bị kiến thức về lý luận chính trị cho người học, đáp ứng với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước. Nhận thức chính trị, bản lĩnh, lập trường của cán bộ, đảng viên chưa thật sự được xây dựng và bồi đắp trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về tính khách quan, khoa học trong những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; việc học tập lý luận chính trị ở một số nơi còn mang tính hình thức, chạy theo văn bằng, chứng chỉ, phương pháp giảng dạy lạc hậu. Do đó, khi gặp khó khăn, trở ngại

không ít người băn khoăn, hoang mang, dao động, cá biệt mất phương hướng về bản lĩnh, lập trường.

Mặt khác, việc tổ chức học tập, nghiên cứu nghị quyết, đường lối, chủ trương của Đảng trong một số tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên chưa được thực hiện nghiêm túc, khoa học để tạo ra niềm tin và hành động đúng đắn cho cán bộ, đảng viên, giúp họ phân biệt rõ đúng sai, đứng vững và phản bác có hiệu quả trước sự tấn công, xuyên tạc của các thế lực thù địch hoặc những quan điểm sai trái. Việc tuyên truyền, quán triệt và "thực hiện nội dung các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách của Đảng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, nâng cao năng lực, trình độ của cán bộ, đảng viên chưa được coi trọng đúng mức, thiếu chủ động, tích cực, đồng bộ, thường xuyên, chưa thực sự lan tỏa sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, một số nơi thực hiện chưa nghiêm túc. Việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị khoá XI về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh[1] chưa đều, chưa đi vào chiều sâu"[2]. Tất cả đó là cội rễ dẫn tới những vi phạm về phẩm chất, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay.

Hai là, do những yếu kém trong công tác quản lý cán bộ, đảng viên, quản lý xã hội đã tạo ra kẽ hở dẫn tới sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

---

1. Hiện nay là Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị khoá XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd,* tr.193.

Trong điều kiện hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, chặt chẽ, phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên còn hạn chế đã dẫn tới những lỗ hổng, yếu kém trong quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội, gây ra tình trạng thực thi và chấp hành pháp luật không nghiêm của cả ở người duy trì và người chấp hành pháp luật. Tình trạng phân hóa giàu nghèo trong xã hội và trong đội ngũ cán bộ, đảng viên gia tăng, những tiêu cực, tệ nạn xã hội chưa được kiểm soát kịp thời, còn những kẻ làm ăn bất chính, đạo đức suy thoái vẫn nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật... đã tác động tới tâm lý, tư tưởng của người dân. Tình trạng hối lộ, chạy chức, chạy quyền, chạy tội, chạy dự án để tham nhũng, làm giàu bất chính... đang được Đảng, Nhà nước quyết tâm ngăn chặn, song vẫn tồn tại và có chiều hướng gia tăng. Nếu trước đây, biểu hiện "suy thoái" xảy ra mang tính cá biệt, thường ở một số cán bộ, đảng viên trong lĩnh vực kinh tế, quản lý cơ sở vật chất, kiểu bớt xén, ăn cắp vặt... thì nay đang xảy ra ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ cao cấp, ở tất cả các lĩnh vực (cả những lĩnh vực như: giáo dục, văn hóa, công an, viện kiểm sát, tòa án, tổ chức cán bộ, y tế...), nguy hại hơn là diễn ra có tổ chức, cấu kết trên dưới, liên ngành, lợi ích nhóm... Điều đó vừa gây nhức nhối trong dư luận xã hội, vừa làm giảm sút niềm tin vào tính thượng tôn của pháp luật, gây tâm lý bàng quan, thờ ơ với chính trị, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Mặt khác, những bất cập về cơ chế chính sách, nhất là về tiền lương, chế độ nhà ở, đất ở, phương tiện làm việc... giữa các cấp cán bộ lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức trong hệ thống chính trị cũng gây ra tâm lý bức xúc, kích thích cho sự tha hóa, bất chấp pháp luật trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Thêm vào đó, việc quản lý ngân sách, quản lý tài sản nhà nước còn yếu kém cũng tạo ra môi trường, kẽ hở để một số người có chức, có quyền tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, xa rời mục tiêu, lý tưởng của mình. Nhiều vụ việc tiêu cực, tham nhũng, làm trái các quy định của Đảng và Nhà nước diễn ra nghiêm trọng, kéo dài nhưng tổ chức đảng, chính quyền không phát hiện được; thậm chí qua các lần tổng kết, kiểm điểm định kỳ, kiểm điểm chuyên đề, kiểm tra, thanh tra, giám sát hầu hết đều đánh giá là cán bộ tốt, đảng viên đủ tư cách và hoàn thành tốt hoặc xuất sắc nhiệm vụ, cơ quan, đơn vị, tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh; chỉ đến khi Nhân dân, báo chí nêu lên và các cơ quan chức năng vào cuộc mới phát hiện. Như vậy, sự yếu kém trong quản lý của tổ chức đảng, nhà nước hiện nay chính là một trong những căn nguyên hàng đầu dẫn tới sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của không ít cán bộ, đảng viên, góp phần khuyến khích và thúc đẩy những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên.

Ba là, do việc chấp hành kỷ luật của một số tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên chưa nghiêm.

Vai trò lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội được thể hiện thông qua các tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở và đội ngũ cán bộ, đảng viên... Song, ở nhiều nơi, việc chấp hành kỷ luật của một số tổ chức đảng và cán bộ,

đảng viên chưa nghiêm, nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng bị buông lỏng, thậm chí vi phạm nghiêm trọng; việc thực hiện dân chủ còn mang tính hình thức, có lúc, có nơi còn bị lợi dụng để phục vụ cho mục đích cá nhân. Công tác cán bộ còn nhiều hạn chế, còn có biểu hiện áp đặt, thiếu khách quan, minh bạch, thậm chí có tiêu cực, dẫn tới các "bệnh": bè phái, cục bộ, mất đoàn kết, thống nhất trong các tổ chức của hệ thống chính trị; không chọn được đúng người để phân công đúng việc, bỏ sót nhiều người có phẩm chất và năng lực tốt. Những hạn chế này có thể làm nảy sinh ý thức coi nhẹ việc chấp hành nguyên tắc sinh hoạt đảng, thiếu tin tưởng, tôn trọng đối với cán bộ cấp trên; giảm nhiệt tình tu dưỡng, phấn đấu...

Bên cạnh đó, việc chấp hành kỷ luật đảng không nghiêm cũng dễ dẫn tới những vi phạm về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Một số tổ chức đảng chưa coi trọng đúng mức và thực hiện nghiêm quy định, kỷ luật đảng, như: nhận thức về vai trò của kỷ luật đảng chưa đầy đủ; buông lỏng quản lý cán bộ, đảng viên; việc kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên chưa tốt; đấu tranh chống tiêu cực và xử lý các vụ việc chưa nghiêm, nể nang, né tránh, "trên nhẹ, dưới nặng", cá biệt có biểu hiện bao che người vi phạm, trù dập người phê bình, tố cáo; việc nắm bắt diễn biến tư tưởng cán bộ, đảng viên thiếu đầy đủ, kịp thời... Điều này cũng là căn nguyên tạo nên sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên hiện nay.

Bốn là, do một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, phấn đấu trong học tập và rèn luyện.

Trong điều kiện kinh tế thị trường và dưới sự chi phối, tác động từ nhiều phía, không ít cán bộ, đảng viên rơi vào

chủ nghĩa cá nhân. Họ thiếu tự giác tu dưỡng, rèn luyện thường xuyên nên phai nhạt mục tiêu, lý tưởng, bị chi phối bởi quan điểm thực dụng, nặng về vật chất, mắc các căn bệnh như: "quan cách mạng", quan liêu, hẹp hòi, ích kỷ, thu vén lợi ích cá nhân... Mặt khác, do không có mục tiêu, động cơ phấn đấu đúng đắn nên những cán bộ, đảng viên này thường lười học tập, nghiên cứu lý luận chính trị, đường lối, quan điểm của Đảng. Điều đó đã dẫn tới những yếu kém về nhận thức chính trị, bản lĩnh, lập trường, trước cám dỗ "đời thường" dễ tự đánh mất mình, vi phạm kỷ luật đảng, những điều đảng viên không được làm, vi phạm pháp luật nhà nước.

Một số cán bộ, đảng viên thời gian đầu còn gương mẫu, gần gũi Nhân dân, đến lúc có chức, có quyền do thiếu tu dưỡng rèn luyện nên có biểu hiện xa dân. Không ít cán bộ, đảng viên chỉ trong thời gian ngắn, bằng những phương cách bất minh trở nên giàu có, sống xa hoa, coi thường quần chúng nên gây bức xúc trong Nhân dân. Những biểu hiện trên nếu không được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực trong cách nghĩ và hành động của cán bộ, đảng viên, quần chúng trong cơ quan, tổ chức nơi họ công tác cũng như của Nhân dân nơi cư trú, và rộng ra là cả toàn xã hội. Đây không chỉ là căn nguyên của suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", mà còn là nguy cơ lớn đe dọa đến sự tồn vong của Đảng và chế độ ta.

Năm là, do việc nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới.

Để lãnh đạo đất nước tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng ta đã quan tâm tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, có những bước phát triển mới về tư duy lý luận. Tuy nhiên, thực

tiễn đổi mới càng đi vào chiều sâu càng có nhiều vấn đề phức tạp đặt ra, đòi hỏi lý luận phải luận giải để dẫn dắt hoạt động thực tiễn. Song, công cuộc đổi mới đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa diễn ra chưa có tiền lệ, lại trong bối cảnh lịch sử có nhiều biến động phức tạp, đầy khó khăn, thách thức nên tất yếu có những vấn đề thực tiễn khó, phức tạp mà lý luận chưa đáp ứng được. Ví dụ, xây dựng mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thế nào? Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế để bảo đảm vừa phát triển kinh tế vừa không chệch hướng xã hội chủ nghĩa? Mô hình tổ chức bộ máy hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa như thế nào để bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả?... Công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận của Đảng có mặt chưa ngang tầm với sự phát triển của thực tiễn; chưa giải đáp đầy đủ, có căn cứ khoa học, thuyết phục một số vấn đề quan trọng do thực tiễn đặt ra. Việc nghiên cứu, sửa đổi, ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật thích ứng với quá trình vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa kịp thời. Những hạn chế về tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận cũng tác động tiêu cực tới nhận thức, tư tưởng chính trị của một số cán bộ, đảng viên và Nhân dân, tạo ra những băn khoăn, thắc mắc trong quá trình đổi mới, dẫn đến sự thiếu thống nhất trong nhận thức và hành động. Điều đó đặt trong bối cảnh khi các thế lực thù địch chống phá quyết liệt hòng phủ nhận nền tảng lý luận của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã gây tâm trạng hoài nghi về mục tiêu chính trị của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước.

Bên cạnh những căn nguyên chủ quan nêu trên, về khách quan còn phải kể đến những căn nguyên sau:

Thứ nhất, do những tác động tiêu cực từ mặt trái kinh tế thị trường ở nước ta.

Trong bối cảnh lịch sử mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta tiến hành công cuộc đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo điều kiện để giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy các ngành, nghề, lĩnh vực kinh tế phát triển, đẩy nhanh ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại để tạo ra thế và lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy vậy, mặt trái của kinh tế thị trường cũng tác động tiêu cực, dễ làm cho người cán bộ, đảng viên sa ngã, biến chất về nhân cách; làm cho một bộ phận cán bộ nảy sinh tư tưởng chủ quan, tự mãn, bảo thủ, mắc bệnh thành tích, sa vào chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, thiếu tâm huyết với công việc, thiếu gương mẫu, nói nhiều làm ít, nói không đi đôi với làm; ý thức tự phê bình và phê bình, tính chiến đấu kém; lợi dụng chức quyền để vun vén lợi ích cá nhân, tham nhũng, hối lộ, lợi ích nhóm, lãng phí; phân hóa giàu - nghèo, làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn xã hội; xuất hiện lối sống chạy theo đồng tiền bất chấp đạo lý... Nguy hiểm hơn, khi mặt trái của kinh tế thị trường kết hợp với mặt trái của quyền lực, là sự kết hợp giữa tiền và quyền hoặc ngược lại, đã tạo sự cộng hưởng gây nên những tiêu cực, suy thoái về đạo đức, suy đồi về nhân cách trong đội ngũ cán bộ, đảng viên hết sức nghiêm trọng, gây tác hại rất lớn, làm cho Nhân dân bất bình và giảm niềm tin đối với Đảng, Nhà nước, với chế độ xã hội chủ nghĩa. Đã có cán bộ, đảng viên từ chỗ bị tiền và quyền lực tha hóa mà quay lưng lại với Tổ quốc. Đây thực sự là nguy cơ, là quốc nạn nếu không được ngăn chặn kịp thời.

Thứ hai, do tàn dư lạc hậu của xã hội phong kiến tác động.

Những tàn dư lạc hậu của xã hội phong kiến, tư tưởng tiểu nông tồn tại hàng ngàn đời đã trực tiếp tác động tới con người Việt Nam ngày nay. Một số tư tưởng, tập quán, phong tục lạc hậu của xã hội cũ (tự do, tùy tiện, cục bộ, dòng họ, thân quen, "một người làm quan, cả họ được nhờ", cảm tính, nặng về kinh nghiệm, xem thường tri thức khoa học,...) còn ăn sâu vào nếp nghĩ và hành động của nhiều người, trong đó có cả cán bộ, đảng viên. Không ít cán bộ, đảng viên vẫn còn mang theo những nét tính cách, tác phong lạc hậu, không còn phù hợp với sự phát triển của xã hội mới, xã hội chủ nghĩa. Sự lạc hậu thể hiện rõ trong cách nghĩ, cách ứng xử, trong công việc: tư tưởng trọng nam khinh nữ, thái độ tùy tiện trong công tác, lao động sản xuất; lối nghĩ duy cảm; thành kiến Nho giáo; bệnh thành tích, ham phô trương, tư tưởng thực dụng... đang cản trở sự phát triển xã hội, làm suy thoái một bộ phận cán bộ, đảng viên. Những nét tính cách, tác phong đó làm cho những người này dễ hoang mang, dao động khi gặp khó khăn, thử thách hoặc khi đứng trước những vấn đề phức tạp, mất phương hướng, thậm chí tha hóa, biến chất, rơi vào chủ nghĩa cá nhân, từng bước suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, xa rời mục tiêu, lý tưởng của Đảng và dân tộc.

Thứ ba, do những diễn biến phức tạp về tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trước sự thoái trào của chủ nghĩa xã hội hiện thực và tác động của quá trình toàn cầu hóa.

Chế độ xã hội chủ nghĩa với những giá trị tốt đẹp và thành tựu to lớn trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã ghi dấu ấn đậm nét trong tư

tưởng, tình cảm và coi đó là mục tiêu phấn đấu của đông đảo nhân dân trên thế giới, trong đó có cán bộ, đảng viên và Nhân dân Việt Nam. Do đó, khi chủ nghĩa xã hội hiện thực ở các nước Đông Âu và Liên Xô lâm vào khủng hoảng, sụp đổ đã tác động mạnh mẽ tới nhiều người, tạo ra những băn khoăn, trăn trở trong tư tưởng và tình cảm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Trong khi đó, bằng những nỗ lực điều chỉnh, thích nghi và tận dụng thành tựu của khoa học, công nghệ hiện đại, chủ nghĩa tư bản có sự phát triển kinh tế, khoa học - kỹ thuật, tăng cường quốc phòng, xoa dịu một số mâu thuẫn vốn có... nên muốn khẳng định chân lý, ra sức xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin với tư cách là nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa xã hội. Công cuộc cải cách, đổi mới ở một số nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, tuy có nhiều thành tựu quan trọng nhưng đang gặp phải nhiều khó khăn, thách thức. Điều đó cũng đã tác động tới tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Xu hướng toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, lôi cuốn tất cả các quốc gia vào vòng xoáy của nó. Toàn cầu hóa tạo ra thời cơ thuận lợi cho nước ta nhưng những thách thức mà nó đặt ra cũng không nhỏ. Bên cạnh những thành tựu văn minh, tiến bộ của nhân loại thì những yếu tố xấu độc (đề cao chủ nghĩa cá nhân, "cá lớn nuốt cá bé", đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập...) của xã hội tư bản cũng tự nhiên du nhập vào Việt Nam; cộng với việc các thế lực thù địch lợi dụng có chủ ý để đẩy mạnh du nhập, áp đặt các yếu tố gây nguy hại tới mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta thông qua các hoạt động kinh tế, đầu tư, du lịch, giáo dục, văn hóa... Trước tác động tiêu cực của toàn cầu hóa và sự chống phá của các thế lực thù địch nhằm áp đặt các giá trị của chủ

nghĩa tư bản, không ít người đã tỏ ra băn khoăn, dao động. Một số người mất phương hướng, thiếu niềm tin về tương lai của chủ nghĩa xã hội, quay trở lại công kích chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây là những tiền đề dẫn tới suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong một bộ phận cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay.

Thứ tư, do tác động từ âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa tư bản đã tận dụng cơ hội để công kích chủ nghĩa xã hội, tuyên truyền cho cái gọi là "kỷ nguyên của chủ nghĩa xã hội đã chấm dứt". Các thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội tập trung chống phá quyết liệt các nước xã hội chủ nghĩa còn lại mà Việt Nam là một trọng điểm thông qua chiến lược "diễn biến hòa bình" để nhằm xóa bỏ hoàn toàn chủ nghĩa xã hội trên thế giới. Với mục tiêu làm suy giảm niềm tin của Nhân dân ta đối với Đảng, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiến tới xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Các thế lực thù địch thông qua chiến lược "diễn biến hòa bình" đã không từ bất cứ thủ đoạn nào. Chúng lợi dụng những yếu kém trong quản lý kinh tế - xã hội ở nước ta, sự tha hóa của một số cán bộ, đảng viên để chia rẽ nội bộ, khoét thêm mâu thuẫn, lôi kéo, mua chuộc những người có tư tưởng chính trị, bản lĩnh, lập trường không vững. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là mạng xã hội, các thế lực thù địch tìm cách xuyên tạc, nói xấu Đảng, lãnh tụ, các đồng chí lãnh đạo nhằm gây ra sự hoang mang, dao động trong cán bộ, đảng viên, làm giảm lòng tin của Nhân dân đối với Đảng; từ đó, tuyên truyền kêu gọi cái gọi là "đa nguyên chính trị",

kích động chia rẽ hòng gây rối loạn về chính trị, tạo ra các yếu tố để cán bộ, đảng viên và Nhân dân ta "tự diễn biến" từ bên trong.

Tóm lại, những căn nguyên hạn chế, yếu kém trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ ở nước ta hiện nay có cả chủ quan và khách quan, nhưng căn nguyên chủ quan mang tính quyết định và trực tiếp ảnh hưởng. Đây chính là cơ sở hết sức quan trọng để xác định hệ thống giải pháp thiết thực, đồng bộ nhằm ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ ở Việt Nam hiện nay; qua đó, góp phần xây dựng Đảng ta trong sạch vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ để lãnh đạo, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

CÁC CĂN NGUYÊN CỦA HẠN CHẾ, YẾU KÉM TRONG NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, BIỂU HIỆN "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" Ở VIỆT NAM

TS. TRỊNH QUANG BẮC*

1. Đặt vấn đề

Bên cạnh thời cơ và thuận lợi cũng có không ít khó khăn, thách thức, nguy cơ do mặt trái của hội nhập mang lại. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, một số cán bộ cao cấp đã có sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" với những biểu hiện khác nhau như phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, lợi ích nhóm, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc, vô cảm với Nhân dân, làm tổn hại uy tín, vị thế của Đảng, suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng

---

* Vụ Đảng viên, Ban Tổ chức Trung ương.

viên là yêu cầu cấp bách trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" chính là quá trình đấu tranh giữa tư tưởng xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, giữa cái lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể trong tư tưởng, quan điểm, lập trường của người cán bộ, đảng viên. Trong đó, tư tưởng, lập trường, quan điểm thiên về tư bản chủ nghĩa và lợi ích cá nhân tăng dần lên, còn tư tưởng, lập trường, quan điểm về chủ nghĩa xã hội, về lợi ích tập thể phai nhạt và bị xem nhẹ dần. Sự "tự diễn biến" đến một ngưỡng nào đó, khi đạt đến "độ" thì nó "tự chuyển hóa" thay đổi về chất. Trong thực tế cách mạng Việt Nam hiện nay, đó chính là sự thay đổi trong quan điểm, tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Sự thay đổi này đưa tới những hành động đi ngược lại, thậm chí chống lại quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Như vậy, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, đảng viên là sự suy thoái từ bên trong, là quá trình tự biến đổi về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên theo chiều hướng tiêu cực. Chủ thể của "tự diễn biến" là cán bộ, đảng viên, bất kể ở vị trí nào. Vị trí của người cán bộ, đảng viên càng cao thì hậu quả tiêu cực của "tự diễn biến" càng lớn. Còn chủ thể của "tự chuyển hóa" vừa là cán bộ, đảng viên, vừa là tổ chức của chính những cán bộ, đảng viên đó. Tuy nhiên, sự xác định như vậy cũng chỉ mang tính tương đối. "Tự diễn biến" và "tự chuyển hóa" có quan hệ chặt chẽ với nhau giống như mối quan hệ không thể phân biệt giữa cá nhân trong tổ chức mà cá nhân đó là thành viên. "Tự diễn biến" là quá trình

thẩm thấu từng ngày, từng hoạt động của các chủ thể, còn "tự chuyển hóa" là đích đến, là hệ quả của "tự diễn biến" của các cá nhân, tổ chức.

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" về bản chất là một quá trình suy thoái từ bên trong nội bộ. Một mặt, do tác động khách quan, như mặt trái của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và do âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" vào từng con người và tổ chức; mặt khác từ nguyên nhân chủ quan do một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Trong đó, nguyên nhân chủ quan là chủ yếu.

Thực tiễn ở Liên Xô (cũ) và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu những thập kỷ cuối thế kỷ XX cho thấy, nếu ban lãnh đạo các đảng cộng sản không "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", giữ vững vai trò lãnh đạo xã hội; quần chúng nhân dân và lực lượng vũ trang kiên quyết bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa thì các thế lực thù địch không thể xóa bỏ được chế độ xã hội chủ nghĩa. Đúng như V.I. Lênin đã căn dặn: Không ai có thể đánh đổ được chúng ta, trừ chính những sai lầm của chúng ta.

Như vậy, cần phải thống nhất nhận thức: Phòng, chống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", thực chất là phòng ngừa, triệt tiêu nguyên nhân chủ quan dẫn đến thoái hóa, biến chất là vấn đề có ý nghĩa sống còn.

Đại hội XII của Đảng đánh giá: "Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn

biến phức tạp hơn”[1] và “những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” có xu hướng diễn biến phức tạp trong Đảng, trong hệ thống chính trị và trong xã hội. Không ít cán bộ, đảng viên có những biểu hiện dao động, mất phương hướng, hoài nghi về vai trò lãnh đạo của Đảng, về mục tiêu, lý tưởng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đã xuất hiện những việc làm và phát ngôn vô nguyên tắc, trái với Cương lĩnh, đường lối, Điều lệ Đảng ở một số cán bộ, đảng viên”[2].

Như vậy, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên vẫn diễn ra nghiêm trọng, với biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, xảy ra trên diện rộng ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực làm cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, gây bức xúc trong Nhân dân, thách thức nghiêm trọng đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước, đe dọa sự tồn vong của chế độ.

2. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” ở Việt Nam hiện nay

- Nguyên nhân khách quan

Công tác tham mưu trong việc ban hành các quy định, chế tài xử lý vi phạm của Trung ương trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr. 185,195.

sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" còn chậm, chưa kịp thời. Một số chủ trương, chính sách có liên quan còn bất cập nhưng chưa được bổ sung sửa đổi.

+ Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII được ban hành ngày 30-10-2016 đến nay đã qua một năm nhưng vẫn chưa có một công cụ pháp lý đủ mạnh để xử lý những cá nhân, tập thể bị suy thoái (Quy định của Bộ Chính trị về xử lý những tập thể, cá nhân suy thoái nghiêm trọng về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống; có lời nói và việc làm thể hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" nghiêm trọng).

+ Chưa có chế tài xử lý các hành vi vi phạm trong việc thực thi, sử dụng quyền lực của người có chức có quyền đặc biệt là các sai phạm nghiêm trọng trong công tác cán bộ chưa được "luật hóa" để xử lý trước pháp luật.

+ Các cấp ủy, tổ chức đảng ở các cấp chưa có kế hoạch, chương trình cụ thể đấu tranh chống tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong phạm vi lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng.

- *Nguyên nhân chủ quan*

+ Công tác tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước còn nhiều hạn chế. Nhiều nội dung trong các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chậm triển khai hoặc chưa được triển khai thực hiện. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện; tổ chức thực hiện nghị quyết đạt hiệu quả thấp nhưng không làm rõ trách nhiệm của các cá nhân, tập thể.

+ Quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước về đấu tranh chống tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo

đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến" "tự chuyển hóa" chưa trở thành hành động tự giác của nhiều ngành, nhiều cấp. Không ít cấp ủy đảng, chính quyền và người đứng đầu thiếu quyết tâm và chưa quan tâm đúng mức đến cuộc đấu tranh này. Năng lực và sức chiến đấu của nhiều tổ chức cơ sở đảng còn mờ nhạt, yếu kém.

+ Việc nhận diện, làm rõ được các cá nhân, tập thể bị suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị (ai bị suy thoái, họ đang ở đâu, suy thoái về cái gì, suy thoái như thế nào...) là hết sức khó khăn và phức tạp như việc "mò kim đáy biển" do trong thực tiễn tại các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương có các "chướng ngại vật" cản trở như sau:

Tâng bốc, nịnh bợ lẫn nhau: Hiện nay tại một số tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương, có tình trạng lợi dụng việc phê bình và tự phê bình trong nội bộ để tâng bốc và nịnh bợ lẫn nhau "tôi khen anh thì anh lại khen tôi" và đã tạo ra một kết quả là "cả làng đều vui" một dẫn chứng sinh động về thực trạng này là trong vụ án PMU 18 có một số người trước khi bị khởi tố, bắt tạm giam thì đều là những cán bộ, đảng viên được cơ quan, chi bộ bình bầu, đánh giá là những cán bộ, đảng viên xuất sắc của cơ quan, chi bộ.

Tình trạng "cả nhà làm quan": Đây là một thực trạng diễn ra phổ biến ở hầu hết các cấp, các ngành, địa phương. Người đứng đầu tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đó sử dụng quyền lực và ảnh hưởng của mình để sắp xếp, bố trí đề bạt những người là họ hàng thân thích... vào những vị trí nhạy cảm như tổ chức cán bộ, quản lý tài chính, quản lý đất đai, quản lý đầu tư.... Việc đề bạt bổ nhiệm những người này đều được thực hiện rất "dân chủ" và đúng "quy trình".

Tình trạng lợi ích nhóm: Tình trạng lợi ích nhóm ở các tổ chức, cơ quan, đơn vị, ở các cấp, các ngành, các địa phương diễn ra với mức độ rất nghiêm trọng và phức tạp. Một nhóm lợi ích được hình thành móc nối và liên kết chặt chẽ với nhau bởi những động cơ và mục đích chung là trục lợi vơ vét tài sản của tập thể, tài sản của Nhà nước để chia chác cho vào túi của các cá nhân trong nhóm lợi ích. Những người trong nhóm lợi ích lợi dụng quyền lực, lợi dụng các kẽ hở của cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước để tham nhũng dưới những cái mác rất kêu "trải thảm đỏ mời gọi đầu tư" hay "thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.."... với những lợi ích được chia chác cho nhau nên các thành viên trong nhóm lợi ích sẽ liên kết lại với nhau một cách chặt chẽ nhằm níu kéo, bảo vệ những cái cũ đang có lợi cho họ và chống lại đến cùng những cái đổi mới làm mất đi lợi ích của họ.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị bị suy thoái: Tại một số cơ quan, tổ chức, đơn vị mà bản thân người đứng đầu đang bị suy thoái thì điều hiển nhiên là việc nhận diện suy thoái và việc đấu tranh chống suy thoái sẽ không diễn ra hoặc có diễn ra thì cũng mang tính hình thức, bởi nếu thực sự chống suy thoái thì chẳng khác làm cái việc "lấy đá ghè chân mình".

Tình trạng báo cáo không trung thực, bệnh phô trương, bệnh thành tích diễn ra tại các cơ quan, đơn vị sẽ là nguyên nhân cản trở việc nhận diện suy thoái tại cơ quan, đơn vị đó.

+ Tư tưởng cục bộ địa phương, ngành: Đây là thực trạng khá phổ biến ở các địa phương, các ngành diễn ra trong các lĩnh vực như xây dựng cơ chế chính sách, công tác cán bộ... nhằm mục đích là níu giữ và lôi kéo những lợi ích, cái thuận lợi về cho địa phương, ngành của mình, đùn đẩy những khó

khăn, phức tạp cho địa phương, ngành khác. Như vậy, trong việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Trung ương về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái ở địa phương, ngành của mình sẽ có tình trạng đối phó, né tránh, không tự giác thực hiện do lo ngại ảnh hưởng đến thành tích, lợi ích của địa phương, ngành mình.

+ Kỷ luật, kỷ cương ở nhiều tổ chức đảng không nghiêm. Công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng còn chưa kiên quyết, thiếu đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả chưa cao; vị thế, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra các cấp chưa tương xứng, ngang tầm nhiệm vụ, nhất là trong xử lý tổ chức đảng, đảng viên có khuyết điểm, vi phạm. Sự phối hợp giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, viện kiểm sát trong phát hiện và xử lý vi phạm, tội phạm về tham nhũng, lãng phí còn nhiều hạn chế. Kết quả phát hiện cá nhân, tập thể bị suy thoái thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát của Đảng, thanh tra, kiểm toán của Nhà nước còn rất hạn chế, chủ yếu do Nhân dân và các cơ quan báo chí phát hiện. Việc xử lý đối với một số trường hợp có khuyết điểm, vi phạm chưa nghiêm, chưa đồng bộ, còn hiện tượng "trên nhẹ, dưới nặng", không làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân.

+ Tổ chức, bộ máy quản lý hành chính nhà nước ở các cấp, các ngành, các địa phương còn cồng kềnh, biên chế ngày càng phình to, tình trạng cắt khúc, phân đoạn, chồng chéo, bỏ trống trong quản lý nhà nước ở các ngành, các lĩnh vực, quản lý nhà nước qua nhiều tầng, nấc trung gian dẫn đến thực trạng kém hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý hành chính nhà nước. Đặc biệt, tình trạng nhiều cá nhân cùng làm

một việc, nhiều cơ quan cùng tham gia quản lý nhưng không có cá nhân, cơ quan chịu trách nhiệm chính dẫn đến việc đùn đẩy, né tránh trách nhiệm là nguyên nhân khó khăn trong việc nhận diện, làm rõ các biểu hiện suy thoái của các cá nhân, tập thể trong thực thi công vụ.

3. Một số kiến nghị

Trên cơ sở đánh giá một số hạn chế, yếu kém và nguyên nhân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở Việt Nam hiện nay, tác giả đề xuất một số kiến nghị với Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan trong hệ thống chính trị sau:

- Kịp thời xây dựng và ban hành các văn bản là công cụ pháp lý quan trọng trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa":

+ Quy định về xử lý những tập thể, cá nhân suy thoái nghiêm trọng về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; có lời nói và việc làm thể hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" nghiêm trọng.

+ Quy định về rà soát, sàng lọc và đưa những đảng viên bị suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ra khỏi Đảng.

+ Quy định về sự phối hợp và thống nhất, đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng và kỷ luật hành chính của Nhà nước trong việc xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

+ Chế tài xử lý các hành vi vi phạm trong việc thực thi, sử dụng quyền lực của người có chức có quyền.

- Hoàn thiện thể chế pháp luật về kinh tế - xã hội nhằm ngăn chặn, xóa bỏ những tiêu cực trong cơ chế "xin - cho", "duyệt - cấp", ngăn chặn đẩy lùi tình trạng tham nhũng, lãng phí, "lợi ích nhóm", "sân sau", trục lợi trong đầu tư công, sử dụng ngân sách nhà nước, các dự án BOT giao thông, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, ngân hàng, quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản... xây dựng chế tài xử lý cá nhân, tổ chức vi phạm, kể cả đối với cán bộ vi phạm đã nghỉ hưu.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, bảo vệ người dân phản ánh, tố giác và tích cực đấu tranh chống suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên.

- Xây dựng cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn những trường hợp cán bộ, đảng viên (kể cả những đảng viên là cán bộ cao cấp trong Đảng, cơ quan nhà nước) có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhưng chưa bị khởi tố bị can bỏ trốn ra nước ngoài, tẩu tán tài sản đã chiếm đoạt.

- Xây dựng cơ chế về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong phòng ngừa và đấu tranh chống suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ cơ quan, đơn vị.

- Luật hóa các hành vi vi phạm trong công tác cán bộ gây hậu quả nghiêm trọng để xử lý theo các quy định của pháp luật.

- Công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước phải được thực hiện một cách quyết liệt với các giải pháp mang tính đột phá nhất quán với nguyên tắc: Giảm đầu mối, bỏ cấp trung gian, hình thành bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; một việc chỉ giao cho một cơ quan, một

người chịu trách nhiệm chính; đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện nghiêm Quy định số 98-QĐ/TW ngày 7-10-2017 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ, trong đó quy định cán bộ chủ chốt ở cấp tỉnh, cấp huyện không phải là người địa phương phải được thực hiện triệt để. Cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện không phải là người địa phương sẽ là bước đột phá quan trọng để ngăn chặn, phòng ngừa và đẩy lùi tình trạng cục bộ địa phương, "lợi ích nhóm", "sân sau", "cả nhà làm quan"... Đây là những nguyên nhân dẫn đến sự suy thoái của cán bộ, đảng viên và cũng là những rào cản chống lại công cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở Việt Nam hiện nay.

4. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn công cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở Việt Nam trong những năm vừa qua, đặc biệt là kết quả có tính đột phá sau khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về "tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ", chúng ta có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến",

"tự chuyển hóa" ở Việt Nam do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo trong tình hình hiện nay:

Thứ nhất, phải có quyết tâm chính trị, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xử lý cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái nghiêm trọng với phương châm: "không có vùng cấm", "không có ngoại lệ", "không có miễn trừ".

Thứ hai, phải phát huy vai trò tích cực của Nhân dân, của báo chí trong việc nhận diện, phát hiện, lên án các biểu hiện suy thoái của đảng viên, đặc biệt đảng viên là cán bộ cấp cao trong Đảng, các cơ quan nhà nước.

Thứ ba, khi phát hiện các cá nhân, tập thể có sai phạm thì phải kịp thời kiểm tra, kết luận, xử lý, sai phạm đến đâu xử lý đến đó và phải công khai kết quả xử lý trên các phương tiện thông tin đại chúng.

NGUYÊN NHÂN CỦA HẠN CHẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" TRONG ĐẢNG HIỆN NAY

PGS. TS. NGÔ ĐÌNH XÂY*

Ngay từ khi mới ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã xác định rõ vai trò của tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; đồng thời quan tâm giáo dục, xây dựng tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên và toàn xã hội bởi vì đây là yếu tố quan trọng không thể thiếu để tạo ra động lực phát triển xã hội. Với nhận thức và quyết tâm chính trị cao của toàn Đảng mà trong thời gian qua, "công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" đạt được một số kết quả; tích cực đấu tranh phòng, chống "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch"[1]. Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng về tư tưởng chính trị, đạo đức còn không ít hạn chế, khuyết điểm

---

* Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về "tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ".

mà rõ nhất là "tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn..."[1].

1. Căn nguyên chính của hạn chế trong ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong Đảng hiện nay

Có thể nhận diện về căn nguyên chính của hạn chế trong ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" ở trong Đảng hiện nay theo hai nhóm nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Tình hình, nhất là đặc điểm mới của thế giới, khu vực diễn biến và thể hiện phức tạp, mang đầy tính mâu thuẫn và rất khó nhận diện một cách toàn diện và đúng bản chất của nó. Từ đây đã dẫn đến một thực tế là, ở nước ta, việc nghiên cứu, luận giải làm sáng tỏ cơ sở khoa học những vấn đề tư tưởng, lý luận và thực tiễn xây dựng đất nước cũng như trong xây dựng Đảng vốn đã không theo kịp được sự vận động, phát triển của tình hình, lại càng bị động, lúng túng và dường như mang lại rất ít giá trị lý luận và thực tiễn.

- Cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc diễn ra rất phức tạp, tác động mạnh mẽ và trực tiếp đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Sau khi làm sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch ra sức đẩy mạnh chống phá các nước xã hội chủ nghĩa

---

1. *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Tlđd.*

còn lại trên thế giới, trong đó chúng coi Việt Nam là một trọng điểm. Các thế lực thù địch có sự điều chỉnh chiến lược, đẩy mạnh thực hiện "diễn biến hoà bình" với những âm mưu, thủ đoạn rất quyết liệt, tập trung thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ ta. Chúng triệt để lợi dụng, khoét sâu vào một số khuyết điểm, yếu kém của chúng ta, ráo riết thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" với nhiều thủ đoạn vô cùng thâm độc, xảo quyệt, kết hợp chặt chẽ trong ngoài để tạo ra sự "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ mạnh mẽ hơn, nguy hại hơn.

- Từ khi chủ nghĩa xã hội trên thế giới lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, tạm thời thoái trào, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở các nước gặp nhiều khó khăn, trở ngại trên bước đường phát triển đã tác động đến tư tưởng, tình cảm, niềm tin của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Sự khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội làm nảy sinh nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn chưa có lời giải đáp thỏa đáng.

- Trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh hội nhập quốc tế bên cạnh mặt tích cực cũng có những tác động tiêu cực đến con người và xã hội ta. Đáng chú ý là sự tiêm nhiễm, lây lan của triết lý sống tư sản, mà cốt lõi là chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng, nhất là đối với những cán bộ, đảng viên thiếu bản lĩnh chính trị, dao động trước những tác động của các yếu tố bên ngoài, không nghiêm túc tu dưỡng, rèn luyện, lại bị chi phối bởi lợi ích cá nhân. Một bộ phận không nhỏ trong hệ thống chính trị và cán bộ chủ chốt các cấp còn mắc bệnh "kiêu ngạo cộng sản", xa dân, chưa huy động cao độ bản lĩnh và trí tuệ, trách nhiệm và tâm huyết để lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt và

sâu sắc đối với cuộc đấu tranh phòng chống chiến lược "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch và nguy cơ "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Chưa quan tâm đúng mức đến công tác nghiên cứu xây dựng Đảng về tư tưởng chính trị; chưa có công trình lớn, thật sự có giá trị xã hội về đổi mới công tác xây dựng Đảng về tư tưởng chính trị, đạo đức; việc phối hợp trong nghiên cứu xây dựng Đảng về tư tưởng chính trị, đạo đức chưa hiệu quả; năng lực của đội ngũ cán bộ tuyên giáo, nghiên cứu tư tưởng, lý luận còn hạn chế; chưa có nhiều chuyên gia giỏi trong nghiên cứu về xây dựng Đảng.

- Chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò nền tảng của đạo đức trong ổn định, phát triển xã hội và tác động của cơ chế kinh tế thị trường đến đạo đức xã hội; chưa gắn chặt phát triển kinh tế với xây dựng văn hóa, đạo đức, lối sống. Cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, giảm sút ý chí chiến đấu, quên đi trách nhiệm, bổn phận trước Đảng, trước Nhân dân. Việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị, quy định về xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở một số nơi chưa đến nơi đến chốn; kỷ cương, kỷ luật không nghiêm, nói không đi đôi với làm hoặc làm chiếu lệ.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống nhiều khi còn hình thức, chưa đủ sức động viên và thường xuyên nâng cao ý chí cách mạng của cán bộ, đảng viên. Trên thực tế, một thời gian khá dài chúng ta chưa coi trọng, thậm chí đã có biểu hiện của việc buông lỏng giáo dục đạo đức, lối sống; thiếu sự tổ chức, phối hợp giữa các ngành, các cấp. Một số nơi có tình trạng những việc làm

đúng, gương người tốt không được đề cao, bảo vệ; những sai sót, vi phạm không được phê phán, xử lý nghiêm minh. Việc giáo dục đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp chưa được quan tâm đúng mức. Công tác kiểm tra, giám sát, giữ gìn kỷ cương, kỷ luật ở nhiều nơi, nhiều cấp chưa thường xuyên, ráo riết; đấu tranh với những vi phạm còn nể nang, không nghiêm túc. Vai trò giám sát của Nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa được phát huy, hiệu quả chưa cao.

- Sinh hoạt đảng chưa nền nếp, nội dung sinh hoạt nhìn chung còn nghèo nàn, tự phê bình và phê bình yếu; động cơ vào Đảng của một số người có biểu hiện lệch lạc; kỷ luật, kỷ cương ở nhiều tổ chức đảng không nghiêm;... Đặc biệt, tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác, tính chiến đấu, tính đảng ở nhiều cán bộ, đảng viên sa sút. Các nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình ở nhiều nơi vừa bị buông lỏng trong thực hiện, vừa chưa được quy định cụ thể để làm cơ sở cho công tác kiểm tra, giám sát. Việc nghiên cứu, sửa đổi, ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật thích ứng với quá trình vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa kịp thời; nhiều văn bản quy định thiếu chế tài cụ thể.

- Công tác tổ chức, đánh giá, lựa chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt chưa coi trọng và xem xét chặt chẽ các tiêu chuẩn đạo đức; còn nể nang, cục bộ; chưa chú trọng phát hiện và có cơ chế thật sự để trọng dụng người có đức, có tài; không kiên quyết thay thế người vi phạm, uy tín giảm sút, năng lực yếu kém. Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa cao; công tác quản lý đảng viên chưa chặt chẽ.

2. Những vấn đề đặt ra

Từ hạn chế, khuyết điểm và từ thực tế trong quá trình lãnh đạo xây dựng, chỉnh đốn Đảng, có thể nêu một số vấn đề đặt ra như sau:

Một là, đây là cuộc đấu tranh nội bộ đầy cam go, dai dẳng, phức tạp và rất quyết liệt, không khoan nhượng

Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, hiện tượng "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" nêu trên đã có tác động lớn đến sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay, làm Nhân dân lo lắng, bất bình, ảnh hưởng xấu đến uy tín và vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, đến việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nó đang làm thay đổi, lệch lạc những chuẩn mực, thang bậc giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc và cách mạng, có tác hại đến sự trường tồn của dân tộc và sự phát triển của đất nước. Thực trạng đó tiềm ẩn nhiều nguy cơ, cùng với các nguy cơ khác dẫn đến mất ổn định chính trị, xã hội, liên quan đến sự sống còn của Đảng, của chế độ. Sự chênh lệch bất minh về mức sống giữa nhiều người có chức, có quyền, có tiền và gia đình họ với số đông quần chúng nhân dân đang dần trở thành mâu thuẫn gay gắt trong xã hội vì thế họ càng xa dân, không được Nhân dân ủng hộ cũng vừa là biểu hiện vừa là nguyên nhân của "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên hiện nay. Đây là cuộc đấu tranh nội bộ đầy cam go, dai dẳng, phức tạp và rất quyết liệt, không khoan nhượng với một ý chí và quyết tâm chính trị rất lớn của toàn Đảng và cả hệ thống chính trị;

song đây là vấn đề mà kẻ thù của chúng ta tìm mọi cách để khai thác, lợi dụng, kích động và xuyên tạc. Do đó, đòi hỏi Đảng ta phải chủ động, có chiến lược, sách lược, lộ trình, bước đi thích hợp, song lại phải thận trọng, khôn khéo trong thực hiện để kẻ thù không thể lợi dụng

Hai là, đây là cuộc đấu tranh "ai thắng ai"

Từ Đại hội VI, Đảng ta đã cảnh báo: Trong xã hội ta đang diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai lối sống: lối sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, sống bằng lao động chân chính của mình, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, chăm lo lợi ích của tập thể, của Nhà nước và một lối sống thực dụng, dối trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền. Đến nay, tình trạng đó không chỉ diễn ra trong xã hội mà đã, đang diễn ra ngay trong Đảng. Từ chỗ chỉ có "một bộ phận" thì nay đã diễn ra ở "một bộ phận không nhỏ" cán bộ, đảng viên; trước đây chủ yếu diễn ra ở một số cán bộ, đảng viên hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, thì nay trở thành "quốc nạn", xảy ra ở tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, thực hiện chính sách xã hội, tổ chức cán bộ, công tác tham mưu, hoạch định chính sách cụ thể. Suy thoái đạo đức, lối sống không chỉ mang tính cá nhân mà còn có tính tập thể, "tràn lan", đặc biệt, cả những người có chức có quyền, có chức vụ cao trong bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể chính trị. Mức độ ngày càng tinh vi phức tạp, móc nối chằng chịt trên dưới, trong ngoài để trục lợi như: thông đồng chia chác giữa các bên trong đầu tư xây dựng cơ bản, đền bù đất đai, mua sắm vật tư, đấu thầu, chỉ định thầu, phân chia dự án; trong cấp phát vốn, nhận hối lộ; trong điều tra truy tố xét xử... Cuộc đấu tranh này chính là cuộc đấu tranh "ai thắng ai" trong tư tưởng

chính trị, văn hóa, đạo đức, lối sống để nhằm đưa "chân, thiện, mỹ" và những giá trị nhân văn đích thực trở thành dòng chủ lưu trong Đảng và trong xã hội.

Ba là, đây là cuộc đấu tranh góp phần giải quyết mâu thuẫn giữa lý tưởng và hiện thực

Lý tưởng mà chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã chỉ ra cho những người cộng sản Việt Nam và cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là rất trong sáng, cao đẹp và hợp với quy luật tiến hóa của tiến bộ nhân loại. Theo lý tưởng đó, những người cộng sản, tức là những chủ thể tổ chức, lãnh đạo và thực thi công cuộc kiến thiết một xã hội mới đầy tốt đẹp phải là những tấm gương, những mẫu mực và phải là những người tiên phong tiến bộ nhất trong xã hội. Song, trong thực tế lại không như vậy. Do những khuyết điểm, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng; tình trạng thiếu chặt chẽ trong quản lý cán bộ, đảng viên; công tác cán bộ còn nhiều hạn chế, thiếu khách quan, công tâm, thậm chí có tiêu cực; công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chưa được coi trọng đúng mức, hoạt động kém hiệu quả; thêm vào đó còn có những yếu kém trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội do năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ; do tình trạng pháp luật chưa đủ, chất lượng chưa cao, thi hành chưa nghiêm ở cả người thực thi và người chấp hành pháp luật nên đã làm nảy sinh những tiêu cực xã hội không được kiểm soát và xử lý nghiêm minh đã tạo ra sự mất niềm tin trong cán bộ, đảng viên và trong xã hội đối với Đảng và những người cộng sản. Đây chính là cuộc đấu tranh góp phần giải quyết mâu thuẫn giữa lý tưởng và hiện thực, song không dễ thực hiện trong một sớm, một chiều.

Bốn là, đây là cuộc đấu tranh được gắn liền với đấu tranh phòng, chống tham nhũng

Từ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn đến tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí, sách nhiễu dân của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đã gây hậu quả nặng nề trên nhiều mặt, làm thất thoát tài sản, tiền vốn của Nhà nước, tiền thuế của Nhân dân. Song, một thực tế đáng báo động là "tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước"[1]; hơn thế nữa, tình trạng "nhũng nhiễu", "vòi vĩnh" dân ở nhiều cán bộ, đảng viên, công chức khi thực thi công vụ diễn ra ngày càng nghiêm trọng trong nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực gây bức xúc trong xã hội, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, làm nhiều cán bộ, đảng viên và Nhân dân băn khoăn, hoài nghi, chưa thật sự tin tưởng đối với cuộc đấu tranh phòng, chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, nhũng nhiễu dân. Đây chính là cuộc đấu tranh với "quốc nạn kép", đòi hỏi Đảng phải kiên quyết, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Nhân dân và dân tộc.

Năm là, đây là cuộc đấu tranh đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải tự ý thức được và tự mình phải thường xuyên thực hiện

Thực chất của "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" là quá trình suy thoái ở bên trong mỗi con người, mỗi cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị. Đó là quá trình thay đổi lập trường, quan điểm, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cách mạng sang lập trường, quan điểm, tư tưởng chính trị, đạo

---

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, *Sđd.*

đức, lối sống của những phần tử thoái hóa, biến chất. V.I. Lênin đã căn dặn những người cộng sản: không ai có thể đánh đổ được chúng ta, trừ chính những sai lầm của chúng ta. Trong khi đó, "nguyên nhân sâu xa, chủ yếu của tình trạng suy thoái ở một bộ phận cán bộ, đảng viên trước hết là do bản thân những cán bộ, đảng viên đó thiếu tu dưỡng, rèn luyện; lập trường tư tưởng không vững vàng, hoang mang, dao động trước những tác động từ bên ngoài; sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, không làm tròn trách nhiệm, bổn phận của mình trước Đảng, trước dân"[1]. Vì vậy, phòng, chống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", thực chất là phòng ngừa, triệt tiêu nguyên nhân chủ quan chủ yếu (thiếu sự giác ngộ sâu sắc, thiếu rèn luyện, thiếu tu dưỡng thường xuyên), do đó dẫn đến thoái hóa, biến chất của những cán bộ, đảng viên, của những cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị của chúng ta và đây là vấn đề có ý nghĩa quyết định.

Sáu là, thực tiễn sinh động trong hoạt động và xây dựng Đảng đòi hỏi lý luận xây dựng Đảng phải ngang tầm nhiệm vụ

Từ thực tiễn hoạt động và xây dựng Đảng ở nước ta cũng như từ kinh nghiệm xây dựng đảng cầm quyền ở các nước đã và đang cho thấy, để có một đảng thực sự tiên phong, nhận thức và lãnh được trách nhiệm dẫn dắt, lãnh đạo dân tộc thì phải có một lý luận xây dựng đảng ngang tầm, mang tính hiện đại vừa khái quát được công tác xây dựng đảng trong nước, vừa tiếp thu được kinh nghiệm xây dựng đảng của các

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, *Sđd.*

nước. Song, một sự thật đáng buồn là, lý luận về xây dựng đảng mà hiện nay chúng ta áp dụng và thực thi, về cơ bản, vẫn là lý luận xây dựng đảng được hình thành từ thời kỳ trước đổi mới mà điểm hạn chế nổi bật nhất là, chúng ta chỉ mới tập trung xây dựng Đảng về *tư tưởng, chính trị và tổ chức*, thiếu hẳn nội dung *xây dựng Đảng về đạo đức*. Từ thực tiễn hoạt động và xây dựng Đảng trong thời kỳ đổi mới với những bối cảnh mới là triển khai sâu rộng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế; đặc biệt là từ thực trạng suy thoái nghiêm trọng về đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, Đại hội lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam đã có chủ trương *đưa nội dung đạo đức vào trong công tác xây dựng Đảng*. Bởi vậy, hơn lúc nào hết, đã đến lúc, chúng ta phải có một *lý luận mới về xây dựng Đảng* mà trong đó phải quán triệt và nắm vững tinh thần Đại hội XII, nhất là Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã chỉ ra: "Xây dựng và thực hiện có hiệu quả nội dung xây dựng Đảng về đạo đức, trong đó chú trọng xây dựng hệ thống chuẩn mực các mối quan hệ của cán bộ, đảng viên với tổ chức đảng và với Nhân dân. Hằng năm, người đứng đầu và từng cán bộ, đảng viên có cam kết rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; các cấp ủy, tổ chức đảng kiểm tra, giám sát việc thực hiện cam kết của cán bộ, đảng viên ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình"[1]. Có như vậy, thì việc xây dựng Đảng trên thực tế mới có hy vọng làm chuyển biến tình

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, *Sđd.*

hình, góp phần vào việc ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong Đảng hiện nay "để Đảng ta thật sự vững vàng về chính trị và tư tưởng, thống nhất cao về ý chí và hành động, trong sạch về đạo đức và lối sống, chặt chẽ về tổ chức, đủ sức lãnh đạo đưa đất nước ngày càng phát triển, xứng đáng với lòng tin yêu của nhân dân"[1].

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, *Sđd.*

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, BIỂU HIỆN "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA"

PGS. TS. VŨ NHƯ KHÔI*

Trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay, đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ đang là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và cấp bách như tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII xác định. Để thực hiện có kết quả nhiệm vụ trên, ngoài việc phải quán triệt sâu sắc mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đề ra, còn phải dự báo và đánh giá đúng ảnh hưởng của những yếu tố tác động tích cực, tiêu cực đến việc thực hiện nhiệm vụ đó.

1. Mấy yếu tố tác động tích cực đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam có truyền thống vẻ vang là một đảng cách mạng chân chính, một lòng một dạ phụng

---

* Nguyên Phó Chủ nhiệm Khoa Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, vững vàng, sáng tạo ứng phó trước mọi tình huống.

Kể từ cuộc vận động thành lập Đảng vào những năm 20 thế kỷ XX đến kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1975), qua hơn 50 năm đấu tranh, bao thế hệ những người cộng sản Việt Nam đã xả thân chiến đấu, chấp nhận hy sinh cả tính mạng của mình vì nền độc lập, thống nhất của đất nước, vì hạnh phúc của Nhân dân. Họ đã trở thành những anh hùng bất tử, nêu tấm gương sáng cho chiến sĩ và đồng bào noi theo.

Trong cuộc trường chinh đó khó tránh khỏi có một số người không chịu được gian khổ, hy sinh, dao động mục tiêu lý tưởng, đã xa rời hàng ngũ cách mạng, thậm chí đầu hàng giặc, phản bội Đảng. Cũng có người phạm vào tội tham ô, lãng phí, quan liêu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi đó là "giặc nội xâm", bạn đồng minh của thực dân, phong kiến. Tội lỗi đó làm hại đến tài sản của cách mạng, tính mạng của bộ đội và Nhân dân, làm mất thanh danh, uy tín của Đảng và Nhà nước. Người phạm tội đó dù ở cương vị nào cũng phải đem ra xét xử theo đúng pháp luật để giữ nghiêm phép nước. Nhưng số nhỏ đó không cản được con đường tiến lên của cách mạng, không làm thay đổi bản chất, truyền thống tốt đẹp của Đảng.

Từ sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước được hoàn toàn độc lập, thống nhất, Đảng lãnh đạo Nhân dân cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Truyền thống tốt đẹp của Đảng tiếp tục được phát huy với hàng triệu cán bộ, đảng viên là công nhân, nông dân, viên chức, trí thức ngày ngày lao động cần cù và sinh sống cần kiệm để dồn sức xây dựng đất nước; với hàng chục vạn cán bộ, chiến sĩ bộ đội,

công an ngày đêm chịu đựng gian khổ, hy sinh bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, vùng trời, vùng biển, hải đảo, biên cương của Tổ quốc và bảo vệ an ninh chính trị, bảo vệ cuộc sống yên bình của Nhân dân. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh mới, những tác động của mặt trái cơ chế thị trường và ảnh hưởng tiêu cực qua giao lưu, hội nhập quốc tế; với biết bao cám dỗ của đời thường cùng sự chống phá tinh vi, xảo quyệt của kẻ thù, *đã xuất hiện nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội cũng như trong Đảng mà nguy hại hơn cả là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.*

Diễn biến mới của tình hình trên thực sự đáng lo ngại, nhưng không vì thế mà tiêu cực, cho rằng "truyền thống tốt đẹp của Đảng đã bị mai một", "Đảng đã bị tha hóa" và "Đảng Cộng sản không thể chống tham nhũng, suy thoái thành công" (!).

Nhìn nhận một cách khách quan, toàn diện, dù có phạm sai lầm khuyết điểm, dù còn nhiều yếu kém trong lãnh đạo xã hội và trong xây dựng Đảng, nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn là một đảng kiên định với mục tiêu, lý tưởng cách mạng và vững vàng, sáng tạo trong chỉ đạo cách mạng trước những diễn biến phức tạp của tình hình. Nhờ vậy, đánh giá tổng thể, cách mạng Việt Nam vẫn vững vàng từng bước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; tiềm lực của đất nước ngày càng được tăng cường, vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Truyền thống tốt đẹp của Đảng vẫn được giữ vững và phát huy.

Truyền thống vẻ vang của Đảng là sức mạnh tinh thần to lớn, thường xuyên tiềm ẩn trong các tổ chức đảng và

từng đảng viên, không chỉ ghi dấu ấn lịch sử mà còn hiện hữu, phát huy ảnh hưởng trong thực tiễn. Trong mỗi chặng đường hoạt động và trưởng thành của Đảng, khi sức mạnh tinh thần đó được khơi dậy và phát huy, thì Đảng có đủ sức mạnh tổng hợp để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng; đặc biệt những khi Đảng gặp khó khăn thử thách, thì sức mạnh tinh thần đó lại là nền tảng tin cậy để Đảng có đủ quyết tâm và biện pháp vượt qua thử thách, vững bước tiến lên.

Hai là, sự nhất trí ý Đảng lòng dân trong ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Có thể khẳng định rằng toàn Đảng, toàn dân ta đều nhất trí đánh giá hiện tượng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự suy thoái" trong nội bộ Đảng chẳng những "nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc... Làm giảm sút vai trò lãnh đạo của Đảng; làm tổn thương tình cảm và suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, là một nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ" như nhận định của Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII mà còn tác động xấu trực tiếp đến tư tưởng, tâm lý, đạo đức, lối sống, đời sống tinh thần toàn xã hội, có thể làm băng hoại truyền thống tốt đẹp cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, phong tục thuần hậu đồng cam cộng khổ, thương người như thể thương thân,... của dân tộc ta.

Ở các vị trí xã hội khác nhau, trình độ nhận thức và hoàn cảnh sinh sống khác nhau, nhưng tất cả mọi người từ cán bộ, đảng viên đến Nhân dân đều có tâm trạng chung là

mong mỏi Đảng, Nhà nước có chủ trương, giải pháp kiên quyết, mạnh mẽ, hữu hiệu ngăn chặn, đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực để làm trong sạch Đảng, Đảng ngày càng vững mạnh, xứng đáng là đảng cầm quyền, lãnh đạo đất nước ngày càng phát triển, Nhân dân ngày càng ấm no hạnh phúc.

Kinh nghiệm qua nhiều chặng đường cách mạng cho thấy khi nào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đúng đắn, hợp lòng dân, ý Đảng lòng dân là một, thì dù gặp khó khăn đến mấy, cách mạng vẫn thành công và Đảng ngày càng vững mạnh. Ngược lại, khi nào Đảng phạm sai lầm, khuyết điểm, niềm tin và sự ủng hộ của dân với Đảng bị giảm sút, thì cách mạng gặp khó khăn, tổn thất và Đảng bị suy yếu.

Sự nhất trí, đồng thuận toàn xã hội là động lực, tạo nên sức mạnh quyết định thành công của cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Ba là, hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng là một yếu tố góp phần quan trọng ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Các phương tiện thông tin đại chúng hiện có ở nước ta với trang thiết bị hiện đại đang là một kênh quan trọng hàng đầu giáo dục kiến thức toàn diện, định hướng dư luận xã hội, là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, cổ động và trực tiếp tham gia cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, biên tập viên,

phóng viên, kỹ thuật viên, cộng tác viên của các phương tiện thông tin đại chúng phần đông là những người được đào tạo cơ bản, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, tâm huyết đi vào cuộc sống hiện thực để hiểu biết, khám phá, có trách nhiệm xã hội và được Nhân dân tin cậy, yêu mến. Trong kháng chiến, họ là những phóng viên chiến trường tuyên truyền, cổ vũ cuộc chiến đấu chống ngoại xâm oanh liệt của quân đội và Nhân dân ta. Trong thời bình, họ lại phản ánh, cổ vũ những tấm gương người tốt, việc tốt trong sản xuất, xây dựng, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của quân và dân ta; dũng cảm điều tra phản ánh, tố cáo những hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Trong nhiều năm qua, báo chí, phát thanh, truyền hình,... đã thực sự góp phần quan trọng trong cuộc đấu tranh chống chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Nhiều báo chí đã phản ánh được tình hình thực tế tiêu cực ở địa phương, cơ sở, phản ánh được tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của Nhân dân. Nhiều phóng viên không ngại vất vả, hiểm nguy, bám sát cơ sở điều tra, phản ánh trung thực, sắc sảo những vụ việc tiêu cực trước công luận.

Có thể khẳng định các phương tiện thông tin đại chúng là một kênh thông tin quan trọng, một công cụ sắc bén không thể thay thế trong cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng suy thoái, tiêu cực trong nội bộ.

Như vậy, có thể khẳng định rằng *những yếu tố có tác động tích cực là căn bản và là cơ sở vững chắc* để Đảng thực hiện có kết quả nhiệm vụ ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

2. Mấy yếu tố tác động tiêu cực đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"

- Cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận trên thế giới đang diễn ra quyết liệt và phức tạp.

Sau khi xuất hiện chủ nghĩa xét lại hiện đại và đặc biệt từ sự kiện chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô (cũ) và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ thì cuộc đấu tranh lý luận tư tưởng trên thế giới diễn ra ngày càng quyết liệt và phức tạp. Các thế lực thù địch phản công toàn diện và mạnh mẽ đối với phong trào cách mạng. Chúng tung ra nhiều luận thuyết phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa xã hội hiện thực và sự tồn tại vĩnh hằng của chủ nghĩa tư bản. Về phía phong trào cách mạng thì nhiều vấn đề lý luận chưa được luận giải một cách thống nhất và có sức thuyết phục đầy đủ như đánh giá về chủ nghĩa tư bản hiện đại và số phận của nó; xác định sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản; lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội, kể cả lý giải một cách đầy đủ nguyên nhân sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu; nhiều nguyên lý lý luận chưa giải đáp một cách thuyết phục những vấn đề thực tiễn đang đặt ra.

Cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận càng phức tạp khi các nước tư bản phát triển còn đang chiếm ưu thế trên một số lĩnh vực sản xuất và đời sống, khoa học và công nghệ, chủ nghĩa tư bản đang thống trị trên nhiều quốc gia với một diện tích lớn và dân số đông, những mâu thuẫn xã hội đối kháng trong chế độ tư bản hiện thời có được xoa dịu một phần. Trong khi đó, chủ nghĩa xã hội và phong trào cách mạng thế giới bị tổn thất nghiêm trọng, đang lâm vào thoái trào, chưa

tìm được sự đoàn kết thống nhất để tập hợp lực lượng, khôi phục phong trào.

Ngày nay, với sự phát triển và truyền bá công nghệ truyền dẫn thông tin, sự giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng, cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng đến tư tưởng, niềm tin, gây ra sự phân tâm, dao động lập trường, quan điểm chính trị của một số cán bộ, đảng viên và Nhân dân ta. Tình hình này vừa là một trong những nguyên nhân gây nên sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, lại vừa gây tác động tiêu cực cho cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực đó.

- Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch ráo riết thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" chống phá các nước xã hội chủ nghĩa còn lại và các lực lượng đấu tranh cho độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội.

Từ cuối thế kỷ XX, sang đầu thế kỷ XXI, lợi dụng thời cơ thuận lợi, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch vừa tiếp tục chạy đua vũ trang, dùng ưu thế quân sự để điều khiển thế giới theo ý đồ của mình, vừa ráo riết thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" hòng làm sụp đổ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại và thủ tiêu phong trào cách mạng thế giới. "Diễn biến hòa bình" là một chiến lược thâm độc và nguy hiểm của chủ nghĩa đế quốc, sử dụng tổng hợp các biện pháp phi vũ trang, tấn công toàn diện vào chế độ chính trị, tiềm lực quân sự, sức mạnh kinh tế, bản sắc văn hóa của mỗi quốc gia và tư tưởng, tình cảm, đạo đức, lối sống của cộng đồng dân tộc và từng người dân của quốc gia đó, tạo ra sự "tự diễn biến", từ từ "mưa dầm thấm lâu" cho đến lúc chế độ xã hội của quốc gia đó "tự chuyển hóa" thành một chế độ xã hội theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Chiến lược "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa

đế quốc đã góp phần làm sụp đổ Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Chiến lược "diễn biến hòa bình" mà chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đang dùng để chống phá Việt Nam là một nguy cơ, thách thức lớn đối với đất nước ta hiện nay.

Thực tế, các thủ đoạn tinh vi thâm độc của chiến lược "diễn biến hòa bình" đã góp phần gây nên tác hại làm suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ ta. Chẳng những thế, khi Đảng Cộng sản Việt Nam phát động cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" thì những kẻ đang thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" lại tìm mọi cách chống phá cuộc đấu tranh đó. Chúng dẫn ra những luận chứng chủ quan, võ đoán, đồng thời xuyên tạc, bài bác các chủ trương, chính sách, biện pháp nhằm ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" của Đảng, Nhà nước ta để khẳng định "Đảng Cộng sản Việt Nam không thể đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái thành công".

Như thế, chiến lược "diễn biến hòa bình" vừa là một yếu tố gây nên sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ ta, vừa là một yếu tố tác động tiêu cực đến cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ ta.

- Những khó khăn, tiêu cực trong nước cũng là một yếu tố tác động tiêu cực đến cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

Do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, mấy chục năm qua và còn phải qua nhiều năm nữa, các lĩnh vực

hoạt động của xã hội ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn to lớn: Sự yếu kém về kinh tế và đời sống; xã hội còn đang bề bộn với các tệ nạn xã hội, nạn thất nghiệp và thiếu việc làm cùng sự phân hóa giàu nghèo ngày càng gia tăng...; văn hóa phát triển chậm và có nhiều lệch lạc; chất lượng giáo dục chưa cao, định hướng nội dung và phương pháp dạy, học, thi cử còn lúng túng; đạo đức xã hội nhiều mặt xuống cấp nghiêm trọng, nạn mê tín dị đoan ở cả nông thôn và thành thị, ở các tầng lớp nhân dân ngày càng gia tăng,... Tiêu cực xã hội phát sinh do mặt trái của cơ chế thị trường, ảnh hưởng tiêu cực của giao lưu, hội nhập quốc tế, nạn tham nhũng và tệ quan liêu, lợi ích nhóm, sự câu kết sức mạnh kinh tế với quyền lực chính trị,... diễn biến ngày càng phức tạp.

Những khó khăn trong hoạt động và phát triển của các lĩnh vực và tiêu cực xã hội đã như một căn bệnh mãn tính trầm trọng khó chữa, làm cho lòng dân phân ly, khó quy tụ thành một mối; niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước bị suy giảm; sự tham gia tự giác, hăng hái, tích cực của quần chúng vào nhiệm vụ ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, tiêu cực bị hạn chế.

Những khó khăn, tiêu cực xã hội chính là một yếu tố có tác động tiêu cực đến việc thực hiện nhiệm vụ ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

Các yếu tố tác động tiêu cực đó làm hạn chế tác động của các yếu tố tích cực và là nguyên nhân quan trọng khiến cho cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" thêm khó khăn, phức tạp.

Nhận rõ tác động của từng yếu tố để phát huy tác động tích cực, hạn chế tác động tiêu cực, nhằm đưa cuộc đấu tranh giành thắng lợi từng bước tiến tới giành thắng lợi căn bản là yêu cầu cấp bách. Điều quan trọng hơn hết hiện nay là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng có chủ trương và giải pháp đúng đắn, khả thi như Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII xác định, quyết tâm lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả, trong một thời hạn nhất định giành thắng lợi căn bản, quyết định, tạo cơ sở để hoàn thành trọn vẹn mục tiêu đề ra; qua đó góp phần quan trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng, để Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, làm tròn chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo xã hội, xứng đáng là đảng cầm quyền.

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, BIỂU HIỆN "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HOÁ"

PGS.TS. TRƯƠNG THỊ HỒNG HÀ*

1. Vai trò, ý nghĩa của việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện "tự diễn biến" và "tự chuyển hoá"

Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã ra Nghị quyết về "tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự chuyển biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ". Đồng thời Đảng ta xác định yêu cầu, nhiệm vụ là tiếp tục thực hiện 10 giải pháp cơ bản mà Đại hội lần thứ XII đã đề ra; "trong đó nhấn mạnh phải kiên quyết, kiên trì tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, với trọng tâm là đấu tranh: ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ"[1]. Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"

---

* Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd*, tr.36.

trong nội bộ thực sự là vấn đề cấp bách đối với sự mất còn của Đảng, của chế độ. Nếu không có các biện pháp ngăn chặn kịp thời thì từ suy thoái đạo đức, lối sống, đảng viên sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc đến "tự chuyển hoá", "tự diễn biến", làm cho đảng viên phai nhạt lý tưởng, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Do đó, đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" có ý nghĩa lớn lao trong việc thực hiện "chiến dịch chỉnh đốn" do Đảng khởi xướng ở nước ta hiện nay, khẳng định uy tín của các tổ chức đảng, đảng viên trước Nhân dân về quyết tâm chính trị và tính cách mạng trong đường lối và thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Với tầm quan trọng của việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, nhằm quán triệt và đưa Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) vào cuộc sống thì bên cạnh việc nhận diện các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, tìm ra nguyên nhân, còn phải xác định các yếu tố tác động cả tích cực và tiêu cực, từ đó có các giải pháp phù hợp nhằm phát huy những yếu tố tích cực và giảm thiểu sự tác động tiêu cực đến việc ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", khắc phục những hiểm họa khôn lường nảy sinh từ sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của đảng viên.

Các biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự

chuyển hoá" được thực hiện thông qua các phương diện hoạt động của Đảng. Trước hết là việc đề ra chủ trương, đường lối của Đảng về mục tiêu, yêu cầu của việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; đưa ra các biện pháp tuyên truyền, giáo dục đạo đức cách mạng, thuyết phục, vận động đảng viên nâng cao nhận thức, trách nhiệm cá nhân đảng viên, cá nhân người đứng đầu và tăng cường sự lãnh đạo của các tổ chức đảng các cấp; phát huy vai trò, tính tiền phong, gương mẫu của đảng viên, uy tín của đảng viên cùng với việc triển khai các biện pháp kiểm tra, giám sát của các cấp ủy đảng, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân. Trong thực tiễn, các biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi nêu trên chưa phát huy được vai trò trong thực tiễn, thậm chí còn dẫn đến "Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn"[1]. Thực trạng này do thiếu những điều kiện bảo đảm cho việc tiến hành các biện pháp ngăn chặn đẩy lùi, mặt khác còn do nhiều yếu tố tác động, trong đó có những yếu tố tác động tiêu cực, bên cạnh đó, các yếu tố tích cực lại chưa được chỉ ra chính xác, làm tiền đề cho việc đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thái, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" có hiệu quả. Do đó, việc tìm ra yếu tố tác động tích cực và tiêu cực đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến" và "tự

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd*, tr.22.

chuyển hoá" có vai trò quan trọng không chỉ đối với đảng viên mà còn là nhiệm vụ quan trọng mang tầm chiến lược trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng hiện nay.

2. Yếu tố tác động đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"

Việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" cùng một lúc chịu sự tác động của những yếu tố khách quan và chủ quan, các yếu tố kinh tế, chính trị, pháp lý, văn hóa, truyền thống, quốc tế... Các biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống được xác định nhằm tác động đến các chủ thể tồn tại trong một chỉnh thể xã hội đa dạng, môi trường chính trị và pháp lý đặc thù. Các biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi có sự tương tác với các đối tượng đảng viên bị suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thậm chí dẫn đến "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" nên cũng bị tác động lại bởi chính các yếu tố đạo đức, pháp luật, phong tục, tập quán, lối sống, tâm lý, tôn giáo, tín ngưỡng, đoàn thể mà đảng viên đó là thành viên. Trên thực tế, các yếu tố tác động đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" rất đa dạng, bao gồm các yếu tố cơ bản như điều kiện kinh tế, lợi ích nhóm, lợi ích cá nhân, hệ thống chính sách, pháp luật, khả năng tiếp cận pháp luật, tiếp cận công lý, tiếp cận tư pháp, nhận thức và tư duy. Ngoài ra, yếu tố tính cách, phẩm hạnh, tình trạng sức khoẻ, khoa học - kỹ thuật, công nghệ thông tin cũng có tác động rất lớn đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng

chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá". Trong các yếu tố tác động, yếu tố kinh tế với nội hàm kinh tế và phi kinh tế luôn có sự thống nhất, tương tác lẫn nhau. Cả yếu tố kinh tế và phi kinh tế đều tác động đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đảng viên bởi sự đầu tư thoả đáng về vật chất, kinh phí, công nghệ cho việc triển khai sâu rộng các biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái và phát hiện các biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" là hết sức khó khăn. Bên cạnh đó, chủ thể thực hiện các biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái dễ dàng nhận thấy họ rơi vào trạng thái bị cô lập từ phía những đảng viên khác. Điều đó cho thấy sự tác động của yếu tố phi vật chất làm mất đi sự chủ động thực hiện các biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái. Ngoài ra, yếu tố trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn và sự lệ thuộc, không lệ thuộc vào số đông, sự chủ động và độc lập trong hoạt động cũng là những yếu tố tác động đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá". Niềm tin của người dân vào đảng viên, đội ngũ đảng viên, tổ chức đảng là một trong những yếu tố mang tính tiền đề và là điều kiện quan trọng tác động đến việc đưa ra các biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái và tự chuyển hóa. Tính quan liêu, xa rời thực tiễn vừa là đặc điểm không lành mạnh của nền công vụ xa dân vừa là yếu tố tương tác với việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, làm cho việc đưa ra các giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, không khả thi, không ổn định. Do đó, nhận diện yếu tố tác động đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"

cần có cái nhìn đa chiều: tích cực, tiêu cực, chủ quan, khách quan, trực tiếp, gián tiếp. Đồng thời, bối cảnh xã hội, đặc điểm địa lý, đặc thù cá nhân cụ thể (nền tảng đạo đức, văn hóa, trình độ học vấn, tâm sinh lý, kinh nghiệm công tác) cộng với sự bồi dưỡng, chăm lo từ phía các cơ sở đảng cũng cần được xem như là những yếu tố tác động hai chiều đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống - chủ trương đúng đắn do Đảng khởi xướng và lãnh đạo thực hiện. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, yếu tố pháp luật

Pháp luật được hiểu là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội theo ý chí của giai cấp thống trị. Theo đó, hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước và các văn bản chứa đựng quy phạm pháp luật của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương là yếu tố tác động trực tiếp đến việc ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá". Nếu pháp luật quy định đầy đủ các hành vi, hành vi nào là hành vi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, hành vi nào là biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" và quy định các biện pháp chế tài nghiêm khắc thì pháp luật được xem là yếu tố tác động tích cực, là cơ sở pháp lý và là công cụ xử lý nghiêm khắc thúc đẩy và bảo đảm cho việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

Ngược lại, nếu pháp luật không quy định giới hạn, ranh giới những việc được làm, những việc không được làm, không xác lập chế tài, hoặc quy định chế tài quá nhẹ thì sẽ là yếu tố tác động tiêu cực đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư

tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá". Hoặc nếu như pháp luật chứa đựng nhiều nội dung lạc hậu, chậm sửa đổi, bổ sung cũng là yếu tố trực tiếp tác động tiêu cực đến tư tưởng và hành động của đảng viên, nhất là đảng viên có chức vụ nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện có lối sống hưởng thụ, buông thả... Trong thực tiễn, tình trạng tham ô, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực, tệ nạn xã hội bắt nguồn từ việc pháp luật không điều chỉnh kịp thời về giới hạn công vụ, tiêu chuẩn đạo đức mà đảng viên, cán bộ phải tuân thủ, dẫn đến thói quen sống hưởng thụ hoặc cố ý thực hiện những hành vi trái với đạo đức công vụ, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng trước Nhân dân. Có thể lấy ví dụ như chưa có đạo luật nào quy định về tiêu chí của lối sống lành mạnh, trong sáng, giản dị hoặc giới hạn của phát ngôn để điều chỉnh tư tưởng và hành vi cho đảng viên, cán bộ. Từ việc không quy định cụ thể về đạo đức công vụ nêu trên cộng với thiếu quy định pháp luật về khuyến khích và bảo vệ người tố cáo hành vi sai trái của công chức, đảng viên cho thấy lỗ hổng pháp luật - những yếu tố tác động tiêu cực đến việc phát hiện, ngăn chặn kịp thời và đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống. Ngược lại, nếu pháp luật quy định cụ thể và kịp thời các biện pháp bảo vệ người tố cáo thì sẽ là yếu tố tác động tích cực cho việc phát hiện những yếu kém, sơ hở trong công tác xây dựng Đảng để loại bỏ ra khỏi hàng ngũ của Đảng những đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" hoặc có những biện pháp răn đe, ngăn ngừa kịp thời. Bên cạnh đó, có nhiều lĩnh vực được pháp luật điều chỉnh song vẫn còn có những mâu thuẫn, chồng chéo, thậm chí là sơ hở, không tạo ra môi trường lành

mạnh về pháp lý để cán bộ, đảng viên tu dưỡng, phấn đấu, tự ngăn chặn, đẩy lùi và kiểm soát trạng thái "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" cùng với các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống.

Việc sửa đổi, bổ sung pháp luật thường xuyên, nhất là sửa đổi Bộ luật hình sự với những điều luật quy định xử phạt nghiêm khắc đối với các hành vi suy thoái đạo đức, lối sống, lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ trở thành yếu tố tích cực, là cơ sở của các biện pháp cứng rắn ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái. Ví dụ, Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: "Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của công dân" đã thu hẹp phạm vi xử lý hình sự đối với tội phạm này. Để có biện pháp ngăn chặn và trừng trị những cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn khi thi hành công vụ, Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015 đã có quy định mở rộng phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của người phạm tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn khi thi hành công vụ như sau: "Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ... gây thiệt hại khác đến... quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân". Như vậy, việc bổ sung "thiệt hại khác" và "lợi ích hợp pháp của tổ chức" đã thể hiện chế tài hình sự không có lợi cho người phạm tội là người có chức vụ, quyền hạn, đồng thời nâng mức phạt tiền với tính chất là hình phạt bổ sung "từ 3 triệu đồng đến 30 triệu đồng" lên thành "từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng". Quy định như vậy thể hiện sự phù hợp của pháp luật với tình hình kinh tế, xã hội và trừng trị nghiêm khắc với người có chức vụ, quyền hạn phạm tội, đồng thời khẳng định việc sửa đổi Bộ luật hình sự là cụ thể hóa đường lối lãnh đạo của Đảng

trong Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020: "người giữ chức vụ càng cao mà phạm tội thì càng phải trừng trị nghiêm khắc" nhất là trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn và lạm dụng chức vụ quyền hạn với những động cơ cá nhân vì lợi ích vật chất và phi vật chất kể cả động cơ vì nể nang, vì cảm tình cá nhân, vì danh vọng và địa vị xã hội...

Một ví dụ khác cho thấy việc sửa đổi, bổ sung kịp thời pháp luật hình sự cũng là một tác nhân tích cực cho việc ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị. Đó là việc sửa đổi tên của "Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" thành "Tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam" trong Bộ luật hình sự năm 2015. Việc đổi mới này nhằm quy định về hành vi tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam một cách rõ ràng, cụ thể hơn, và đưa luôn những hành vi cụ thể này vào tên điều luật, khắc phục tình trạng quy định chung chung, khó áp dụng khi để tên là "Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" như Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, việc quy định hành vi làm, tàng trữ, phát tán chưa thể hiện hết các hành vi tuyên truyền chống Nhà nước rất đa dạng như: Xuyên tạc, đả kích các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong các lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý xã hội; phỉ báng công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, bôi nhọ lãnh tụ, cán bộ, công chức nhà nước; sử dụng những luận điệu chiến tranh tâm lý của địch để tuyên truyền, kích động, xuyên tạc... đánh vào tâm lý của Nhân dân, gieo rắc tư tưởng nghi ngờ, bất mãn, tạo sự sợ hãi, hoang mang trong Nhân

dân, kích động tư tưởng, hành động chống đối, oán ghét, căm thù, từ đó cổ vũ cho những hành vi làm suy yếu chế độ xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam... Qua ví dụ này có thể thấy rằng, pháp luật hình sự mặc dù được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm song hành vi tuyên truyền chống Đảng Cộng sản Việt Nam chưa được điều chỉnh trong bộ luật sẽ gây khó khăn cho việc ngăn chặn hành vi suy thoái tư tưởng đạo đức, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" khi đó là những hành vi chống phá Đảng, bôi nhọ uy tín của Đảng. Hơn nữa, việc bổ sung quy định về tội phạm chống Đảng là một đòi hỏi cấp thiết, góp phần quan trọng trong việc ngăn chặn suy thoái tư tưởng chính trị, chống biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" hiện nay. Do đó, pháp luật chỉ có thể là yếu tố tác động tích cực nếu pháp luật được quy định rõ ràng, toàn diện, dễ áp dụng, nếu không, pháp luật sẽ không có tác dụng tích cực, thậm chí sẽ là yếu tố tiêu cực làm giảm hiệu quả của việc ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

Liên quan đến pháp luật là ý thức pháp luật, trong đó sự hiểu biết và tôn trọng pháp luật được xem là yếu tố tác động hai chiều đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái và "tự diễn biến", "tự chuyển hoá". Các biện pháp ngăn chặn được đưa ra và thực hiện có hiệu quả nếu sự tôn trọng và hiểu biết pháp luật được xem là giá trị cần hướng đến. Trường hợp pháp luật không được tôn trọng, thậm chí bị chà đạp bằng quyền lực chính trị và kinh tế thì dù có đưa ra biện pháp ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị tốt đến đâu cũng chỉ là những biện pháp nằm trên giấy, không được thực thi

và thực thi không có hiệu quả. Điều đó cho thấy môi trường pháp lý và ý thức pháp luật là yếu tố tác động mạnh mẽ đến quá trình chấp hành pháp luật, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Như vậy, hoàn thiện pháp luật cùng với việc triển khai thực hiện pháp luật nghiêm minh được xem là biện pháp cứng rắn đối với những đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"...

Thứ hai, yếu tố chính trị

Chính trị là một lĩnh vực thuộc kiến trúc thượng tầng. Chính trị chịu sự chi phối bởi cơ sở hạ tầng, đồng thời có tính độc lập tương đối với cơ sở hạ tầng, thậm chí có tác động mạnh mẽ đến cơ sở hạ tầng, nhất là đối với yếu tố kinh tế. Đồng thời, chính trị cũng có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các lĩnh vực khác trong cùng một kiến trúc thượng tầng. Chính trị có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của xã hội. Do đó, trong mối quan hệ với việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", chính trị là yếu tố có tác động cùng chiều và tương tác. Do đó, chính trị với cấu trúc gồm các chủ thể lãnh đạo, các chính sách và thiết chế chính trị, văn hóa chính trị là yếu tố có tác động vừa tích cực, vừa tiêu cực. Trước hết, xét ở góc độ chủ thể lãnh đạo chính trị, nếu người lãnh đạo có đức, có tài, liêm chính, có lối sống giản dị, trong sáng sẽ là tấm gương, là nhân tố thúc đẩy mạnh mẽ việc triển khai các chính sách chính trị và biện pháp chính trị để ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái và biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá". Việc triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát thường xuyên, liên tục việc

thực hiện cam kết của cán bộ, đảng viên ở địa phương, cơ quan, đơn vị, cho thấy khi việc triển khai thường xuyên những biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi biểu hiện suy thoái nghiêm trọng về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, lời nói và việc làm biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh, sẽ không có hiện tượng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của đảng viên diễn ra phổ biến như hiện nay.

Yếu tố chính trị còn thể hiện ở sự quyết tâm chính trị từ đường lối, đến biện pháp thực hiện và hậu quả chính trị. Nếu đường lối, chính sách đúng thì tác động tích cực đến các biện pháp ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá". Song, nếu đường lối, chính sách đúng, nhưng việc chấp hành đường lối, chính sách không được chú trọng, chậm hoặc không phát hiện, xử lý đối với các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", người đứng đầu không phải chịu bất cứ trách nhiệm gì thì vô hình trung, yếu tố chính trị lại là yếu tố tiêu cực không phải là yếu tố tích cực bảo đảm cho việc ngăn chặn, đẩy lùi thành công những sự suy thoái và biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Bên cạnh đó, sự đồng tình của Nhân dân, niềm tin của Nhân dân tạo nên sự đồng thuận với Đảng trong việc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ Đảng. Chú trọng đến yếu tố đồng thuận về chính trị, về tư tưởng trong Nhân dân, trong mối quan hệ xã hội của đảng viên với Nhân dân, các tổ chức đảng sẽ nhanh chóng nắm bắt và biết được chính xác nhất đảng viên nào là người có biểu hiện suy thoái về tư tưởng

chính trị, đạo đức, lối sống, quan liêu, tham ô, tham nhũng, lãng phí để từ đó có biện pháp ngăn chặn phù hợp. Đây chính là yếu tố tác động tích cực, là yếu tố gián tiếp cần chú ý trong quá trình đưa ra các biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự chuyển hoá" và "tự diễn biến".

Thứ ba, yếu tố văn hoá

Văn hóa là yếu tố có vai trò quan trọng tác động tích cực đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng đạo đức, lối sống. Nhờ có văn hóa, giá trị nhân văn, giá trị đạo đức, tư tưởng được đề cao, là cơ sở cho sự tự giác của mỗi tổ chức, cá nhân thực hiện lối sống trong sáng, tu dưỡng đạo đức cách mạng, hăng hái cống hiến cho sự nghiệp cách mạng. Tuy nhiên, văn hóa nếu không được giữ gìn, phát triển hoặc bị lạm dụng và gắn với tâm lý nể nang, dĩ hoà vi quý thậm chí bao che cho cái xấu thì lại là yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến việc triển khai biện pháp ngăn chặn suy thoái đạo đức, làm hình thức hóa công tác phê bình và tự phê bình. Bên cạnh đó, những biểu hiện thiếu văn hóa như trốn tội, chạy tội, đổ tội cho tập thể, cho đồng chí, đồng đội, cục bộ, phe nhóm làm cho không thể tiến hành bất cứ hình thức kỷ luật hoặc xử lý về chính quyền đối với cán bộ, đảng viên có hành vi và dấu hiệu suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", do đó cũng không loại được những đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ ra khỏi đội ngũ những người cộng sản. Đó chính là sự tác động tiêu cực của yếu tố văn hóa khi mà các giá trị văn hóa không được tôn trọng và gìn giữ. Cùng với đó, việc chấp nhận nhiều nền văn hóa, nhiều hệ tư tưởng, nhiều tôn giáo là những đặc điểm

tiến bộ bởi tính đa dạng văn hóa, song chính yếu tố này lại có những tác động tiêu cực cho việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị. Việc phát triển mạnh mẽ của báo mạng điện tử, mạng xã hội thể hiện tính hiện đại của nền văn hóa và phương tiện văn hóa song lại là yếu tố tiêu cực khi hành vi suy thoái tư tưởng chính trị bị nhân rộng điển hình một cách nhanh chóng. Tính ảo của mạng xã hội và sức lan toả "không giới hạn", "không biên giới" của công nghệ thông tin làm cho việc giáo dục định hướng tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của đảng viên của tổ chức đảng trở nên khó khăn hơn bao giờ hết. Trong yếu tố văn hóa, mối quan hệ của các thiết chế văn hóa tạo nên sự đồng thuận của Nhân dân cũng chính là yếu tố tác động tích cực đến việc ngăn chặn các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống. Văn học, nghệ thuật với các loại hình phong phú của chúng có vai trò đặc biệt to lớn trong việc điều chỉnh ý thức, hành vi của con người. "Mặc dù văn học, nghệ thuật không được thể hiện thành "điều", "khoản", không có cái gọi là "chế tài", song trên thực tế lại có vai trò rất to lớn, có thể dẫn dắt con người theo nhiều cách xử sự, hướng thiện, hướng ác hay trung lập; cùng chiều hoặc ngược chiều với luật pháp và đạo đức xã hội"[1]. Theo đó, văn học, nghệ thuật có tác động tích cực đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" nếu các tác phẩm văn học, nghệ thuật đó thể hiện giá trị của đạo đức, nhân văn, nhân đạo và thể hiện tinh thần yêu nước, bản chất cách mạng.

---

1. GS.TS. Hoàng Thị Kim Quế: "Các yếu tố tác động đến hoạt động thực hiện pháp luật của công dân ở nước ta hiện nay", Tạp chí *Khoa học* Đại học Quốc gia Hà Nội, số 3-2015.

Ngược lại sẽ là yếu tố tiêu cực nếu tác phẩm nghệ thuật đó không lên án những biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống, ca ngợi lối sống thực dụng, xa hoa, ích kỷ thậm chí chứa đựng yếu tố phản động, chống phá sự nghiệp cách mạng.

Thứ tư, yếu tố thời đại

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là cuộc cách mạng 4.0 phát triển mạnh mẽ đã gây ra những thay đổi to lớn cho thế giới và Việt Nam. Bên cạnh đó là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội đang diễn ra đa dạng. Sự xuất hiện của những vấn đề toàn cầu đòi hỏi các quốc gia phải hợp tác, chung tay giải quyết. Yếu tố thời đại tạo ra những thách thức không xuất hiện một cách ngẫu nhiên. Đi cùng với thuận lợi lại là những bất lợi, thậm chí còn được gọi là biến cố. Trong đó có "biến cố mang tính chất bước lùi tạm thời của lịch sử đó là chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới lâm vào thoái trào, cục diện chính trị thế giới đột ngột thay đổi có lợi cho các thế lực phản động"[1], cùng với nó là sự ảo tưởng về một "thế giới phẳng" không chỉ về kinh tế, văn hóa mà cả về chính trị dẫn đến đòi hỏi không có căn cứ về sự đa nguyên, đa đảng và phân quyền tuyệt đối cũng như đòi hỏi về xã hội dân sự... không chỉ tồn tại trong tư tưởng của thế lực thù địch mà cả trong một số cán bộ, đảng viên. Bên cạnh đó, các thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, mặt trái của kinh tế thị trường và sự phân hóa giàu nghèo, tình trạng bất công xã hội, gian lận thương mại, chủ nghĩa cá nhân làm chia rẽ nội bộ, giảm

1. GS.TS. Trần Hữu Tiến: "Những thời cơ và thách thức từ bối cảnh tình hình thế giới đối với Việt Nam" trong *Góp phần nhận thức thế giới đương đại,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.496.

lòng tin của nhiều cán bộ, đảng viên vào việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đó chính là sự tác động tiêu cực của yếu tố thời đại đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị và biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ Đảng và đảng viên.

Cần thấy, yếu tố thời đại làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên năng động hơn, linh hoạt hơn và đa dạng hơn. Làm chủ thông tin, độc lập, tự chủ trong quan hệ đối ngoại mang tính chất tích cực cho việc triển khai các biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Đồng thời, tính đa dạng của thời đại kéo theo sự đa dạng về thành phần trong đội ngũ cán bộ, đảng viên nên tổ chức đảng nếu không tăng cường và đổi mới các hình thức sinh hoạt Đảng, đổi mới phương thức kiểm tra, giám sát trong Đảng kết hợp sử dụng công nghệ thông tin thì sẽ bị chính yếu tố thời đại tác động tiêu cực, vô hiệu hóa các biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái trong tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

Yếu tố thời đại cùng với sự phát triển và hợp tác về kinh tế quốc tế đòi hỏi sự sáng tạo trong kinh doanh, hợp tác và phát triển. Sáng tạo là sản phẩm của yếu tố thời đại, là động lực và tác động tích cực cho việc tìm ra các biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống hiệu quả nhất. Tuy nhiên, sự sáng tạo bị lợi dụng, lạm dụng và đặt không đúng trọng tâm sẽ là yếu tố tác động tiêu cực đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị.

Do đó, các tổ chức đảng, đảng viên cần hiểu về thời đại đang sống, cập nhật thông tin và chủ động, tự giác đấu tranh phê bình, tự phê bình đối với những biểu hiện suy

thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá". Đồng thời cần chủ động, kịp thời đấu tranh với những luận điệu, tư tưởng không phù hợp, phản động, xuyên tạc, chống phá Đảng và Nhà nước, đi ngược với lợi ích của dân tộc.

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, BIỂU HIỆN "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA"

ThS. BÙI VĂN TIẾNG*

Cũng như mọi nỗ lực xây dựng Đảng, nỗ lực ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" luôn bị tác động bởi nhiều yếu tố: tích cực - tiêu cực, chủ quan - khách quan, trước mắt - lâu dài... Tiếp cận theo cách của một người hoạt động thực tiễn, tác giả cố gắng nhận diện các yếu tố tác động ấy và đưa ra một số giải pháp khắc phục đối với từng tác động tiêu cực.

1. Các yếu tố tác động tích cực

Yếu tố con người - Nỗ lực ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" luôn bị tác động bởi yếu tố con người. Nỗ lực này, về chủ quan và khách quan, cả trước mắt lẫn lâu dài, là lý tưởng sống cao đẹp của bản thân từng cán bộ, đảng viên trong công vụ và trong đời thường. Lý tưởng sống cao đẹp -

---

* Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Thành ủy Đà Nẵng.

với hình mẫu Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại - là động cơ để phấn đấu trở thành đảng viên cộng sản, trở thành công chức, viên chức trong hệ thống chính trị. Nhà văn Nga Maksim Gorki từng giải thích về sự cần thiết của lý tưởng: "Khi tự nhiên tước mất của con người cái khả năng đi bốn chân thì đồng thời nó cấp cho con người cây gậy chống - đó là lý tưởng. Và từ đấy, con người vươn tới những điều tốt đẹp và cao cả hơn. Các bạn hãy làm cho cuộc vươn lên cái tốt ấy trở thành ý thức, hãy dạy cho mọi người rằng hạnh phúc chân chính chỉ có được trong sự vươn tới một cách có ý thức"[1].

Về lý thuyết, đã tuyên thệ dưới đảng kỳ thì mọi đảng viên, công chức, viên chức đều phải không ngừng sống và làm việc theo lý tưởng cộng sản mà mình đã tự nguyện tự giác chọn lựa; và hơn thế nữa phải trở thành tấm gương về sống và làm việc theo lý tưởng cộng sản đối với đồng chí, đồng đội, đồng sự, đồng nghiệp. Trong thực tế, không ít đảng viên, công chức, viên chức có chức vụ đã nêu gương sáng về sống và làm việc theo lý tưởng, qua đó tác động tích cực đến nỗ lực ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Sở dĩ nhấn mạnh đảng viên, công chức, viên chức "*có chức vụ*" vì theo Tiến sĩ Vũ Ngọc Hoàng trong bài "Về "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"" đăng trên Tạp chí *Báo cáo viên* của Ban Tuyên giáo Trung ương số ra tháng 11-2017, nguy cơ "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" không phải do đảng viên, công chức, viên chức không có chức vụ, hoặc chức vụ thấp gây ra: "cán bộ không có chức vụ quan trọng thì dù cá nhân người ấy có thay

1. Maksim Gorki: *Toàn tập*, Mátxcơva, 1949, t.II, tr.428.

đổi cũng không dễ gì chuyển hóa được ai; đáng lo và đáng đề phòng nhiều, chính là cán bộ có chức quyền, nhất là cấp chiến lược".

Yếu tố lòng dân. Suy đến cùng, yếu tố lòng dân cũng chính là yếu tố con người, nhưng yếu tố con người mang tính "trong cuộc", yếu tố lòng dân ở đây mang tính "ngoài cuộc", bởi cũng theo Tiến sĩ Vũ Ngọc Hoàng, "nhân dân không có tự diễn biến, tự chuyển hóa; trách nhiệm trực tiếp trong việc này nếu để xảy ra sẽ thuộc về nhà nước và đảng cầm quyền, chứ không phải do nhân dân", vì thế cần nhìn nhận yếu tố lòng dân như một yếu tố độc lập. Thời nào cũng vậy, lòng dân luôn là sức mạnh quyết định sự tồn vong của chế độ chính trị đương quyền, cho nên lòng dân đồng thuận - hơn thế nữa là *thế trận lòng dân* - sẽ trở thành yếu tố mang tính khách quan tác động tích cực đến nỗ lực ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Lòng dân ở đây được biểu hiện cụ thể qua *lòng tin* của dân đối với Đảng nói chung và vào công cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" do Đảng khởi xướng và lãnh đạo nói riêng. Trong thực tế, có thể khẳng định lòng tin ấy của dân vẫn còn. Nếu không có một thực tế như vậy thì Đảng ta cũng khó có thể trụ vững đến hôm nay.

Yếu tố uy tín và vị trí của đất nước. Uy tín và vị trí của đất nước ngày càng được nâng cao trên chính trường và thương trường quốc tế. Trong bài viết *Thành công của Năm APEC 2017 và Tuần lễ Cấp cao với vai trò và vị thế của Việt Nam* ngày 26-11-2017, Chủ tịch nước Trần Đại Quang,

Chủ tịch Hội nghị Cấp cao APEC lần thứ 25 khẳng định rằng: "Tuần lễ Cấp cao Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) lần thứ 25 diễn ra tại thành phố Đà Nẵng từ ngày 6 đến ngày 11-11-2017 và Năm APEC Việt Nam 2017 đã thành công tốt đẹp. Đây là thành tích đối ngoại nổi bật của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong năm nay, góp phần nâng cao vai trò của APEC là cơ chế hợp tác kinh tế hàng đầu khu vực trong một thế giới đang đổi thay nhanh chóng với những chuyển biến mang tính bước ngoặt. Thành công đó đánh dấu một mốc son mới trong tiến trình hội nhập quốc tế và triển khai đối ngoại đa phương, góp phần củng cố xu hướng hòa bình, hợp tác, phát triển và nâng cao uy tín, vị thế của đất nước ta trên trường quốc tế". Đây là một yếu tố khách quan trực tiếp tác động tích cực đến yếu tố lòng dân, qua đó gián tiếp tác động tích cực đến nỗ lực ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

Yếu tố "công cụ". Công cụ là do con người tạo nên và để sử dụng, nên suy đến cùng, giống như yếu tố lòng dân, yếu tố "công cụ" cũng chính là yếu tố con người. Tuy nhiên công cụ được xây dựng càng hoàn thiện, được điều chỉnh bổ sung cập nhật càng kịp thời, được vận hành càng đồng bộ nghiêm minh (nhất là không có "vùng cấm", không "triệt để" theo kiểu chỗ "triệt" chỗ "để"), thì sẽ tác động tích cực đến nỗ lực ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", vì thế công cụ cần được nhìn nhận như một yếu tố độc lập. Công cụ ấy là các văn bản mang tính pháp quy của Đảng và Nhà nước, các tổ chức, cơ quan chấp pháp, bảo vệ và thực thi pháp luật.

Quyết tâm chính trị của Đảng trong việc tạo nên "công cụ" hiệu lực, hiệu quả nhằm tác động tích cực hơn đến nỗ lực ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" thể hiện qua việc không ngừng điều chỉnh bổ sung cập nhật các quy định liên quan, rõ nhất là với quy định về những điều đảng viên không được làm. Đó là Quy định số 55-QĐ/TW ngày 12-5-1999 của Bộ Chính trị khoá VIII; Quy định số 19-QĐ/TW ngày 3-1-2002 của Bộ Chính trị khoá IX (với Hướng dẫn số 48-HD/UBKTTW ngày 12-4-2002 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương) thay thế Quy định số 55-QĐ/TW; Quy định số 115-QĐ/TW ngày 7-12-2007 của Bộ Chính trị khoá X thay thế Quy định số 19-QĐ/TW (với Hướng dẫn số 12-HD/UBKTTW ngày 7-4-2008 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương); mới nhất là Quy định số 47-QĐ/TW ngày 1-11-2011 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về những điều đảng viên không được làm thay thế Quy định số 115-QĐ/TW (với Hướng dẫn số 03-HD/UBKTTW, ngày 15-3-2012 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

Có một điểm chung là cả bốn quy định trên cùng quy định 19 điều đảng viên không được làm và nhất quán trước sau về quan điểm đề cao trách nhiệm, nghĩa vụ, vai trò tiên phong gương mẫu và phẩm chất đạo đức của người đảng viên; những quy định sau so với quy định trước đều thể hiện rõ tính kế thừa và phát triển, cập nhật bổ sung những điểm phù hợp, đáp ứng yêu cầu giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên trong từng thời kỳ. Đặc biệt Quy định số 47-QĐ/TW đã nâng cấp thẩm quyền ban hành văn bản từ Bộ Chính trị lên Ban Chấp hành Trung ương. Ngoài ra để nâng cao hiệu lực thực thi các quy định về những điều đảng viên không được làm, Bộ Chính trị khóa XI còn ban hành Quy định số 181-

QĐ/TW ngày 30-3-2012 về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm thay thế Quy định số 94-QĐ/TW ngày 15-10-2007 của Bộ Chính trị khóa X về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm và Quy định số 09-QĐ/TW ngày 24-3-2011 của Bộ Chính trị bổ sung, sửa đổi Điều 7, Quy định số 94-QĐ/TW ngày 15-10-2007 của Bộ Chính trị khóa X về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình.

"Công cụ" mới nhất, tác động tích cực và trực tiếp nhất đối với nỗ lực ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" là Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về "Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ" (Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30-10-2016). Đây được xem là sự nâng cấp và cụ thể hóa Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay" (Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16-1-2012). Điểm nâng cấp và cụ thể hóa nổi bật nhất của Nghị quyết số 04-NQ/TW so với Nghị quyết số 12-NQ/TW là đã xác định, nhận diện cụ thể và đưa ra một hệ thống 27 biểu hiện, bao gồm 9 biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, 9 biểu hiện của sự suy thoái về đạo đức, lối sống và 9 biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

2. Các yếu tố tác động tiêu cực

Yếu tố con người. Trong thực tế, bên cạnh không ít đảng viên, công chức, viên chức có chức vụ sống và làm việc rất có lý tưởng, cũng có nhiều đảng viên, công chức, viên chức có

chức vụ, thậm chí có chức vụ quan trọng - sống và làm việc thiếu lý tưởng, thậm chí đi ngược lại lý tưởng, nêu gương xấu về sống và làm việc theo lý tưởng. Thậm chí tuy chưa đến mức phổ biến nhưng cũng không còn cá biệt trường hợp đảng viên, công chức, viên chức có chức vụ công tác tại các tổ chức, cơ quan chấp pháp, bảo vệ và thực thi pháp luật hoạt động thiếu nghiêm minh, không đảm bảo tinh thần thượng tôn pháp luật, trở thành đối tượng có nguy cơ cao suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Tình hình đó đã tác động tiêu cực đến nỗ lực ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", tác động tiêu cực đến yếu tố lòng dân, khiến Nhân dân ngày càng giảm sút lòng tin, thậm chí không còn tin vào Đảng nói chung và vào công cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" do Đảng khởi xướng và lãnh đạo nói riêng. Không phải ngẫu nhiên mà phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng lại nhấn mạnh: "Cần khẳng định, ta làm hợp lòng dân thì dân tin và chế độ ta còn, Đảng ta còn. Ngược lại, nếu làm cái gì trái lòng dân, để mất niềm tin là mất tất cả".

Tình hình đó nghiêm trọng và đáng lo ngại đến mức Đảng phải phát động cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 7-11-2006 của Bộ Chính trị khóa X về tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14-5-2011 của Bộ Chính trị khóa XI về "Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; Bộ Chính trị

khóa XII lại ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Sở dĩ nói như vậy là bởi ngay trong Chỉ thị số 05-CT/TW, Bộ Chính trị khóa XII cũng thẳng thắn đánh giá: "Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh còn có những hạn chế, chưa trở thành việc làm thường xuyên, chưa thành ý thức tự giác của không ít tổ chức đảng, cơ quan, địa phương, đơn vị và một bộ phận cán bộ, đảng viên".

Thực ra, đúng như Bộ Chính trị khóa XII nhận định trong Chỉ thị số 05-CT/TW, việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cũng "*đã đạt được kết quả bước đầu*", nhưng kết quả bước đầu ấy chỉ tập trung vào số đảng viên, công chức, viên chức có chức vụ và không có chức vụ vốn đã tự mình sống và làm việc rất có lý tưởng, nêu gương sáng về sống và làm việc theo lý tưởng, trong khi đó hầu như "nằm ngoài vùng sóng" đối với số đảng viên, công chức, viên chức sống và làm việc thiếu lý tưởng thậm chí đi ngược lại lý tưởng, nêu gương xấu về sống và làm việc theo lý tưởng. Tuy nhiên, những hạn chế nêu trong Chỉ thị số 05-CT/TW qua hơn một năm vẫn chưa có nhiều chuyển biến. Nếu tình trạng này không sớm được cải thiện thì liệu pháp học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cũng sẽ không tác động tích cực đến nỗ lực ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" như Đảng ta mong đợi, và điều đó có nghĩa là số đảng viên, công chức, viên chức sống và làm việc thiếu lý tưởng thậm chí đi ngược lại lý tưởng, nêu gương xấu về sống và làm việc theo lý tưởng sẽ tiếp tục "phát huy" tác động tiêu cực của họ đến nỗ lực ngăn chặn, đẩy lùi suy

thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

Yếu tố "công cụ". Trong thực tế, bên cạnh không ít văn bản pháp quy - cả của Đảng lẫn của Nhà nước - được xây dựng tương đối hoàn thiện, được điều chỉnh bổ sung cập nhật tương đối kịp thời; bên cạnh không ít tổ chức, cơ quan chấp pháp, bảo vệ và thực thi pháp luật hoạt động nghiêm minh theo đúng tinh thần thượng tôn pháp luật, cũng có không ít văn bản pháp quy - cả của Đảng lẫn của Nhà nước - chưa được hoàn thiện, còn nhiều kẽ hở, chưa được điều chỉnh bổ sung cập nhật kịp thời, bất cập so với thực tiễn; đáng lo ngại hơn là có không ít tổ chức, cơ quan chấp pháp, bảo vệ và thực thi pháp luật hoạt động thiếu nghiêm minh không đảm bảo tinh thần thượng tôn pháp luật, qua đó tác động tiêu cực đến nỗ lực ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

Ở đây có vấn đề công tác cán bộ. Các công chức tham mưu soạn thảo văn bản pháp quy - ở bất kỳ vị trí công tác nào, ngạch công chức nào, cấp quản lý nào của Đảng và của Nhà nước - phải đảm bảo cùng lúc ba năng lực cơ bản: giúp lãnh đạo thu thập, đánh giá thông tin kịp thời chính xác đúng bản chất; giúp lãnh đạo đề ra chủ trương mới và giải pháp thực thi tương ứng và giúp lãnh đạo văn bản hóa những chủ trương và giải pháp ấy. Thiếu một trong ba năng lực cơ bản ấy, khó mà tham mưu soạn thảo văn bản pháp quy cho hoàn thiện, không sai sót, không kẽ hở, đặc biệt khó mà theo dõi văn bản đi vào - đúng hơn là đi trở lại - cuộc sống như thế nào để kịp thời tham mưu bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn. Việc bảo vệ và thực thi pháp luật hoạt động cho nghiêm minh, đảm bảo tinh thần thượng tôn

pháp luật hoàn toàn tùy thuộc vào người "cầm cân nảy mực" quyết tôn thờ công lý, quyết đứng về phía sự thật, lẽ phải, vì thế lựa chọn cán bộ công tác ở các ngành kiểm tra, nội chính, công an, kiểm sát, tòa án, tư pháp, thanh tra... phải rất chuẩn mực, chú trọng cả tài và đức, tâm và tầm; quan trọng hơn là vừa phải được đặt dưới sự lãnh đạo của tập thể cấp ủy - chứ không phải của người đứng đầu cấp ủy, vừa phải tạo môi trường hoạt động độc lập cho các ngành này, khi cần tập trung phải thật tập trung, khi cần dân chủ phải thật dân chủ, khi cần công khai phải thật công khai, khi cần bảo mật phải thật bảo mật... Đồng thời từng cấp quản lý phải hạn chế đến mức thấp nhất tiến đến không còn trường hợp đảng viên, ông chức, viên chức có chức vụ công tác tại các tổ chức, cơ quan chấp pháp, bảo vệ và thực thi pháp luật hoạt động thiếu nghiêm minh không đảm bảo tinh thần thượng tôn pháp luật, trở thành đối tượng có nguy cơ cao suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Tình trạng "bóng tối dưới chân đèn" đáng buồn như vậy sẽ dẫn đến sự thao túng quyền lực, sự lộng hành của nhóm lợi ích... và sẽ trở thành tác động tiêu cực đối với đại cục, đối với nỗ lực ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

Yếu tố "kiểm soát quyền lực". Kiểm soát quyền lực cũng là một loại "công cụ" nếu được tiến hành hiệu quả sẽ trở thành "công cụ" tác động tích cực, và ngược lại nếu không được tiến hành hiệu quả, sẽ tạo điều kiện cho sự lộng quyền, lạm quyền, tham vọng quyền lực hoành hành và tác động tiêu cực đến nỗ lực ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Thao túng, lộng hành nhất là trong việc phê

duyệt các dự án đầu tư theo kiểu "quy hoạch theo đầu tư chứ không phải đầu tư theo quy hoạch" và trong lựa chọn bố trí cán bộ theo kiểu "vì người xếp việc chứ không phải vì việc xếp người" - mà người ở đây thường là người nhà chứ không phải người tài... Điều này dẫn đến "thiệt hại kép" cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, bởi khi một người không đủ tiêu chuẩn tài đức được bổ nhiệm thì một người thực sự tài đức sẽ mất thời cơ, khi một người không phù hợp bằng, không thật phù hợp với vị trí công vụ nào đó mà vẫn được sắp xếp vào vị trí ấy thì một người phù hợp hơn nhiều, thực sự phù hợp sẽ mất thời cơ...

Chính vì lẽ đó chủ trương tổ chức thi tuyển chức danh ở những cơ quan, đơn vị theo cơ chế quyền lực thủ trưởng quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình để lựa chọn người đứng đầu xứng đáng, rồi giao cho người đứng đầu ấy quyền được tiến cử cấp phó của mình là rất hợp lý; nhưng ý tưởng giao cho bí thư cấp ủy quyền được giới thiệu nhân sự để bầu các ủy viên thường vụ của cấp ủy mình thì cần phải cân nhắc bởi cơ chế quyền lực của cấp ủy là quyết định theo đa số, do vậy nếu số đông ủy viên thường vụ "chịu ơn" của bí thư cấp ủy dễ làm cho quyết định của ban thường vụ cấp ủy thực chất là quyết định của chính bản thân bí thư cấp ủy, dễ làm cho cán cân quyền lực nghiêng hẳn về phía bí thư cấp ủy. Điều này dễ dẫn đến quyền lực khó được kiểm soát, từ đó mà sinh lạm quyền, lộng quyền rất nguy hiểm.

CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI TÌNH TRẠNG SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG VÀ "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC Ở VIỆT NAM

TS. NGUYỄN THANH BÌNH*

Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở Việt Nam là vấn đề cấp bách đối với sự tồn vong của Đảng, của chế độ. Vì vậy, xác định tầm quan trọng của vấn đề này, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã thảo luận và thông qua Nghị quyết "Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ" nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Ngay từ khi tuyên truyền, vận động thành lập Đảng, trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã đề cập vấn đề tư cách đạo đức của một người cách mạng, xác định cụ thể những chuẩn mực của người cách mạng trong

---

* Ban Tổ chức Trung ương.

từng mối quan hệ: với mình, với người và với việc. Sau khi giành được chính quyền, trong điều kiện Đảng cầm quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc nhở các cấp ủy đảng, đảng viên phải giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng, xác định vị thế "công bộc" của dân, phục vụ nhân dân, không phải là những "quan cách mạng". Tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* của Người, trong đó dành riêng Chương III với 12 điều viết về "Tư cách và đạo đức cách mạng" nêu khá đầy đủ những vấn đề lý luận và thực tiễn về "Tư cách của Đảng chân chính cách mạng". Sau đó, Người còn viết khá nhiều bài về đạo đức, như "Chủ nghĩa cá nhân" (năm 1948); "Cần kiệm liêm chính" (năm 1949); "Thường thức chính trị" (năm 1953), "Đạo đức công dân" (năm 1955); "Đạo đức cách mạng" (năm 1958). Đặc biệt, năm 1960, tại lễ kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tự hào khẳng định: "Đảng ta là đạo đức, là văn minh". Di sản cuối cùng của Người để lại là *Di chúc*, trong đó vấn đề đạo đức cách mạng được nhắc đến như một điểm nhấn trong công tác xây dựng Đảng: "Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"[1]. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã tổng kết công tác xây dựng Đảng, rút ra phương châm xây dựng Đảng là: "phải xây dựng Đảng vững mạnh về cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức... Xây dựng Đảng về tư tưởng và về tổ chức phải kết hợp chặt chẽ với nhau, phải

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.611.

xuất phát từ đường lối và nhiệm vụ chính trị, đồng thời bảo đảm cho đường lối và nhiệm vụ chính trị được xác định đúng, được thấu suốt và thực hiện đầy đủ"[1].

Từ Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay, không có nhiệm kỳ nào Trung ương Đảng không có nghị quyết về xây dựng Đảng, về đổi mới chỉnh đốn Đảng, kể cả hai cuộc vận động lớn: "Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng" (Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII) và "Cuộc vận động học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" (Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 7-11-2006, của Bộ Chính trị khóa X). Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay" đã chỉ rõ ba vấn đề cấp bách, trong đó vấn đề cấp bách thứ nhất là suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã bổ sung nội dung xây dựng Đảng về đạo đức trong công tác xây dựng Đảng: "Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức". Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30-10-2016, "Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", trong nội bộ".

Thuật ngữ "tự diễn biến" trong công tác chỉnh đốn Đảng được hiểu là sự dao động, diễn biến tâm lý theo xu hướng cực đoan, nay nghĩ thế này, mai nghĩ thế khác, nay nghĩ tốt, mai

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.783.

cho là xấu, nay bảo trắng, mai bảo đen. Từ những dao động ban đầu ấy nếu không tự nhìn nhận lại những suy nghĩ của mình, không được đồng chí, anh em góp ý sẽ dẫn tới chệch hướng, mất niềm tin.

"Tự chuyển hóa" là sự nối tiếp của quá trình "tự diễn biến", nhưng ở cấp độ cao hơn. Đó là sự thay đổi về chất của quan điểm chính trị và đạo đức, lối sống, khiến cho cán bộ, đảng viên không còn là chính mình nữa, chẳng những đánh mất vai trò tiên phong, gương mẫu mà thậm chí còn trở thành kẻ phản bội, chống lại Đảng và Nhà nước ta. Khi sự biến đổi về chất đã làm thay đổi quan điểm tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên sẽ dẫn đến hành động chống lại chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Suy thoái là sự suy yếu, sút kém, bào mòn dần từ nhỏ đến lớn, từ nhẹ đến nặng và có tính chất kéo dài. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên như Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI đã nêu chính là khởi nguồn của những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Mặt khác "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" là hệ quả của suy thoái.

"Tự diễn biến" và "tự chuyển hóa" có quan hệ hữu cơ với nhau, làm điều kiện và tiền đề cho nhau. Tuy nhiên, hai cụm từ này không hoàn toàn đồng nhất. Có những biểu hiện "tự diễn biến" đã dẫn tới "tự chuyển hóa", nhưng cũng có những biểu hiện "tự diễn biến" đã không dẫn tới "tự chuyển hóa". Vì vậy, không nên coi mọi biểu hiện "tự diễn biến" đều tất yếu dẫn tới "tự chuyển hóa".

"Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" không chỉ diễn ra trong lĩnh vực chính trị tư tưởng mà còn diễn ra cả trong lĩnh vực đạo đức, lối sống. Một số cán bộ, đảng viên do mang nặng chủ

nghĩa cá nhân, chạy theo lối sống thực dụng, bất mãn địa vị, hưởng thụ cá nhân, tha hóa, biến chất về đạo đức lối sống đã dẫn tới những biểu hiện "tự chuyển hóa", công khai xuyên tạc, chống đối đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, xa rời lý tưởng cách mạng của Đảng.

Việc tìm hiểu và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng. Nó giúp cho mỗi cán bộ, đảng viên tích cực tu dưỡng, rèn luyện, chủ động khắc phục những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, khởi nguồn của "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ngay từ khi manh nha xuất hiện; đồng thời giúp cho các cấp ủy, tổ chức đảng có kế hoạch thường xuyên theo dõi nắm bắt tình hình nhận thức tư tưởng của cán bộ, đảng viên trong tổ chức đảng, kịp thời ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và đấu tranh chống các quan điểm sai trái, không để cho những biểu hiện lệch lạc ấy chuyển thành "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, đối lập với quan điểm, đường lối của Đảng và đạo đức, lối sống của người cộng sản.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, một số việc chưa đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước. Tình hình mâu thuẫn, mất đoàn kết nội bộ không chỉ ở cấp cơ sở mà ở cả một số cơ quan Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty. Nhiều tổ chức đảng, đảng viên còn hạn chế trong nhận thức, lơ là,

mất cảnh giác, lúng túng trong nhận diện và đấu tranh, ngăn chặn "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; việc đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, tổ chức phản động, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị còn bị động, thiếu sắc bén và hiệu quả chưa cao. Trong khi đó, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên làm giảm sút vai trò lãnh đạo của Đảng; làm tổn thương tình cảm và suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, là một nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ.

Căn nguyên của những hạn chế, yếu kém trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa":

1- Trước hết là do bản thân những cán bộ, đảng viên đó thiếu tu dưỡng, rèn luyện; lập trường tư tưởng không vững vàng, hoang mang, dao động trước những tác động từ bên ngoài; sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, không làm tròn trách nhiệm, bổn phận của mình trước Đảng, trước dân.

2- Công tác giáo dục cho cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giảng dạy và học tập nghị quyết của Đảng chưa được coi trọng đúng mức, kém hiệu quả, nội dung và phương pháp giáo dục, truyền đạt chậm đổi mới; chưa tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức về tình trạng suy thoái, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" và những hậu quả gây ra.

3- Sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ ở nhiều nơi còn hình thức, đơn điệu. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa có chiều sâu, không theo kịp tình hình thực tế. Chưa chú trọng xây dựng, tuyên truyền, nhân rộng những mô hình mới, điển hình tiên tiến, lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực.

4- Một số nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng có nội dung chưa sát thực tiễn, thiếu tính khả thi và thiếu chế tài xử lý.

5- Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu các cấp chưa có quyết tâm chính trị cao; việc cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thành chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện ở một số địa phương, đơn vị còn chung chung, chỉ đạo thiếu quyết liệt, còn trông chờ, ỷ lại cấp trên; một số cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, trong đó có cả cán bộ cấp cao thiếu tiên phong, gương mẫu.

6- Việc xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm còn nương nhẹ, nể nang, thiếu cương quyết. Chưa có cơ chế khen thưởng những tập thể, cá nhân tổ chức thực hiện nghị quyết sáng tạo, có hiệu quả và xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không nghiêm túc.

7- Việc nghiên cứu, sửa đổi, ban hành cơ chế, chính sách, luật pháp thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa kịp thời.

8- Tổ chức bộ máy còn cồng kềnh, chồng chéo, hoạt động kém hiệu lực, hiệu quả. Cơ chế kiểm soát quyền lực chậm được hoàn thiện, còn nhiều sơ hở.

9- Thiếu cơ chế để xử lý, thay thế kịp thời những cán bộ lãnh đạo, quản lý yếu về năng lực, giảm sút uy tín, trì trệ

trong công tác, kém hiệu quả trong phòng ngừa, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Chậm ban hành quy định xử lý tổ chức, cá nhân có biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

10- Đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ còn nể nang, cục bộ. Một số cơ chế, chính sách trong đề bạt, bổ nhiệm cán bộ chưa công bằng; chính sách tiền lương, nhà ở chưa tạo được động lực cống hiến cho cán bộ, công chức.

11- Việc thực hiện kỷ cương, kỷ luật của Đảng chưa nghiêm, còn có biểu hiện "nhẹ trên, nặng dưới". Công tác quản lý cán bộ, đảng viên còn thiếu chặt chẽ.

12- Nguyên tắc tập trung dân chủ ở nhiều nơi bị buông lỏng; nguyên tắc tự phê bình và phê bình thực hiện không nghiêm, chưa có cơ chế để bảo vệ người đấu tranh phê bình.

13- Sự phối hợp giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử chưa chặt chẽ, xử lý chưa đủ nghiêm minh. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt yêu cầu; việc kê khai tài sản, thu nhập còn hình thức.

14- Chưa chủ động và thiếu giải pháp phù hợp để định hướng thông tin trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và công nghệ thông tin, mạng xã hội phát triển mạnh mẽ.

15- Việc quản lý thông tin còn lỏng lẻo, thiếu giải pháp đủ mạnh để đấu tranh có hiệu quả với các thông tin sai lệch, phản bác lại những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội và bất mãn chính trị.

16- Việc phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông và nhân dân trong đấu tranh, ngăn chặn suy thoái, "tự diễn

biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên còn hạn chế, hiệu quả chưa cao.

Một số kinh nghiệm quốc tế:

Trung Quốc, sau Đại hội đại biểu lần thứ XVIII, với mục tiêu để cán bộ, đảng viên không dám, không thể và không muốn tham nhũng, Đảng Cộng sản Trung Quốc đẩy mạnh triển khai liên tục ba nhiệm vụ: "Xây dựng đảng liêm chính duy trì thường xuyên", "Chống tham nhũng duy trì thường xuyên" và "Quản lý đảng nghiêm minh duy trì thường xuyên". Đồng thời, đề ra sáu loại kỷ luật: Kỷ luật chính trị, kỷ luật tổ chức, kỷ luật liêm khiết, kỷ luật quần chúng, kỷ luật công tác và kỷ luật sinh hoạt. Tám điều quy định: Cải tiến kiểm tra công tác giám sát, lễ tân; cắt giảm, cải tiến công tác tổ chức hội nghị; giảm hình thức trình bày báo cáo theo văn bản, nội dung thực chất; quy phạm hoạt động thăm viếng nước ngoài; cải tiến công tác bảo vệ, dẫn đường, hạn chế việc cấm đường, phong tỏa giao thông; cải tiến công tác đưa tin, tuyên truyền; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác xuất bản; thực hành tiết kiệm, thực hiện nghiêm chế độ xe công vụ, nhà công vụ. Chống bốn tác phong: Chủ nghĩa quan liêu, chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa hưởng thụ và tác phong xa hoa.

Nhật Bản ban hành Quy tắc ứng xử, quy định đối với bộ trưởng, thứ trưởng cấp cao và quốc vụ khanh, yêu cầu cao nhất là phải làm việc vì lợi ích của dân, là người phục vụ cho toàn thể nhân dân; không được gây ảnh hưởng để có lợi ích đặc biệt; không được lạm quyền bổ nhiệm nhiệm vụ vì mục đích riêng tư. Một số nguyên tắc bắt buộc về kinh tế: Không được phép làm việc trong một doanh nghiệp, không để doanh nghiệp trả thù lao; hạn chế tham gia vào các giao dịch chứng

khoán, bất động sản, thành viên câu lạc bộ golf và các câu lạc bộ khác; tránh quan hệ không rõ ràng với các doanh nghiệp;... Đạo luật số 129 năm 1999 về đạo đức công vụ quốc gia quy định đối với công chức bình thường phải dành toàn bộ thời gian làm việc cho việc công; công bằng và không phân biệt đối xử với công chúng khi thực hiện nhiệm vụ; cấm các hành động gây nghi ngờ hoặc không tin tưởng của công chúng. Nghiêm cấm công chức có hành động và hành vi gây tổn hại đến việc công; tách khỏi các tổ chức lợi nhuận, không tham gia vào các công việc ngoài việc công; cấm lợi dụng nhiệm vụ hoặc vị trí để thu lợi cá nhân; cấm nhận tiền, hàng hóa hoặc dịch vụ; cấm nhận cổ phiếu trước khi được đưa ra thị trường; cấm tiếp nhận giải trí hoặc chiêu đãi đặc biệt; cấm đi du lịch, chơi golf... khi được doanh nghiệp mời.

Ở Pháp, công chức có mối liên hệ mật thiết với địa phương (quê nhà hoặc quê phu nhân, phu quân) không được đảm nhiệm một số chức danh (tỉnh trưởng, phó tỉnh trưởng) ở địa phương đó. Thực hiện luân chuyển thường xuyên đối với quan chức cấp cao, nhất là các chức danh đại diện nhà nước tại các địa phương.

Ở Cuba, ưu tiên cho việc đấu tranh với những yếu kém trong việc rèn luyện của đảng viên, sự sa sút một số giá trị cơ bản trong hành xử của đảng viên và việc sử dụng không thỏa đáng các phương thức khác nhau của đảng nhằm giáo dục đảng viên. Tăng cường đấu tranh với những nguyên nhân và những điều kiện làm phát sinh những biểu hiện vi phạm, bất hợp pháp, tham nhũng và những tội danh khác, những hiện tượng đang làm suy yếu nền tảng của xã hội, cùng với quan liêu và sự chểnh mảng. Cán bộ cấp ủy các cấp cần phải từ chức khi nhận thấy rằng bị mất uy tín hoặc bị chê trách. Đổi

mới dần các chức vụ lãnh đạo và quy định giới hạn về thời gian và độ tuổi, tùy theo chức năng và mức độ phức tạp của mỗi chức vụ; giới hạn tối đa hai nhiệm kỳ (5 năm/nhiệm kỳ) đối với các chức vụ chủ chốt chính trị và của nhà nước. Xúc tiến việc luân chuyển một cách có chọn lọc những cán bộ chính trị có triển vọng vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý nhằm đào tạo, rèn luyện họ.

Ở Lào, chấn chỉnh quản lý nội bộ đảng, quy định giảm thiểu các cuộc họp, nói đi đôi với làm một cách hiệu quả. Quy định về thăm dò bỏ phiếu tín nhiệm theo giai đoạn đối với cá nhân lãnh đạo đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội các cấp. Các chức danh tỉnh trưởng, đô trưởng, huyện trưởng giữ chức vụ không quá hai nhiệm kỳ.

Với quan điểm kết hợp giữa "xây" và "chống", nhưng lấy "xây" là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược lâu dài, lấy "chống" là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng và cấp bách; coi trọng cả "đức trị" và "pháp trị" nhưng đề cao "pháp trị"; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã chỉ rõ 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", bốn nhóm giải pháp cụ thể với cách làm không hình thức, phô trương; phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị "mọi lúc, mọi nơi, mọi người" đều tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Triển khai thực hiện Nghị quyết, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15-5-2016; Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 27/CT-TTg, ngày 8-9-2016, "Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; Chính phủ ra Nghị quyết số 25/NQ-CP, ngày 8-2-2017, "Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ".

Ở góc độ tham mưu về công tác cán bộ, vừa qua, Ban Tổ chức Trung ương đã tích cực tham mưu Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các văn bản nhằm chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật trong công tác cán bộ, như: Đổi mới, bổ sung một số quy trình nhân sự trong công tác cán bộ (quy trình 5 bước); quy định về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; về công tác luân chuyển cán bộ; về xác định trình độ lý luận chính trị; xác định tuổi của đảng viên; thực hiện nghiêm các quy định về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí, quy trình đánh giá, bổ nhiệm cán bộ nhằm góp phần chống tiêu cực, những nhiễu trong công tác cán bộ và bảo đảm "trúng" người và "đúng" việc.

VỀ SUY THOÁI: NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP

TS. VŨ NGỌC HOÀNG*

Đã có nhiều nghị quyết và chỉ thị của Trung ương nói đến sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống; một số nhà khoa học và dư luận xã hội cũng đã nói đến sự suy đồi về văn hóa. Trong đó, đã có nhận định sự tăng dần về tính phổ biến, sự lan rộng về quy mô và tính chất phức tạp hơn của suy thoái, mặc dù Đảng và Nhà nước nhiều nhiệm kỳ đều có chủ trương về phòng chống. Vì sao tình hình lại vậy, nguyên nhân và giải pháp thế nào là việc rất cần bàn để tìm lời giải thấu đáo, có cơ sở khoa học. Ở đây xin góp một tiếng nói về vấn đề này.

Về tư tưởng chính trị, điều đáng nói nhất là lòng tin của nhân dân và kể cả nhiều cán bộ, đảng viên đối với các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đã suy giảm khá nghiêm trọng. Thời gian gần đây, sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, sự kiên quyết của Tổng Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ trong việc chống tham nhũng, tiêu cực, đã được dư luận đồng tình, hoan nghênh, lòng tin bắt đầu được khôi phục. Kết quả đó là rất đáng mừng. Tuy nhiên, cũng mới là kết quả bước đầu, chưa

---

* Nguyên Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương.

nhiều, công việc vẫn còn rất bề bộn và tính phức tạp sẽ còn tăng lên. Sự suy thoái đó là một thực tế, một sự thật. Dù ta không muốn vậy, hoặc không muốn nói thế, thì nó vẫn cứ là một thực tế khách quan, không thể chối cãi, không thể né tránh. Phải nhìn thẳng vào sự thật, đối diện với nó, hiểu nó đến cùng, nhất là về bản chất và nguyên nhân sâu xa, để từ đó mà tìm cho ra cách giải quyết hiệu quả nhất. Đó cũng là trách nhiệm, là bản lĩnh, là cách tiếp cận khoa học. Cho nên, đối mặt với sự thật, nói rõ sự thật cũng là giải pháp, và là giải pháp đầu tiên, để từ đó, tìm các giải pháp tiếp theo. Với lẽ đó, việc nói rõ sự thật cũng mang ý nghĩa đột phá. Đây là vấn đề cần được nhất trí chung. Nói vậy là vì vẫn đang còn những cách suy nghĩ khác nhau, có không ít ý kiến cho rằng nói rõ hết, minh bạch hết về sự suy thoái thì sẽ làm mất uy tín hệ thống chính trị. Nhưng theo tôi, việc minh bạch thông tin để cảnh báo và đấu tranh là sức đề kháng của cơ thể xã hội, nếu không nói hết, còn che giấu thì sẽ mất uy tín nhiều hơn, vì Nhân dân sẽ nghĩ rằng đó là sự bao che, và tiêu cực thì còn nơi ẩn nấp, xã hội thì giảm sức đề kháng để chống lại suy thoái. Lúc này, cần phải công khai, minh bạch để toàn Đảng, toàn dân biết và tỏ thái độ, cũng tức là dựa vào dân để xây dựng Đảng.

Trong chính trị chân chính, chứ không phải mị dân, khi có lòng tin bền vững của Nhân dân là có tất cả. Khi lòng tin không còn thì sẽ mất tất cả. Lòng tin của Nhân dân là nền tảng chính trị quan trọng nhất của chính quyền. Không còn nền tảng ấy thì nhất định sẽ chông chênh, và nếu không sớm khắc phục, để nó ngày càng trầm trọng hơn thì trước sau gì cũng sụp đổ. Không thể khác! Không có cái gì thay thế được cho lòng tin của dân chúng. Bạo lực càng không phải là giải

pháp đối với Nhân dân. Thậm chí nó còn là thứ độc hại, làm cho nền tảng chính trị ngày càng thêm rạn nứt và đổ vỡ.

Vì sao mà lòng tin giảm sút? Đừng bao giờ suy nghĩ là do Nhân dân không tốt. Nghĩ như thế là nghĩ ngược. "Tiên trách kỷ" là kinh nghiệm và lời khuyên từ cha ông. Lý do đầu tiên, quan trọng nhất, mang tính quyết định làm cho lòng tin giảm mạnh là sự hư hỏng đạo đức của cán bộ. Khi không tin vào đạo đức, nhân cách, việc làm của cán bộ thì dẫn đến cũng không tin vào lời nói, không tin vào đường hướng mà đội ngũ ấy vạch ra. Nói cách khác, chính sự suy thoái về đạo đức là nguyên nhân lớn nhất dẫn đến suy giảm lòng tin. Như vậy, sự suy thoái về đạo đức chính là nguyên nhân lớn nhất gây nên suy thoái về tư tưởng chính trị. Tập trung giải quyết tốt sự suy thoái về đạo đức là cách tốt nhất và đầu tiên để giảm suy thoái về tư tưởng chính trị.

Lòng tin không tự nhiên mà có, cũng không phải bất biến. Khi đạo đức của nhiều cán bộ suy đồi thì người ta không tin vào sự chân chính của tổ chức và từ đó mà dẫn đến không tin vào mục tiêu của tổ chức ấy đưa ra. Mặt khác, bản thân lý luận và công tác lý luận còn nhiều lạc hậu và yếu kém kéo dài hàng chục năm nay. Không ít vấn đề còn mập mờ, chưa rõ cơ sở khoa học, thậm chí mâu thuẫn nhau, xa thực tiễn, không có sức thuyết phục. Công tác lý luận không bám chắc thực tiễn, cũng tức là đã rời xa nguồn gốc, cơ sở sản sinh ra nó, vì vậy mà ít sức sống; nặng minh họa, ít phản biện và tư duy độc lập, lẫn lộn giữa khoa học và chính trị. Nói cách khác là khoa học bị chính trị hóa, không còn giữ được tính khách quan của khoa học, điều đó làm cho lý luận ít có ích cho công việc và chính trị thì chưa có đầy đủ cơ sở khoa học cho các quyết định. Công tác tư tưởng nói chung còn

một chiều, mang tính áp đặt, ai phản biện, nói khác dễ bị quy chụp là "mất quan điểm, lập trường", là "chệch hướng". Có những việc nói một đường làm một nẻo. Chính cách làm đó lâu ngày sẽ dẫn đến sự thụ động của một tập thể đảng, của tầng lớp trí thức, từ đó mà lan ra, làm cho dân tộc thụ động; mặt khác nó tác động tiêu cực để tạo ra những con người nói dối, nghĩ một đường nhưng phải uốn lưỡi nói theo một nẻo, trở thành không trung thực, thành người "hai mặt", gây nguy hại cho nền văn hóa.

Một lý do nữa làm mất lòng tin là năng lực lãnh đạo, quản lý, quản trị của các cấp, các ngành không giải quyết, kịp thời các vấn đề bức xúc của cuộc sống đặt ra, để đất nước bị tụt hậu trên nhiều mặt và đang còn nhiều vụ việc giải quyết chưa đến cùng, chưa đủ minh bạch, làm cho nhân dân nghi ngờ. Dù nghi ngờ có những điều không đúng về bản chất, còn do kẻ xấu xuyên tạc thêm vào, nhưng nó vẫn là nghi ngờ cần phải được xóa đi bằng công việc và hành động cụ thể. Có nhiều vụ việc chưa đủ minh bạch - đó là một sự thật. Thất thoát nhiều nghìn tỷ, hàng chục ngàn tỷ trong các vụ việc và tại các tập đoàn kinh tế nhà nước, các ngân hàng đã xảy ra như thế nào, vì sao, nó đi đâu, ai chịu trách nhiệm? Rồi chuyện chạy chức, chạy quyền, ai chạy và chạy ai?... Còn nhiều chuyện nữa còn mập mờ, chưa minh bạch. Sở dĩ cán bộ, đảng viên và nhân dân nghi ngờ là có lý do và họ có quyền. Không thể cấm mọi người nghi ngờ, càng không được quy chụp là "phản động", cách ấy là cách tự mình đối lập lại với nhân dân - những con người mà lòng tin của họ là nền tảng chính trị của quốc gia, là chỗ dựa của nhà nước dân chủ.

Còn sự suy thoái về đạo đức (cả lối sống) của cán bộ? Lối sống thoái hóa cần được phê phán thực chất cũng là biểu

hiện ra bề ngoài của vấn đề đạo đức. Đạo đức xã hội nói chung cũng là môi trường sống đối với cán bộ.

Sự suy đồi đạo đức xã hội nói chung ở nước ta đang có nhiều biểu hiện rất đa dạng, phức tạp và nghiêm trọng. Trong đó, đáng lưu ý bậc nhất là: tham nhũng,"lợi ích nhóm", hối lộ để chạy dự án, chạy chức, chạy tội; giả dối và gian lận; bạo lực, làm những điều ác, có hại cho dân cho nước...

Tình hình trên có một phần do sự tác động tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường. Tuy nhiên, không thể đổ lỗi cho cơ chế ấy, bởi nó là thế, luôn có hai mặt: mặt tích cực là chủ yếu, sự lựa chọn kinh tế thị trường là đúng đắn, đồng thời có mặt trái, tiêu cực, là mặt thứ yếu. Cũng là dễ hiểu, hầu hết các vấn đề của đời sống xã hội đều có hai mặt, ngay cả thuốc chữa bệnh cũng có tác dụng phụ. Nhiệm vụ và năng lực của những người lãnh đạo, quản lý là phải biết phát huy mặt tốt và hạn chế, ngăn ngừa tác động của mặt xấu. Đất nước cần những người lãnh đạo là cần như vậy!

Điều đáng lưu ý nhất là sự tha hóa quyền lực. Đó là nguyên nhân chính yếu gây ra mọi hư hỏng. Nói từ "tha hóa quyền lực" là nói gọn, nói tắt, còn nói rõ hơn thì đó là sự tha hóa của những con người được sử dụng quyền lực, là sự lộng quyền vì lợi ích cá nhân, những người được giao quyền lực không sử dụng đúng mục đích để bảo vệ và phụng sự nhân dân, kiến tạo và quản trị quốc gia phát triển, mà ngược lại sử dụng quyền lực đó như là phương tiện phục vụ cho mục đích cá nhân, bất chấp công lý, đạo lý, ức hiếp người khác và gian lận thu vén.

Quyền lực là công cụ rất hữu hiệu để tập hợp lực lượng nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giúp ích cho đồng bào, nếu như nó được trao đúng cho những người có đủ nhân cách.

Mặt khác, nó luôn làm tha hóa những người sử dụng quyền lực, nếu họ không đủ nhân cách và quyền lực không được kiểm soát. Quyền lực là "con ngựa chứng", nó sẽ làm cho người cầm cương phải ngã ngựa nếu họ không đủ nhân cách và năng lực. Chức quyền càng lớn hoặc sử dụng càng lâu thì nguy cơ tha hóa càng nhiều. Sự tha hóa quyền lực đến một mức độ trầm trọng thì nhà nước thay đổi bản chất, không còn là nhà nước của dân nữa, và sẽ sụp đổ khi sự tha hóa đã vượt ngưỡng. Các triều đại phong kiến Việt Nam hầu hết đã như thế. Ngay cả những triều đại danh tiếng đã trị vì đất nước hàng trăm năm, đã có công lớn đối với quốc gia và dân tộc, như nhà Lý, nhà Trần, nhà Hậu Lê... mà cuối cùng cũng vì vậy mà sụp đổ. Liên Xô có thời kỳ ta gọi là thành trì cách mạng thế giới cũng đã như thế. Đó chính là "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" đáng lo nhất. Đối với tình hình Việt Nam hiện nay, dù không được mất cảnh giác nhưng theo tôi không đến mức đáng lo về việc có một lực lượng chính trị đối lập nào có thể lật đổ Nhà nước. Nguy cơ là từ phía ta, do chính ta tạo ra. Dù không cố ý gây nên thì cũng là nguy cơ có thật. Trao quyền lực cho những người không đủ nhân cách thì hậu quả là không tránh khỏi. Công tác cán bộ của chúng ta những năm qua có khuyết điểm lớn, nhiều nhiệm kỳ chọn người không đúng để trao quyền lực, sắp xếp vào các vị trí quan trọng then chốt. Đây là một trong hai nguyên nhân hàng đầu của suy đồi đạo đức.

Việc trao quyền lực nếu không đi cùng với một cơ chế tốt về kiểm soát quyền lực thì đó là việc nguy hiểm, chẳng khác nào trao vũ khí vào tay gian thần. Có những người lúc đầu chưa phải xấu, nhưng khi có quyền lực mà không có cơ chế kiểm soát thì hư hỏng nhanh chóng, thậm chí nhanh đến bất

ngờ, không hiểu nổi. Thậm chí ngay trong lúc đang tranh giành quyền lực có nhiều trường hợp con người ta đã bị tha hóa do sử dụng thủ đoạn để hại người khác được coi là đối thủ cạnh tranh. Quyền lực khi đạt đến đỉnh cao thì bắt đầu tha hóa - đó là một đặc điểm khá phổ biến từ Đông sang Tây, từ cổ chí kim. Tất nhiên cần nói thêm rằng, chỉ trừ những con người đã đủ độ "chín" về văn hóa, họ biết tự xấu hổ với chính mình, thì không bị tha hóa, dù hoàn cảnh thế này hay thế kia. Nhưng những con người đủ độ "chín" như vậy thì không nhiều, còn số đông cán bộ thì sẽ bị tha hóa khi trao quyền lực mà không có kiểm soát quyền lực. Sự tha hóa quyền lực nếu để vượt ngưỡng thì không thể quay trở lại được, và sẽ sụp đổ.

Nói nguyên nhân là để hiểu đúng bản chất. Điều quan trọng hơn là tìm cho ra giải pháp để khắc phục. Nhất là những giải pháp đột phá. Sau đây xin tham gia ý kiến về giải pháp:

Các nhóm giải pháp quan trọng hàng đầu gồm: Kiểm soát quyền lực và minh bạch thông tin; đổi mới cơ chế, thể chế quản lý; đổi mới công tác cán bộ; tinh gọn bộ máy và cải cách chế độ tiền lương; đổi mới phương thức lãnh đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước; xử lý nghiêm minh các vụ tiêu cực. Trong các nhóm giải pháp nêu rõ trên, mỗi nhóm đều có ý nghĩa và vị trí riêng, khó mà nêu cái nào quan trọng hơn. Tuy nhiên, nếu phải chọn một giải pháp duy nhất thì nên chọn vấn đề kiểm soát quyền lực, đồng thời đề nghị thêm giải pháp thứ hai thuộc về minh bạch thông tin.

Đã có nhiều nghị quyết của Đảng và Nhà nước về chống tham nhũng, suy thoái. Các nghị quyết ấy về cơ bản là đúng và cũng đã được tổ chức thực hiện một cách tích cực, khá vất

vả, tốn nhiều công sức. Nhưng kết quả vẫn hạn chế, chưa có chuyển biến đáng kể, thậm chí có mặt còn xấu hơn. Phải xem lại trong các nghị quyết ấy còn thiếu điều gì? Theo tôi, còn thiếu những biện pháp cụ thể về kiểm soát quyền lực, thực thi dân chủ rộng rãi và minh bạch thông tin.

Như phần trên đã nói, quyền lực không được kiểm soát tất yếu sẽ dẫn đến lộng quyền và tha hóa. Tham nhũng và thực thi dân chủ, "lợi ích nhóm" thường gắn với quyền lực, liên quan đến cán bộ có chức quyền. Nước ta, việc kiểm soát quyền lực và thực thi dân chủ, minh bạch thông tin hầu như còn khuyết điểm ở rất nhiều khâu. Trong thời gian diễn ra Đại hội lần thứ XII của Đảng, đồng chí Tổng Bí thư ít nhất đã hai lần nói phải kiểm soát quyền lực. Tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII vừa qua, Tổng Bí thư đã khẳng định phải xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực một cách chặt chẽ. Đấy là một bước tiến quan trọng trong tư duy của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, mong rằng sẽ được thực hiện một cách khẩn trương, nghiêm túc và có hiệu quả.

Cần tiếp tục thực hiện tốt hơn việc bỏ phiếu đánh giá hằng năm của cấp ủy và hội đồng nhân dân các cấp, Trung ương và Quốc hội đối với các chức danh do cơ quan ấy bầu cử hoặc phê chuẩn. Nghiên cứu sửa đổi các điều luật về tội tuyên truyền chống nhà nước; nghiêm cấm việc bịa chuyện vu cáo, quy chụp, xúc phạm nhân phẩm và vi phạm tự do cá nhân của người khác, kể cả đối với nhân dân và cán bộ; ra quy định về đạo đức công vụ; về trách nhiệm giải trình và minh bạch thông tin; đề ra các quy định về sự lành mạnh, trung thực, nhân văn và mở rộng tự do trong truyền thông,

minh bạch thông tin và sử dụng sức mạnh của dư luận xã hội để chống suy thoái; thực thi dân chủ và công bằng, tạo điều kiện cho nhân dân tham chính.

Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, thay đổi cách tuyển chọn người để bổ nhiệm vào các chức danh. Thật sự phát huy quyền dân chủ và quyền tự chủ của các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc phát hiện nhân tài, chọn người ra ứng cử. Thực hiện tranh cử giữa các ứng viên do các đoàn thể cử ra một cách công khai minh bạch để nhân dân rộng đường so sánh và lựa chọn người (đối với các chức danh dân cử) thay cho cách sắp đặt nhân sự theo ý muốn chủ quan của người chủ trì. Cấp ủy đảng lãnh đạo về tiêu chuẩn, tham gia phát hiện và giới thiệu nhân tài một cách công bằng như các đoàn thể, làm trọng tài công minh để bảo đảm cho cuộc bầu cử (có tranh cử) được công khai, minh bạch và lành mạnh. Đối với cán bộ tham mưu và chuyên môn giúp việc thì thực hiện tuyển chọn bằng hai cách: thông qua một cuộc thi tuyển chọn và do cá nhân người lãnh đạo được quyết định chọn (có thẩm định). Đối với những trường hợp do người lãnh đạo lựa chọn thì hợp đồng sử dụng theo nhiệm kỳ của người lãnh đạo ấy. Khi người lãnh đạo khác lên thay thì người lãnh đạo mới sẽ lựa chọn lại theo ý mình. Người lãnh đạo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành vi công vụ của cán bộ ấy. Một giải pháp nữa là người tiến cử cán bộ phải bị xem xét trách nhiệm khi tiến cử không đúng người cần chọn.

Trong đổi mới cơ chế quản lý cần tiếp tục cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (nơi mà thời gian qua đã có tham nhũng nhiều) để các nhà đầu tư tham gia quản trị doanh

nghiệp; nghiên cứu cải cách chế độ thuế đối với bất động sản theo hướng đánh thuế lũy tiến, tăng thuế chuyển nhượng và thừa kế khi một cá nhân nào đó chiếm giữ quá nhiều bất động sản mà không giải trình được nguồn gốc thu nhập, nhằm chống đầu cơ và khắc phục bất bình đẳng quá mức trong khoảng cách giàu nghèo ngày càng phân hóa lớn; nghiên cứu chế độ đa sở hữu đối với đất ở, đất vườn và đất nông nghiệp. Trong khi chưa sửa đổi được các quy định về sở hữu đất đai, cần sớm có sửa đổi về việc thu hồi đất đã giao cho nhân dân sử dụng. Theo đó, Nhà nước chỉ thu hồi cho mục đích quốc phòng, công ích và xây dựng hạ tầng dùng chung; còn đất cho các dự án kinh tế thì đôi bên phải thỏa thuận chuyển nhượng. Lâu nay, lợi dụng chế độ quản lý đất đai hiện hành, tham nhũng và "lợi ích nhóm" về đất đai là khá phổ biến, cần sớm khắc phục và tạo điều kiện cho người nông dân có sở hữu đối với tư liệu sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp, để trên cơ sở đó người nông dân tham gia làm chủ xã hội.

Việc xử lý các vụ tiêu cực đề cập sau cùng trong số các nhóm giải pháp không có ý rằng nó ít quan trọng, mà vì nó chủ yếu là giải quyết hậu quả, giải quyết cái đã xảy ra rồi, vẫn rất quan trọng, nếu xử lý nghiêm sẽ có tác dụng răn đe (mà nhất định phải xử lý nghiêm chứ không được bỏ qua bất kỳ vụ nào, dù phải động chạm bất kỳ ai, tất nhiên phải có cách làm phù hợp, không gây xáo trộn nhiều trong cùng thời điểm), nhưng dù sao thì nó vẫn không phải là cách trực tiếp ngăn chặn từ đầu. Nếu chúng ta tập trung rất cao công sức cho việc xử lý cái đã xảy ra, thì trong khi giải quyết được vài ba vụ, có thể đã phát sinh thêm năm bảy vụ mới, tổng số tồn

đọng vẫn cứ không giảm, mà có thể nhiều hơn. Cho nên, đồng thời với việc xử lý nghiêm minh các vụ tham nhũng, cần phải tập trung nhiều nhất cho việc đổi mới cơ chế, thể chế để ngăn chặn đầu vào, giải quyết từ gốc cái điều kiện và tác nhân sinh ra tiêu cực.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI NHỮNG BIỂU HIỆN "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HOÁ" CỦA TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN HIỆN NAY

ThS. CAO VĂN THỐNG*

"Tự diễn biến" của tổ chức đảng, tổ chức nhà nước hoặc đảng viên là tự chính bản thân cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, cá nhân cán bộ, đảng viên có hành vi, việc làm hoặc tự gây ra, chỉ bằng sức lực, khả năng của chính cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên, dẫn đến sự *tự biến đổi từ lượng đến chất* về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống hoặc về ý thức, trách nhiệm trong từng thời điểm, thời kỳ nhất định.

"Tự chuyển hoá" của tổ chức đảng, tổ chức nhà nước hoặc cán bộ, đảng viên là tự tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, cá nhân cán bộ, đảng viên có hành vi hoặc việc làm hoặc tự gây ra, chỉ bằng sức lực, khả năng của riêng cấp uỷ, tổ chức đảng, cá nhân đảng viên để tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống hoặc về ý thức, trách nhiệm biến đổi sang dạng hoặc hình thái khác.

"Tự diễn biến" và "tự chuyển hoá" của tổ chức và cá nhân rất đa dạng và phức tạp, được biểu hiện và biến thể ở nhiều mức độ, hình thái khác nhau.

---

* Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Thứ nhất, "tự diễn biến" và "tự chuyển hoá" của tổ chức đảng, tổ chức nhà nước.

- "Tự diễn biến" của tổ chức đảng, tổ chức nhà nước được thể hiện qua các biểu hiện sau đây:

+ Không chấp hành, chấp hành không đúng, đầy đủ, nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của chính quyền cấp trên gây thiệt hại cho tập thể, cho tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương, cho lợi ích chung của cộng đồng.

+ Không chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, thể hiện rõ nét nhất là không chấp hành đầy đủ, đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong việc thảo luận, biểu quyết những vấn đề thuộc trách nhiệm của tập thể.

+ Một số cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước khi có quyết định chia tách, giải thể, sáp nhập hoặc kết thúc hoạt động nhưng tập thể vẫn "cố tình", "tranh thủ" ra nghị quyết, quyết định không đúng thẩm quyền, trách nhiệm để vụ lợi (ban hành chủ trương quy hoạch, đầu tư các dự án; cấp đất, cấp nhà, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ) hoặc với động cơ không trong sáng (quyết định kết luận vụ việc kiểm tra, giám sát không đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục hoặc quyết định kỷ luật cán bộ mang tính trù dập).

+ Có cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, tổ chức nhà nước khóa mới biết cấp ủy, ban thường vụ, tổ chức nhà nước khoá trước ban hành nghị quyết, chủ trương, quyết định chưa phù hợp, thậm chí sai nhưng không nêu cao trách nhiệm trong việc xem xét, quyết định điều chỉnh hoặc khắc phục kịp thời (kể cả trong quyết định chủ trương thực hiện các quy hoạch, dự án đầu tư, cả trong công tác cán bộ, thi hành kỷ luật đảng).

Ngược lại, có cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, tổ chức nhà nước cấp trên thấy cấp dưới ban hành chủ trương, nghị quyết, quyết định không phù hợp, chính xác hoặc sai nhưng ngại va chạm, sợ liên lụy đến trách nhiệm của tập thể, cá nhân mình nên đã làm ngơ, hoặc bao che cho cấp dưới, dẫn đến khuyết điểm, vi phạm kéo dài, có khi qua nhiều nhiệm kỳ, gây hậu quả nghiêm trọng nhưng chậm được giải quyết, gây khiếu kiện kéo dài, bức xúc trong xã hội, dẫn đến tình trạng "tư duy nhiệm kỳ" và "lợi ích nhóm".

+ Không nghiêm túc tự giác tự kiểm điểm phê bình trong sinh hoạt của tập thể cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng, chi ủy, chi bộ, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị. Khi thấy cá nhân trong tập thể, tổ chức, cơ quan, đơn vị có hành vi, việc làm không đúng nhưng do nể nang, ngại va chạm nên tập thể, trước hết là người đứng đầu làm ngơ, bỏ qua hoặc sợ trách nhiệm, sợ mất thành tích, mất cán bộ nên đã xuê xoa, bao che cho vi phạm của thành viên trong tổ chức mình. Thấy tổ chức, cơ quan, đơn vị mình có thiếu sót, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém, nhưng sợ trách nhiệm, sợ mất uy tín đã không báo cáo, báo cáo không đầy đủ, kịp thời, trung thực, thậm chí báo cáo sai sự thật với cấp trên.

+ Tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước vì lợi ích cục bộ đã ban hành các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định cho tập thể, cho cơ quan, đơn vị mình trái với chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước, của cấp trên theo phương châm "*trên có chính sách, dưới có đối sách*".

+ Lợi dụng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, vị thế của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương để làm trái hoặc tự đặt ra các chủ trương, thủ tục hành chính, giấy tờ không đúng quy định, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân, cho doanh nghiệp... nhằm trục lợi cho tập thể.

- "Tự chuyển hoá" của tổ chức đảng, tổ chức nhà nước được thể hiện như sau: Từ "tự diễn biến" của tổ chức đảng, tổ chức nhà nước trong một giai đoạn cụ thể, từ thay đổi về lượng đến một mức độ nào đó sẽ dẫn đến sự thay đổi về chất một cách tinh vi, kín đáo hoặc có thể công khai dưới nhiều biến thái khác nhau như:

+ Từ những thiếu sót, khuyết điểm nhỏ, đơn lẻ phát triển dần dần đến thiếu sót, khuyết điểm lớn, từ phạm vi nhỏ đến phạm vi lớn với nhiều hình thức, mức độ khác nhau.

+ Từ thực hiện việc sai phạm nhỏ đến sai phạm lớn, từ cơ hội, nhất thời đến mang tính cố ý, thường xuyên, phổ biến, từ số lượng vi phạm nhỏ đến số lượng vi phạm lớn, từ phạm vi sai phạm hẹp đến phạm vi sai phạm rộng, từ ít nghiêm trọng đến nghiêm trọng, thậm chí đặc biệt nghiêm trọng. Từ khuyết điểm, sai phạm của một tổ chức đảng, tổ chức nhà nước lan sang nhiều tổ chức, từ cấp dưới đến ngang cấp, đến cấp trên; từ đơn lẻ đến sự liên kết giữa nhiều tổ chức, nhiều cấp.

+ Từ thực hiện hành vi vi phạm ở một lĩnh vực sang nhiều lĩnh vực hoặc chuyển từ lĩnh vực này sang lĩnh vực khác hoặc nhiều lĩnh vực trong cùng một thời điểm hoặc ở các thời điểm khác nhau.

+ Từ thiếu sót, khuyết điểm, sai phạm do nguyên nhân khách quan (điều kiện, hoàn cảnh bên ngoài tác động từ cơ chế, chính sách, sự thiếu kiểm tra, kiểm soát, giám sát) của chủ thể quản lý (các tổ chức đảng, tổ chức nhà nước), của hệ thống giám sát xã hội (Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng và của nhân dân) đến nguyên nhân chủ quan (từ bột phát đến cố ý lợi dụng kẽ hở của cơ chế, chính sách hoặc tự đặt ra các quy định, thủ tục trái với quy định của Đảng, Nhà nước, của cấp trên) để trục lợi.

+ Quá trình "tự chuyển hoá" có thể diễn ra trong một thời gian dài, nhưng cũng có thể diễn ra trong một thời gian ngắn hoặc có thể diễn ra tức thời với sự diễn biến không bình thường, thậm chí là đột biến, khó lường.

Quá trình "tự diễn biến" chuyển sang "tự chuyển hoá" có thể diễn ra một cách tự phát chậm chạp, nhưng cũng có thể xảy ra lúc nhanh, lúc chậm, lúc sôi động, lúc âm thầm, hoặc có thể diễn ra một cách mau lẹ, liên tục, nhất là khi có thêm sự tác động của các nhân tố bên ngoài xã hội hoặc của các thế lực phản động, thù địch trong thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình" của chúng, có thể kéo theo hoặc kết hợp với sự suy sụp về kinh tế, sự suy giảm về lòng tin của nhân dân, có thể đẩy tới sự sụp đổ chế độ xã hội.

Vấn đề này đã từng xảy ra và có bài học từ sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là bằng chứng cụ thể của tình trạng "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" nhằm phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa về chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội... của chủ nghĩa đế quốc. Vì thế, không thể phủ nhận tác động rất tiêu cực của "diễn biến hoà bình" đối với "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" từ trong nội bộ tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, từ bên trong nội bộ của mỗi quốc gia, dân tộc.

Tuy nhiên, từ thực tế bài học của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cũng cần phải hết sức lưu ý là quá trình "tự diễn biến" dẫn đến "tự chuyển hoá" của tổ chức đảng, tổ chức nhà nước ở cấp dưới, trong phạm vi hẹp ở nội dung không phức tạp nghiêm trọng thì có thể có biện pháp đấu tranh, ngăn chặn hiệu quả kịp thời. Nhưng khi sự "tự diễn biến" chuyển sang "tự chuyển hoá" đã ở phạm vi rộng, liên quan (liên kết) ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực, với sự tiếp

tay của các thế lực thù địch ở bên ngoài với tính chất tinh vi, phức tạp, mức độ nghiêm trọng thì rất nguy hại, khó khăn trong việc đề ra chủ trương, giải pháp đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả.

Thứ hai, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" của cán bộ, đảng viên.

- "Tự diễn biến" của cán bộ, đảng viên được thể hiện trên các biểu hiện sau đây:

+ Một số cán bộ, đảng viên, kể cả người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chi bộ, tổ chức nhà nước không thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ (thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức). Do đó, sau khi thảo luận, tập thể đã quyết định nhưng bản thân có ý kiến khác như: không chấp hành nghị quyết, quyết định của tập thể, một số cán bộ, đảng viên có thể phản ứng, không chấp hành, cùng nhau viết, ký tên vào một đơn tố cáo, kiến nghị, gây mất đoàn kết nội bộ; hoặc trong sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt tổ chức đảng, chi bộ, tổ chức nhà nước không phát biểu ý kiến hoặc có thảo luận, tranh luận nhưng khi ra ngoài thì nói khác với ý kiến phát biểu của mình hoặc khác với kết luận, nghị quyết, quyết định của tập thể.

+ Có một số cán bộ, đảng viên không gương mẫu chấp hành quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, khi có thiếu sót, khuyết điểm, sai phạm thuộc về trách nhiệm cá nhân nhưng không tự giác tự phê bình, tự nhận trách nhiệm, khuyết điểm, sai phạm, còn đổ lỗi cho khách quan, cho tập thể, cho người khác, cho mình "vô can". Hoặc chức trách, nhiệm vụ của cá nhân đã được phân công rõ ràng cụ thể nhưng sợ trách nhiệm nên không chủ động chỉ đạo, tổ chức thực hiện, còn ỷ lại, dựa dẫm vào tập thể.

+ Một số cán bộ, đảng viên lợi dụng quyền bảo lưu ý kiến của mình để viết bài, trả lời phỏng vấn, lợi dụng diễn đàn, câu lạc bộ để truyền bá ý kiến trái với quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, của cấp uỷ, tổ chức đảng, của chi bộ, tổ chức nhà nước, cơ quan, đơn vị dưới nhiều hình thức với động cơ không trong sáng, làm mất uy tín của tổ chức, của cán bộ, đảng viên, để các thế lực phản động, thù địch lợi dụng để chống phá.

+ Một số đảng viên là cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt, là người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước đã lợi dụng cơ chế, chế độ tập thể để hợp pháp hóa quyết định, ý đồ cá nhân của mình để làm trái nguyên tắc, quy định nhằm trục lợi cho mình, cho người thân trong gia đình, cho người khác (trong bổ nhiệm, đề bạt, luân chuyển, điều động cán bộ, cử cán bộ đi học tập, đào tạo; trong quyết định chủ trương đầu tư các dự án,...).

+ Một số đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước không thực hiện nghiêm quy chế làm việc của tổ chức mình, đã lạm quyền trong việc tự ý quyết định những vấn đề, công việc thuộc trách nhiệm của tập thể, như quyết định việc chỉ định thầu các dự án đầu tư, chỉ định các nhà cung cấp dịch vụ mua sắm công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị.

+ Một số cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo các cấp, nhất là cán bộ trung, cao cấp khi còn đương chức, công tác thì không nói, không dám đấu tranh ngăn chặn cái xấu, bảo vệ cái tốt, nhân tố tích cực, nhưng khi đã nghỉ hưu, nghỉ chế độ thì nói khác với quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng hoặc mới dám đấu tranh với cái xấu, bảo vệ nhân tố tích cực...

+ Một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống, thậm có có những trường hợp suy thoái kéo dài, từ suy thoái phẩm chất đạo đức, lối sống, chạy theo chủ nghĩa cá nhân, cơ hội thực dụng, tham nhũng, lãng phí, chuyển sang suy thoái cả về tư tưởng chính trị (tuy không nhiều); ngược lại, một bộ phận cán bộ, đảng viên từ suy thoái về tư tưởng chính trị có thể chuyển sang cả suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống trên năm biểu hiện cụ thể:

a) Sống ích kỷ, cá nhân, thực dụng, cơ hội, vụ lợi, tham nhũng, lãng phí;

b) Sự hám danh, bè phái, cục bộ, mất đoàn kết;

c) Phong cách thì quan liêu, xa dân, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của nhân dân;

d) Lối sống thì xa hoa, hưởng lạc, suy đồi;

đ) Nói không đi đôi với làm, nói một đàng, làm một nẻo, không chấp hành nghiêm túc quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, không gương mẫu trong sinh hoạt gia đình.

Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" của cán bộ, đảng viên còn có thể nảy sinh từ hoạt động của các chủ thể xã hội, đặc biệt là từ tình trạng "tự tha hoá" của đội ngũ lãnh đạo các cấp, kể cả ở cấp cao, thực tế đã xảy ra ở Liên Xô trước đây.

Vì vậy, phải hết sức lưu ý khi có sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là ở cấp cao thì đó là một sự nguy hại, nguy cơ khó lường.

- "Tự chuyển hoá" của cán bộ, đảng viên:

Thực tế cho thấy, từ "tự diễn biến" của cán bộ, đảng viên trong một giai đoạn cụ thể, đến một mức độ nào đó (từ thay

đổi về lượng sẽ dẫn đến sự thay đổi về chất) biểu hiện một cách tinh vi, kín đáo hoặc có thể công khai dưới các biến thái sau đây:

+ Từ việc sai phạm của cán bộ, đảng viên có tính chất đơn lẻ, cơ hội, nhất thời sang vi phạm có tính thường xuyên, tinh vi hơn; từ những khuyết điểm, sai phạm nhỏ, ít nghiêm trọng đến những sai phạm lớn, từ không cố ý đến mang tính cố ý, thường xuyên, phổ biến, từ số lượng vi phạm nhỏ đến số lượng vi phạm lớn, từ phạm vi sai phạm hẹp đến phạm vi rộng, từ ít nghiêm trọng đến nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Từ khuyết điểm, sai phạm của một người đến nhiều người, khuyết điểm, vi phạm của cấp dưới đến cấp trên, từ thấp đến cấp cao, vi phạm của một người sang nhiều người; khuyết điểm, vi phạm từ cấp dưới đến đồng cấp, đến cá nhân cấp trên; từ đơn lẻ đến sự liên kết giữa nhiều người trong cùng tổ chức hoặc của tổ chức khác.

+ Từ việc cán bộ, đảng viên vi phạm ở một lĩnh vực sang nhiều lĩnh vực hoặc chuyển từ lĩnh vực này sang lĩnh vực khác hoặc nhiều lĩnh vực trong cùng một thời điểm hoặc ở các thời điểm khác nhau, hoặc chuyển từ suy thoái tư tưởng chính trị sang suy thoái cả về đạo đức, lối sống và ngược lại.

+ Từ thiếu sót, khuyết điểm, sai phạm của cán bộ, đảng viên do cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Nhất là tình trạng cán bộ, đảng viên từ bột phát đến cố ý lợi dụng kẽ hở của cơ chế, chính sách hoặc tự đặt ra các quy định, thủ tục trái với quy định của Đảng, Nhà nước, của cấp trên của cấp mình hoặc của bản thân được cấp có thẩm quyền giao.

+ Quá trình "tự chuyển hoá" của cán bộ, đảng viên có thể diễn ra trong một thời gian dài hoặc một thời gian ngắn hoặc

có thể diễn ra tức thời với sự diễn biến khó lường, nhất là chuyển hóa về tư tưởng chính trị, nhiều khi nó diễn ra âm thầm hoặc rất tinh vi trong chính bản thân cán bộ, đảng viên, nhưng chưa biểu hiện ra bên ngoài bằng các hành vi, việc làm, hành động cụ thể thì rất khó nhận biết, phát hiện để ngăn chặn.

Việc chuyển hóa của cán bộ, đảng viên có thể cả về tư tưởng chính trị, cả về đạo đức, lối sống của họ hoặc là từ chuyển hóa về tư tưởng chính trị đến chuyển hóa về đạo đức, lối sống; hoặc ngược lại, cán bộ, đảng viên có thể "tự chuyển hoá" từ suy thoái về đạo đức, lối sống sang suy thoái về tư tưởng chính trị.

Tuy nhiên, ở mỗi thời gian, thời điểm mức độ "tự diễn biến" khác nhau và biến thái của sự chuyển hóa cũng khác nhau. Quá trình "tự diễn biến", nhất là diễn biến về tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên chuyển sang "tự chuyển hoá" có thể diễn ra nhanh hay chậm tuỳ thuộc vào động cơ, mục đích và điều kiện ngoại cảnh tác động, ảnh hưởng ở từng thời điểm cụ thể. Do đó phải nắm chắc đặc điểm này của sự "tự diễn biến" sẽ chuyển sang trạng thái "tự chuyển hoá" để có biện pháp đấu tranh ngăn chặn kịp thời, có hiệu quả.

Để đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ hiện nay, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp chính sau đây:

Một là, đổi mới và tăng cường việc nâng cao nhận thức tư tưởng cho các cấp uỷ, tổ chức đảng, chi bộ, tổ chức nhà nước, cán bộ, đảng viên, công chức và nhân dân.

Trước hết là người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp phải có nhận thức đúng, đầy đủ để tạo sự đột phá

trong nêu cao tính gương mẫu thực hiện, tạo chuyển biến mạnh mẽ nhận thức và hành động từ trên xuống, từ dưới lên, từ trong Đảng đến toàn bộ hệ thống chính trị và toàn xã hội. Chú trọng giáo dục nâng cao trình độ nhận thức chính trị, giác ngộ giai cấp, giác ngộ cách mạng cho các cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước của cán bộ, đảng viên; tiếp tục đẩy mạnh có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị nhằm nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Phát huy vai trò chủ động, tự giác của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu phải thực sự nêu gương trong chấp hành và thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, Nhà nước, trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, nói đi đôi với làm, mẫu mực trong chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, quy định về những điều đảng viên, cán bộ, công chức không được làm, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp.

Hai là, hoàn thiện các quy định, cơ chế, chính sách về công tác tổ chức, cán bộ để bảo đảm đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả sự suy thoái của cấp uỷ, tổ chức đảng, chi bộ, tổ chức nhà nước và đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức.

Phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị của tổ chức, suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức phải đi đôi và đồng bộ với phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, vì suy thoái về tư tưởng chính trị thường gắn liền với suy thoái về đạo đức, lối sống. Đối với tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, thường suy thoái về tư tưởng chính trị xuất hiện trước (qua việc không chấp hành nghiêm nguyên tắc tổ

chức sinh hoạt đảng, sinh hoạt tổ chức nhà nước, nhất là không chấp hành nghiêm quy chế làm việc, chế độ công tác...), sau đó sẽ chuyển sang suy thoái về đạo đức, lối sống của các thành viên trong tổ chức.

Thường thì cán bộ, đảng viên, công chức suy thoái đạo đức xuất hiện trước và dễ nhận thấy, khi sự suy thoái đó kéo dài sẽ xuất hiện suy thoái về tư tưởng chính trị. Biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị là sự biến đổi về phẩm chất chính trị theo chiều hướng xấu, dẫn đến xa rời những nguyên tắc của Đảng, quan điểm, lập trường chính trị dao động, thiếu niềm tin, phai nhạt lý tưởng cách mạng, giảm sút ý chí chiến đấu, mơ hồ, hoài nghi về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, bị các thế lực thù địch lôi kéo, dụ dỗ, mua chuộc. Vì vậy, phải nắm vững cả suy thoái về tư tưởng chính trị và suy thoái về đạo đức, lối sống của tổ chức, cá nhân để có giải pháp đồng bộ về tổ chức, cán bộ để đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả cả hai loại suy thoái này thì mới đạt được kết quả như mong muốn.

Ba là, thực hiện nghiêm túc, có chất lượng, hiệu quả chế độ tự phê bình và phê bình trong cấp uỷ, tổ chức đảng, chi bộ, tổ chức nhà nước, trong cán bộ, đảng viên, công chức để góp phần đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chủ động ngăn ngừa "tự diễn biến" chuyển sang "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

Từng cấp ủy, tổ chức đảng, chi bộ, tổ chức nhà nước, mỗi cán bộ, đảng viên, công chức từ trên xuống, trước hết là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ,... cán bộ cấp cao, cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành, các địa phương phải nhận thức sâu sắc, đầy đủ yêu cầu cấp bách

của nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình hiện nay, thấy rõ trách nhiệm của mình trước Đảng, trước Nhân dân để nêu cao ý thức tự phê bình và phê bình nghiêm túc, thực sự cầu thị, tạo chuyển biến về chất trong việc đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị đồng thời với đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống.

Trước hết, đòi hỏi sự gương mẫu của Trung ương, của cấp trên là cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa quyết định. Từng đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, người đứng đầu các bộ, ban, ngành, cấp ủy các cấp gương mẫu làm trước, tự giác kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, lấy bản chất và tính tiền phong của Đảng soi lại mình, cái gì đúng, tốt thì phát huy, cái gì chưa đúng, chưa phù hợp thì khắc phục, điều chỉnh, sửa chữa; tránh xa mọi cám dỗ về danh lợi, vật chất, tiền tài; không rơi vào chủ nghĩa cá nhân, không để các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chống phá.

Cán bộ, đảng viên, công chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý, cấp càng cao càng phải gương mẫu và nghiêm túc tự giác kiểm điểm, tự phê bình và phê bình để làm gương cho cấp dưới noi theo. Sau khi tiến hành kiểm điểm, tự phê bình và phê bình nghiêm túc trong toàn Đảng, những khuyết điểm, vi phạm của từng cán bộ, đảng viên về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống phải được sửa chữa, khắc phục ngay bằng những biện pháp tích cực, hữu hiệu để đẩy lùi tình trạng này, kiên quyết không để "tự diễn biến" xảy ra kéo dài, nghiêm trọng, dẫn đến chuyển sang "tự chuyển hoá".

Bốn là, coi trọng và thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát cấp ủy, tổ chức đảng, chi bộ, tổ chức nhà

nước, cán bộ, đảng viên, công chức trong việc tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống và xử lý kiên quyết, kịp thời, nghiêm minh những trường hợp vi phạm theo kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính và bằng pháp luật.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc, có kết quả "Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ"; "Quy chế chất vấn trong Đảng"; "Quy định về những điều đảng viên không được làm", "Quy định về công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên" theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị "về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; "Quy định giám sát trong Đảng; quy định về quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức".

Sớm nghiên cứu ban hành cơ chế và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có kết quả việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát đối với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, chủ động ngăn chặn tình trạng lạm dụng quyền lực nhằm trục lợi. Kịp thời biểu dương, khen thưởng, nhân điển hình những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xử lý kiên quyết, nghiêm minh, dứt điểm, công khai các vi phạm, bất kể tổ chức nào hoặc người đó là ai.

Đấu tranh, ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên hiện nay phải coi trọng cả xây và chống, là cuộc đấu tranh trong nội bộ Đảng, bộ máy Nhà nước, hệ thống chính trị, trước hết phải bắt đầu từ trong Đảng, dựa trên sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của toàn dân để thực sự góp phần

ngăn chặn "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" từ trong nội bộ. Đòi hỏi mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, chi bộ, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, từng cán bộ, đảng viên, công chức, công dân cần tỉnh táo, thể hiện bản lĩnh, quyết tâm, có ý thức trách nhiệm tự giác tự phòng chống không để trở thành "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" với chính tập thể, bản thân mình.

"TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" TRONG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY - BƯỚC ĐẦU NHẬN DIỆN VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG

Thiếu tướng, PGS. TS. NGUYỄN VĨNH THẮNG*

Vấn đề "tự diễn biến" xét từ góc độ là sự suy giảm, suy thoái về mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống dẫn đến "tự chuyển hóa" trong tổ chức, con người, trước hết là trong tổ chức Đảng, tổ chức bộ máy nhà nước, trong đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt của Đảng và Nhà nước, trong công chức, viên chức đã từng diễn ra ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Cuối cùng, cùng với "diễn biến hòa bình" và các nguyên nhân khác đã làm cho chế độ xã hội chủ nghĩa theo mô hình Xôviết ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ. Sự sụp đổ đó không phải bằng chiến tranh vũ trang, mà bằng phi vũ trang, bằng "diễn biến hòa bình" để thúc đẩy quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" từ bên trong, từ bên trên.

Nhận thức rõ tính chất nguy hiểm của chiến lược "diễn biến hòa bình", của quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" do tác động của "diễn biến hòa bình" đối với sự tồn vong của

---

* Nguyên Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội nhân văn quân sự, Bộ Quốc phòng.

Đảng, của chế độ xã hội chủ nghĩa; ý thức rõ "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" đang là nguy cơ hiện hữu, rõ ràng, hết sức nguy hiểm ở nước ta hiện nay, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI* của Đảng đã nhấn mạnh: "Trong nội bộ, những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" có những diễn biến phức tạp"[1]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh nguy cơ: "Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức"[2].

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ đã khẳng định: Công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" đạt được một số kết quả. Tuy nhiên, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; nhiều tổ chức đảng, đảng viên còn hạn chế trong nhận thức, lơ là, mất cảnh giác, lúng túng trong nhận diện và đấu tranh, ngăn chặn "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Trong khi đó, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.185.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.19.

chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Như vậy là, ở nước ta hiện nay "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" với các mức độ khác nhau trong nội bộ, trước hết là trong chính mỗi con người cán bộ, công chức, viên chức là một thực tế đang tồn tại, một nguy cơ có thật đang hiện hữu trong đời sống của xã hội ta. Vấn đề đặt ra là phải nghiên cứu nhận rõ tính chất, nội dung, mức độ, phạm vi biểu hiện, nguyên nhân của "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" và điều quan trọng, cấp bách hơn là phải tìm ra được những giải pháp hữu hiệu để phòng, chống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức.

1. "Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức ở nước ta hiện nay được đề cập ở đây là quá trình "tự diễn biến" theo chiều hướng suy giảm, suy thoái ("tự diễn biến" có thể diễn ra theo cả chiều tiến bộ, phát triển, theo cách hiểu về "tự diễn biến" nói chung). Và từ "tự diễn biến" đến một mức độ nào đó sẽ chuyển sang "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức, có thể từng người đến đội ngũ; từ chuyển hóa con người, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sẽ có thể dẫn đến "tự chuyển hóa" của cả một tổ chức, nhất là tổ chức đảng và nhà nước, nếu chúng ta không có những biện pháp phòng, chống hữu hiệu.

"Tự diễn biến" trong cán bộ, công chức, viên chức ở nước ta hiện nay được biểu hiện ở cả trong nhận thức, niềm tin và hành động. Đó là sự suy giảm về tư tưởng chính trị, ngày càng xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, xa rời lý tưởng chiến đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin,

tư tưởng Hồ Chí Minh, xa rời đường lối của Đảng. Đó là sự suy giảm niềm tin vào thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, vào thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; suy giảm niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự quản lý của Nhà nước, vào phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt, công chức, viên chức; suy giảm về phẩm chất đạo đức, lối sống, ngày càng xa rời những phẩm chất, chuẩn mực đạo đức, lối sống xã hội chủ nghĩa, trượt dần sang đạo đức, lối sống tư sản, quay về với những thói hư, tật xấu của đạo đức, lối sống phong kiến.

"Tự diễn biến" trong cán bộ, công chức, viên chức ở nước ta hiện nay có thể diễn ra trước hết trong mỗi con người cán bộ, công chức, viên chức với các mức độ và biểu hiện cụ thể khác nhau về phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống. Nếu không được phát hiện, phòng, chống kịp thời thì sẽ dần dần lan rộng ra theo nhiều chiều hướng: từ cán bộ cấp thấp đến cán bộ cấp cao, từ cán bộ cấp cao xuống cán bộ cấp thấp; từ một số ít cán bộ, công chức, viên chức đến số đông, cán bộ, công chức, viên chức; từ cá nhân mỗi cán bộ, công chức, viên chức đến tổ chức mà cá nhân cán bộ, công chức, viên chức đó công tác, sinh hoạt.

"Tự diễn biến" và "tự chuyển hóa" là hai khái niệm có nội hàm khác nhau nhưng "tự diễn biến" và "tự chuyển hóa" lại gắn kết với nhau trong một quá trình vận động, biến đổi của sự vật, hiện tượng, tổ chức, con người. Quá trình diễn ra "tự diễn biến" cũng là quá trình diễn ra "tự chuyển hóa" nhưng đang ở trong những giới hạn nhất định. Nhưng đến một lúc nào đó thì từ "tự diễn biến" sẽ dẫn tới "tự chuyển hóa" toàn bộ; lúc đó sự vật, hiện tượng, tổ chức, con người sẽ thay đổi hoàn toàn về bản chất. "Tự chuyển hóa" bắt đầu bằng

"tự diễn biến" và "tự diễn biến" sẽ đi tới "tự chuyển hóa" trong những điều kiện nhất định.

Như vậy, trong nhận thức cũng như trong hoạt động thực tiễn phải quan tâm đến vấn đề phòng, chống "tự diễn biến" và phòng, chống "tự chuyển hóa". Tuy nhiên, xét ở khía cạnh sự thay đổi về chất thì hai quá trình "tự diễn biến" và "tự chuyển hóa" vẫn có tính độc lập tương đối. Theo đó, khi đề ra giải pháp phòng, chống có thể và cần phải đề ra cả giải pháp phòng, chống "tự diễn biến" và "tự chuyển hóa" chung; và đề ra giải pháp phòng, chống "tự diễn biến" riêng, giải pháp phòng, chống "tự chuyển hóa" riêng.

"Tự diễn biến", 'tự chuyển hóa" diễn ra từ bên trong sự vật, hiện tượng, tổ chức, con người, cụ thể hơn là diễn ra trong mỗi con người cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, điều quan trọng trong việc xác định nguyên nhân của quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" là phải đi tìm nguyên nhân từ chính trong sự vật, hiện tượng, tổ chức, con người cán bộ, công chức, viên chức. Tuy nhiên, không thể không tính đến những nguyên nhân bên ngoài sẽ cùng với các nguyên nhân bên trong để tạo nên "hợp lực" thúc đẩy quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

2. Về nguyên nhân của quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức ở nước ta hiện nay có thể kể đến các *nguyên nhân* như sau:

Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong những thập kỷ qua ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, Liên Xô theo mô hình Xôviết, cũng như ở nước ta, nhất là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện cơ chế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế, cùng với những thành tựu, là những hạn chế, bất cập. Thực tiễn cho thấy, trong quá trình xây

dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, góp phần quan trọng vào thắng lợi của phong trào cách mạng thế giới, khẳng định tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế, bất cập cả về phương diện đường lối, chính sách và tổ chức thực hiện; cả về tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; cả con người hoạt động trong các tổ chức bộ máy của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

Thực tế cho thấy, từ sự sụp đổ của một mô hình xã hội chủ nghĩa cụ thể, do thiếu phương pháp xem xét đúng đắn và do nhiều nguyên nhân khác nên có người đã vội quy kết, cho rằng, đó là do sự sai lầm của hệ thống lý luận Mác - Lênin. Trong lúc đó, có một nghịch lý là, chủ nghĩa tư bản mặc dầu là một chế độ xã hội đầy rẫy áp bức, bất công, với nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được, nhưng lại biết tự điều chỉnh, thích nghi để tồn tại và có mặt phát triển. Từ đó có người tỏ ra băn khoăn, lo lắng, thậm chí nghi ngờ và suy giảm niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa; nghi ngờ, suy giảm niềm tin vào con đường xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đã lựa chọn, nhất là những người thiếu thông tin, hoặc tiếp nhận thông tin không chính xác, không đầy đủ về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Có một thực tế là, trong lúc khẳng định chủ nghĩa xã hội là một chế độ tốt đẹp, ưu việt so với chế độ tư bản chủ nghĩa, nhưng trong thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội, có lúc, có nơi, có mặt, có lĩnh vực của đời sống xã hội, chúng ta chưa hiện thực hóa được đầy đủ tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trên thực tế, nhất là trong quá trình xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Phẩm chất, năng lực, phương pháp, tác phong công tác của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức

còn có những hạn chế, bất cập, nhất là tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Theo đó, giữa lý thuyết, lý luận và thực tế, thực tiễn vẫn còn có những khoảng cách nhất định, từ đó làm cho những người không đủ khả năng, điều kiện để tự lý giải một cách có cơ sở khoa học thì sẽ dẫn đến nghi ngờ, suy giảm niềm tin vào chủ nghĩa xã hội.

Từ trạng thái chiến tranh chuyển sang hòa bình xây dựng đất nước, từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế là một quá trình chuyển đổi rất lớn cả trong nhận thức cũng như trong tổ chức thực tiễn, nhiều việc chúng ta vừa phải làm vừa phải rút kinh nghiệm, chưa từng có tiền lệ trong lịch sử. Chúng ta chưa lường hết được sự tác động từ mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế, do đó chưa chuẩn bị thật kỹ về nhận thức tư tưởng, cũng như năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn, do đó không tránh khỏi những hạn chế, khuyết điểm, vấp váp... Đây cũng là điều không thể tránh khỏi trên con đường phát triển, nhất là quá trình tiến hành công cuộc đổi mới đất nước.

Đặc biệt, sự chống phá hết sức quyết liệt với nhiều âm mưu, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt của các thế lực thù địch đối với cách mạng nước ta bằng chiến lược "diễn biến hòa bình" để thúc đẩy quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" từ bên trong, từ bên trên theo kịch bản mà các thế lực thù địch đã thực hiện ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô trước đây. Điều đáng quan tâm là, chiến lược "diễn biến hòa bình" mà các thế lực thù địch triển khai chống phá cách mạng nước ta lại diễn ra trong điều kiện chúng ta đang thực hiện cơ chế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế.

Thực hiện cơ chế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế, cùng với những mặt tích cực là những mặt tiêu cực tác động đến đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức. Các thế lực thù địch đã và đang tận dụng điều kiện đó để chống phá chúng ta, với việc sử dụng phương thức: không trực diện tấn công vào chính trị, mà đi đường vòng, tấn công vào đạo đức, lối sống để làm cho cán bộ, công chức, viên chức loãng dần, nhạt dần, xa dần chính trị vô sản để chuyển sang chính trị tư sản, bắt đầu từ sự sa đọa về đạo đức, lối sống, thực hiện quá trình "tự diễn biến" từ đạo đức, lối sống đến "tự diễn biến" về tư tưởng chính trị. Đây là mũi tấn công cực kỳ thâm độc, nguy hiểm với kịch bản, bước đi là: từ thực hiện "diễn biến hòa bình" để thúc đẩy quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" từ bên trong mỗi cán bộ, công chức, viên chức.

Đất nước từ trạng thái chiến tranh chuyển sang trạng thái xây dựng trong điều kiện hòa bình; từ cơ chế tập trung, bao cấp sang cơ chế thị trường; từ quan hệ với một số nước xã hội chủ nghĩa sang mở cửa, hội nhập, quan hệ với nhiều nước trên thế giới. Trong lúc đó, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa được chuẩn bị kỹ về nhận thức, tư tưởng, về năng lực hoạt động thực tiễn và cả phương pháp, tác phong cho sự chuyển đổi to lớn đó, nên không ít cán bộ, công chức, viên chức đã lúng túng trong nhận thức và hành động. Đặc biệt là, một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức đã không tích cực học tập, rèn luyện để kịp thời thích ứng với điều kiện mới, với cơ chế mới, nhất là khả năng "tự miễn dịch", khả năng "tự đề kháng" trước sự tác động từ mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế. Thêm vào đó, các thế lực thù địch triển khai chiến lược "diễn biến hòa bình" tấn công chống phá đội ngũ cán bộ, công chức, viên

chức về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống. Sự "cộng hưởng" của các nguyên nhân này đã làm cho một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức "tự diễn biến" và có người đã "tự chuyển hóa".

Như vậy, có thể thấy nguyên nhân của nguy cơ và những biểu hiện cụ thể với các nội dung, mức độ và phạm vi của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức, có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, trong đó sự chống phá của các thế lực thù địch bằng "diễn biến hòa bình" để thúc đẩy quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" từ bên trong và việc không thường xuyên chăm lo tu dưỡng, rèn luyện của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là nguyên nhân chủ yếu.

3. Để góp phần ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức hiện nay, cần thực hiện tốt *một số nội dung, giải pháp* sau đây:

Một là, thường xuyên tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Giáo dục nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội và những hạn chế không thể tránh khỏi trên con đường phát triển. Cần phải tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn góp phần vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo đảm cho việc tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh một cách có cơ sở khoa học, thuyết phục, không áp đặt chủ quan.

Hai là, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền kịp thời, có định hướng đúng đắn nhằm cung cấp thông tin chính thống cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về chủ nghĩa tư bản, nhất là vấn đề nhận thức đúng đắn, có cơ sở lý luận và thực tiễn về bản chất của chủ nghĩa tư bản, về những mâu thuẫn cơ bản không thể giải quyết được trong xã hội tư bản, về sự điều chỉnh, thích nghi để tạm thời tồn tại của chủ nghĩa tư bản và cả những thành tựu đạt được của chủ nghĩa tư bản trong phát triển lực lượng sản xuất, khoa học - kỹ thuật, công nghệ, trong khoa học tổ chức quản lý... Cần nhận thức rằng, "Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội"[1] như *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng ta đã khẳng định.

Ba là, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức về những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo; đồng thời, nhận thức rõ những hạn chế, bất cập không thể tránh khỏi trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ, thực hiện cơ chế thị trường, mở cửa, hội nhập. Phải từng bước thông qua đường lối, chủ trương, chính sách và công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực tiễn của hệ thống chính trị, của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để từng bước *hiện thực hóa* mục tiêu, lý tưởng, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là ở vùng sâu, vùng cao, vùng xa,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.69.

những căn cứ cách mạng trước đây và những gia đình, những người có nhiều công lao đóng góp cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với những chế độ, chính sách phù hợp.

Bốn là, chăm lo xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, nhất là sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; có khả năng đề ra những chủ trương, đường lối, chính sách đúng đắn, nhất là những quyết sách lớn về phát triển kinh tế - xã hội, về chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Có năng lực tổ chức lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo thực tiễn giỏi để nhanh chóng đưa nghị quyết, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn cuộc sống. Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục, rèn luyện với tự giáo dục, tự rèn luyện, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cả về phẩm chất, năng lực, phương pháp, tác phong công tác, xứng đáng là người đày tớ thật trung thành của nhân dân, vừa "hồng" và "chuyên" như Bác Hồ đã dạy. Đặc biệt là kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII đạt được mục đích, yêu cầu đề ra. Tiếp tục thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Năm là, tích cực đấu tranh phòng, chống âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch đối với cách mạng nước ta, nhất là trên mặt trận tư tưởng, lý luận. Trong đó, cần quan tâm đến các nội dung, biện pháp như: Tiếp tục giáo dục nâng cao nhận thức, xác định rõ hơn vị trí, vai trò, trách nhiệm của các lực lượng tham gia đấu tranh; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo cuộc đấu tranh

trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận; xác định rõ nội dung, hình thức, biện pháp, tổ chức lực lượng và xác định rõ cơ chế phối hợp giữa các lực lượng đấu tranh phù hợp và có hiệu quả thiết thực; thường xuyên quan tâm nghiên cứu tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận; quan tâm đầu tư những điều kiện bảo đảm cho cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận ngày càng hợp lý, có hiệu quả hơn.

Sáu là, kết hợp chặt chẽ giữa "xây" với "chống", lấy xây dựng cho ta mạnh lên về mọi mặt là chính, nhất là giữ vững sự ổn định chính trị, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại. Chăm lo xây dựng nhân tố con người, nâng cao khả năng "tự bảo vệ", tăng cường "sức đề kháng", khả năng "miễn dịch" trước mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch bằng "diễn biến hòa bình". Nâng cao "sức đề kháng" của mỗi cán bộ, công chức, viên chức trước sự tác động từ mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, mở cửa, hội nhập. Đây là biện pháp tốt nhất, tích cực nhất, chủ động nhất và cũng là biện pháp có hiệu quả nhất để ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức ở nước ta hiện nay.

MỘT SỐ NGUYÊN NHÂN CỦA NẠN "CHẠY CHỨC, CHẠY QUYỀN", SUY THOÁI TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG TRONG MỘT BỘ PHẬN CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

PGS. TS. LÊ KIM VIỆT*

1. Nạn "chạy chức, chạy quyền", suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên đang là một hiện tượng gây bức xúc trong Nhân dân, làm giảm uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên, giảm lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, chính quyền và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đây là một trong những nguyên chính của sự tha hóa quyền lực của bộ máy công quyền và sự tha hóa quyền lực tất yếu dẫn đến "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ Đảng, Nhà nước. Với nhận thức đó, bài viết này chỉ nghiên cứu, tìm hiểu một số nguyên nhân của nạn chạy chức, chạy quyền đang là một hiện tượng nhức nhối trong xã hội, là biểu hiện của suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" và cũng là biểu hiện của "nhóm lợi ích".

Trước hết, cần nhận thức nạn "chạy chức, chạy quyền" là một loại "bệnh", là biểu hiện đặc trưng của tình trạng tham

---

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

những quyền lực trong lĩnh vực công tác cán bộ. Về thực chất đó là việc mua quan, bán chức, là quá trình trao đổi giữa một bên là người mua muốn có một chức danh, chức vụ nào đó trong bộ máy công quyền mà không phải qua con đường phấn đấu, rèn luyện gian khổ, không thông qua uy tín, sự lựa chọn, tín nhiệm của nhân dân, với một bên là những người bán - những người nắm trong tay quyền hành bổ nhiệm, cất nhắc cán bộ. Quá trình trao đổi này diễn ra chủ yếu thông qua quan hệ tiền tệ hóa, đồng thời trong đó cũng có những quan hệ tình cảm, mà chủ yếu là tình cảm gia đình, thân tộc dòng họ,...

Vấn đề đặt ra là, vì sao đối với một đảng cộng sản cầm quyền, một chính quyền của dân, do dân, vì dân, quyền lực của chính quyền là quyền lực của nhân dân giao cho nhưng nạn chạy chức, chạy quyền hiện nay không phải là hiếm. Vì sao trong hơn 30 năm đổi mới, Đảng ta quyết tâm ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, biến chất, tham nhũng của một bộ phận cán bộ, đảng viên nhưng tình hình lại đang trở nên "nghiêm trọng hơn", từ chỗ chỉ có "một số cán bộ đảng viên" đến nay là "một bộ phận không nhỏ" và trở thành "một nhóm lợi ích" đang tồn tại trong bộ máy đảng và chính quyền. Tình trạng này đang diễn ra ở tất cả các cấp, các ngành và đang gây bức xúc trong nhân dân. Lý giải hiện tượng này có rất nhiều nguyên nhân khác nhau, dưới các góc độ khác nhau. Ở đây, xin lý giải một số nguyên nhân sau:

Một là, trong quá trình đổi mới công tác cán bộ, Đảng, Nhà nước có rất nhiều quy định, quy chế về công tác cán bộ nhưng vấn đề cơ bản, chủ yếu nhất là hệ thống cơ chế, quy định đó còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, chặt chẽ và chưa đủ mức cần thiết để ngăn chặn tình trạng "chạy chức, chạy quyền".

Trong bất cứ lĩnh vực hoạt động nào, từ cấp độ vĩ mô đến vi mô, từ cơ quan cao nhất đến một tổ chức, một đơn vị nhỏ

thì bộ quy chế, quy định (đối với một quốc gia thì đó là bộ luật) đều là những công cụ quan trọng của người lãnh đạo, quản lý nhằm bảo đảm sự thống nhất cho mục đích hoạt động chung, đồng thời nó còn là công cụ hữu hiệu nhất để ngăn chặn tình trạng tiêu cực, lạm quyền, lộng quyền của một số người có chức, có quyền, ngăn chặn hành vi xâm phạm lợi ích của cộng đồng.

Tuy nhiên, trong thực tế công tác cán bộ hiện nay, chúng ta lại đang thiếu những quy chế, quy định, cơ chế đồng bộ và còn nhiều bất cập. Trước hết đó là các chính sách, quy định tạo ra tình trạng đặc quyền, đặc lợi cho những người có chức, có quyền. Ví dụ như việc quy định chế độ xe công, hỗ trợ giá mua nhà, cấp đất, tiền điện thoại, trang cấp vật tư, phòng làm việc, khám chữa bệnh... còn mập mờ, thiếu triệt để, bất hợp lý, rất tốn kém cho công quỹ. Cơ chế, quy chế đặc quyền dẫn đến lộng quyền và lạm quyền. Quy chế, cơ chế đặc quyền, đặc lợi sẽ dẫn đến quan liêu, xa dân.

Quy chế lựa chọn cán bộ (bao gồm cả thi tuyển và bầu cử) hiện nay cũng đang có nhiều bất cập. Rất nhiều trường hợp có sai phạm về bổ nhiệm cán bộ nhưng khi kiểm tra, thanh tra thì tất cả đều "đúng quy trình". Xã hội đang đặt ra nhiều câu hỏi là: Đúng quy trình nhưng sao không chọn được người tài, đức vào bộ máy công quyền? Đúng quy trình nhưng sao chỉ rơi vào một số người, mà chủ yếu là "con ông, cháu cha", những người thân quen, những người "có điều kiện", còn những người lao động, cần mẫn làm việc, có tín nhiệm lại không được cất nhắc, bổ nhiệm? Câu trả lời chỉ có thể là: Quy trình lựa chọn cán bộ hiện nay đang có vấn đề, đang có những bất cập, lỗ hổng. Đó là, bao nhiêu năm nay, ở nhiều nơi đã thí điểm cho thi tuyển, cạnh tranh bằng các đề án, chương trình, kế hoạch hành động và đa số mang lại kết quả

tốt nhưng cho đến nay, chủ trương này chưa được nhân rộng, chưa trở thành quy chế, quy định trong tuyển chọn cán bộ, mà có lẽ một số người có chức, có quyền không muốn thay đổi. Một ý nữa là, theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta là phải dựa vào dân để xây dựng Đảng, chính quyền, để xây dựng, quản lý cán bộ, đảng viên, thế nhưng theo quy định, quy chế bổ nhiệm hiện nay, chúng ta chưa thực sự dựa vào dân để giới thiệu, phát hiện, lựa chọn nhân tài cho Đảng và chính quyền. Đó là, khi tiến hành lấy phiếu tín nhiệm của cán bộ, công chức, có nhiều trường hợp đạt được phiếu tín nhiệm cao nhưng không được đưa vào danh sách bổ nhiệm bởi chỉ coi "đây là nguồn thông tin để cấp ủy tham khảo", trong khi lý do thực chất đằng sau nó là vì "không đúng với ý đồ của người đứng đầu", điều này là sự biểu hiện của dân chủ hình thức trong quy trình bổ nhiệm cán bộ.

Hiện nay, một số quy định trong công tác cán bộ đang có xu hướng trọng chức, trọng quyền mà không gắn liền với việc kiểm soát quyền lực và trách nhiệm. Chức trách gắn liền với quyền lực tương ứng là lẽ đương nhiên; có thẩm quyền nhất định thì cán bộ mới hoàn thành được chức trách được giao. Tuy nhiên, khi giao quyền thì phải có cơ chế, quy chế, quy định kiểm soát quyền lực. Nếu không rất dễ xảy là lộng quyền và lạm quyền. Do chưa có cơ chế, quy chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ nên với một số người có hành vi lộng quyền, lạm quyền, có chức sẽ có quyền, có quyền sẽ có tiền và bổng lộc (chức quyền đồng nghĩa với bổng lộc). Chức vụ, quyền lực không còn mang ý nghĩa thiêng liêng, vinh dự được Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó. Khi có chức, có quyền, thì họ có thể lồng động cơ, mục đích cá nhân trong công việc chung để điều hành, thao túng cả bộ máy, có thể giải quyết cho con cháu công ăn, việc làm,... Với "món lợi đủ

đàng, lợi đơn, lợi kép" nên nhiều người sẵn sàng "đầu tư" cho việc tìm kiếm chức tước rồi sau đó tìm cách "thu hồi vốn". Đối với những người này, lòng tham quyền lực, chức tước, tiền bạc là không giới hạn. Đó là con đường tha hóa của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Hai là, trong công tác cán bộ, việc thực hiện cơ chế, chính sách "khen, chê, thưởng, phạt" thiếu công minh, công bằng. Một tình trạng rất không bình thường trong công tác tổ chức cán bộ ở nước ta là một cán bộ mắc khuyết điểm ở cấp thấp có khi lại được điều chuyển lên cấp trên, hoặc cùng lắm chuyển sang vị trí khác. Một người đã "vào guồng" thì sẽ có rất nhiều cơ hội trên con đường thăng tiến lên cấp cao hơn, nếu không thì cũng yên vị cho đến lúc về hưu. Tình trạng xử lý "nhẹ trên, nặng dưới", "đã lên không xuống, đã vào không ra" khá phổ biến, là trái với quy luật tự nhiên. Điều này làm cho một số người có chức, có quyền không nghĩ đến trách nhiệm, không phải lo trách nhiệm mà chỉ lo vun vén cá nhân, chỉ lo thăng tiến, lo chạy chọt, quan hệ vì mục đích cá nhân.

Ba là, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác xây dựng Đảng, đặc biệt là trong công tác cán bộ.

Một số quy định đang có xu hướng tập trung hóa quyền lực. Chủ trương nhất thể hóa một số chức danh là cần thiết, có nhiều cái lợi. Tuy nhiên, nhất thể hóa chức danh rất dễ dẫn đến tập trung hóa quyền lực trong tay một số người. Sắp tới đây, có thể thực hiện thí điểm cấp trưởng lựa chọn cấp phó và hiện nay, cấp phó "là người giúp việc cho cấp trưởng", còn cấp trưởng có quyền quyết định mọi vấn đề. Điều đó có nghĩa là, quyền lực cao nhất trong một tập thể đang nằm trong tay một người chứ không còn là của tập thể. Khi quyền lực nằm trong tay những kẻ cơ hội thì hết sức

nguy hiểm. Khi quyền lực được tập trung hóa mà không có cơ chế kiểm soát quyền lực thì tất yếu sẽ dẫn đến lộng quyền, lạm quyền và tất yếu có nạn mua bán chức quyền, nạn "chạy chức, chạy quyền".

Hiện nay, chúng ta đang đẩy mạnh phân cấp quản lý cán bộ. Đây là chủ trương đúng, nhằm phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo của cấp dưới, nhưng khi phân cấp mà không có kiểm tra tất yếu dẫn đến cục bộ, cát cứ, tiêu cực trong bộ máy, sinh ra lợi ích nhóm,... Tất cả những điều này trái với nguyên tắc tập trung dân chủ, nó kích thích những kẻ tham quyền lực, chức tước và tất yếu nảy sinh hiện tượng "chạy chức, chạy quyền". Vừa qua, rất nhiều địa phương bổ nhiệm cán bộ cấp phó vượt quá số lượng quy định nhưng cấp ủy cấp trên, cơ quan chuyên trách cấp trên là Ban Tổ chức và Sở Nội vụ không biết. Đây là biểu hiện yếu kém, thiếu trách nhiệm trong kiểm soát quyền lực khi thực hiện phân cấp quản lý cán bộ.

Bốn là, sự tha hóa quyền lực, nạn "chạy chức" có nguyên nhân từ sự tha hóa đạo đức, chủ nghĩa cá nhân thực dụng của một số cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ trong cơ quan quản lý cán bộ.

Do tác động của mặt trái kinh tế thị trường, hệ giá trị chuẩn mực xã hội thay đổi, chuyển từ hệ giá trị trọng nhân, trọng đức sang hệ giá trị trọng thực, một bộ phận cán bộ, đảng viên có lối sống thực dụng, lấy đồng tiền là vật nối trong quan hệ xã hội. Do lối sống thực dụng chi phối, đối với những người này, họ sẵn sàng quên đi danh dự, hạ thấp giá trị nhân cách để đổi lấy tiền bạc, chức tước bằng mọi giá, biến quyền lực công, quyền lực của nhân dân thành quyền lực của riêng và từ đó đem đổi lấy lợi ích vật chất cho riêng mình. Đây là biểu hiện của sự tha hóa quyền lực và tha hóa

nhân cách trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, nó diễn ra cả ở những người trong cơ quan quản lý cán bộ và cả cá nhân của những kẻ tham danh vọng, chức tước. Đây là căn nguyên của nạn "chạy chức, chạy quyền".

Năm là, sự yếu kém, mất sức chiến đấu của không ít cấp ủy, tổ chức đảng và của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Trong thực tế hiện nay, hiện tượng "chạy chức, chạy quyền" diễn ra ở nhiều nơi, có rất nhiều người biết, ai cũng hiểu, có những vụ việc rất ngang nhiên, nhưng tiếc thay, không ai dám đấu tranh trong cuộc họp, mà chỉ xì xào, bán tán ngoài lề cuộc họp. Điều đó thể hiện tính chiến đấu của một số tổ chức đảng, kể cả cấp ủy đảng bị tê liệt như vụ Vinasin, vụ Trịnh Xuân Thanh và nhiều vụ khác. Có thể nói, ở nhiều nơi, những kẻ chạy chức không hề gặp bất cứ một lực cản nào. Đây là mảnh đất màu mỡ để kẻ "chạy chức, mua quan, bán chức" có cơ hội tồn tại, lộng hành.

2. Để hạn chế, khắc phục từng bước nạn "chạy chức, chạy quyền" trong công tác cán bộ, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

Một là, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định chặt chẽ, đồng bộ, để không còn kẽ hở cho những kẻ cơ hội có thể lợi dụng để "chạy" và không thể "chạy" được và những kẻ "bán" không còn kẽ hở để "bán" và không dám "bán".

Trước hết, rà soát, đánh giá, thẩm định lại các quy chế, quy định, quy trình hiện hành để phát hiện những sai sót, những kẽ hở nếu có, tìm ra những khoảng trống mà những kẻ cơ hội có thể lợi dụng. Trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, hầu như tất cả đều "đúng quy trình", thế nhưng vẫn không chọn được người tài đức, vẫn để lọt vào trong bộ máy những kẻ cơ hội, vẫn để lọt rất nhiều "con ông, cháu cha", người thân thuộc vào trong bộ máy mà xã hội

đang lên án. Điều này có nghĩa là hiện nay, quy trình đang có vấn đề, cần phải phát hiện ra lỗ hổng và kẽ hở.

Xây dựng và hoàn thiện quy chế trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên trong việc kiểm soát quyền lực, trách nhiệm vì để xảy ra hiện tượng chạy chức. Nếu ở đâu có hiện tượng chạy chức, thì cấp ủy, người đứng đầu ở đó phải bị kỷ luật, kể cả khi đã chuyển công tác, khi đã được thăng chức và đã nghỉ hưu thì cũng phải xử lý.

Đặc biệt, xây dựng và hoàn thiện quy chế nhân dân kiểm soát quyền lực, nhân dân kiểm tra, phát hiện nạn chạy chức. Theo Hồ Chí Minh, dân biết hết, biết tất cả, chỉ có điều nói ra hay không nói ra. Nếu chúng ta có cơ chế để nhân dân tham gia phát hiện, tố cáo, chắc chắn sẽ ngăn chặn nạn "chạy chức, chạy quyền" có hiệu quả. Một điều rất bất hợp lý là, quyền lực nhà nước là quyền lực của Nhân dân. Nhân dân giao cho Nhà nước, ủy quyền cho Nhà nước sử dụng quyền lực để phục vụ Nhân dân, thế nhưng hiện nay, Nhân dân không kiểm tra, kiểm soát, giám sát được quyền lực của mình. Theo Lênin, sau khi giành được chính quyền, có hai vấn đề mấu chốt nhất. Một là, lựa chọn người và đặt người đúng chỗ và hai là, nhân dân phải kiểm kê, kiểm soát được hoạt động của chính quyền. Đó là mấu chốt để bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Việc nhân dân tham gia kiểm soát quyền lực, tham gia đấu tranh ngăn chặn nạn chạy chức, chạy quyền có thể được thực hiện theo hình thức dân chủ trực tiếp hoặc dân chủ đại diện thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của nhân dân. Vấn đề là có cơ chế bảo vệ người đấu tranh với nạn "chạy chức, chạy quyền", nạn lạm quyền, lộng quyền và có cơ chế để thu thập thông tin từ người dân.

Gắn liền với việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, cơ chế, cần công khai minh bạch các quy định, quy

chế, cơ chế đó để mọi cán bộ, đảng viên biết để thực hiện và để mọi người theo dõi, kiểm tra, giám sát. Dân chủ mà không gắn liền với công khai thì dân chủ chỉ mới là một nửa.

Hai là, tăng cường kiểm tra, giám sát của cấp trên, kiên quyết xử lý nạn chạy chức, chạy quyền, đồng thời thiết lập hệ thống cung cấp thông tin công khai danh tính về nạn tham nhũng, nạn "chạy chức, chạy quyền".

Kiểm tra, giám sát có vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn tình trạng chạy chức. Theo Hồ Chí Minh: 9/10 khuyết điểm là do thiếu sự kiểm tra, giám sát và "Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết"[1]. Thực tế vừa qua, nhiều vụ việc cho thấy, nếu làm tốt công tác kiểm tra, thanh tra, nếu cấp trên quan tâm chỉ đạo quyết liệt việc kiểm tra, thanh tra thì sẽ phát hiện được rất nhiều vụ việc tiêu cực như vụ Trịnh Xuân Thanh, vụ ở Bộ Công Thương, ở Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, ở Thành ủy Đà Nẵng, Tỉnh ủy Yên Bái, v.v.. Khi mà cấp trên quan tâm chỉ đạo quyết liệt công tác kiểm tra, quyết tâm kiểm tra chặt chẽ thì sẽ phát hiện được nhiều vấn đề, nhân dân sẽ rất đồng tình, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Để công tác kiểm tra, thanh tra đạt kết quả, cần phối hợp các lực lượng thanh tra nhân dân, thanh tra nhà nước, kiểm tra đảng, đặc biệt, thiết lập hệ thống cung cấp và xử lý thông tin. Mọi thông tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân gửi đến người và cơ quan có trách nhiệm, nếu có địa chỉ, chứng cứ, cho dù có tên hay nặc danh đều phải được nghiên cứu, xử lý. Hiện nay, chúng ta có quy định những đơn thư nặc danh không giải quyết. Quy định này đã bỏ đi một nguồn thông tin

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.327.

rất quan trọng trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng và nạn "chạy chức, chạy quyền". Đây là một kẽ hở để những kẻ cơ hội nắm giữ quyền lực có thể lợi dụng. Vấn đề là vì sao người tố giác không muốn ghi tên. Vì họ sợ tố giác rồi cũng để đấy, có khi lại bị trù dập, mà trong thực tế đã có. Như vậy, cần có cơ chế bảo vệ người tố giác tội phạm tham nhũng nói chung và nạn "chạy chức, chạy quyền" nói riêng. Đồng thời, khi đã phát hiện thì kiên quyết xử lý triệt để. Đối với nạn "chạy chức, chạy quyền" khi phát hiện thì dứt khoát phải cách chức, bãi chức, xóa chức, vì đó là chức vụ do chạy chọt mà có chứ không phải do năng lực, đức độ, tài năng, uy tín mà có. Đối với người "bán chức", nhận hối lộ, khi phát hiện được thì nhất định phải loại ra khỏi Đảng, khỏi bộ máy cơ quan công quyền. Vì họ là những con sâu mọt, đã đem quyền lực của nhân dân để trao đổi, mua bán, làm tha hóa cả bộ máy. Theo Hồ Chí Minh: Trong dân ta không thiếu người tài. Vấn đề là lựa chọn và sử dụng đúng người có đức, có tài.

Ba là, kiên quyết xóa bỏ cơ chế đặc quyền, đặc lợi.

Rà soát tất cả quy định, "dũng cảm" loại bỏ những quy định tạo ra đặc quyền, đặc lợi, cơ chế xin cho. Nếu còn đặc quyền, đặc lợi thì sẽ còn nạn "chạy chức, chạy quyền". Thực hiện công khai hóa các chế độ, quy định về phụ cấp trách nhiệm công vụ, chế độ xe công đưa đón, nhà đất,... không thực hiện khoán kinh phí xe công nửa vời như vừa qua vì làm như thế sẽ thiếu triệt để, tạo ra một khoản thu nhập khác cho người có chức, có quyền. Không có thêm bất cứ khoản ưu đãi riêng nào. Tất cả đưa vào lương, vào phụ cấp trách nhiệm. Có như vậy mới bảo đảm tính minh bạch, công bằng và đỡ tốn kém, lãng phí công quỹ, tiền bạc của Nhân dân.

MỘT SỐ HẠN CHẾ CẦN KHẮC PHỤC TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ DẪN ĐẾN TÌNH TRẠNG SUY THOÁI VỀ ĐẠO ĐỨC TRONG CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN HIỆN NAY

ThS. TRẦN THANH TÙNG*

Có thể khẳng định rằng, sự suy thoái về tư tưởng chính trị là nguyên nhân của mọi nguyên nhân dẫn đến sai lầm, suy thoái về đạo đức, lối sống và ngược lại. Cho nên, để ngăn chặn suy thoái tư tưởng chính trị dẫn đến các loại suy thoái khác thì chính trị phải vững, đạo đức, lối sống phải thật sự trong sạch, lành mạnh. Một vấn đề có tính nguyên tắc là phải quan tâm chăm lo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, xây dựng môi trường văn hóa chính trị lành mạnh; làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thấm nhuần trong đời sống văn hóa - tinh thần xã hội.

1. Nguồn gốc của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên hiện nay

Suy thoái tư tưởng chính trị là một căn bệnh có nguồn gốc từ sự coi nhẹ vai trò của công tác chính trị, môi trường chính

* Học viện Chính trị khu vực I.

trị, nhất là giáo dục tư tưởng chính trị. Phải khẳng định rằng, ở đâu, nơi nào, môi trường chính trị không tốt, trước hết là cấp ủy đảng, người đứng đầu xao lãng hoặc buông lỏng công tác kiểm tra, giám sát, thiếu tinh thần trách nhiệm; chất lượng sinh hoạt tổ đảng, sinh hoạt chi bộ và sinh hoạt của các tổ chức quần chúng thấp; đấu tranh tự phê bình và phê bình bị coi nhẹ hoặc không được thực hiện, vấn đề dân chủ, công khai, minh bạch kém hiệu quả;... thì ở nơi đó, có nhiều người vi phạm kỷ luật, thậm chí lâm vào tình trạng tha hóa về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Sự tha hóa tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống giống như một căn bệnh "lây nhiễm rất nguy hiểm" nếu không sớm được phát hiện và chữa trị kịp thời. Mọi biểu hiện của lối sống vụ lợi, thực dụng, thói hư, tật xấu, hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức của một tập thể, nhóm người và cá nhân mỗi người là hệ quả tất yếu của sự suy đồi tư tưởng chính trị; mà trách nhiệm trước hết thuộc về người đứng đầu tổ chức đảng, người lãnh đạo tổ chức. Để ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, suy thoái đạo đức và suy thoái lối sống; phải đẩy mạnh công tác đấu tranh tư tưởng, lý luận, phê phán các quan điểm sai trái, phản động; khôi phục, củng cố niềm tin vào Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa trong cán bộ, đảng viên. Không thể có đạo đức, lối sống tốt nếu ai đó bị suy thoái về tư tưởng chính trị. Không thể có tư tưởng chính trị tốt nếu đạo đức, lối sống rơi vào suy đồi, tha hóa. Vấn đề quan trọng là đề cao công tác phòng ngừa; có niềm tin trong đấu tranh chống tiêu cực, chống quan điểm sai trái; không để khi đã xảy ra rồi mới giải quyết.

2. Tầm quan trọng của công tác giáo dục chính trị

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng là bộ phận đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng, luôn song

hành với việc thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng cũng như việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tổ chức đảng và đảng viên. Không những thế, công tác giáo dục chính trị tư tưởng còn phải đi trước, mở đường cho việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là đối với những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp hoặc ở những thời điểm có tính bước ngoặt của cách mạng. Cùng với tiến trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn coi trọng, quan tâm đến công tác tư tưởng, lý luận. Công tác này đã có những chuyển biến tích cực, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, ngăn chặn những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, đấu tranh chống lại các âm mưu chống phá của các thế lực thù địch. Công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn đã góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề mới nảy sinh, củng cố hệ thống lý luận về con đường và bước đi của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, góp phần hình thành cơ sở khoa học, thực tiễn cho quá trình hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước. Nhận thức được vấn đề đó, Đại hội lần thứ XI của Đảng khẳng định: "Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng có đổi mới. Coi trọng hơn nhiệm vụ xây dựng đạo đức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; tập trung chỉ đạo có kết quả bước đầu Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", gắn với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chủ động hơn trong đấu tranh chống "diễn biến hoà bình", bác bỏ các quan điểm sai trái, luận điệu tuyên truyền của các thế lực thù địch... Đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, vào công cuộc đổi mới và triển vọng phát triển của

đất nước. Tư tưởng tích cực vẫn là xu hướng chủ đạo trong đời sống xã hội"[1].

Tuy nhiên, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng của nhiều cấp ủy, tổ chức đảng còn không ít hạn chế, bất cập cả về nội dung, hình thức và phương pháp tiến hành, từ đó dẫn đến những hạn chế, yếu kém, thậm chí là sự suy thoái tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Việc đấu tranh chống âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch chưa thật chủ động, thiếu sắc bén. Việc giáo dục, bồi dưỡng chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng cho cán bộ, đảng viên chậm đổi mới, hiệu quả thấp. Niềm tin của Nhân dân vào Đảng, vào chế độ có phần giảm sút. Đặc biệt, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, sự giảm sút về ý chí chiến đấu, lý tưởng cách mạng của một bộ phận cán bộ, đảng viên, sự xuất hiện của những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong xã hội có phần trách nhiệm không nhỏ của công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng. Đại hội lần thứ XI của Đảng đã chỉ rõ: "Tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng còn hạn chế; thiếu sắc bén trong đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình". Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp, cùng với sự phân hóa giàu nghèo và sự yếu kém trong quản lý, điều hành của nhiều cấp,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.161-162.

nhiều ngành làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đe dọa sự ổn định, phát triển của đất nước”[1].

3. Một số giải pháp khắc phục hạn chế trong công tác giáo dục chính trị hiện nay

Công tác giáo dục chính trị là một hệ thống các biện pháp giáo dục được thực hiện một cách đồng bộ, không chỉ là các hình thức tổ chức thực hiện đơn lẻ, theo phong trào, theo từng đợt phát động nhân có sự kiện nào đó. Thực tế lâu nay ai cũng nhận ra là công tác giáo dục lý luận chính trị, phổ biến nghị quyết chưa hấp dẫn người học, người nghe. Cán bộ, đảng viên, không tha thiết nghiên cứu, học tập để nắm vững nền tảng tư tưởng của Đảng; thậm chí có người coi đó là những kiến thức “khô, khó, khổ”. Còn đối với quần chúng nhân dân, trước hết là thanh niên, sinh viên thậm chí còn “sợ” học tập chính trị, coi đó là môn học áp đặt, không thiết thực, xa rời thực tế. Trên diễn đàn của một số trường đại học, có hiện tượng xem nhẹ nội dung giáo dục chính trị, thậm chí có giảng viên cho rằng học chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là giáo điều, lạc hậu, lãng phí thời giờ của sinh viên. Điều đó đáng để chúng ta gióng lên những hồi chuông báo động. Để khắc phục được tình trạng này, cần phải có một hệ thống giải pháp đồng bộ, tuy nhiên trong khuôn khổ của bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến một số biện pháp cơ bản như sau:

- Áp dụng các phương pháp giáo dục hiện đại trong công tác đào tạo lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên.

Đây là một vấn đề lớn, gồm nhiều nội dung như: xác định mục tiêu, yêu cầu nội dung, khối lượng kiến thức của các

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.173.

chương trình, biên soạn tài liệu học tập, giáo trình, cách tổ chức, phương pháp thực hiện, đào tạo đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý... và nhiều vấn đề khác cần được tập trung nghiên cứu, làm rõ. Tiếp tục nghiên cứu đổi mới chương trình, giáo trình các hệ đào tạo của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh theo hướng làm sáng rõ hơn những vấn đề lý luận cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng và những vấn đề mới của thực tiễn trong nước và quốc tế; bổ sung kiến thức thực tiễn, kỹ năng nghiệp vụ, cập nhật những chủ trương, chính sách, quy định, hướng dẫn mới của Trung ương, cập nhật những thông tin, kỹ năng và phương pháp xử lý tình huống. Chương trình, nội dung đào tạo vừa phải bảo đảm tính khoa học, cơ bản và hệ thống, vừa bảo đảm tính hiện đại, thực tiễn và chuyên môn nghiệp vụ, gắn lý luận với thực tiễn, chú trọng nâng cao trình độ kiến thức, rèn luyện năng lực tư duy khoa học, khả năng xử lý tình huống. Vấn đề rất quan trọng hiện nay trong công tác giáo dục lý luận chính trị là cần đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy, khắc phục tình trạng thuyết trình đơn điệu, nặng về lý thuyết. Khắc phục vấn đề này mới có thể giúp công tác giáo dục lý luận chính trị giải quyết được tình trạng "khô, khó, khổ" trong tâm lý người học.

- Đổi mới hình thức, phương pháp học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng nghiêm túc, khoa học, hiệu quả.

Để thực hiện được yêu cầu này, các cấp ủy đảng cần đổi mới thực sự cách thức tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết theo hướng vừa chuẩn hóa, vừa đa dạng hóa, khoa học và cụ thể hóa, tránh nhận thức một cách giản đơn rằng việc phổ biến, quán triệt nghị quyết của Đảng chỉ là thông tin một

chiều những nội dung cơ bản của nghị quyết đến cán bộ, đảng viên, hoặc coi tổ chức được hội nghị quán triệt nghị quyết là xong nhiệm vụ của cấp ủy. Mỗi lần học tập, quán triệt nghị quyết phải được coi là đợt sinh hoạt học tập quan trọng, là đợt sinh hoạt tư tưởng lớn đối với cán bộ, đảng viên; học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng là trách nhiệm và quyền lợi của đảng viên. Chính vì vậy, mỗi đợt học tập, quán triệt nghị quyết phải được chuẩn bị chu đáo cả nội dung, phương pháp truyền đạt. Các cấp ủy đảng cần coi tinh thần, thái độ học tập, quán triệt nghị quyết tập trung tại chi bộ, đảng bộ là một tiêu chí đánh giá ý thức trách nhiệm, thái độ của đảng viên đối với tổ chức đảng. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nhận thức rằng qua mỗi lần học tập, quán triệt nghị quyết là dịp nâng cao nhận thức, tư tưởng, củng cố thêm niềm tin, đề cao ý thức trách nhiệm, chủ động, tự giác thực hiện nghị quyết của Đảng.

- *Thay đổi cách thức sinh hoạt chi bộ, đảng bộ phải thiết thực, gắn với thực tiễn công việc chuyên môn và sự tham gia tích cực của đảng viên.*

Sinh hoạt đảng phải đảm bảo tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu. Bên cạnh các buổi sinh hoạt thường kỳ, các đảng bộ, chi bộ cần tăng cường các hình thức sinh hoạt chuyên đề về học tập, sinh hoạt khoa học, đấu tranh tư tưởng, chống các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, tự phê bình và phê bình, gắn với những yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức đảng trong từng thời điểm cụ thể. Để thực hiện được yêu cầu này, các cấp ủy cần phát huy vai trò chủ động, tích cực, sáng tạo của tập thể cấp ủy, đặc biệt là vai trò bí thư, cả về phẩm chất, trình độ, năng lực, bí thư chi bộ, đảng bộ phải là chỗ dựa tin cậy về tư tưởng chính trị và là

hạt nhân công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong chi bộ, đảng bộ. Quan trọng hơn nữa là cách thức tổ chức các buổi sinh hoạt chi bộ định kỳ không nhất thiết phải cứng nhắc, có thể vận dụng cách thức linh hoạt, không gò bó để tạo sự thoải mái cho cán bộ, đảng viên nhằm khơi dậy tính sáng tạo của mọi người, nhưng vẫn bảo đảm tính nghiêm túc vốn có của nó.

- Phát huy vai trò tích cực của các phương tiện truyền thông trong công tác giáo dục chính trị.

Huy động và sử dụng hợp lý, hiệu quả mọi loại hình phương tiện, mọi lực lượng trong xã hội tham gia thực hiện các nhiệm vụ công tác tư tưởng, giáo dục chính trị. Đặc biệt quan tâm đến mạng xã hội, các loại hình báo chí, truyền thông hiện đại, đồng thời tận dụng khả năng tích cực của các loại hình, phương thức truyền thông truyền thống. Gắn việc thực hiện các nhiệm vụ công tác tư tưởng với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh xã hội và công tác đối ngoại. "Chú trọng công tác tư tưởng, tuyên truyền, báo chí, thông tin, tạo sự đồng thuận trong xã hội; kiên quyết chấn chỉnh những lệch lạc, phản bác những luận điệu sai trái"[1]. Để làm được điều đó cần tăng cường lãnh đạo, quản lý, phát triển hệ thống báo chí - truyền thông nhằm phát huy tốt nhất vai trò của báo chí - truyền thông trong việc thông tin, tuyên truyền, thực hiện các nhiệm vụ công tác tư tưởng, hạn chế những tác động tiêu cực. Coi trọng việc phát hiện, biểu dương các nhân tố mới, điển hình tiên tiến,

---

1. Bài phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (ngày 7-7-2016) của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

đồng thời tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tệ nạn xã hội. Không ngừng nâng cao chất lượng tư tưởng, tính hấp dẫn, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hệ thống báo chí. Coi trọng công tác xây dựng Đảng, đề cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong các cơ quan báo chí. Làm tốt công tác định hướng thông tin, kịp thời cung cấp tài liệu cho báo chí, nhất là đối với những vấn đề, sự kiện quan trọng, nhạy cảm. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển hệ thống báo chí - truyền thông đại chúng, tránh trùng lặp, chồng chéo về chức năng nhằm phát huy tối đa lợi thế và vai trò tích cực của báo chí.

- Phải đặt công tác giáo dục lý luận chính trị trên mảnh đất hiện thực và minh bạch của pháp luật.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một bài diễn văn tuyên truyền"[1]. Thực tế hiện nay cũng cho thấy, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chỉ có hiệu quả thiết thực khi cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu tiên phong, gương mẫu thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giữ gìn tư cách, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, gần dân, chủ động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của dân, kịp thời thông tin, giải đáp những nhu cầu chính đáng của nhân dân. Để công tác giáo dục lý luận chính trị thực sự có hiệu quả và đem lại lòng tin cho cán bộ, đảng viên thì không còn cách nào khác là phải "gieo trồng" hạt giống này trên mảnh đất hiện thực của nó. Khi hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ, các hiện tượng tham nhũng, sai

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.284.

trái, "chạy chức, chạy quyền" vẫn còn bị bỏ sót, "lợi ích nhóm" đang thao túng các mối quan hệ quan trọng của xã hội, thì việc tuyên truyền, kêu gọi cán bộ, đảng viên thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của mình đặc biệt khó khăn. Niềm tin bị giảm sút thì việc thực hiện khó tránh khỏi sự "tự diễn biến" ngay trong chính tư tưởng của cán bộ, đảng viên; xa hơn nữa là trong chính ý thức đạo đức của xã hội. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng của Đảng chỉ có tác dụng khi những cái sai, cái xấu, cái ác, sự giả dối bị lên án, ngăn chặn và bị trừng trị nghiêm minh bởi pháp luật; cái đúng, cái tốt, cái thiện và cái đẹp được bảo vệ, tôn vinh và nhân rộng cả trong bộ máy Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng và toàn xã hội.

Phần thứ ba

MỘT SỐ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ LIÊN QUAN

KINH NGHIỆM CỦA HÀN QUỐC VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG; XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC CÓ ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ, TRÁCH NHIỆM, LIÊM CHÍNH

TS. HÀ BAN*

1. Vấn đề phòng, chống tham nhũng và xây dựng đội ngũ công chức ở Hàn Quốc

Hàn Quốc là quốc gia châu Á sớm quan tâm đến vấn đề phòng, chống tham nhũng. Bộ luật hình sự năm 1953[1] đã quy định về tội tham nhũng với những điều khoản khá chi tiết. Tuy nhiên, trong gần 30 năm Đảng Dân chủ Cộng hòa nắm quyền ở Hàn Quốc, công tác phòng, chống tham nhũng và xây dựng đội ngũ công chức liêm chính chưa thực sự hiệu quả. Ngoài những đặc điểm chung thì điểm nổi bật về tham nhũng ở quốc gia Đông Á này là tình trạng tham nhũng do lạm dụng quyền lực chính trị. Đó là sự cấu kết giữa giới chính trị cấp cao và lãnh đạo các tập đoàn lớn liên quan đến

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương.

1. Nguyễn Văn Quyền (Chủ biên): *Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng của một số nước trên thế giới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.46.

bầu cử, sắp xếp nhân sự, điều chỉnh chính sách... Không ít vụ tham nhũng đã xảy ra như: Vụ tham nhũng của cựu Tổng thống Rho Tae Woo, con trai Tổng thống Kim Yong Sam, con trai Tổng thống Kim Dae Jung, Tổng thống Rho Moo Hyun, Tổng thống Park Geun Hye...

Tình trạng tham nhũng ở Hàn Quốc khá phức tạp với số vụ tham nhũng và vi phạm đạo đức công vụ của công chức ngày càng nhiều hơn và con số tới hàng ngàn vụ. Năm 2002, Hàn Quốc chỉ có 891 vụ thì sau 10 năm, con số này đã tăng lên 2.358 vụ vào năm 2012, tăng gấp 2,65 lần[1]. Theo số liệu thống kê, số vụ trốn tránh trách nhiệm chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp theo là số vụ lạm dụng chức quyền, số vụ nhận hối lộ và nhờ vả bất chính, số vụ biển thủ của công. Đồng thời, số vụ tham nhũng do vi phạm đạo đức công vụ ở Hàn Quốc cũng ngày càng tăng lên theo thời gian.

Hàn Quốc đã đưa ra tuyên bố "xây dựng một nhà nước Hàn Quốc mới" trong thời đại toàn cầu hóa, trong đó một trong ba mục tiêu chính là loại trừ tham nhũng nhưng việc đấu tranh chống tham nhũng mới thực sự được bắt đầu dưới thời Tổng thống dân chủ Kim Dae Jung (1997-2002). Năm 2001, Luật phòng, chống tham nhũng Hàn Quốc được công bố với mục đích phòng ngừa tham nhũng và xử lý hiệu quả các hành vi tham nhũng để xây dựng đội ngũ công chức liêm chính và một xã hội trong sạch. Ủy ban phòng, chống tham

---

1. Park Sung Hee, Cho Gang Joo: "Phương án cải thiện chế độ thu hồi tài sản tham nhũng nhằm quản lý hậu hành vi tham nhũng", Tạp chí *Nghiên cứu hành chính Hàn Quốc,* 2014, số 4, quyển 23, tr.12.

những được thành lập từ năm 1993 (với tư cách là cơ quan tư vấn cho cơ quan thanh tra, kiểm toán Hàn Quốc) đã được nâng cấp thành Ủy ban phòng, chống tham nhũng trực thuộc Tổng thống vào năm 2002 và năm 2004 trở thành Ủy ban phòng, chống tham nhũng độc lập Hàn Quốc. Năm 2008, Luật phòng, chống tham nhũng mới thay thế Luật phòng, chống tham nhũng năm 2001, đồng thời Ủy ban phòng, chống tham nhũng và Quyền lợi nhân dân (ACRC) được thành lập, vận hành. Năm 2016, Hàn Quốc đã đưa vào áp dụng Luật cấm nhờ vả và cho, nhận tiền, quà tặng bất hợp pháp (hay còn gọi tắt là Luật Kim Young Rhan), đưa công tác phòng, chống tham nhũng lên một bước mới, hứa hẹn có nhiều thành quả tích cực hơn.

Hiện nay, song song với việc chống tham nhũng thì việc ngăn ngừa tham nhũng và xây dựng đội ngũ công chức đạo đức, liêm chính đang ngày càng được coi trọng. Đặc biệt, Chính phủ Hàn Quốc rất quan tâm đến việc bảo vệ công chức trước nạn tham nhũng, hối lộ, coi đây là biện pháp hữu hiệu trong phòng, chống tham nhũng. Công chức được tiếp cận như là những người bị động trong các vụ việc tham nhũng, hối lộ. Cho nên, bên cạnh các quy định đối với công chức mang tính bắt buộc thì mặt khác đó cũng được xem là hàng rào bảo vệ công chức đối với các hành vi lôi kéo tham nhũng từ bên ngoài.

Những bước tiến trong phòng, chống tham nhũng, xây dựng đội ngũ công chức đạo đức, liêm chính của Hàn Quốc gần đây đã góp phần xây dựng một chính phủ trong sạch, xã hội lành mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Hiện nay,

thành tích phòng, chống tham nhũng của Hàn Quốc đã có sự cải thiện rất lớn: Năm 2015 chỉ số tham nhũng đứng vị trí 37/168 quốc gia và đứng vị trí 22/30 trong khối OECD vào năm 2008, 2009[1].

Hàn Quốc đã ban hành các quy định pháp luật về tiêu chí định lượng tham nhũng, liêm chính, đạo đức công vụ rất chi tiết. Ngoài các quy định về tội tham nhũng, hối lộ trong Luật hình sự được ban hành từ năm 1953, các tiêu chí định lượng tham nhũng, liêm chính, đạo đức công vụ của Hàn Quốc được sửa đổi, bổ sung trong Luật công chức (1981), Luật phòng, chống tham nhũng (2001). Từ năm 2012, để tăng hiệu quả của công tác phòng, chống tham nhũng, Hàn Quốc đã xây dựng bộ luật mới và được đệ trình lên Quốc hội vào năm 2015. Tháng 9 năm 2016, Luật Kim Young Rhan chính thức được ban hành và bắt đầu có hiệu lực. Bộ luật này gồm có 5 chương: 1- Điều khoản chung; 2- Cấm nhờ vả bất hợp pháp; 3- Cấm cho, nhận tiền, quà tặng; 4- Cơ quan phụ trách chung công tác phòng, chống nhờ vả bất hợp pháp; 5- Kỷ luật và xử phạt. Các tiêu chí cụ thể mang tính định lượng về tham nhũng, liêm chính, đạo đức của công chức Hàn Quốc hầu hết được quy định trong luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật này.

Đối với hành vi nhờ vả bất hợp pháp, đối tượng áp dụng không chỉ riêng với công chức mà đối với tất cả mọi người trực

---

1. Phòng Đánh giá điều tra liêm chính: Phân tích kết quả chỉ số CPI của TI năm 2016 (2016년 TI 부패인식지수 (CPI) 발표 결과 분석), Ủy ban Phòng, chống tham nhũng và Quyền lợi nhân dân Hàn Quốc, 2017.

tiếp hoặc gián tiếp qua bên thứ ba để nhờ vả bất hợp pháp trong các việc xác nhận, giấy phép, bằng, thẩm định, phê chuẩn, thi cử, thuế, mức phạt, bổ nhiệm, thăng chức... Do đó, không chỉ bản thân công chức mà vợ, chồng, người thân của công chức cũng là đối tượng áp dụng của luật. Vì vậy, Hàn Quốc chỉ có hơn 1 triệu công chức nhưng đối tượng áp dụng của luật khoảng trên 4 triệu người.

Đối tượng áp dụng của Luật Kim Yong Rhan gồm những người làm việc thuộc 3 nhóm ngành nghề là: 1- Nhóm cơ quan hành chính công và tổ chức liên quan; 2- Nhóm trường học và pháp nhân trường học; 3- Nhóm cơ quan ngôn luận. Luật này áp dụng đối với cả nhân viên và lãnh đạo; gia đình, người thân của họ cũng như dân thường có hành vi cho, tặng, nhờ vả bất hợp pháp.

Nếu vi phạm, các mức xử phạt của Hàn Quốc theo Luật Kim Young Rhan sẽ có 4 hình thức: 1- Tạm thời đình chỉ chức vụ; 2- Chỉ định người thay thế chức vụ; 3- Bổ nhiệm chức vụ mới; 4- Xử lý theo quy định của Quốc hội, Tòa án tối cao, Tòa án hiến pháp, Hội đồng bầu cử trung ương, Tổng thống.

2. Các cơ chế giám sát tham nhũng, đạo đức công vụ của Hàn Quốc

Các cơ chế giám sát tham nhũng và đạo đức công vụ của Hàn Quốc gồm có các cơ chế mang tính luật pháp, cơ chế mang tính văn hóa, cơ chế mang tính truyền thông giáo dục... Các cơ chế có thể được thực hiện với các chủ thể là cá nhân người dân,

bản thân mỗi công chức, lãnh đạo cơ quan nhà nước... hoặc là các cơ quan nhà nước các cấp, thanh tra kiểm toán, cơ quan điều tra của công an - cảnh sát, cơ quan chuyên trách về tham nhũng và đạo đức công chức nhà nước.

Hàn Quốc hiện nay chú trọng hơn về công tác phòng ngừa tham nhũng và vi phạm đạo đức công vụ nên so với các chế tài xử phạt hình sự thì các cơ chế giám sát được coi trọng. Ủy ban phòng, chống tham nhũng và Quyền lợi nhân dân (ACRC) là cơ quan chuyên trách giám sát tham nhũng và vi phạm đạo đức công vụ. Cơ quan này sẽ giám sát, kiểm tra, trao đổi kết quả với các cơ quan khác để tùy từng trường hợp xử phạt theo luật hình sự hoặc luật công chức.

ACRC được thành lập năm 2008 trên cơ sở sáp nhập 3 cơ quan quốc gia là Ủy ban xử lý tố cáo nhân dân, Ủy ban liêm chính quốc gia, Ủy ban Thủ tướng xét xử hành chính. Sự sáp nhập này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong việc trình báo, tố cáo, bảo vệ, khen thưởng và giải quyết nhanh chóng, thống nhất "một cửa" xây dựng đội ngũ công chức và vận hành Chính phủ lành mạnh, hiệu quả. Đây là cơ quan đầu mối và cũng là cơ quan phối hợp với các cơ quan điều tra quốc gia, Viện thanh tra, Kiểm toán quốc gia, Quốc hội và các cơ quan hành chính nhà nước trong việc thực hiện các cơ chế giám sát, phòng, chống tham nhũng, xây dựng đội ngũ công chức liêm chính.

Các cơ chế giám sát chủ yếu gồm:

** Cơ chế kê khai tài sản và đánh thuế tài sản cá nhân*

Công chức hành chính từ bậc 4 đến bậc 1; toàn bộ công tố

viên, nhân viên tòa án; đại tá quân đội trở lên; trưởng khoa, trưởng phân hiệu, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường công phải công khai tài sản cá nhân. Nội dung công khai tài sản gồm hạng mục động sản và bất động sản sở hữu của bản thân, vợ/chồng, con cháu trực hệ. Khoảng thời gian kê khai kể từ khi giữ chức vụ, thời điểm kê khai vào tháng 1 hằng năm và kê khai 1 lần trong 1 năm.

Đánh thuế tài sản cá nhân không chỉ dừng lại ở thuế thu nhập cá nhân mà còn bao gồm đánh thuế tài sản hữu hình như bất động sản, xe cộ, tàu thuyền, nhà cửa, đất đai và áp dụng thuế lũy tiến để hạn chế việc tẩu tán tài sản, đầu cơ và để cải thiện ngân sách nhà nước.

** Cơ chế thẩm tra tư cách công chức cao cấp trước bổ nhiệm*

Quốc hội sẽ thẩm tra nhân sự cao cấp trước bổ nhiệm, bắt đầu được thực hiện từ khi Tổng thống Kim Dae Jung nắm quyền (năm 2000) nhằm thẩm tra sự chân thực trong kê khai tài sản, thẩm tra sai phạm, tư cách đạo đức, năng lực của người do Tổng thống tiến cử vào Nội các bao gồm các bộ trưởng và tương đương. Đây là một chế độ tăng cường tính giám sát và quyền hạn của Quốc hội đối với Tổng thống. Các đối tượng phải thẩm tra là những nhân sự do Tổng thống hoặc Chánh án Tòa án tối cao bổ nhiệm.

** Cơ chế hoàn trả, tịch thu tài sản tham nhũng*

Hàn Quốc hoàn thiện các luật và luật đặc biệt về tịch thu, hoàn trả tài sản tham nhũng nhằm phòng, chống, giải quyết tận gốc các vụ việc tham nhũng. Tài sản, lợi ích phát sinh qua tham nhũng cũng như tổn thất tài sản, lợi ích quốc gia sẽ

được tịch thu hoặc bên gây ra phải hoàn trả, đền bù. Có hai loại tài sản tham nhũng tịch thu đó là tài sản được tòa án định giá và tài sản không cần tòa định giá. Các vụ tham nhũng lớn trong giới công chức khi được xử lý hình sự thường áp dụng chế độ hoàn trả, tịch thu theo loại tài sản mà tòa án định giá. Những quy định cụ thể đối với các loại hình tài sản tham nhũng thuộc 29 tội danh khác nhau đã được luật hóa, giải quyết triệt để, đưa quy trình phòng, chống tham nhũng hoàn thiện và hiệu quả hơn.

** Cơ chế khuyến khích sự tham gia và bảo đảm quyền lợi của người dân và của dư luận xã hội trong phòng, chống tham nhũng*

Luật pháp Hàn Quốc khuyến khích mọi người dân tố cáo tham nhũng và hành vi vi phạm đạo đức công vụ, đồng thời quy định không ai có quyền gây khó khăn hoặc cưỡng ép người tố cáo rút lại nội dung tố cáo. Người tố cáo được bảo vệ trước pháp luật và những đe dọa khác. Nếu tố cáo đem lại lợi ích hoặc ngăn chặn thất thoát cho cơ quan nhà nước thì được ACRC khen thưởng; những tố cáo không đúng sự thật thì người tố cáo bị phạt hành chính thậm chí bị xử lý hình sự.

Những vụ việc liên quan đến tham nhũng và vi phạm đạo đức công vụ đều được công khai cho công chúng biết và theo dõi nhằm tạo dư luận xã hội để phòng, chống tham nhũng hiệu quả hơn. Các hội nghị thẩm tra nhân sự của Quốc hội thường được công khai hoặc tường thuật trực tiếp trên các phương tiện thông tin đại chúng.

** Cơ chế giám sát đạo đức, hành vi của công chức qua Cương lĩnh hành động của công chức*

Năm 2003, Cương lĩnh hành động của công chức được ban hành dưới thời Tổng thống Kim Dae Jung với hình thức Lệnh Tổng thống dựa trên các quy định của Luật phòng, chống tham nhũng và được sửa đổi, áp dụng cho đến nay. Công chức phải tuân thủ Cương lĩnh hành động theo chức vụ một cách công minh; cấm cho, nhận các lợi ích bất chính, xây dựng văn hóa công chức lành mạnh, tuân thủ các biện pháp xử lý vi phạm, chế độ chức vụ kiêm nhiệm. Người phát hiện công chức vi phạm Cương lĩnh hành động của công chức thì có thể báo cho lãnh đạo cơ quan của người vi phạm hoặc công chức chuyên trách Cương lĩnh hành động và ACRC.

Công chức chuyên trách Cương lĩnh hành động là công chức đảm nhiệm việc quản lý, giám sát việc thực hiện theo Cương lĩnh hành động của công chức tại mỗi đơn vị cơ quan nhà nước. Người này sẽ hướng dẫn, tuyên truyền Cương lĩnh hành động của công chức phù hợp với nghiệp vụ của đơn vị, tiếp nhận các trình báo vi phạm và điều tra xử lý vi phạm. Trong trường hợp công chức bị lãnh đạo đơn vị chỉ đạo làm ảnh hưởng đến việc thực hiện công việc một cách bất chính thì họ có thể trao đổi với công chức chuyên trách Cương lĩnh hành động. Công chức chuyên trách này không được phép để lộ nội dung trao đổi và bảo vệ người trình báo khỏi các đe dọa và bất lợi xảy ra sau trình báo.

3. Một số bài học kinh nghiệm

Như một số nước phát triển khác, Chính phủ Hàn Quốc rất quyết tâm trong việc tuyên chiến với tham nhũng, giải quyết triệt để các vụ tham nhũng và có các cơ chế, biện pháp phòng ngừa, giám sát chặt chẽ tránh dẫn tới tham nhũng. Một số kinh nghiệm mang tính cơ bản và quan trọng trong phòng, chống tham nhũng và xây dựng đội ngũ công chức của Hàn Quốc có giá trị tham khảo hữu ích:

Thứ nhất, trong chống tham nhũng cần có luật và cơ chế khép kín từ phát hiện, trình báo, điều tra, xét xử, thi hành án và thu hồi tài sản tham nhũng, những lợi ích, thiệt hại phát sinh từ tham nhũng để không tạo kẽ hở cho tham nhũng tồn tại và tái sinh. Mọi đối tượng đều bình đẳng và không bị phân biệt trước pháp luật, không có "vùng cấm". Vai trò của cơ quan lập pháp cũng được coi trọng trong việc hoàn thiện luật liên quan, đặc biệt là đối với lĩnh vực, ngành nghề dễ xảy ra tham nhũng và vi phạm đạo đức công vụ.

Thứ hai, trong phòng, chống tham nhũng cần áp dụng triết lý "nước trong đầu nguồn" của Hàn Quốc, đề cao sự gương mẫu của cán bộ cấp cao. Các quy định chặt chẽ về kê khai tài sản cá nhân, vợ/chồng, con cái và áp dụng chế độ thẩm tra nhân sự cao cấp công khai trước khi bổ nhiệm trên tất cả các mặt từ tài sản, đạo đức, năng lực hay những nghi vấn trong dư luận.

Thứ ba, trong phòng ngừa tham nhũng, bên cạnh Luật công chức, cần có các chỉ dẫn hành động cho công chức trong

từng ngành nghề cụ thể về đạo đức, ý thức, hành vi, cử chỉ để họ không vi phạm đạo đức công vụ và tham nhũng, hối lộ. Hành vi hối lộ, tham nhũng, hành vi nhờ vả bất chính với mức độ, trạng thái cụ thể cũng cần được quy định để dễ dàng giám sát và xử lý phù hợp. Trong mỗi cơ quan nhà nước có một cán bộ chuyên trách giám sát đạo đức, hành vi của công chức hay có sự kiểm tra nội bộ, kiểm tra chéo giữa các cơ quan nhà nước với nhau cũng rất hiệu quả trong phòng, chống tham nhũng và xây dựng đội ngũ công chức liêm chính.

Thứ tư, việc phòng, chống tham nhũng cần có sự vào cuộc của toàn xã hội, đặc biệt đề cao vai trò của nhân dân. Làm tốt công tác giáo dục về phòng, chống tham nhũng cho doanh nghiệp, cá nhân có thể thực hiện hành vi hối lộ và có chế tài xử phạt nghiêm minh khi vi phạm. Bên cạnh đó, khuyến khích mọi người dân phát hiện, tố giác tham nhũng, bảo vệ quyền lợi và sự an toàn của người tố giác tham nhũng cũng như có chế độ khen thưởng hợp lý. Ngoài ra, vai trò của truyền thông cũng hết sức quan trọng, phải thật sự khách quan trong việc đưa những thông tin liên quan đến tham nhũng, hối lộ, góp phần xây dựng một xã hội minh bạch, lành mạnh.

Nghị quyết Đại hội XII Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: "Tình trạng tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng với biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước..."[1]. Việc tiếp thu chọn lọc những kinh nghiệm quốc tế,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.185.

trong đó có Hàn Quốc trong phòng, chống tham nhũng là công cụ hữu hiệu để ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở nước ta hiện nay. Đây là vấn đề cấp bách, đòi hỏi quyết tâm chính trị cao và những giải pháp đồng bộ nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, từng bước củng cố niềm tin và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng.

KINH NGHIỆM NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI - BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

PGS. TS. PHẠM MINH TUẤN*

1. Đặt vấn đề

Cán bộ, đảng viên là những tế bào cơ bản của tổ chức Đảng và hệ thống chính trị, quyết định chất lượng lãnh đạo của Đảng và hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị. Trải qua các giai đoạn lịch sử, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng luôn vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng, có phẩm chất đạo đức, lối sống cách mạng trong sáng, đã đưa Đảng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã ý thức sâu sắc về vai trò đặc biệt quan trọng của tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đảng viên cũng như của toàn xã hội đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Vì thế, Đảng luôn quan tâm đến công tác giáo dục, xây dựng tư tưởng chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống nhân văn cho cán bộ, đảng viên và toàn xã hội. Đại hội VI của Đảng đã chỉ ra những biểu hiện tiêu

---

* Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II.

cực, là nguyên nhân dẫn đến sự thoái hóa của cán bộ, đảng viên. Đó là tình trạng cán bộ, đảng viên "Tự mãn, không chịu học tập, bỏ phí thời gian, không chịu thường xuyên nâng cao trình độ về mọi mặt, cũng là một biểu hiện thoái hóa nghiêm trọng về phẩm chất đảng viên"[1]. Trước sự khủng hoảng và sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới, một bộ phận cán bộ, đảng viên hoang mang, dao động. Đại hội VII của Đảng đã ra nghị quyết chuyên đề *Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng*, chỉ rõ: "Trong Đảng có một bộ phận giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lý tưởng, dao động mất lòng tin, trong đó một số người chịu ảnh hưởng của khuynh hướng cơ hội, xét lại muốn đi con đường khác; thậm chí đã có người phản bội, đầu hàng. Không ít cán bộ, đảng viên bị chủ nghĩa cá nhân thực dụng cuốn hút, trở nên thoái hóa, hư hỏng, ăn chơi hưởng lạc. Tệ tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, phung phí tài sản của nhân dân rất nghiêm trọng và kéo dài... Những hiện tượng xấu đó gây tác hại lớn, làm tổn hại thanh danh, uy tín của toàn Đảng"[2]. Những nhận định của Đảng đã phản ánh thực trạng suy thoái trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Đó cũng là thời kỳ Đảng gặp nhiều khó khăn, rất nhiều đảng viên xin ra khỏi Đảng. Đại hội VIII của Đảng đã nghiêm túc chỉ rõ "Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng bản thân, phai nhạt lý tưởng, mất cảnh giác, giảm sút ý chí, kém ý thức tổ chức kỷ luật, sa đọa về đạo đức và lối sống. Một số thoái hóa về chính trị, tuy rất

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.43, tr.165.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.52, tr.86.

ít nhưng hoạt động của họ gây hậu quả hết sức xấu"[1]. Đại hội IX của Đảng đã thẳng thắn thừa nhận Đảng chưa ngăn chặn và đẩy lùi được sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, thậm chí tình trạng đó ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn. Đại hội X của Đảng đã đánh giá: "Thoái hóa, biến chất về chính trị, tư tưởng, về đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu dân trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng, kéo dài chưa được ngăn chặn, đẩy lùi... làm giảm lòng tin của nhân đối với Đảng. Đó là một nguy cơ lớn liên quan đến sự sống còn của Đảng, của chế độ"[2]. Đến Đại hội XI, tình trạng suy thoái trong cán bộ, đảng viên tiếp tục có những diễn biến phức tạp. Đảng chỉ rõ: "Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp"[3]. Trước tình hình đó, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, khẳng định "Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.137.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd*, tr.263-264.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.173

sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...". Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã đánh giá đúng thực trạng suy thoái tư tưởng chính trị trong cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, "có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước" và chỉ ra những nguyên nhân khách quan, chủ quan của thực trạng đó.

Như vậy, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên có xu hướng ngày càng tăng, càng nghiêm trọng. Mặc dù, các kỳ đại hội, các nghị quyết chuyên đề đều đưa ra hệ thống các giải pháp vừa "mềm", vừa "cứng", giải pháp bên trong, bên ngoài, phát huy vai trò của Nhân dân trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng song vẫn chưa khắc phục được tình trạng trên, thậm chí còn có xu hướng phức tạp, tinh vi hơn. Phải chăng những giải pháp chúng ta thực hiện từ trước đến nay chưa hiệu quả, cần phải nghiên cứu và bổ sung hệ thống giải pháp hữu hiệu hơn. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đề cập những giải pháp mà một số quốc gia đã áp dụng trong việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức trong đội ngũ cán bộ, công chức và hiệu quả mang lại khá thành công, đáp ứng mục đích yêu cầu đặt ra trên phạm vi quốc gia đó. Từ đó, có sự liên hệ đến hướng khắc phục những hạn chế của công tác ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức trong đội ngũ cán bộ, công chức ở nước ta hiện nay.

2. Kinh nghiệm ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức trong đội ngũ cán bộ, công chức của một số quốc gia trên thế giới

a) Xây dựng Chính phủ liêm chính, minh bạch - Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Từ năm 2003, Hàn Quốc tiến hành công cuộc cải cách chính phủ với một trong các mục tiêu là xây dựng một chính phủ minh bạch. Nhằm đạt được mục tiêu này, Chính phủ Hàn Quốc chỉ đạo thực hiện kê khai tài sản, mở rộng giao dịch điện tử và đẩy mạnh chống suy thoái đạo đức trong đội ngũ cán bộ, công chức. Với quan điểm coi trọng việc phòng ngừa suy thoái đạo đức trong bộ máy chính phủ, Hàn Quốc đã triển khai mạnh mẽ các biện pháp sau:

Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức cho công chúng về phòng, chống suy thoái đạo đức trong đội ngũ cán bộ, công chức trên cơ sở đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về phòng, chống suy thoái, đạo đức. Đưa nội dung phòng, chống suy thoái đạo đức trong đội ngũ cán bộ, công chức vào hệ thống sách giáo khoa, tăng cường chương trình giảng dạy về chống suy thoái đạo đức trong đội ngũ cán bộ, công chức trong các trường học và các cơ quan, tổ chức khu vực công; tiến hành các chiến dịch, phối hợp với các tổ chức phi chính phủ nhằm thay đổi tư duy của công chúng về vấn đề này.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, Hàn Quốc áp dụng chế độ thi tuyển công chức hết sức nghiêm ngặt. Việc đề bạt, bổ nhiệm hay thuyên chuyển cán bộ được tiến hành qua nhiều khâu, đảm bảo tính công khai, dân chủ và khoa học. Trong đó, trách nhiệm của người đứng đầu bộ

máy được đề cập ở mức cao nhất. Để công chức an tâm cống hiến cho công việc, chính phủ đã không ngừng thực hiện cải cách tiền lương, tạo điều kiện nâng lương cho cán bộ, công chức nhà nước và tăng cường các chế độ đãi ngộ.

Bên cạnh việc xây dựng Luật đạo đức công vụ, Luật hành vi ứng xử đối với cán bộ, công chức và các quy định về đăng ký tài sản, Chính phủ Hàn Quốc còn ban hành quy định về kê khai và công khai tài sản của cán bộ, công chức nhằm ngăn ngừa cán bộ, công chức tích tụ tài sản bất hợp pháp.

Nhờ thực hiện tốt chính sách trên, Hàn Quốc đã xây dựng được bộ máy quản lý hiệu quả, với một đội ngũ công chức có đạo đức và chuyên nghiệp.

b) Chế tài xử phạt nghiêm minh đối với cán bộ, công chức suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức - Kinh nghiệm của Trung Quốc

Từ năm 2012, sau khi nắm quyền, Chủ tịch Tập Cận Bình đã đưa ra một chiến dịch chống tham nhũng trên toàn quốc, trong tất cả các cấp bậc quan chức. Các thành phần bị bắt giữ về tội tham nhũng gồm các quan chức chính quyền, cán bộ đảng, tướng lĩnh quân đội, công ty nhà nước và cả doanh nhân tư nhân. Hàng trăm ngàn cán bộ Trung Quốc đã bị kỷ luật đảng, bắt giam thậm chí là tử hình treo (án tử hình nhưng chưa thi hành), nhưng chỉ một số nhỏ quan chức bị kỷ luật được công khai trước dư luận.

Sau 5 năm phát động chiến dịch chống tham nhũng theo nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ XVIII, CCDI đã tiến hành điều tra hơn 70.000 quan chức từ cấp quận huyện trở lên tại Trung Quốc.

Cuộc điều tra đã khiến nhiều nhân vật cấp cao của chính trường Trung Quốc "ngã ngựa" như Ủy viên Bộ Chính trị,

cựu Bộ trưởng Công an Chu Vĩnh Khang, cựu Bí thư Trùng Khánh Bạc Hy Lai, cựu Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương Từ Tài Hậu và Quách Bá Hùng,...

Trung Quốc cho rằng, việc áp dụng các hình phạt nghiêm khắc dành cho những cá nhân có hành vi tham nhũng sẽ là công cụ hữu hiệu để trừng phạt những người vi phạm cũng như để răn đe, giáo dục các thành viên khác trong xã hội. Theo quy định của pháp luật Trung Quốc, người thực hiện hành vi tham nhũng bị xử lý rất nghiêm khắc. Cụ thể là:

+ Tham ô 2.000 nhân dân tệ (gần 300 đôla Mỹ) thì bị xử lý hình sự, dưới mức đó thì xử lý ở mức hành chính.

+ Tham ô dưới 5.000 nhân dân tệ (gần 750 đôla Mỹ) nhưng tự nguyện nộp tài sản cho Nhà nước và có hành vi ăn năn hối cải thì có thể được xét giảm trách nhiệm hình sự.

+ Tham ô từ 2.000 nhân dân tệ nhưng gây hậu quả nghiêm trọng sẽ bị phạt tù đến 2 năm.

+ Tham ô từ 2.000 nhân dân tệ đến 10.000 nhân dân tệ thì bị phạt tù từ 1 năm đến 7 năm.

+ Tham ô từ 50.000 nhân dân tệ trở lên, gây ảnh hưởng xấu đến chính trị, xã hội sẽ bị phạt tử hình.

Ngày 28-2-2010, Quốc hội Trung Quốc đã sửa đổi Bộ luật hình sự, thắt chặt hơn các quy định về chống tham nhũng. Bộ luật sửa đổi đã tăng hình phạt đối với các hành động chiếm hữu tài sản không kê khai. Điều chỉnh mới cũng tăng gấp đôi khung hình phạt tù tới 10 năm đối với các quan chức bị phát hiện chiếm hữu một số lượng lớn thu nhập hay tài sản mà họ không thể giải trình được nguồn gốc. Đáng chú ý là, Bộ luật hình sự của Trung Quốc còn quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong các tội về tham nhũng chứ không chỉ có trách nhiệm của cá nhân người phạm tội. Theo đó, cơ quan, tổ chức có người phạm tội về tham nhũng

sẽ bị phạt tiền, đồng thời cũng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người trực tiếp lãnh đạo, quản lý công chức có hành vi tham nhũng.

Ngoài ra, Trung Quốc đặc biệt chú trọng đào tạo cán bộ quản lý, nhất là cán bộ cao cấp. Điều lệ của Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Đại hội XII khẳng định: Đảng lựa chọn cán bộ theo nguyên tắc có đủ cả đức lẫn tài, đồng thời đòi hỏi nỗ lực thực hiện cách mạng hóa, trẻ hóa, tri thức hóa, chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ[1]. Quyết định của Đảng Cộng sản Trung Quốc về vấn đề từng bước tăng cường công tác cán bộ lãnh đạo, quản lý nêu rõ: Thu hút nhân tài ưu tú về mọi mặt về với Đảng Cộng sản, vào tổ chức đảng, thì đảng ta mới trở thành đảng vững mạnh, có đội ngũ nhân tài lãnh đạo hạt nhân xây dựng đất nước Trung Quốc mang đặc sắc riêng, mới trở thành đội ngũ tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân Trung Quốc, dân tộc Trung Hoa[2].

Từ đó, Nhà nước Trung Quốc đã đề ra nhiều chính sách không chỉ để đào tạo nhân tài trên nhiều lĩnh vực: chính trị, khoa học - kỹ thuật và quản lý doanh nghiệp, mà còn tạo điều kiện cho nhiều nhân tài đứng vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và phát huy năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức, nhân tài để chấn hưng đất nước.

c) Chống tham nhũng thành công nhờ pháp luật nghiêm khắc - Kinh nghiệm của Xingapo

Xingapo từng gánh chịu nạn tham nhũng hoành hành

---

1. Dẫn theo Thẩm Vinh Hoa, Ngô Quốc Diệu: *Tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài, kế lớn trăm năm chấn hưng đất nước,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.

2. Dẫn theo Nguyễn Đắc Hưng: *Nhân tài với tương lai đất nước,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.

tàn phá đất nước. Đứng trước vấn nạn này Thủ tướng Lý Quang Diệu đã đặt trọng tâm vào giải quyết vấn nạn tham nhũng, cho đến nay Xingapo đã đẩy lùi hẳn tham nhũng, và trở thành quốc gia minh bạch hàng đầu thế giới.

Làm cho quan chức không dám tham nhũng

Trước hết, Xingapo truy tìm quyết liệt những tội phạm "cổ cồn trắng", áp dụng hình phạt tù không chỉ đối với những người nhận hối lộ, mà đối với những người đưa hối lộ. Những người bị kết tội nhận tiền bất hợp pháp có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đó. Ví dụ, năm 1995, Phó Giám đốc điều hành các tiện ích công cộng (như điện, nước...) của Xingapo bị kết tội nhận hối lộ trị giá 9,8 triệu USD. Ông bị kết án 14 năm tù giam và buộc phải trả lại toàn bộ số tiền đó[1].

Ở Xingapo, khi một người được tuyển vào làm công chức, quan chức chính phủ thì hằng tháng phải trích một phần tiền lương để gửi tiết kiệm. Thoạt đầu trích 5%, sau tăng dần. Người có chức vụ càng cao, thì phần trăm trích ra gửi tiết kiệm càng lớn, có thể lên tới vài chục phần trăm lương tháng. Số tiền này do Nhà nước quản lý. Bất kỳ công chức, quan chức nào phạm tội tham nhũng dù nhẹ ở mức xử phạt ra khỏi ngạch công chức thì toàn bộ số tiền gửi tiết kiệm bị trưng thu. Quan chức càng to thì số tiền bị trưng thu càng lớn.

Làm cho quan chức không thể tham nhũng

Xingapo đã loại bỏ những cơ hội cho tham nhũng bằng cách cung cấp nhiều dịch vụ công qua mạng hoặc qua điện thoại di động. Theo một báo cáo của Liên hợp quốc, lĩnh vực công của Xingapo có mức độ số hóa tiên tiến thứ ba trên thế

1. http://nghiencuuquocte.org/2015/05/11/singapore-chong-tham-nhung-thanh-cong/

giới, sau Hàn Quốc và Ôxtrâylia. Kết quả là, các quan chức không trung thực sẽ khó có cơ hội để đòi hối lộ hoặc cắt xén từ các khoản thanh toán công.

Chính phủ Xingapo quy định và thực hiện mỗi năm công chức, viên chức, quan chức phải khai báo một lần với nhà nước về tài sản của bản thân hoặc của vợ (chồng) bao gồm: tiền thu nhập, tiền gửi tiết kiệm, tiền cổ phiếu, đồ trang sức, ô tô, nhà cửa... Những tài sản tăng lên phải khai rõ nguồn gốc, cái gì không rõ nguồn gốc có thể coi là tham ô, tham nhũng. Nhà nước còn quy định: Quan chức Chính phủ không được phép nợ nần; không được vay một khoản tiền lớn vượt quá tổng ba tháng lương. Xingapo có thị trường mua bán cổ phiếu, quan chức chính phủ muốn mua cổ phiếu phải được lãnh đạo cơ quan chủ quản đồng ý và chỉ được phép mua cổ phiếu của công ty trong nước. Với cổ phiếu của các công ty nước ngoài đang kinh doanh ở Xingapo được phép mua với điều kiện các công ty đó không có quan hệ lợi ích với chính phủ. Công chức và quan chức chính phủ không được phép đến các sòng bạc, nhà chứa.

Làm cho quan chức không cần tham nhũng

Xingapo có chế độ trả lương chênh lệch khá cao giữa quan chức cấp cao với cấp thấp, giữa công chức với nhân viên, công nhân. Chính phủ giám sát mức lương của khu vực tư nhân, đồng thời cố gắng duy trì tiền lương của công chức ở mức không thấp hơn 75% mức chi trả trong khu vực tư nhân[1].

Làm cho quan chức không muốn tham nhũng

Ở Xingapo muốn tham nhũng một thứ gì đó, dù nhỏ cũng

1. http://nghiencuuquocte.org/2015/05/11/singapore-chong-tham-nhung-thanh-cong/

rất phiền hà. Ví dụ, khi khách nước ngoài đến Xingapo, nếu họ muốn tặng các quan chức nước chủ nhà một món quà để cảm ơn về sự đón tiếp và thắt chặt mối quan hệ thì món quà đó phải mang ý nghĩa văn hóa với giá trị tiền không nhiều. Món quà nào có giá trị 100 đôla Xingapo trở lên là họ từ chối hoặc phải xin phép lãnh đạo cơ quan, nếu đồng ý mới được nhận. Nếu món quà đó có giá trị tiền quá mức quy định và quan chức đó vẫn muốn nhận thì phải nộp tiền. Số tiền nộp thêm đưa vào tài khoản quỹ "nộp phạt" của chính phủ.

Để đạt được thành tích như ngày nay, Thủ tướng Lý Quang Diệu - người đặt quyết tâm chống tham nhũng, đã nói: "Một khi những nhà lãnh đạo chủ chốt kém liêm khiết, không nghiêm khắc đòi hỏi những chuẩn mực cao, lúc đó cấu trúc toàn vẹn của hệ thống hành chính sẽ yếu đi và cuối cùng nó sẽ sụp đổ. Xingapo chỉ có thể tiếp tục tồn tại nếu như các bộ trưởng và viên chức cao cấp đều liêm khiết và làm việc hiệu quả... Chỉ khi nào chúng ta giữ vững tính toàn vẹn của bộ máy hành chính thì nền kinh tế mới có thể vận hành theo hướng cho phép người Xingapo thấy rõ mối liên hệ giữa làm việc siêng năng với những phần thưởng xứng đáng. Chỉ khi đó, người ta, người nước ngoài và người Xingapo mới đầu tư vào Xingapo; chỉ khi đó người dân Xingapo mới làm việc để bản thân và con cái của mình tốt hơn thông qua giáo dục và đào tạo, thay vì chỉ trông chờ vào vận may đến từ bạn bè hay người thân, hay bôi trơn quan hệ ở những nơi thích hợp".

3. Bài học cho Việt Nam

a) Chú trọng công tác giáo dục đạo đức công vụ

Giáo dục đạo đức công vụ là nhiệm vụ hết sức nặng nề, khó khăn, tỉ mỉ và phức tạp, vừa cấp bách vừa lâu dài, phải

thực hiện theo nhiều "kênh", nhiều biện pháp, nhiều hình thức, ở nhà trường, ở thực tiễn hoạt động công vụ và cả trong sinh hoạt hằng ngày. Đó là một quá trình giáo dục tổng hợp bao gồm giáo dục chính trị, pháp luật, đạo đức, thẩm mỹ, văn hóa giao tiếp, ý thức lao động... Cùng với việc giáo dục nâng cao giác ngộ chính trị, kỹ năng lao động nghề nghiệp, cần chú trọng giáo dục tinh thần "hướng nội", khai thác giáo dục phẩm hạnh, lòng tự trọng, sự hảo tâm, lòng vị tha cao cả, tình thương yêu con người, đồng loại. Cần xây dựng thước đo giá trị đạo đức mới phù hợp với điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tôn trọng lợi ích chính đáng của cá nhân. Đó là sự chuyển đổi giá trị từ nguyên tắc truyền thống "trọng nghĩa, khinh lợi" sang nguyên tắc mới "trọng cả nghĩa và lợi" theo yêu cầu của sự phát triển xã hội và những giá trị đạo đức hiện đại.

Cần đặc biệt chú trọng mối quan hệ mật thiết giữa quy phạm pháp luật và các quy phạm đạo đức. Ở chừng mực nào đó, cần thiết phải thể chế hóa những quy phạm, nguyên tắc đạo đức thành những quy phạm pháp luật. Mặt khác, coi việc xử lý nghiêm minh, kịp thời và công bằng những sai phạm của cán bộ, công chức có ý nghĩa to lớn trong việc giáo dục và răn đe cán bộ, công chức, đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân vào Nhà nước, vào pháp luật.

Trong công tác bồi dưỡng đạo đức công vụ, không chỉ tạo điều kiện cho họ có được nhận thức về các vấn đề đạo đức mà cần chú trọng hơn việc xây dựng các kỹ năng cần thiết giúp công chức xử lý đúng đắn trong các tình huống khó xử liên quan đến đạo đức, đến cái lý, cái tình trong hoạt động công vụ cũng như trong đời sống thường nhật. Trước mắt, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Học viện Chính trị quốc gia

Hồ Chí Minh cần phối hợp nghiên cứu đưa nội dung giáo dục đạo đức công vụ vào trong các chương trình đào tạo từ trung cấp hành chính đến cao học hành chính, từ chương trình đào tạo tiền công vụ cho đến bồi dưỡng chuyên viên, chuyên viên chính, bồi dưỡng chính quyền cơ sở, từ sơ cấp cho đến cao cấp chính trị... Tuy nhiên, mỗi chương trình đào tạo cần phải được biên soạn theo nội dung riêng phù hợp với từng đối tượng. Đồng thời, nội dung cần được xây dựng theo hướng giảm lý thuyết và tăng nội dung xử lý tình huống, giải quyết bài tập thực hành để học viên "thấm" hơn và khắc sâu hơn bài học. Tuy nhiên, công tác giáo dục đạo đức công vụ chỉ đạt được hiệu quả cao khi biết kết hợp với hàng loạt giải pháp khác về tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, chính sách động viên, khen thưởng, chế độ đãi ngộ, chính sách tiền lương và cả chế tài xử lý công chức khi cần thiết...

b) Đẩy mạnh công tác chính trị tư tưởng, tự phê bình và phê bình

Tự phê bình và phê bình là "bài thuốc" hiệu nghiệm trong đấu tranh ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ của cán bộ, đảng viên. Tuy nhiên, trong tiến hành tự phê bình và phê bình phải công tâm, khách quan, mỗi người phải thành khẩn, thật thà tự phê bình và phê bình, không trốn tội, chạy tội và không đổ tội cho tập thể, cho đồng chí, đồng đội.

Theo Chương trình hành động, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30-10-2016 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh công tác chính trị tư tưởng, tự phê bình và phê bình, trong đó, thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình tập thể, cá nhân theo đúng Nghị quyết số 04-NQ/TW, gắn với việc kiểm điểm, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hằng năm và đột xuất theo quy định trên cơ sở cam kết rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; đề cao tính gương mẫu, tự giác kiểm điểm, trách nhiệm nêu gương của cấp trên, người đứng đầu.

Nhận thức sâu sắc về nguy cơ, nhận diện đúng những biểu hiện và đề ra các giải pháp phù hợp để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Rà soát, có biện pháp, hình thức xử lý phù hợp đối với những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Kịp thời xử lý dứt điểm đơn, thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến các biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" và thông tin kết quả cho Nhân dân.

Chủ động nắm bắt diễn biến tư tưởng của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để có chủ trương, giải pháp xử lý kịp thời, hiệu quả. Tăng cường giáo dục phẩm chất đạo đức, trách nhiệm công vụ; rèn luyện phong cách làm việc dân chủ, khoa học, cụ thể, sâu sát cơ sở và gần dân, khắc phục tình trạng quan liêu, xa dân, vô cảm trước những khó khăn, bức xúc của Nhân dân cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Cần kiên quyết khắc phục hiện tượng nể nang, "dĩ hòa vi quý", đùn đẩy trách nhiệm, vì lợi ích cá nhân, cục bộ, phe

nhóm mà bao che khuyết điểm cho nhau. Theo đó, cấp trên phải gương mẫu với cấp dưới; đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt phải làm gương cho đảng viên thường, quần chúng. Kiểm điểm tự phê bình và phê bình là nhằm phát huy ưu điểm, tìm ra khuyết điểm, hạn chế để sửa chữa khuyết điểm, để tiến bộ.

c) Tạo sự đồng thuận của Nhân dân

Một trong những nguyên lý xây dựng Đảng Cộng sản là Đảng phải chăm lo củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Nhân dân là động lực của cách mạng, sức mạnh của Đảng. Vì vậy, trong hoạt động lãnh đạo và công tác xây dựng Đảng, Đảng phải luôn dựa vào Nhân dân, phát huy sức mạnh của Nhân dân. Riêng đối với việc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ Đảng của một bộ phận cán bộ, đảng viên càng phải dựa vào Nhân dân, tạo được sự đồng tình, ủng hộ của Nhân dân.

Thực hiện nghiêm Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12-12-2013 của Bộ Chính trị về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; quy định về việc Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Tăng cường công tác dân vận - dân chủ trong các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp; phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, Nhân dân, báo chí và công luận trong việc thực hiện vai trò giám sát và đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi

các biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Tập trung giải quyết kịp thời, dứt điểm những vấn đề bức xúc của Nhân dân.

Thực hiện nghiêm túc việc tiếp dân định kỳ hoặc đột xuất để tiếp nhận thông tin, lắng nghe, đối thoại trực tiếp và xử lý những phản ánh, kiến nghị của Nhân dân, nhất là những biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng và thực hiện cơ chế bảo vệ, khuyến khích người dân phản ánh, tố giác và tích cực đấu tranh phòng, chống suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

d) Đổi mới công tác tổ chức và cán bộ

Đổi mới và tăng cường công tác cán bộ và quản lý cán bộ trong hệ thống chính trị. Cải cách cơ chế thi cử, tuyển dụng, đánh giá, đề bạt cán bộ để các công việc này diễn ra thực sự khách quan, công bằng, công khai theo tinh thần trọng dụng người hiền tài. Trong công tác tuyển chọn, đề bạt cán bộ cần chú trọng yếu tố đức độ và tài năng. Cần coi thi tuyển là một công cụ giúp lựa chọn được người công chức có năng lực, kết hợp với kết quả đánh giá nhân cách trong quá trình công tác mà bố trí cán bộ cho phù hợp; đối với những chức vụ quan trọng cần lấy ý kiến một cách rộng rãi trong Nhân dân. Việc đánh giá cần tiến hành một cách thận trọng, công khai, dân chủ.

Triệt để xoá bỏ bao cấp, bảo đảm công khai, minh bạch các chế độ, chính sách, các khoản chi trả cho cán bộ, kể cả xăng xe, nhà đất cho cán bộ trung, cao cấp..., theo hướng tiền tệ hóa và đưa vào tiền lương, phụ cấp. Tiền lương phải bảo

đảm được các nhu cầu sống cơ bản của cán bộ. Bảo đảm cán bộ, công chức có thu nhập bằng tiền lương cao hơn mức trung bình của xã hội và hằng năm điều chỉnh theo mức tăng thu nhập quốc dân.

Thực hiện nghiêm, nhất quán nguyên tắc Đảng lãnh đạo công tác cán bộ trong hệ thống chính trị. Phát huy dân chủ, công khai, minh bạch trong quy trình đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, chú trọng ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, cấp ủy và Nhân dân để tránh chủ quan, lọt những phần tử cơ hội chính trị, chủ nghĩa cá nhân, ngăn chặn tình trạng "mua quan, bán chức". Xây dựng và thực thi cơ chế thực sự trọng dụng người có đức, có tài, trong đó đức là gốc.

Tổng kết, đánh giá và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức, Luật thi đua, khen thưởng; khẩn trương bổ sung quy định về việc xử lý nghiêm đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm, kể cả khi đã thôi việc, nghỉ hưu, chuyển công tác. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng với kỷ luật hành chính của Nhà nước.

Hoàn thiện các quy định về công tác cán bộ, khắc phục những bất hợp lý trong công tác cán bộ như phân công, phân cấp thẩm quyền quản lý, quy trình bổ nhiệm... nhằm bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, tổng thể, liên thông giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, chấn chỉnh, khắc phục tình trạng kén chọn vị trí, chức danh trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh quy hoạch cán bộ và đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ sau quy hoạch. Triển khai thực hiện việc đổi mới phương thức tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu theo hướng công khai, dân chủ, minh bạch.

Kiên quyết sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế, cho từ chức đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, yếu về năng lực, kém về phẩm chất đạo đức, tín nhiệm thấp mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cấp và những trường hợp người nhà, người thân của cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp có nhiều dư luận thắc mắc, không đồng tình và công khai kết quả xử lý.

đ) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương

Đẩy mạnh thực hiện các quy định về đạo đức công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương; trong đó, xây dựng, hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả các quy định, quy chế về chế độ trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, phong cách, lối sống, quy tắc ứng xử của cơ quan nhà nước, của đơn vị sự nghiệp công lập, của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; chú trọng xây dựng hệ thống chuẩn mực ứng xử các mối quan hệ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động với doanh nghiệp và với Nhân dân.

Người đứng đầu và từng cán bộ, công chức, viên chức phải có bản cam kết rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không có biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập phải kiểm tra việc thực hiện của cán bộ, công chức, viên chức ở cơ quan, địa phương, đơn vị mình.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; chấm dứt tình trạng ăn uống, liên hoan, khi hội họp, được đề bạt, thuyên chuyển công tác và việc tổ chức cưới hỏi, ma chay, giỗ, tết... xa hoa, lãng phí, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, gây

phản cảm trong dư luận xã hội. Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc bố trí, sử dụng phương tiện tham gia đoàn công tác của lãnh đạo Chính phủ đi địa phương.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; phát huy vai trò của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, điều tra để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Trước mắt, tập trung xử lý ngay, dứt điểm đối với các dự án thất thoát, thua lỗ lớn, lãng phí, những vụ việc tham nhũng, tội phạm kinh tế và tội phạm về chức vụ nghiêm trọng, phức tạp... được dư luận xã hội, Nhân dân quan tâm. Xử lý nghiêm minh đối với những cán bộ, công chức, viên chức sai phạm theo quy định của pháp luật.

Thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định; xây dựng và hoàn thiện cơ chế giải trình và giám sát việc tăng giảm tài sản của cán bộ, công chức, viên chức. Cơ quan đề xuất đề bạt, bổ nhiệm cán bộ phải tiến hành thẩm định, xác minh, đánh giá tính trung thực của việc kê khai tài sản, thu nhập và công khai theo quy định.

e) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, xử lý nghiêm đối với hành vi vi phạm

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, xác lập hành lang pháp lý cho hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước cũng như cụ thể hóa quyền và nghĩa vụ của công dân. Đối với tổ chức bộ máy, hệ thống pháp luật hoàn chỉnh là cơ sở cho hoạt động phân công, phân cấp trong quản lý, xác lập nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, cá nhân và là cơ sở để đổi mới hoạt động quản lý nhà nước theo hướng năng động, hiệu quả. Từ đó, mỗi công dân, công chức

đều ý thức được quyền, trách nhiệm cơ bản của mình đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của tòa án hành chính trong giải quyết yêu cầu, khiếu nại của công dân đối với quyết định hành chính và hành vi hành chính của công chức, bảo vệ lợi ích chính đáng của công dân một cách kịp thời.

Đối với từng công chức, hệ thống pháp luật hoàn chỉnh là cơ sở để hoàn thiện hệ thống thể chế về đánh giá, giám sát hoạt động của công chức, đặc biệt là cơ chế giám sát trực tiếp từ phía Nhân dân. Kết quả đánh giá công chức khách quan, trung thực vừa là cơ sở để tiến hành đề bạt, bổ nhiệm, khen thưởng hay kỷ luật, vừa thúc đẩy vai trò tích cực của công chức trong hoạt động quản lý. Công tác này đòi hỏi phải có sự phối hợp của tất cả các cơ quan, ban ngành, Nhân dân nhằm tạo nên cơ chế giám sát lẫn nhau một cách chặt chẽ.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 8-11-2011 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 nhằm mục tiêu "giải phóng lực lượng sản xuất, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển đất nước"[1].

1. Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 8-11-2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, Hà Nội, 2011.

KINH NGHIỆM TRUNG QUỐC VỀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC LIÊM CHÍNH, TRÁCH NHIỆM VÀ CHUYÊN NGHIỆP

PGS.TS. LƯU VĂN AN
TS. PHẠM THỊ HOA*

Trung Quốc là quốc gia có diện tích lớn thứ ba trên thế giới với dân số trên 1,3 tỉ người. Là một quốc gia chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa Á Đông, giống như nhiều quốc gia Đông Á khác, Trung Quốc duy trì chế độ công chức theo mô hình chức nghiệp với hệ thống cấp bậc chặt chẽ. Theo đó, cấp bậc lương của công chức nhà nước được chia thành 15 bậc. Ở bậc 1, cao nhất là Thủ tướng Quốc vụ viện, và thấp nhất là từ bậc 10 đến 15 dành cho các nhân viên công tác. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo là những người giữ các chức vụ có chức năng tổ chức quản lý, quyết sách, chỉ huy, đó là cán bộ từ phó phòng đến thủ tướng, có 10 bậc. Kỳ thi công chức ở Trung Quốc được ví như "nghìn quân, vạn mã chen cầu độc mộc", bởi tỷ lệ "chọi" còn lớn hơn cả kỳ thi đại học. Có thể nói, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức ở một quốc gia đất rộng, người đông như Trung Quốc không bao giờ là

* Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

đơn giản. Tuy nhiên, Chính phủ Trung Quốc đã có những nhận thức, điều chỉnh kịp thời, bắt kịp xu hướng để tạo ra những kết quả to lớn trong quá trình xây dựng đội ngũ công chức liêm chính, trách nhiệm và chuyên nghiệp. Với những điểm tương đồng khá rõ nét về văn hóa, điều kiện kinh tế - xã hội, mô hình quản lý công chức, Việt Nam có thể tìm được những bài học có giá trị, tính tham khảo cao từ kinh nghiệm xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ công chức của Trung Quốc hiện nay

1. Kinh nghiệm trong tuyển dụng công chức

Chế độ tuyển dụng công chức nhà nước của Trung Quốc là một chế độ quản lý nhân sự mà các cơ quan hành chính tuyển dụng những người có năng lực thực sự vào làm việc, đảm nhiệm các vị trí từ trưởng phòng trở xuống. Quá trình này được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ, bằng phương pháp thi sát hạch. Nội dung bao gồm: nguyên tắc tuyển dụng, điều kiện tư cách tuyển dụng, phương pháp và quy trình tuyển dụng, tổ chức công tác tuyển dụng... Kỳ thi công chức được chia thành hai cấp: cấp quốc gia và cấp địa phương (tỉnh, huyện). Kỳ thi đầu tiên được tổ chức vào tháng 6-1994. Từ năm 2002, thời gian thi công chức cấp quốc gia được tổ chức vào một thời điểm cố định, thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự thi vào giữa tháng 10 của năm trước, thời gian thi vào 2 ngày cuối của tuần thứ 4 thuộc tháng 11 năm sau. Thời gian thi công chức từ cấp tỉnh, huyện không cố định. Thí sinh sẽ phải trải qua hai vòng thi: thi viết, phỏng vấn và trắc nghiệm tâm lý. Vòng thi viết gồm môn thi chung và môn chuyên ngành. Mục đích của vòng thi viết là kiểm tra năng

lực hành chính, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên ngành của thí sinh. Còn vòng thi phỏng vấn và trắc nghiệm tâm lý để kiểm tra năng lực tổng hợp và tố chất cá nhân của thí sinh. Đối với vòng thi viết, thí sinh phải vượt qua phần thi trắc nghiệm, khuynh hướng năng lực nghề nghiệp và thi tự luận. Phần trắc nghiệm khuynh hướng năng lực nghề nghiệp bao gồm: suy luận, lôgích, ngôn ngữ học, kiến thức cơ bản, tính toán số liệu... Phần thi tự luận, thí sinh được cung cấp một số tài liệu, sau đó yêu cầu thí sinh biết chắt lọc ra những vấn đề cần thiết, đưa ra phương án giải quyết và viết thành một bài nghị luận. Muốn làm tốt phần thi này, thí sinh phải có quá trình tích lũy kiến thức lâu dài, quan tâm nhiều đến thời sự và các vấn đề "nóng" trong xã hội.

Trung Quốc cũng đã triển khai toàn diện việc thi tuyển công khai, nghiêm túc để lựa chọn người tài vào các cơ quan chính quyền các cấp. Từ năm 2000, các tỉnh, thành phố, khu tự trị của Trung Quốc đã thực hiện thông báo công khai việc tuyển người mới vào bộ máy chính quyền. Một số địa phương còn có sự đột phá trong xem xét tư cách và khu vực để tuyển chọn người tài. Nhờ thông báo thi tuyển công khai, tính đến đầu năm 2000 đã có hơn 2.000 người xuất thân từ nông dân và hơn 10.000 người xuất thân từ công nhân được tuyển dụng vào làm công chức nhà nước[1].

Nhiều ban, ngành ở Trung ương và địa phương đã thực hiện "cạnh tranh công bằng" để được đảm nhiệm chức vụ,

---

1. Xem: Trịnh Cư, Nguyễn Duy Hùng, Lê Văn Yên: *Kinh nghiệm xây dựng đội ngũ cán bộ ở Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.21.

cương vị, do đó có nhiều nhân tài được tuyển dụng làm việc trong các cơ quan nhà nước. Tháng 7-1998, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Bộ Nhân sự thuộc Quốc vụ viện đã phối hợp ban hành văn bản "Ý kiến về việc thực hiện cạnh tranh để được đảm nhiệm chức vụ và cương vị trong các cơ quan Đảng và Nhà nước", trong đó quy định cụ thể về tư tưởng chỉ đạo, phạm vi áp dụng, trình tự, tổ chức lãnh đạo đối với việc cạnh tranh giữ các chức vụ và cương vị công tác và những điều kiện cơ bản cho những người muốn tham dự vào cuộc đua tài này. Kết quả của việc thực hiện chủ trương này là nhiều nhân tài ưu tú được tuyển chọn và giữ các cương vị khác nhau trong cơ quan đảng và chính quyền các cấp, đồng thời góp phần minh bạch công tác cán bộ.

2. Kinh nghiệm đào tạo, đánh giá công chức

Ở Trung Quốc, việc thực hiện chế độ thi tuyển và đánh giá công chức, có sự kết hợp giữa sát hạch thường xuyên với sát hạch cuối năm; đồng thời gắn kết quả sát hạch với việc khen thưởng, tăng lương, thăng, giáng chức. Ngay trong bản "Điều lệ tạm thời về công vụ viên nhà nước" có hiệu lực từ ngày 1-10-1993 đã quy định: các cơ quan hành chính nhà nước căn cứ vào quyền hạn quản lý của mình, tiến hành sát hạch toàn diện các mặt đạo đức, năng lực, tinh thần làm việc và thành tích công tác, trong đó trọng điểm là sát hạch thành tích công tác thực tế. Kết quả sát hạch hằng năm được chia thành ba loại: xuất sắc, đáp ứng nhiệm vụ và không đáp ứng nhiệm vụ, lấy đó làm căn cứ để khen thưởng, bồi dưỡng, cho từ chức hoặc điều chỉnh lại chức vụ, cấp bậc và tiền lương.

Việc đào tạo thường xuyên với công chức cũng được chú trọng. Trung Quốc rất coi trọng công tác đào tạo đội ngũ công chức nhà nước, coi đây là một phần trong chiến lược thực hiện và đẩy nhanh quá trình cải cách chế độ công vụ. Việc đào tạo công chức nhà nước quán triệt các nguyên tắc "lý luận gắn với thực tế", "học đi đôi với hành", "cần gì dạy nấy", coi trọng hiệu quả thiết thực. Việc đào tạo cán bộ, công chức được chú trọng một cách toàn diện từ thiết kế hệ thống chương trình đào tạo; xây dựng đội ngũ giảng viên; phương pháp giảng dạy; đánh giá việc đào tạo; các nguồn kinh phí dành cho đào tạo; các xu hướng trong hệ thống đào tạo. Trong thiết kế hệ thống chương trình đào tạo, nội dung gồm khóa học cơ bản và khóa học chuyên môn, trong đó thời lượng khoá học chuyên môn là 70%, còn 30% thời lượng dành cho khóa học cơ bản. Điều này chứng tỏ, Trung Quốc rất chú trọng đào tạo về chuyên môn nói chung và về kỹ năng nghề nghiệp cho các loại công chức ở các cấp nói riêng.

Hệ thống đào tạo công chức ở Trung Quốc được đánh giá là có vai trò đáng kể trong việc đảm bảo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Tuy nhiên, với sự phát triển của cải cách và mở cửa ngày càng sâu rộng, đội ngũ công chức buộc phải đối mặt với những thách thức mới, những đổi mới và cải cách liên tục. Hiện nay, Trung Quốc đang hướng tới những cải cách sau: 1- Chuẩn hóa, hệ thống hóa, chuyên môn hóa và quốc tế hoá; 2- Nâng cao các điều kiện đào tạo; 3- Đa dạng hóa các hình thức đào tạo.

3. Kinh nghiệm trong thực hiện chế độ đãi ngộ công chức

Trong thời gian qua có hiện tượng nhiều công chức bỏ

việc vì mức lương thấp, vì vậy Trung Quốc đã chủ trương tăng lương cho công chức để cải thiện năng suất lao động, giảm nạn tham nhũng và buộc công chức phải có trách nhiệm hơn đối với công việc. Về tiền lương, ở Trung Quốc có lương cấp bậc, lương cơ sở và lương thâm niên. Ngoài ra, công chức còn được hưởng tiền trợ cấp vùng và các loại trợ cấp khác. Nhìn chung, mức lương bình quân của các nhân viên tương đương của doanh nghiệp nhà nước. Nhà nước căn cứ vào sự biến động chỉ số giá tiêu dùng và sự phát triển kinh tế quốc dân để có kế hoạch nâng cao tiêu chuẩn lương của công chức, làm cho đồng lương thực tế của họ không ngừng được nâng lên. Ngoài ra, công chức còn được hưởng các loại bảo hiểm phúc lợi theo quy định của Nhà nước. Chính vì vậy, có nhận định rằng, chế độ đãi ngộ cán bộ công chức của Trung Quốc có thể nói là vẹn toàn. Theo *Công nhân nhật báo*, 90% lao động Trung Quốc không vào được hệ thống bảo hiểm dưỡng lão (hưu trí) cơ bản, 85% công dân Trung Quốc không có bảo hiểm y tế cơ bản. Trong khi đó, ngoài các chế độ bảo hiểm thông thường, cán bộ công chức Trung Quốc còn được hưởng phụ cấp giao thông, nhà ở và các chế độ phúc lợi khác.

Trung Quốc cũng đang từng bước kiện toàn cơ chế khuyến khích đối với công chức, trong đó thưởng, phạt, thăng, giáng căn cứ vào kết quả của các đợt sát hạch. Từ năm 1994 đến năm 2000, 98% công chức làm việc trong cơ quan hành chính các cấp tham gia sát hạch đánh giá hằng năm, 20,8 triệu công chức trong số đó được xếp loại công chức xuất sắc, nếu ba năm liền được xếp loại xuất sắc sẽ

được tăng một bậc lương[1]. Cũng qua kết quả sát hạch, hơn 4.000 người không đạt yêu cầu đã bị giáng chức.

4. Kinh nghiệm trong thực hiện chế độ luân chuyển chức vụ và từ chức, sa thải công chức

Theo yêu cầu của Trung ương Đảng và Quốc vụ viện Trung Quốc, trên cơ sở thí điểm, tháng 7-1996, Bộ Nhân sự thuộc Quốc vụ viện đã ban hành văn bản "Biện pháp tạm thời luân chuyển chức vụ công chức nhà nước" nhằm thực hiện việc luân chuyển có kế hoạch đối với những người giữ chức vụ lãnh đạo và những chức danh thuộc diện "điểm nóng" như quản lý người, quản lý tài chính, quản lý vật tư... Do đó, tính đến cuối năm 2000, đã có hơn 400.000 công chức Trung Quốc được luân chuyển cương vị[2].

Tháng 7-1995, Bộ Nhân sự cũng ban hành bản "Quy định tạm thời về việc từ chức, sa thải công chức nhà nước". Theo đó, cho phép những người không thích ứng với công tác trong cơ quan nhà nước có thể từ chức đi làm việc khác, còn những người không chịu làm việc, không tận tụy với công việc, mắc sai lầm, khuyết điểm sẽ bị sa thải. Tính đến năm 2000 đã có hơn 11.300 công chức bị sa thải và hơn 11.000 công chức tự nguyện từ chức đi tìm công việc khác, góp phần tinh gọn, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức.

5. Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng trong đội ngũ công chức

Ở Trung Quốc, tham nhũng từ lâu đã phát triển thành

1, 2. Xem: Trịnh Cư, Nguyễn Duy Hùng, Lê Văn Yên: *Kinh nghiệm xây dựng đội ngũ cán bộ ở Trung Quốc*, *Sđd,* tr.23.

"quốc nạn", được coi là nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của đảng, của chế độ và của đất nước. Do đó, các thế hệ lãnh đạo của Trung Quốc qua từng thời kỳ đều rất coi trọng vấn đề chống tham nhũng, thanh lọc đội ngũ cán bộ, công chức. Để phòng tham nhũng, từ sau Đại hội XVIII, Tổng Bí thư Tập Cận Bình đã nêu lên một loạt yêu cầu nhằm cụ thể hóa công tác xây dựng đội ngũ cán bộ ở các ban, ngành, địa phương khác nhau như: "3 điều cần phải", "5 kiên trì", "3 đặc biệt", "5 chắc", "4 trung thành", "4 có", "4 loại người", "3 nghiêm 3 thực", "4 cương quyết"... được các học giả Trung Quốc khái quát thành bộ tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5 để chọn cán bộ tốt. Đặc biệt, trong tuyển chọn và bổ nhiệm cán bộ, Tập Cận Bình đã nêu ra "5 kiên trì" và "5 sử dụng". Đó là: "Kiên trì phẩm chất làm gốc, sử dụng cán bộ có thể tin cậy được; Kiên trì trách nhiệm làm trọng, sử dụng cán bộ dám chịu trách nhiệm; Kiên trì làm việc thực tế, sử dụng cán bộ dám đi sâu sát vào thực tiễn; Kiên trì ý dân trên hết, sử dụng cán bộ có uy tín tốt, được lòng dân; Kiên trì liêm khiết làm quý, sử dụng cán bộ biết tự mình giữ vững kỷ luật"[1]. Những nỗ lực và quyết tâm này không ngoài mục đích đào tạo và lựa chọn đội ngũ công chức có đủ đức và tài để phụng sự đất nước, hoàn thành sự nghiệp. Đó là phương châm để phòng tham nhũng từ bên trong.

Tuy nhiên, trước tình trạng tham nhũng trở thành quốc nạn và vẫn có xu hướng gia tăng, chống tham nhũng được

---

1. Dẫn theo Nguyễn Xuân Cường: Báo cáo tổng quan đề tài cấp bộ "Cải cách thể chế chính trị ở Trung Quốc sau Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc", Hà Nội, 2016, tr.102.

coi là nhiệm vụ trung tâm, trực tiếp. Từ khi lên làm Tổng Bí thư kiêm Chủ tịch nước (năm 2012), Tập Cận Bình đã quyết tâm tập trung lực lượng tuyên chiến với nạn tham nhũng, lợi ích nhóm, tạo đột phá mở đường cho cải cách theo chiều sâu một cách toàn diện. Chiến dịch chống tham nhũng do ông tổ chức và lãnh đạo không những nhằm "đánh hổ", "diệt ruồi" mà còn "bắt cáo", được "bài binh bố trận" rất khôn khéo, tiến hành quyết liệt và được quần chúng ủng hộ. Riêng trong năm 2014, Trung Quốc đã điều tra tất cả 40 quan chức các cấp từ cấp tỉnh trở lên trong đó có cả tướng trong quân đội, trung bình mỗi tháng điều tra 3 cán bộ vi phạm kỷ luật, nhiều "con hổ" lớn đã bị xử lý[1]. Theo số liệu của Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương Trung Quốc, từ năm 2012 đến 2017, đã có trên 1,34 triệu quan chức, trong đó có cả Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng, bị trừng trị vì tham nhũng.

6. Một số kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam

Cán bộ và công tác cán bộ là yếu tố quyết định mọi công việc của các tổ chức, cơ quan. Qua tham khảo kinh nghiệm Trung Quốc về công tác cán bộ, công chức, chúng ta có thể rút ra được nhiều bài học:

- Đẩy mạnh dân chủ, công khai, minh bạch về thông tin tuyển dụng để tạo ra sự cạnh tranh công bằng trong việc ứng tuyển vào các vị trí trong các cơ quan nhà nước. Đảng, Nhà

1. Dẫn theo Nguyễn Xuân Cường: *Báo cáo tổng quan đề tài cấp bộ: "Cải cách thể chế chính trị ở Trung Quốc sau Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc", Sđd,* tr.81.

nước cần ban hành những văn bản, yêu cầu các cơ quan, tổ chức phải thực hiện việc công khai, minh bạch trong thi tuyển, tuyển dụng các chức vụ, vị trí công tác, và phải thực hiện nghiêm túc. Không để xảy ra tình trạng "chọn người nhà chứ không chọn người tài", "con ông cháu cha"...

- Chú trọng chế độ đãi ngộ công chức nhà nước để nâng cao chất lượng đội ngũ, thu hút và giữ chân người tài, tạo lợi thế cạnh tranh với khu vực tư nhân. Chúng ta cũng nên tham khảo chế độ đãi ngộ công chức của Trung Quốc để cải thiện chế độ lương, thưởng, phụ cấp công chức nước ta. Đây vừa là cách chống tiêu cực hữu hiệu nhất vừa thu hút được nhân tài.

- Đánh giá, sát hạch công chức thường xuyên, khách quan, nghiêm ngặt và dựa vào kết quả đánh giá, sát hạch để điều chỉnh chế độ đối với đội ngũ công chức. Làm tốt công tác thi đua hằng năm, khen thưởng, kỷ luật nghiêm minh, khách quan, tạo ra chế độ cạnh tranh lành mạnh trong cơ quan, đơn vị. Kết quả đánh giá cán bộ, công chức gắn với các lợi ích thiết thực: tăng lương, thưởng, đề bạt, bổ nhiệm...

- Từng bước xây dựng văn hóa từ chức, tạo môi trường xã hội thuận lợi để thúc đẩy các hành động từ chức của những công chức không đủ điều kiện công tác, đồng thời tăng cường sự giám sát, phản biện của xã hội và người dân đối với các cán bộ, công chức, qua đó tăng áp lực, cũng là tạo ra động lực đòi hỏi họ phải luôn cố gắng, phấn đấu để làm tốt hơn công việc của mình, tránh tình trạng trì trệ, quan liêu, làm cho bộ máy cồng kềnh mà hiệu quả hoạt động thấp.

Suy cho cùng, mọi luật pháp, quy định, chế độ cũng chỉ là điều kiện quan trọng, yếu tố quyết định vẫn là con người, là ý chí quyết tâm của đội ngũ cán bộ, công chức, trước hết là

đội ngũ cán bộ, công chức cấp cao. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất phải nêu gương liêm chính, phục vụ nhân dân, được thể hiện cụ thể trong công việc hằng ngày, sẽ tác động đến các đầu mối và sẽ lan rộng ra cả hệ thống chính trị trên cả nước. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta phải xây dựng chiến lược về công tác cán bộ, công chức, rà soát lại tất cả các khâu, để có những quy định chặt chẽ, hiệu quả nhằm tăng cường ý thức trách nhiệm, ý thức phục vụ, đồng thời răn đe những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, quan liêu. Phải lựa chọn những người liêm khiết, tận tụy, chuyên nghiệp làm việc trong các cơ quan tổ chức - cán bộ các cấp, từ đó có nhiều sáng kiến, đề xuất để xây dựng bộ máy nhà nước gọn, nhẹ, hiệu quả, đội ngũ cán bộ, công chức có đủ đức và tài, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế.

XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ - THỰC TIỄN CỦA MỘT SỐ NƯỚC VÀ GỢI Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS. TS. NGUYỄN QUỐC DŨNG*

Đạo đức của nhà quản lý công là một trong những cơ sở để thực hiện "quản trị tốt". Chính vì lẽ đó, L.D.While cho rằng: "Đạo đức của công chức có vai trò quyết định các quan hệ bên trong và bên ngoài của họ"[1]. Để hoạt động thực thi công vụ thực hiện được mục đích công, cần có cơ chế kiểm soát và giám sát nhất định. Trong xã hội hiện đại, những cơ chế này chính là sự kiểm soát, giám sát từ bên ngoài và cơ chế tự kiểm soát bên trong của chủ thể hành vi. Cơ chế kiểm soát, giám sát từ bên ngoài tuy quan trọng và rất cần thiết, nhưng chưa đủ. Bởi vì, "pháp luật và chính sách của tổ chức không đủ cụ thể để điều chỉnh mọi tình huống trong hoạt động hành chính; sự tham gia của người dân cũng không thể giám sát mọi hành vi hành chính hằng ngày; sự giám sát của cấp trên cũng có hạn. Do đó, chỉ có phẩm chất đạo đức cá nhân mới có thể bảo đảm sự hài hòa giữa mục tiêu của cá nhân với

---

* Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị khu vực IV.

1. L.D.While: *Introduction to the Study of the Public Administration,* p.251.

mục tiêu của tổ chức"[1]. Trong những thập niên vừa qua, cùng với việc coi trọng dân chủ và pháp quyền, nhiều nước trên thế giới mà điển hình là các nước OECD đều rất coi trọng xây dựng đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức. Những kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về xây dựng đạo đức công vụ có giá trị tham khảo nhất định đối với Việt Nam hiện nay.

1. Kinh nghiệm về xây dựng đạo đức công vụ của một số nước trên thế giới

Từ thực tiễn một số nước trên thế giới, nhất là thực tiễn của Mỹ, Canađa, Nhật Bản, Anh... có thể rút ra một số kinh nghiệm về xây dựng đạo đức công vụ như sau:

Thứ nhất, xác lập được những giá trị, chuẩn mực cơ bản của đạo đức công vụ. Các quy định pháp luật về đạo đức công vụ của các nước đều hướng đến việc duy trì và bảo vệ các giá trị, nguyên tắc cốt lõi của đạo đức công vụ. Chẳng hạn, các nguyên tắc đạo đức công vụ ở Anh được xác định là: liêm chính, chính trực, công bằng, dân chủ, vô tư, trách nhiệm, công khai, khách quan và thành thực; Ở Nhật Bản là: liêm chính, trách nhiệm, lợi ích công; ở Canađa: dân chủ, chuyên nghiệp, lợi ích công và nhân bản[2]. Ở Hoa Kỳ, các nguyên tắc của đạo đức công vụ được phục vụ lợi ích công, tôn trọng hiến pháp và pháp luật, chính trực cá nhân, nâng cao năng lực của tổ chức, nỗ lực theo đuổi kết quả tốt trong thực thi công vụ[3].

---

1. Teery L.Cooper: *The Resbonsible Administrator an approach to Ethics for Administrative Role,* San Francisco, Oxford, 1990.

2. Nguyễn Trọng Hòa: "Đạo đức công vụ và việc xây dựng đạo đức công vụ ở nước ta hiện nay", Tạp chí *Tuyên giáo*, số 6, 2017.

3. American Society for Public Administration, www.aspanet.org.

Xuất phát từ tính đặc thù về thể chế chính trị, văn hóa, lịch sử và truyền thống nên các chuẩn mực, nguyên tắc của đạo đức công vụ có sự khác biệt nhất định ở mỗi quốc gia dân tộc. Tuy nhiên, dù đặc thù như thế nào thì các giá trị, chuẩn mực đạo đức công vụ cơ bản được hầu hết các quốc gia thừa nhận đó chính là: phục vụ công (hay phục vụ nhân dân); lợi ích công; trách nhiệm công (gồm có trách nhiệm chính trị, trách nhiệm pháp luật, trách nhiệm hành chính và trách nhiệm đạo đức)[1]; công bằng xã hội; hiệu năng kinh tế và dân chủ.

Thứ hai, thể chế hóa đạo đức công vụ thành pháp luật. Thông qua pháp luật để xác lập nên các nguyên tắc của đạo đức công vụ và thúc đẩy việc thực hành đạo đức công vụ là một phương diện không thể thiếu trong xây dựng đạo đức công vụ. Chính vì lẽ đó, đến nay, nhiều quốc gia trên thế giới đã ban hành luật đạo đức công vụ. Hoa Kỳ là một trong những quốc gia đã sớm ban hành luật và các quy định có liên quan về đạo đức công vụ. Tháng 8-1958, Quốc hội Mỹ đã thông qua quyết định về "Chuẩn tắc đạo đức khu vực chính phủ". Năm 1965, Tổng thống Hoa Kỳ đã ban hành "Lệnh của Tổng thống về đạo đức công vụ". Đến năm 1978, Hoa Kỳ chính thức ban hành Luật đạo đức chính phủ. Luật này đã có nhiều quy định cụ thể về các phương diện khác nhau, nhất là những quy định cụ thể về chế độ công khai tài sản và điều lệ quản lý công chức sau khi nghỉ hưu. Sau đó, Luật này đã được sửa đổi qua các năm 1979, 1982, 1983, 1988. Năm 1989, Quốc hội Mỹ đã thông qua "Luật cải cách đạo đức"; năm 1999,

---

1. Nguyễn Trọng Bình: "Tiếp tục đổi mới quản trị công hướng đến nền quản trị quốc gia hiện đại ở Việt Nam hiện nay", Tạp chí *Cộng sản điện tử,* 2014.

Chính phủ Mỹ đã ban hành "Chuẩn tắc hành vi đạo đức của quan chức chính phủ và công chức". Năm 1993, Văn phòng Đạo đức công vụ của Chính phủ Hoa Kỳ đã ban hành quy định về đạo đức công vụ mang tính cụ thể hơn, đó chính là "Chuẩn tắc hành vi đạo đức của công chức khu vực công". Ngoài các luật, văn bản luật do Liên bang ban hành, đến nay, đại bộ phận các bang của Hoa Kỳ cũng đã ban hành các quy định về đạo đức công vụ. Ở Anh, đạo đức công vụ được quy định trong Luật phòng chống tham nhũng, Tiêu chuẩn hành vi của công chức hành chính cấp địa phương; Ở Canađa, đạo đức công vụ được quy định trong Luật đạo đức Chính phủ Canađa, Luật về xung đột lợi ích, Tiêu chuẩn hành vi trong phục vụ công... Đến nay, các nước như Pháp, Đức, Hà Lan, Na Uy, Ôxtrâylia... đã ban hành luật đạo đức công vụ. Ở châu Á, năm 1999, Nhật Bản đã ban hành Luật đạo đức công chức. Trên cơ sở Luật này, tháng 4-2000, Chính phủ Nhật Bản đã ban hành Quy định về đạo đức công chức nhà nước. Trong quy định này, ngoài việc nhấn mạnh ba nguyên tắc được nêu trong Luật đạo đức công chức nhà nước (công bằng, công tư phân minh, không nhận quà tặng), Chính phủ Nhật Bản còn bổ sung thêm hai nguyên tắc khác, đó là: 1- Trong quá trình thực thi công vụ, công chức phải đề cao trách nhiệm và lấy thúc đẩy lợi ích công làm mục đích; 2- Ngoài công việc, hành vi của công chức cũng sẽ tạo ra ảnh hưởng đối với hoạt động công vụ, do đó, công chức cần ý thức được điểm này và chú ý đến hành vi ngoài công việc thường ngày của mình. Năm 1981, Hàn Quốc đã ban hành Luật đạo đức công chức. Đến năm 1993, Luật này được điều chỉnh và sửa đổi theo hướng cụ thể hơn. Hiện nay, nhiều quốc gia khác ở châu Á cũng đã ban hành luật đạo đức công vụ.

Thứ ba, thành lập cơ quan chuyên trách về xây dựng đạo đức công vụ và quản lý đạo đức của công chức. Kinh nghiệm của nhiều quốc gia cho thấy, để thúc đẩy việc xây dựng đạo đức công vụ, cần phải thành lập cơ quan chuyên trách quản lý đạo đức công chức và xây dựng đạo đức công vụ. Ở mỗi quốc gia, chức năng của cơ quan này có sự khác biệt nhất định, nhưng điểm chung là đều thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn; chức năng xây dựng thể chế; chức năng giám sát; chức năng điều phối và hướng dẫn. Ở Hoa Kỳ, căn cứ Luật đạo đức Chính phủ được ban hành năm 1978, quốc gia này đã thành lập Văn phòng Đạo đức chính phủ thuộc Cục Quản lý Nhân sự Liên bang. Từ năm 1978 đến ngày 1-10-1989, Văn phòng này trực thuộc Cục Quản lý nhân sự liên bang. Từ năm 1989 đến nay, do tầm quan trọng của việc xây dựng đạo đức công vụ nên Văn phòng này trở thành một cơ quan độc lập thuộc Chính phủ Hoa Kỳ. Văn phòng đạo đức Chính phủ Hoa Kỳ yêu cầu mỗi một cơ quan trong hệ thống hành chính phải có một cán bộ đặc trách về vấn đề này nhằm thực hiện chức năng điều tiết, quản lý các vấn đề có liên quan đến đạo đức công vụ và đạo đức công chức. Văn phòng Đạo đức Chính phủ Hoa Kỳ thực hiện theo chế độ thủ trưởng, người đứng đầu do Tổng thống đề xuất và Quốc hội phê chuẩn. Chức năng chủ yếu của Văn phòng đạo đức Chính phủ Hoa Kỳ chính là ban hành chính sách về xây dựng đạo đức công vụ của Liên bang và tiến hành hướng dẫn, điều tiết và giám sát hoạt động xây dựng đạo đức công vụ của các cơ quan chính phủ. Văn phòng đạo đức chính phủ duy trì mối liên hệ chặt chẽ với 129 quan chức phụ trách phòng đạo đức công vụ của hệ thống hành chính; đồng thời thực hiện chức năng cung cấp thông tin, hướng dẫn và kiểm tra đối với hệ thống này. Hoa Kỳ còn

thành lập Phòng Giáo dục đạo đức công vụ để thực hiện chức năng giáo dục đạo đức công vụ cho 5 triệu công chức và biên soạn, cung cấp các tài liệu, giáo trình liên quan đến bồi dưỡng đạo đức công vụ. Phòng Giáo dục đạo đức công vụ không chỉ thực hiện chức năng đào tạo, bồi dưỡng về đạo đức công vụ theo yêu cầu của Tổng thống và hệ thống hành chính, mà còn phụ trách xuất bản "Bản tin đạo đức chính phủ", thực hiện vai trò thẩm tra, giám sát các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về đạo đức công vụ của các cơ quan có liên quan. Đồng thời, Phòng này còn điều phối hoạt động đánh giá đạo đức công vụ định kỳ hằng năm.

Ở Nhật Bản, cơ quan chuyên trách về xây dựng đạo đức công vụ là Ủy ban Thẩm tra đạo đức công chức trực thuộc Viện Nhân sự quốc gia. Ủy ban này gồm 5 thành viên, nhiệm kỳ của Ủy ban là 4 năm. Trên cơ sở Luật đạo đức công chức nhà nước, Ủy ban Thẩm tra đạo đức công chức xây dựng các quy định về đạo đức của công chức; thẩm tra các báo cáo có liên quan; tiến hành điều tra và xử lý đối với các hành vi vi phạm Luật đạo đức công chức nhà nước. Hàn Quốc cũng đã thành lập các ủy ban đạo đức công chức có thực quyền ở nhiều lĩnh vực và cấp độ khác nhau. Trong Quốc hội, Ủy ban Tài phán Hiến pháp, Ủy ban Quản lý bầu cử trung ương, chính phủ, các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương đều thành lập Ủy ban Đạo đức công chức. Đây là một ủy ban trung lập, chức trách chính là tiến hành thẩm tra đối với việc kê khai tài sản, hằng năm có báo cáo về tình hình hoạt động và báo cáo với Quốc hội; đồng thời, căn cứ vào quyền hạn của mình để xử lý các hành vi vi phạm Luật đạo đức công chức. Để phòng, chống tham nhũng có hiệu quả, Chính phủ Hàn Quốc còn thành lập cơ quan đặc trách việc điều tra đạo đức

đối với đội ngũ quan chức hành chính cấp cao, phụ trách việc điều tra và phối hợp xử lý các quan chức hành chính cấp cao có hành vi tham nhũng. Ở Anh, Tiểu ban Đạo đức công vụ (thuộc Văn phòng Nội các) và Ủy ban Tiêu chuẩn phục vụ công chính là những cơ quan chuyên trách về xây dựng đạo đức công vụ.

Thứ tư, tăng cường giáo dục đạo đức công vụ cho đội ngũ công chức và coi trọng việc đánh giá hoạt động thực thi công vụ của công chức. Giáo dục đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức là quá trình làm cho cán bộ, công chức hiểu được giá trị của đạo đức công vụ và tiêu chuẩn hành vi trong phục vụ công, qua đó khơi dậy động cơ đạo đức và thúc đẩy hành vi đạo đức của cán bộ, công chức. Cốt lõi của giáo dục đạo đức công vụ là làm cho cán bộ, công chức hiểu được vai trò và nghĩa vụ của mình, hiểu được giá trị và ý nghĩa của công việc mà bản thân mình đang thực hiện. Để tăng cường xây dựng đạo đức công vụ, nhiều nước trên thế giới đã rất coi trọng việc giáo dục đạo đức công vụ cho đội ngũ công chức. Hoạt động giáo dục đạo đức công vụ cho công chức được các nước thực hiện theo nhiều phương thức khác nhau, trong đó điển hình là các hình thức sau: *Một là,* giáo dục đạo đức công vụ cho công chức từ trong thực tiễn phục vụ công. Ở Nhật Bản, sau khi trải qua trình tự nhất định để trở thành công chức, các công chức được các cơ quan có liên quan cử đến các cơ sở như bệnh viện, trung tâm dưỡng lão... để phục vụ bệnh nhân, người già, người tàn tật. Điều này có tác dụng hình thành ý thức, thái độ phục vụ nhân dân của "người công bộc" khi họ trở thành công chức chính thức. *Hai là,* giáo dục đạo đức công vụ và bồi dưỡng ý thức "liêm chính" thông qua nghiên cứu tình huống. Để khắc phục tình trạng giáo dục đạo

đức công vụ thiên về lý thuyết, thiếu tính cụ thể, một số nước như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản... rất coi trọng việc cho công chức nghiên cứu các tình huống thực tế. Chẳng hạn, để bồi dưỡng ý thức liêm chính, một số trường Đảng cấp tỉnh của Trung Quốc mời một số người từng là quan chức nhưng đã bị kết án phạm tội tham nhũng đến "nói chuyện" với các học viên là các quan chức, cán bộ đương chức. Trong đó, người "kể chuyện" là người đã từng là quan chức kể với mọi người về các vấn đề như tại sao mình tham nhũng, những "cám dỗ" thường trực đối với quan chức khi bản thân có quyền lực trong tay, điều ăn năn và day dứt hiện tại khi đã bị kết án phạm tội tham nhũng. Hoa Kỳ và Nhật Bản thường thiết kế một chương trình riêng về bồi dưỡng và giáo dục đạo đức công vụ cho công chức, trong đó công chức được nghiên cứu những tình huống cụ thể trong thực tiễn liên quan đến đạo đức công vụ của công chức.

Bên cạnh việc tăng cường giáo dục và bồi dưỡng đạo đức công vụ cho cán bộ, công chức, hầu hết các quốc gia trên thế giới hiện nay đều rất coi trọng việc tăng cường đánh giá hoạt động thực thi công vụ của công chức. Việc đánh giá cán bộ, công chức liên quan đến nhiều yếu tố khác nhau như chủ thể đánh giá, tiêu chuẩn đánh giá, phương pháp đánh giá, trình tự đánh giá. Xét về chủ thể, ngoài đánh giá từ bên trong, ngày nay hầu hết các quốc gia đều coi trọng sự tham gia đánh giá của công dân và các tổ chức của công dân đối với hoạt động thực thi công vụ của cơ quan hành chính và đội ngũ công chức. Do quan niệm sự hài lòng của người dân là tiêu chí chủ yếu đánh giá chất lượng hoạt động của cơ quan hành chính và hoạt động công vụ của công chức nên nhiều quốc gia trao cho công dân những công cụ cần thiết để họ có

thể đánh giá. Tiêu chuẩn đánh giá cán bộ, công chức gồm nhiều khía cạnh khác nhau liên quan đến "đức" và "tài". Trong đó, nhiều nước rất coi trọng đánh giá về "đức" của công chức. Mặt khác, các tiêu chí đánh giá đối với đạo đức của công chức cũng được thiết kế theo hướng cụ thể, có thể đo lường và "lượng hóa" được. Chẳng hạn, thời gian qua, Trung Quốc đã đề ra các tiêu chí rất cụ thể để đánh giá tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống của cán bộ, công chức nhằm tạo cơ sở cho việc đánh giá "đúng" cán bộ, công chức. Một điểm liên quan đến vấn đề đánh giá đó là các nước đều gắn kết quả của hoạt động đánh giá với việc "sàng lọc", đưa khỏi đội ngũ những cán bộ, công chức yếu kém.

2. Một số gợi ý đối với Việt Nam hiện nay

Ý nghĩa và tầm quan trọng của đạo đức công vụ, yêu cầu của việc xây dựng nền hành chính dân chủ, pháp quyền, trách nhiệm, hiệu quả, liêm chính và phục vụ Nhân dân cũng như thực trạng về đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức ở Việt Nam hiện nay đang đặt ra nhu cầu cấp bách đối với việc xây dựng đạo đức công vụ. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh, xây dựng Đảng không chỉ là xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, mà còn là xây dựng Đảng về đạo đức. Đại hội khẳng định: "Tập trung thực hiện mục tiêu: "*Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức*"[1]. Trong những năm qua, bên cạnh việc nhấn mạnh sự tự rèn luyện và thực hành đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.202.

chúng ta cũng đã thông qua các biện pháp khác nhau nhằm nâng cao đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, tình trạng suy thoái về đạo đức của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và công chức là rất nghiêm trọng. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII của Đảng đã chỉ rõ: "Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước". Trên thực tế, 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên được Hội nghị nêu ra cũng là sự suy thoái về đạo đức công vụ của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức hiện nay. Để đáp ứng yêu cầu mới và từ việc tham khảo kinh nghiệm của một số nước, chúng ta cần quan tâm đến một số vấn đề sau:

Một là, thông qua tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận để xác định rõ những nguyên tắc, chuẩn mực cơ bản về đạo đức công vụ ở nước ta hiện nay. Nguyên tắc, chuẩn mực cơ bản về đạo đức công vụ chính là "linh hồn" của hoạt động thực thi công vụ. Quá trình thực thi công vụ là một quá trình thực tiễn hóa (thực hành) đạo đức, là quá trình con người sử dụng sức mạnh lý tính để áp chế cái ác, khích lệ, cổ vũ cái thiện và theo đuổi mục tiêu tốt đẹp. Cũng như các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, việc thực hành đạo đức công vụ cần sự hướng dẫn và điều tiết của các nguyên tắc đạo đức (chuẩn tắc đạo đức). Các nguyên tắc đạo đức công vụ vừa là chuẩn tắc cơ bản điều chỉnh các mối quan hệ trong quản lý hành

chính nhà nước, vừa là tiêu chuẩn đánh giá hành vi của các cơ quan hành chính nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức. Những nguyên tắc đạo đức này không phải bắt nguồn từ "mệnh lệnh tuyệt đối" nào đó như Kant đã nói, trái lại, nó bắt nguồn từ sự lý giải của chúng ta đối với bản chất của con người trong hiện thực, đối với bản chất xã hội của con người, đối với sứ mệnh và mục đích của hệ thống chính trị, nhất là hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa. Chính vì lẽ đó, việc xác định rõ những nguyên tắc, chuẩn mực này để định hướng cho hoạt động xây dựng thể chế, quy chế, tổ chức thực hiện và thực hành có ý nghĩa đặc biệt quan trọng ở nước ta hiện nay. Các nguyên tắc, chuẩn mực về đạo đức công vụ cụ thể cần được nghiên cứu một cách thỏa đáng, nhưng các giá trị, nguyên tắc sau đây là không thể thiếu, đó là phục vụ công (phục vụ nhân dân); lợi ích công; trách nhiệm công (trách nhiệm chính trị, trách nhiệm pháp luật, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm đạo đức); công bằng xã hội; hiệu quả thực thi công vụ và phát huy dân chủ.

Hai là, xây dựng và ban hành luật đạo đức công vụ. Hiện nay vấn đề đạo đức công vụ của cán bộ, công chức tuy đã được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, chẳng hạn như Luật cán bộ, công chức; Luật phòng chống tham nhũng..., nhưng chúng ta vẫn chưa có một luật riêng về đạo đức công vụ. Tham khảo kinh nghiệm của nhiều nước, cần nghiên cứu và ban hành luật đạo đức công vụ để làm cơ sở pháp lý cho hoạt động xây dựng đạo đức công vụ. Khi đạo đức công vụ được thể chế hóa thành pháp luật cũng có nghĩa là thông qua quy phạm pháp luật để xác định rõ nguyên tắc, chuẩn mực của đạo đức công vụ và thúc đẩy hành vi đạo đức công vụ. Việc thể chế hóa đạo đức công vụ thành pháp luật

cần bao hàm ba yếu tố: 1- Cần làm rõ phạm trù quan hệ mà nó điều tiết. "Pháp luật hóa" đạo đức công vụ không chỉ dừng lại ở việc nêu lên các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức công vụ, mà còn cần những quy định cụ thể về mục đích đạo đức, hành vi đạo đức và công cụ đạo đức trong quá trình cán bộ, công chức tiếp xúc, làm việc với cơ quan, xã hội, doanh nghiệp và cá nhân công dân. 2- Việc thực thi luật về đạo đức công vụ cần dựa vào mạng lưới giám sát. Theo đó, sự tự giác của cán bộ, công chức, sự kiểm soát bên trong của bộ máy hành chính, sự kiểm soát của đảng cầm quyền, cơ quan lập pháp, tư pháp, cơ quan kiểm tra, giám sát chuyên ngành và sự tham gia rộng rãi của xã hội là yêu cầu quan trọng để đảm bảo việc thực thi có hiệu quả pháp luật về đạo đức công vụ. 3- "Pháp luật hóa" đạo đức công vụ không phải lấy việc trừng phạt để giảm thiểu hành vi không đạo đức của cán bộ, công chức làm mục đích, mà là thông qua biện pháp cổ vũ, khích lệ để thức tỉnh lương tâm và hành vi đạo đức của cán bộ, công chức, thực hiện "đạo đức hóa" hoạt động của tổ chức công và hoạt động thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

Ba là, thành lập cơ quan chuyên trách về xây dựng văn hóa công vụ và quản lý đạo đức của công chức. Như đã nêu trên, do tầm quan trọng của đạo đức công vụ nên phần lớn các nước trên thế giới hiện nay đều thành lập cơ quan chuyên trách về xây dựng văn hóa công vụ và quản lý đạo đức của công chức. Ở nước ta hiện nay, tuy vấn đề nâng cao đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ được Đảng, Nhà nước và xã hội hết sức quan tâm, nhưng vẫn chưa có một cơ quan chuyên trách về xây dựng văn hóa công vụ. Tham khảo kinh nghiệm của các nước, *đối với Đảng,* chúng ta cần giao việc thực hiện chức năng quản lý đạo đức của cán bộ, đảng viên cho Ủy ban

Kiểm tra Trung ương và Ủy ban kiểm tra các cấp. Đối với Chính phủ, có thể thành lập Văn phòng đạo đức công vụ thuộc Chính phủ, hoặc có thể giao việc thực hiện chức năng quản lý đạo đức của cán bộ, công chức cho Thanh tra Chính phủ. Bên cạnh đó, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cũng cần thành lập cơ quan hoặc Ủy ban về đạo đức công vụ. Ngoài ra, trong bộ máy hành chính các cấp cũng cần có bộ phận chuyên trách về xây dựng văn hóa công vụ và quản lý đạo đức của công chức. Việc xác định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan này cũng như nên đặt cơ quan hay ủy ban này ở đâu cần tiếp tục nghiên cứu, nhưng vấn đề cốt lõi là cần đảm bảo tính độc lập của cơ quan hay ủy ban này.

Bốn là, tăng cường giáo dục đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức và thành lập cơ quan bồi dưỡng đạo đức công vụ. Đây là một mắt khâu không thể thiếu nhằm nâng cao đạo đức công vụ của cán bộ, công chức hiện nay. Do tầm quan trọng của đạo đức công vụ nên từ kinh nghiệm của nhiều nước, chúng ta cần thành lập cơ quan chuyên thực hiện chức năng giáo dục, bồi dưỡng đạo đức công vụ cho cán bộ, công chức. Ở nước ta hiện nay, có thể giao việc thực hiện chức năng đào tạo, bồi dưỡng về đạo đức công vụ cho cơ quan chuyên trách về xây dựng văn hóa công vụ và quản lý đạo đức công vụ (có thể là giao cho Văn phòng Đạo đức công vụ thuộc Chính phủ khi cơ quan này đã được thành lập). Về mặt hình thức, việc bồi dưỡng đạo đức công vụ cho cán bộ, công chức cần được tiến hành thường xuyên. Về phương pháp bồi dưỡng, cần thực hiện theo hướng đa dạng hóa, tức ngoài giáo dục và bồi dưỡng về lý luận, còn kết hợp với các phương pháp khác như xem phim, phân tích tình huống, "kể chuyện của nhân vật có thật"... Về nội dung giáo dục và bồi dưỡng, cần

thông qua nhiều hình thức và phương pháp khác nhau để bồi dưỡng cho cán bộ, công chức các nguyên tắc, chuẩn mực về phục vụ công, nhất là giáo dục, bồi dưỡng trách nhiệm phục vụ dân và tinh thần liêm chính, chí công vô tư cho đội ngũ cán bộ, công chức.

Năm là, tăng cường giám sát đối với hoạt động thực thi công vụ. Để hoạt động thực thi công vụ đáp ứng được kỳ vọng của xã hội và người dân, bên cạnh ý thức tự giác, lương tâm và trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, còn đòi hỏi cơ chế giám sát đối với hoạt động thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Do đó, tăng cường sự giám sát của nhiều kênh giám sát là một đòi hỏi không thể thiếu ở nước ta hiện nay. Theo đó, ngoài việc tăng cường sự giám sát nội bộ, cần coi trọng sự giám sát của cơ quan dân cử, cơ quan tư pháp, tổ chức đảng cũng như sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, báo chí và người dân. Trong đó, cần mở rộng sự tham gia đánh giá của người dân đối với chất lượng hoạt động của các cơ quan công quyền cũng như hoạt động thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức với phương châm "sự hài lòng của người dân là tiêu chí chủ yếu đánh giá chất lượng hoạt động của các cơ quan hành chính và đội ngũ cán bộ, công chức" như Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã chỉ rõ: "Xây dựng và thực hiện Quy định về việc lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với cơ quan, cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp; có hình thức xử lý đối với những tổ chức, cá nhân có chỉ số hài lòng thấp".

ĐÁNH GIÁ ĐẠO ĐỨC CÁN BỘ: PHƯƠNG PHÁP, KINH NGHIỆM VÀ HÀM Ý ĐỐI VỚI CÔNG TÁC ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG SUY THOÁI ĐẠO ĐỨC Ở VIỆT NAM

TS. NGUYỄN TRỌNG HÒA*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng lần đầu tiên đưa đạo đức thành một trong bốn trụ cột của công tác xây dựng Đảng, đó là: "*Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức*"[1]. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII như quyết tâm chính trị của Đảng nhằm ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nội dung Nghị quyết liên quan đến nhiều vấn đề, tuy nhiên chủ đề trung tâm và xuyên suốt vẫn là đạo đức và xây dựng đạo đức đội ngũ cán bộ, đảng viên. Từ xưa đến nay, đạo đức con người là vấn đề vô cùng phức tạp, không chỉ đối với giới học giả nước ta mà đối với học giả các nước trên thế giới. Một trong những nan đề gặp phải của nghiên cứu khoa học là liệu có thể đánh giá định lượng đạo đức con người, dùng cơ chế và phương pháp

---

* Ban Tổ chức Trung ương.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.202.

nào để đánh giá, dựa trên tiêu chí nào và chủ thể đánh giá nên như thế nào. Bài viết này đi sâu tìm hiểu ba nội dung chủ yếu: 1- Tổng thuật một số phương pháp nghiên cứu định lượng về đạo đức và đánh giá đạo đức; 2- Khái quát một số mô hình đánh giá và giám sát đạo đức cán bộ, công chức trên thế giới; 3- Đưa ra một số kết luận như là hàm ý chính sách đối với công tác đấu tranh phòng, chống suy thoái đạo đức trong đội ngũ cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay.

1. Các phương pháp nghiên cứu định lượng về đánh giá đạo đức

Người đầu tiên có công khai sáng phương pháp định lượng nhằm nghiên cứu, đánh giá đạo đức con người thuộc về nhà khoa học, F.M. Barnes người Anh và M.E. Schallenberger người Mỹ[1] vào thế kỷ XIX. Barnes và Schallenberger đã sử dụng phương pháp trắc nghiệm tình huống để khảo sát nhận thức và quan niệm về trừng phạt, tội lỗi, sám hối, sự chính trực, công bằng trong sự phát triển của trẻ vị thành niên, khai sáng nên trường phái học thuyết nhận thức xã hội về đạo đức (Social Cognitive Theory of Moral). Sau Barnes và Schallenberger, từ thế kỷ XIX đến nay, bằng hệ thống lý thuyết về nhận thức đạo đức kết hợp với tâm lý học thực chứng, các nghiên cứu về đạo đức con người đã đi theo hướng định lượng[2]. Có thể khái quát thành ba giai đoạn phát triển,

---

1. Kurt Danziger: *Historical Origins of Psychological Research*, Cambridge: Cambridge University Press 1990, ISBN: 9780521467858, 1990, p.217.

2. Albert Bandura: *Social Cognitive Theory of Moral Thought and Action*, in "Handbook of Moral Behavior and Development Volume 1: Theory", 1st Edition, ed. W.Kurtines and J. Gewirtz, Lawrence Erlbaum Associates, ISBN-13: 978-0805808803, 1991, p.88.

đồng thời cũng là ba mô hình nghiên cứu thực chứng điển hình về đạo đức:

a) Mô hình thực nghiệm: Phương pháp trắc nghiệm tình huống (Situational Judgement Tests)

G.G. Fernald (1912)[1] đã dùng bảng trắc nghiệm tình huống thông qua 10 tình huống cụ thể để khảo sát quan niệm và sự đánh giá về nhận thức đúng sai, thiện ác của cá nhân. S.C. Kohs (1922)[2] thông qua bảng trắc nghiệm với hệ thống từ khóa và thuật ngữ đạo đức để đánh giá nhận thức đạo đức của cá nhân đối với hành vi và chuẩn mực đạo đức. M.C. McGrath (1923)[3] lại dùng những câu chuyện tình huống có bổ sung thêm các câu hỏi mở để đo đếm sự phán đoán và phản ứng của trẻ em đối với các hành vi vi phạm quy phạm đạo đức. H. Woodrow (1926)[4] sử dụng phương pháp suy lý hình ảnh, thông qua hình ảnh để đo đếm mức độ tiếp nhận và chấp nhận của trẻ em (từ 6-11 tuổi) đối với các tiêu chuẩn đạo đức xã hội. H. Hartshorne và M.May (1930)[5], sử dụng

---

1. Fernald G.G: *The Defective Delinquent Differentiating Tests*, American Journal of Insanity, 1912(4), pp.523-594 (Peking University Digital Library Gateway: http://www.lib.pku.edu.cn/portal/en).

2. Kohs S.C: *An Ethical Discrimination Test*, Journal of Delinquency, 1922(7), pp.2-15.

3. M.C. McGrath: *A study of the Moral Development of Children*, Journal of Psychological Monographs, 1923, 32(2), pp.161-163.

4. H. Woodrow: *A Picture-Preference Character Test*, Journal of Educational Psychology, 1926(17), pp.519-531.

5. Hartshorne, H., and May, M.A. (1928-1930): *A Summary of the Work of the Character Education Inquiry*, in Three Volumes of the Report of the Character Education Inquiry: Studies in the nature of character, Vol.1: Studies in deceit; Vol.2 (with J.B. Maller, 1929), Studies in service and self-control; Vol. 3 (with F. K. Shuttleworth, 1930), Studies in the organization of character, New York: Macmillan.

phương pháp trắc nghiệm độ thành thực (Honesty Tests), theo đó, đã xây dựng những tình huống cố ý hàm chứa nhiều tình tiết, nội dung để khiến được hỏi nói dối, qua đó có thể đánh giá được mức độ thành thực của đối tượng được hỏi.

Đến năm 1955, H. Allimsmith và T.C. Greening[1] có công đưa phương pháp trắc nghiệm phóng chiếu (Projection Test) vào nghiên cứu nhận thức đạo đức của các học sinh phạm lỗi. Theo đó, từ các tình huống phạm lỗi khác nhau của học sinh, các ông đã khái quát thành những câu chuyện nhưng để ngỏ phần kết, để người được trắc nghiệm tự phóng tác, đưa ra các kết luận cho từng câu chuyện, qua đó phán đoán nhu cầu và tâm thế đạo đức của các em về các chuẩn mực đạo đức.

Điển hình cho nghiên cứu trắc nghiệm tình huống thuộc về J. Piaget. Trên cơ sở thuyết hiện thực đạo đức (Moral Realism) ông đã dùng phương pháp phỏng vấn quan sát (Observation Interviews Test) để khảo sát quy luật bốn giai đoạn trong hình thành, biến đổi và sự khác nhau trong nhận thức đạo đức để luận chứng cá tính khác nhau thì nhận thức và đặc trưng đạo đức cá nhân sẽ khác nhau thế nào (Piaget, 1965)[2]. L. Konlberg[3] đã phát triển một cách có hệ thống lý luận và phương pháp của J. Piaget, xây dựng nên phương pháp trắc nghiệm tiến thoái lưỡng nan về đạo đức (Moral Dilemma Discussion - MDD) và phương pháp phỏng vấn phán quyết

---

1. H. Allimsmith và T.C. Greening: *Guilt over Anger as Predicted from Parental Discipline: A study of Superego Development*, American Psychologist, 1955(10), pp.318-322.

2. Jean Piaget: *The Moral Judgment of the Child*, The Free Press, 1965, pp.312-315.

3. Konlberg. L: *The Philosophy of Moral Development: Moral Stages and the Idea of Justice* (Essays on Moral Development, Volume 1) Hardcover - July 1, 1981, pp.165-168.

(Moral Judgment Interview - MIJ) để xây dựng lý thuyết về "3 cấp độ 6 giai đoạn" trong phát triển đạo đức.

Nhìn chung, các nghiên cứu trắc nghiệm tình huống ở giai đoạn này chủ yếu mới chỉ ở dạng thức thực nghiệm ban đầu, phạm vi nghiên cứu phần lớn là ở trẻ em và lứa tuổi thanh thiếu niên đang ở giai đoạn định hình nhân cách, nhằm đưa đến một cái nhìn khách quan về trình độ nhận thức và phát triển đạo đức. Các tình huống trắc nghiệm là những tình huống giả thiết, dùng phản ứng và hành vi trực tiếp của đối tượng nghiên cứu để đưa ra những phán đoán về mức độ thành thục của các phẩm chất đạo đức.

b) Mô hình lượng hóa: Bảng hỏi và biểu khảo sát

Với các phương pháp trắc nghiệm tình huống, người ta nhận ra rằng việc dùng những tình huống thực tế đơn thuần để khảo sát nhận thức và hành vi đạo đức con người là quá giản đơn, không đủ để thể hiện rõ hiện trạng phẩm chất đạo đức của người được khảo sát. Bắt đầu từ những năm 1940 của thế kỷ XX, phương pháp nghiên cứu bằng bảng hỏi và biểu khảo sát định lượng bắt đầu được sử dụng trong đánh giá và khảo sát đạo đức. Người khởi xướng cho phương pháp này là hai nhà khoa học S.R. Hathaway và J.C. McKinley[1] thuộc Đại học Minnesota, Mỹ. Năm 1944, hai ông đã phát minh nên Biểu điều tra đa tính cách rất nổi tiếng (The Minnesota Multiphasic Personality Inventory - MMPI), góp phần bổ khuyết cho những hạn chế của phương pháp trắc nghiệm xử lý tình huống. Biểu điều tra đa tính cách khảo sát,

---

1. McKinley. J. C. & Hathaway, S. R.: *A multiphasic personality schedule (Minnesota): V. Hysteria, Hypomania, and Psychopathic Deviate*, Journal of Applied Psychology, 1944 (28), pp.150-173.

đánh giá nhân cách ở người trưởng thành độ tuổi từ 28-43, bao gồm 550 câu hỏi với ba phương án trả lời: đúng, sai và không biết. Theo hướng này, năm 1956, nhà tâm lý học người Mỹ R.B. Cattell[1] cũng xây dựng nên Bảng điều tra 16 thành tố nhân cách (16 Personality Factor Questionnaire - 16PF). Cattell cho rằng, đạo đức nhân cách cá nhân do 16 thành tố độc lập cấu thành, cấu trúc của nó ở mỗi cá nhân là không giống nhau. Năm 1964, nhà khoa học Anh H.J. Eysenck trên cơ sở những tổng kết cá nhân, cũng xây dựng Biểu điều tra tính cách con người (The Eysenck Personality Inventory - EPI)[2].

Tới đầu những năm 1970 của thế kỷ XX, người ta phát hiện ra rằng, hệ thống đánh giá đạo đức bằng trắc nghiệm tiến thoái lưỡng nan (Moral Dilemma Discussion - MDD) của Kohlberg quá phức tạp với tổng cộng các tình huống kiểm tra lên tới 700 trang, được mệnh danh là "hệ thống đánh giá đạo đức nhiều cống hiến khoa học nhưng phức tạp nhất". Vì thế, đến năm 1974, học trò của Kohlberg là J. Rest đã cải tiến và phát minh ra hệ thống đánh giá hạn định theo vấn đề (Defining Issues Test - DIT), làm cho kết quả khảo sát và cách tính điểm trở nên rõ ràng và dễ áp dụng hơn. Về sau, phương pháp này của J. Rest được Trung tâm Nghiên cứu Phát triển đạo đức thuộc Đại học Alabama sử dụng rất hiệu quả[3].

---

1. Cattell R.B.: *Personality and Motivation Structure and Measurement*, World Book Co (1957), pp.154-165.

2. Carla Dazzi: *The Eysenck personality questionnaire - Revised (EPQ-R): A confirmation of the factorial structure in the Italian context*, The Journal of Personality and Individual Differences, Volume 50, Issue 6, April 2011, pp.790-794.

3. Stephen Thoma: *Trends and Issues in Moral Judgment Research Using the Defining Issues Test*, The Center for the Study of Ethical Development, University of Alabama, Jan. 1994, pp.3-7

Đến năm 1999, nhà tâm lý học nổi tiếng người Đức E.G. Lind xây dựng nên lý thuyết Luận chứng kép về đạo đức hành vi[1]. E.G. Lind chủ trương đánh giá năng lực đạo đức nên như một khâu nhằm liên kết được ý đồ đạo đức và hành vi đạo đức con người. Trên cơ sở đó, ông đã xây dựng nên Biểu trắc nghiệm đạo đức (Moral Judgment Test - MJT)[2]. Biểu trắc nghiệm này là công cụ đánh giá đạo đức con người trên hai mặt: nhận thức đạo đức và tình cảm đạo đức; đồng thời MJT cũng giúp chúng ta xác định được phẩm chất đạo đức, thái độ đạo đức và lý tưởng đạo đức của người được nghiên cứu.

Năm 2000, M.J. Cawley[3] đã tiến hành hệ thống hóa các phương pháp đánh giá định lượng về đạo đức và bổ sung nhiều tiêu chí hình thành nên thang đánh giá đức hạnh (The Virtues Scale - VS) và biểu đánh giá mới về các thành tố nhân cách (The Revised NEO Personality Inventory - NEO PI-R)[4]. Năm 2005, K.Dahlsgaard và cộng sự[5] thông qua sử dụng các

---

1. Lind, G. et al: *Moral development and the social environment: studies in the philosophy and psychology of moral judgment and education*, Chicago, Ill., Precedent Publ., 1985, pp.79-90.

2. Lind E.G.: *Scoring of the Moral Judgment Test*, Psychology of Morality & Democracy, 1999, pp.6-10.

3. Michael J. Cawley III, James E. Martin, John A. Johnson: *A virtues approach to personality*, Journal of Personality and Individual Differences, 2000 (28), pp.997-1013.

4. Michael J. Cawley III: *The Virtues Scale: A Psychological Examination of the Structure of Virtue and the Relationships Between Virtue, Personality, Moral Development, and Epistemological Style*, The Pennsylvania State University (1997), pp.5-20.

5. Dahlsgaard K., Peterson C., & Seligman M.E.: *Shared Virtue: The Convergence of Valued Human Strengths Across Culture and History,* Review of General Psychology, 2005, Vol. 9, No. 3, pp.203-213.

phương pháp DSM-IV kết hợp với ICD, đã tiến hành một nghiên cứu định lượng xuyên quốc gia ở các nước khác nhau, các tôn giáo khác nhau, các nền văn hóa khác nhau, các hệ tư tưởng khác nhau, để đánh giá về sự tương đồng và khác nhau của tiêu chí đạo đức ở các nền văn hóa khác nhau.

Năm 2007, W.M. Roth[1] trên cơ sở khung lý thuyết hoạt động lịch sử văn hóa (Cultural - Historical Activity Theory - CHAT), đã xây dựng các biểu điều tra điền dã giúp làm sáng tỏ các vấn đề về tình cảm đạo đức, động cơ đạo đức và bổn phận đạo đức. W.M. Roth cho rằng các nghiên cứu về đánh giá đạo đức nếu chỉ đi sâu nghiên cứu về tình cảm đạo đức, động cơ đạo đức và bổn phận đạo đức là chưa đủ, mà cần phải làm rõ mối quan hệ giữa chúng với các vấn đề thực tiễn.

c) Mô hình tích hợp: Hệ thống các thang đánh giá tích hợp

Bắt đầu từ cuối thế kỷ XX, dưới tác động của lý thuyết tâm lý học tích cực (Positive Psychology) do hai nhà khoa học người Mỹ M.E. Seligman và M. Csikszentmihalyi khởi xướng, các nghiên cứu về đạo đức và phương pháp đánh giá đạo đức đã có những phát triển mới. Đáng chú ý là chương trình nghiên cứu nổi tiếng của C. Peterson và M. Seligman về giá trị trong hành động (Value in Action - VIA), đi sâu nghiên cứu những phẩm chất ưu tú nổi trội của con người trong hoạt động thực tiễn. Thông qua khảo sát đo lường định tính, hai ông đã tích hợp những phẩm chất ưu tú của con người thành một hệ thống thang phân loại giá trị - hành vi (Values in

---

1. Roth W.M: *The ethico-moral nature of identity: Prolegomena to the development of third-generation Cultural-Historical Activity Theory*, International Journal of Educational Research, Volume 46, Issues 1-2, 2007, pp.83-93.

Action Classification) với 24 phẩm chất đạo đức nhân cách, phân thành sáu cấp độ, gọi là sáu lực lượng của đức hạnh. Từ đó, đề xuất thang đánh giá đặc trưng giá trị hành động (Values in Action Inventory of Strengths - VIA-IS) nổi tiếng[1]. Cách tiếp cận này đã mở ra xu hướng mới cho các nghiên cứu về sau, như nghiên cứu của J. Shryack và cộng sự (2010)[2] về cơ cấu của đức hạnh, điều tra thực nghiệm về chiều kích của các phẩm chất đạo đức con người trong hành động.

Cùng với sự ra đời của các lý thuyết và phương pháp mới về quản trị nhân sự hiện đại dựa trên hiệu suất và hiệu quả (Performance Management Process - PMP), đánh giá đạo đức cán bộ từng bước hướng tới các mô hình tích hợp thành các thang đánh giá tích hợp về phẩm chất đạo đức, tố chất năng lực và hiệu suất, giúp các nhà quản lý hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát đội ngũ nhân viên chặt chẽ, công bằng và khách quan hơn. Điển hình cho xu hướng này là mô hình thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard - BSC) của giáo sư Robert Kaplan và David Norton, được coi là một hệ thống đo lường cho phép tổ chức làm rõ những viễn cảnh và chiến lược của mình, đánh giá và kiểm soát hiệu quả đội ngũ nhân viên. Hệ thống BSC được rất nhiều nước và tổ chức ở khu vực công áp dụng. Ngoài ra, các phương pháp đánh giá nhân viên

---

1. Ruch, W., Proyer, R. T., Harzer, C., Park, N., Peterson, C., & Seligman, M. E. P.: *Values in Action Inventory of Strengths (VIA-IS): Adaptation and validation of the German version and the development of a peer-rating form.* Journal of Individual Differences, 2010,31(3), pp.138-149.

2. Shryack, J., Steger, M. F., Krueger, R. F., & Kallie, C. S. (2010). *The structure of virtue: An empirical investigation of the dimensionality of the virtues in action inventory of strengths*, Personality and Individual Differences, 2010(48), pp.714-719.

như đánh giá xếp hạng, phương pháp cho điểm và xếp hạng theo các tiêu chí, phương pháp đánh giá 360 độ cũng được đề xuất và áp dụng; tương ứng với nó là các phương pháp quản lý nhân sự theo tiêu chuẩn hiện đại tận dụng tối đa ưu thế của công nghệ thông tin, như hệ thống quản lý theo mục tiêu MBO, hệ thống quản lý nhân sự KPI, BSC, từ điển năng lực, OKR (Objectives and Key Results)[1],v.v..

Trên cơ sở kế thừa các phương pháp tiếp cận của học giả phương Tây, sau cải cách mở cửa, giới học giả Trung Quốc cũng đã có nhiều tìm tòi để xây dựng những mô hình thực chứng nhằm đánh giá đạo đức cán bộ, có thể kể đến các mô hình đánh giá như FRC[2], AHP[3]... Tuy nhiên, đáng chú ý là mô hình đánh giá đạo đức OSL[4]. Mô hình OSL được quan niệm như một mô hình đánh giá định lượng về đạo đức để giúp chủ thể đánh giá gắn kết các khâu từ đánh giá, đến sử dụng, bồi dưỡng, giám sát và quản lý cán bộ. Về kỹ thuật

---

1. Training Resources and Data exchange Performance-Based Management Special Group (2001). *The Performance-Based Management Handbook, Volume 2: Establishing an Integrated Performance Measurement System,* 2001, pp.56-77.

2. Xiao Mingzheng et. al: *Phương pháp đánh giá đạo đức FRC: Nội dung và nghiên cứu thực nghiệm, 1993.* (肖鸣政等：《FRC品德测评方法的基本思路及其实验》，赣南师范学院学报1993年02期).

3. The Model of AHP to Assess the Moral Character of the Leaders; Chaohu College Journal; 2006-01, p.66-71.

4. *Mô hình đánh giá đạo đức OSL đối với cán bộ lãnh đạo và cơ chế vận hành: Từ thực tế đánh giá đạo đức đội ngũ cán bộ cấp tỉnh*, Tạp chí *Quản lý hành chính nhà nước,* 2012(6):63-69. (The Mode and Operation Mechanism of OSL Morality Testing of Administrative Leaders: Based on An Investigation of Administrative Leaders' Morality Testing Practice, Journal of Chinese Public Administration, 2012(6), pp.63-69).

đánh giá, đã định rõ được hệ thống chủ thể đánh giá và phương pháp đánh giá, nội dung đánh giá không chỉ đánh giá về nhận thức và thái độ đạo đức mà còn tập trung vào hành vi đạo đức cán bộ theo tiêu chí của tứ đức và ngũ đức. Về sử dụng kết quả đánh giá, đưa kết quả đánh giá làm tiêu chí để sử dụng cán bộ, đặc biệt là giám sát, quản lý cán bộ, đồng thời, cũng là căn cứ để giáo dục, bồi dưỡng đạo đức đội ngũ cán bộ. Mô hình đánh giá đạo đức OSL được các tỉnh, thành ở Trung Quốc sử dụng khá rộng rãi, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý cán bộ nói chung, giám sát đạo đức đội ngũ cán bộ nói riêng[1].

2. Kinh nghiệm đánh giá, giám sát đạo đức cán bộ ở một số nước

Đạo đức nói chung và đạo đức cán bộ nói riêng là vấn đề toàn cầu. Ngày nay, bất kể là ở các nước phát triển hay các nước đang phát triển, vấn đề cơ bản không phải là hệ vấn đề về kinh tế hay chính trị, cũng không phải nằm ở các vấn đề kỹ thuật, mà vấn đề nằm ở đạo đức (Goulet, 1971)[2]. Dưới ánh sáng của khoa học hiện đại, đạo đức được quan niệm là bộ phận trung tâm và trọng yếu trong cấu trúc hệ thống tố chất của cán bộ (Hambrick, Canella 1998)[3]. Xây dựng đạo đức

---

1. Wang Yueran, Guo Yuanyuan: *Hệ thống chỉ tiêu đánh giá, sát hạch phẩm chất đạo đức cán bộ*, Tạp chí *Khoa học xã hội,* Giang Tây, số 11-2014, tr.174-180 (王怡然, 郭远远: 领导干部道德素质考核指标体系探究, 《江西社会科学》2014年 第11期 174-180页) http://www.doc88.com/p-9995269741357.html.

2. Denis Goulet: *The Cruel Choice: A New Concept in the Theory of Development*, New York: Atheneum, ISBN 0689703414, 1971, p.2.

3. Hambrick, D. C. and Canella, A. A: "*What makes a leader?",* Harvard Business Review, December 1998, 76(3), pp.101-102.

trong khu vực công trở thành nhiệm vụ của các tổ chức, các chính phủ.

a) Các nước phương Tây

Năm 1997, tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế OECD trên cơ sở ra tuyên bố kêu gọi tăng cường quản lý đạo đức chính phủ (Managing Government Ethics)[1], đã khuyến nghị các chính phủ nên xác lập hệ thống quản lý đạo đức tương ứng với hệ thống quản lý hành chính của nhà nước. Năm 1998, OECD tiếp tục ban hành kiến nghị thư, công bố bộ Quy tắc về quản lý đạo đức trong khu vực công (Principles for Managing Ethics in the Public Service)[2], kêu gọi các nước khẩn trương hành động, xây dựng các bộ quy tắc nhằm giám sát đạo đức cho đội ngũ công chức, cán bộ lãnh đạo và đảm bảo vận hành hiệu quả. Nhìn chung, quá trình thể chế hóa đạo đức trong khu vực công trở thành xu hướng phổ biến các quốc gia trên thế giới[3].

Mỹ là nước rất sớm chú trọng đánh giá và quản lý đạo đức đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước. Các phẩm chất đạo đức như thành thực, trung thành, chuyên cần, liêm khiết từ rất sớm đã được đưa vào hệ thống đánh giá cán bộ công chức. Năm 1978, theo một pháp lệnh của Quốc hội về quản lý đạo

---

1. The OECD: *Managing Government Ethics*, Observer 204, February-March 1997, pp.15-17. http://oecdobserver.org/news/fullstory.php/aid/2699/Managing_Government_Ethics.html.

2. The OECD: Principles for Managing Ethics in the Public Service, 1998, pp.4-8. http://www.oecd.org/gov/ethics/oecdprinciplesformanaging-ethicsinthepublicservice.htm.

3. Sampford C. (1994): *Institutionalising Public Sector Ethics*, in Noel Preston: "Ethics for the Public Sector", Federation Press, AU, ISBN 9781862871458, 1994, pp.20-23.

đức công vụ, Mỹ thành lập Văn phòng đạo đức nhà nước OGE (Office of Government Ethics) trực thuộc Bộ Quản lý nhân sự liên bang, nhiệm vụ chủ yếu là giám sát, quản lý đạo đức của 4,3 triệu nhân viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Năm 1985, Mỹ ban hành Quy tắc đạo đức nhân viên nhà nước, quy định các hành vi đạo đức bị cấm và cơ chế xử lý các vi phạm đạo đức. Năm 1989, theo luật về tái trao quyền (Office of Government Ethics Reauthorization, Act of 1988), Văn phòng Đạo đức nhà nước OGE từ trực thuộc Bộ Quản lý nhân sự liên bang được tách ra, trở thành cơ quan độc lập trong giám sát và quản lý đạo đức, hàng năm đều có các báo cáo chuyên đề đánh giá, giám sát về tình hình đạo đức trong khu vực công[1]. Năm 1990, Quốc hội Mỹ tiến hành sửa đổi nhiều nội dung và ban hành Quy tắc hành vi đạo đức của quan chức nhà nước và công chức trong các cơ quan hành chính. Năm 1993, ban hành Quy tắc hành vi đạo đức của nhân viên trong khu vực công. Cùng với cơ quan lập pháp liên bang, các bang của Mỹ cũng ban hành các bộ quy tắc và sắc luật tương ứng. Năm 2009, tiến hành sửa đổi Quy tắc hành vi đạo đức của công chức nhánh hành pháp, bổ sung thêm nhiều hành vi vi phạm đạo đức bị nghiêm cấm. Đồng thời quy định rõ cơ chế đánh giá theo mô thức "động", bao quát hết toàn bộ các khâu của công tác quản lý công chức từ khi công chức gia nhập hệ thống, cơ chế quản lý hằng năm, cho đến khi công chức rời khỏi hệ thống. Bên cạnh đó, đã mở

1. U.S.Office of Government Ethics: Perfomance Accountability Report, https://www2.oge.gov/Web/OGE.nsf/Performance%20&%20Strategic%20Documents?openview.

rộng phạm vi chủ thể đánh giá nhằm đảm bảo tính công bằng và khách quan[1].

Về đánh giá định lượng, từ nhiều năm nay nước Mỹ vẫn chú trọng vận hành hệ thống đánh giá đạo đức kết hợp với đánh giá năng lực và hiệu suất được xây dựng trên cơ sở nền tảng của Hệ thống đánh giá hiệu suất tổng hợp rất nổi tiếng của giáo sư Robert S. Kaplan (Đại học Harvard). Đối với công chức nhà nước, kết quả đánh giá xếp theo 5 bậc: không hài lòng (U), ít hài lòng (M), đạt mục tiêu (F), ưu tú (E), đặc biệt ưu tú (O). Kết quả đánh giá tổng hợp công chức hằng năm sẽ phục vụ cho 6 phương diện: tinh giản biên chế; tuyển dụng chính thức đối với nhân viên hợp đồng và tập sự; điều chỉnh, giao nhiệm vụ mới cho công chức; giáng chức, miễn nhiệm; đào tạo, bồi dưỡng; tăng giảm lương và phụ cấp chức vụ. Ví dụ, đối với nhân viên văn phòng Phủ Tổng thống, công chức hằng năm nếu được đánh giá xếp loại O, lương của năm liền kề sẽ được tăng thêm 1.000 đôla/tháng, loại E là 500 đôla, loại F là 100 đôla. Bộ Lao động Mỹ cũng có quy định, công chức nhà nước nếu xếp loại O sẽ được tăng thêm 6% lương, loại E là 4% và loại F là 2%.

b) Trung Quốc

Là đảng chính trị có quy mô rất lớn với 90 triệu đảng viên, Đảng Cộng sản Trung Quốc (CPC) thực hiện nhất quán chế độ quản lý, giám sát nghiêm ngặt đối với đội ngũ cán bộ,

---

1. *Standards of Ethical Conduct for Employees of the Executive Branch, Final Regulation Issued by the U.S. Office of Government Ethics*. Codified in 5 C.F.R. Part 2635, as amended at at 81 FR 81641, 2009.

đảng viên và công tác các bộ[1]. Từ khi cải cách mở cửa năm 1978, Trung Quốc bắt đầu tìm tòi các giải pháp ngăn chặn, đồng thời từng bước xây dựng các cơ chế hiệu lực nhằm đánh giá và giám sát đạo đức đội ngũ cán bộ. Nhìn chung, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có rất nhiều tìm tòi, theo hướng vừa làm vừa tổng kết. Điển hình là hai cơ chế nổi bật sau:

Một là, vận hành chế độ "song quy" nhằm xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát trực tiếp, mạnh mẽ của Đảng đối với cán bộ và công tác cán bộ. Sau cải cách mở cửa, trước tình trạng xuống cấp đạo đức và tham nhũng tràn lan, Trung Quốc đã ban hành chế độ song quy, cho đến nay vẫn được coi là cơ chế hữu hiệu và thanh bảo kiếm của CPC nhằm giám sát và xử lý kịp thời cán bộ, đảng viên vi phạm[2]. Bản chất của chế độ song quy là mọi đảng viên một khi đã tuyên thệ và đứng vào hàng ngũ của đảng đều phải chịu sự kiểm tra, giám sát toàn diện của tổ chức đảng. Ngày 9-12-1990, Chính phủ Trung Quốc ban hành Điều lệ Giám sát hành chính, quy định cơ quan giám sát (tức Bộ Giám sát) có quyền cách ly cán bộ, công chức vi phạm để điều tra độc lập, đánh dấu sự ra đời của chế độ song quy. Từ năm 1993, Bộ Giám sát và Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương CPC "phối hợp" theo mô hình một trụ sở hai chức năng, Bộ trưởng Bộ Giám sát đồng thời kiêm nhiệm Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra kỷ luật Trung ương, phạm vi và hiệu lực của song quy được mở rộng.

---

1. Nguyễn Trọng Hòa: *Một số vấn đề về cơ chế giám sát việc lựa chọn và bổ nhiệm cán bộ ở Trung Quốc*, Thông tin Khoa học xã hội, số 6-2017, tr.18-25.

2. Song quy: Biện pháp điều tra đặc thù. 双规（特殊组织措施和调查手段）, https://baike.baidu.com/item/%E5%8F%8C%E8%A7%84/22716.

Năm 1994, song quy chính thức được đưa vào Điều lệ Kiểm tra kỷ luật của Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương CPC[1]. Năm 1997, Quốc hội Trung Quốc ban hành Luật giám sát hành chính, chính thức luật hóa biện pháp song quy. Theo đó, giao cho cơ quan kiểm tra giám sát từ cấp huyện trở lên có quyền kịp thời cách ly, thẩm vấn, độc lập điều tra cán bộ, đảng viên có vấn đề về đạo đức, lối sống và tham nhũng nhằm ngăn chặn cán bộ chạy trốn, hủy chứng cứ hoặc thông cung mà không cần khởi tố vụ án. Từ đó đến nay, song quy như một hệ thống biện pháp nội bộ của CPC để giám sát, kiểm tra, xử lý kỷ luật đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chính vì thế, nó thực sự trở thành nỗi khiếp sợ của những cán bộ thoái hóa, biến chất. Hiện nay, quy trình xử lý cán bộ vi phạm của Trung Quốc phần lớn thực hiện theo cơ chế điều tra của song quy, chỉ một bộ phận trong số đó khi có dấu hiệu tội phạm mới chuyển sang cho hệ thống điều tra của cơ quan tư pháp khởi tố, truy tố.

Hai là, vận hành hệ thống đánh giá đạo đức cán bộ, đảng viên theo hướng khách quan và khoa học. Từ năm 2008, để đảm bảo tốt nguyên tắc Đảng quản cán bộ, Chính phủ Trung Quốc giải thể Bộ Nhân sự, chuyển thành Cục Công chức nhà nước trực thuộc Bộ Nguồn nhân lực và bảo đảm xã hội. Vì thế, việc đánh giá, giám sát suy thoái đạo đức đội ngũ cán bộ trở thành trách nhiệm nặng nề của đảng cầm quyền. Ngày 23-10-2011, Ban Tổ chức Trung ương CPC ban hành Thông tri

---

1. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương CPC: *Điều lệ về công tác kiểm tra của cơ quan kiểm tra kỷ luật Đảng Cộng sản Trung Quốc, Điều 28.* 中共中央纪律检查委员会: 中国共产党纪律检查机关案件检查工作条例. http://cpc.people.com.cn/GB/33838/2539632.html.

Hướng dẫn số 26 về "Tăng cường đánh giá đạo đức của cán bộ"[1]. Điểm đột phá của Hướng dẫn số 26 thể hiện trên mấy phương diện: *Thứ nhất,* đã tách đánh giá đạo đức cán bộ thành hạng mục đánh giá riêng, tổ chức đánh giá theo định kỳ hằng năm, trước khi bổ nhiệm hoặc tiến hành đột xuất. *Thứ hai,* mở rộng nội dung đánh giá và cụ thể hóa thành các tiêu chí. Đánh giá đạo đức cán bộ xoay quanh 5 nội dung: đạo đức chính trị, đạo đức chức nghiệp, đạo đức xã hội, đức hạnh gia đình và phẩm hạnh cá nhân. Từng nội dung lại được cụ thể hóa thành nhiều tiêu chí cụ thể. *Thứ ba,* mở rộng chủ thể đánh giá theo hướng từ đánh giá nội bộ, mở rộng thành đánh giá của cấp trên với cấp dưới, cấp dưới với cấp trên, đồng nghiệp ngang cấp và đánh giá của nhân dân ở nơi cư trú, của đối tượng quản lý, đối tượng phục vụ đối với đạo đức của từng cán bộ. *Thứ tư,* mở rộng phạm vi sử dụng kết quả đánh giá, từ thực hiện chế độ chính sách cán bộ sang làm cơ sở để giám sát cán bộ, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng cán bộ; thực hiện công khai kết quả và thông báo kết quả cho người được đánh giá. *Thứ năm,* đưa đánh giá đạo đức bằng phương pháp lượng hóa và ứng dụng công nghệ thông tin để đánh giá và xử lý kết quả đánh giá vào thực tiễn công tác quản lý cán bộ.

Hướng dẫn số 26 tạo ra xúc tác lớn để các bộ, ngành và địa phương ở Trung Quốc xây dựng và triển khai các hệ thống đánh giá đạo đức cán bộ theo hướng lượng hóa và sử

---

1. Ban Tổ chức Trung ương CPC: Thông tri Hướng dẫn số 26, ngày 13-10-2011 *Về tăng cường đánh giá đạo đức của cán bộ.* (中共中央组织部:关于加强对干部德的考核意见,中组发〔2011〕26号,2011年10月13日) http://zzb.cznd.gov.cn/html/cznd_dangjian/2012/DBHPNKHK_0912/10362.html.

dụng tối đa hệ thống công nghệ thông tin vào đánh giá, giám sát, quản lý đạo đức cán bộ và đội ngũ cán bộ[1]. Sau Hướng dẫn số 26, để đi đến xây dựng một hệ thống đánh giá, quản lý đạo đức cán bộ và cơ sở dữ liệu thống nhất trong toàn quốc, năm 2010 Ban Tổ chức Trung ương CPC và Chính phủ Trung Quốc cũng đã đặt hàng cho Đại học Bắc Kinh chủ trì chương trình khoa học trọng điểm cấp quốc gia mã số 10AZZ004 nhằm tiếp tục hoàn thiện tiêu chí, cơ chế và phương pháp đánh giá đạo đức cán bộ. Chương trình nghiên cứu này đã thành lập 6 phòng nghiên cứu thực nghiệm hoạt động liên tục trong nhiều năm tại các địa phương để tiến hành các điều tra và nghiên cứu[2].

3. Hàm ý chính sách đối với Việt Nam

Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn đóng vai trò tư vấn quan trọng, góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách về tổ chức và cán bộ. Từ phương pháp và kinh nghiệm một số nước, căn cứ vào điều kiện đặc thù của nước ta, nên ưu tiên một số hướng tiếp cận như sau:

a) Thực sự coi trọng nghiên cứu định lượng trong tiếp cận nghiên cứu hệ vấn đề về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên

Từ trước đến nay, không giống như các nước phương Tây, các nghiên cứu về đạo đức cán bộ ở các nước xã hội chủ nghĩa bị ảnh hưởng nặng nề bởi chủ nghĩa giáo điều và kinh viện,

---

1. Thành ủy thành phố Jiamusi: *Biện pháp sát hạch, đánh giá đạo đức cán bộ lãnh đạo*, 2012. 佳木斯市县处级领导干部德行考核评价办法, 2012年02月01日 http://www.jmsdj.gov.cn/Show.asp?ID=3603.

2. 萧鸣政:国家社会科学基金重点项目《干部品德测评问题研究》项目编号: 10AZZ004. http://en.cnki.com.cn/Article_en/CJFDTotal-BDZK201306004.htm.

coi nhẹ nghiên cứu định lượng. Các giải pháp về xây dựng đạo đức và phòng, chống suy thoái thường chú trọng vào tuyên truyền, giáo dục, kêu gọi nêu gương đạo đức, nhưng lại thiếu các cơ chế và quy trình pháp lý cụ thể để đánh giá, kiểm soát và quản lý hiệu quả đạo đức đội ngũ cán bộ. Do đó, nghiên cứu lý luận cần chuyển mạnh theo hướng thực chứng, tập trung tìm tòi, tổng kết, xây dựng các mô hình và cơ chế về đánh giá cán bộ nói chung, đánh giá đạo đức cán bộ nói riêng, làm cơ sở khoa học cho việc ban hành các chủ trương, chính sách liên quan của Đảng.

b) Xây dựng khung tiêu chí đánh giá đạo đức cán bộ

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng cần đánh giá đạo đức cán bộ, đảng viên thông qua các mối quan hệ cụ thể: đối với Đảng, đối với Nhân dân, đối với công việc, đối với đồng nghiệp, đối với người thân và đối với bản thân; không chung chung, trừu tượng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư khóa XII chỉ rõ: Xây dựng và thực hiện có hiệu quả nội dung xây dựng Đảng về đạo đức, trong đó chú trọng xây dựng hệ thống chuẩn mực các mối quan hệ của cán bộ, đảng viên với tổ chức Đảng và với nhân dân. Do đó, cần nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá đạo đức cán bộ theo hướng bao quát để đánh giá được đạo đức cán bộ trên 3 phương diện: ý thức đạo đức, thái độ đạo đức và hành vi lối sống đạo đức. Ba phương diện đạo đức thể hiện ra trên 5 mối quan hệ: với đường lối quan điểm của Đảng, với chức trách và nhiệm vụ nghề nghiệp được giao, với xã hội, với gia đình làng xóm và với các mục tiêu phát triển của cá nhân. Từ thực tế tổng kết các mô hình tiêu chí đánh giá đạo đức cán bộ của các nước phương Tây kết hợp với hệ thống tiêu chí đánh giá đạo đức

cán bộ theo mô hình một đảng lãnh đạo của Trung Quốc[1], tác giả xin đề xuất khung tiêu chí đánh giá đạo đức cán bộ ở Việt Nam nên được định hình trên các phương diện sơ lược sau:

Biểu 1: Khung tiêu chí đánh giá đạo đức cán bộ

Tiêu chí cấp 1	Tiêu chí cấp 2	Tiêu chí cấp 3
Đạo đức chính trị	Trung thành	Trung thành với Tổ quốc, trung thành với Đảng, trung thành với chủ nghĩa xã hội
	Kiên định chính trị	Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chi Minh, đường lối chính trị của Đảng
	Tổ chức, kỷ luật	Trung thực và tin cậy, bảo vệ luật pháp kỷ cương, phục tùng tổ chức
	Dân chủ	Dân chủ, gần gũi với dân, lắng nghe ý kiến của dân, mưu lợi cho dân, có quan điểm quần chúng
	Sử dụng quyền lực vì dân	Chí công vô tư, dùng quyền vì dân, công bộc của dân, lấy dân làm gốc
Đạo đức nghề nghiệp	Tìm tòi sáng tạo đổi mới	Dám đổi mới, sáng tạo, chịu nghe và tiếp thu ý kiến, không đầu hàng thất bại
	Cống hiến thiết thực	Gian khổ phấn đấu trưởng thành, làm việc thiết thực, làm những việc khó khăn gian

1. Xiao Mingzheng (chủ biên), Nguyen Trong Hoa, Zhang Bo et. al: *Đánh giá đạo đức cán bộ: Lý luận và phương pháp*, Nxb. Nhân dân, Trung Quốc, ISBN 9787010177830, 2017, tr.225. (萧鸣政著：党政干部品德测评理论与方法研究，人民出版社，2017，第225页)

		khổ, tận tình trách nhiệm, tận tụy phục vụ nhân dân
	Trách nhiệm với nghề nghiệp	Quý trọng nghề nghiệp, trách nhiệm với công việc, khách quan trong công việc, tận tụy với chức trách nhiệm vụ, ra quyết định vì quyền lợi của số đông
	Điển hình và làm gương	Mẫu mực thực thi nhiệm vụ, nghiêm khắc với bản thân, nói đi đôi với làm, làm gương, đứng đầu mô phạm
Đạo đức xã hội	Trách nhiệm công	Quý trọng tài sản công, bảo vệ môi trường, ra tay vì việc nghĩa, tuân thủ quy tắc và trật tự công cộng, tiết kiệm tài nguyên công
	Hình tượng và cử chỉ ngoài xã hội	Đúng mực, lễ phép, nghiêm túc ngoài xã hội, ngôn ngữ lành mạnh, cử chỉ văn minh, nhân ái lương thiện với mọi người
Đạo đức gia đình	Gần gũi thân ái ở khu dân cư	Gần gũi với xóm làng, tương trợ giúp đỡ bà con lối xóm, xây dựng khu dân cư văn minh, đoàn kết
	Kính trọng bề trên, người già	Chăm sóc người già, tôn kính bề trên trong nhà, có hiếu với cha mẹ
	Vợ chồng hòa thuận	Vợ chồng yêu thương, vợ chồng bình đẳng, chung thủy
	Gương mẫu trong gia đình	Nghiêm cẩn trong giáo dục con cái, nghiêm túc minh bạch trong nhà, gia đình cần kiệm
Đạo đức	Cần kiệm	Yêu cuộc sống, biết dừng biết đủ, nhiệt

cá nhân	tự giác	tình ngăn nắp, khắc chế bản thân, giản dị tiết kiệm
	Tỉ mỉ cẩn thận	Đời sống nghiêm túc, khoan dung, nhân từ, khiêm nhường, cẩn thận, chuẩn mực trong phát ngôn lẫn hành vi
	Thành thực đáng tin	Trung trực đáng tin, chính trực, nhân đức lương thiện, thẳng thắn
	Tích cực lạc quan	Không giấu dốt, ham học hỏi, tích cực lạc quan, ý chí kiên cường

c) Đổi mới quy trình đánh giá đạo đức cán bộ

Đánh giá cán bộ là khâu yếu nhất trong công tác cán bộ ở nước ta. Trong nhiều năm, Việt Nam vận hành cơ chế đánh giá cán bộ nói chung, đánh giá đạo đức, lối sống cán bộ nói riêng theo hướng khép kín với hai phương pháp chủ yếu là đánh giá của lãnh đạo hoặc tập thể lãnh đạo đối với cán bộ và đánh giá của tập thể đơn vị đối với cán bộ. Đánh giá đạo đức cán bộ được gộp vào trong đánh giá thành tích cán bộ hằng năm. Hình thức đánh giá là mặt đối mặt phát biểu ý kiến và biểu quyết. Quy trình đánh giá này vốn hình thành từ cơ chế quan liêu, bao cấp trước kia đến nay đã bộc lộ rất nhiều hạn chế. Hạn chế lớn nhất là tình trạng nể nang, đánh giá không sát, bị đè nặng bởi chủ nghĩa thành tích và chủ nghĩa hình thức. Và trên thực tế không ai dám nói thật, nói đúng đạo đức và lối sống của cán bộ, nhất là người đứng đầu. Trong đánh giá cán bộ còn thiếu hai kênh đánh giá rất quan trọng là: 1- Sự hài lòng và đánh giá của đối tượng quản lý, đối tượng phục vụ đối với cán bộ, và 2- Đánh giá và phản ánh của người dân đối với cán bộ. Do đó,

để đánh giá đúng cán bộ nói chung, đạo đức cán bộ nói riêng, cần xây dựng cơ chế đánh giá mới, theo hướng: 1- Đa dạng hóa chủ thể đánh giá cán bộ, không chỉ giới hạn đánh giá trong nội bộ đơn vị, mà xây dựng các cơ chế để trong tình huống có vấn đề, cán bộ không cùng đơn vị vẫn có thể phản ánh thông tin đến cơ quan quản lý cán bộ; 2- Xây dựng cơ chế để người dân và xã hội có thể đánh giá và phản ánh kịp thời về đạo đức, lối sống của cán bộ đến cơ quan quản lý cán bộ; 3- Tận dụng công nghệ thông tin để hạn chế tối đa hình thức đánh giá mặt đối mặt, khai thác thêm các kênh đánh giá, giám sát từ bên ngoài đối với cán bộ; 4- Trước khi bổ nhiệm cần thành lập tổ thẩm định, khảo sát, đánh giá toàn diện cán bộ. Tổ đánh giá cán bộ phải chịu trách nhiệm nếu bổ nhiệm sai cán bộ.

d) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đánh giá và quản lý cán bộ

Mô hình quản lý cán bộ nước ta đang chịu ảnh hưởng nặng nề bởi học thuyết bộ máy quan liêu của Max Weber. Hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác cán bộ chức năng chồng lấn, nhiều tầng nấc, hiệu lực quản lý phân tán. Các cơ quan quản lý cán bộ cả cấp trung gian lẫn cấp quản lý trực tiếp trên thực tế không thể quản lý, giám sát hiệu quả cán bộ. Vì thế, cần chú trọng nghiên cứu áp dụng các phương pháp quản lý nhân sự hiện đại, kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin vào thực tiễn công tác quản lý cán bộ. Cần sớm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất và đồng bộ về đội ngũ cán bộ, chú trọng dữ liệu về đánh giá cán bộ, đặc biệt là đánh

giá đạo đức cán bộ để làm cơ sở cho công tác sử dụng và quản lý cán bộ trên toàn quốc. Hệ thống này không chỉ đơn thuần quản lý dữ liệu về hồ sơ cán bộ, mà quan trọng là để quản lý được "hành tung" cán bộ, quản lý được công lao, thưởng phạt, ưu điểm, khuyết điểm, sự tăng giảm tài sản, đơn thư khiếu nại tố cáo đối với cán bộ từ khi gia nhập tổ chức, tình hình đánh giá cán bộ hằng năm, cho đến lúc cán bộ về hưu hay rời khỏi tổ chức.

đ) Xây dựng luật và thiết lập bộ máy chuyên trách về đánh giá, giám sát, quản lý đạo đức đội ngũ cán bộ, công chức

Quản lý đạo đức đội ngũ cán bộ nên được quan niệm là công việc thường xuyên và liên tục. Từ kinh nghiệm của các nước trên thế giới, cần sớm xây dựng Luật đạo đức cán bộ công chức, đồng thời xây dựng mô hình cơ quan chuyên trách về quản lý và giám sát đạo đức cán bộ[1]. Cần nghiên cứu rõ hơn một số kinh nghiệm, mô hình cơ quan giám sát đạo đức độc lập ở các nước, như Văn phòng Đạo đức nhà nước của Mỹ, Hội đồng Đạo đức nhà nước Nhật Bản và một số nước để có thiết kế và cơ chế hợp lý.

e) Tiếp tục cải cách mạnh mẽ thể chế cán bộ

Cải cách thể chế là vấn đề sống còn của một hệ thống. Cải cách thể chế cán bộ là tiền đề để nâng cao chất lượng công tác quản lý, giám sát đội ngũ cán bộ nói chung, đạo đức cán bộ nói riêng. Cùng với việc tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương ba khóa VIII về chiến lược cán bộ, cần

---

1. Nguyễn Trọng Hòa: *Đạo đức công vụ và việc xây dựng đạo đức công vụ ở nước ta hiện nay*, Tạp chí *Tuyên giáo,* số 6 (2017), tr.16-21.

phát hiện và tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong thể chế cán bộ ở nước ta. Đặc biệt là trên mấy vấn đề sau:

Thứ nhất, về bộ máy quản lý cán bộ. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ là nguyên tắc của Đảng, được củng cố và hoàn thiện trong thời kỳ đổi mới. Luật cán bộ, công chức minh định rất rõ nội hàm cán bộ, tức là là những người giữ chức vụ (dùng để phân biệt với công chức, viên chức không giữ chức vụ). Trong điều kiện một đảng cầm quyền, các cấp ủy đảng phải trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ ở toàn bộ các cấp, các ngành, các lĩnh vực; trực tiếp thực hiện các khâu từ quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sắp xếp đến đánh giá, giám sát, quản lý cán bộ. Tuy nhiên trên thực tế, trong thể chế cán bộ hiện nay lại lẫn lộn giữa chức năng quản lý cán bộ của Đảng và quản lý cán bộ của Nhà nước, làm cho nguyên tắc Đảng quản lý đội ngũ cán bộ đang từng bước bị phá vỡ trên thực tế. Cải cách thể chế cần theo hướng tách bạch chức năng và đối tượng quản lý để theo đó, quản lý cán bộ thuộc trách nhiệm của Đảng. Nhà nước chuyên tâm quản lý, xây dựng đội ngũ công chức, viên chức nghiệp vụ, tức là những người không giữ chức vụ. Minh định được điều này, sẽ khắc phục được sự chồng chéo về chức năng và sự chồng lấn thẩm quyền trong quản lý cán bộ, trong ban hành văn bản và thực hiện các chính sách về công tác cán bộ của hệ thống chính trị.

Thứ hai, về mô hình quản lý cán bộ. Thể chế cán bộ, công chức ở nước ta hiện nay lai ghép hỗn độn mô hình cán bộ của rất nhiều nước. Hệ thống cán bộ (tức những người giữ chức

danh) được thiết kế theo hệ thống chức danh đảng, nhà nước, đoàn thể đặc trưng của bộ máy hệ thống chính trị do một đảng lãnh đạo ở các nước xã hội chủ nghĩa. Hệ thống công chức, viên chức theo Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức lại được phân loại, sát hạch và bổ nhiệm theo mô hình 4 ngạch A, B, C, D, tức là theo mô hình chức nghiệp (career system) 4 ngạch A, B, C, D của nền công vụ Pháp. Tuy nhiên, Nghị định số 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ về vị trí việc làm lại gần như cơ bản sao chép mô hình việc làm (job system), còn gọi là mô hình bàn cờ của nền công chức và công vụ Mỹ. Tình trạng lai ghép này làm cho thể chế cán bộ, công chức nước ta từ khâu thiết kế đến vận hành gặp nhiều khó khăn, trùng lắp, chắp vá, tiền hậu bất nhất, bản thân cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ cũng lúng túng, không rõ mục tiêu và phương hướng để cải cách, đổi mới. Cải cách thể chế cần đánh giá đúng thực trạng này để định rõ được mô hình tổng thể, từ đó có các thiết kế thực sự khoa học, phù hợp với điều kiện đặc thù của nước ta. Định rõ được mô hình quản lý cán bộ sẽ giúp cho quản lý, đánh giá, giám sát đội ngũ tốt hơn.

Thứ ba, về cơ chế kiểm soát quyền lực. Một bộ máy không có các cơ chế pháp lý hữu hiệu để tự kiểm soát và điều chỉnh sẽ luôn là một bộ máy rất nguy hiểm. Trong bối cảnh cải cách thể chế theo mô hình lý thuyết nhà nước pháp quyền, cần quán triệt tốt nguyên tắc: mục tiêu của luật pháp là để duy trì và mở rộng sự tự do cho dân chúng và để kiểm soát tốt nhà quản lý, chứ không phải giúp cho nhà quản lý kiểm soát người dân. Từ phương hướng đó,

hoạt động lập pháp, lập quy trong công tác cán bộ cần đổi mới mạnh mẽ theo hướng hình thành các cơ chế pháp lý để không chỉ giám sát tốt hoạt động công vụ, giám sát tốt đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ, mà còn giám sát chặt chẽ cả đội ngũ cán bộ và bộ máy làm công tác cán bộ, đặt quyền lực trong tình trạng luôn được kiểm soát.

KINH NGHIỆM NHẬT BẢN VỀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC LIÊM CHÍNH, TRÁCH NHIỆM VÀ CHUYÊN NGHIỆP

TS. LÊ THỊ THU HẰNG*

1. Khái quát chế độ công chức Nhật Bản

Nhật Bản là đất nước phát triển hàng đầu châu Á và là một cường quốc phát triển trên thế giới. Nhật Bản có vị trí như ngày nay là nhờ sự góp sức to lớn của đội ngũ công chức Nhật Bản. Công chức Nhật Bản là những người phục vụ nhân dân, là những người được xã hội coi trọng. Quan chức Nhật Bản đều là những người ưu tú, được tuyển chọn qua những kỳ thi tuyển nghiêm túc và bằng sự đào tạo, rèn luyện liên tục trên các cương vị khác nhau khi được tuyển dụng.

Một đặc trưng của nền hành chính công vụ Nhật Bản là bộ máy công quyền tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả; công chức liêm chính, tận tụy, chuyên nghiệp và trung thành. Số lượng công chức nhà nước Nhật Bản hiện nay khoảng 640.000 người, trong đó chỉ khoảng 275.000 người là đối tượng áp dụng Luật tiền lương do Viện Nhân sự đề xuất[1]. Trước Chiến tranh thế giới

---

* Vụ IV, Ban Tổ chức Trung ương.

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, JICA: *Kinh nghiệm chính sách Nhật Bản,* Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2016, tr.44.

thứ hai, công chức của Nhật Bản được hiểu là quan chức của Thiên hoàng thì sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, công chức Nhật Bản phục vụ nhân dân, đặt dưới quyền giám sát của người dân. Chế độ công chức mới này của Nhật Bản chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi chế độ công chức của Hoa Kỳ, vì vậy vận hành theo hướng nhấn mạnh tính chuyên môn và mang tính trung lập, độc lập khỏi chính trị. Sự thành công trong thiết kế và vận hành mô hình công chức này của Nhật Bản có giá trị tham khảo với nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các nước châu Á, trong đó có Việt Nam.

2. Kinh nghiệm phát triển đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính, trách nhiệm và chuyên nghiệp ở Nhật Bản

a) Kinh nghiệm trong tổ chức, tuyển dụng và quản lý cán bộ, công chức

Thứ nhất, sự tồn tại của Cơ quan Nhân sự quốc gia. Để đảm bảo sự hoạt động liên tục của bộ máy và chất lượng nguồn nhân lực, Nhật Bản đã hết sức chú trọng đến vai trò của Cơ quan Nhân sự quốc gia, cơ quan mang tính độc lập cao trong việc tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng công chức. Cơ quan Nhân sự là cơ quan cấp dưới Nội các, được thành lập như một cơ quan thứ ba và độc lập, nghĩa là do Nội các quản lý nhưng thực thi nghiệp vụ một cách độc lập. Cơ quan này thực hiện ba chức năng chính: đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong lĩnh vực hành chính nhân sự, bù đắp những hạn chế về quyền cơ bản của người lao động đối với công chức; là cơ quan chuyên môn về hành chính nhân sự. Theo đó, Cơ

quan Nhân sự quốc gia sẽ tổ chức kỳ thi tuyển dụng, xây dựng tiêu chuẩn bổ nhiệm, miễn nhiệm, thực hiện công tác tập huấn. Cơ quan này cũng khuyến nghị lên Quốc hội và Nội các về việc sửa chế độ lương và điều kiện làm việc như biện pháp bù đắp cho những hạn chế của quyền lao động cơ bản. Cùng với đó là xúc tiến các chính sách phù hợp với tình hình chung của xã hội với tư cách là cơ quan chuyên môn về quản lý nhân sự, đảm bảo điều hành công vụ một cách hiệu quả và được nhân dân tin tưởng.

Thứ hai, tuyển dụng công chức. Về nguyên tắc, kỳ thi tuyển quốc gia là một kỳ tuyển dụng công khai và bình đẳng nhằm chiêu mộ nhiều người ưu tú vào làm việc trong cơ quan nhà nước. Nhật Bản đã thực hiện đa dạng hóa đề thi, gồm ba dạng kỳ thi lớn: kỳ thi tổng hợp, kỳ thi thông thường và kỳ thi chuyên môn, trong đó, kỳ thi tổng hợp dành cho người tốt nghiệp đại học nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ nguồn, kỳ thi thông thường được tổ chức để tuyển dụng nguồn nhân sự mang tính chất nghiệp vụ hoặc những cán bộ ở tầm trung, còn kỳ thi chuyên môn được chia thành từng lĩnh vực chuyên môn hẹp nhằm tuyển dụng công chức chuyên môn để giám sát các tiêu chuẩn lao động. Sau khi đã đỗ ở kỳ thi tuyển công chức thông thường, các ứng viên có thể ứng tuyển vào bất cứ bộ nào nếu bộ đó có nhu cầu tuyển dụng. Những người đỗ các kỳ thi tổng hợp và muốn làm ở những cơ quan mang tính chuyên môn sẽ phải thi thêm kỳ thi chuyên môn của cơ quan đó. Đề thi cho các kỳ thi ở các bộ chuyên ngành là do Cơ quan Nhân sự quốc gia xây dựng. Trước đó, các ứng viên phải thi phỏng vấn theo đặc thù của từng bộ, do đó, các bộ có vai

trò rất lớn trong công tác tuyển dụng công chức ở Nhật Bản. Hiện nay, cơ quan bộ có thể thẳng thắn tiến cử, giới thiệu nhân sự, tự chủ trong tuyển dụng cán bộ. Cơ quan Nhân sự quốc gia có chức năng sàng lọc để tìm những người có năng lực thực sự phù hợp với công việc ở cơ quan hành chính thông qua việc tổ chức các kỳ thi đảm bảo tính minh bạch và công bằng, nhằm giúp các cơ quan hành chính tuyển dụng được những người có tố chất, có năng lực chuyên môn. Để thu hút nhiều người dự thi, Cơ quan Nhân sự thực hiện một loạt các hoạt động quảng cáo như tổ chức hội thảo ở Bộ Trung ương, thuyết trình về nội dung nghiệp vụ để thu hút nhân sự vào làm các việc thông thường ở các bộ khác nhau. Các nội dung liên quan đến các kỳ thi được quy định rõ trong một số điều khoản của Luật công chức Nhật Bản. Những hành vi vi phạm pháp luật trong tuyển dụng sẽ bị xử lý theo trách nhiệm hình sự. Đó là lý do cho đến nay mặc dù có một số trường hợp thị trưởng nhận hối lộ trong thi tuyển vào các cơ quan địa phương còn Cơ quan Nhân sự quốc gia chưa có trường hợp nào bị xử phạt vì vi phạm tổ chức kỳ thi.

b) Kinh nghiệm trong đào tạo, đánh giá cán bộ, công chức

Về đào tạo, Nhật Bản luôn chú trọng đào tạo cán bộ, công chức gắn với nâng cao trình độ và tăng cường trách nhiệm. Do đó, nội dung đào tạo công chức ở Nhật Bản không chỉ nhằm bổ sung kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc mà còn bổ sung những kiến thức mới về hành chính, kinh tế, chính trị của Nhật Bản và thế giới, và về đạo đức công chức. Đạo đức ở đây được hiểu là chí công vô tư, sự

thanh liêm và tinh thần trách nhiệm với các quy tắc ứng xử cụ thể như công chức phải làm việc công tâm, nhận thức rõ mình là đày tớ của dân; công chức không được lợi dụng công việc hay địa vị của mình để tư lợi; công chức không được hành xử làm mất uy tín và gây nghi ngờ trong dân; công chức cần phải luôn nỗ lực hết mình nhằm mục tiêu gia tăng lợi ích cộng đồng; công chức phải nhận thức được ứng xử của mình sẽ ảnh hưởng đến niềm tin về dịch vụ công trong dân chúng, vì vậy, ngay cả ngoài giờ làm việc cũng phải ứng xử đúng mực.

Để phát triển đội ngũ công chức có đẳng cấp quốc tế, có khả năng học hỏi những thành tựu, kinh nghiệm về giáo dục, đào tạo của các nước tiên tiến nhất trên thế giới, Nhật Bản còn cử công chức đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài với thời gian thường là 2 năm, chủ yếu là đào tạo thạc sĩ, từ năm 2012 bắt đầu cử cán bộ học chương trình tiến sĩ.

Nhật Bản cũng rất chú ý đến phương pháp đào tạo hướng tới phát huy năng lực sáng tạo của công chức. Không chỉ chú ý đào tạo công chức với nội dung toàn diện, những kiến thức mới, hiện đại nhất ở trong nước và trên thế giới, Nhật Bản còn tiến hành phương pháp đào tạo phù hợp với xu thế chung của giáo dục thế giới hiện nay cũng như với đối tượng công chức, đó là nhấn mạnh vào thảo luận nhóm, trao đổi quan điểm và trải nghiệm thực tế. Công chức là những người phải đạt trình độ năng lực nhất định thông qua việc vượt qua kỳ thi tuyển dụng, lại có kinh nghiệm thực tế nên phương pháp đào tạo công chức ở Nhật Bản không phải là sự áp đặt, thụ động, thuyết trình một chiều mà chú ý đến việc trau dồi khả

năng suy nghĩ, tư duy độc lập, sáng tạo của công chức cũng như khả năng học hỏi lẫn nhau thông qua thảo luận nhóm, trao đổi quan điểm. Trong chương trình đào tạo về đạo đức công chức, học viên sẽ có các tình huống để cùng nhau nghiên cứu, xem xét và thảo luận xem hành vi đạo đức nào có thể áp dụng trong thực tế. Hoặc trong chương trình đào tạo về các chính sách hành chính, học viên sẽ được xem xét trên nhiều phương diện những trường hợp về chính sách hành chính và thảo luận về các vấn đề chính sách hành chính mà các bộ và văn phòng Nội các gặp phải; học viên có thể phát triển quan điểm đa phương về việc họ nên hành động như thế nào với tư cách là công chức hành chính.

Ngoài ra ở Nhật Bản, đạo đức công chức là một nội dung được xem là rất quan trọng trong chất lượng của công chức. Đây chính là những đức tính cần thiết của một công chức Nhật Bản. Những phẩm chất này được nuôi dưỡng, phát huy bằng những cơ chế, phương pháp quản lý hành chính như chế độ thi tuyển công khai, công bằng và chỉ những người ưu tú mới được tuyển dụng vào làm công chức nhà nước nên họ được xã hội tôn trọng, tin tưởng, từ đó công chức có niềm tự hào với trọng trách do xã hội giao phó.

Với cách đào tạo như vậy nên Nhật Bản luôn xây dựng và duy trì được đội ngũ công chức làm việc chuyên nghiệp, có kỷ luật và trách nhiệm, có khả năng sáng tạo và thích ứng với mọi thay đổi của hoàn cảnh, đáp ứng được yêu cầu toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Về đánh giá công chức, Nhật Bản cũng rất chú trọng đến công tác đánh giá cán bộ, công chức, vừa để đo hiệu quả và

sức sống của nền hành chính, cũng là cách để giúp cho cơ quan quản lý nhân sự ở Nhật Bản nắm bắt được những yếu tố tác động đến năng lực và hiệu quả làm việc của công chức, từ đó có những tác động, điều chỉnh kịp thời để thúc đẩy tinh thần trách nhiệm và say mê công việc trong họ, nâng cao sức cạnh tranh của nhà nước với lĩnh vực tư ở Nhật Bản, thu hút và giữ chân những người vừa tài năng, vừa tâm huyết, vừa nghiêm túc, vừa trách nhiệm làm việc trong các cơ quan nhà nước.

c) Kinh nghiệm trong đãi ngộ cán bộ, công chức

Một chế độ đãi ngộ tốt với công chức vừa giúp các công chức đảm bảo cuộc sống, không chạy theo tham nhũng và hành vi bất hợp pháp, lại giúp nền hành chính giữ được nguồn nhân lực tốt trong hệ thống cơ quan nhà nước, vượt qua được thách thức cạnh tranh nhân lực giữa nhà nước và tư nhân. Chế độ đãi ngộ công chức của Nhật Bản được thể hiện ở chế độ tiền lương và chế độ thăng tiến.

Về chế độ tiền lương, ở Nhật Bản, lương công chức được ấn định trên cơ sở luật. Cơ quan Nhân sự quốc gia tiến hành khảo sát mức lương trung bình của khối tư nhân để ấn định mức lương của công chức cho phù hợp. Có ba mức lương khởi điểm cho ba đối tượng điển hình. Lương cho đối tượng tốt nghiệp cấp ba làm công việc thông thường thì lương khởi điểm là cấp 1 bậc 5 tức là khoảng 140.100 yên/tháng. Lương khởi điểm cho đối tượng có bằng đại học tương ứng lương cấp 1 ở bậc 25 được 172.200 yên/tháng. Lương khởi điểm cho đối tượng làm công việc tổng hợp, vị trí lãnh đạo cao hơn, kỳ thi

khó hơn tương ứng lương cấp 2, bậc 1 là 180.800 yên/tháng[1]. Ở mỗi vị trí, khoảng tiền lương khá là rộng chứ không nhất định, có một số trường hợp do họ không thăng tiến được lên bậc tiếp theo mà ở đỉnh cuối cùng họ vẫn nhận mức lương ngang bằng với mức giữa của vị trí cao hơn tiếp theo. Do đó, có thể có mức lương giống nhau ở hai chức vụ khác nhau. Nguyên tắc xây dựng chế độ tiền lương là những người ở vị trí cao hơn, nghĩa là đảm trách nhiều hơn, công việc khó khăn hơn, sẽ được trả lương cao hơn những vị trí thấp.

Về chế độ thăng tiến, chế độ công chức Nhật Bản là suốt đời. Các công chức sẽ thăng tiến tuần tự. Ngoài ra, còn có cơ chế cán bộ nguồn. Đời sống của công chức nhà nước Nhật Bản được đảm bảo suốt đời bằng các chế độ về nhà ở, lương bổng, hưu trí...

3. Một số nhận xét về chế độ công chức Nhật Bản và những giá trị tham khảo cho Việt Nam

Qua nghiên cứu mô hình công chức ở Nhật Bản, có thể nhận thấy, Nhật Bản đã rất khéo léo trong việc học tập mô hình kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới, nhất là các nước phương Tây nhưng lại biết kết hợp nhuần nhuyễn với các giá trị truyền thống Á Đông của Nhật Bản. Chính vì vậy, mô hình công chức Nhật Bản vừa tinh giản, gọn nhẹ, hiệu quả nhưng cũng vừa thể hiện được những giá trị truyền thống như lòng danh dự, trung thành, sự nhiệt

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, JICA: *Kinh nghiệm chính sách Nhật Bản*, *Sđd,* tr.66.

tình, cống hiến. Những hiện tượng tiêu cực hay phạm pháp trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức của Nhật Bản hiếm khi xảy ra. Từ kinh nghiệm phát triển đội ngũ công chức của Nhật Bản, có thể rút ra một số giá trị tham khảo trong công tác xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức Việt Nam như sau:

Một là, cần phân loại và xây dựng tiêu chuẩn các chức danh cụ thể cho từng loại công việc của công chức, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước theo nhu cầu phát triển của xã hội để làm cơ sở cho việc tuyển chọn, sử dụng, đánh giá thực hiện công việc của công chức và là chuẩn mực để công chức phấn đấu, rèn luyện.

Hai là, công khai nhu cầu và tiêu chí lựa chọn công chức, tạo điều kiện cho mọi người có cơ hội cạnh tranh công bằng. Tổ chức thi tuyển phải theo vị trí việc làm như đề án đã được phê duyệt. Việc tuyển dụng công chức không quá chú trọng đến bằng cấp và kiến thức quản lý nhà nước, mà cần quan tâm đến năng lực, kỹ năng xử lý vấn đề của người được tuyển dụng. Phần thi vấn đáp hoặc xử lý những tình huống cụ thể sẽ thể hiện khả năng phản ứng, tâm lý, kỹ năng làm việc nhóm, những điểm mạnh, điểm yếu phù hợp với vị trí tiếp nhận thay vì chỉ xoay quanh kết quả học tập của các ứng cử viên.

Ba là, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, kỹ năng và đạo đức của cán bộ, công chức. Đội ngũ công chức hành chính nhà nước sau khi được tuyển dụng vào cơ quan nhà nước phải được đào tạo, bồi dưỡng liên tục theo vị trí việc làm, được rèn luyện qua các

cương vị cần thiết trong thực tế thông qua việc luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác để tích lũy kinh nghiệm, có điều kiện tiếp cận những lĩnh vực mới, mở rộng hiểu biết và trải nghiệm thực tế để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ hiệu quả. Ngoài ra, cần chú trọng đến việc bồi dưỡng các kỹ năng, nhân cách đạo đức; nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công vụ nhằm phát triển toàn diện, đề cao trách nhiệm và nhiệm vụ của họ với tư cách là một thành viên công vụ.

Bốn là, cần khoa học và minh bạch hơn trong cách xác định chế độ tiền lương của cán bộ, công chức. Kinh nghiệm của Nhật Bản là xây dựng chế độ tiền lương cho cán bộ, công chức xuất phát từ điều tra thu nhập trung bình của xã hội trong lĩnh vực tư. Đây là một điều kiện và căn cứ quan trọng, khách quan để xác định chế độ tiền lương hợp lý cho cán bộ, công chức.

Năm là, rút ngắn nhiệm kỳ đối với công chức lãnh đạo; bộ máy nhà nước gọn nhẹ, giảm số lượng công chức nhất là công chức cấp cao theo kinh nghiệm của các nước đã thực hiện thành công. Cũng cần quan tâm, chú ý đến xu thế trẻ hóa, tri thức hóa, chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ quản lý vì đây là xu thế phù hợp với thời đại ngày nay, nhằm đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tuy nhiên cũng cần nhấn mạnh, tri thức hóa nhưng phải gắn chặt với chuyên môn hóa, nghĩa là động viên, khuyến khích học tập nâng cao trình độ nhưng phải học những nội dung thiết thực, phục vụ trực tiếp cho hoạt động chuyên môn của mình, tránh tình trạng lạm phát bằng cấp, học vị trong các cơ quan nhà nước.

Sáu là, tăng cường sự giám sát, phản biện của xã hội và người dân đối với các cán bộ, công chức, tăng áp lực cũng là tạo ra động lực đòi hỏi họ phải luôn cố gắng, phấn đấu để làm tốt hơn công việc của mình, tránh tình trạng trì trệ, quan liêu, làm cho bộ máy cồng kềnh mà hiệu quả hoạt động thấp. Việc duy trì chặt chẽ chế độ quản lý, giám sát, thưởng phạt nghiêm minh đối với công chức; kiểm tra, đánh giá công chức hằng năm một cách nghiêm túc, theo tiêu chuẩn cụ thể giúp phát hiện nhân tài để đề bạt, trọng dụng. Bên cạnh đó, cần khen thưởng kịp thời, thích đáng đối với những công chức làm việc hiệu quả, có sáng kiến trong thực thi công vụ, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, môi trường làm việc và quan tâm đến việc đưa vào quy hoạch những công chức có trình độ, năng lực.

Bảy là, xây dựng đội ngũ công chức liêm chính, tận tụy, trách nhiệm, trung thực với những cơ chế tuyển dụng, trọng dụng, đãi ngộ, đánh giá, kiểm tra, giám sát rõ ràng, minh bạch để công chức không thể, không dám và không muốn tham nhũng, tiêu cực, góp phần quan trọng trong việc ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống - một trong những nguyên nhân dẫn đến suy thoái về tư tưởng chính trị, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

Như vậy, có thể thấy Nhật Bản là quốc gia thành công trong việc xây dựng và phát triển được đội ngũ cán bộ công chức thực sự có tâm, có tầm và tài, liêm chính, trung thành, tận tâm phục vụ quốc gia. Họ làm việc vừa là trách nhiệm, vừa là niềm say mê, lại vừa là danh dự. Chính vì vậy, với một nền hành chính tinh giản, gọn nhẹ mà hiệu quả, mô hình công chức theo kiểu chức nghiệp lại có sự kết hợp những giá

trị hiện đại của các nước phương Tây, Nhật Bản thực sự xứng đáng là hình mẫu mà nhiều quốc gia châu Á cần tham khảo, học tập, trong đó có Việt Nam. Nghiên cứu mô hình công chức Nhật Bản giúp Việt Nam rút ra nhiều bài học kinh nghiệm có giá trị cả về nhận thức và thực tiễn cải cách nền hành chính quốc gia cũng như xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay.

TOÀN CẦU HÓA VÀ NGĂN NGỪA THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM

TS. NGUYỄN THỊ THẮM*

Đặt vấn đề

Theo Nghị quyết số 04-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, tham ô, tham nhũng là bảy trong chín biểu hiện suy thoái về đạo đức lối sống và là một trong hai bảy biểu hiện suy thoái "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ công chức, viên chức. Tham ô, tham nhũng theo định nghĩa của Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International) là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn là cán bộ, công chức, viên chức hoặc người làm việc ở lĩnh vực phi chính phủ lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để vụ lợi bất hợp pháp cho bản thân hoặc cho người khác có liên quan. Để ngăn chặn tham ô, tham nhũng đặc biệt là tham ô, tham nhũng trong lĩnh vực công là cán bộ, công chức, viên chức, có rất nhiều biện pháp và yếu tố khác nhau cả về chủ quan và khách quan và được huy động tùy theo điều kiện nhất định của mỗi chủ thể thực hiện. Bên cạnh dân chủ hóa, phân quyền, nâng cao ý thức đạo đức trách nhiệm của công

* Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

chức, tăng cường quản lý giám sát kiểm tra... thì toàn cầu hóa là một yếu tố tác động nhiều chiều đến tham ô, tham nhũng trên nhiều khía cạnh.

Toàn cầu hóa, theo Viện Nghiên cứu Kinh tế thuộc Trường đại học Bách khoa Zurich, Thụy Sĩ (Swiss Economic Institute, KOF) - nơi tiến hành điều tra mức độ toàn cầu hóa thế giới - là một quá trình xảy ra trên nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, tạo nên một mạng liên kết giữa các chủ thể hành vi đa dạng từ nhiều lục địa thông qua các trao đổi về con người, thông tin, ý tưởng, vốn, sản phẩm... vượt qua giới hạn lãnh thổ, làm tăng mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia. Nếu như chống tham ô, tham nhũng trong công chức dường như là một vấn đề hướng tới nội bộ của một quốc gia thì toàn cầu hóa như là một quá trình hướng ra bên ngoài quốc gia, tưởng như khó có thể tương tác với nhau, tuy nhiên, trên thực tế, toàn cầu hóa có mối quan hệ với việc ngăn ngừa tham ô, tham nhũng trên nhiều khía cạnh như cơ hội, mức độ, chủ thể tham ô, tham nhũng.

Mối quan hệ giữa toàn cầu hóa và tham nhũng

Toàn cầu hóa và cơ hội tham nhũng

Tăng cơ hội tham nhũng: Xu thế toàn cầu hóa về đầu tư, trao đổi thương mại, thông tin, nhân sự và sự luân chuyển các nguồn tài chính là yếu tố làm tăng cơ hội tham ô, tham nhũng. Hội nhập quốc tế tất yếu kéo theo sự mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác giữa các nước trên mọi lĩnh vực. Nhiều dự án trong nhiều lĩnh vực được triển khai bằng nguồn vốn nước ngoài, nhiều nhà đầu tư nước ngoài sẽ tham gia đầu tư tại nhiều quốc gia, các hợp đồng xuất khẩu được thực hiện với các đối tác nước ngoài... Các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư tại

các quốc gia khác, hoặc tìm kiếm các đơn hàng xuất nhập khẩu, để nhằm giành được các dự án lớn, thu lợi cao, thậm chí là trốn thuế có thể hối lộ những người có thẩm quyền ở nước sở tại. Điều này tạo điều kiện cho các cơ hội tham nhũng.

Giảm cơ hội tham nhũng: Toàn cầu hóa và hội nhập tạo điều kiện cho các nước có thể trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau về phòng, chống tham nhũng để áp dụng vào thực tiễn sở tại. Trong các giai đoạn trước đây, nhất là dưới thời kỳ Chiến tranh lạnh do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan mà mối quan hệ giữa các quốc gia chưa được mở rộng. Do đó công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng cũng như luật pháp phòng, chống tham nhũng ở các quốc gia ít có sự tham khảo và phối hợp lẫn nhau. Toàn cầu hóa và hội nhập đã giúp cho các quốc gia có thể tham khảo, nghiên cứu để đưa ra được các cơ chế quản lý, giám sát chặt chẽ, hợp lý hơn nhằm hạn chế các cơ hội tham nhũng xảy ra trong các lĩnh vực của quốc gia mình

Toàn cầu hóa và phạm vi, mức độ tham nhũng

Tăng phạm vi, mức độ tham nhũng: Cùng với quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trên mọi lĩnh vực đã tạo điều kiện cho tội phạm tham nhũng có điều kiện liên kết với nhau trên phạm vi khu vực và toàn cầu như tội phạm có tổ chức, tội phạm kinh tế, tội phạm rửa tiền... Nguồn tiền tham nhũng được gửi sang quốc gia khác hoặc được đầu tư ở nước ngoài nhằm hợp pháp hóa nguồn tiền đó làm cho việc phát hiện nguồn tiền tham nhũng và đấu tranh ngăn chặn tham nhũng trở nên hết sức khó khăn. Cũng vì thế mà mức độ tham nhũng tăng thêm không chỉ về quy mô của lượng tiền của tham nhũng mà còn kéo dài về mặt thời gian gây ảnh hưởng nghiêm trọng hơn.

Giảm phạm vi mức độ tham nhũng: Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã làm cho quan hệ giữa các quốc gia ngày càng mở rộng, các quốc gia ngày càng có sự tương đồng với nhau hơn về chính sách, quy định pháp luật, văn hóa chính trị. Trong thời đại toàn cầu hóa, xu hướng hội nhập quốc tế đã thúc đẩy các quốc gia gạt bỏ những điểm còn mâu thuẫn, chưa thống nhất và cùng đề ra những quy định, những điều khoản chung trên bình diện quốc tế để phòng, chống tham nhũng. Cho đến nay, trên bình diện quốc tế và khu vực đã có nhiều công ước quy định về các vấn đề liên quan tới tham nhũng và phòng, chống tham nhũng như Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng, Công ước Chống hối lộ công chức nước ngoài trong giao dịch kinh doanh quốc tế[1]... Các tổ chức quốc tế và khu vực như WTO, OECD, WB, IMF, ADB, TI... cũng rất nỗ lực trong việc kết nối, hợp tác ngăn ngừa tham nhũng trên quy mô toàn thế giới.

Toàn cầu hóa và chủ thể tham nhũng

Đa dạng hóa chủ thể tham nhũng: Toàn cầu hóa thúc đẩy dân chủ hóa và tăng cường sự tham gia của nhiều thành phần xã hội trong mọi lĩnh vực và quá trình phân quyền diễn ra cũng mạnh mẽ hơn. Do đó, quyền lực ngày càng được chia sẻ nhiều hơn từ các cán bộ, công chức, viên chức trong lĩnh vực công sang các lĩnh vực tư nhân. Chủ thể tham nhũng, tham ô không chỉ tập trung ở các chủ thể có quyền lực làm việc trong chính phủ nhà nước mà còn trong các lĩnh vực tư nhân, phi chính phủ. Đồng thời, chủ thể

1. Xem Phạm Ngọc Hiền - Phạm Anh Tuấn: *Hỏi - Đáp về phòng, chống tham nhũng,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

tham ô, tham nhũng không chỉ là người nhận mà còn là người cho (hối lộ), ban đầu chỉ tồn tại ở các nước phát triển, sau dần dần được lan tỏa sang các nước đang phát triển thông qua quá trình toàn cầu hóa.

Hạn chế số chủ thể tham nhũng: Toàn cầu hóa gia tăng sự trao đổi giao lưu quốc tế nên sự giám sát, kiểm tra đối với các chủ thể tham nhũng trở nên đa dạng hơn không chỉ ở trong nước mà còn ở nước ngoài, không chỉ giám sát từ công dân, tổ chức trong nước mà còn từ công dân, tổ chức nước ngoài, không chỉ trực tiếp mà còn gián tiếp qua các phương tiện thông tin truyền thông, mạng xã hội ngày càng phát triển trong thời đại toàn cầu hóa. Sự đa dạng hóa các kênh giám sát, phát hiện tham nhũng ở mỗi quốc gia góp phần làm hạn chế số lượng chủ thể tham nhũng.

Toàn cầu hóa và công tác ngăn ngừa tham nhũng ở Việt Nam

Ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với tham ô, tham nhũng cũng như công tác ngăn ngừa nó diễn ra trên nhiều chiều cả tiêu cực lẫn tích cực. Rất khó để nói toàn cầu hóa có ảnh hưởng tích cực hơn tiêu cực hoặc ngược lại. Đối với các nước châu Á và Việt Nam, các nghiên cứu định lượng đã cho thấy toàn cầu hóa có ảnh hưởng tích cực tới công tác ngăn ngừa tham nhũng. Nghiên cứu của Lee Sang Hwan (Hàn Quốc) đã cho thấy mối quan hệ giữa chỉ số toàn cầu hóa và chỉ số chống tham nhũng (mức độ minh bạch) tại các quốc gia châu Á theo hướng thuận. Đó là chỉ số toàn cầu hóa càng cao thì mức độ minh bạch tại các quốc gia này cũng càng cao. Mức độ quan hệ giữa toàn cầu hóa và mức độ minh bạch ở các quốc gia châu Á

đạt 0.81 điểm, một điểm số khá cao[1]. Điều này cho thấy khi toàn cầu hóa được đẩy mạnh thì công tác chống tham nhũng càng thuận lợi và hiệu quả, nâng cao được mức độ minh bạch tại các quốc gia châu Á, trong đó có Việt Nam.

Trên thực tế, từ thập niên 1990, mức độ toàn cầu hóa của Việt Nam bắt đầu tăng nhanh hơn và có sự tăng mạnh mẽ trong thập niên 2010. Đặc biệt năm 2014, chỉ số toàn cầu hóa của Việt Nam đã vượt qua mức điểm trung bình, gần 60/100 điểm. Thứ hạng chỉ số toàn cầu hóa của Việt Nam đã tăng 30 bậc, lên vị trí 89, trong bảng xếp hạng gồm 187 quốc gia. Chỉ số toàn cầu hóa (KOF) được tính toán theo 23 tiêu chí trong ba chỉ số chính về kinh tế, chính trị và xã hội.

Chỉ số toàn cầu hóa của Việt Nam (1970-2014)

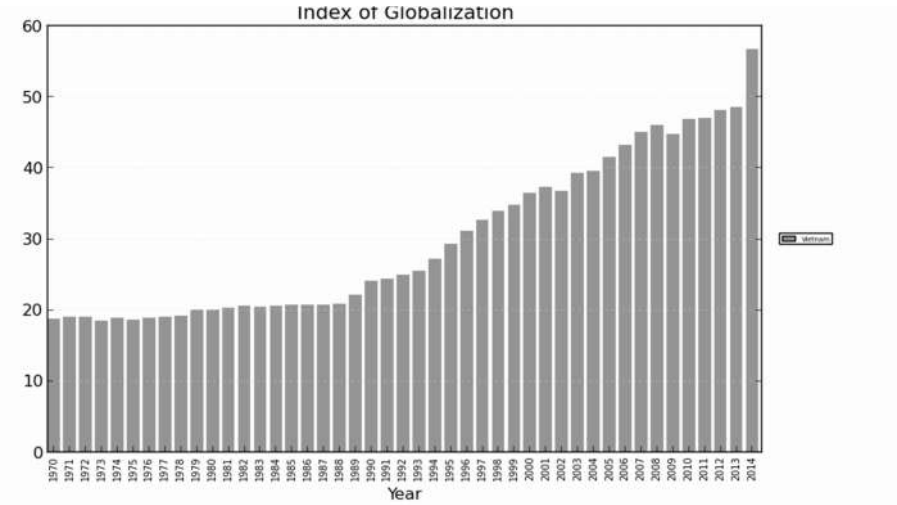

Nguồn: KOF, Query Index - Vietnam.

1. Lee Sang Hwan: *Thực trạng và triển vọng của việc chống tham nhũng ở các quốc gia châu Á: Phân tích mối quan hệ giữa Toàn cầu hóa, dân chủ hóa với chống tham nhũng,* (아시아 국가들의 반부패 현황과 전망: 세계화, 민주화, 반부패 간 상관관계에 대한 경험적 분석을 중심으로), 한국정치외교사논총, 한국정치외교사학회, 2008, Vol.29, No.2, p.427.

Với những tín hiệu tích cực trong mức độ toàn cầu hóa, chỉ số tham nhũng (CPI) của Việt Nam cũng đang có những chuyển biến rõ nét. Mức độ minh bạch của Việt Nam đã tăng từ 2,5 điểm năm 2000 lên 2,7 điểm năm 2010, tăng 0,2 điểm trong vòng 10 năm. Tuy nhiên, chỉ trong vòng 5 năm, mức độ minh bạch của Việt Nam đã tăng khoảng 0,4 điểm ở thang điểm 10 và đã đạt 31 điểm ở thang điểm 100 năm 2014, năm 2015. Sau 1 năm, năm 2016, Việt Nam đã tăng thêm 2 điểm về mức độ minh bạch với 33 điểm. Thứ hạng quốc tế về mức độ minh bạch của Việt Nam đã tăng 2 bậc so với năm 2015 và 6 bậc so với năm 2014.

Chỉ số tham nhũng (CPI) của Việt Nam (2000-2016)

Phân loại	2000	2005	2010	2014	2015	2016
Thứ hạng	76/90	107/158	116/178	119/174	111/167	113/176
Điểm số	2,5/10	2,6/10	2,7/10	31/100	31/100	33/100

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra các năm của TI, https://www.transparency.org.

Để định lượng được sự tác động tích cực của toàn cầu hóa đến việc ngăn ngừa tham nhũng ở Việt Nam cần có thêm thời gian và nghiên cứu định lượng cụ thể và chính xác hơn nữa. Tuy nhiên, tác động tích cực của toàn cầu hóa đối với sự hạn chế tham nhũng, tăng sự minh bạch ở Việt Nam là không thể phủ nhận. Do đó, tăng cường giao lưu, trao đổi, hợp tác quốc tế trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội là một việc làm cần thiết trong việc ngăn ngừa tham ô, tham nhũng đối với cán bộ, công chức, viên chức ở Việt Nam.

Đặc biệt, để tăng cường mức độ toàn cầu hóa của Việt Nam, cần chú trọng hơn nữa việc giao lưu, trao đổi, hợp tác

trong lĩnh vực văn hóa xã hội. Năm 2014, chỉ số toàn cầu hóa KOF bao gồm chỉ số toàn cầu hóa kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam đã có một mức tăng ấn tượng. Trong đó, mức tăng vượt bậc của chỉ số toàn cầu hóa về chính trị từ hơn 50 điểm lên tới hơn 70 điểm trong thang điểm 100; tiếp theo là chỉ số toàn cầu hóa về xã hội của Việt Nam từ dưới 35 điểm đã tăng lên trên 40 điểm; mức tăng của chỉ số toàn cầu hóa về kinh tế ở Việt Nam tăng đều đặn từ thập niên 1980 đến nay và đạt trên 60 điểm năm 2014. Như vậy, chỉ số toàn cầu hóa về kinh tế và chính trị của Việt Nam đã vượt qua mức điểm trung bình trong thang điểm. Chỉ riêng chỉ số toàn cầu hóa về xã hội mặc dù có mức tăng đều đặn trong những thập niên qua và có mức tăng nhanh hơn trong năm 2014 nhưng chỉ đạt hơn 40 điểm và chưa đạt được mức trung bình trong thang điểm đánh giá.

Chỉ số toàn cầu hóa về xã hội của Việt Nam (1970-2014)

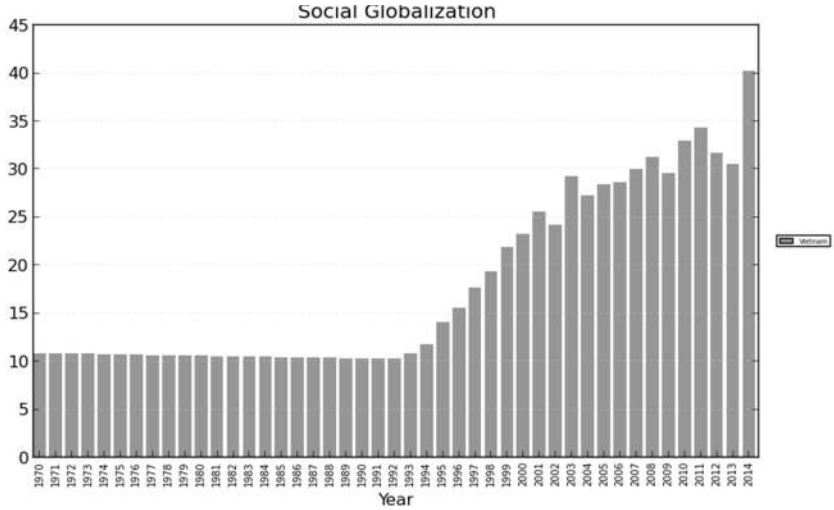

Nguồn: KOF, Query Index - Vietnam.

Chỉ số toàn cầu hóa về xã hội theo KOF bao gồm chỉ số liên lạc cá nhân như đường truyền điện thoại, đi lại, du lịch quốc tế, số người nước ngoài tính tỷ lệ với dân số, thư tín quốc tế; chỉ số lưu lượng thông tin gồm số người sử dụng internet, tivi, kinh doanh báo chí; chỉ số hội nhập văn hóa gồm số nhà hàng McDonald, số cửa hàng nội thất Ikea, kinh doanh sách[1]. Để tăng chỉ số toàn cầu hóa về xã hội, Việt Nam cần quan tâm hơn đến các công tác đẩy mạnh giao tiếp, trao đổi quốc tế về con người, thông tin, tri thức, văn hóa, lối sống...

*

* *

Tham ô, tham nhũng là một hành vi tiêu cực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Do vậy cần phải có các biện pháp hiệu quả ngăn ngừa, giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến vận hành bộ máy nhà nước, sự phát triển của quốc gia. Bên cạnh các biện pháp về mặt tổ chức như phân quyền, nâng cao ý thức đạo đức trách nhiệm của công chức, tăng cường quản lý, giám sát, kiểm tra... thì thúc đẩy toàn cầu hóa cũng là một yếu tố cần quan tâm ở các quốc gia châu Á cũng như ở Việt Nam. Toàn cầu hóa có tác động vừa tích cực, vừa tiêu cực đến đến tham ô, tham nhũng trên nhiều khía cạnh, nhưng ở Việt Nam và các quốc gia châu Á, toàn cầu hóa được ghi nhận có tác động tích cực đến việc hạn chế tham ô, tham nhũng, tăng mức độ minh bạch. Chỉ số toàn cầu hóa của Việt Nam trong những năm gần đây đã có mức tăng vượt bậc cho phép chúng ta có thể tin tưởng trong thời gian

1. KOF, Indices and Variables, http://globalization.kof.ethz.ch/.

tới hiệu quả của công tác ngăn ngừa tham nhũng sẽ được nâng cao. Tuy nhiên, bên cạnh mức độ toàn cầu hóa kinh tế và chính trị của Việt Nam đã vượt mức trung bình thì toàn cầu hóa về văn hóa xã hội vẫn còn ở mức thấp. Trong thời gian tới, Việt Nam cần quan tâm hơn đến việc tăng cường giao lưu, trao đổi quốc tế về con người, tri thức, thông tin, văn hóa và mở rộng sự tham gia của xã hội trong nước cũng như xã hội toàn cầu vào công tác ngăn ngừa tham nhũng, trước hết là trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và sau đó là mở rộng ra các đối tượng khác trong toàn xã hội.

MỤC LỤC

Trang

Lời Nhà xuất bản 5

- Cơ sở khoa học về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức ở Việt Nam (Đề dẫn hội thảo) 7

PGS. TS. Phạm Minh Chính

Phần thứ nhất

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC Ở VIỆT NAM 17

- Tiếp cận và khung phân tích về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" 19

PGS. TS. Vũ Thanh Sơn

- Một số vấn đề lý luận về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" 29

TS. Lê Quang Hoan

- Nhận thức về bản chất, hình thức biểu hiện và nguyên nhân suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên 48

PGS. TS. Trần Quốc Toản

- Nội hàm khái niệm "suy thoái về tư tưởng chính trị", "suy thoái về đạo đức, lối sống", biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" và mối quan hệ giữa chúng 67

PGS. TS. Nguyễn Minh Tuấn

- Nhận thức các phạm trù cơ bản về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" 81

ThS. Lê Thị Phượng

- "Tự diễn biến - tự chuyển hóa" - phác thảo một lộ trình khái niệm từ lý thuyết kinh điển đến thực tiễn chính trị hiện đại 92

TS. Trương Minh Huy Vũ

- "Suy thoái tư tưởng chính trị", "tự diễn biến": khuôn khổ nào cho sự phân tích? 106

TS. Ngô Huy Đức

- Một số vấn đề về "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" 119

TS. Quản Minh Cường

- Ngăn chặn, đẩy lùi "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" - từ góc độ "tha hóa" 136

PGS. TS. Nguyễn Vĩnh Thanh

TS. Vũ Văn Hậu

- Tham nhũng quyền lực - nhìn nhận từ góc độ tổ chức bộ máy 145

TS. Nguyễn Tài Đức

- Bản chất suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tiêu chí đánh giá mức độ ngăn chặn,

đẩy lùi suy thoái trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên hiện nay 163

PGS. TS. Vũ Văn Phúc

- Một số tiêu chí đánh giá việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" 184

TS. Trần Thị Minh

Phần thứ hai

NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SỰ SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG GẮN VỚI PHÒNG, CHỐNG "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC Ở VIỆT NAM: CĂN NGUYÊN, YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA 193

- Xây dựng Đảng về đạo đức nhằm phòng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", nâng cao sức mạnh, trách nhiệm và uy tín cầm quyền của Đảng hiện nay 195

Nguyễn Thanh Bình

- Tiếp thu tư tưởng Hồ Chí Minh về đánh giá cán bộ góp phần thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII 205

ThS. Mai Văn Chính

- Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách góp phần quan trọng vào ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ 218

PGS. TS. Đoàn Minh Huấn

- Tiêu chí về đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở Việt Nam 238

PGS. TS. Vũ Trọng Lâm

- Nhận diện, phòng ngừa, ngăn chặn và tẩy trừ sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng 260

TS. Nhị Lê

- Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở Việt Nam 279

Trung tướng, GS. TS. Nguyễn Văn Ngọc

- Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở Việt Nam hiện nay 293

GS. TS. Trần Văn Phòng

- Nguyên nhân dẫn đến suy thoái trong nội bộ Đảng 305

Nguyễn Đình Hương

- Một số căn nguyên của hạn chế, yếu kém trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên ở nước ta 311

TS. Phạm Văn Thuần

- Các căn nguyên của hạn chế, yếu kém trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở Việt Nam 324

TS. Trịnh Quang Bắc

- Nguyên nhân của hạn chế và những vấn đề đặt ra trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong Đảng hiện nay 336

PGS. TS. Ngô Đình Xây

- Những yếu tố tác động đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" 348

PGS. TS. Vũ Như Khôi

- Những yếu tố tác động đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" 359

PGS. TS. Trương Thị Hồng Hà

- Các yếu tố tác động đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" 376

ThS. Bùi Văn Tiếng

- Cơ sở thực tiễn về ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở Việt Nam 387

TS. Nguyễn Thanh Bình

- Về suy thoái: Nguyên nhân và giải pháp 399

TS. Vũ Ngọc Hoàng

- Một số vấn đề về ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" của tổ chức và cá nhân hiện nay 410

ThS. Cao Văn Thống

- "Tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, công chức, viên chức ở nước ta hiện nay - bước đầu nhận diện và giải pháp phòng, chống 425

Thiếu tướng, PGS. TS. Nguyễn Vĩnh Thắng

- Một số nguyên nhân của nạn "chạy chức, chạy quyền", suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay và giải pháp khắc phục 437

PGS. TS. Lê Kim Việt

- Một số hạn chế cần khắc phục trong công tác giáo dục lý luận chính trị dẫn đến tình trạng suy thoái về đạo đức trong cán bộ, đảng viên hiện nay 447

ThS. Trần Thanh Tùng

Phần thứ ba

MỘT SỐ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ LIÊN QUAN 457

- Kinh nghiệm của Hàn Quốc về phòng, chống tham nhũng; xây dựng đội ngũ công chức có đạo đức công vụ, trách nhiệm, liêm chính 459

TS. Hà Ban

- Kinh nghiệm ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức trong đội ngũ cán bộ, công chức của một số quốc gia trên thế giới - bài học cho Việt Nam 471

PGS. TS. Phạm Minh Tuấn

- Kinh nghiệm Trung Quốc về phát triển đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính, trách nhiệm và chuyên nghiệp 491

PGS. TS. Lưu Văn An

TS. Phạm Thị Hoa

- Xây dựng đạo đức công vụ - thực tiễn của một số nước và gợi ý đối với Việt Nam hiện nay 502

PGS. TS. Nguyễn Quốc Dũng

- Đánh giá đạo đức cán bộ: phương pháp, kinh nghiệm và hàm ý đối với công tác đấu tranh phòng, chống suy thoái đạo đức ở Việt Nam 516

TS. Nguyễn Trọng Hòa

- Kinh nghiệm Nhật Bản về phát triển đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính, trách nhiệm và chuyên nghiệp 543

TS. Lê Thị Thu Hằng

- Toàn cầu hóa và ngăn ngừa tham nhũng ở Việt Nam 555

TS. Nguyễn Thị Thắm

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222 , Email: suthat@nxbctqg.vn , Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

NGUYỄN PHÚ TRỌNG

- **XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG LÀ NHIỆM VỤ THEN CHỐT ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC**

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

- **PHÊ PHÁN CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG, CƯƠNG LĨNH, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

- **PHÊ PHÁN CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, XUYÊN TẠC CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, NHỮNG BIỂU HIỆN "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" VỀ CHÍNH TRỊ TRONG ĐẢNG**

PGS.TS.NGND. NGUYỄN BÁ DƯƠNG

- **PHÒNG, CHỐNG "DIỄN BIẾN HÒA BÌNH" Ở VIỆT NAM – MỆNH LỆNH CỦA CUỘC SỐNG**

ISBN 978-604-57-3665-6
9 786045 736654
8935211197640

SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẶT HÀNG